

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**

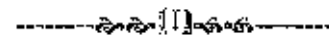


**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ ĐÔ THỊ**

(KHÓA 63)

HÀ NỘI, 2021

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ ĐÔ THỊ**

(KHÓA 63)

HÀ NỘI, 2021

Số: 1344/QĐ-ĐHKQTĐ

Hà Nội, ngày 05 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo, trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy áp dụng từ khóa 63 (tuyển sinh năm 2021)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 17 tháng 03 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thi điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân giai đoạn 2015-2017 và Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 10 năm 2017;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành quy định và quy trình cập nhật và tổ chức đánh giá chương trình đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 78/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 22/02/2021 của Hiệu trưởng về việc thành lập Ban chỉ đạo, Ban thư ký và các tiểu ban chuyên môn rà soát, đánh giá và cập nhật các chương trình đào tạo trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân;

Căn cứ đề xuất của các Khoa, Viện đào tạo và Biên bản thông qua các chương trình đào tạo cập nhật năm 2021 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường tại cuộc họp ngày 15 tháng 7 năm 2021;

Xét đề nghị của Trường phòng Quản lý đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này 39 chương trình đào tạo trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy áp dụng từ khóa 63 tuyển sinh năm 2021 của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân:

(có chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)



Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trường phòng Quản lý đào tạo, Trường khoa, Viện trường, Trường bộ môn, Trường các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.


Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để b/cáo);
- Đảng ủy, HĐT (để b/cáo);
- BGH (để c/đạo);
- Như Điều 3;
- Công TTĐT Trường (để t/báo);
- Lưu P.TH, P.QLĐT.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS Phạm Hồng Chương



BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 1345/QĐ-ĐHKTQĐ ngày 26 tháng 7 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân)

1. THÔNG TIN CHUNG

CHƯƠNG TRÌNH/PROGRAMME: TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO/LEVEL OF EDUCATION:	CỬ NHÂN KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ ĐÔ THỊ /BACHELOR OF URBAN ECONOMICS AND MANAGEMENT ĐẠI HỌC/UNDERGRADUATE
NGÀNH ĐÀO TẠO/MAJOR:	KINH TẾ (ECONOMICS)
MÃ NGÀNH/CODE:	7310101
HÌNH THỨC ĐÀO TẠO/TYPE OF EDUCATION:	CHÍNH QUY/Full - Time
NGÔN NGỮ ĐÀO TẠO/LANGUAGE	TIẾNG VIỆT/VIETNAMESE
THỜI GIAN ĐÀO TẠO/DURATION TIME	4 NĂM/ 4 YEARS

2. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ ĐỊNH HƯỚNG NƠI LÀM VIỆC SAU TỐT NGHIỆP

2.1. Mục tiêu đào tạo

Mã hóa (Code)	Mục tiêu (Objectives)	Mô tả (Description)
PG1	Về kiến thức: Có đủ kiến thức để phân tích, dự báo, đánh giá, lập kế hoạch và thực thi các công việc thuộc chuyên môn kinh tế và quản lý đô thị.	Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kinh tế (Chuyên sâu Kinh tế và Quản lý đô thị) hướng tới mục tiêu đào tạo cử nhân Kinh tế có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm với xã hội; nắm vững các kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội - môi trường, quản lý và quản trị kinh doanh; có các kiến thức chuyên sâu về kinh tế và quản lý đô thị trong bối cảnh toàn cầu hóa, có bản lĩnh nghề nghiệp vững vàng và khả năng làm việc độc lập; có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, tổng hợp ý kiến tập thể và sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề trong Kinh tế và Quản lý đô thị; có năng lực tự bổ sung kiến thức và tiếp tục học tập nâng cao trình độ để đáp ứng yêu cầu của công việc.
PG2	Về kỹ năng: Có khả năng	Có thể giao tiếp chuyên môn bằng cả văn bản và giao

Mã hóa (Code)	Mục tiêu (Objectives)	Mô tả (Description)
	năng giao tiếp tốt với người khác. Có thể đọc hiểu các tài liệu chuyên môn bằng tiếng Anh. Có kỹ năng làm việc nhóm. Sử dụng máy tính thành thạo để thực hiện các nhiệm vụ văn phòng và chuyên môn kinh tế và quản lý đô thị.	tiếp thông thường Có thể đọc hiểu các tài liệu chuyên môn bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh Có thể sử dụng thành thạo các phần mềm văn phòng thông dụng và sử dụng được một vài phần mềm chuyên dụng như ArcGIS... Có kỹ năng sử dụng máy tính để tìm kiếm thông tin và làm việc trong môi trường internet Có khả năng làm việc độc lập dưới áp lực công việc Có khả năng phối hợp, thích ứng nhanh với các nhiệm vụ cụ thể thuộc chuyên môn kinh tế và quản lý đô thị.
PG3	Về năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm: Có đủ năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm với các công việc mình đảm trách trong khuôn khổ tuân thủ các quy định, quy tắc và định hướng chung.	Có chính kiến và nhận thức chính trị cân bằng, ổn định. Biết tuân thủ quy tắc, quy định của cơ quan, tổ chức, địa phương và các quy định của luật pháp. Có sức khỏe và có đủ năng lực tự học tập, nghiên cứu bồi dưỡng để nâng cao trình độ và có khả năng trở thành công dân toàn cầu. Có tinh thần và nhận thức đúng đắn về trách nhiệm. Có ý thức thực thi đầy đủ trách nhiệm công dân và trách nhiệm được giao phó trong mỗi nhiệm vụ được giao.

2.2. Về nơi làm việc sau khi tốt nghiệp

Cử nhân Kinh tế - chuyên sâu Kinh tế và Quản lý đô thị có thể làm việc tại: (1) Cơ quan quản lý Nhà nước cấp Trung ương: Bộ Xây dựng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Cục Phát triển đô thị, Cục Quản lý nhà và thị trường bất động sản; (2) Cơ quan quản lý Nhà nước về đô thị cấp địa phương: UBND tỉnh/thành phố/ quận, huyện, thị xã, Sở Xây dựng, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban quản lý dự án, Phòng Quản lý đô thị; (3) Các doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế đầu tư, phát triển các khu đô thị mới, cơ sở hạ tầng đô thị, cung cấp dịch vụ đô thị, khu công nghiệp; (4) Các tổ chức tư vấn chính sách, tư vấn phát triển đô thị, quy hoạch, tổ chức không gian sống trong đô thị; (5) Các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ, các dự án liên quan đến các vấn đề kinh tế - xã hội, quản lý và phát triển đô thị. (6) Các viện nghiên cứu, trường đại học đào tạo về kinh tế và quản lý đô thị.

3. CHUẨN ĐẦU RA

CDR	Mô tả	Mã CDR
-----	-------	--------

CDR	Mô tả	Mã CDR
	Người học có kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội - môi trường, quản lý và quản trị kinh doanh; có kiến thức chuyên sâu về kinh tế và quản lý đô thị và nguyên lý hoạt động của doanh nghiệp/tổ chức và hộ gia đình ở đô thị; hiểu được yêu cầu phối hợp giữa các bên liên quan để đạt được mục tiêu của doanh nghiệp/tổ chức và hộ gia đình ở đô thị; có khả năng tích hợp kiến thức nền tảng để phát hiện vấn đề trong hoạt động của doanh nghiệp/tổ chức và hộ gia đình ở đô thị.	CDR1
	Người học nắm vững các nguyên tắc và quy trình xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển đô thị; có khả năng vận dụng vào các lĩnh vực hoặc thị trường đặc thù; có khả năng ứng dụng kiến thức kinh tế và quản lý đô thị vào phân tích tình huống cụ thể, đề xuất giải pháp phù hợp bất kịp với những tình huống ngoài dự tính thuộc lĩnh vực đô thị; nghiên cứu thị trường nhà ở đô thị; tác nghiệp giao thông; ô nhiễm môi trường đô thị; nghèo đói đô thị; thất nghiệp đô thị....	CDR2
Chuẩn đầu ra về kiến thức	Người học có khả năng thể hiện hiểu biết về môi trường kinh doanh trong nước, quốc tế; phân tích được ảnh hưởng của toàn cầu hóa tới hoạt động của các doanh nghiệp, hộ gia đình và chính quyền ở đô thị và đề xuất được các giải pháp phát triển trong môi trường toàn cầu; nhận thức được ảnh hưởng của CMCN4.0 tới hoạt động kinh doanh và phát triển đô thị, từ đó, vận dụng được các công cụ quản lý đô thị nhằm thích ứng với CMCN4.0	CDR3
	Người học có nhận thức, hiểu biết về Chủ nghĩa xã hội khoa học, về Đảng Cộng sản Việt Nam, về tư tưởng Hồ Chí Minh và có khả năng lĩnh hội, tuân thủ tư tưởng Hồ Chí Minh dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.	CDR4
	Người học hiểu được thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và ứng dụng trong học tập, nghiên cứu và học tập các môn học khác và các tri thức của nhân loại vào đời sống thực tiễn trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay.	CDR5
Chuẩn đầu ra về kỹ năng	Người học có khả năng làm chủ kỹ thuật công nghệ cần thiết, logic và các kỹ thuật phân tích định tính và định lượng, sử dụng các mô hình toán học cơ bản để phân tích, diễn giải dữ liệu về môi trường kinh doanh, hành vi khách hàng, về kết quả hoạt động của doanh nghiệp và chính quyền đô thị bằng kiến thức chuyên môn khoa học; từ đó đưa ra định hướng, giải pháp nhằm cải thiện kết quả	CDR6

CDR	Mô tả	Mã CDR
	hoạt động của tổ chức/doanh nghiệp và hộ gia đình ở đô thị.	
	Người học có khả năng tích hợp kiến thức và kỹ năng để phân tích hiện tượng, phát hiện vấn đề trong lĩnh vực đô thị; xác định nguyên nhân của vấn đề trong một tổ chức/doanh nghiệp cụ thể. Có khả năng tự học tập, tự nghiên cứu, tích lũy kinh nghiệm để tiếp tục học cao hơn.	CDR7
	Người học có khả năng ứng dụng kiến thức được học để giải quyết vấn đề ở đô thị trong những tình huống cụ thể, đưa ra giải pháp cho các sự việc/vấn đề ngoài dự tính; có kỹ năng thực hành thẩm định giá đất và nhà ở đô thị.	CDR8
	Người học có kỹ năng giao tiếp bằng văn bản; viết báo cáo và thuyết trình chuyên môn liên quan tới kế hoạch, chiến lược và thực thi các mảng hoạt động được giao.	CDR9
	Người học có kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng làm việc nhóm năng động và đa dạng; Người học có đủ sức khỏe và có những kiến thức cơ bản về giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng theo yêu cầu của Thông tư số 31/2012/TT-BGD & ĐT ngày 12.9.2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.	CDR10
CDR Tin học	Chuẩn đầu ra tin học (chứng chỉ tin học quốc tế MOS/IC3/ICLD) theo Quyết định số 785/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 21/4/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.	CDR11
CDR Ngoại ngữ	Chuẩn đầu ra ngoại ngữ (chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS 5.5 và tương đương) theo Quyết định số 785/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 21/4/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.	CDR12
Chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm	Người học có hiểu biết về pháp luật, yêu cầu tuân thủ pháp luật và có khả năng vận dụng vào thực tiễn trong cuộc sống cũng như trong công việc; tuân thủ các quy định của đơn vị, tổ chức; thích ứng với bối cảnh toàn cầu hóa và CMCN4.0; có đạo đức, trách nhiệm với công việc.	CDR13

4. TIÊU CHÍ TUYỂN SINH

Theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh đại học hệ chính quy của Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

5.1. Quy trình đào tạo

Quy trình đào tạo theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân bậc đại học hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Kế hoạch đào tạo chuẩn là 04 năm, sinh viên có thể tốt nghiệp sớm hoặc muộn theo quy định.

5.2. Điều kiện tốt nghiệp và cấp bằng (theo Thông tư 08/2021)

i. Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp có đủ các điều kiện sau:

a) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học của chương trình đào tạo;

b) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;

c) Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng – An ninh và hoàn thành học phần Giáo dục thể chất;

d) Hoàn thành “Tuần sinh hoạt công dân – sinh viên” và đạt điểm đánh giá rèn luyện theo quy định đối với sinh viên đại học chính quy;

e) Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

ii. Sinh viên có quyết định công nhận tốt nghiệp và được cấp bằng trong thời hạn 03 tháng tính từ thời điểm sinh viên đáp ứng đầy đủ điều kiện tốt nghiệp và hoàn thành nghĩa vụ học phí, lệ phí theo quy định.

6. CẤU TRÚC CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

6.1. Cấu trúc cơ bản

Bảng 1. Các khối kiến thức trong CTĐT

Kiến thức	Số TC	Ghi chú
1. Kiến thức giáo dục đại cương	44	
1.1. Các học phần chung	20	Khoa học chính trị và Ngoại ngữ
1.2. Các học phần của Trường	12	04 học phần chung của Trường
1.3. Các học phần của ngành	12	04 học phần chung của lĩnh vực
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	84	
2.1. Kiến thức cơ sở ngành	15	05 HP chung của nhóm ngành
2.2. Kiến thức ngành	41	
2.2.1. Các học phần bắt buộc	26	
2.2.2. Các học phần tự chọn	15	SV tự chọn 15 tín chỉ (5 học phần)
2.3. Kiến thức chuyên sâu	18	SV tự chọn 18 tín chỉ (6 học phần)
2.4. Khóa luận tốt nghiệp	10	
TỔNG SỐ	128	Không kể GDQP & AN và GDTC

6.2. Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy

- Nội dung cần đạt được, khối lượng kiến thức (Lý thuyết/Thảo luận/Thực hành/ Tự học) của từng học phần trong chương trình được mô tả ở đề cương chi tiết mỗi học phần.

- Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy (dự kiến 04 năm/08 học kỳ, mỗi kỳ 12-18 tín chỉ) được mô tả theo bảng dưới đây:

Bảng 2. Nội dung và kế hoạch giảng dạy

STT	Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Kinh tế-chuyên sâu Kinh tế và quản lý đô thị)		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
	1. Kiến thức giáo dục đại cương			44		
	<i>1.1. Các học phần chung</i>			20		
1	1	Triết học Mác - Lênin Marxist-Leninist Philosophy	LLNL1105	3	I	
2	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin Political Economics of Marxism and Leninism	LLNL1106	2	II	
3	3	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific Socialism	LLNL1107	2	II	
4	4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Communist Party History	LLDL1102	2	III	
5	5	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology	LLTT1101	2	III	
6	6	Ngoại ngữ Foreign Language	NNKC	9	I-U-III	
	7	Giáo dục Thể chất Physical Education	GDTG	4		
	8	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Military Education	GDQP	8- 11		
	<i>1.2. Các học phần của Trường</i>			12		
7	1	Kinh tế vi mô I Microeconomics I	KHMI1101	3	I	
8	2	Kinh tế vĩ mô I Macroeconomics I	KHMA1101	3	II	
9	3	Pháp luật đại cương Fundamentals of Laws	LUCS1129	3	I	
10	4	Toán cho các nhà kinh tế Mathematics for Economics	TOCB1110	3	I	
	<i>1.3. Các học phần của ngành</i>			12		
11	1	Thống kê trong kinh tế và kinh doanh Statistics for Economics and Business	TKKD1129	3	II	

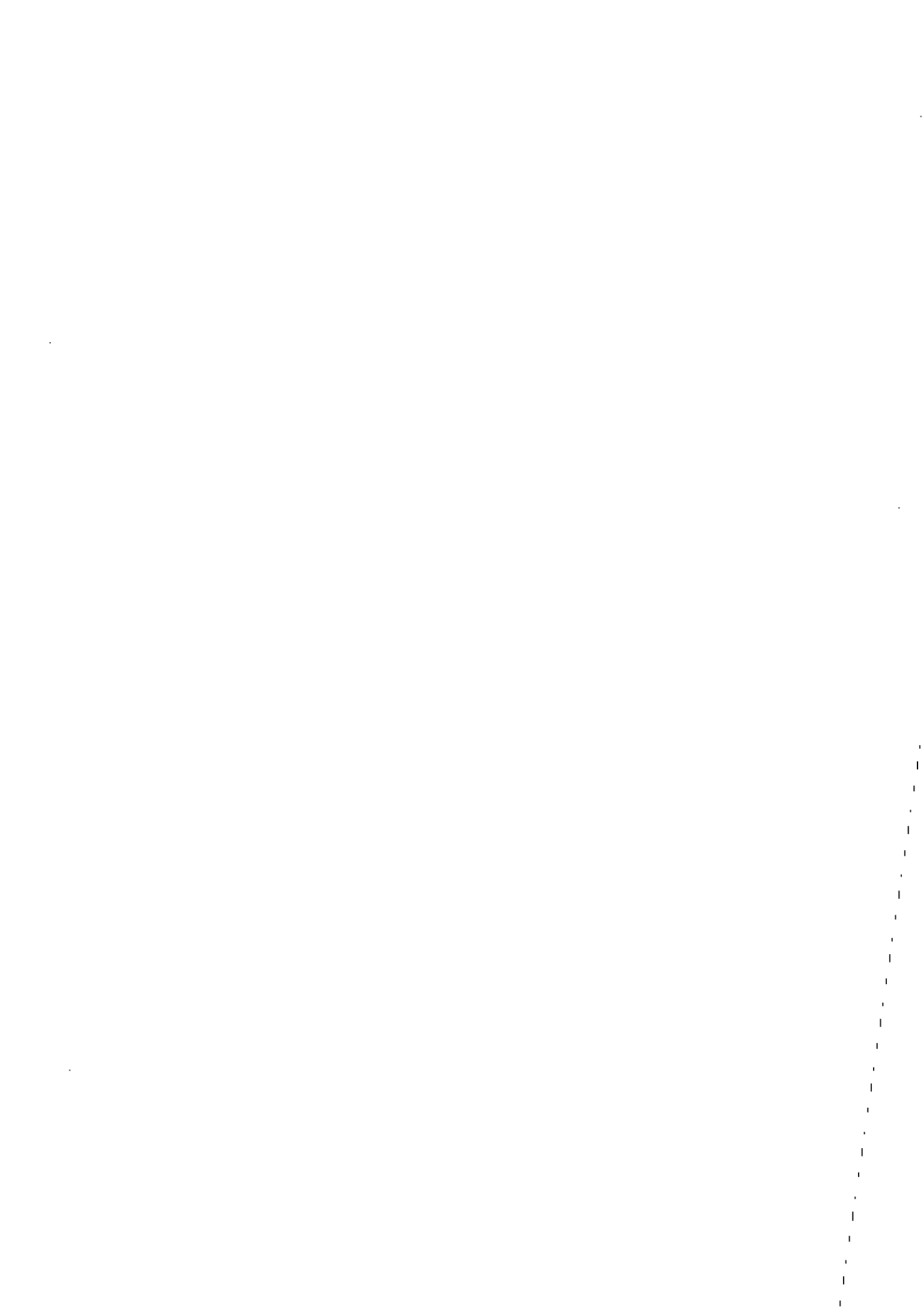
STT		Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Kinh tế-chuyên sâu Kinh tế và quản lý đô thị)	Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiền quyết
12	2	Nguyên lý kế toán Accounting Principles	NLKT1101	3	III	
13	3	Lý thuyết xác suất và thống kê toán Probability and Mathematical Statistics	TOKT1145	3	II	
14	4	Lý thuyết tài chính tiền tệ Monetary and Financial Theories	NHLT1007	3	III	
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				84		
2.1. Kiến thức cơ sở ngành				15		
15	1	Kinh tế phát triển Development Economics	PKT1128	3	IV	
16	2	Kinh tế quốc tế International Economics	TMKQ1123	3	IV	
17	3	Kinh tế lao động Labor Economics	NLKT1115	3	V	
18	4	Kinh tế và quản lý môi trường Environmental Economics and Management	MTKT1104	3	IV	
19	5	Kinh tế đầu tư Investment Economics	DTKT1154	3	V	
2.2. Kiến thức ngành				41		
2.2.1 Các học phần bắt buộc				26		
20	1	Kinh tế đô thị Urban Economics	MTDT1127	3	III	KHMI1101 KHMA1101
21	2	Quản lý đô thị Urban Management	MTDT1120	3	IV	
22	3	Quản lý dự án đô thị Urban Project Management	MTDT1124	3	IV	
23	4	Kinh tế vi mô 2 Microeconomics 2	KHMI1102	3	V	
24	5	Kinh tế học biến đổi khí hậu Economics of Climate Change	MTKH1103	3	VII	
25	6	Kinh tế tài nguyên đất Land Resource Economics	TNDC1139	3	VI	
26	7	Kinh tế lượng 1 Econometrics 1	TOKT1101	3	IV	
27	8	Xã hội học Sociology	NLQT1106	3	VII	
28	9	Đề án môn học - Kinh tế và quản lý đô thị Essay on Urban Economics and Management	MTDT1104	2	VI	
2.2.2 Các học phần tự chọn (SV tự chọn 05 học phần trong tổ hợp)				15		

STT	Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Kinh tế-chuyên sâu Kinh tế và quản lý đô thị)	Mã HP	Số TC	Học kỳ (đự kiến)	Mã HP tiên quyết	
29- 33	1	Hội nhập kinh tế quốc tế International Economic Integration	TMKQ1107	3	VII	
	2	Phương pháp nghiên cứu kinh tế - xã hội Socio-Economic Research Methods	PTCC1128	3	VII	
	3	Kinh tế vĩ mô 2 Macroeconomics 2	KHMA1102	3	VII	
	4	Định giá bất động sản Real Estate Valuation	TNBD1127	3	VII	
	5	Quản lý nhà nước về đất đai Land Administration	TNDC1142	3	VII	
	6	Marketing căn bản Principles of Marketing	MKMA1104	3	VII	
	7	Đô thị hóa và phát triển Urbanization and Development	MTDT1121	3	VI	
	8	Quản trị nhân lực Human Resource Management	NLQT1103	3	VII	
	2.3. Kiến thức chuyên sâu (SV tự chọn 6 học phần trong tổ hợp)			18		
34- 39	1	Tài chính đô thị Municipal Finance	MFDT1126	3	VI	KIIMI1101 KTKE1101
	2	Quy hoạch vùng và đô thị Urban and Regional Planning	MFDT1114	3	V	
	3	Hệ thống thông tin địa lý Geographic Information System	MFDT1106	3	VI	
	4	Kinh tế và quản lý nhà ở đô thị Urban Housing Economics and Management	MTDT1123	3	V	
	5	Đô thị và biến đổi khí hậu Cities and Climate Change	MFDT1122	3	VI	KHMI1101 KHMA1101
	6	Quản lý hành chính nhà nước ở đô thị Managing Urban Administrative Affairs	MFDT1125	3	V	
	7	Phân tích chi phí - lợi ích Cost-Benefit Analysis	MIKT1135	3	VII	
	8	Quản lý môi trường đô thị và khu công nghiệp Management of Urban Environment and Industrial Estates	MTKT1157	3	VII	
	9	Đánh giá tác động môi trường Environmental Impact Assesment	MTKT1151	3	VII	
40	Khóa luận tốt nghiệp <i>Graduation Thesis</i>	MFDT1128	10	VIII		
	Tổng số tín chỉ			128		

7. Mô tả các học phần

TT	Học phần	Mô tả học phần
1	Triết học Mác - Lê Nin Marxist-Leninist Philosophy	Học phần trang bị những nội dung cơ bản của thế giới quan và phương pháp luận triết học của chủ nghĩa Mác - Lênin trong việc nghiên cứu và học tập các môn học khác trong chương trình đào tạo cũng như các tri thức khác của nhân loại; cho việc vận dụng các tri thức của người học vào đời sống thực tiễn; làm tiền đề trực tiếp để nghiên cứu các bộ phận cấu thành khác của chủ nghĩa Mác - Lênin, tiếp cận môn Tư tưởng Hồ Chí Minh và Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho người học, định hướng tư tưởng - chính trị trong chuyên ngành được đào tạo.
2	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin Political Economics of Marxism and Leninism	<p>Học phần trang bị cho người học những tri thức cơ bản, cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác-Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay. Đảm bảo tính cơ bản; hệ thống, khoa học, cập nhật tri thức mới, gắn với thực tiễn, tính sáng tạo, kỹ năng, tư duy, phẩm chất người học, tính liên thông, khắc phục trùng lặp, tăng cường tích hợp và giảm tải, lược bớt những nội dung không còn phù hợp hoặc những nội dung mang tính kinh viện đối với các trường Cao đẳng, Đại học không chuyên lý luận. Trên cơ sở đó hình thành tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế xã hội của đất nước và góp phần giúp người học xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và thực tiễn cuộc sống của người học sau này. Góp phần xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng của chủ nghĩa Mác-Lênin đối với người học.</p> <p>Học phần này gồm 6 chương: Trong đó Chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác- Lênin. Chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác-Lênin theo mục tiêu của môn học. Cụ thể các vấn đề như; hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng XHCN và các quan hệ lợi ích kinh tế; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.</p>
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific Socialism	Nội dung học phần gồm 7 chương: chương 1, trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của Chủ nghĩa xã hội khoa học nhằm làm rõ quá trình hình thành, phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học; đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học. Từ chương 2 đến chương 7 trình bày những vấn đề lý luận cơ bản

TT	Học phần	Mô tả học phần
		<p>của chủ nghĩa xã hội khoa học như: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội, nghiên cứu vấn đề dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ.cấu xã hội- giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội; những vấn đề dân tộc và tôn giáo, vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.</p>
4	<p>Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Communist Party History</p>	<p>Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam là 1 trong 5 học phần thuộc khoa học Mác-Lê nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh được giảng dạy trong hệ thống giáo dục đại học ở Việt Nam. Đây là học phần bắt buộc người học phải tích lũy kiến thức. Đây là môn học quan trọng của khoa học lịch sử. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: "Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam là cả một kho lịch sử bằng vàng"...Đó chính là tinh khoa học, cách mạng, giá trị thực tiễn sâu sắc trong Cương lĩnh, đường lối của Đảng; là sự lãnh đạo đúng đắn, đáp ứng kịp thời những yêu cầu, nhiệm vụ do lịch sử đặt ra; những kinh nghiệm, bài học có tính quy luật, lý luận của cách mạng Việt Nam và những truyền thống vẻ vang của Đảng.</p> <p>Nghiên cứu, học tập lịch sử Đảng không chỉ nắm vững những sự kiện, cột mốc lịch sử mà cần thấu hiểu những vấn đề phong phú đó trong quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, cách mạng xã hội chủ nghĩa, từ đó vận dụng, phát triển trong thời kỳ đổi mới toàn diện, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế hiện nay.</p>
5	<p>Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology</p>	<p>Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về khái niệm, nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Những nội dung cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh; Sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng cộng sản Việt Nam trong sự nghiệp cách mạng. Học phần được kết cấu với 6 chương. Chương 1: Làm rõ khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh; Chương 2: Trình bày cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ Chương 3 đến chương 6: Trình bày những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học.</p>
6	<p>Ngoại ngữ Foreign Language</p>	<p>Môn Ngoại ngữ (Tiếng Anh) được thiết kế với 3 học phần. Học phần Tiếng Anh 1 nhằm mục đích trang bị các kỹ năng thực hành ngôn ngữ một cách hiệu quả trong các tình huống trong lĩnh vực kinh doanh, đặc biệt là kỹ năng giao tiếp nơi công sở và trong sinh hoạt hàng ngày. Đồng thời cũng chú trọng vào việc luyện phát âm tiếng Anh, và khả năng sử dụng</p>



TT	Học phần	Mô tả học phần
		<p>bốn kĩ năng: nghe, nói, đọc, viết theo trình độ tương ứng. Học phần cũng cung cấp cho người học những kiến thức, kinh nghiệm thực tế thông qua các tình huống kinh doanh có thực và thông tin hữu ích từ nhiều nguồn tài liệu đáng tin cậy. Song song với việc học trên lớp người học bắt buộc phải đăng ký học thêm online với thời lượng là 26 giờ. Tương ứng với các kỹ năng và nội dung bài giảng trên lớp, người học phải hoàn thành cũng bao gồm đầy đủ các phần như: Nghe, Nói, Đọc, Viết, Ngữ Pháp, Từ vựng. Mỗi kỹ năng sẽ có từ 2-3 bài tập nhỏ.</p> <p>Học phần Tiếng Anh 2 dành cho người học đã hoàn thành học phần Tiếng Anh giao tiếp kinh doanh 1. Khóa học nhằm mục đích trang bị các kỹ năng thực hành Tiếng Anh thông thường (General English) và Tiếng Anh học thuật (Academic English), giúp người học tự tin khẳng định khả năng sử dụng Tiếng Anh trong các kỳ thi năng lực ngôn ngữ quốc tế và trong công việc.</p> <p>Học phần Tiếng Anh 3 tập trung vào việc cung cấp cho người học với những kiến thức về lý thuyết, thuật ngữ và nguyên lý kinh tế cơ bản tạo nền tảng vững chắc cho người học học sâu hơn về kinh tế. Ngoài ra trong học phần này người học được cung cấp từ vựng về các chủ đề đa dạng và ngữ pháp để có thể chuẩn bị tốt cho bài thi theo định hướng IELTS và các bài thi có chứng chỉ quốc tế tương đương.</p>
7	Giáo dục thể chất Physical Education	<p>Giáo dục thể chất là học phần hướng tới mục tiêu rèn luyện thể chất cho người học, với một hệ thống các bài tập đa dạng được chọn lọc và thực hiện với những phương pháp khoa học nhằm phát triển cơ thể một cách toàn diện, hoàn thiện khả năng vận động, củng cố và nâng cao thể chất cho người tập.</p> <p>Được thiết kế với nhiều nội dung, trong đó, thể dục tự do là một trong những nội dung thi đấu của môn thể dục dụng cụ, là môn thể thao được tổ chức thi đấu trong các kỳ đại hội TDTT và Olympic. Là môn học vừa mang tính kế thừa vừa mang tính nghệ thuật cao được nhiều người ưa thích.</p> <p>Bên cạnh đó là các môn thể thao tự chọn là một trong các nội dung của môn học Giáo dục Thể chất, là một hệ thống các môn học với các bài tập đa dạng được chọn lọc và thể hiện với những phương pháp khoa học nhằm phát triển cơ thể một cách toàn diện, hoàn thiện khả năng vận động, củng cố và nâng cao thể chất cho người tập</p> <p>Các môn thể thao tự chọn gồm 10 môn: Bóng bàn, Bóng chuyền, Bóng đá, Bóng rổ, Cầu lông, Cờ vua, Bơi lội, Karatedo, Teakwondo và Tennis. Mỗi môn học gồm 2 tín chỉ, người học chọn và hoàn thành 3 trong số 10 môn thể thao tự</p>

TT	Học phần	Mô tả học phần
		chọn
8	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Military Education	<p>Chương trình Giáo dục quốc phòng và An ninh được thiết kế theo yêu cầu đào tạo của Bộ Giáo dục và đào tạo với 4 học phần, thời lượng 11 tín chỉ: Học phần 1: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam (3 tín chỉ); Học phần 2: Công tác quốc phòng, an ninh (2 tín chỉ); Học phần 3: Quân sự chung (2 tín chỉ); Học phần 4: Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK và chiến thuật (4 tín chỉ).</p> <p>Mục tiêu của chương trình đối với người học sau khi học xong chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh là có hiểu biết cơ bản về chủ trương, đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng, Nhà nước về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, yêu chủ nghĩa xã hội. Nắm được kiến thức cơ bản về công tác quốc phòng và an ninh trong tình hình mới. Thực hiện được kỹ năng cơ bản về kỹ thuật, chiến thuật quân sự cấp trung đội, biết sử dụng súng ngắn và một số loại vũ khí bộ binh thường dùng.</p>
9	Kinh tế Vi mô 1 Microeconomics 1	<p>Học phần Kinh tế học Vi mô 1 được thiết kế với mục tiêu giúp người học nắm bắt được những nguyên lý kinh tế cơ bản trong Kinh tế học và Kinh tế vi mô nói riêng. Kết cấu các bài giảng được trình bày đơn giản, hiện đại. Nội dung môn học được xây dựng phù hợp với kiến thức của giai đoạn 1, đi sâu vào những khái niệm về thị trường, cung- cầu, cơ giãn của cầu và cung, hành vi người tiêu dùng và doanh nghiệp (Sản xuất - Chi phí - Lợi nhuận), cạnh tranh hoàn hảo và độc quyền, cung - cầu lao động, thất bại thị trường...</p>
10	Kinh tế Vi mô 1 Macroeconomics 1	<p>Học phần Kinh tế học vĩ mô giới thiệu những nguyên lý cơ bản của kinh tế vĩ mô để giúp người học hiểu được sự vận hành của nền kinh tế tổng thể. Người học sẽ được giới thiệu các khái niệm cũng như nguyên lý hạch toán cơ bản về thu nhập quốc dân, chỉ số giá tiêu dùng và lạm phát, thất nghiệp, tỷ giá hối đoái và cân cân thanh toán. Ngoài ra, người học cũng được tiếp cận với những mô hình đơn giản nhất giải thích sự biến động và vai trò của các chính sách kinh tế vĩ mô trong việc ổn định nền kinh tế</p>
11	Pháp luật Đại cương Fundamentals of Laws	<p>Học phần trang bị những kiến thức cơ bản nhất về nhà nước và pháp luật: (1) Nguồn gốc, bản chất của nhà nước, kiểu và hình thức nhà nước trong lịch sử, nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, chức năng của nhà nước Việt Nam, hệ thống các cơ quan trong bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; (2) Nguồn gốc của pháp luật, bản chất của pháp luật,</p>

TT	Học phần	Mô tả học phần
		<p>cơ chế điều chỉnh của pháp luật đối với các quan hệ xã hội; quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; (3) Khái niệm về hình thức pháp luật, các hình thức pháp luật trên thế giới và ở Việt Nam; (4) Giới thiệu cho người học về các lĩnh vực pháp luật của Việt Nam: pháp luật hành chính và tổ tụng hành chính, pháp luật dân sự và tổ tụng dân sự; pháp luật hình sự và tổ tụng hình sự.</p>
12	<p>Toán cho các nhà kinh tế Mathematics for Economics</p>	<p>Học phần nằm trong phần kiến thức đại cương của chương trình đào tạo bậc cử nhân khối ngành Kinh tế và Quản trị kinh doanh. Học phần cung cấp những nội dung cơ bản của giải tích toán học về hàm số một biến số và nhiều biến số. Học phần cũng nhằm rèn luyện khả năng tư duy, kỹ năng tính toán và nâng cao khả năng ứng dụng các kiến thức toán học vào phân tích, nghiên cứu các đối tượng kinh tế.</p> <p>Học phần gồm 6 chương: Chương 1, chương 2 đề cập đến giới hạn, phép tính vi phân hàm số một biến số và các ứng dụng trong phân tích kinh tế; Chương 3, chương 4 trình bày các kiến thức cơ bản về hàm số nhiều biến số, cực trị của hàm số nhiều biến và các ứng dụng trong phân tích kinh tế; Chương 5 trình bày về phép toán tích phân và ứng dụng; Chương 6 trình bày các kiến thức cơ bản về phương trình vi phân.</p>
13	<p>Thống kê trong kinh tế và kinh doanh Statistics for Economics and Business</p>	<p>Thống kê trong kinh tế và kinh doanh là môn học có nhiệm vụ nghiên cứu những vấn đề lý luận và phương pháp luận của thống kê học; Cung cấp một cách có hệ thống: các khái niệm cơ bản trong thống kê; Các phương pháp điều tra thống kê nhằm thu thập thông tin ban đầu về hiện tượng nghiên cứu; Các phương pháp xử lý, tổng hợp và trình bày các thông tin đã thu thập. Tiếp đó môn học cung cấp hệ thống các phương pháp phân tích làm cơ sở cho dự đoán các mức độ của hiện tượng trong tương lai nhằm giúp cho việc ra quyết định ở tầm vĩ mô và vi mô. Hệ thống các phương pháp đó bao gồm: phương pháp mô tả và phân tích các đặc điểm của hiện tượng; các phương pháp thống kê suy luận (như ước lượng, phân tích các mối liên hệ, phân tích biến động, và dự đoán thống kê...).</p>
14	<p>Nguyên lý kế toán Accounting Principles</p>	<p>Nguyên lý kế toán là học phần được đào tạo ở nhiều cấp độ và chương trình đào tạo trong khối ngành kinh tế và quản trị kinh doanh ở các trường đại học không chỉ ở Việt Nam và các nước khác trên thế giới. Học phần này giới thiệu các nội dung cơ bản về kế toán cho các đối tượng chưa được đào tạo kế toán. Với kiến thức nền tảng ở môn học này người học mới có thể tiếp tục học hiệu quả các môn học kế toán, kinh tế và quản trị kinh</p>

TT	Học phần	Mô tả học phần
		<p>doanh khác.</p> <p>Học phần nguyên lý kế toán này nhằm trang bị những kiến thức kế toán nền tảng giúp người học hiểu được những vấn đề căn bản của kế toán bao gồm khái niệm, bản chất, vai trò của kế toán, người sử dụng thông tin kế toán, các nguyên tắc kế toán làm nền tảng cho thực hành kế toán, các phương pháp và trình tự kế toán cho từng đối tượng thuộc báo cáo tài chính như tài sản, công nợ, vốn chủ sở hữu, doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh.</p>
15	<p>Lý thuyết xác suất và thống kê toán</p> <p>Probability and Mathematical Statistics</p>	<p>Học phần cung cấp các kiến thức và kỹ năng trong phân tích dữ liệu và hỗ trợ ra quyết định, sử dụng các phương pháp xác suất và thống kê. Học phần gồm hai nội dung chính: (1) các kiến thức nền tảng về xác suất, phân phối xác suất; (2) các phương pháp thống kê. Nội dung thứ hai tập trung giới thiệu một số ứng dụng trong kinh tế - kinh doanh, bao gồm dự báo và quản lý chất lượng. Học phần được giảng dạy theo định hướng ứng dụng, trong đó các tính toán phân tích đều được minh họa bằng ví dụ cụ thể, thực hiện trên Excel, R hoặc SPSS. Cuối mỗi chương có các tình huống thực tế trong các lĩnh vực kinh tế - quản lý - quản trị kinh doanh – ngân hàng tài chính.</p> <p>Các nội dung chính của học phần:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thống kê mô tả: trực quan hóa dữ liệu và các thống kê đặc trưng bằng số; 2. Xác suất và phân phối xác suất: kiến thức nền tảng cho thống kê suy diễn, ứng dụng trong quản lý chất lượng và ra quyết định; 3. Thống kê suy diễn: ước lượng và kiểm định các tham số; 4. Thống kê suy diễn: Kiểm định về phân phối xác suất, tính độc lập của các biến; 5. Phân tích hồi quy tương quan và ứng dụng; 6. Ứng dụng: trong việc ra quyết định quản lý, lựa chọn dự án đầu tư, kiểm soát chất lượng 7. Ứng dụng: phân tích và dự báo chuỗi thời gian.
16	<p>Lý thuyết tài chính tiền tệ</p> <p>Monetary and Financial Theories</p>	<p>Môn học nghiên cứu những vấn đề cơ bản về tài chính - tiền tệ, hệ thống tài chính, ngân sách Nhà nước, tài chính doanh nghiệp, tín dụng, lãi suất, các hoạt động trên thị trường tài chính, hoạt động của ngân hàng thương mại, Ngân hàng Trung ương và lạm phát.</p>
17	<p>Kinh tế phát triển</p> <p>Development Economics</p>	<p>Kinh tế phát triển (KTPT) là môn học thuộc hệ thống các môn kinh tế học, nghiên cứu nguyên lý phát triển kinh tế trong các điều kiện kém phát triển. Học phần KTPT được thiết kế dành</p>

TT	Học phần	Mô tả học phần
		<p>cho khối kiến thức chung của sinh viên các ngành kinh tế. Với thời lượng 3 đơn vị tín chỉ (45 giờ) nội dung học phần chủ yếu tập trung giới thiệu các khía cạnh nguyên lý chung về phát triển kinh tế, cụ thể bao gồm: Tiêu chí phân loại và các bộ phận cấu thành hệ thống kinh tế thế giới, các đặc trưng kinh tế - xã hội của các nước đang phát triển; Nội hàm của phát triển kinh tế và phát triển bền vững nền kinh tế; Các mô hình: tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phúc lợi xã hội cho con người (bao gồm nội dung cơ bản của mô hình và nguyên lý vận dụng và đề xuất chính sách áp dụng cho các nước đang phát triển và Việt Nam). Dựa trên các tiêu chí đánh giá phát triển kinh tế, học phần đặt vấn đề vận dụng phân tích đánh giá cụ thể quá trình tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và thực hiện tiến bộ xã hội trong quá trình phát triển kinh tế Việt Nam.</p>
18	<p>Kinh tế quốc tế International Economics</p>	<p>Học phần này, trước hết, nghiên cứu quá trình hình thành, phát triển và những đặc điểm mới của nền kinh tế thế giới, nội dung và tính chất của các quan hệ kinh tế quốc tế. Tiếp đến, học phần này nghiên cứu lý luận và thực tiễn hội nhập kinh tế quốc tế và quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Cuối cùng, phần này nghiên cứu dòng vận động của các luồng hàng hóa, dịch vụ, tài chính tiền tệ và thanh toán giữa một quốc gia với các quốc gia và vùng lãnh thổ khác trong nền kinh tế thế giới, những chính sách nhằm điều tiết các dòng vận động này và tác động của các chính sách đó đến phúc lợi của quốc gia.</p>
19	<p>Kinh tế lao động Labor Economics</p>	<p>Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản của kinh tế học lao động với sự nhấn mạnh ở cả lý thuyết và thực tế. Đối với khía cạnh lý thuyết, các lý thuyết liên quan đến cung - cầu & cân bằng trên thị trường lao động, lý thuyết về đầu tư vào vốn nhân lực, di chuyển lao động, sự phân biệt đối xử trên thị trường lao động, công đoàn và thất nghiệp sẽ được giới thiệu để giúp người học hiểu và nắm bắt được các quy luật hoạt động trên thị trường lao động. Đối với khía cạnh thực tiễn, môn học cũng sử dụng rộng rãi các số liệu thống kê và các báo cáo, phân tích từ các thị trường lao động trong nước và thế giới để giúp người học có cái nhìn thực tiễn về cách thức hoạt động của thị trường lao động.</p>
20	<p>Kinh tế và quản lý môi trường Environmental Economics and Management</p>	<p>Kinh tế và Quản lý Môi trường (KT&QLMT) nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn của mối quan hệ tương tác, phụ thuộc lẫn nhau giữa nền kinh tế và môi trường; giải thích nguyên nhân kinh tế của những thất bại đối với các vấn đề tài nguyên - môi trường và các giải pháp khắc phục; các mô hình khai thác và sử</p>

TT	Học phần	Mô tả học phần
		<p>dụng tài nguyên thiên nhiên tái tạo và không tái tạo đạt hiệu quả kinh tế - xã hội và sinh thái; đánh giá giá trị kinh tế của tài nguyên và môi trường phục vụ việc ra quyết định quản lý; phân tích các chủ thể và công cụ quản lý tài nguyên - môi trường nhằm giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa môi trường và các hoạt động kinh tế của con người.</p> <p>Môn học tiếp cận các xu hướng mới trong giải quyết các vấn đề môi trường quốc gia và toàn cầu như: phát triển bền vững, tăng trưởng xanh và xây dựng nền kinh tế xanh, sản xuất và tiêu dùng bền vững, giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu.</p>
21	<p>Kinh tế đầu tư Investment Economics</p>	<p>Học phần Kinh tế đầu tư cung cấp cho người học một bức tranh toàn cảnh về hoạt động phát triển. Học phần làm rõ khái niệm của đầu tư và đầu tư phát triển, đặc điểm của hoạt động đầu tư phát triển và vai trò của hoạt động đầu tư phát triển đối với nền kinh tế. Đề tiến hành hoạt động đầu tư phát triển cần huy động vốn từ những nguồn nào? Học phần trình bày bản chất của nguồn vốn đầu tư, các nguồn huy động vốn cho đầu tư phát triển. Chủ thể quản lý tác động hoạt động đầu tư như thế nào để đạt mục tiêu, đạt hiệu quả tài chính, kinh tế xã hội cao. Học phần trang bị kiến thức về quản lý nhà nước và kế hoạch hóa hoạt động đầu tư. Ở cơ sở, hoạt động đầu tư phát triển doanh nghiệp cần làm rõ như nguồn vốn và nội dung đầu tư phát triển doanh nghiệp. Để đánh giá mức độ đạt được mục tiêu của hoạt động đầu tư phát triển với các chủ thể khác nhau, học phần làm rõ cơ sở lý luận về kết quả và hiệu quả của hoạt động đầu tư phát triển.</p>
22	<p>Kinh tế đô thị Urban Economics</p>	<p>Môn học này sẽ nghiên cứu chức năng của nền kinh tế đô thị, phân tích các vấn đề như sử dụng đất, giao thông đô thị, phân phối thu nhập hay tội phạm trong đô thị dưới góc nhìn kinh tế. Ngoài ra môn học cũng sử dụng các công cụ kinh tế để phân tích tại sao các đô thị tồn tại và phát triển? tại sao thành phố này lại phát triển hơn thành phố kia? các hoạt động khác nhau được bố trí, sắp đặt như thế nào trong đô thị? Môn học sẽ nghiên cứu hành vi ra quyết định về lựa chọn vị trí của hộ gia đình và doanh nghiệp hướng tới mục tiêu tối ưu hóa lợi ích.</p>
23	<p>Quản lý đô thị Urban Management</p>	<p>Môn học này sẽ nghiên cứu việc ứng dụng những kiến thức cơ bản của kinh tế học và kinh tế đô thị vào quản lý đô thị; Ứng dụng cho phân tích các vấn đề như sử dụng đất, giao thông đô thị, phân phối thu nhập hay tội phạm... trong đô thị dưới góc nhìn quản lý; Nghiên cứu những vấn đề có tính quy luật hình thành và phát triển đô thị trên góc độ quản lý; Nghiên cứu xây dựng các mối quan hệ quản lý trong việc phân bổ và sử dụng</p>

TT	Học phần	Mô tả học phần
		các nguồn lực của đô thị và của nền kinh tế cho phát triển đô thị. Xây dựng các giải pháp, chính sách cho phát triển đô thị.
24	Quản lý dự án đô thị Urban Project Management	Môn học sẽ trang bị cho người học những kiến thức bổ trợ cơ bản về phương pháp lập và phân tích, quản lý dự án trên địa bàn đô thị. Những vấn đề lý luận chung về dự án đô thị; Trình tự và nội dung nghiên cứu của quá trình soạn thảo dự án; Nội dung cần phân tích trong quá trình soạn thảo dự án khả thi; Một số vấn đề về quản lý dự án đô thị như: các mô hình tổ chức quản lý dự án hiệu quả, điều phối và quản lý thời gian, chi phí, chất lượng, nhân sự... của dự án đô thị; Đánh giá và theo dõi dự án trong quá trình thực hiện.
25	Kinh tế vi mô 2 Microeconomics 2	<p>Học phần này cung cấp kiến thức chuyên sâu về kinh tế học vi mô, mở rộng và phân tích sâu hơn các nội dung đã nghiên cứu ở kinh tế học vi mô 1. Cụ thể, sử dụng công cụ toán học và một số công cụ định lượng để phân tích các vấn đề về hành vi người tiêu dùng, hành vi người sản xuất, hành vi của hãng trong các cấu trúc thị trường, hành vi của người bán, người mua trong thị trường yếu tố sản xuất. Một chủ đề hoàn toàn mới được đưa vào nghiên cứu trong học phần này là lựa chọn trong điều kiện rủi ro. Đồng thời, vai trò của chính phủ trong nền kinh tế hỗn hợp cũng được xem xét sâu hơn: từ lý do phải can thiệp đến quan điểm và phương pháp can thiệp để khắc phục thất bại của thị trường. Học phần này cung cấp các kiến thức cơ sở ngành cho nhiều chuyên ngành trong lĩnh vực kinh tế và quản trị kinh doanh.</p> <p>Ngoài ra, môn học cũng đề cập đến những nội dung khác như sự tác động của các biến phi kinh tế khác, rủi ro và không chắc chắn... nhằm giúp cho người học có thể nắm bắt được các kiến thức trong kinh tế vi mô một cách đầy đủ và có hệ thống hơn. Các công cụ toán học và mô hình được sử dụng trong suốt môn học nhằm trình bày các vấn đề kinh tế vi mô như: sở thích, lợi ích, công nghệ, sản xuất, chi phí, lợi nhuận... một cách logic và hướng người học tới các phân tích định lượng về kinh tế.</p>
26	Kinh tế học biến đổi khí hậu Economics of Climate Change	Học phần Kinh tế học Biến đổi khí hậu cung cấp các kiến thức về nguyên nhân, hậu quả và các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu trên quan điểm kinh tế và cách tiếp cận toàn cầu. Học phần tập trung vào các nội dung chính như: giải thích tính toán cầu của biến đổi khí hậu, phân tích các khía cạnh kinh tế của biến đổi khí hậu, trình bày kinh tế học giảm nhẹ biến đổi khí hậu và kinh tế học thích ứng với biến đổi khí hậu, phân tích các chính sách biến đổi khí hậu, giới thiệu các công cụ phân tích kinh tế đối với biến đổi khí hậu và thảo luận về các hành động

TT	Học phần	Mô tả học phần
		quốc tế về biến đổi khí hậu. Các nội dung trên được trình bày trên cả phương diện lý luận và thực tiễn, bao gồm thực tiễn ở cấp quốc gia, khu vực và toàn cầu.
27	Kinh tế tài nguyên đất Land Resource Economics	<p>Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về kinh tế trong sử dụng và quản lý nguồn tài nguyên đất đai. Bản chất và vai trò của nguồn tài nguyên đất đai. Các đặc điểm của nguồn tài nguyên đất đai và những vấn đề kinh tế đặt ra. Những quan hệ kinh tế trong quản lý và sử dụng tài nguyên đất đai theo hướng thị trường và đảm bảo phát triển bền vững. Những nội dung cơ bản của môn học bao gồm những kiến thức về độ phì nhiêu, bản chất và những quan hệ của địa tô trong sử dụng đất. Lợi thế tuyệt đối và lợi thế so sánh cũng như chi phí cơ hội trong sử dụng tài nguyên đất. Đánh giá sử dụng đất trên cơ sở kết hợp với đảm bảo môi trường và phát triển bền vững.</p> <p>Những kiến thức mà môn học cung cấp là cơ sở phân tích đánh giá các yếu tố kinh tế của nguồn tài nguyên đất đai, trên cơ sở đó nhằm hoạch định các chính sách trong quản lý nguồn tài nguyên đất đai phù hợp với phát triển kinh tế xã hội, và đảm bảo phát triển bền vững.</p>
28	Kinh tế lượng 1 Econometrics 1	<p>Học phần Kinh tế lượng 1 trình bày các nội dung cơ bản của phân tích hồi quy. Học phần gồm 7 chương, bao gồm các nội dung chính: Các giả thiết cơ bản của mô hình hồi quy, vấn đề ước lượng mô hình, kiểm định và đánh giá mô hình, thực hiện các suy diễn thống kê từ kết quả ước lượng của mô hình. Năm chương đầu dành cho mô hình hồi quy với số liệu chéo và hai chương sau dành cho hồi quy với số liệu chuỗi thời gian. Học phần được giảng dạy với các minh họa ứng dụng thực tiễn và được thực hành trên máy tính với phần mềm Eviews/STATA/R. Các nền tảng toán học và thống kê được cung cấp một cách hợp lý nhằm đảm bảo tính khoa học của nội dung học phần.</p>
29	Xã hội học Sociology	<p>Đây là học phần lựa chọn thuộc nhóm các học phần lựa chọn của khối kiến thức giáo dục đại cương, sau khi học và đạt yêu cầu, người học có kiến thức chung về xã hội và vai trò của con người trong xã hội. Học phần giúp người học có tư duy tổng quan và những góc nhìn mới về mối quan hệ biện chứng giữa con người và xã hội.</p> <p>Với phương pháp lấy người học làm trung tâm, học phần sử dụng phương pháp giảng dạy thuyết trình kết hợp với làm việc nhóm, bài tập lớn, phân tích case study để người học chủ động tìm hiểu kiến thức trong quá trình học đại học cũng như sau khi ra trường.</p>

TT	Học phần	Mô tả học phần
30	Đề án môn học - Kinh tế và quản lý đô thị Essay on Urban Economics and Management	<p>Đề án môn học là học phần tập trung vào việc nâng cao khả năng ứng dụng kiến thức chuyên ngành cơ bản mà người học đã tích lũy được. Dưới sự hướng dẫn của giảng viên, người học phải chọn một vấn đề thuộc lĩnh vực Kinh tế và quản lý đô thị (ưu tiên những vấn đề thực tiễn) và tìm cách giải quyết vấn đề đó một cách khoa học dựa trên những kiến thức chuyên ngành đã được học theo hai hướng: nghiên cứu và ứng dụng thực tiễn. Với hướng nghiên cứu, người học lựa chọn một vấn đề nghiên cứu, thiết kế và thực hiện cuộc nghiên cứu (ứng dụng lý thuyết nghiên cứu đô thị và các môn học khác để thực hiện nghiên cứu). Với hướng thực tiễn, người học chọn một vấn đề thực tiễn và giải quyết vấn đề đó dựa trên những kiến thức chuyên ngành đã được học. Giảng viên có trách nhiệm hỗ trợ về mặt chuyên môn và giám sát quá trình nghiên cứu và viết Đề án môn học.</p>
31	Hội nhập kinh tế quốc tế International Economic Integration	<p>Nghiên cứu lý thuyết về hội nhập kinh tế quốc tế, bao gồm khái niệm, đặc trưng, bản chất, tính tất yếu khách quan, các cấp độ và xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế</p> <p>Nghiên cứu tác động tích cực và tiêu cực của hội nhập kinh tế quốc tế; những cơ hội và thách thức của hội nhập kinh tế quốc tế đối với sự phát triển kinh tế xã hội của một quốc gia trong bối cảnh toàn cầu hóa.</p> <p>Giới thiệu những nét cơ bản về một số tổ chức kinh tế quốc tế tiêu biểu như Quỹ tiền tệ quốc tế, Ngân hàng thế giới, Tổ chức thương mại thế giới, bao gồm mục tiêu, chức năng, nguyên tắc hoạt động, cơ cấu tổ chức và vai trò của nó đối với sự phát triển kinh tế của các nước thành viên.</p> <p>Nghiên cứu những quan điểm của Đảng về hội nhập kinh tế quốc tế và quá trình hội nhập và xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.</p>
32	Phương pháp nghiên cứu kinh tế- xã hội Socio-Economic Research Methods	<p>Học phần "Phương pháp nghiên cứu kinh tế-xã hội" được thiết kế nhằm cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về phương pháp nghiên cứu trong kinh tế-xã hội áp dụng cho chương trình đào tạo bậc đại học. Với thời lượng 3 đơn vị tín chỉ (45 giờ), học phần được thiết kế thành 6 chương và được sắp xếp theo quy trình trình nghiên cứu được sử dụng phổ biến trong nghiên cứu kinh tế-xã hội: từ xác định vấn đề, tổng quan và thiết kế nghiên cứu; thu thập và phân tích dữ liệu và trình bày báo cáo nghiên cứu. Học phần được thiết kế theo cách tiếp cận phát triển kỹ năng giúp cho người học có thể thực hiện các nghiên cứu khoa học trong kinh tế-xã hội, thông qua việc kết hợp giảng dạy giữa lý thuyết và thực hành nghiên cứu.</p>

TT	Học phần	Mô tả học phần
33	Kinh tế vĩ mô 2 Macroeconomics 2	<p>Giới thiệu cho người học các trường phái và các cách tiếp cận khác nhau nhằm giải thích sự vận hành của nền kinh tế, cơ hội và thách thức đối với các chính sách kinh tế vĩ mô nhằm ổn định nền kinh tế trong ngắn hạn và thúc đẩy tăng trưởng trong dài hạn. Bên cạnh đó học phần còn phát triển những cơ sở vĩ mô làm nền tảng cho các phân tích kinh tế vĩ mô. Ngoài ra, học phần còn đưa vào các phân tích định lượng ở mức độ nhất định nhằm hỗ trợ các phân tích kinh tế và chính sách.</p> <p>Các nội dung chính được đề cập trong học phần này bao gồm: Nguồn gốc của tăng trưởng và lạm phát trong dài hạn. Tác động và các nhân tố quyết định hiệu quả của các chính sách kinh tế vĩ mô đến nền kinh tế. Các mô hình kinh tế vĩ mô làm cơ sở cho các phân tích kinh tế vĩ mô. Ứng dụng lý thuyết để giải thích các vấn đề và chính sách kinh tế vĩ mô của Việt Nam và thế giới.</p>
34	Định giá bất động sản Real Estate Valuation	<p>Học phần Định giá bất động sản cung cấp những kiến thức và kỹ năng cơ bản cần thiết để thực hiện định giá bất động sản phục vụ cho các hoạt động của nền kinh tế. Bên cạnh những kiến thức cơ bản về định giá bất động sản, sự cần thiết phải định giá bất động sản; bản chất và các nhân tố ảnh hưởng đến giá trị, giá cả bất động sản; các căn cứ và nguyên tắc định giá bất động sản; quy trình thực hiện định giá bất động sản; vai trò và tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của người định giá. Học phần cũng cung cấp các phương pháp và kỹ năng thực hiện các phương pháp định giá bất động sản cơ bản; nội dung và kỹ thuật soạn thảo báo cáo định giá bất động sản. Trên cơ sở đó, học phần cung cấp các kỹ năng để người học có thể vận dụng thực hiện định giá bất động sản trong các hoạt động thực tế của nền kinh tế như các hoạt động định giá trên thị trường bất động sản, hoạt động định giá thế chấp của các tổ chức tín dụng, hoạt động định giá khi phát sinh quan hệ về đất đai và bất động sản giữa cá nhân, tổ chức với cơ quan quản lý nhà nước.</p>
35	Quản lý nhà nước về đất đai Land Administration	<p>Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản của bộ máy quản lý nhà nước về đất đai, chức năng, vai trò và cơ sở quản lý nhà nước về đất đai. Khái quát chung về nội dung quản lý nhà nước về đất đai.</p>
36	Marketing căn bản Principles of Marketing	<p>Học phần giới thiệu cho người học những hiểu biết cơ bản về marketing, vai trò của marketing trong một tổ chức; những nội dung cần tìm hiểu về thị trường, môi trường marketing và hành vi người tiêu dùng. Học phần cũng giới thiệu công cụ để thu thập các thông tin marketing và cung cấp hệ thống dữ liệu cho</p>

TT	Học phần	Mô tả học phần
		<p>việc ra các quyết định marketing – hệ thống thông tin và nghiên cứu marketing. Học phần còn giới thiệu các phương thức chiến lược đặc thù của marketing để tiếp cận với khách hàng – thị trường, phân đoạn thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu, định vị. Sau cùng học phần sẽ tập trung giới thiệu 4 công cụ marketing điển hình trong lĩnh vực kinh doanh sản phẩm vật chất để triển khai chiến lược, kế hoạch marketing, đó là: Sản phẩm, Giá cả, Kênh phân phối và Truyền thông marketing.</p>
37	<p>Đô thị hóa và phát triển Urbanization and Development</p>	<p>Môn học này sẽ trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về đô thị hóa, về phát triển đô thị và mối quan hệ giữa chúng. Học phần cũng giúp người học ứng dụng những kiến thức cơ bản của kinh tế học, kinh tế đô thị, quản lý đô thị để giải quyết những vấn đề cụ thể. Phân tích về sự phát triển của hệ thống đô thị Việt Nam với năm chuyển đổi chính bao gồm hành chính, không gian, kinh tế, dân số và phúc lợi có vai trò dẫn dắt quá trình đô thị hóa. Quá trình đô thị hóa đảm bảo tăng trưởng và phát triển kinh tế đô thị nói chung theo hướng đô thị xanh bền vững và thông minh. Khai thác những nhân tố tích cực và hạn chế những điểm tiêu cực của quá trình đô thị hoá, tích hợp công nghệ đô thị thông minh phục vụ tốt nhất cư dân đô thị. Thông qua học phần cũng giúp người học hình thành phương pháp nghiên cứu chuyên sâu về quản trị đô thị ứng dụng trong thực tế và thực hành tốt để án môn học, chuyên đề thực tập tốt nghiệp.</p>
38	<p>Quản trị nhân lực Human Resource Management</p>	<p>Quản trị nhân lực là một trong những chức năng cơ bản của tổ chức. Quản trị nguồn nhân lực hiệu quả sẽ góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức. Học phần này nghiên cứu những thực tiễn và hoạt động chủ yếu của quản trị nguồn nhân lực như: phân tích công việc, tuyển dụng nguồn nhân lực, đánh giá thực hiện công việc, đào tạo phát triển nguồn nhân lực, thù lao lao động và tạo động lực cho người lao động.</p>
39	<p>Tài chính đô thị Municipal Finance</p>	<p>Học phần Tài chính đô thị sẽ cung cấp các kiến thức về nguyên tắc, nguyên lý cũng như các nghiệp vụ cụ thể về các hoạt động lập dự toán, thu và chi của chính quyền đô thị. Trên cơ sở đó nhằm tìm ra giải pháp quản lý tài chính của chính quyền một cách hiệu quả nhất. Học phần tập trung vào các nội dung chính như: giải thích về xu hướng và thách thức tài chính đô thị hiện nay ở các quốc gia, giải thích các nguyên tắc tài chính đô thị; phân tích ưu và nhược điểm của các nguồn thu và các khoản chi của chính quyền Đô thị; phân tích các nghiệp vụ kế toán phát sinh; giải thích chu trình lập dự toán, lập bảng cân đối kế toán cũng như giải thích tại sao cần phải thực hiện kiểm toán các hoạt động tài chính của chính quyền đô thị. Các nội dung trên</p>

TT	Học phần	Mô tả học phần
		được trình bày trên cả phương diện lý luận và thực tiễn, bao gồm thực tiễn ở cấp địa phương, quốc gia, khu vực và toàn cầu.
40	Quy hoạch vùng và đô thị Urban and Regional Planning	Môn học Quy hoạch vùng và đô thị trang bị cho người học những lý luận nhận thức tổng quan về đô thị và quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch sử dụng đất đô thị; quy hoạch xây dựng đô thị; quy hoạch môi trường đô thị, quy hoạch vùng. Môn học Quy hoạch vùng và đô thị được thiết kế và xây dựng theo hướng kết nối các vấn đề và nâng cao theo từng chủ đề của môn học vận dụng những kiến thức lý thuyết để phân tích và xử lý hoặc liên hệ với thực tiễn tại các đô thị của Việt Nam cũng như trên thế giới
41	Hệ thống thông tin địa lý (GIS) Geographic Information System	GIS được coi là công cụ trợ giúp cho việc ra quyết định trong nhiều hoạt động KT-XH nhờ khả năng phân tích và xử lý đa dạng. GIS cho phép các nhà hoạch định chính sách phân tích đánh giá hiện trạng, dự báo tương lai, đề xuất các định hướng phát triển kinh tế - xã hội và vấn đề môi trường bền vững. Môn học này giúp cho người học hiểu được tầm quan trọng và có một cái nhìn tổng quan về khả năng ứng dụng của GIS trong các lĩnh vực. Nội dung của môn học bao gồm giới thiệu những nguyên lý cơ bản của GIS, các phương pháp thu thập, cập nhật, lưu trữ, tích hợp, xử lý, tra cứu, phân tích, hiển thị mọi dạng dữ liệu địa lý, và các ứng dụng của GIS trong kinh tế và quản lý. Đồng thời, trang bị cho người học các kỹ năng cơ bản trong sử dụng phần mềm GIS thông dụng để phục vụ cho các đề tài nghiên cứu.
42	Kinh tế và quản lý nhà ở đô thị Urban Housing Economics and Management	Môn học sẽ trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về kinh tế và quản lý nhà ở đô thị. Những vấn đề lý luận chung về mô hình phát triển nhà ở đô thị và áp dụng trong xây dựng chính sách nhà ở đô thị. Người học sẽ được tiếp cận với tình hình thực hiện các chính sách về nhà ở đô thị hiện nay; giải thích nguyên nhân của những thất bại của thị trường nhà ở đô thị; phân tích các chủ thể và các công cụ quản lý trong lĩnh vực nhà ở đô thị.
43	Đô thị và Biến đổi khí hậu Cities and Climate Change	Học phần Đô thị và Biến đổi khí hậu tập trung vào các nội dung chính như: giải thích tính toàn cầu của biến đổi khí hậu, phân tích các khía cạnh kinh tế của biến đổi khí hậu, trình bày kinh tế học giảm nhẹ biến đổi khí hậu và kinh tế học thích ứng với biến đổi khí hậu, phân tích các khía cạnh khác nhau của chính sách đô thị và quy hoạch đô thị gắn với biến đổi khí hậu. Phân tích mối quan hệ tác động qua lại giữa Đô thị và Biến đổi khí hậu. Học phần cũng sẽ giải thích, phân tích biến đổi khí hậu tác động đến các mục tiêu chính sách và quy hoạch đô thị gắn với

TT	Học phần	Mô tả học phần
		các yếu tố sinh thái, kinh tế... Thảo luận công tác quy hoạch đô thị ứng phó biến đổi khí hậu của các nhà hoạch định và thực thi chính sách đô thị.
44	Quản lý hành chính nhà nước ở đô thị Managing Urban Administrative Affairs	Đô thị có những đặc trưng riêng của nó, việc áp dụng chung các nguyên tắc quản lý hành chính nhà nước cho cả đô thị và nông thôn đã tỏ ra nhiều bất cập. Tuy nhiên, ở Việt Nam hiện nay chưa có luật hành chính riêng cho đô thị hay nông thôn. Môn học "Quản lý hành chính nhà nước ở đô thị" nhằm trang bị cho người học nhận thức chung về công tác quản lý hành chính nhà nước của Việt Nam, một số kỹ thuật trong quản lý và nhấn mạnh việc vận dụng các nội dung đó vào địa bàn đô thị. Cùng với việc trang bị nhận thức về lý thuyết, môn học đưa ra các bài tập tình huống giúp người học nâng cao khả năng thực hành, nhanh chóng tiếp cận thực tế, đáp ứng yêu cầu xã hội.
45	Phân tích chi phí - lợi ích Cost-Benefit Analysis	Phân tích chi phí-lợi ích cung cấp cho người học kiến thức, kỹ năng về công cụ hỗ trợ cho việc ra quyết định, dựa trên nhận biết và đánh giá các tác động của chính sách/dự án trong lĩnh vực tài nguyên - môi trường và các lĩnh vực khác như giáo dục, y tế, xây dựng, giao thông v.v. Nội dung chính của học phần gồm giới thiệu chi tiết về các bước thực hiện đối với phân tích chi phí-lợi ích, những vấn đề cơ bản về kinh tế học phúc lợi, cách thức xác định và tính toán các lợi ích và chi phí dưới góc độ xã hội kết hợp với những kiến thức mà người học đã được học từ các môn chuyên ngành khác.
46	Quản lý môi trường đô thị và khu công nghiệp Management of Urban Environment and Industrial Estates	Đô thị hóa và công nghiệp hóa góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế. Tuy nhiên, quá trình đô thị hóa và bản thân các đô thị cũng như hoạt động sản xuất công nghiệp ở các khu công nghiệp cũng làm nảy sinh vấn đề môi trường, gây tác động tiêu cực đến tự nhiên và con người. Trong bối cảnh đó, quản lý môi trường đô thị và khu công nghiệp trở thành một nhiệm vụ quan trọng và cấp bách không chỉ của nhà nước mà còn của toàn xã hội. Môn học Quản lý môi trường đô thị và khu công nghiệp cung cấp các kiến thức cơ bản về đô thị và khu công nghiệp, các vấn đề môi trường đặc thù phát sinh. Cơ sở khoa học và giải pháp quản lý môi trường đô thị và khu công nghiệp cũng được giới thiệu, giúp người học có kiến thức, công cụ để có thể áp dụng trong thực tế một cách phù hợp.
47	Đánh giá tác động môi trường Environmental Impact Assesment	Đánh giá tác động môi trường (DTM) đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững. Đánh giá tác động môi trường thực hiện nguyên tắc phòng ngừa hơn giải quyết các vấn đề môi trường nảy sinh trong quá trình phát triển

TT	Học phần	Mô tả học phần
		<p>theo đúng quan điểm chủ đạo được nêu rõ trong Luật Bảo vệ môi trường Việt Nam.</p> <p>Đánh giá tác động môi trường là bộ môn khoa học liên ngành mang tính thực tiễn cao, đóng góp thiết thực vào sự nghiệp bảo vệ môi trường của mỗi quốc gia nói riêng và toàn thế giới nói chung.</p>
48	<p>Khóa luận tốt nghiệp Graduation Thesis</p>	<p>Khóa luận tốt nghiệp là công trình nghiên cứu độc lập của sinh viên, giúp đánh giá kiến thức, năng lực của sinh viên đã tích lũy trong suốt thời gian học tập và khả năng ứng dụng vào thực tế.</p> <p>Học phần “Khóa luận tốt nghiệp” yêu cầu sinh viên đến thực tập tại một doanh nghiệp/tổ chức cụ thể trong thời gian ít nhất 12 tuần.</p>
49	<p>Chương trình đào tạo tin học theo chuẩn IC3</p>	<p>Cùng với sự phát triển của khoa học công nghệ thì việc biết sử dụng máy tính và Internet là một trong những nhu cầu thiết yếu của mỗi người. Đặc biệt, khi cuộc cách mạng công nghệ 4.0 đang bao phủ toàn thế giới thì nhu cầu đó đã trở thành một yêu cầu cho mỗi người. Để đánh giá khả năng sử dụng máy tính và Internet, IC3 là một trong những tiêu chuẩn đã được ra đời để thực hiện điều đó. Với vị thế là một chứng chỉ mang tầm quốc tế, IC3 cung cấp những tiêu chuẩn đánh giá chính xác, phù hợp với trình độ phát triển của máy tính và Internet.</p> <p>Sinh viên đại học hệ chính quy được công nhận đạt chuẩn đầu ra tin học của trường Đại học Kinh tế Quốc dân khi đạt Chứng chỉ tin học quốc tế IC3 (Internet and Computing Core Certification) do tổ chức Certiport của Mỹ cấp. Để được cấp chứng chỉ IC3, thí sinh phải thi đạt cả 3 nội dung: Máy tính căn bản, Phần mềm máy tính và cuộc sống trực tuyến. Nhà trường có tổ chức các khóa học và cấp chứng chỉ cho sinh viên làm điều kiện để ra trường. Nhà trường có Quyết định số 632/QĐ-ĐHKTQD ngày 4/5/2018 về việc ban hành quy định về chuẩn đầu ra tin học trình độ đại học hệ chính quy, đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân áp dụng từ khóa 59 (tuyển sinh năm 2017) trở đi.</p>

8. Ma trận liên kết các học phần và chuẩn đầu ra (PLOs)

Bảng 3. Ma trận liên kết các học phần và chuẩn đầu ra (PLOs)

ST	Học phần	Mã HP	Số TC	CDR về kiến thức					CDR về kỹ năng								CDR về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm
				CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5	CDR 6	CDR 7	CDR 8	CDR 9	CDR 10	CDR 11	CDR 12	CDR13	
1	Triết học Mác - Lê Nin Marxist -Leninist Philosophy	LLNL1105	3				3	3								3	
2	Kinh tế chính trị Mác Lê Nin Political Economics of Marxism and Leninism	LLNL1106	2				3	3								3	
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific Socialism	LLNL1107	2				3									3	
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Communist Party History	LLDL1102	2				3									3	
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology	LLTT1101	2				3	3								3	
6	Ngoại ngữ Foreign Language	NNKC	9	3									3		3	3	
7	Giáo dục Thể chất Physical Education	GDTC	4										3			3	
8	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Military Education	GDQP	8-11										3			3	
9	Kinh tế Vi mô I Microeconomics I	KIM1101	3	3	3	3			3							3	
10	Kinh tế Vi mô I Macroeconomics I	KHMA1101	3	3	3	3			3							3	
11	Pháp luật Đại cương Fundamentals of Laws	LUCS1129	3			3			3							3	
12	Toán cho các nhà kinh tế Mathematics for Economics	TOCB1110	3						3	3						3	
13	Thống kê trong kinh tế và kinh doanh Statistics for Economics and Business	TKKD1129	3	3	3	3			3	3	3			3		3	
14	Nguyên lý kế toán Accounting Principles	NLKT1101	3		3	3			3							3	

TT	Học phần	Mã HP	Số TC	CĐR về kiến thức					CĐR về kỹ năng						CĐR về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm	
				CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9	CĐR 10	CĐR 11	CĐR 12	CĐR13
15	Lý thuyết xác suất và thống kê toán Probability and Mathematical Statistics	TOKT1145	3			3			3	3						3
16	Lý thuyết tài chính tiền tệ Monetary and Financial Theories	NHLT1001	3	3		3			3							3
17	Kinh tế phát triển Development Economics	PTKT1128	3	3	3	3			3	3						3
18	Kinh tế quốc tế International Economics	TMKQ1123	3			3			3							3
19	Kinh tế lao động Labor Economics	NLKT1115	3	3		3			3	3						3
20	Kinh tế và quản lý môi trường Environmental Economics and Management	MTKT1104	3	3	3	3			3			3				3
21	Kinh tế đầu tư Investment Economics	DTKT1101	3	3		3			3							3
22	Kinh tế đô thị Urban Economics	MIDT1115	3	4	4	4			4	4	4	4				4
23	Quản lý đô thị Urban Management	MIDT1120	3	4	4	4			4	4	4	4				4
24	Quản lý dự án đô thị Urban Project Management	MTDT1124	3	4	4	4			4	4	4	4				4
25	Kinh tế vi mô 2 Microeconomics 2	KHMI1102	3	4		4			4							4
26	Kinh tế học biến đổi khí hậu Economics of Climate Change	MTKHI103	3	3		3				3		3	3			3
27	Kinh tế tài nguyên đất Land Resource Economics	TNDC1139	3	3	3						4	3	3			3
28	Kinh tế lượng 1 Econometrics I	TOKT1101	3	3		3				4	4					3
29	Xã hội học Sociology	NLQT1106	3		3					4	4		4			3

TT	Học phần	Mã HP	Số TC	CDR về kiến thức					CDR về kỹ năng						CDR về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm	
				CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5	CDR 6	CDR 7	CDR 8	CDR 9	CDR 10	CDR 11	CDR 12	CDR13
30	Đề án môn học - Kinh tế và quản lý đô thị Essay on Urban Economics and Management	MTDT1104	2	4	4				4	4	4	4	4			4
31	Hội nhập kinh tế quốc tế International Economic Integration	TMKQ1107	3	3	3	3						3			3	3
32	Phương pháp nghiên cứu kinh tế-xã hội Socio-Economic Research Methods	PTCC1117	3						3	3	3			3		3
33	Kinh tế vĩ mô 2 Macroeconomics 2	KHMA1102	3	4					4	4						4
34	Định giá bất động sản Real Estate Valuation	TNBD1127	3	3									6			3
35	Quản lý nhà nước về đất đai Land Administration	TNDC1143	3	3		4				3	3					3
36	Marketing căn bản Principles of Marketing	MKMA1104	3	3	3	3				3						3
37	Đô thị hóa và phát triển Urbanization and Development	MTDT1121	3	4	4	4			4	4	4	4				4
38	Quản trị nhân lực Human Resource Management	NLQT1103	3	3	3	3				3						3
39	Tài chính đô thị Municipal Finance	MTDT1126	3	4	4	4			4	4	4	4				4
40	Quy hoạch vùng và đô thị Urban and Regional Planning	MTDT1114	3	4	4	4			4	4	4	4				4
41	Hệ thống thông tin địa lý Geographic Information System	MTDT1106	3	4	4	4			4	4	4	4		4		4
42	Kinh tế và quản lý nhà ở đô thị Urban Housing Economics and Management	MTDT1123	3	4	4	4			4	4	4	4				4
43	Đô thị và Biến đổi khí hậu Cities and Climate Change	MTDT1122	3	4	4	4				4		4	4			4

TT	Học phần	Mã HP	Số TC	CDR về kiến thức					CDR về kỹ năng						CDR về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm	
				CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5	CDR 6	CDR 7	CDR 8	CDR 9	CDR 10	CDR 11	CDR 12	CDR13
44	Quản lý hành chính nhà nước ở đô thị Managing Urban Administrative Affairs	MTDT1125	3	4	4	4			4	4	4	4				4
45	Phân tích chi phí - lợi ích Cost-Benefit Analysis	MTKT1135	3		3				3		3					3
46	Quản lý môi trường đô thị và khu công nghiệp Management of Urban Environment and Industrial Estates	MTKT1157	3		3	3			3			3				3
47	Đánh giá tác động môi trường Environmental Impact Assesment	MTKT1151	3	3	3					4		4				3
48	Khóa luận tốt nghiệp Graduation Thesis	MTDT1128	10	5	4	4			5	5	4	4				5
49	Chương trình đào tạo tin học theo chuẩn IC3													4		4

9. Thời điểm điều chỉnh Chương trình đào tạo: tháng 6 năm 2021

TRƯỞNG KHOA

Trưởng

PGS.TS Đinh Đức Trường

HIỆU TRƯỞNG


PGS.TS Phạm Hồng Chương

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT

(Ban hành kèm theo quyết định số 345/QĐ/ĐHKTQD, ngày 26 tháng 7 năm 2021)

1. THÔNG TIN TỔNG QUÁT (GENERAL INFORMATION)

- Tên học phần (tiếng Việt):	Triết học Mác - Lênin
- Tên học phần (tiếng Anh)	Marxist-Leninist Philosophy
- Mã số học phần	LLNL 1105
- Thuộc khối kiến thức	Kiến thức giáo dục đại cương
- Số tín chỉ	3
+ Số giờ lý thuyết	30
+ Số giờ thảo luận/thực hành	15
+ Số giờ tự học	60 (1 giờ giảng dạy = 2 giờ tự học)
- Các học phần tiên quyết	Không

2. THÔNG TIN BỘ MÔN QUẢN LÝ VÀ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY

Bộ môn quản lý: Những NLCB của CN Mác -Lênin

Địa chỉ: Phòng 1014 Nhà A1, Trường ĐH Kinh tế Quốc dân

Giảng viên tham gia giảng dạy:

TT	Họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS Nguyễn Văn Hậu	0967865556	nvhau@neu.edu.vn
2	TS Lê Ngọc Thông	0977827782	thongln@neu.edu.vn
3	TS Lê Thị Hồng	0913059808	honglt@neu.edu.vn
4	TS Phạm Văn Sinh	0912139918	sinhpv@neu.edu.vn
5	TS Nghiêm Thị Châu Giang	0911133533	giangnc@neu.edu.vn
6	TS Nguyễn Văn Thuận	0916251915	thuannv@neu.edu.vn
7	TS Nguyễn Thị Lê Thu	0989581386	lethu@neu.edu.vn
8	ThS Nguyễn Mai Lan	0988177357	lannm@neu.edu.vn
9	ThS Võ Thị Hồng Hạnh	09855798886	hanhvth@neu.edu.vn

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN (COURSE DESCRIPTIONS)

Học phần trang bị những nội dung cơ bản của thế giới quan và phương pháp luận triết học của chủ nghĩa Mác – Lênin trong việc nghiên cứu và học tập các môn học khác trong chương trình đào tạo cũng như các tri thức khác của nhân loại; cho việc vận dụng các tri thức của sinh viên vào đời sống thực tiễn

Làm tiền đề trực tiếp để nghiên cứu các bộ phận cấu thành khác của chủ nghĩa Mác - Lênin, tiếp cận môn Tư tưởng Hồ Chí Minh và Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên, định hướng tư tưởng - chính trị trong chuyên ngành được đào tạo.

4. TÀI LIỆU THAM KHẢO (LEARNING RESOURCES: COURSE BOOKS, REFERENCE BOOKS, AND SOFTWARES)

Giáo trình

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Triết học Mác - Lênin*. (Dành cho bậc đại học không chuyên lý luận chính trị), NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà nội 2021

Tài liệu khác

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Triết học Mác - Lênin*. (Dùng trong đào tạo thạc sỹ, tiến sỹ các ngành KIIXN và NV không chuyên ngành Triết học). Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội, Hà Nội, 2014.

3. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác -Lênin (Dành cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh – Tái bản, có sửa chữa, bổ sung), NXB Chính trị Quốc gia, năm 2010

4. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn khoa học Mác-Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh (2014), *Giáo trình triết học Mác-Lênin (Tái bản có sửa chữa)*, NXB CTQG, HN

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN (COURSE GOALS)

Bảng 5.1. Mục tiêu học phần

TT	Mô tả mục tiêu học phần	CDR (PLO) của CTĐT**	Mức độ***
[1]	[2]	[3]	[4]
G1	Sinh viên hiểu được thế giới quan và phương pháp luận khoa học của triết học Mác-Lênin	PLO1.1.2 PLO1.2.2 PLO1.2.3	3

	<p>Sinh viên hiểu được những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, phép biện chứng duy vật, lý luận nhận thức duy vật biện chứng</p> <p>Sinh viên hiểu được những quy luật chi phối sự vận động, phát triển của xã hội.</p>		
G2	<p>Sinh viên vận dụng các kiến thức đã học để giải thích và bình luận các hiện tượng mang tính phổ quát diễn ra trong lĩnh vực tự nhiên, xã hội và tư duy;</p> <p>Sinh viên vận dụng nhằm giải thích được các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội trong nước và quốc tế;</p> <p>Sinh viên hình thành kỹ năng tư duy lôgic, khoa học; phát triển các kĩ năng phân tích, so sánh, tổng hợp, hệ thống hóa các vấn đề khoa học.</p>	PLO2.1.1	3
G3	<p>Nghiêm túc học hỏi và tiếp cận kiến thức mới phục vụ cho công việc.</p> <p>Tự chủ trong công việc, chịu trách nhiệm về kết quả công việc của bản thân.</p> <p>Trở thành công dân toàn cầu, hành động có trách nhiệm xã hội.</p>	PLO3.1.1	3

6. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN (COURSE LEARNING OUTCOMES)

Bảng 6.1. Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Mục tiêu HP	CLOs	Mô tả CLOs*	Mức độ đạt được**
[1]	[2]	[3]	[4]

Mục tiêu HP	CLOs	Mô tả CLOs*	Mức độ đạt được**
G1	CLO1.1	Giúp cho người học hiểu được vấn đề cơ bản của Triết học và sự hình thành phát triển của các trường phái triết học; Sự ra đời và phát triển của triết học Mác – Lênin; Vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay.	2
	CLO1.2	Giúp cho người học hiểu được khái niệm vật chất, các phương thức và hình thức tồn tại của vật chất, tính thống nhất vật chất của thế giới. Hiểu được nguồn gốc, bản chất và kết cấu của ý thức. Giúp người học có kiến thức nhằm nhận thức và luận giải được mối quan hệ biện chứng giữa vật chất và ý thức. Từ đó cho người học rút ra nguyên tắc phương pháp luận trong nhận thức và hoạt động thực tiễn. Giúp cho sinh viên nhận thức đầy đủ nội dung của phép biện chứng duy vật; hiểu được lý luận nhận thức duy vật biện chứng.	2
	CLO1.3	Hiểu được học thuyết hình thái kinh tế - xã hội; hiểu rõ quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về giai cấp và dân tộc, về nhà nước và cách mạng xã hội.	3
G2	CLO2.1	Hiểu được quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về ý thức xã hội và tồn tại xã hội, và quan điểm của triết học Mác – Lênin về con người	3
	CLO2.2	Giúp người học có thái độ tích cực, năng động, sáng tạo và tự chủ trong công việc, có chịu trách nhiệm về kết quả công việc của bản thân.	3
G3	CLO3.1	Định hướng cho người học trở thành công dân toàn cầu, hành động có trách nhiệm xã hội.	3
	CLO3.2	Trang bị cho người học phương pháp luận khoa học trong nhận thức và hoạt động thực tiễn.	3

7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN (COURSE ASSESSMENT)

Bảng 7.1. Đánh giá học phần

Hình thức đánh giá	Nội dung/ Bài đánh giá	Thời điểm	CLOs	Tiêu chí đánh giá*	Tỷ lệ (%)
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
Chuyên cần	Tham dự đầy đủ các buổi học (không nghỉ quá 20% tổng số giờ khóa học)	Tuần 1-15	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1 CLO3.2	Nhất kỷ giảng dạy của giảng viên với các tiêu chí đánh giá: (i) Mức độ tham gia; (ii) Khả năng tương tác; (iii) Chất lượng câu trả lời	10%
Đánh giá quá trình (bài tập lớn và thảo luận nhóm)	Hoàn thành bài tập lớn và tham gia thảo luận nhóm Điểm của bài tập lớn và thảo luận nhóm chiếm 40%/trong tổng điểm môn học.	Tuần 10	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1 CLO3.2	Mức độ hoàn thành bài tập lớn (dùng thời gian, chất lượng bài tập gắn với mức độ đạt được kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm của chuẩn đầu ra học phần), theo yêu cầu của giảng viên.	40%
Đánh giá cuối kỳ	Bài thi cuối kỳ	Lịch thi học phần	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO2.1	Trắc nghiệm khách quan trên máy. Thời gian làm bài: 50 phút/80 câu	50%

			CLO2.2		
			CLO3.1		
			CLO3.2		

8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (LESSON PLAN)

Bảng 8.1. Kế hoạch giảng dạy

Tuần	Nội dung giảng dạy*	Tài liệu đọc**	CLOs	Hoạt động dạy và học***	Công cụ đánh giá****
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
1	<p>Chương 1. Triết học và vai trò của Triết học trong đời sống xã hội</p> <p>1.1. Triết học và vấn đề cơ bản của triết học</p> <p>Bài tập nhỏ chương 1</p>	1 2	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3 CLO2.2 CLO3.1 CLO3.2	<p>Học ở nhà: Nghiên cứu trước tài liệu Chương 1</p> <p>Học ở lớp: Thuyết giảng: 2 tiết Thảo luận (thảo luận nhóm và thảo luận cả lớp): 1 tiết</p>	Mức độ tham gia Khả năng tương tác Chất lượng câu trả lời
2	<p>Chương 1. Triết học và vai trò của Triết học trong đời sống xã hội</p> <p>1.2. Triết học mác – Lênin và vai trò của triết học Mác – Lênin đối với đời sống xã hội</p> <p>Bài tập nhỏ chương 1</p>	1 2	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3 CLO2.2 CLO3.1 CLO3.2	<p>Học ở nhà: Nghiên cứu trước tài liệu Chương 1</p> <p>Học ở lớp: Thuyết giảng: Thảo luận (thảo luận nhóm và thảo luận cả lớp):</p>	Mức độ tham gia Khả năng tương tác Chất lượng câu trả lời
3	<p>Chương 2: Chủ nghĩa duy vật biện chứng</p> <p>2.1. Vật chất và ý thức</p> <p>Bài tập nhỏ chương 2</p>	1 2	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3 CLO2.2 CLO3.1	<p>Học ở nhà: Nghiên cứu trước tài liệu Chương 1</p> <p>Học ở lớp: Thuyết giảng: Thảo luận (thảo luận nhóm và</p>	Mức độ tham gia Khả năng tương tác Chất lượng câu trả lời

			CLO3.2	thảo luận cả lớp	
4	Chương 2: Chủ nghĩa duy vật biện chứng 2.1. Vật chất và ý thức Bài tập nhỏ chương 2	1 2	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3 CLO2.2 CLO3.1 CLO3.2	Học ở nhà: Nghiên cứu trước tài liệu Chương 2 Học ở lớp Thuyết giảng và thảo luận nhóm	Mức độ tham gia Khả năng tương tác Chất lượng câu trả lời
5	Chương 2: Chủ nghĩa duy vật biện chứng 2.3. Phép biện chứng duy vật Bài tập nhỏ chương 2	1 2	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3 CLO2.2 CLO3.1 CLO3.2	Học ở nhà: Nghiên cứu trước tài liệu Chương 2 Học ở lớp Thuyết giảng và thảo luận nhóm.	Mức độ tham gia Khả năng tương tác Chất lượng câu trả lời
6	Chương 2: Chủ nghĩa duy vật biện chứng 2.3. Phép biện chứng duy vật Bài tập nhỏ chương 2	1 2	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3 CLO2.2 CLO3.1 CLO3.2	Học ở nhà: Nghiên cứu trước tài liệu Chương 2 Học ở lớp Thuyết giảng và thảo luận nhóm	Mức độ tham gia Khả năng tương tác Chất lượng câu trả lời
7	Chương 2: Chủ nghĩa duy vật biện chứng 2.3. Lý luận nhận thức Bài tập nhỏ chương 2	1 2	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3 CLO2.2 CLO3.1 CLO3.2	Học ở nhà: Nghiên cứu trước tài liệu Chương 2 Học ở lớp Thuyết giảng và thảo luận nhóm	Mức độ tham gia Khả năng tương tác Chất lượng câu trả lời

8	<p>Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử</p> <p>3.1. Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội</p>	1 2	<p>CLO.1.1</p> <p>CLO.1.2</p> <p>CLO.1.3</p> <p>CLO2.2</p> <p>CLO3.1</p> <p>CLO3.2</p>	<p>Học ở nhà: Nghiên cứu trước tài liệu Chương 3</p> <p>Học ở lớp</p> <p>Thuyết giảng và Thảo luận nhóm:</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Khả năng tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời</p>
9	<p>Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử</p> <p>3.1. Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội</p>	1 2	<p>CLO.1.1</p> <p>CLO.1.2</p> <p>CLO.1.3</p> <p>CLO2.2</p> <p>CLO3.1</p> <p>CLO3.2</p>	<p>Học ở nhà: Nghiên cứu trước tài liệu Chương 3</p> <p>Học ở lớp</p> <p>Thuyết giảng và Thảo luận nhóm</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Khả năng tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời</p>
10	<p>Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử</p> <p>3.1. Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội</p>	1 2	<p>CLO.1.1</p> <p>CLO.1.2</p> <p>CLO.1.3</p> <p>CLO2.2</p> <p>CLO3.1</p> <p>CLO3.2</p>	<p>Học ở nhà: Nghiên cứu trước tài liệu Chương 3</p> <p>Học ở lớp</p> <p>Thuyết giảng và thảo luận cả lớp</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Khả năng tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời</p>
11	<p>Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử</p> <p>3.2. Giai cấp và dân tộc</p>	1 2	<p>CLO.1.1</p> <p>CLO.1.2</p> <p>CLO.1.3</p> <p>CLO2.2</p> <p>CLO3.1</p> <p>CLO3.2</p>	<p>Học ở nhà: Nghiên cứu trước tài liệu Chương 3</p> <p>Học ở lớp</p> <p>Thuyết giảng và thảo luận nhóm</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Khả năng tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời</p>
12	<p>Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử</p> <p>3.3. Nhà nước và cách mạng xã hội</p>	1 2	<p>CLO.1.1</p> <p>CLO.1.2</p> <p>CLO.1.3</p> <p>CLO2.2</p> <p>CLO3.1</p> <p>CLO3.2</p>	<p>Học ở nhà: Nghiên cứu trước tài liệu Chương 3</p> <p>Học ở lớp</p> <p>Thuyết giảng và thảo luận nhóm.</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Khả năng tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời</p>

	Chương 3: Chủ nghĩa duy vật biện chứng	1 2	CLO.1.1 CLO.1.2	Học ở nhà: Nghiên cứu trước tài liệu Chương 3	Mức độ tham gia Khả năng tương tác
13	3.4. Ý thức xã hội		CLO.1.3 CLO2.2 CLO3.1 CLO3.2	Học ở lớp Thuyết giảng và thảo luận nhóm.	Chất lượng câu trả lời
14	Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử 3.5. Triết học về con người	1 2	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3 CLO2.2 CLO3.1 CLO3.2	Học ở nhà: Nghiên cứu trước tài liệu Chương 3 Học ở lớp Thuyết giảng và thảo luận nhóm.	Mức độ tham gia Khả năng tương tác Chất lượng câu trả lời
15	Ôn tập, hệ thống lại kiến thức và chữa bài tập lớn			Giảng viên hệ thống lại nội dung học phần và giải đáp những câu hỏi của sinh viên Chữa bài tập lớn cá nhân	Mức độ tham gia Khả năng tương tác Chất lượng câu trả lời

9. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN (COURSE REQUIREMENTS AND EXPECTATION)

9.1. Quy định về tham dự lớp học

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ các buổi học trên lớp. Số tiết vắng mặt vượt quá 20% tổng số tiết của học phần (vì bất kể lý do gì) thì sinh viên phải đăng ký học lại.
- Sinh viên phải đến lớp đúng giờ. Một buổi vắng mặt sẽ tính khi: (i) 3 buổi đi muộn; hoặc (ii) rời lớp trước khi buổi học kết thúc.
- Sinh viên không nộp bài tập lớn sẽ nhận điểm 0 (không).

9.2. Quy định về hành vi lớp học

- Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm
- Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.
- Sinh viên cần chủ động tham gia bài giảng trên lớp thông qua thảo luận nhóm, thảo luận trên lớp, nghiên cứu tình huống, thuyết trình

- Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

Hà Nội, ngày 26 tháng 7 năm 2021

TRƯỞNG BỘ MÔN

TRƯỞNG KHOA

HIỆU TRƯỞNG

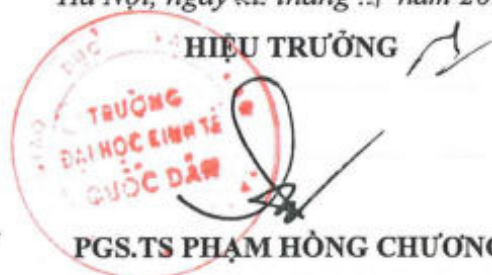
Hào

Hiếu

TS NGUYỄN THỊ HÀO

PGS.TS NGUYỄN THỊ THANH HIẾU

PGS.TS PHẠM HỒNG CHƯƠNG



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

(Ban hành kèm theo quyết định số 1345/QĐ/ĐHKTQD, ngày 16 tháng 7 năm 2021)

1 THÔNG TIN TỔNG QUÁT (GENERAL INFORMATION)

- Tên học phần (tiếng Việt):	Kinh tế chính trị Mác-Lênin
- Tên học phần (tiếng Anh)	<i>Political Economics of Marxism and Leninism</i>
- Mã số học phần	LLNL1106
- Thuộc khối kiến thức	Kiến thức đại cương/ General education
- Số tín chỉ	2
+ Số giờ lý thuyết	20
+ Số giờ thảo luận/thực hành	10
+ Số giờ tự học	40 (1 giờ giảng dạy = 2 giờ tự học)
- Các học phần tiên quyết	Triết học Mác-Lênin

2. THÔNG TIN BỘ MÔN QUẢN LÝ VÀ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY

Bộ môn quản lý: Những NLCB của CN Mác-Lênin

Địa chỉ: Phòng 1014 Nhà A1, Trường ĐH Kinh tế Quốc dân

Giảng viên tham gia giảng dạy:

TT	Họ và tên	Số điện thoại	Email
1	PGS.TS Tô Đức Hạnh		hanhdt@neu.edu.vn
2	PGS.TS Đào Thị Phương Liên		liendp@neu.edu.vn
3	PGS.TS Trần Việt Tiến		tientv@neu.edu.vn
4	PGS.TS Nguyễn Thị Thanh Hiếu		hieunt@neu.edu.vn
5	TS Nguyễn Thị Hào		haont@neu.edu.vn
6	TS Mai Lan Hương		huongml@neu.edu.vn
7	TS Nguyễn Văn Hậu		nvhau@neu.edu.vn

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN (COURSE DESCRIPTIONS)

Học phần này gồm 6 chương: Trong đó Chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác- Lênin. Chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác-Lênin theo mục tiêu của môn học. Cụ thể các vấn đề như; hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc trong nền kinh tế thị trường.; Kinh tế thị trường định hướng XHCN và các quan hệ lợi ích kinh tế; Công nghiệp hóa, Hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

4. TÀI LIỆU THAM KHẢO (LEARNING RESOURCES: COURSE BOOKS, REFERENCE BOOKS, AND SOFTWARES)

- Giáo trình:

1. Bộ giáo dục và đào tạo (2021), *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin* (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), NXB chính trị quốc gia, sự thật, Hà nội 2021

- Tham khảo:

2. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác -Lênin (Dành cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh – Tái bản, có sửa chữa, bổ sung), NXB Chính trị Quốc gia, năm 2010.

3. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn khoa học Mác-Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh (2013), *Giáo trình Kinh tế học chính trị học Mác-Lênin (Tái bản có sửa chữa)*, NXB CTQG, HN

4. Giáo trình Kinh tế chính trị Mác Lênin về thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001.

- Tài liệu khác:

NEU's eBooks and documents at <http://lic.ncu.edu.vn/>

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN (COURSE GOALS)

Bảng 5.1. Mục tiêu học phần

TT	Mô tả mục tiêu học phần	CBĐ (PLO) của CTĐT**	Mức độ***
----	----------------------------	----------------------	-----------

[1]	[2]	[3]	[4]
G1	Trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản, cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác-Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay. Đảm bảo tính cơ bản, hệ thống, khoa học, cập nhật tri thức mới, gắn với thực tiễn, tính sáng tạo, kỹ năng, tư duy, phẩm chất người học.	<p>PLO1.1.2</p> <p>PLO1.2.2</p> <p>PLO1.2.3</p>	3
G2	Trên cơ sở đó hình thành tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế xã hội của đất nước và góp phần giúp sinh viên xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và thực tiễn cuộc sống của sinh viên sau này.	PLO2.1.1	3
G3	<p>-Góp phần xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng của chủ nghĩa Mác-Lênin đối với sinh viên.</p> <p>- Có ý thức tổ chức kỷ luật; năng động, nhiệt huyết và có tinh thần hợp tác và trách nhiệm với công việc.</p> <p>- Có khả năng tự học tập, tích lũy kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn.</p> <p>-Trở thành công dân toàn cầu, sẵn sàng hành động tích cực thể hiện trách nhiệm xã hội</p>	<p>PLO3.1.1</p> <p>PLO3.1.2</p>	3

6. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN (COURSE LEARNING OUTCOMES)

Bảng 6.1. Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Mục tiêu HP	CLOs	Mô tả CLOs*	Mức độ đạt được**
[1]	[2]	[3]	[4]
G1	CLO1.1	<p>Hiểu được nội dung lý luận giá trị lao động của C.Mác thông qua các phạm trù cơ bản về hàng hóa, tiền tệ, giá cả, quy luật giá trị, tính 2 mặt của lao động sản xuất hàng hóa, năng suất lao động... giúp cho việc nhận thức một cách căn bản cơ sở lý luận của các mối quan hệ kinh tế trong nền kinh tế thị trường.</p> <p>Hiểu được lý luận về sản xuất giá trị thặng dư của C.Mác</p>	2

Mục tiêu HP	CLOs	Mô tả CLOs*	Mức độ đạt được**
		trong điều kiện nền kinh tế thị trường tự do cạnh tranh tư bản chủ nghĩa để thấy được các quan hệ lợi ích cơ bản nhất thông qua phân phối giá trị mới do lao động tạo ra giữa các chủ thể cơ bản trong nền kinh tế thị trường	
	CLO1.2	Nắm được lý luận của V.I Lenin về độc quyền và độc quyền nhà nước trong nền kinh tế thị trường TBCN, hiểu được bối cảnh nền kinh tế thế giới đang có những đặc trưng mới	2
	CLO1.3	Nắm được những kiến thức cơ bản về nền kinh tế thị trường định hướng XIICN ở Việt Nam và các quan hệ lợi ích trong nền kinh tế thị trường định hướng XIICN ở Việt Nam. Hiểu được tính tất yếu khách quan và nội dung của quá trình công nghiệp hóa- Hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam	
G2	CLO 2.1	Hình thành kỹ năng tự bảo vệ lợi ích chính đáng của mình biết cách giải quyết có căn cứ, khoa học quan hệ lợi ích của mình trong quan hệ với lợi ích người lao động, với lợi ích của xã hội khi khởi nghiệp hoặc tham gia các hoạt động kinh tế- xã hội trong bối cảnh xã hội hiện đại.	3
	CLO2.2	- Hình thành kỹ năng tư duy vận dụng lý luận nền tảng vào giải quyết các vấn đề kinh tế khi tham gia các quan hệ kinh tế xã hội, các quan hệ lợi ích trong nền kinh tế thị trường -Hình thành tư duy về giải quyết các quan hệ lợi ích giữa Việt nam với các quốc gia trên thế giới thông qua hội nhập kinh tế quốc tế trong bối cảnh nhiều thách thức hiện nay.	3
G3	CLO 3.1	Có khả năng tự học tập, tự tìm hiểu tài liệu để hoàn thành các bài học và bài tập được giao.	3
	CLO3.2	Trở thành công dân toàn cầu, sẵn sàng hành động tích cực thể hiện trách nhiệm xã hội	3

7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN (COURSE ASSESSMENT)

Bảng 7.1. Đánh giá học phần

Hình thức đánh giá	Nội dung/ Bài đánh giá	Thời điểm	CLOs	Tiêu chí đánh giá*	Tỷ lệ (%)
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
Chuyên cần	Tham dự đầy đủ các buổi học (không nghỉ quá 20% tổng số giờ khóa học)	Tuần 1-13	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO2.1 CLO2.2	Nhật ký giảng dạy của giảng viên với các tiêu chí đánh giá (i) Mức độ tham gia (ii) Khả năng tương tác; (iii) Chất lượng câu trả lời.	10%
Đánh giá quá trình (bài tập lớn cá nhân và thảo luận nhóm)	Hoàn thành bài tập lớn cá nhân và tham gia thảo luận nhóm Điểm của bài tập lớn cá nhân và thảo luận nhóm chiếm 40% trong tổng điểm môn học.	Tuần 10	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO2.1 CLO2.2	Mức độ hoàn thành bài tập lớn (đúng thời gian, chất lượng bài tập gắn với mức độ đạt được kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm của chuẩn đầu ra học phần) theo yêu cầu của giảng viên.	40%
Đánh giá cuối kỳ	Bài thi cuối kỳ	Lịch thi học phần	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO2.1 CLO2.2	Trắc nghiệm khách quan trên máy. Thời gian làm bài 50 phút/80 câu	50%

8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (LESSON PLAN)

Bảng 8.1. Kế hoạch giảng dạy

Tuần	Nội dung giảng dạy*	Tài liệu đọc**	CLOs	Hoạt động dạy và học***	Công cụ đánh giá****
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
Tuần 1	<p>Chương 1: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác-Lênin</p> <p>I. Khái quát sự hình thành và phát triển của KTCT Mác-Lênin</p> <p>II. Đối tượng, mục đích và phương pháp nghiên cứu của KTCT Mác-Lênin</p> <p>III. Chức năng của Kinh tế chính trị Mác-Lênin</p>	1,2,3	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	<p>Giới thiệu học phần</p> <p>Đặt ra yêu cầu học tập</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời</p>
Tuần 2	<p>Chương 2: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường</p> <p>I. Lý luận của C.Mác về sản xuất hàng hóa</p>	1,2,3	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời</p>
Tuần 3	<p>Chương 2: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường</p> <p>II. Thị trường và nền kinh tế thị trường</p> <p>III. Vai trò của một số chủ thể tham gia thị trường</p>	1,2,3	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời</p>

Tuần 4	Chương 3: Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường I.Lý luận của C.Mác về Giá trị thặng dư	1,2,3	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
Tuần 5	Chương 3: Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường I.Lý luận của C.Mác về giá trị thặng dư	1,2,3	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
Tuần 6	Chương 3: Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường II.Tích lũy tư bản	1,2,3	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
Tuần 7	Chương 3: Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường III.các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư	1,2,3	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
Tuần 8	Chương 3: Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường III.các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư	1,2,3	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời

	Giao bài tập lớn giữa kỳ		CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	Giảng viên giao đề tài Hướng dẫn sinh viên trình bày nội dung và hình thức	Đạt yêu cầu của bài tập về nội dung và hình thức
Tuần 9	Chương 4: Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường I.Cạnh tranh ở cấp độ độc quyền trong nền kinh tế thị trường II.Lý luận của Lenin và đặc điểm kinh tế của độc quyền, độc quyền Nhà nước trong nền KTTT TBCN	1,2,3	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
Tuần 10	Chương 4: Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường III.Biểu hiện mới của độc quyền, độc quyền Nhà nước trong điều kiện ngày nay, vai trò lịch sử của CNTB	1,2,3	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
Tuần 11	Chương 5: Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam I.Kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam	1,2,3	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
Tuần 12	Chương 5: Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam	1,2,3	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời

	II. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam III. Các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam			huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	
Tuần 13	Chương 6: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam I. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam	1,2,3	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
Tuần 14	Chương 6: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam II. Hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam	1,2,3	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	
Tuần 15	Hệ thống kiến thức cơ bản		CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	Hệ thống lại kiến thức Chữa bài tập lớn	
	Thi cuối kỳ			Sinh viên làm bài thi theo lịch	Theo yêu cầu bài thi

9. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN (COURSE REQUIREMENTS AND EXPECTATION)

9.1. Quy định về tham dự lớp học

- Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

- Sinh viên có trách nhiệm chủ động nghiên cứu tài liệu, chủ động chuẩn bị bài học trước khi đến lớp theo hướng dẫn và yêu cầu của giảng viên

- Sinh viên vắng quá 3 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại.

- Sinh viên nộp bài tập cá nhân và bài tập nhóm muộn so với thời gian quy định của giảng viên sẽ nhận điểm 0 của bài tập đó.

- Về trao đổi giữa giảng viên và sinh viên: Khuyến khích sinh viên tham gia thảo luận, phản hồi trực tiếp với giảng viên về nội dung học phần, phương pháp dạy và học, tài liệu giảng dạy và đọc. Giảng viên cũng khuyến khích sinh viên phản hồi về hình thức, phương pháp và nội dung kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên. Sinh viên có thể giao trao đổi với giảng viên trên lớp, trong giờ hành chính hoặc qua email. Những thông tin phản hồi của sinh viên có giá trị góp phần nâng cao chất lượng dạy và học của học phần.

9.2. Quy định về hành vi lớp học

- Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

- Sinh viên cần chủ động tham gia bài giảng trên lớp thông qua trao đổi với giảng viên (trả lời và đặt câu hỏi), thảo luận với sinh viên khác trên lớp, thảo luận nhóm, nghiên cứu tình huống, thuyết trình.

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 10 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

- Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

- Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

Hà Nội, ngày 26 tháng 07 năm 2021

TRƯỜNG BỘ MÔN

TRƯỜNG KHOA

HIỆU TRƯỞNG

Hào

Hiếu

TS NGUYỄN THỊ HÀO

PGS.TS NGUYỄN T. THANH HIẾU

PGS.TS PHẠM HỒNG CHƯƠNG



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

(Ban hành kèm theo quyết định số 1395/QĐ/ĐHKTQD, ngày 26 tháng 7 năm 2021)

1 THÔNG TIN TỔNG QUÁT (GENERAL INFORMATION)

- Tên học phần (tiếng Việt):	Chủ nghĩa xã hội khoa học
- Tên học phần (tiếng Anh)	Scientific Socialism
- Mã số học phần	LLNL1107
- Thuộc khối kiến thức	Kiến thức đại cương/ General education
- Số tín chỉ	2
+ Số giờ lý thuyết	20
+ Số giờ thảo luận/ thực hành	10
+ Số giờ tự học	40 (1 giờ giảng dạy = 2 giờ tự học)
- Các học phần tiên quyết	Triết học Mác-Lênin, Kinh tế chính trị Mác-Lênin

2. THÔNG TIN BỘ MÔN QUẢN LÝ VÀ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY

Bộ môn quản lý: Những NLCB của CN Mác-Lênin

Địa chỉ: Phòng 1014 Nhà A1, Trường ĐH Kinh tế Quốc dân

Giảng viên tham gia giảng dạy:

TT	Họ và tên	Số điện thoại	Email
1	PGS.TS Đào Thị Phương Liên		liendp@neu.edu.vn
2	TS Lê Thị Hồng		liendp@neu.edu.vn
3	TS Lê Ngọc Thông		honglt@neu.edu.vn
4	TS Nguyễn Thị Hào		haont@neu.edu.vn
5	TS Nguyễn Văn Hậu		nvhau@neu.edu.vn
6	TS Nguyễn Văn Thuận		thuannv@neu.edu.vn
7	TS Nguyễn Thị Lê Thu		thunl@neu.edu.vn
8	ThS Nguyễn Thị Mai Lan		lanm@neu.edu.vn
9	ThS Võ Thị Hồng Hạnh		hanhvth@neu.edu.vn

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN (COURSE DESCRIPTIONS)

Nội dung học phần gồm 7 chương: chương 1, trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của Chủ nghĩa xã hội khoa học nhằm làm rõ quá trình hình thành, phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học; đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học. Từ chương 2 đến chương 7 trình bày những vấn đề lý luận cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học như: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội, nghiên cứu vấn đề dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội- giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội; những vấn đề dân tộc và tôn giáo, vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Trong mỗi chương sau khi nghiên cứu các vấn đề lý luận cơ bản đều có phần nghiên cứu thực trạng và các phương hướng, quan điểm của Đảng Cộng Sản Việt Nam đối với vấn đề đó ở Việt Nam hiện nay.

4. TÀI LIỆU THAM KHẢO (LEARNING RESOURCES: COURSE BOOKS, REFERENCE BOOKS, AND SOFTWARES)

Giáo trình

1. Bộ giáo dục và đào tạo (2021), Giáo trình Chủ nghĩa Xã hội khoa học (Sử dụng trong các trường Đại học- Hệ không chuyên lý luận chính trị), NXB Chính trị quốc gia-Sự thật, Hà nội.

Tài liệu tham khảo

1. Hội đồng trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia, *Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học (tái bản có sửa chữa, bổ sung)*. Nxb.Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2012.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010), *Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010

3. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (1997), *Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học chương trình cao cấp, tập 1, 2*, Nxb Chính trị quốc gia.

- Tài liệu khác:

NEU's eBooks and documents at <http://lic.neu.edu.vn/>

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN (COURSE GOALS)

Bảng 5.1. Mục tiêu học phần

TT	Mô tả mục tiêu học phần	CĐR (PLO) của CTĐT**	Mức độ***
[1]	[2]	[3]	[4]
G1	Giúp sinh viên nắm được những quan điểm cơ bản chủ nghĩa Mác – Lênin về giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, nội dung, biểu hiện và ý nghĩa của sứ mệnh lịch sử đó trong bối cảnh hiện nay. Nắm được kiến	PLO1.1.1 PLO1.1.2 PLO1.1.3	3

	thức cơ bản những quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về chủ nghĩa xã hội. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và sự vận dụng sáng tạo của Đảng ta vào điều kiện cụ thể ở Việt Nam Nắm được những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa như; vấn đề dân chủ XHXN và nhà nước XHCN, vấn đề dân tộc và tôn giáo, vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên CNXH		
G2	Sinh viên biết vận dụng những tri thức đã học vào giải thích những vấn đề chính trị - xã hội trong đời sống hiện nay.	PL02.1.1	3
G3	Góp phần xây dựng và củng cố niềm tin khoa học, lập trường giai cấp công nhân đối với sự nghiệp xây dựng CNXH trên thế giới cũng như ở Việt Nam Trở thành công dân toàn cầu, hành động có trách nhiệm xã hội	PL03.1.1	3

6. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN (COURSE LEARNING OUTCOMES)

Bảng 6.1. Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Mục tiêu HP	CLOs	Mô tả CLOs*	Mức độ đạt được**
[1]	[2]	[3]	[4]
G1	CLO1.1	Cung cấp cho người những quan điểm cơ bản chủ nghĩa Mác – Lênin về giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, nội dung, biểu hiện và ý nghĩa của sứ mệnh lịch sử đó trong bối cảnh hiện nay.	2
	CLO1.2	Nắm được kiến thức cơ bản những quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về chủ nghĩa xã hội. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và sự vận dụng sáng tạo của Đảng ta vào điều kiện cụ thể ở Việt Nam	2
	CLO1.3	Nhận thức đầy đủ và đúng bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa nói chung ở Việt Nam nói riêng. Trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng về cơ cấu xã hội –giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong	3

Mục tiêu HP	CLOs	Mô tả CLOs*	Mức độ đạt được**
		thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. nắm được quan điểm cơ bản chủ nghĩa Mác – Lênin về vấn đề dân tộc, tôn giáo; mối quan hệ dân tộc và tôn giáo và nội dung chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng và Nhà nước Việt Nam.	
	CLO 1.4	nắm được những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam về gia đình, xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng gia đình ở Việt Nam hiện nay	3
G2	CLO2.1	-Biết vận dụng phương pháp luận và các phương pháp chuyên ngành chủ nghĩa xã hội khoa học vào việc phân tích sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam trong tiến trình cách mạng ở nước ta. -Biết vận dụng những tri thức có được vào phân tích những vấn đề cơ bản về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. -Sinh viên có khả năng vận dụng những vấn đề lý luận về dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhà nước xã hội chủ nghĩa, vấn đề liên minh giai cấp, tầng lớp, vấn đề dân tộc và tôn giáo vào phân tích những vấn đề thực tiễn liên quan, trước hết là trong công việc và nhiệm vụ của cá nhân.	3
	CLO2.2	Khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc theo nhóm để giải quyết các nội dung.	3
G3	CLO3.1	Có khả năng tự học tập, tự tìm hiểu tài liệu để hoàn thành các bài học và bài tập được giao.	3
	CLO3.2	Có niềm tin vào chế độ XHCN, luôn tin tưởng và ủng hộ đường lối của Đảng cộng sản Việt Nam. Có thái độ tích cực với việc học tập các môn lý luận chính trị, có tinh thần hợp tác và trách nhiệm cá nhân đối với các hoạt động được giảng viên giao.	3

7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN (COURSE ASSESSMENT)

Bảng 7.1. Đánh giá học phần

Hình thức đánh giá	Nội dung/ Bài đánh giá	Thời điểm	CLOs	Tiêu chí đánh giá*	Tỷ lệ (%)
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
Chuyên cần	Tham dự đầy đủ các buổi học (không nghỉ quá 20% tổng số giờ khóa học)	Tuần 1-13	CLO1.1 CT.O1.2 CLO1.3 CLO2.1 CLO2.2	Nhật ký giảng dạy của giảng viên với các tiêu chí đánh giá (i) Mức độ tham gia (ii) Khả năng tương tác; (iii) Chất lượng câu trả lời	10%
Đánh giá quá trình (bài tập lớn cá nhân và các bài thảo luận nhóm)	Có một bài tập lớn Điểm của bài tập lớn cá nhân và thảo luận nhóm chiếm 40%/trong tổng điểm môn học.	Tuần 10	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CT.O2.1 CLO2.2	Mức độ hoàn thành bài tập lớn (đúng thời gian, chất lượng bài tập gắn với mức độ đạt được kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm của chuẩn đầu ra học phần) theo yêu cầu của giảng viên	40%
Đánh giá cuối kỳ	Bài thi cuối kỳ	Lịch thi học phần	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CT.O2.1 CLO2.2	Trắc nghiệm khách quan trên máy. Thời gian làm bài: 50 phút/80 câu	50%

8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (LESSON PLAN)

Bảng 8.1. Kế hoạch giảng dạy

Tuần	Nội dung giảng dạy*	Tài liệu đọc*	CLOs	Hoạt động dạy và học***	Công cụ đánh giá****
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
Tuần 1	<p>Chương 1: Nhập môn Chủ nghĩa xã hội khoa học</p> <p>I.Sự ra đời của CNXH khoa học</p> <p>II.Các giai đoạn phát triển cơ bản của CNXH khoa học</p> <p>III. Đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu CNXH khoa học</p>	1,2,3	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	<p>Giới thiệu học phần</p> <p>Đặt ra yêu cầu học tập</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời</p>
Tuần 2	<p>Chương 2</p> <p>Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân</p> <p>I.Quan điểm cơ bản của CN Mác-Lênin về giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân</p>	1,2,3	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời</p>
Tuần 3	<p>Chương 2</p> <p>Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân</p> <p>II.Giai cấp công nhân và việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công</p>	1,2,3	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời</p>

	nhân hiện nay III.Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam				
Tuần 4	Chương 3 Chú nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội I.Chú nghĩa xã hội II.Thời kỳ quá độ lên CNXH	1,2,3	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
Tuần 5	Chương 3 Chú nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội III. Quá độ lên CNXH ở Việt Nam	1,2,3	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
	Chương 4 Dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa I. Dân chủ XHCN	1,2,3	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời

Tuần 6	<p>Chương 4</p> <p>Dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa</p> <p>II.Nhà nước XHCN</p>	1,2,3	<p>CLO.1.1</p> <p>CLO.1.2</p> <p>CLO.1.3</p>	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời</p>
Tuần 7	<p>Chương 4</p> <p>Dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa</p> <p>III.Dân chủ XHCN và Nhà nước XHCN ở Việt Nam</p>	1,2,3	<p>CLO.1.1</p> <p>CLO.1.2</p> <p>CLO.1.3</p>	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời</p>
Tuần 8	<p>Chương 5</p> <p>Cơ cấu xã hội giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong TKQĐ lên CNXH</p> <p>I. Cơ cấu xã hội -giai cấp trong TKQĐ lên CNXH</p> <p>II.Liên minh giai cấp – tầng lớp trong TKQĐ lên CNXH</p>	1,2,3	<p>CLO.1.1</p> <p>CLO.1.2</p> <p>CLO.1.3</p>	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời</p>
	Giao bài tập lớn giữa kỳ	1,2,3	<p>CLO.1.1</p> <p>CLO.1.2</p> <p>CLO.1.3</p>	<p>Giảng viên giao đề tài (ít nhất 4 đề cho 1 lớp)</p> <p>Sinh viên lựa chọn đề tài</p> <p>Viết đề cương, giảng viên sửa đề cương</p> <p>Sinh viên hoàn thành bài tập</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng bài tập</p>
Tuần 9	Chương 5	1,2,3	CLO.1.1	Sinh viên đọc bài trước khi	Mức độ tham gia

	Cơ cấu xã hội giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong TKQĐ lên CNXH II. Cơ cấu xã hội giai cấp và liên minh giai cấp tầng lớp trong TKQĐ lên CNXH ở Việt Nam		CLO.1.2 CLO.1.3	tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
Tuần 10	Chương 6 Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong TKQĐ lên CNXH I. Vấn đề dân tộc trong TKQĐ lên CNXH	1,2,3	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
Tuần 11	Chương 6 Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong TKQĐ lên CNXH II. Vấn đề tôn giáo trong TKQĐ lên CNXH	1,2,3	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
Tuần 12	Chương 6 Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong TKQĐ lên CNXH III. Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong TKQĐ lên CNXH ở Việt Nam	1,2,3	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
Tuần 13	Chương 7 Vấn đề gia đình trong TKQĐ lên CNXH I. Khái niệm, vị trí và chức năng của gia đình	1,2,3	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
Tuần 14	Chương 7 Vấn đề gia đình trong	1,2,3	CLO.1.1 CLO.1.2	Giảng viên giảng lý thuyết	Mức độ tham gia Mức độ tương tác

	TKQĐ lên CNXH II. Cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên CNXH III. Xây dựng gia đình Việt Nam trong TKQĐ lên CNXH		CLO.1.3	Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Chất lượng câu trả lời
Tuần 15	Hệ thống nội dung học phần và chữa bài tập lớn		CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	Giảng viên hệ thống ôn tập lại lý thuyết và chữa bài tập lớn	
	Bài thi đánh giá cuối kỳ		CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	Sinh viên làm bài thi theo lịch	Theo yêu cầu bài thi

9. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN (COURSE REQUIREMENTS AND EXPECTATION)

9.1. Quy định về tham dự lớp học

- Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

- Sinh viên có trách nhiệm chủ động nghiên cứu tài liệu, chủ động chuẩn bị bài học trước khi đến lớp theo hướng dẫn và yêu cầu của giảng viên

- Sinh viên vắng quá 3 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại.

- Sinh viên nộp bài tập cá nhân và bài tập nhóm muộn so với thời gian quy định của giảng viên sẽ nhận điểm 0 của bài tập đó.

- Về trao đổi giữa giảng viên và sinh viên: Khuyến khích sinh viên tham gia thảo luận, phản hồi trực tiếp với giảng viên về nội dung học phần, phương pháp dạy và học, tài liệu giảng dạy và đọc. Giảng viên cũng khuyến khích sinh viên phản hồi về hình thức, phương pháp và nội dung kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên. Sinh viên có thể giao trao đổi với giảng viên trên lớp, trong giờ hành chính hoặc qua email. Những thông tin phản hồi của sinh viên có giá trị góp phần nâng cao chất lượng dạy và học của học phần.

9.2. Quy định về hành vi lớp học

- Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

- Sinh viên cần chủ động tham gia bài giảng trên lớp thông qua trao đổi với giảng viên (trả lời và đặt câu hỏi), thảo luận với sinh viên khác trên lớp, thảo luận nhóm, nghiên cứu tình huống, thuyết trình.

- Sinh viên cần chủ động tham gia bài giảng trên lớp thông qua thảo luận nhóm, thảo luận trên lớp, nghiên cứu tình huống, thuyết trình

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 10 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

- Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

- Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

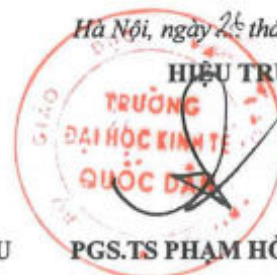
TRƯỜNG BỘ MÔN

TRƯỜNG KHOA

Hà Nội, ngày 26 tháng 7 năm 2021

Hào

Hiếu



TS NGUYỄN THỊ HÀO

PGS.TS NGUYỄN T THANH HIẾU

PGS.TS PHẠM HỒNG CHƯƠNG



ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT

(Ban hành kèm theo quyết định số 1345/QĐ/ĐHKTD, ngày 26 tháng 7 năm 2021)

1. THÔNG TIN TỔNG QUÁT (GENERAL INFORMATION)

- Tên học phần (tiếng Việt):	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
- Tên học phần (tiếng Anh)	Viet Nam Communist Party History
- Mã số học phần	LLDL1102
- Thuộc khối kiến thức	Đại cương bắt buộc
- Số tín chỉ	2 (26 giờ, tương đương 30 tiết)
+ Số giờ lý thuyết	20
+ Số giờ thảo luận/Thực hành	10
+ Số giờ tự học	60
- Các học phần tiên quyết	Triết học Mác-Lênin, Kinh tế chính trị Mác-Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học

2. THÔNG TIN BỘ MÔN QUẢN LÝ VÀ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY

Bộ môn quản lý: Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam

Địa chỉ: Phòng 1015 Nhà A1, Trường ĐH Kinh tế Quốc dân

Giảng viên (liệt kê GV tham gia giảng dạy):

PGS.TS. GVCC. Trần Thị Thu Hoài	SĐT: 0903 230 177	Email: hoaitt@neu.edu.vn
TS. GVCC. Nguyễn Thị Hoàn	SĐT: 0983 389 810	Email: hoant@neu.edu.vn
TS. GVC. Nguyễn Hữu Công	SĐT: 0982 192 458	Email: congnh@neu.edu.vn
TS. GVC. Lê Thị Hồng Thuận	SĐT: 0977 266 932	Email: lethuan@neu.edu.vn
TS. GV. Nguyễn Thị Thắm	SĐT: 0912 300 971	Email: thamnt@neu.edu.vn
ThS. NCS. GVC Phí Thị Lan Phương	SĐT: 0984 328 666	Email: phuongpl@neu.edu.vn

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN (COURSE DESCRIPTIONS)

Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam là 1 trong 5 học phần thuộc khoa học Mác-Lê nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh được giảng dạy trong hệ thống giáo dục đại học ở Việt Nam. Đây là học phần bắt buộc sinh viên phải tích lũy kiến thức.

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là một chuyên ngành, một bộ phận của khoa học lịch sử. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: "Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là cả một pho lịch sử bằng vàng". Đó chính là tinh khoa học, cách mạng, giá trị thực tiễn sâu sắc trong Cương lĩnh, đường lối của Đảng; là sự lãnh đạo đúng đắn, đáp ứng kịp thời những yêu cầu, nhiệm vụ do lịch sử đặt ra; những kinh nghiệm, bài học có tính quy luật, lý luận của cách mạng Việt Nam và những truyền thống vẻ vang của Đảng.

Nghiên cứu, học tập lịch sử Đảng không chỉ nắm vững những sự kiện, cột mốc lịch sử mà cần thấu hiểu những vấn đề phong phú đó trong quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, cách mạng xã hội chủ nghĩa, từ đó vận dụng, phát triển trong thời kỳ đổi mới toàn diện, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế hiện nay

4. TÀI LIỆU THAM KHẢO (LEARNING RESOURCES: COURSE BOOKS, REFERENCE BOOKS, AND SOFTWARES)

Giáo trình

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), Giáo trình Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội

Tài liệu khác

- [1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), Giáo trình Triết học Mác Lê-nin, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội
- [2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), Giáo trình Kinh tế Chính trị Mác Lê-nin, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội
- [3]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội
- [4]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội
- [5]. Đảng cộng sản Việt Nam, (2018), Văn kiện Đảng toàn tập, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN (COURSE GOALS)

Bảng 5.1. Mục tiêu học phần

TT	Mô tả mục tiêu học phần	CDR (PLO) của CTĐT**	Mức độ***
[1]	[2]	[3]	[4]
G1	Cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về các sự kiện lịch sử Đảng, về công tác xây dựng Đảng, về đường lối, thành tựu, bài học của cách mạng Việt Nam do Đảng lãnh đạo trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, kháng chiến giành độc lập, thống nhất Tổ quốc cũng như trong công cuộc đổi mới.	PLO1.1.1	3
G2	Bước đầu trang bị cho người học nhận thức có hệ thống những tri thức lịch sử về sự lãnh đạo, đấu tranh và cầm quyền của Đảng; giáo dục tinh thần yêu nước, niềm tự hào dân tộc, nhận thức quá khứ để hiểu rõ hiện tại gắn với trách nhiệm của thế hệ trẻ về tương lai của đất nước	PLO1.1.1 PLO1.1.2	3
G3	Rèn luyện kỹ năng thuyết trình, khả năng làm việc nhóm thông qua việc phân tích một vấn đề cụ thể tại một thời điểm lịch sử nhất định	PLO2.1.3 PLO3.1.1 PLO3.2.1	3

6. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN (COURSE LEARNING OUTCOMES)

Bảng 6.1. Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Mục tiêu HP	CLOs	Mô tả CLOs*	Mức độ đạt được**
[1]	[2]	[3]	[4]
G1	CLO1.1	Nắm được các sự kiện lịch sử Đảng, đường lối lãnh đạo cách mạng giải phóng dân tộc đường lối đổi mới; thành tựu, hạn chế, bài học của cách mạng của Đảng hiểu rõ nội dung, bản chất của các sự kiện gắn liền với sự lãnh đạo của Đảng	2
	CLO1.2	Hiểu được vai trò của Đảng trong xây dựng và phát triển đất nước Hiểu được công tác xây dựng Đảng trong các thời kỳ lịch sử	2
G2	CLO1.3	Nhận thức có hệ thống những tri thức lịch sử về sự lãnh đạo, đấu tranh và cầm quyền của Đảng về tinh thần yêu nước, niềm tự hào dân tộc về trách nhiệm của thế hệ trẻ với tương lai của đất nước để vận dụng vào phân tích, đánh giá và giải thích các vấn đề thực tế đơn giản	3
	CLO2.1	Phát triển các kỹ năng nghiên cứu, phân tích, tổng hợp, khái quát các vấn đề liên quan đến lịch sử Đảng.	3
G3	CLO2.2	Thực hành kỹ năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm	3
	CLO3.1	Có khả năng tự học tập, tự tìm hiểu tài liệu để hoàn thành các bài học và bài tập được giao.	3

7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN (COURSE ASSESSMENT)

Bảng 7.1. Đánh giá học phần

Hình thức đánh giá	Nội dung/ Bài đánh giá	Thời điểm	CLOs	Tiêu chí đánh giá*	Tỷ lệ (%)
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
Chuyên cần	Thái độ học tập trên lớp Trả lời câu hỏi trên lớp Trả lời các câu hỏi thảo luận (không nghỉ quá 20% tổng số giờ khóa học)	Tuần 1-13	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO2.1 CLO2.2	Nhật ký giảng dạy của giảng viên với các tiêu chí đánh giá (i) Mức độ tham gia (ii) Mức độ tương tác; (iii) Chất lượng câu trả lời	10%
Đánh giá quá trình	Giao bài tập cá nhân/ bài tập nhóm với chủ đề cụ thể	Tuần 5-9	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO2.1 CLO2.2	Phiếu đánh giá với các tiêu chí (i) Nội dung theo yêu cầu; (ii) Sự thuyết phục của bài qua việc tập hợp tư liệu và phân tích	40%
	Nộp bài tập cá nhân về 1 chủ đề cụ thể	Tuần 9- 12	CLO1.1	Phiếu đánh giá với các tiêu chí: (i) Nội	

			CLO1.2 CLO1.3 CLO2.1 CLO2.2	đung ; (ii) Hình thức ; (iii) Thời gian nộp	
	Trình bày nhóm: Báo cáo phân tích, thuyết trình	Tuần 6 -15	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO2.1 CLO2.2	Phiếu đánh giá với các tiêu chí: (i) Nội dung; (ii) Hình thức; (iii) Mức độ hợp tác (iv) Đánh giá lẫn nhau	
Đánh giá cuối kỳ	Lịch thi học phần	Lịch thi học phần	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO2.1 CLO2.2	Theo yêu cầu bài thi	50%

8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (LESSON PLAN)

Bảng 8.1. Kế hoạch giảng dạy

Trần	Nội dung giảng dạy*	Tài liệu đọc**	CLOs	Hoạt động dạy và học***	Công cụ đánh giá****
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
1	Làm quen, giới thiệu học phần, logic của học phần và vai trò, vị trí của học phần trong CTĐT	Đề cương học phần	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	Hướng dẫn đọc tài liệu Hướng dẫn tìm tài liệu Đặt ra yêu cầu học tập Giới thiệu học phần	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
2	Chương nhập môn. Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu	Bộ Giáo dục và Đào tạo, " Giáo trình Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam", NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2021 Chương nhập môn	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
3	Chương 1. Đảng cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945) 1.1. Bối cảnh lịch sử 1.2. Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị các điều kiện để thành lập Đảng 1.3. Thành lập Đảng cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng	Bộ Giáo dục và Đào tạo, " Giáo trình Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam", NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2021 Chương 1	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
4	Chương 1. Đảng cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945) 1.4. Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng	Bộ Giáo dục và Đào tạo, " Giáo trình Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam", NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2021	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời

	1.5. Phong trào cách mạng 1930-1931 và khôi phục phong trào 1932-1935 1.6. Phong trào dân chủ 1936-1939	Chương 1			
5	Chương 1. Đảng cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945) 1.7. Phong trào giải phóng dân tộc 1939-1945 1.8. Tính chất, ý nghĩa và bài học kinh nghiệm của cách mạng tháng Tám năm 1945 1.9. Giao chủ đề bài tập cá nhân, bài tập nhóm	Bộ Giáo dục và Đào tạo, " Giáo trình Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam", NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2021 Chương 1	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
6	Chương 2. Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975) 2.1. Xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng 1945-1946 2.2. Đường lối kháng chiến toàn quốc và quá trình tổ chức thực hiện (1946-1950)	Bộ Giáo dục và Đào tạo, " Giáo trình Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam", NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2021 Chương 2	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
7	Chương 2. Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975) 2.3. Đẩy mạnh cuộc kháng chiến đến thắng lợi (1951-1954) 2.4. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ 2.5. Sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng hai miền Nam- Bắc (1954-1965)	Bộ Giáo dục và Đào tạo, " Giáo trình Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam", NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2021 Chương 2	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
8	Chương 2. Đảng lãnh đạo hai	Bộ Giáo dục và Đào	CLO.1.1	Sinh viên đọc bài trước khi	Mức độ tham gia

	<p>cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975)</p> <p>2.6. Lãnh đạo cách mạng cả nước (1965-1975)</p> <p>2.7. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng thời kỳ 1954-1975</p>	<p>tạo, " Giáo trình Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam", NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2021</p> <p>Chương 2</p>	<p>CLO.1.2</p> <p>CLO.1.3</p>	<p>lời lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời</p>
9	<p>Chương 3. Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ 1975 đến nay)</p> <p>3.1. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc 1975-1981</p> <p>3.2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng và các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế 1982-1986</p> <p>Nộp bài tập cá nhân</p>	<p>Bộ Giáo dục và Đào tạo, " Giáo trình Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam", NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2021</p> <p>Chương 3</p>	<p>CLO.1.1</p> <p>CLO.1.2</p> <p>CLO.1.3</p>	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Sinh viên nộp bài tập cá nhân</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời</p>
10	<p>Chương 3. Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ 1975 đến nay)</p> <p>3.3. Đổi mới toàn diện, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế- xã hội 1986-1996</p>	<p>Bộ Giáo dục và Đào tạo, " Giáo trình Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam", NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2021</p>	<p>CLO.1.1</p> <p>CLO.1.2</p> <p>CLO.1.3</p>	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời</p>
11	<p>Trình bày bài tập nhóm về 1 vấn đề cụ thể</p>	<p>Bộ Giáo dục và Đào tạo, " Giáo trình Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam", NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2021</p>	<p>CLO.1.1</p> <p>CLO.1.2</p> <p>CLO.1.3</p>	<p>Nhóm sinh viên báo cáo và trả lời câu hỏi</p> <p>Giảng viên và các thành viên trong lớp đặt câu hỏi, nhận xét</p> <p>Giảng viên đánh giá</p>	<p>Phiếu đánh giá với các tiêu chí : (i) Nội dung; (ii) Hình thức; (iii) Mức độ hợp tác, (iv) Đánh giá lẫn nhau</p>
12	<p>Trình bày bài tập nhóm về 1 vấn đề cụ thể</p>	<p>Bộ Giáo dục và Đào tạo, " Giáo trình Lịch</p>	<p>CLO.1.1</p>	<p>Nhóm sinh viên báo cáo và trả lời câu hỏi</p>	<p>Phiếu đánh giá với các tiêu chí : (i) Nội</p>

		sử Đảng cộng sản Việt Nam”, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2021	CLO.1.2 CLO.1.3	Giảng viên và các thành viên trong lớp đặt câu hỏi, nhận xét Giảng viên đánh giá	dung; (ii) Hình thức; (iii) Mức độ hợp tác, (iv) Đánh giá lẫn nhau
13	Chương 3. Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ 1975 đến nay) 3.4. Tiếp tục công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (từ 1986 đến nay)	Bộ Giáo dục và Đào tạo, “ Giáo trình Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam”, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2021	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
14	Trình bày bài tập nhóm về 1 vấn đề cụ thể	Bộ Giáo dục và Đào tạo, “ Giáo trình Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam”, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2021	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	Nhóm sinh viên báo cáo và trả lời câu hỏi Giảng viên và các thành viên trong lớp đặt câu hỏi, nhận xét Giảng viên đánh giá	Phiếu đánh giá với các tiêu chí : (i) Nội dung; (ii) Hình thức; (iii) Mức độ hợp tác, (iv) Đánh giá lẫn nhau
15	Trình bày bài tập nhóm về 1 vấn đề cụ thể	Bộ Giáo dục và Đào tạo, “ Giáo trình Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam”, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2021	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	Nhóm sinh viên báo cáo và trả lời câu hỏi Giảng viên và các thành viên trong lớp đặt câu hỏi, nhận xét Giảng viên đánh giá	Phiếu đánh giá với các tiêu chí : (i) Nội dung; (ii) Hình thức; (iii) Mức độ hợp tác, (iv) Đánh giá lẫn nhau
	Bài thi cuối kỳ	Bộ Giáo dục và Đào tạo, “ Giáo trình Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam”, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2021	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	Sinh viên làm bài thi theo lịch	Theo yêu cầu bài thi

9. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN (COURSE REQUIREMENTS AND EXPECTATION)

9.1. Quy định về tham dự lớp học

- Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý. Mỗi buổi vắng mặt sẽ bị trừ 1 điểm đánh giá quá trình. Sinh viên vắng quá 3 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại.
- Sinh viên sẽ được cộng điểm cho mỗi lần phát biểu xây dựng bài, có thể bù đắp cho điểm quá trình, điểm bài tập cá nhân và điểm bài tập nhóm.
- Sinh viên không nộp bài tập cá nhân, không tham gia làm bài tập nhóm sẽ nhận điểm 0 (không). Nhóm sinh viên nộp bài trễ sẽ bị trừ 1 điểm cho mỗi ngày nộp muộn.

9.2. Quy định về hành vi lớp học

- Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.
- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 10 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.
- Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.
- Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị điện tử để làm việc riêng trong giờ học.
- Các thiết bị điện tử: Máy tính xách tay, máy tính bảng, điện thoại thông minh... chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tra cứu tư liệu khi được yêu cầu phục vụ bài giảng, bài học trên lớp, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

Trưởng Bộ môn

Xác nhận của Trưởng Khoa

Xác nhận của Hiệu Trưởng

Hoàn

Hiếu



TS. Nguyễn Thị Hoàn

PGS.TS Nguyễn Thị Thanh Hiếu

PGS.TS Phạm Hồng Chương

2000
2001
2002
2003
2004
2005
2006
2007
2008
2009
2010
2011
2012
2013
2014
2015
2016
2017
2018
2019
2020
2021
2022
2023
2024
2025
2026
2027
2028
2029
2030

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT

(Ban hành kèm theo quyết định số 175/QĐ/ĐHKTD, ngày 16 tháng 7 năm 2021)

1. THÔNG TIN TỔNG QUÁT (GENERAL INFORMATION)

- Tên học phần (tiếng Việt):	Tư tưởng Hồ Chí Minh
- Tên học phần (tiếng Anh)	Ho Chi Minh Ideology
- Mã số học phần	LLTT1101
- Thuộc khối kiến thức	Kiến thức giáo dục đại cương
- Số tín chỉ	2
+ Số giờ lý thuyết	25
+ Số giờ thảo luận/thực hành	5
+ Số giờ tự học	60
- Các học phần tiên quyết	Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học

2. THÔNG TIN BỘ MÔN QUẢN LÝ VÀ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY

Bộ môn quản lý: Tư tưởng Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Phòng 1015 Nhà A1, Trường ĐHKTD Kinh tế Quốc dân

Giảng viên tham gia giảng dạy:

TT	Họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS.GVC. Nguyễn Hồng Sơn	0912212302	sonnh@neu.edu.vn
2	TS. GVC. Nguyễn Thị Bích Thủy	0977827782	thuyntb@neu.edu.vn
3	TS.GVC. Nguyễn Chí Thiện	0913059808	thicmc@neu.edu.vn
4	TS. GVC. Lê Thị Hoa	0912139918	hoalt@neu.edu.vn
5	TS. Nguyễn Quang Trung	0911133533	trungnqml@neu.edu.vn
6	TS. Nguyễn Thùy Linh	0916251915	linhut@neu.edu.vn

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN (COURSE DESCRIPTIONS)

- Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Những nội dung cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh; Sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng cộng sản Việt Nam trong sự nghiệp cách mạng.

- Hình thành cho sinh viên khả năng tư duy độc lập, phân tích, đánh giá, vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập và công tác.

- Giúp sinh viên củng cố lập trường cách mạng, kiên định mục tiêu lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; Góp phần giáo dục đạo đức, tư cách, phẩm chất cách mạng, đóng góp thiết thực và hiệu quả cho sự nghiệp cách mạng.

4. TÀI LIỆU THAM KHẢO (LEARNING RESOURCES: COURSE BOOKS, REFERENCE BOOKS, AND SOFTWARES)

Giáo trình

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội

Tài liệu khác

[1]. Phạm Ngọc Anh – Bùi Đình Phong (2003), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước pháp quyền kiểu mới ở Việt Nam*, Nxb Lao động, Hà Nội.

[2]. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 1 -15, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[3]. Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh – Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng (2004), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết với vấn đề phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc trong thời kỳ mới*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[4]. Nguyễn Bá Linh (2009), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[5]. Đặng Xuân Kỳ (chủ biên) (2005), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng con người và phát triển văn hóa*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN (COURSE GOALS)

Bảng 5.1. Mục tiêu học phần

TƯ TƯỞNG	Mô tả mục tiêu học phần	CBĐ (PLO) của CTĐT**	Mức độ***
[1]	[2]	[3]	[4]
G1	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên hiểu được đối tượng, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa học tập của môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh. - Sinh viên hiểu được cơ sở lý luận và thực tiễn đối với sự hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh; nhận thức được các giai đoạn phát triển chủ yếu của tư tưởng Hồ Chí Minh gắn với thực tiễn cách mạng Việt Nam. - Nhận thức được tính khoa học, cách mạng và tính sáng tạo của Hồ Chí Minh trong việc vận dụng những nguyên lý Macxit vào thực tiễn cách mạng; đồng thời thấy rõ vai trò, ý nghĩa to lớn của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới. 	<p>PLO1.1.2 PLO1.2.2 PLO1.2.3</p>	3

G2	<ul style="list-style-type: none"> - Có kỹ năng vận dụng, liên hệ những nội dung cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn đổi mới ở Việt Nam hiện nay. - Sinh viên hình thành năng lực tư duy khoa học; có kỹ năng nhận thức và giải quyết đúng đắn cả về mặt lý luận và thực tiễn các vấn đề đặt ra trong cuộc sống. - Xây dựng và củng cố niềm tin vào chế độ xã hội chủ nghĩa, tiếp thêm sức mạnh về ý chí và hành động phấn đấu cho lý tưởng cách mạng. 	PLO2.1.1	3
G3	Từng bước xây dựng, rèn luyện phương pháp và phong cách tư duy, phong cách làm việc khoa học, tự chủ, đổi mới và sáng tạo.	PLO3.1.1	3

6. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN (COURSE LEARNING OUTCOMES)

Bảng 6.1. Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Mục tiêu HP	CLOs	Mô tả CLOs*	Mức độ đạt được**
[1]	[2]	[3]	[4]
G1	CLO1.1	Giúp cho người học hiểu được cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; thấy rõ cuộc đời sự nghiệp cách mạng cao cả, vĩ đại của Hồ Chí Minh gắn với thực tiễn cách mạng Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử.	2
	CLO1.2	Giúp cho người học hiểu rõ những nội dung cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh; nhận thức được bản chất khoa học cách mạng, tính hệ thống, toàn diện trong tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng Việt Nam.	2
	CLO1.3	Giúp cho người học hiểu rõ vai trò của Hồ Chí Minh trong việc vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, kế thừa những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc và tinh hoa văn hóa, văn minh của nhân loại, xây dựng đường lối, chiến lược phù hợp, sáng tạo, đưa cách mạng Việt Nam đi tới thắng lợi, góp phần quan trọng vào tiến trình cách mạng thế	3

Mục tiêu HP	CLOs	Mô tả CLOs*	Mức độ đạt được**
		giới.	
G2	CLO2.1	Có kỹ năng vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; về đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế, văn hóa, đạo đức, con người trong phân tích sự nghiệp đổi mới đất nước hiện nay.	3
	CLO2.2	Có kỹ năng phân tích, liên hệ tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng, Nhà nước với thực tiễn xây dựng Đảng và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân ở Việt Nam hiện nay.	3
G3	CLO3.1	Giúp cho người học nâng cao năng lực tư duy lý luận; nâng cao bản lĩnh chính trị, ý thức và trách nhiệm công dân, thường xuyên tu dưỡng và rèn luyện theo tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh.	3
	CLO3.2	Góp phần giúp người học hình thành phương pháp và kỹ năng làm việc khoa học, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề; kỹ năng thuyết trình, phân biện, phát huy tính tự chủ, sáng tạo của mỗi cá nhân và tính liên kết cộng đồng trong học tập, nghiên cứu khoa học.	3
	CLO3.3	Có tinh thần trách nhiệm cao, có kỹ năng ứng xử chuyên nghiệp đáp ứng yêu cầu đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế hiện nay.	3

7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN (COURSE ASSESSMENT)

Bảng 7.1. Đánh giá học phần

Hình thức đánh giá	Nội dung/ Bài đánh giá	Thời điểm	CLOs	Tiêu chí đánh giá*	Tỷ lệ (%)
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
Chuyên cần	Tham dự đầy đủ các buổi học (không nghỉ quá 20% tổng số giờ khóa học)	Tuần 1-15	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1 CLO3.2 CLO3.3	Nhật ký giảng dạy của giảng viên với các tiêu chí đánh giá (i) Mức độ tham gia (ii) Khả năng tương tác; (iii) Chất lượng câu trả lời	10%

Đánh giá quá trình (bài tập lớn)	Bài tập lớn Giáo viên giao Bài tập lớn theo chủ đề gắn với nội dung các chương 1,2,3. Điểm của bài tập lớn chiếm 40% trong tổng điểm môn học.	Tuần 9	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1 CLO3.2 CLO3.3	Mức độ hoàn thành bài tập lớn (đúng thời gian, chất lượng bài tập gắn với mức độ đạt được kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm của chuẩn đầu ra học phần).	40%
Đánh giá cuối kỳ	Bài thi cuối kỳ	Lịch thi học phần	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1 CLO3.2 CLO3.3	Trắc nghiệm khách quan trên máy. Thời gian làm bài 50 phút/80 câu.	50%

8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (LESSON PLAN)

Bảng 8.1. Kế hoạch giảng dạy

Tuần	Nội dung giảng dạy*	Tài liệu đọc**	CLOs	Hoạt động dạy và học***	Công cụ đánh giá****
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
1	Chương 1. Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh	- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1 CLO3.2	Học ở nhà: Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu Học ở lớp: Giảng lý thuyết.	Mức độ tham gia Khả năng tương tác Chất lượng câu trả lời
2	Chương 2: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh	- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh,	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO2.1 CLO2.2	Học ở nhà: Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu Học ở lớp: Giảng lý thuyết.	Mức độ tham gia Khả năng tương tác Chất lượng câu trả lời

	<p>Mình</p> <p>2.1. Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh.</p>	<p>NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.</p> <p>- Tài liệu khác: [2],</p>	<p>CLO3.1</p> <p>CLO3.2</p>		
3	<p>Chương 2: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh</p> <p>2.2. Quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh.</p>	<p>- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.</p> <p>- Tài liệu khác: [2],</p>	<p>CLO1.1</p> <p>CLO1.2</p> <p>CLO1.3</p> <p>CLO2.1</p> <p>CLO2.2</p> <p>CLO3.1</p> <p>CLO3.2</p>	<p>Học ở nhà: Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu</p> <p>Học ở lớp: Giảng lý thuyết.</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Khả năng tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời</p>
4	<p>Chương 2: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh</p> <p>2.3. Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh.</p>	<p>- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.</p> <p>- Tài liệu khác: [2],</p>	<p>CLO1.1</p> <p>CLO1.2</p> <p>CLO1.3</p> <p>CLO2.1</p> <p>CLO2.2</p> <p>CLO3.1</p> <p>CLO3.2</p>	<p>Học ở nhà: Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu</p> <p>Học ở lớp: Giảng lý thuyết; Thảo luận: Giảng viên đưa ra tình huống, vấn đề, sinh viên trao đổi, thảo luận. Sinh viên đặt câu hỏi, giảng viên giải đáp. Giảng viên đánh giá, tổng kết.</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Khả năng tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời</p>
5	<p>Chương 3: Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội</p>	<p>- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh,</p>	<p>CLO1.1</p> <p>CLO1.2</p> <p>CLO1.3</p> <p>CLO2.1</p> <p>CLO2.2</p>	<p>Học ở nhà: Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu</p> <p>Học ở lớp: Giảng lý thuyết.</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Khả năng tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời</p>

	3.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc.	NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội. - Tài liệu khác: [2], [4].	CLO3.1 CLO3.2		
6	Chương 3: Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội 3.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.	- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội. - Tài liệu khác: [2], [4].	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1 CLO3.2	Học ở nhà: Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu Học ở lớp: Giảng lý thuyết.	Mức độ tham gia Khả năng tương tác Chất lượng câu trả lời
7	Chương 3: Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội 3.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.	- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội. - Tài liệu khác: [2], [4].	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1 CLO3.2	Học ở nhà: Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu Học ở lớp: Giảng lý thuyết; Thảo luận: Giảng viên đưa ra tình huống, vấn đề, sinh viên trao đổi, thảo luận. Sinh viên đặt câu hỏi, giảng viên giải đáp. Giảng viên đánh giá, tổng kết.	Mức độ tham gia Khả năng tương tác Chất lượng câu trả lời
8	Chương 4: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản Việt Nam và Nhà	- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh,	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO2.1 CLO2.2	Học ở nhà: Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu Học ở lớp: Giảng lý thuyết.	Mức độ tham gia Khả năng tương tác Chất lượng câu trả lời

	nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân 4.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản Việt Nam.	NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội. - Tài liệu khác: [2], [1].	CLO3.1 CLO3.2		
9	Chương 4: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân 4.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.	- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội. - Tài liệu khác: [2], [1].	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1 CLO3.2	Học ở nhà: Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu Học ở lớp: Giảng lý thuyết. Giảng viên giao chủ đề Bài tập lớn.	Mức độ tham gia Khả năng tương tác Chất lượng câu trả lời
10	Chương 4: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, vì nhân dân 4.3. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác xây dựng Đảng, Nhà nước.	- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội. - Tài liệu khác: [2], [1].	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1 CLO3.2	Học ở nhà: Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu Học ở lớp: Giảng lý thuyết; Thảo luận nhóm: Giảng viên đưa ra tình huống, vấn đề, sinh viên trao đổi, thảo luận theo nhóm. Sinh viên đặt câu hỏi, giảng viên giải đáp. Giảng viên đánh giá, tổng kết.	Mức độ tham gia Khả năng tương tác Chất lượng câu trả lời

11	<p>Chương 5: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế</p> <p>5.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc.</p> <p>5.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế.</p>	<p>- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.</p> <p>- Tài liệu khác: [2], [4].</p>	<p>CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1 CLO3.2</p>	<p>Học ở nhà: Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu</p> <p>Học ở lớp: Giảng lý thuyết.</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Khả năng tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời</p>
12	<p>Chương 5: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế</p> <p>5.3. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế trong giai đoạn hiện nay.</p>	<p>- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.</p> <p>- Tài liệu khác: [2], [4].</p>	<p>CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1 CLO3.2</p>	<p>Học ở nhà: Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu</p> <p>Học ở lớp: Giảng lý thuyết; Thảo luận: Giảng viên đưa ra tình huống, vấn đề, sinh viên trao đổi, thảo luận.</p> <p>Sinh viên đặt câu hỏi, giảng viên giải đáp.</p> <p>Giảng viên đánh giá, tổng kết.</p> <p>Sinh viên nộp Bài tập lớn.</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Khả năng tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời</p>
13	<p>Chương 6: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Văn hóa, đạo đức, con người</p> <p>6.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về</p>	<p>- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh, NXB Chính trị</p>	<p>CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1 CLO3.2</p>	<p>Học ở nhà: Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu</p> <p>Học ở lớp: Giảng lý thuyết.</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Khả năng tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời</p>

	văn hóa. 6.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức.	Quốc gia Sự thật, Hà Nội. - Tài liệu khác: [2], [5],			
14	Chương 6: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Văn hóa, đạo đức, con người 6.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng con người	- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội. - Tài liệu khác: [2], [5],	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1 CLO3.2	Học ở nhà: Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu Học ở lớp: Giảng lý thuyết.	Mức độ tham gia Khả năng tương tác Chất lượng câu trả lời
15	Chương 6: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Văn hóa, đạo đức, con người 6.4. Xây dựng văn hóa, đạo đức, con người Việt Nam hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh.	- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội. - Tài liệu khác: [2], [5],	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1 CLO3.2	Học ở nhà: Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu Học ở lớp: Giảng lý thuyết; Thảo luận nhóm: Giảng viên đưa ra tình huống, vấn đề, sinh viên trao đổi, thảo luận theo nhóm. Sinh viên đặt câu hỏi, giảng viên giải đáp. Giảng viên đánh giá, tổng kết.	Mức độ tham gia Khả năng tương tác Chất lượng câu trả lời

9. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN (COURSE REQUIREMENTS AND EXPECTATION)

9.1. Quy định về tham dự lớp học

- Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

- Sinh viên có trách nhiệm chủ động nghiên cứu tài liệu, chủ động chuẩn bị bài học trước

khi đến lớp theo hướng dẫn và yêu cầu của giảng viên

- Sinh viên vắng quá 20% tổng số buổi học của học phần sẽ bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại.

- Sinh viên nộp bài tập cá nhân muộn so với thời gian quy định của giảng viên sẽ nhận điểm 0 của bài tập đó.

- Về trao đổi giữa giảng viên và sinh viên: Khuyến khích sinh viên tham gia thảo luận, phản hồi trực tiếp với giảng viên về nội dung học phần, phương pháp dạy và học, tài liệu giảng dạy và đọc. Giảng viên cũng khuyến khích sinh viên phản hồi về hình thức, phương pháp và nội dung kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên. Sinh viên có thể giao trao đổi với giảng viên trên lớp, trong giờ hành chính hoặc qua email. Những thông tin phản hồi của sinh viên có giá trị góp phần nâng cao chất lượng dạy và học của học phần.

9.2. Quy định về hành vi lớp học

- Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

- Sinh viên cần chủ động tham gia bài giảng trên lớp thông qua trao đổi với giảng viên (trả lời và đặt câu hỏi), thảo luận với sinh viên khác trên lớp, thảo luận nhóm, nghiên cứu tình huống, thuyết trình.

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 10 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

- Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

- Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

Hà Nội, ngày 26 tháng 7 năm 2021

TRƯỞNG BỘ MÔN

TRƯỞNG KHOA

HIỆU TRƯỞNG

Sơn

Hiếu



TS NGUYỄN HỒNG SƠN

PGS.TS NGUYỄN THỊ

PGS.TS PHẠM HỒNG CHƯƠNG

THANH HIẾU



ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT

(Ban hành kèm theo quyết định số 1145/QĐ/ĐHKTD, ngày 26 tháng 7 năm 2021)

1. THÔNG TIN TỔNG QUÁT (GENERAL INFORMATION)

- Tên học phần (tiếng Việt):	TIẾNG ANH 1
- Tên học phần (tiếng Anh)	ENGLISH 1
- Mã số học phần	NNKC1131
- Thuộc khối kiến thức	Kiến thức chung
- Số tín chỉ	3 (40 giờ, tương đương 48 tiết)
+ Số giờ lý thuyết	25
+ Số giờ thảo luận/Thực hành	15
+ Số giờ tự học	90

- Các học phần tiên quyết
- Kiến thức cơ bản trong tiếng Anh tổng quát tương đương trình độ từ bậc 2/6 thuộc khung năng lực ngoại ngữ của VN trở lên trở lên.

2. THÔNG TIN GIẢNG VIÊN

Bộ môn quản lý: Bộ môn Ngoại Ngữ Không Chuyên

Địa chỉ: Phòng 708 Nhà A1, Trường ĐH Kinh tế Quốc dân

Giảng viên:

Ths. Lê Thị Ngọc Diệp	SĐT: 0904118858	Email: diepln@neu.edu.vn
Ths. Phạm Thị Thu Trang	SĐT: 0935359666	Email: trangptt@neu.edu.vn
Ths. Nguyễn Thị Hồng Hạnh	SĐT: 0936588468	Email: honghanh@neu.edu.vn
Ths. Nguyễn Thu Hương	SĐT: 0912354339	Email: huongnkt@neu.edu.vn
Ths. Nguyễn Thị Hằng	SĐT: 0904027579	Email: hangankt@neu.edu.vn
Ths. Phạm Thị Quỳnh Hoa	SĐT: 0983596323	Email: hoapa@neu.edu.vn
Ths. Phạm Thị Thanh Nhân	SĐT: 0982420555	Email: nhanptm@neu.edu.vn
Ths. Nguyễn Thị Thu Trang	SĐT: 0905597618	Email: thutrang@neu.edu.vn
Ths. Bùi Thị Lê Minh	SĐT: 0988820505	Email: minhbtl@neu.edu.vn

- Các giảng viên của Khoa Ngoại ngữ Kinh tế, Trường ĐH Kinh tế Quốc dân.

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN (COURSE DESCRIPTIONS)

Học phần Tiếng Anh 1 dành cho các sinh viên có năng lực sử dụng ngôn ngữ ở trình độ trình độ bậc 2/6 thuộc khung năng lực ngoại ngữ của VN trở lên. Học phần này nhằm mục đích cải thiện các kỹ năng thực hành ngôn ngữ trong các tình huống giao tiếp thông thường (General English), trang bị nền tảng để sinh viên tiếp tục theo học các học phần tiếp theo, giúp sinh viên tự tin sử dụng Tiếng Anh trong các kỳ thi năng lực ngôn ngữ quốc tế, đặc biệt là theo ngữ cảnh của kì thi chứng chỉ quốc tế IELTS, nâng cao khả năng sử dụng tiếng Anh trong cuộc sống của sinh viên.

4. TÀI LIỆU THAM KHẢO (LEARNING RESOURCES: COURSE BOOKS, REFERENCE BOOKS, AND SOFTWARES)

Giáo trình:

1. Greg Archer et al. 2017. *Mindset for IELTS 1*. Cambridge University Press

Tài liệu tham khảo

1. Presshouse A. et al (2012). *IELTS Foundation*, Macmillan, London.
2. McCarter S. (2007). *Improve your IELTS Reading Skills*, Macmillan, London.
3. McCarter S. (2007). *Improve your IELTS Listening and Speaking Skills*, Macmillan, London.
4. Sam McCarter & Norman Whitby. 2014. *Writing for IELTS 4.5 – 6.0*. Macmillan Publishers Limited
5. Fiona Aish & Jo Tomlinson . 2014. *Get Ready for IELTS Writing*. Cobuild
6. Tài liệu do giảng viên của Bộ môn Ngoại ngữ không chuyên biên soạn.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN (COURSE GOALS)

Bảng 5.1. Mục tiêu học phần

TT	Mô tả mục tiêu học phần	CĐR (PLO) của CTĐT	Mức độ
[1]	[2]	[3]	[4]
G1	Có năng lực ngoại ngữ bậc 2/6 Khung năng lực ngoại ngữ của VN về từ vựng và ngữ pháp tương đương với mức điểm 3 - 4 IELTS	PLO 2.3.1	3
G2	Có năng lực ngoại ngữ bậc 2/6 Khung năng lực ngoại ngữ của VN về kĩ năng đọc hiểu Tiếng Anh pháp tương đương với mức điểm 3 - 4 IELTS	PLO 2.3.1	3
G3	Có năng lực ngoại ngữ bậc 2/6 Khung năng lực ngoại ngữ của VN về kĩ năng viết Tiếng Anh pháp tương đương với mức điểm 3 - 4 IELTS	PLO 2.3.1	3 - 4
G4	Có năng lực ngoại ngữ bậc 2/6 Khung năng lực ngoại ngữ của VN về kĩ năng nghe Tiếng Anh pháp tương đương với mức điểm 3 - 4 IELTS	PLO 2.3.1	3
G5	Có năng lực ngoại ngữ bậc 2/6 Khung năng lực ngoại ngữ của VN về kĩ năng nói Tiếng Anh pháp tương đương với mức điểm 3 - 4 IELTS	PLO 2.3.1	3 - 4

6. CUUẢN ĐẦU RA HỌC PHẦN (COURSE LEARNING OUTCOMES)

Bảng 6.1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Mục tiêu	CLOs	Mô tả CLOs*	Mức độ đạt được
[1]	[2]	[3]	[4]
G1	CLO1	Nắm vững và tự tin trong việc áp dụng vốn kiến thức, kỹ năng đã học vào quá trình giao tiếp trong cuộc sống, công việc và học tập	3
G2	CLO2	Xác định và ứng dụng được các hiện tượng ngữ pháp, cấu trúc, và kiến thức từ vựng để giao tiếp đạt trình độ tiếng Anh tiền trung cấp.	3
G3	CLO3	Thực hiện được các yêu cầu trong kỹ năng đọc hiểu như trình bày được nội dung chính của văn bản đã đọc, phát hiện một số thông tin chi tiết, và xác định được ngữ nghĩa của từ vựng dựa vào văn cảnh cụ thể. Sinh viên tự tin đọc các văn bản có độ dài 400-800 từ về chủ đề học thuật hoặc kinh doanh, và làm được một số dạng bài tập quen thuộc với các bài thi năng lực quốc tế như <i>Điền từ vào chỗ trống</i> , <i>Xác định thông tin Đúng/Sai</i> , <i>Nổi tiêu đề với đoạn văn</i> (Tương tự một số dạng quen thuộc như trong các bài thi IELTS)	3
G4	CLO4	Xây dựng các cấu trúc câu đơn, kết hợp được các cấu trúc đơn bằng một số ít các phương tiện liên kết đơn giản, sử dụng cấu trúc câu đơn và câu phức trong việc xây dựng một đoạn văn mô tả một biểu đồ, một chu trình, hoặc một bản đồ. (Tương tự Task 1 trong bài IELTS Writing).	3 - 4
G5	CLO5	Trình bày được các nội dung chính sau khi nghe văn bản, hội thoại, độc thoại; nghe và ghi chú lại được một số thông tin chi tiết từ các bài đơn thoại và song thoại có độ dài 4-6 phút trong bối cảnh tình huống giao tiếp thông thường (tương tự như Section 1 và Section 2 trong bài IELTS Listening)	3
G6	CLO6	Có thể diễn đạt về các chủ đề quen thuộc; nói tốt hầu hết các câu đơn và kết hợp các câu đơn bằng các phương tiện liên kết đơn giản (sử dụng câu đơn, hoặc câu ghép); thể hiện được một vài đặc trưng ngữ âm đơn giản trong tiếng anh (trọng âm, nổi âm, ngữ điệu, nuốt âm...) (Tương tự Part 1 trong bài IELTS Speaking)	3 - 4

7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN (COURSE ASSESSMENT)

Bảng 7.1. Đánh giá học phần

Hình thức đánh giá	Nội dung/ Bài đánh giá	Thời điểm	CLOs	Công cụ và tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
Chuyên cần	Thái độ học tập trên lớp Trả lời câu hỏi trên lớp Trả lời các câu hỏi thảo luận Mức độ hoàn thành bài tập được giao	Tuần 15	CLO1 - CLO6	Nhật ký giảng dạy của giảng viên với các tiêu chí đánh giá (i) Mức độ tham gia (ii) Mức độ tương tác ; (iii) Chất lượng câu trả lời ; (iv) Chất lượng và mức độ hoàn thành bài tập	10%
Đánh giá quá trình	Bài kiểm tra giữa kì lần 1	Tuần 11	CLO1 - CLO5	(i) Nội dung: Kiểm tra kiến thức ngữ pháp, từ vựng, kỹ năng đọc và viết ở mức độ tiền trung cấp. (ii) Hình thức: Bài kiểm tra tự luận. (iii) Thời gian: 60'	20 %
	Bài kiểm tra giữa kì lần 2	Tuần 15	CLO1- CLO5	(i) Bài kiểm tra nghe. (ii) Hình thức: Bài kiểm tra tự luận. (iii) Thời gian: 45'	20%
Đánh giá cuối kỳ	Bài thi cuối kỳ	Lịch thi học phần	CLO1- CLO5	(i) Bài thi cuối kì kiểm tra năng lực sử dụng ngữ pháp, từ vựng và kỹ năng đọc – viết bằng Tiếng Anh. (ii) Hình thức : Tự luận (iii) Thời gian : 60 phút	50%

8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (LESSON PLAN)

Bảng 8.1. Kế hoạch giảng dạy

Tuần	Nội dung giảng dạy	Tài liệu đọc	CLOs	Hoạt động dạy và học	Công cụ đánh giá
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
1	<p>-Làm quen, giới thiệu học phần, logic của học phần và vai trò, vị trí của học phần trong CTĐT</p> <p>- Giới thiệu nội dung học phần</p> <p>- Pre – test : kỹ năng nói + viết</p>	Đề cương học phần	CLO1	<p>Hướng dẫn đọc tài liệu</p> <p>Hướng dẫn tìm tài liệu</p> <p>Hướng dẫn kỹ năng làm bài tập được giao</p> <p>Đặt ra yêu cầu học tập</p> <p>Giới thiệu học phần</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi</p>
2	<p>Unit 1: RELATIONSHIPS</p> <p>Reading skills</p>	<p>Greg Archer et all.</p> <p><i>“Mindset for IELTS 1”, 2017, Cambridge University Press;</i></p> <p>Chương I</p>	CLO1 CLO2 CLO3	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các nội dung học tập và thực hành</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi</p>
3	<p>Unit 1: RELATIONSHIPS</p> <p>Writing skills</p>	<p>Greg Archer et all.</p> <p><i>“Mindset for IELTS 1”, 2017, Cambridge University Press;</i></p> <p>Chương I</p>	CLO1 CLO2 CLO4	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các nội dung học tập và thực hành</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi</p>
4	<p>Unit 1: RELATIONSHIPS</p> <p>Listening & Speaking skills</p>	<p>Greg Archer et all.</p> <p><i>“Mindset for IELTS 1”, 2017, Cambridge University Press;</i></p> <p>Chương I</p>	CLO1 CLO2 CLO5 CLO6	<p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các nội dung học tập và thực hành</p> <p>Giảng viên và nhóm sinh viên nhận xét, chấm</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi</p>

5	Unit 2: PLACES AND BUILDINGS Reading skills	Greg Archer et all. “ <i>Mindset for IELTS 1</i> ”, 2017, Cambridge University Press; Chương II	CLO1- CLO3	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các nội dung học tập và thực hành	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi
6	Unit 2: PLACES AND BUILDINGS Writing skills	Greg Archer et all. “ <i>Mindset for IELTS 1</i> ”, 2017, Cambridge University Press; Chương II	CLO1 CLO4	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các nội dung học tập và thực hành Giảng viên và nhóm sinh viên nhận xét, chấm	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi
7	Unit 2: PLACES AND BUILDINGS Listening & Speaking skills	Greg Archer et all. “ <i>Mindset for IELTS 1</i> ”, 2017, Cambridge University Press; Chương II	CLO2 CLO5 CLO6	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các nội dung học tập và thực hành Giảng viên và nhóm sinh viên nhận xét, chấm	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi
8	UNIT 3: EDUCATION AND EMPLOYMENT Reading & Writing skills	Greg Archer et all. “ <i>Mindset for IELTS 1</i> ”, 2017, Cambridge University Press; Chương III	CLO1- CLO4	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các nội dung học tập và thực hành Giảng viên và nhóm sinh viên nhận xét, chấm	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi
9	UNIT 3: EDUCATION AND EMPLOYMENT Listening skills	Greg Archer et all. “ <i>Mindset for IELTS 1</i> ”, 2017, Cambridge	CLO2 CLO5	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các nội dung học tập và thực hành.	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi

		University Press; Chương III			
10	UNIT 3: EDUCATION AND EMPLOYMENT Speaking skills	Greg Archer et al. "Mindset for IELTS 1", 2017, Cambridge University Press; Chương II	CLO1 CLO6	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các nội dung học tập và thực hành Giảng viên và nhóm sinh viên nhận xét, chấm	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp
11	- MID – TERM TEST 1: Reading & Writing		CLO1 – CLO4		Mức độ tham gia Chất lượng câu trả lời trên bài kiểm tra
12	UNIT 4: FOOD AND DRINK - Reading & Writing skills	Greg Archer et al. "Mindset for IELTS 1", 2017, Cambridge University Press; Chương IV	CLO1 – CLO4	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các nội dung học tập và thực hành Giảng viên và nhóm sinh viên nhận xét, chấm	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi
13	UNIT 4: FOOD AND DRINK - Listening skills	Greg Archer et al. "Mindset for IELTS 1", 2017, Cambridge University Press; Chương IV	CLO1 CLO5	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các nội dung học tập và thực hành Giảng viên và nhóm sinh viên nhận xét, chấm	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi
14	UNIT 4: FOOD AND DRINK Speaking skills	Greg Archer et al. "Mindset for IELTS 1", 2017, Cambridge University Press; Chương IV	CLO1 CLO2 CLO6	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các nội dung học tập và thực hành	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi

				Giảng viên và nhóm sinh viên nhận xét, chấm	
15	- MID – TERM TEST 2: LISTENING - Ôn tập học phần		CLO1 - CLO6	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Thảo luận các nội dung học tập và thực hành	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi
-	Bài thi cuối kỳ		CLO1 - CLO5	Sinh viên làm bài thi theo lịch	Theo yêu cầu bài thi

9. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN (COURSE REQUIREMENTS AND EXPECTATION)

9.1. Quy định về điều kiện thi kết thúc học phần

Sinh viên được tham dự thi cuối kỳ/thi kết thúc học phần (50%) nếu có điểm chuyên cần (10%) đạt mức 5 điểm trở lên (thang 10).

9.2. Quy định về tham dự lớp học

- Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý. Mỗi buổi vắng mặt sẽ bị trừ 1 điểm đánh giá quá trình. Sinh viên vắng quá 3 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại.
- Sinh viên không nộp bài tập sẽ nhận điểm 0 (không).
- Sinh viên nộp bài trễ sẽ bị trừ 1 điểm cho mỗi ngày nộp muộn.

9.3. Quy định về hành vi lớp học

- Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.
- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 10 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.
- Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.
- Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.
- Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

Hà Nội, ngày 2 tháng 7 năm 2021

TRƯỞNG BỘ MÔN

TRƯỞNG KHOA

Điệp

Thủy

TbS. LÊ THỊ NGỌC DIỆP

PGS.TS. Phạm Thị Thuỷ Thủy



PGS.TS. PHẠM HỒNG CHƯƠNG

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT

(Ban hành kèm theo quyết định số QĐ/ĐHKTQĐ, ngày tháng năm 2021)

1. THÔNG TIN TỔNG QUÁT (GENERAL INFORMATION)

- Tên học phần (tiếng Việt):	TIẾNG ANH 2
- Tên học phần (tiếng Anh)	ENGLISH 2
- Mã số học phần	NNKC1132
- Thuộc khối kiến thức	Kiến thức chung
- Số tín chỉ	3 (40 giờ, tương đương 48 tiết)
+ Số giờ lý thuyết	25
+ Số giờ thảo luận/Thực hành	15
+ Số giờ tự học	90

- Các học phần tiên quyết
- Kiến thức cơ bản trong tiếng Anh tổng quát tương đương trình độ từ bậc 2/6 thuộc khung năng lực ngoại ngữ của VN trở lên trở lên.

2. THÔNG TIN GIẢNG VIÊN

Bộ môn quản lý: Bộ môn Ngoại Ngữ Không Chuyên

Địa chỉ: Phòng 708 Nhà A1, Trường ĐHKinh tế Quốc dân

Giảng viên:

Ths. Lê Thị Ngọc Diệp	SĐT: 0904118858	Email: dielpn@neu.edu.vn
Ths. Lê Anh Thơ	SĐT: 0983853809	Email: thola@neu.edu.vn
Th.s Triệu Khánh Toàn	SĐT: 0915910211	Email: toantk@neu.edu.vn
T.s Đinh Thị Kim Chung	SĐT: 0966869199	Email: chungdk@neu.edu.vn
Ths. Nguyễn Phương Hoài	SĐT: 0917291589	Email: hoainp@neu.edu.vn
Th.s Văn Thu Hương	SĐT: 0988094604	Email: thuhuongnn@neu.edu.vn
Ths. Chu Thị Kim Ngân	SĐT: 0912759093	Email: nganctk@neu.edu.vn
Ths. Trịnh Thị Hạnh	SĐT: 0935006996	Email: hanhtrinh@neu.edu.vn

và các giảng viên của Khoa Ngoại ngữ Kinh tế, Trường ĐHKinh tế Quốc dân.

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN (COURSE DESCRIPTIONS)

Học phần Tiếng Anh 2 dành cho các sinh viên có năng lực sử dụng ngôn ngữ ở trình độ bậc 2/6 thuộc khung năng lực ngoại ngữ của VN trở lên. Học phần này nhằm mục đích cải thiện các kỹ năng thực hành ngôn ngữ trong các tình huống giao tiếp thông thường (General English), trang bị nền tảng để sinh viên tiếp tục theo học các học phần tiếp theo, giúp sinh viên tự tin sử dụng Tiếng Anh trong các kỳ thi năng lực ngôn ngữ quốc tế, đặc biệt là theo ngữ cảnh của kì thi chứng chỉ quốc tế IELTS, nâng cao khả năng sử dụng tiếng Anh trong cuộc sống của sinh viên.

4. TÀI LIỆU THAM KHẢO (LEARNING RESOURCES: COURSE BOOKS, REFERENCE BOOKS, AND SOFTWARES)

Giáo trình:

1. Greg Archer et al. 2017. *Mindset for IELTS 1*. Cambridge University Press

Tài liệu tham khảo

1. Presshouse A. et al (2012). *IELTS Foundation*, Macmillan, London.
2. McCarter S. (2007). *Improve your IELTS Reading Skills*, Macmillan, London.
3. McCarter S. (2007). *Improve your IELTS Listening and Speaking Skills*, Macmillan, London.
4. Sam McCarter & Norman Whitby. 2014. *Writing for IELTS 4.5 – 6.0*. Macmillan Publishers Limited
5. Fiona Aish & Jo Tomlinson . 2014. *Get Ready for IELTS Writing*. Cobuild
6. Tài liệu do giảng viên của Bộ môn Ngoại ngữ không chuyên biên soạn.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN (COURSE GOALS)

Bảng 5.1. Mục tiêu học phần

TT	Mô tả mục tiêu học phần	CDR (PLO) của CTĐT	Mức độ
[1]	[2]	[3]	[4]
G1	Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của VN về từ vựng và ngữ pháp tương đương với mức điểm 4 - 5 IELTS	PLO 2.3.1	3
G2	Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của VN về kĩ năng đọc hiểu Tiếng Anh pháp tương đương với mức điểm 4 - 5 IELTS	PLO 2.3.1	3
G3	Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của VN về kĩ năng viết Tiếng Anh pháp tương đương với mức điểm 4 - 5 IELTS	PLO 2.3.1	3 - 4
G4	Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của VN về kĩ năng nghe Tiếng Anh pháp tương đương với mức điểm 4 - 5 IELTS	PLO 2.3.1	3
G5	Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của VN về kĩ năng nói Tiếng Anh pháp tương đương với mức điểm 4 - 5 IELTS	PLO 2.3.1	3 - 4

6. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN (COURSE LEARNING OUTCOMES)

Bảng 6.1. Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Mục tiêu	CLOs	Mô tả CLOs*	Mức độ đạt được
[1]	[2]	[3]	[4]
G1	CLO1.1	Nắm vững và tự tin trong việc áp dụng vốn kiến thức, kĩ năng đã học vào quá trình giao tiếp trong cuộc sống, công việc và học tập	3

Mục tiêu	CLOs	Mô tả CLOs*	Mức độ đạt được
G2	CLO1.2	Xác định và ứng dụng được các hiện tượng ngữ pháp, cấu trúc, và kiến thức từ vựng để giao tiếp đạt trình độ tiếng Anh tiền trung cấp.	3
G3	CLO1.3	Thực hiện được các yêu cầu trong kỹ năng đọc hiểu như trình bày được nội dung chính của văn bản đã đọc, phát hiện một số thông tin chi tiết, và xác định được ngữ nghĩa của từ vựng dựa vào văn cảnh cụ thể. Sinh viên tự tin đọc các văn bản có độ dài 400-800 từ về chủ đề học thuật hoặc kinh doanh, và làm được một số dạng bài tập quen thuộc với các bài thi năng lực quốc tế như <i>Điền từ vào chỗ trống, Xác định thông tin Đúng/Sai, Nói tiêu đề với đoạn văn</i> (Tương tự một số dạng quen thuộc như trong các bài thi IELTS)	3
G4	CLO1.4	Viết được một số dạng bài luận; nhận diện và xác định được kết cấu, các phương tiện liên kết giữa các câu, giữa các đoạn	3 - 4
G5	CLO1.5	Sinh viên có khả năng nghe hiểu nội dung chính từ một cuộc nói chuyện về các chủ đề quen thuộc.	3
G6	CLO1.6	Sinh viên có khả năng tương tác và phản hồi lại các cuộc hội thoại về các chủ đề quen thuộc thông thường.	3 - 4

7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN (COURSE ASSESSMENT)

Bảng 7.1. Đánh giá học phần

Hình thức đánh giá	Nội dung/ Bài đánh giá	Thời điểm	CLOs	Công cụ và tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
Chuyên cần	Thái độ học tập trên lớp Trả lời câu hỏi trên lớp Trả lời các câu hỏi thảo luận Mức độ hoàn thành bài tập được giao	Tuần 15	CLO1- CLO6	Nhật ký giảng dạy của giảng viên với các tiêu chí đánh giá (i) Mức độ tham gia (ii) Mức độ tương tác ; (iii) Chất lượng câu trả lời ; (iv) Chất lượng và mức độ hoàn thành bài tập	10%
Đánh giá quá trình	Bài kiểm tra giữa kì lần 1	Tuần 11	CLO1 CLO5	(i) Nội dung: Kiểm tra kiến thức ngữ pháp, từ vựng, kỹ năng nghe và đọc ở mức độ tiền trung cấp. (ii) Hình thức: Bài kiểm tra tự luận. (iii) Thời gian: 60'	20 %

	Bài kiểm tra giữa kì lần 2	Tuần 15	CLO1 CLO5	(i) Bài kiểm tra viết. (ii) Hình thức: Bài kiểm tra tự luận. (iii) Thời gian: 45'	20%
Đánh giá cuối kỳ	Bài thi cuối kỳ	Lịch thi học phần	CLO1 CLO5	(i) Bài thi cuối kì kiểm tra năng lực sử dụng ngữ pháp, từ vựng và kĩ năng đọc – viết bằng Tiếng Anh. (ii) Hình thức : Tự luận (iii) Thời gian : 60 phút	50%

8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (LESSON PLAN)

Bảng 8.1. Kế hoạch giảng dạy

Tuần	Nội dung giảng dạy	Tài liệu đọc	CLOs	Hoạt động dạy và học	Công cụ đánh giá
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
1	-Làm quen, giới thiệu học phần, logic của học phần và vai trò, vị trí của học phần trong CĐT - Giới thiệu nội dung học phần - Pre – test : kỹ năng nói + viết	Đề cương học phần	CLO1	Hướng dẫn đọc tài liệu Hướng dẫn tìm tài liệu Hướng dẫn kỹ năng làm bài tập được giao Đặt ra yêu cầu học tập Giới thiệu học phần	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
2	Unit 5: CONSUMERISM Reading skills	Greg Archer et al. “ <i>Mindset for IELTS 1</i> ”, 2017, Cambridge University Press; Chương 1	CLO1 CLO2 CLO3	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các nội dung học tập và thực hành	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi
3	Unit 5: CONSUMERISM Writing skills	Greg Archer et al. “ <i>Mindset for IELTS 1</i> ”, 2017, Cambridge University Press; Chương 1	CLO1 CLO2 CLO4	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các nội dung học tập và thực hành	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi
4	Unit 5: CONSUMERISM Listening & Speaking skills	Greg Archer et al. “ <i>Mindset for IELTS 1</i> ”, 2017, Cambridge University Press; Chương 1	CLO1 CLO2 CLO5 CLO6	Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các nội dung học tập và thực hành Giảng viên và nhóm sinh viên nhận xét, chấm	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi
5	Unit 6: LEISURE TIME Reading skills	Greg Archer et al. “ <i>Mindset for IELTS</i>	CLO1- CLO3	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp	Mức độ tham gia Mức độ tương tác

		<i>1", 2017, Cambridge University Press; Chương II</i>		Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các nội dung học tập và thực hành	Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi
6	Unit 6: LEISURE TIME Writing skills	Greg Archer et all. <i>"Mindset for IELTS 1", 2017, Cambridge University Press; Chương II</i>	CLO1 CI:O4	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các nội dung học tập và thực hành Giảng viên và nhóm sinh viên nhận xét, chấm	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi
7	Unit 6: LEISURE TIME Listening & Speaking skills	Greg Archer et all. <i>"Mindset for IELTS 1", 2017, Cambridge University Press; Chương II</i>	CLO2 CLO5 CLO6	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các nội dung học tập và thực hành Giảng viên và nhóm sinh viên nhận xét, chấm	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi
8	UNIT 7: FAME AND THE MEDIA Reading & Writing skills	Greg Archer et all. <i>"Mindset for IELTS 1", 2017, Cambridge University Press; Chương III</i>	CLO1- CLO4	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các nội dung học tập và thực hành Giảng viên và nhóm sinh viên nhận xét, chấm	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi
9	UNIT 7: FAME AND THE MEDIA Listening skills	Greg Archer et all. <i>"Mindset for IELTS 1", 2017, Cambridge University Press; Chương III</i>	CLO2 CLO5	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các nội dung học tập và thực hành.	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi

10	UNIT 7: FAME AND THE MEDIA Speaking skills	Greg Archer et al. <i>"Mindset for IELTS 1", 2017, Cambridge University Press;</i> Chương III	CLO1 CLO6	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các nội dung học tập và thực hành Giảng viên và nhóm sinh viên nhận xét, chấm	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi
11	- MID – TERM TEST 1: LISTENING & READING		CLO1 CLO3 CLO5		Mức độ tham gia Chất lượng câu trả lời trên bài kiểm tra
12	UNIT 8: NATURAL WORLD Reading & Writing skills	Greg Archer et al. <i>"Mindset for IELTS 1", 2017, Cambridge University Press;</i> Chương IV	CLO1- CLO4	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các nội dung học tập và thực hành Giảng viên và nhóm sinh viên nhận xét, chấm	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi
13	UNIT 8: NATURAL WORLD Listening skills	Greg Archer et al. <i>"Mindset for IELTS 1", 2017, Cambridge University Press;</i> Chương IV	CLO1 CLO5	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các nội dung học tập và thực hành Giảng viên và nhóm sinh viên nhận xét, chấm	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi
14	UNIT 8: NATURAL WORLD Speaking skills	Greg Archer et al. <i>"Mindset for IELTS 1", 2017, Cambridge University Press;</i> Chương IV	CLO1 CLO2 CLO6	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các nội dung học tập và thực hành Giảng viên và nhóm sinh viên nhận xét, chấm	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi

15	- MID – TERM TEST 2: WRITING - Ôn tập học phần		CLO1 - CLO6	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Thảo luận các nội dung học tập và thực hành	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi
-	Bài thi cuối kỳ		CLO1 - CLO5	Sinh viên làm bài thi theo lịch	Theo yêu cầu bài thi

9. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN (COURSE REQUIREMENTS AND EXPECTATION)

9.1. Quy định về điều kiện thi kết thúc học phần

Sinh viên được tham dự thi cuối kỳ/thi kết thúc học phần (50%) nếu có điểm chuyên cần (10%) đạt mức 5 điểm trở lên (thang 10).

9.2. Quy định về tham dự lớp học

- Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý. Mỗi buổi vắng mặt sẽ bị trừ 1 điểm đánh giá quá trình. Sinh viên vắng quá 3 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại.
- Sinh viên không nộp bài tập sẽ nhận điểm 0 (không).
- Sinh viên nộp bài trễ sẽ bị trừ 1 điểm cho mỗi ngày nộp muộn.

9.3. Quy định về hành vi lớp học

- Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.
- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 10 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.
- Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.
- Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.
- Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

TRƯỞNG BỘ MÔN

TRƯỞNG KHOA

Diệp

Thủy

ThS. LÊ THỊ NGỌC DIỆP

PGS.TS. Phạm Thị Thuần, Thủy

Hà Nội, ngày 11 tháng 7 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. PHẠM HỒNG CHƯƠNG



ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT

(Ban hành kèm theo quyết định số 123/QĐ/ĐHKYQĐ, ngày 26 tháng 7 năm 2021)

1. THÔNG TIN TỔNG QUÁT (GENERAL INFORMATION)

- Tên học phần (tiếng Việt):	TIẾNG ANH 3
- Tên học phần (tiếng Anh)	ENGLISH 3
- Mã số học phần	NNKC1133
- Thuộc khối kiến thức	Kiến thức chung
- Số tín chỉ	3 (40 giờ, tương đương 48 tiết)
+ Số giờ lý thuyết	25
+ Số giờ thảo luận/thực hành	15
+ Số giờ tự học	90

- Các học phần tiên quyết
- Kiến thức cơ bản trong tiếng Anh tổng quát tương đương trình độ từ bậc 3/6 thuộc khung năng lực ngoại ngữ của VN trở lên trở lên.

2. THÔNG TIN GIẢNG VIÊN

Bộ môn quản lý: Bộ môn Ngoại Ngữ Không Chuyên
Địa chỉ: Phòng 708 Nhà A1, Trường ĐH Kinh tế Quốc dân

Giảng viên:

Ths. Lê Thị Ngọc Diệp	SĐT: 0904118858	Email: diepln@neu.edu.vn
Ths. Phạm Thị Quỳnh Hoa	SĐT: 0982420555	Email: phanptn@neu.edu.vn
Ths. Phạm Thị Thu Trang	SĐT: 0935359666	Email: trangptt@neu.edu.vn
Ths. Nguyễn Thị Hồng Hạnh	SĐT: 0936588468	Email: honghanh@neu.edu.vn
Ths. Lê Anh Thơ	SĐT: 0983853809	Email: thoja@neu.edu.vn
Th.s Triệu Khánh Toàn	SĐT: 0915910211	Email: toantk@neu.edu.vn
Ths. Phạm Thị Thanh Nhân	SĐT: 0982420555	Email: phanptnn@neu.edu.vn
Ths. Nguyễn Thị Thu Trang	SĐT: 0905597618	Email: thutrang@neu.edu.vn
Ths. Bùi Thị Lê Minh	SĐT: 0988820505	Email: minhbtl@neu.edu.vn

và các giảng viên của Khoa Ngoại ngữ Kinh tế, Trường ĐH Kinh tế Quốc dân.

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN (COURSE DESCRIPTIONS)

Học phần Tiếng Anh 3 dành cho các sinh viên có năng lực sử dụng ngôn ngữ ở trình độ bậc 3/6 thuộc khung năng lực ngoại ngữ của VN trở lên. Học phần này nhằm mục đích cải thiện các kỹ năng thực hành ngôn ngữ trong các tình huống giao tiếp thông thường (General English), trang bị nền tảng để sinh viên tiếp tục theo học các học phần tiếp theo, giúp sinh viên tự tin sử dụng Tiếng

Anh trong các kỳ thi năng lực ngôn ngữ quốc tế, đặc biệt là theo ngữ cảnh của kì thi chứng chỉ quốc tế IELTS, nâng cao khả năng sử dụng tiếng Anh trong cuộc sống của sinh viên.

4. TÀI LIỆU THAM KHẢO (LEARNING RESOURCES: COURSE BOOKS, REFERENCE BOOKS, AND SOFTWARES)

Giáo trình:

1. Greg Archer et al. 2017. *Mindset for IELTS 2*. Cambridge University Press

Tài liệu tham khảo

1. Presshouse A. et al (2012). *IELTS Foundation*, Macmillan, London.
2. McCarter S. (2007). *Improve your IELTS Reading Skills*, Macmillan, London.
3. McCarter S. (2007). *Improve your IELTS Listening and Speaking Skills*, Macmillan, London.
4. Sam McCarter & Norman Whitby. 2014. *Writing for IELTS 4.5 – 6.0*. Macmillan Publishers Limited
5. Fiona Aish & Jo Tomlinson . 2014. *Get Ready for IELTS Writing*. Cobuild
6. Tài liệu do giảng viên của Bộ môn Ngoại ngữ không chuyên biên soạn.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN (COURSE GOALS)

Bảng 5.1. Mục tiêu học phần

TT	Mô tả mục tiêu học phần	CDR (PLO) của CTĐT	Mức độ
[1]	[2]	[3]	[4]
G1	Có năng lực ngoại ngữ bậc từ 3/6 - 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ của VN về từ vựng và ngữ pháp tương đương với mức điểm 5 – 5.5 IELTS	PLO 2.3.1	3
G2	Có năng lực ngoại ngữ bậc từ 3/6 - 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ của VN về kĩ năng đọc hiểu Tiếng Anh pháp tương đương với mức điểm 5 – 5.5 IELTS	PLO 2.3.1	3
G3	Có năng lực ngoại ngữ bậc từ 3/6 - 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ của VN về kĩ năng viết Tiếng Anh pháp tương đương với mức điểm 5 – 5.5 IELTS	PLO 2.3.1	3 – 4
G4	Có năng lực ngoại ngữ bậc từ 3/6 - 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ của VN về kĩ năng nghe Tiếng Anh pháp tương đương với mức điểm 5 – 5.5 IELTS	PLO 2.3.1	3
G5	Có năng lực ngoại ngữ bậc từ 3/6 - 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ của VN về kĩ năng nói Tiếng Anh pháp tương đương với mức điểm 5 – 5.5 IELTS	PLO 2.3.1	3 – 4

6. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN (COURSE LEARNING OUTCOMES)

Bảng 6.1. Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Mục tiêu	CLOs	Mô tả CLOs*	Mức độ đạt được
[1]	[2]	[3]	[4]
G1	CLO1	Nắm vững và tự tin trong việc áp dụng vốn kiến thức, kỹ năng đã học vào quá trình giao tiếp trong cuộc sống, công việc và học tập	3
G2	CLO2	Xác định và ứng dụng được các hiện tượng ngữ pháp, cấu trúc, và kiến thức từ vựng để giao tiếp đạt trình độ tiếng Anh trung cấp trở lên.	3
G3	CLO3	Thực hiện được các yêu cầu trong kỹ năng đọc hiểu như trình bày được nội dung chính của văn bản đã đọc, phát hiện một số thông tin chi tiết, và xác định được ngữ nghĩa của từ vựng dựa vào văn cảnh cụ thể. Sinh viên tự tin đọc các văn bản có độ dài 600-850 từ về chủ đề học thuật hoặc kinh doanh, và làm được một số dạng bài tập quen thuộc với các bài thi năng lực quốc tế như <i>Điền từ vào chỗ trống</i> , <i>Xác định thông tin Đúng/Sai</i> , <i>Nói tiêu đề với đoạn văn</i> (Tương tự một số dạng quen thuộc như trong các bài thi IELTS)	3
G4	CLO4	sinh viên kỹ năng báo cáo, tóm tắt các xu hướng quan trọng trong thống kê, phân tích dữ liệu, sơ đồ, quy trình và bản đồ một cách hiệu quả trong phần 1 bài thi viết IELTS, sử dụng các cấu trúc và từ vựng linh hoạt, nâng cao hơn; viết được các loại bài luận khác nhau bao gồm bài luận 'thuận lợi và khó khăn', bài luận 'đồng ý hoặc không đồng ý', bài luận ý kiến và bài luận 'vấn đề và giải pháp'; nghĩ ra các ý tưởng và chọn từ vựng cần thiết cho một nhiệm vụ viết cụ thể một cách nhanh chóng và hiệu quả.	3 - 4
G5	CLO5	Sinh viên có khả năng nghe hiểu nội dung chính từ một cuộc nói chuyện về các chủ đề đa dạng trong cuộc sống, học tập, và công việc.	3
G6	CLO6	Sinh viên có thể vận dụng từ vựng đã học để tạo ra một bài nói chuyện độc lập về bất kỳ chủ đề nào đã học; vận dụng linh hoạt cấu trúc để triển khai và mở rộng chủ đề một cách độc lập; giải thích ý tưởng, bảo vệ quan điểm của mình bằng cách lập luận rõ ràng và linh hoạt	3 - 4

7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN (COURSE ASSESSMENT)

Bảng 7.1. Đánh giá học phần

Hình thức đánh giá	Nội dung/ Bài đánh giá	Thời điểm	CLOs	Công cụ và tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
Chuyên cần	Thái độ học tập trên lớp Trả lời câu hỏi trên lớp Trả lời các câu hỏi thảo luận Mức độ hoàn thành bài tập được giao	Tuần 15	CLO1- CLO6	Nhật ký giảng dạy của giảng viên với các tiêu chí đánh giá (i) Mức độ tham gia (ii) Mức độ tương tác ; (iii) Chất lượng câu trả lời ; (iv) Chất lượng và mức độ hoàn thành bài tập	10%
Đánh giá quá trình	Bài kiểm tra giữa kì lần 1	Tuần 11	CLO1 CLO2 CLO4 CLO5	(i) Nội dung: Kiểm tra kiến thức ngữ pháp, từ vựng, kĩ năng nghe và viết ở mức độ trên trung cấp. (ii) Hình thức: Bài kiểm tra tự luận. (iii) Thời gian: 60'	20 %
	Bài kiểm tra giữa kì lần 2	Tuần 15	CLO1 CLO6	(i) Bài kiểm tra nói. (ii) Hình thức: Bài kiểm tra phỏng vấn. (iii) Thời gian: mỗi sinh viên có 7 -10' để thực hiện bài kiểm tra.	20%
Đánh giá cuối kỳ	Bài thi cuối kỳ	Lịch thi học phần	CLO1- CLO5	(i) Bài thi cuối kì kiểm tra năng lực sử dụng ngữ pháp, từ vựng và kĩ năng đọc – viết bằng Tiếng Anh. (ii) Hình thức : Tự luận (iii) Thời gian : 60 phút	50%

8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (LESSON PLAN)

Bảng 8.1. Kế hoạch giảng dạy

Tuần	Nội dung giảng dạy	Tài liệu đọc	CLOs	Hoạt động dạy và học	Công cụ đánh giá
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
1	- Làm quen, giới thiệu học phần, logic của học phần và vai trò, vị trí của học phần trong CTĐT - Giới thiệu nội dung học phần - Pre - test : kỹ năng nói + viết	Đề cương học phần	CLO1	Hướng dẫn đọc tài liệu Hướng dẫn tìm tài liệu Hướng dẫn kỹ năng làm bài tập được giao Đặt ra yêu cầu học tập Giới thiệu học phần	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi
2	Unit 1: BUSINESS & WORK Reading skills	Greg Archer et all. "Mindset for IELTS 2", 2017, Cambridge University Press; Chương 1	CLO1 CLO2 CLO3	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các nội dung học tập và thực hành	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi
3	Unit 1: BUSINESS & WORK Writing skills	Greg Archer et all. "Mindset for IELTS 2", 2017, Cambridge University Press; Chương 1	CLO1 CLO2 CLO4	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các nội dung học tập và thực hành	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi
4	Unit 1: BUSINESS & WORK Listening & Speaking skills	Greg Archer et all. "Mindset for IELTS 2", 2017, Cambridge University Press; Chương 1 Greg Archer et all. "Mindset for IELTS	CLO1 CLO2 CLO5 CLO6	Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các nội dung học tập và thực hành Giảng viên và nhóm sinh viên nhận xét, chấm	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi

		2", 2017, Cambridge University Press; Chương I			
5	Unit 2: THE NATURAL ENVIRONMENT Reading skills	Greg Archer et all. "Mindset for IELTS 2", 2017, Cambridge University Press; Chương II	CLO1-CLO3	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các nội dung học tập và thực hành	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi
6	Unit 2: THE NATURAL ENVIRONMENT Writing skills	Greg Archer et all. "Mindset for IELTS 2", 2017, Cambridge University Press; Chương II	CLO1 CLO4	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các nội dung học tập và thực hành Giảng viên và nhóm sinh viên nhận xét, chấm	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi
7	Unit 2: THE NATURAL ENVIRONMENT Listening & Speaking skills	Greg Archer et all. "Mindset for IELTS 2", 2017, Cambridge University Press; Chương II	CLO2 CLO5 CLO6	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các nội dung học tập và thực hành Giảng viên và nhóm sinh viên nhận xét, chấm	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi
8	UNIT 3: EDUCATION SYSTEM Reading & Writing skills	Greg Archer et all. "Mindset for IELTS 2", 2017, Cambridge University Press; Chương III	CLO1-CLO4	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các nội dung học tập và thực hành Giảng viên và nhóm sinh viên nhận xét, chấm	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi

9	UNIT 3: EDUCATION SYSTEM Listening skills	Greg Archer et all. <i>"Mindset for IELTS 2", 2017, Cambridge University Press;</i> Chương III	CLO2 CLO5	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các nội dung học tập và thực hành.	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi
10	UNIT 3: EDUCATION SYSTEM Speaking skills	Greg Archer et all. <i>"Mindset for IELTS 2", 2017, Cambridge University Press;</i> Chương III	CLO1 CLO6	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các nội dung học tập và thực hành Giảng viên và nhóm sinh viên nhận xét, chấm	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi
11	- MID – TERM TEST 1: LISTENING & WRITING		CLO1 CLO4 CLO5		Mức độ tham gia Chất lượng câu trả lời trên bài kiểm tra
12	UNIT 4: FESTIVAL & TRADITIONS Reading & Writing skills	Greg Archer et all. <i>"Mindset for IELTS 2", 2017, Cambridge University Press;</i> Chương IV	CLO1 – CLO4	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các nội dung học tập và thực hành Giảng viên và nhóm sinh viên nhận xét, chấm	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi
13	UNIT 4: FESTIVAL & TRADITIONS Listening skills	Greg Archer et all. <i>"Mindset for IELTS 2", 2017, Cambridge University Press;</i> Chương IV	CLO1 CLO5	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các nội dung học tập và thực hành Giảng viên và nhóm sinh viên nhận xét, chấm	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi

14	UNIT 4: FESTIVAL & TRADITIONS Speaking skills	Greg Archer et all. “ <i>Mindset for IELTS 2</i> ”, 2017, Cambridge University Press; Chương IV	CLO1 CLO2 CLO6	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các nội dung học tập và thực hành Giảng viên và nhóm sinh viên nhận xét, chấm	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi
15	- MID – TERM TEST 2: SPEAKING - Ôn tập học phần		CLO1 CLO6	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Thảo luận các nội dung học tập và thực hành	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi
-	Bài thi cuối kỳ		CLO1 - CLO5	Sinh viên làm bài thi theo lịch	Theo yêu cầu bài thi

9. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN (COURSE REQUIREMENTS AND EXPECTATION)

9.1. Quy định về điều kiện thi kết thúc học phần

Sinh viên được tham dự thi cuối kỳ/thi kết thúc học phần (50%) nếu có điểm chuyên cần (10%) đạt mức 5 điểm trở lên (thang 10).

9.2. Quy định về tham dự lớp học

- Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý. Mỗi buổi vắng mặt sẽ bị trừ 1 điểm đánh giá quá trình. Sinh viên vắng quá 3 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại.
- Sinh viên không nộp bài tập sẽ nhận điểm 0 (không).
- Sinh viên nộp bài trễ sẽ bị trừ 1 điểm cho mỗi ngày nộp muộn.

9.3. Quy định về hành vi lớp học

- Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.
- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 10 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.
- Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.
- Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.
- Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2021

TRƯỞNG BỘ MÔN

Diệp

ThS. LÊ THỊ NGỌC DIỆP

TRƯỞNG KHOA

Thủy

PGS.TS. Phạm Thị Thanh Thủy



PGS.TS. PHẠM HỒNG CHƯƠNG

1000

1000

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT

(Ban hành kèm theo quyết định số 1345/QĐ/ĐHKTQD, ngày 16 tháng 7 năm 2021)

1. THÔNG TIN TỔNG QUÁT (GENERAL INFORMATION)

- Tên học phần (tiếng Việt): Kinh tế vi mô 1
- Tên học phần (tiếng Anh): Microeconomics I
- Mã số học phần: KHM11101
- Thuộc khối kiến thức: Đại cương
- Số tín chỉ: 3
- + Số giờ lý thuyết: 30
- + Số giờ thảo luận/Thực hành: 15
- + Số giờ tự học: 90 (1 giờ giảng dạy = 3 giờ tự học)
- Các học phần tiên quyết: Không

2. THÔNG TIN BỘ MÔN QUẢN LÝ VÀ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY

Bộ môn quản lý: Kinh tế vi mô

Địa chỉ: Phòng 808 Nhà A1, Trường ĐHQG Kinh tế Quốc dân

Giảng viên tham gia giảng dạy:

TT	Họ và tên	Số điện thoại	Email
1	PGS.TS Vũ Kim Dũng	0912045463	Dungvk@neu.edu.vn
2	PGS.TS Hồ Đình Bảo	0943947241	Baohd@neu.edu.vn
3	PGS.TS Phạm Văn Minh	0904240700	Minhphv@neu.edu.vn
4	PGS.TS Cao Thúy Xiêm	0904538601	Xiemct@neu.edu.vn
5	TS Đinh Thiện Đức	0913214246	Ducdt@neu.edu.vn
6	TS Hoàng Thị Thủy Nga	0968158777	Ngaht@neu.edu.vn
7	TS Ngô Tuấn Anh	0926992989	Ngotuananh@neu.edu.vn
8	TS Đồng Thị Hà	0912440609	Hadtkh@neu.edu.vn
9	TS Đoàn Việt Dũng	0947171333	Dungdv@neu.edu.vn
10	TS Nguyễn Hoài Sơn	0904025016	Hoaisonkt@gmail.com
11	TS Vũ Ngọc Xuân	0916866655	Xuanvn@neu.edu.vn

12	TS Lê Thanh Hà	0899464808	Lethanhha@neu.edu.vn
13	ThS Nguyễn Phạm Anh	0983762605	Anhnp@neu.edu.vn
14	ThS Đặng Thị Hoa	0977382205	Dangthihoa@neu.edu.vn
15	ThS Hoàng Thị Chính Thon	0868132052	Chinhthon@neu.edu.vn
16	Ths Phạm Xuân Nam	0972172467	Nampx@neu.edu.vn
17	ThS Trương Như Hiếu	0989048666	Hieutr@neu.edu.vn

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN (COURSE DESCRIPTIONS)

Kinh tế vi mô 1 (nguyên lý kinh tế vi mô) là một học phần đại học nhập môn giảng dạy các nguyên tắc cơ bản của kinh tế vi mô. Tại NEU, đây là học phần đầu tiên mà sinh viên theo học về kinh tế. Đối với người học, đây là học phần cung cấp một nền tảng vững chắc để phân tích và tư duy kinh tế có thể kéo dài trong suốt quá trình học tập và sự nghiệp chuyên môn sau này của họ. Đối với các sinh viên khác, nó có thể cung cấp nền tảng cho nhiều năm học về kinh tế, kinh doanh hoặc các lĩnh vực liên quan.

Học phần này bắt đầu với phần giới thiệu về cung và cầu và các lực lượng cơ bản xác định trạng thái cân bằng trong nền kinh tế thị trường. Tiếp theo, nó giới thiệu một khuôn khổ để tìm hiểu về hành vi của người tiêu dùng và phân tích các quyết định của người tiêu dùng. Sau đó, học phần đề cập đến các doanh nghiệp và các quyết định của họ về sản xuất tối ưu, và tác động của các cấu trúc thị trường khác nhau đối với hành vi của các doanh nghiệp. Phần cuối cùng của học phần giới thiệu một số chủ đề nâng cao hơn có thể được phân tích bằng lý thuyết kinh tế vi mô. Chúng bao gồm thương mại quốc tế và vai trò của Chính phủ trong nền Kinh tế thị trường.

Kết thúc học phần, sinh viên sẽ có thể hiểu lý thuyết kinh tế vi mô nhập môn, giải quyết các vấn đề kinh tế vi mô cơ bản và sử dụng các kỹ thuật này để suy nghĩ về một số câu hỏi chính sách liên quan đến hoạt động của nền kinh tế thực.

4. TÀI LIỆU THAM KHẢO (LEARNING RESOURCES: COURSE BOOKS, REFERENCE BOOKS, AND SOFTWARES)

Giáo trình

1. PGS.TS Vũ Kim Dũng – PGS.TS Nguyễn Văn Công (2012), *Giáo trình Kinh tế học tập 1*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân.

Tài liệu khác

2. TS Đinh Thiện Đức (2020), *Hướng dẫn học tập Nguyên lý Kinh tế vi mô*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân.

3. PGS.TS Vũ Kim Dũng – TS Đinh Thiện Đức (2010), *Bài tập Kinh tế vi mô*, Nhà xuất bản Lao động – Xã hội.

4. Mankiw, Gregory (2012), *Principles of Economics*, 6th Edition, South Western Cengage Learning Mason.

5. David Begg, Stanley Fischer, Rudiger Doornbusch (1991), *Economics*, 3rd Edition, McGraw Hill

6. Michael Parkin (1990), *Microeconomics* - 4th Edition, Addison - Wesley.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN (COURSE GOALS)

Bảng 5.1. Mục tiêu học phần

TT	Mô tả mục tiêu học phần	CBĐ (PLO) của CTĐT**	Mức độ***
[1]	[2]	[3]	[4]
G1	Sinh viên nhận biết và hiểu được các kiến thức cơ bản về kinh tế vi mô 1 cho phân tích mô hình kinh tế đơn giản. Mục tiêu của học phần bảo đảm lĩnh khoa học, liên thông và hiện đại hoá kiến thức liên ngành.	PLO1.1.2 PLO1.2.2 PLO1.2.3	3
G2	Sinh viên có kỹ năng vận dụng được kiến thức để thực hiện các chức năng pháp triển kỹ năng lập luận, phân tích các vấn đề cơ bản của kinh tế vi mô vào các mối quan hệ kinh tế đơn giản. Làm việc độc lập và tự chịu trách nhiệm.	PLO2.1.1	3
G3	- Có ý thức tổ chức kỷ luật, năng động, nhiệt huyết và có tinh thần hợp tác và trách nhiệm với công việc. - Có khả năng tự học tập, tích lũy kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn.	PLO3.1.1	3

6. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN (COURSE LEARNING OUTCOMES)

Bảng 6.1. Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Mục tiêu HP	CLOs	Mô tả CLOs*	Mức độ đạt được**
[1]	[2]	[3]	[4]
G1	CLO1.1	Cung cấp cho người học các khái niệm, các nguyên lý cơ bản về kinh tế học vi mô	2

Mục tiêu HP	CLOs	Mô tả CLOs*	Mức độ đạt được**
	CLO1.2	Giúp cho người học hiểu về lý thuyết, mô hình và phân tích cơ bản về các vấn đề kinh tế đơn giản	2
	CLO1.3	Vận dụng các lý thuyết, mô hình kinh tế cơ bản vào việc phân tích, đánh giá và giải thích các vấn đề thực tế đơn giản.	3
G2	CLO2.1	Phát triển các kỹ năng thực hiện nghiên cứu, phân tích, tổng hợp, khái quát các vấn đề kinh tế vi mô căn bản.	3
	CLO2.2	Khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc theo nhóm để giải quyết các nội dung.	3
G3	CLO3.1	Có khả năng tự học tập, tự tìm hiểu tài liệu để hoàn thành các bài học và bài tập được giao.	3
	CLO3.2	Có ý thức tổ chức kỷ luật lớp học, tuân thủ các nội quy lớp học, có tinh thần hợp tác và trách nhiệm cá nhân đối với các hoạt động được giảng viên giao.	3

7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN (COURSE ASSESSMENT)

Bảng 7.1. Đánh giá học phần

Hình thức đánh giá	Nội dung/ Bài đánh giá	Thời điểm	CLOs	Tiêu chí đánh giá*	Tỷ lệ (%)
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
Chuyên cần	Tham dự đầy đủ các buổi học (không nghỉ quá 20% tổng số giờ khóa học)	Tuần 1-15	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO2.1 CLO2.2	Nhật ký giảng dạy của giảng viên với các tiêu chí đánh giá (i) Mức độ tham gia (ii) Mức độ tương tác; (iii) Chất lượng câu trả lời	10%

Hình thức đánh giá	Nội dung/ Bài đánh giá	Thời điểm	CLOs	Tiêu chí đánh giá*	Tỷ lệ (%)
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
Đánh giá quá trình (bài kiểm tra trắc nghiệm kết hợp tự luận)	Có hai bài kiểm tra giữa kỳ - Bài 1 sau chương 4 - Bài 2 sau chương 7 Mỗi bài dài 1 giờ và sẽ được tính là 20%/bài.	Tuần 7	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3	Bài làm đảm bảo đúng yêu cầu đề ra của giảng viên	40%
		Tuần 13	CLO2.1 CLO2.2	Bài làm đảm bảo đúng yêu cầu đề ra của giảng viên	
Đánh giá cuối kỳ	Bài thi cuối kỳ	Lịch thi học phần	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO2.1 CLO2.2	Trắc nghiệm khách quan trên máy. Thời gian làm bài 60 phút/40 câu	50%

8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (LESSON PLAN)

Bảng 8.1. Kế hoạch giảng dạy

Tuần	Nội dung giảng dạy*	Tài liệu đọc**	CLOs	Hoạt động dạy và học***	Công cụ đánh giá****
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
1	<p>Chương 1</p> <p>1.1. Giới thiệu KTH vi mô</p> <p>1.2. Các khái niệm cơ bản</p> <p>1.3. Lựa chọn tối ưu</p>	<p>1</p> <p>2</p>	<p>CLO.1.1</p> <p>CLO.1.2</p> <p>CLO.1.3</p>	<p>Giới thiệu học phần</p> <p>Đặt ra yêu cầu học tập</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời</p>
2	<p>Chương 2</p> <p>2.1. Lý thuyết cầu</p> <p>2.2. Lý thuyết cung</p>	<p>1</p> <p>2</p>	<p>CLO.1.1</p> <p>CLO.1.2</p> <p>CLO.1.3</p>	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời</p>
3	<p>Chương 2</p> <p>2.3. Thay đổi trạng thái cân bằng</p> <p>2.4. Chính sách can thiệp của chính phủ</p>	<p>1</p> <p>2</p>	<p>CLO.1.1</p> <p>CLO.1.2</p> <p>CLO.1.3</p>	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời</p>

4	<p>Chương 3</p> <p>3.1. Khái niệm, cách tính hệ số co giãn của cầu và cung</p> <p>3.2. Mối quan hệ giữa co giãn của cầu theo giá và doanh thu</p>	1 2	<p>CLO.1.1</p> <p>CLO.1.2</p> <p>CLO.1.3</p>	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời</p>
5	<p>Chương 4</p> <p>4.1. Các khái niệm</p> <p>4.2. Lý thuyết lợi ích do được</p>	1 2	<p>CLO.1.1</p> <p>CLO.1.2</p> <p>CLO.1.3</p>	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời</p>
6	<p>Chương 4</p> <p>4.3. Lý thuyết phân tích hàng quan</p>	1 2	<p>CLO.1.1</p> <p>CLO.1.2</p> <p>CLO.1.3</p>	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời</p>
7	<p>Kiểm tra lần 1</p> <p>Chương 5</p> <p>5.1. Lý thuyết và hàm sản xuất</p> <p>5.2. Mối quan hệ giữa năng suất bình quân, cận biên và tổng sản phẩm</p>	1 2	<p>CLO.1.1</p> <p>CLO.1.2</p> <p>CLO.1.3</p>	<p>Sinh viên làm bài kiểm tra trong 1 tiết</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời</p>
8		1	CLO.1.1	Trả bài kiểm tra và giải đáp thắc mắc	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p>

	5.3. Các loại chi phí ngắn hạn và mối quan hệ giữa chúng 5.4. Lợi nhuận và tối đa hóa lợi nhuận		CLO.1.3	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Chất lượng câu trả lời
9	Chương 6 6.1. Cạnh tranh hoàn hảo	1 2	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
10	Chương 6 6.2. Độc quyền	1 2	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
11	Chương 6 6.3. Cạnh tranh độc quyền 6.4. Độc quyền tập đoàn	1 2	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
12	Chương 7 7.1. Vai trò của TMQT 7.2. Các chính sách can thiệp của Chính phủ	1 2	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời

				Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	
13	Kiểm tra lần 2 Chương 8 8.1. Các thất bại của thị trường 8.2. Vai trò của Chính phủ	1 2	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	Sinh viên làm bài kiểm tra trong 1 tiết Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
14	Chương 8 8.2. Vai trò của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường	1 2	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	Trả bài kiểm tra và giải đáp thắc mắc Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
15	Ôn tập và hệ thống	1 2	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	Giảng viên hệ thống lại môn học và giải đáp các thắc mắc của sinh viên	Mức độ tham gia Mức độ tương tác

9. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN (COURSE REQUIREMENTS AND EXPECTATION)

9.1. Quy định về tham dự lớp học

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ các buổi học trên lớp. Số tiết vắng mặt vượt quá 20% tổng số tiết của học phần (vì bất kể lý do gì) thì sinh viên phải đăng ký học lại.
- Sinh viên phải đến lớp đúng giờ. Một buổi vắng mặt sẽ tính khi: (i) 3 buổi đi muộn; hoặc (ii) rời lớp trước khi buổi học kết thúc.
- Sinh viên không tham dự buổi làm bài kiểm tra sẽ nhận điểm 0 (không) bài kiểm tra đó.

9.2. Quy định về hành vi lớp học

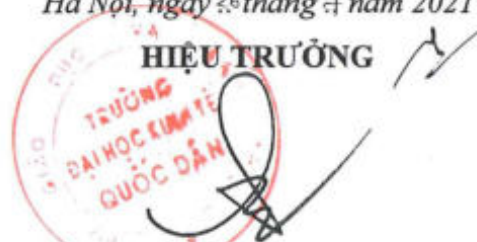
- Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm
- Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.
- Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

Hà Nội, ngày 26 tháng 7 năm 2021

TRƯỜNG BỘ MÔN

TRƯỜNG KHOA

HIỆU TRƯỞNG



Đức

Bảo

TS ĐÌNH THIÊN ĐỨC

PGS.TS HỒ ĐÌNH BẢO

PGS.TS PHẠM HỒNG CHƯƠNG

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT

(Ban hành kèm theo quyết định số 1375/QĐ/DHKTQĐ, ngày 26 tháng 7 năm 2021)

1. THÔNG TIN TỔNG QUÁT (GENERAL INFORMATION)

- Tên học phần (tiếng Việt):	Kinh tế vĩ mô I
- Tên học phần (tiếng Anh)	Principles of Macroeconomics
- Mã số học phần	KHMA1101
- Thuộc khối kiến thức	Đại cương
- Số tín chỉ	3 tín chỉ (45 giờ tín chỉ; 50 phút/giờ)
+ Số tiết lý thuyết	30
+ Số tiết thảo luận/Thực hành	15
+ Số tiết tự học	90
- Các học phần tiên quyết:	Không

2. THÔNG TIN BỘ MÔN QUẢN LÝ VÀ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY

Bộ môn quản lý: Kinh tế Vĩ mô

Địa chỉ: Phòng 805 Nhà A1, Trường ĐH Kinh tế Quốc dân

Giảng viên (liệt kê GV tham gia giảng dạy):

1. Nguyễn Văn Công
2. Nguyễn Hoàng Oanh
3. Nguyễn Việt Hùng
4. Hà Quỳnh Hoa
5. Đinh Mai Hương
6. Phạm Thế Anh
7. Nguyễn Việt Hưng
8. Lê Mai Hương
9. Vũ Thanh Huyền
10. Trần Thị Lan Hương
11. Nguyễn Ngọc Đính
12. Lưu Thị Phương
13. Phạm Thị Ngọc Quỳnh
14. Trần Thúy Hằng

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN (COURSE DESCRIPTIONS)

Học phần này giới thiệu những nguyên lý cơ bản của kinh tế vĩ mô để giúp sinh viên hiểu được sự vận hành của nền kinh tế tổng thể. Sinh viên sẽ được giới thiệu các khái niệm cũng như nguyên lý hạch toán cơ bản về thu nhập quốc dân, chỉ số giá tiêu dùng

và lạm phát, thất nghiệp, tỷ giá hối đoái và cán cân thương mại. Ngoài ra, sinh viên cũng được tiếp cận với những mô hình đơn giản nhất giải thích sự biến động và vai trò của các chính sách kinh tế vĩ mô trong việc ổn định nền kinh tế.

4. TÀI LIỆU THAM KHẢO (LEARNING RESOURCES: COURSE BOOKS, REFERENCE BOOKS, AND SOFTWARES)

Giáo trình

- [1] Giáo trình Kinh tế học (tập II), Nxb Đại học Kinh tế quốc dân, 2012;
- [2] Gregory Mankiw (2014). Kinh tế học Vĩ mô, Bản dịch của NXB Hồng Đức;

Tài liệu khác

- [3] N. Gregory Mankiw, Principles of Economics, CENGAGE Learning, 9th Ed. 2020.
- [4] Phạm Thế Anh (2019), Bài tập thực hành: Các nguyên lý Kinh tế học vĩ mô, Nxb Lao động.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN (COURSE GOALS)

Bảng 5.1. Mục tiêu học phần

Mục tiêu chính của học phần nhằm giúp sinh viên làm quen với các khái niệm và nguyên lý cơ bản về hoạt động của nền kinh tế tổng thể. Sinh viên cũng sẽ được trang bị công cụ để mô tả và giải thích các vấn đề trên. Ngoài ra, sinh viên còn được rèn luyện kỹ năng tự học tập và nghiên cứu để chuẩn bị cho những bậc học cao hơn.

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT	Mức độ năng lực
[1]	[2]	[3]	[4]
G1	Kiến thức: Sau khi kết thúc học phần, sinh viên giải thích và phân tích được mối quan hệ giữa các biến số kinh tế vĩ mô cơ bản; hiểu và đánh giá được tác động của các thay đổi chính sách kinh tế vĩ mô cũng như các cú sốc đối với nền kinh tế trong ngắn hạn và dài hạn.	1.1.2 1.2.2 1.2.3	III
G2	Kỹ năng: Học phần rèn luyện cho sinh viên kỹ năng cơ bản trong việc sử dụng các mô hình vào lập luận, phân tích và giải thích các vấn đề liên quan đến những nguyên lý kinh tế vĩ mô.	2.1.1	III
G3	Năng lực tự chủ và trách nhiệm: SV tôn trọng nội quy lớp học, đi học đầy đủ đúng giờ; chuẩn bị bài khi đến lớp, tham gia tích cực trong giờ học; có khả năng tự học và tự nghiên cứu bài học.	3.1.1	III

6. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN (COURSE LEARNING OUTCOMES)

Bảng 6.1. Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Mục tiêu học phần	Mã CDR học phần	Mô tả CDR học phần	Liên kết với CDR của CTBT	Mức độ năng lực
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]
	LO.1	Chuẩn kiến thức		
G1	LO.1.1	Sinh viên giải thích được chính xác mối quan hệ giữa các biến số kinh tế vĩ mô cơ bản.	1.1.2	III
	LO.1.2	Vận dụng được các mô hình lý thuyết vào giải thích và đánh giá các tác động của các thay đổi chính sách kinh tế vĩ mô cũng như các cú sốc đối với nền kinh tế trong ngắn hạn và dài hạn	1.2.2	III
	LO.1.3	Vận dụng các lý thuyết, mô hình kinh tế cơ bản để phân tích và giải thích các vấn đề thời sự về tình hình kinh tế - xã hội mà Việt Nam và các nước trên thế giới đã và đang trải qua.	1.2.3	III
	LO.2	Chuẩn kỹ năng		
	LO.2.1	Sinh viên sẽ có kỹ năng ứng dụng mô hình lý thuyết vào nhận diện, giải thích và đánh giá được các vấn đề liên quan đến đến các tình huống trong thực tế và giả định.	2.1.1	III
G3	LO.3	Năng lực tự chủ & trách nhiệm		
	LO.3.1	Có khả năng tự học tập, tự tìm hiểu tài liệu để hoàn thành các bài học và bài tập được giao.	3.1.1	III
	LO.3.2	Có ý thức tổ chức kỷ luật lớp học, tuân thủ các nội quy lớp học, có tinh thần hợp tác và trách nhiệm cá nhân đối với các hoạt động được GV giao.	3.1.2	III

7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN (COURSE ASSESSMENT)

Bảng 7.1. Đánh giá học phần

Hình thức đánh giá	Nội dung/ Bài đánh giá	Thời điểm	CLOs	Công cụ và tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
Chuyên cần	Tham dự các giờ giảng Thái độ học tập trên lớp Trả lời câu hỏi trên lớp Trả lời các câu hỏi thảo luận	Tuần 1-15	CLO1.1 CLO1.2 CLO2.1 CLO3.2	Nhật ký giảng dạy của giảng viên với các tiêu chí đánh giá (i) Mức độ tham gia (ii) Mức độ tương tác ; (iii) Chất lượng câu trả lời	10%
Đánh giá quá trình (Các bài kiểm tra)	Bài kiểm tra 1 (15%)	Tuần 8	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO2.1 CLO3.1 CLO3.2	Các tiêu chí : (i) Nội dung; (ii) Hình thức; (iii) Thời gian nộp; (iv) Mức độ hợp tác	30%
	Bài kiểm tra 2 (15%)	Tuần 14	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO2.1 CLO3.2	Tiêu chí : (i) Nội dung; (ii) Hình thức; (iii) Thời gian nộp; (iv) Mức độ hợp tác	
Đánh giá cuối kỳ	Bài thi cuối kỳ (Trắc nghiệm trên máy).	Lịch thi học phần	CLO1.1 CLO1.2 CLO2.1 CLO3.2	Theo yêu cầu bài thi - Ghi nhớ các khái niệm cơ bản - Có khả năng suy luận, phân tích, đánh giá	60%

8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (LESSON PLAN)

Bảng 8.1. Kế hoạch giảng dạy

Tuần	Nội dung giảng dạy*	Tài liệu đọc	CLOs	Hoạt động dạy và học	Công cụ đánh giá
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
1	<p>Chương 1: Tổng quan về kinh tế học</p> <p>1. Mười nguyên lý kinh tế</p> <p>2. Suy luận như một nhà kinh tế</p>	<p>Đề cương học phần;</p> <p>[1]: C1;</p> <p>[2]&[3]: C1, 2;</p> <p>[4]: C1</p>	<p>CLO1.1</p> <p>CLO1.2</p> <p>CLO1.3</p> <p>CLO3.1</p> <p>CLO3.2</p>	<p>- Giới thiệu HP, đề cương chi tiết;</p> <p>- Giảng dạy và thảo luận;</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời</p>
2	<p>Chương 2: Đo lường thu nhập quốc dân</p> <p>1. Đo lường GDP</p> <p>2. Các thành phần của GDP</p> <p>3. GDP thực và danh nghĩa</p> <p>4. GDP và phúc lợi kinh tế</p>	<p>[1]: C14;</p> <p>[2]&[3]: C23;</p> <p>[4]: C2</p>	<p>CLO1.1</p> <p>CLO2.1</p> <p>CLO3.1</p> <p>CLO3.2</p>	<p>- Thảo luận/chữa bài tập chương trước</p> <p>- Giảng dạy và thảo luận;</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời</p>
3	<p>Chương 3: Đo lường chi phí sinh hoạt</p> <p>1. Chỉ số giá tiêu dùng</p> <p>2. Hiệu chỉnh các biến số kinh tế theo lạm phát</p>	<p>[1]: C14;</p> <p>[2]&[3]: C24;</p> <p>[4]: C3</p>	<p>CLO1.1</p> <p>CLO2.1</p> <p>CLO3.1</p> <p>CLO3.2</p>	<p>- Thảo luận/chữa bài tập chương trước</p> <p>- Giảng dạy và thảo luận;</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời</p>
4	<p>Chương 4: Sản xuất và Tăng trưởng</p> <p>1. Tăng trưởng kinh tế trên thế giới</p> <p>2. Năng suất: Vai trò và các nhân</p>	<p>[1]: C15;</p> <p>[2]&[3]: C25;</p> <p>[4]: C4</p>	<p>CLO1.1</p> <p>CLO1.2</p> <p>CLO1.3</p> <p>CLO2.1</p> <p>CLO3.1</p> <p>CLO3.2</p>	<p>- Thảo luận/chữa bài tập chương trước</p> <p>- Giảng dạy và thảo luận;</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời</p>

Tuần	Nội dung giảng dạy*	Tài liệu đọc	CLOs	Hoạt động dạy và học	Công cụ đánh giá
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
	tổ quyết định nó 3. Tăng trưởng kinh tế và chính sách công				
5	Chương 5: Tiết kiệm, Đầu tư và Hệ thống Tài chính 1. Các định chế tài chính 2. Tiết kiệm và đầu tư 3. Thị trường vốn	[1]: C16; [2]&[3]: C26; [4]: C5	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO2.1 CLO3.1 CLO3.2	- Thảo luận/chữa bài tập chương trước - Giảng dạy và thảo luận;	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
6	Chương 6: Thất nghiệp 1. Xác định và đo lường thất nghiệp 2. Quá trình tìm việc và thất nghiệp tạm thời 3. Luật về tiền lương tối thiểu 4. Công đoàn và đàm phán tập thể 5. Lý thuyết tiền lương hiệu quả	[1]: C17; [2]&[3]: C28; [4]: C6	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO2.1 CLO3.1 CLO3.2	- Thảo luận/chữa bài tập chương trước - Giảng dạy và thảo luận;	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
7	Chương 7: Tiền tệ và chính sách tiền tệ 1. Khái niệm về tiền 2. Ngân hàng trung ương 3. Hệ thống ngân hàng và cung tiền	[1]: C20; [2]&[3]: C29; [4]: C7	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO2.1 CLO3.1 CLO3.2	- Thảo luận/chữa bài tập chương trước - Giảng dạy và thảo luận;	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời

Tuần	Nội dung giảng dạy*	Tài liệu đọc	CLOs	Hoạt động dạy và học	Công cụ đánh giá
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
	4. Các công cụ của chính sách tiền tệ				
8	Bài kiểm tra 1		CLO1.1 CLO1.2 CLO2.1 CLO3.2	- Thảo luận/chữa bài tập chương trước - Ôn tập - Sinh viên làm bài kiểm tra trắc nghiệm hoặc tự luận.	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
9	Chương 8: Tiền tệ và Lạm phát 1. Lý thuyết cổ điển về lạm phát 2. Chi phí của lạm phát	[1]: C22; [2]&[3]: C30; [4]: C8	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO2.1 CLO3.1 CLO3.2	- Thảo luận/chữa bài tập chương trước - Giảng dạy và thảo luận;	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
10	Chương 9: Kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở 1. Dòng chu chuyển hàng hóa và vốn quốc tế 2. Tỷ giá hối đoái thực và danh nghĩa 3. Lý thuyết ngang bằng sức mua	[1]: C27; [2]&[3]: C31; [4]: C9	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO2.1 CLO3.1 CLO3.2	- Thảo luận/chữa bài tập chương trước - Giảng dạy và thảo luận;	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
11-12	Chương 10: Tổng cầu và Tổng cung 1. Giới thiệu về sự biến động trong ngắn hạn 2. Mô hình tổng	[1]: C18; [2]&[3]: C33, 34; [4]: C10	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO2.1 CLO3.1 CLO3.2	- Thảo luận/chữa bài tập chương trước - Giảng dạy và thảo luận;	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời

Tuần	Nội dung giảng dạy*	Tài liệu đọc	CLOs	Hoạt động dạy và học	Công cụ đánh giá
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
	<p>câu tổng cung</p> <p>3. Các nguyên nhân gây ra sự biến động trong ngắn hạn</p> <p>4. Tác động của chính sách tiền tệ</p> <p>5. Tác động của chính sách tài khóa</p>				
13	Bài kiểm tra 2		<p>CLO1.1</p> <p>CLO1.2</p> <p>CLO1.3</p> <p>CLO2.1</p> <p>CLO3.1</p> <p>CLO3.2</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thảo luận/chữa bài tập chương trước - Ôn tập - Sinh viên làm bài kiểm tra trắc nghiệm hoặc tự luận 	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời</p>
14	<p>Chương 11: Sự đánh đổi trong ngắn hạn giữa lạm phát và thất nghiệp</p> <p>1. Đường Phillips</p> <p>2. Sự dịch chuyển của đường Phillips</p> <p>3. Chi phí cắt giảm lạm phát</p>	<p>[1]: C18, 22;</p> <p>[2]&[3]: C35;</p> <p>[4]: C11</p>	<p>CLO1.1</p> <p>CLO1.2</p> <p>CLO1.3</p> <p>CLO2.1</p> <p>CLO3.1</p> <p>CLO3.2</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thảo luận/chữa bài tập chương trước - Giảng dạy và thảo luận; 	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời</p>
15	<p>Chương 12: Một số tranh luận về chính sách kinh tế vĩ mô</p> <p>1. Có nên sử dụng chính sách tài khóa và tiền tệ để bình ổn nền kinh tế ?</p>	<p>[1]: C23;</p> <p>[2]&[3]: C36;</p> <p>[4]: C12</p>	<p>CLO1.1</p> <p>CLO1.2</p> <p>CLO1.3</p> <p>CLO2.1</p> <p>CLO3.1</p> <p>CLO3.2</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thảo luận/chữa bài tập chương trước - Hướng dẫn tự đọc; - Ôn tập; 	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời</p>

Tuần	Nội dung giảng dạy*	Tài liệu đọc	CLOs	Hoạt động dạy và học	Công cụ đánh giá
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
	2. Chính phủ nên tăng chi tiêu hay giảm thuế để chống lại suy thoái? 3. Chính sách tiền tệ nên tùy nghi hay theo quy tắc?				
-	Bài thi cuối kỳ		CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO2.1 CLO3.2	Sinh viên làm bài thi theo lịch	Theo yêu cầu bài thi/kiểu đề thi

9. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN (COURSE REQUIREMENTS AND EXPECTATION)

9.1. Quy định về điều kiện thi kết thúc học phần

- Sinh viên được tham dự thi cuối kỳ/thi kết thúc học phần là điểm chuyên cần (10%) đạt mức 5 điểm trở lên (thang 10).

9.2. Quy định về tham dự lớp học

- Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý. Mỗi buổi vắng mặt không có lý do chính đáng sẽ bị trừ 1 điểm đánh giá quá trình. Sinh viên vắng quá 3 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại.
- Sinh viên sẽ được cộng điểm cho mỗi lần phát biểu xây dựng bài, có thể bù đắp cho điểm rèn luyện, điểm kiểm tra.
- Sinh viên không hoàn thành bài tập cuối mỗi chương sẽ nhận điểm 0 (không) cho bài tập của chương đó và được bị trừ 1 điểm vào điểm rèn luyện.

9.3. Quy định về hành vi lớp học

- Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.
- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 10 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.
- Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

- Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc, ngủ trong giờ học.
- Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

TRƯỜNG BỘ MÔN

Anh

PGS.TS PHẠM THẾ ANH

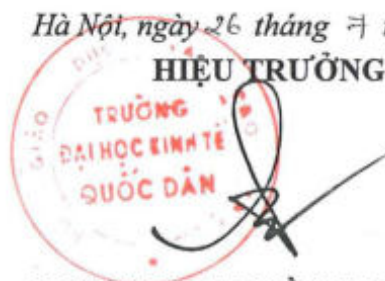
TRƯỜNG KHOA

Bảo

PGS.TS HỒ ĐÌNH BẢO

Hà Nội, ngày 26 tháng 7 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS PHẠM HỒNG CHƯƠNG

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN TỔNG QUÁT (GENERAL INFORMATION)

- Tên học phần (tiếng Việt):	Pháp luật đại cương
- Tên học phần (tiếng Anh)	Fundamentals of law
- Mã số học phần	LUCS1129
- Thuộc khối kiến thức	Đại cương
- Số tín chỉ	3TC (45 giờ tín chỉ; 50 phút/giờ)
+ Số tiết lý thuyết	20
+ Số tiết thảo luận/thực hành	25
+ Số tiết tự học	90
- Các học phần tiên quyết	Không

2. THÔNG TIN BỘ MÔN QUẢN LÝ VÀ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY

Bộ môn quản lý: **Pháp luật cơ sở**

Địa chỉ: Phòng 1010 Nhà A1, Trường ĐH Kinh tế Quốc dân

Giảng viên tham gia giảng dạy:

Toàn bộ giảng viên Bộ môn Pháp luật cơ sở

Danh sách giảng viên tham gia:

1. TS. Nguyễn Thị Huế - Bộ môn Pháp luật cơ sở
2. TS. Nguyễn Hữu Mạnh – Bộ môn Pháp luật cơ sở
3. Ths. Hoàng Xuân Trường – Bộ môn Pháp luật cơ sở
4. Ths. Nguyễn Hoàng Vân – Bộ môn Pháp luật cơ sở
5. TS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh – Bộ môn Pháp luật cơ sở
6. TS. Trần Thị Hồng Nhung – Bộ môn Pháp luật cơ sở
7. TS. Nguyễn Thu Trang – Bộ môn Pháp luật cơ sở
8. TS. Nguyễn Thị Đan Phương – Bộ môn Pháp luật cơ sở
9. Ths. Đào Thu Hà – Bộ môn Pháp luật cơ sở
10. Ths. Lương Tuấn Sơn – Bộ môn Pháp luật cơ sở
11. Ths. Phạm Đức Chung – Bộ môn Pháp luật cơ sở

12. Ths. Phùng Ngọc Tùng – Bộ môn Pháp luật cơ sở
13. Ths. Lâm Thị Thu Huyền – Bộ môn Pháp luật cơ sở
14. Ths. Nguyễn Thị Như Quỳnh – Bộ môn pháp luật kinh doanh
15. Ths. Đỗ Kim Hoàng – Bộ môn Pháp luật kinh doanh
16. Ths. Đinh Hoài Nam – Bộ môn pháp luật kinh doanh

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN:

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản nhất về nhà nước và pháp luật như: (1) Nguồn gốc, bản chất của nhà nước, kiểu và hình thức nhà nước trong lịch sử; bản chất nhà nước công hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, chức năng của nhà nước Việt Nam, hệ thống các cơ quan trong bộ máy nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (vị trí, chức năng và cơ cấu tổ chức). (2) Nguồn gốc, bản chất của pháp luật, cơ chế điều chỉnh của pháp luật đối với các quan hệ xã hội: quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; (3) Nhận diện được hình thức pháp luật, các hình thức pháp luật trên thế giới và ở Việt Nam. (4) Hiểu một cách khái lược về một số lĩnh vực pháp luật cơ bản của Việt Nam: pháp luật hành chính và tổ tụng hành chính, pháp luật dân sự và tổ tụng dân sự; pháp luật hình sự và tổ tụng hình sự.

4. TÀI LIỆU THAM KHẢO (LEARNING RESOURCES: COURSE BOOKS, REFERENCE BOOKS, AND SOFTWARES)

4.1. GIÁO TRÌNH

[1] Trường Đại học Kinh tế quốc dân (2017), *Giáo trình đại cương về nhà nước và pháp luật*

4.2. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Hiến pháp 2013;
- [2] Luật tổ chức Quốc hội 2014 ;
- [3] Luật tổ chức Chính phủ 2015;
- [4] Luật tổ chức Tòa án nhân dân 2014;
- [5] Luật tổ chức viện kiểm sát nhân dân 2014;
- [6] Luật tổ chức chính quyền địa phương 2015.
- [7] Luật xử lý vi phạm hành chính 2012;
- [8] Luật tổ tụng hành chính 2014;
- [9] Luật cán bộ công chức 2008, sửa đổi bổ sung năm 2019;
- [10] Luật viên chức 2010, sửa đổi bổ sung 2019;
- [11] Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008, sửa đổi bổ sung 2014;

[12] Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

[13] Bộ luật tố tụng hình sự 2015

[14] Bộ luật dân sự 2015

[15] Bộ luật tố tụng dân sự 2015

[16] Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015;

[17] Luật xử lý vi phạm hành chính 2012;

[18] Luật Khiếu nại năm 2011;

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản nhất về nhà nước và pháp luật, bao gồm:

TT	Mô tả mục tiêu học phần	CĐR/PLO của CTĐT	Mức độ
[1]	[2]	[3]	[4]
G1	Chuẩn kiến thức: Sinh viên có được những kiến thức pháp lý có tính chất nền tảng về nhà nước và pháp luật: + Có hiểu biết cần thiết về bản chất của nhà nước, cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của hệ thống các cơ quan trong bộ máy nhà nước Việt Nam; + Có kiến thức cơ bản về pháp luật, hệ thống pháp luật và quy trình, điều kiện áp dụng pháp luật trong một số lĩnh vực pháp luật cơ bản.	PLO1.1.2	2
G2	Chuẩn kỹ năng: Sinh viên có thể vận dụng kiến thức đã học để: + Xác định thẩm quyền của các cơ quan nhà nước trong các hoạt động cơ bản như ban hành văn bản pháp luật; thi hành pháp luật; + Nhận diện hành vi vi phạm pháp luật cơ bản và giản đơn; xác định được những hậu quả pháp lý có thể áp dụng đối với chủ thể thực hiện hành vi vi phạm pháp luật cơ bản.	PL.O1.1.2	2
G3	Chuẩn năng lực tự chủ và trách nhiệm: Sinh viên biết tuân thủ quy tắc, quy định của cơ quan, tổ chức, địa	PLO1.1.2	2

	phương và các quy định của luật pháp; nhận thức đúng đắn về trách nhiệm được giao.		
--	--	--	--

6. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

Mục tiêu	CLOs	Mô tả CLOs*	Mức độ đạt được**
[1]	[2]	[3]	[4]
G1	CLO1.1	<i>Hiểu được</i> nguồn gốc, bản chất của nhà nước nói chung và nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam nói riêng;	2
	CLO1.2	<i>Hiểu được</i> nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Việt Nam, hệ thống các cơ quan trong bộ máy nhà nước Việt Nam và các nhóm thẩm quyền cơ bản của nó.	2
	CLO1.3	Sinh viên nắm được kiến thức cơ bản về pháp luật, về các quy tắc điều chỉnh quan hệ xã hội;	2
	CLO1.4	Sinh viên nhận diện được hành vi vi phạm pháp luật và hậu quả có thể áp dụng đối với chủ thể của hành vi vi phạm pháp luật trong 1 số lĩnh vực pháp luật cơ bản.	2
G2	CLO2.1	<i>Vận dụng</i> những kiến thức được học để xác định thẩm quyền của các cơ quan nhà nước trong các hoạt động cụ thể như: Xây dựng ban hành pháp luật, thi hành pháp luật trên một số lĩnh vực cụ thể.	2
	CLO2.2	<i>Vận dụng được</i> kỹ năng làm việc nhóm giải quyết các tình huống pháp lý giản đơn thuộc các lĩnh vực hành chính, hình sự, dân sự bằng cách: + Xác định tính hợp pháp của quan hệ pháp luật xuất hiện trong tình huống; + Xác định cơ quan có thẩm quyền xử lý đối với các chủ thể xuất hiện trong tình huống; + Dự liệu được chế tài (hậu quả pháp lý) có thể được áp dụng đối với các chủ thể trong tình huống.	2

G3	CLO3.1	Sinh viên biết tuân thủ quy tắc, quy định của cơ quan, tổ chức, địa phương và các quy định của luật pháp; nhận thức đúng đắn về trách nhiệm được giao	2
----	--------	---	---

7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN (COURSE ASSESSMENT)

Bảng 7.1. Đánh giá học phần

Hình thức đánh giá	CLOs	Tỷ lệ (%)
[1]	[4]	[6]
Chuyên cần	CLO1.1; CLO1.2; CLO1.3; CLO1.4; CLO2.1; CLO2.2	10%
Đánh giá quá trình (Bài kiểm tra và bài tập nhóm)	CLO1.1; CLO1.2; CLO1.3; CLO1.4 CLO2.1; CLO2.2	40%
Đánh giá cuối kỳ	CLO1.1; CLO1.2; CLO1.3; CLO1.4 CLO2.1; CLO2.2	50%

8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (LESSON PLAN)

Bảng 8.1. Kế hoạch giảng dạy

Tuần	Nội dung giảng dạy	Tài liệu đọc	CLOs	Hoạt động dạy và học	Công cụ và tiêu chí đánh giá
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
1	Làm quen, giới thiệu học phần, logic của học phần và vai trò, vị trí của	Đề cương học phần	CLO1.1	- Làm quen - Giới thiệu môn học - Phổ biến các quy tắc, nội	- Mức độ tham gia

	học phần trong CTĐT			<p>quy lớp học</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phổ biến lịch trình giảng dạy; - Chia nhóm học tập, hướng dẫn làm việc nhóm - Giới thiệu hệ thống học liệu 	- Mức độ tương tác
2	<p>Chương 1: Đại cương về nhà nước</p> <p>1.1. Những vấn đề chung về nhà nước</p> <p>1.1.1. Bản chất nhà nước</p> <p>1.1.2. Kiểu nhà nước</p> <p>1.1.3. Hình thức nhà nước</p> <p>1.2. Nhà nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam</p> <p>1.2.1. Bản chất của nhà nước Việt Nam</p>	<p>Giáo trình [1], Chương 1;</p> <p>Hiến pháp 2013 của nước CHXHCN Việt Nam</p>	<p>CLO1.1</p> <p>CLO1.2</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên đọc bài, nghiên cứu tài liệu trước khi tới lớp - Giảng viên giảng lý thuyết về: <ul style="list-style-type: none"> + Bản chất nhà nước, + Kiểu và hình thức nhà nước - Thảo luận: <ul style="list-style-type: none"> + Bản chất nhà nước, + Nhà nước pháp quyền + Các kiểu và hình thức nhà nước trong lịch sử 	<ul style="list-style-type: none"> - Mức độ tham gia - Mức độ tương tác - Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi
	<p>Bài tập nhóm: phân tích kiểu và hình thức của nhà nước Việt Nam</p>	NHƯ TRÊN	CLO1.1	<p>Sinh viên chuẩn bị bài theo nhóm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giảng viên: <ul style="list-style-type: none"> + Yêu cầu đại diện từng nhóm trình bày + Đánh giá nội dung trình bày của các nhóm 	
	<p>Bài tập nhóm: Phân tích bản chất của nhà nước Việt Nam</p>	NHƯ TRÊN	CLO1.2	<p>Sinh viên chuẩn bị bài theo nhóm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giảng viên: <ul style="list-style-type: none"> + Yêu cầu đại diện từng nhóm trình bày 	

				+ Đánh giá nội dung trình bày của các nhóm	
3	<p>Chương 1: Đại cương về nhà nước</p> <p>1.2.2. Các nguyên tắc cơ bản trong tổ chức và hoạt động của Bộ máy nhà nước Việt Nam</p> <p>1.2.3 Hệ thống các cơ quan trong Bộ máy nhà nước Việt Nam:</p> <p>1.2.2.1. Quốc hội</p> <p>1.2.2.2. Chủ tịch nước</p> <p>1.2.2.3. Chính phủ</p> <p>1.2.2.4. Toà án nhân dân và viện kiểm sát nhân dân</p> <p>1.2.2.5. Chính quyền địa phương</p> <p>1.2.2.6. Các cơ quan nhà nước khác</p>	<p>Giáo trình [1], Chương 1;</p> <p>Hiến pháp 2013 của nước CHXHCN Việt Nam;</p> <p>Luật tổ chức Quốc hội;</p> <p>Luật tổ chức Chính phủ;</p> <p>Luật tổ chức chính quyền địa phương;</p> <p>Luật tổ chức Toà án nhân dân; Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân</p>	<p>CLO1.1</p> <p>CLO1.2</p>	<p>- Sinh viên đọc bài trước khi lên lớp</p> <p>- Giảng viên giới thiệu về nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Việt Nam</p>	<p>+ Mức độ tham gia</p> <p>- Mức độ tương tác</p> <p>- Chất lượng bài tập nhóm</p> <p>- Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi</p>
	<p>Bài tập nhóm: Xác định vị trí, chức năng, cơ cấu tổ chức của các cơ quan trong bộ máy nhà nước</p>	<p>NHƯ TRÊN</p>	<p>CLO1.1</p> <p>CI.O1.2</p>	<p>Sinh viên chuẩn bị bài theo nhóm</p> <p>- Giảng viên:</p> <p>+ Yêu cầu đại diện các nhóm bốc thăm để trình bày;</p> <p>+ Yêu cầu các nhóm đặt câu hỏi liên quan đến phần trình bày</p>	
	<p>Bài tập nhóm: Phân loại các cơ quan</p>	<p>NHƯ TRÊN</p>	<p>CLO1.1</p> <p>CLO1.2</p>	<p>Sinh viên chuẩn bị bài theo nhóm</p>	

	trong bộ máy nhà nước			<ul style="list-style-type: none"> - Giảng viên: + Yêu cầu đại diện các nhóm bốc thăm để trình bày; + Yêu cầu các nhóm đặt câu hỏi liên quan đến phần trình bày 	
4	<p>Chương 2: Đại cương về pháp luật</p> <p>2.1. Những vấn đề chung về pháp luật</p> <p>2.1.1. Bản chất của pháp luật</p> <p>2.1.2. Khái niệm và các đặc trưng của pháp luật</p> <p>2.1.3. Phân biệt pháp luật với các quy tắc khác trong việc điều chỉnh các quan hệ xã hội</p> <p>2.2. Quy phạm pháp luật</p> <p>2.2.1. Khái niệm, đặc điểm của quy phạm pháp luật</p> <p>2.2.2 Cơ cấu của quy phạm pháp luật</p> <p>2.2.3. Quy phạm pháp luật đặc biệt</p> <p>2.2.4. Cách thức thể hiện quy phạm pháp luật trong các văn bản quy phạm pháp luật</p>	Giáo trình [1], chương 2	<p>CLO1.2</p> <p>CLO1.3</p> <p>CLO1.4</p> <p>CLO3.1</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên chuẩn bị bài trước khi lên lớp; - Giảng viên: + giảng lý thuyết về bản chất của pháp luật. 	<ul style="list-style-type: none"> - Mức độ tham gia - Mức độ tương tác - Chất lượng bài tập nhóm - Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi

<p>Bài tập nhóm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Phân biệt pháp luật với các quy tắc khác trong việc điều chỉnh các quan hệ xã hội; + Xác định mối quan hệ giữa pháp luật với các quy tắc khác trong điều chỉnh các quan hệ xã hội 	<p>NHƯ TRÊN</p>	<p>CLO1.2 CLO1.3 CLO1.4 CLO3.1</p>	<p>- Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Chuẩn bị bài theo nhóm + Các nhóm sinh viên đánh giá phần trình bày của nhóm khác và đặt câu hỏi <p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Yêu cầu đại diện nhóm sinh viên bốc thăm để trình bày + Đánh giá nội dung trình bày của sinh viên + Giải đáp các thắc mắc của sinh viên
<p>Bài tập nhóm: Xác định cơ cấu của quy phạm pháp luật trong các điều luật cụ thể</p>	<p>NHƯ TRÊN</p>	<p>CLO1.2 CLO1.3 CLO1.4 CLO3.1</p>	<p>- Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Chuẩn bị bài theo nhóm + Các nhóm sinh viên đánh giá phần trình bày của nhóm khác và đặt câu hỏi <p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Yêu cầu đại diện nhóm sinh viên bốc thăm để trình bày + Đánh giá nội dung trình bày của sinh viên + Giải đáp các thắc mắc của sinh viên

5	<p>Chương 2: Đại cương về pháp luật 2.2.3. Các lưu ý về cơ cấu của quy phạm pháp luật 2.3. Quan hệ pháp luật 2.3.1. Khái niệm, đặc điểm của quan hệ pháp luật</p>	<p>Giáo trình [1], Chương 2; Bộ Luật dân sự 2015; Luật xử lý vi phạm hành chính 2012; Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung 2017)</p>	<p>CLO1.3 CLO1.4 CLO3.1</p>	<p>- Sinh viên: + chuẩn bị bài theo nhóm; + Đánh giá phần trình bày của các nhóm khác; + Đặt câu hỏi cho nhóm trình bày và cho giảng viên - Giảng viên: + Yêu cầu đại diện nhóm sinh viên bốc thăm đề trình bày + Đánh giá nội dung trình bày của sinh viên; + Đặt câu hỏi + Giải đáp các thắc mắc của sinh viên</p>	<p>- Mức độ tham gia - Mức độ tương tác - Chất lượng bài tập nhóm - Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi</p>
	<p>Chương 2. Đại cương về pháp luật 2.3.2. Các yếu tố cấu thành của quan hệ pháp luật + Chủ thể + Khách thể + Nội dung</p>	<p>NHƯ TRÊN</p>		<p>- Sinh viên: + chuẩn bị bài theo nhóm; + Đánh giá phần trình bày của các nhóm khác; + Đặt câu hỏi cho nhóm trình bày và cho giảng viên - Giảng viên: + Yêu cầu đại diện nhóm sinh viên bốc thăm đề trình bày + Đánh giá nội dung trình bày của sinh viên; + Đặt câu hỏi + Giải đáp các thắc mắc của sinh viên</p>	<p>- Mức độ tham gia - Mức độ tương tác - Chất lượng bài tập nhóm - Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi</p>
6	<p>Bài tập nhóm: Xác định các loại quy phạm pháp luật</p>	<p>NHƯ TRÊN</p>	<p>CLO1.3 CLO1.4 CLO3.1</p>	<p>- Sinh viên: + chuẩn bị bài theo nhóm; + Đánh giá phần trình bày của các nhóm khác; + Đặt câu hỏi cho nhóm trình bày và cho giảng viên</p>	

				<ul style="list-style-type: none"> - Giảng viên: + Yêu cầu đại diện nhóm sinh viên bốc thăm để trình bày + Đánh giá nội dung trình bày của sinh viên; + Đặt câu hỏi + Giải đáp các thắc mắc của sinh viên 	
	Bài tập nhóm: xác định các mức độ năng lực chủ thể của cá nhân	NHƯ TRÊN	CLO1.3 CLO1.4 CLO3.1	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên: + chuẩn bị bài theo nhóm; + Đánh giá phần trình bày của các nhóm khác; + Đặt câu hỏi cho nhóm trình bày và cho giảng viên - Giảng viên: + Yêu cầu đại diện nhóm sinh viên bốc thăm để trình bày + Đánh giá nội dung trình bày của sinh viên; + Đặt câu hỏi + Giải đáp các thắc mắc của sinh viên 	
	Bài tập nhóm: Xác định chủ thể là pháp nhân và chứng minh các điều kiện của pháp nhân	NHƯ TRÊN	CLO1.3 CLO1.4 CLO3.1	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên: + chuẩn bị bài theo nhóm; + Đánh giá phần trình bày của các nhóm khác; + Đặt câu hỏi cho nhóm trình bày và cho giảng viên - Giảng viên: + Yêu cầu đại diện nhóm sinh viên bốc thăm để trình bày + Đánh giá nội dung trình bày của sinh viên; + Đặt câu hỏi + Giải đáp các thắc mắc của sinh viên 	
Chương 2: Đại	Giáo trình	CLO1.2C			

7	<p>cương về pháp luật 2.3.3. Sự kiện pháp lý 2.4. Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp luật 2.4.1. Vi phạm pháp luật 2.4.2. Trách nhiệm pháp lý <i>Thảo luận và bài tập nhóm:</i> + Các loại sự kiện pháp lý; + Các dấu hiệu của vi phạm pháp luật từ các tình huống cụ thể + Trách nhiệm pháp lý, xác định căn cứ áp dụng trách nhiệm pháp lý từ tình huống cụ thể; + Các loại vi phạm pháp luật và các loại trách nhiệm pháp lý</p>	<p>[1], Chương 2; Bộ Luật dân sự 2015; Luật xử lý vi phạm hành chính 2012; Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung 2017)</p>	<p>LO1.3 CLO1.4 CLO3.1</p>	<p>- Sinh viên: + chuẩn bị bài theo nhóm; + Đánh giá phần trình bày của các nhóm khác; + Đặt câu hỏi cho nhóm trình bày và cho giảng viên - Giảng viên: + Yêu cầu đại diện nhóm sinh viên bốc thăm để trình bày + Đánh giá nội dung trình bày của sinh viên; + Đặt câu hỏi + Giải đáp các thắc mắc của sinh viên</p>	<p>- Mức độ tham gia - Mức độ tương tác - Chất lượng bài tập nhóm - Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi</p>
	<p>Bài tập nhóm: Lấy ví dụ về các loại sự kiện pháp lý</p>	<p>NHU TRÊN</p>	<p>CLO1.2C LO1.3 CLO1.4 CLO3.1</p>	<p>- Sinh viên: + chuẩn bị bài theo nhóm; + Đánh giá phần trình bày của các nhóm khác; + Đặt câu hỏi cho nhóm trình bày và cho giảng viên - Giảng viên: + Yêu cầu đại diện nhóm sinh viên bốc thăm để trình bày + Đánh giá nội dung trình bày của sinh viên; + Đặt câu hỏi</p>	

				+ Giải đáp các thắc mắc của sinh viên
Bài tập nhóm: Lấy ví dụ về từng loại vi phạm pháp luật và phân tích các dấu hiệu của vi phạm pháp luật từ các tình huống đó	NHƯ TRÊN	CLO1.2C LO1.3 CLO1.4 CLO3.1		- Sinh viên: + chuẩn bị bài theo nhóm; + Đánh giá phần trình bày của các nhóm khác; + Đặt câu hỏi cho nhóm trình bày và cho giảng viên - Giảng viên: + Yêu cầu đại diện nhóm sinh viên bốc thăm để trình bày + Đánh giá nội dung trình bày của sinh viên; + Đặt câu hỏi + Giải đáp các thắc mắc của sinh viên
Bài tập nhóm: Phân tích cấu thành của vi phạm pháp luật trong các tình huống cụ thể	NHƯ TRÊN	CLO1.2C LO1.3 CLO1.4 CLO3.1		- Sinh viên: + chuẩn bị bài theo nhóm; + Đánh giá phần trình bày của các nhóm khác; + Đặt câu hỏi cho nhóm trình bày và cho giảng viên - Giảng viên: + Yêu cầu đại diện nhóm sinh viên bốc thăm để trình bày + Đánh giá nội dung trình bày của sinh viên; + Đặt câu hỏi + Giải đáp các thắc mắc của sinh viên

8	<p>Bài tập nhóm: Phân biệt vi phạm pháp luật hành chính với vi phạm pháp luật hình sự; Phân biệt giữa vi phạm pháp luật hành chính với vi phạm pháp luật dân sự</p>	<p>Giáo trình [1], Chương 2; Bộ Luật dân sự 2015; Luật xử lý vi phạm hành chính 2012; Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung 2017)</p>	<p>CLO1.2C LO1.3 CLO1.4 CLO3.1</p>	<p>- Sinh viên: + chuẩn bị bài theo nhóm; + Đánh giá phần trình bày của các nhóm khác; + Đặt câu hỏi cho nhóm trình bày và cho giảng viên</p> <p>- Giảng viên: + Yêu cầu đại diện nhóm sinh viên bốc thăm để trình bày + Đánh giá nội dung trình bày của sinh viên; + Đặt câu hỏi + Giải đáp các thắc mắc của sinh viên</p>	<p>- Mức độ tham gia - Mức độ tương tác - Chất lượng bài tập nhóm - Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi</p>
9	<p>Chương 3: Hình thức pháp luật và hệ thống pháp luật 3.1. Khái quát về hình thức pháp luật 3.1.1. Khái niệm, đặc điểm của hình thức pháp luật 3.1.2. Các hình thức pháp luật <i>Thảo luận, bài tập nhóm:</i> + Các hình thức pháp luật ở Việt Nam và thế giới; + Nguyên tắc ban hành văn bản quy</p>	<p>Giáo trình [1] chương 3; Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015</p>	<p>CLO1.3 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1</p>	<p>- Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp - Giảng viên: ÷ Giảng lý thuyết về hình thức pháp luật + Đặt câu hỏi cho sinh viên về hình thức pháp luật</p>	<p>- Mức độ tham gia - Mức độ tương tác - Chất lượng bài tập nhóm - Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi</p>

<p>phạm pháp luật của Việt Nam; ÷ Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam + Xác định thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật + Xác định loại văn bản quy phạm pháp luật từ một tình huống cụ thể + Xác định quan hệ pháp luật thuộc sự điều chỉnh của lĩnh vực pháp luật cụ thể</p>				
<p>Bài tập nhóm: + Xác định các hình thức pháp luật ở Việt Nam + Phân tích các nguyên tắc ban hành quy phạm pháp luật của Việt Nam</p>	<p>NHƯ TRÊN</p>	<p>CLO1.3 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1</p>	<p>- Sinh viên: + chuẩn bị bài theo nhóm; ÷ Đánh giá phần trình bày của các nhóm khác; - Đặt câu hỏi cho nhóm trình bày và cho giảng viên - Giảng viên: + Yêu cầu đại diện nhóm sinh viên bốc thăm để trình bày + Đánh giá nội dung trình bày của sinh viên; ÷ Đặt câu hỏi + Giải đáp các thắc mắc của sinh viên</p>	
<p>Bài tập nhóm: + Phân biệt văn bản quy phạm pháp</p>	<p>NHƯ TRÊN</p>	<p>CLO1.3 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1</p>	<p>- Sinh viên: + chuẩn bị bài theo nhóm; - Đánh giá phần trình bày của các nhóm khác; ÷ Đặt câu hỏi cho nhóm trình bày và cho giảng viên</p>	

	<p>luật và các văn bản khác;</p> <p>+ Xác định thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật từ các tình huống cụ thể</p>			<p>- Giảng viên:</p> <p>+ Yêu cầu đại diện nhóm sinh viên bốc thăm để trình bày</p> <p>+ Đánh giá nội dung trình bày của sinh viên;</p> <p>+ Đặt câu hỏi</p> <p>+ Giải đáp các thắc mắc của sinh viên</p>	
10	<p>Chương 3. Hình thức pháp luật và hệ thống pháp luật</p> <p>3.2. Hệ thống pháp luật</p> <p>3.2.1. Khái niệm hệ thống pháp luật</p> <p>3.2.2. Các lĩnh vực pháp luật trong hệ thống pháp luật của Việt Nam</p>	<p>Giáo trình [1] chương 3;</p>	<p>CLO1.3</p> <p>CLO2.1</p> <p>CLO2.2</p> <p>CLO3.1</p>	<p>- Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>- Giảng viên:</p> <p>+ Giảng lý thuyết về hệ thống pháp luật</p> <p>+ Đặt câu hỏi cho sinh viên về hệ thống pháp luật</p>	<p>- Mức độ tham gia</p> <p>- Mức độ tương tác</p> <p>- Chất lượng bài tập nhóm</p> <p>- Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi</p>
	<p>Chương 4. Luật hành chính Việt Nam</p> <p>4.1. Những vấn đề chung về luật hành chính</p> <p>4.1.1. Đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh của luật hành chính</p> <p>4.1.2. Quan hệ pháp luật hành chính</p> <p>4.2. Cơ quan hành chính</p>	<p>Giáo trình [1], Chương 4;</p> <p>Luật tổ chức Chính phủ 2014; Luật tổ chức chính quyền địa phương 2014</p>	<p>CLO1.4</p> <p>CLO2.1</p> <p>CLO2.2</p> <p>CLO3.1</p>	<p>- Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>- Giảng viên:</p> <p>+ Giảng lý thuyết về đối tượng, phương pháp điều chỉnh của luật hành chính;</p> <p>+ Đặt câu hỏi cho sinh viên về đối tượng, phương pháp điều chỉnh của luật hành chính;</p>	
	<p>Bài tập nhóm: Xác định các đặc điểm</p>	<p>NHƯ TRÊN</p>	<p>CLO1.4</p> <p>CLO2.1</p> <p>CLO2.2</p>	<p>- Sinh viên:</p> <p>+ Chuẩn bị bài theo nhóm</p> <p>+ Các nhóm sinh viên đánh</p>	

	của quan hệ pháp luật hành chính		CLO3.1	<ul style="list-style-type: none"> giá phần trình bày của nhóm khác và đặt câu hỏi - Giảng viên: + Yêu cầu đại diện nhóm sinh viên bốc thăm để trình bày + Đánh giá nội dung trình bày của sinh viên + Giải đáp các thắc mắc của sinh viên 	
	Bài tập nhóm: Phân biệt cơ quan hành chính với các cơ quan nhà nước khác	NHƯ TRÊN	<ul style="list-style-type: none"> CLO1.4 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên: + Chuẩn bị bài theo nhóm + Các nhóm sinh viên đánh giá phần trình bày của nhóm khác và đặt câu hỏi - Giảng viên: + Yêu cầu đại diện nhóm sinh viên bốc thăm để trình bày + Đánh giá nội dung trình bày của sinh viên + Giải đáp các thắc mắc của sinh viên 	
11	<p>Chương 4. Luật hành chính Việt Nam</p> <p>4.2. Cơ quan hành chính</p> <p>4.3. Văn bản hành chính</p> <p>4.4. Quy chế pháp lý đối với cán bộ, công chức, viên chức;</p>	<p>Giáo trình [1], Chương 4;</p> <p>Luật tổ chức Chính phủ 2014; Luật tổ chức chính quyền địa phương 2014</p>		<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên: + Chuẩn bị bài theo nhóm + Các nhóm sinh viên đánh giá phần trình bày của nhóm khác và đặt câu hỏi ; - Giảng viên: + Yêu cầu đại diện nhóm sinh viên bốc thăm để trình bày + Đánh giá nội dung trình bày của sinh viên + Giải đáp các thắc mắc của sinh viên 	<ul style="list-style-type: none"> - Mức độ tham gia - Mức độ tương tác - Chất lượng bài tập nhóm - Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi
	Bài tập nhóm: Phân biệt cơ quan hành	NHƯ TRÊN	<ul style="list-style-type: none"> CLO1.4 CLO2.1 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên: + Chuẩn bị bài theo nhóm 	

	chính với các cơ quan nhà nước khác		CLO2.2 CLO3.1	+ Các nhóm sinh viên đánh giá phần trình bày của nhóm khác và đặt câu hỏi - Giảng viên: + Yêu cầu đại diện nhóm sinh viên bốc thăm để trình bày + Đánh giá nội dung trình bày của sinh viên + Giải đáp các thắc mắc của sinh viên	
	Bài tập nhóm: + Phân biệt cán bộ, công chức, viên chức + Phân biệt văn bản hành chính và văn bản quy phạm pháp luật	Giáo trình [1] Chương 4; Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015; Luật cán bộ công chức 2010, sửa đổi bổ sung 2019; Luật viên chức 2010, sửa đổi, bổ sung 2019	CLO1.4 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1	- Sinh viên: + Chuẩn bị bài theo nhóm + Các nhóm sinh viên đánh giá phần trình bày của nhóm khác và đặt câu hỏi - Giảng viên: + Yêu cầu đại diện nhóm sinh viên bốc thăm để trình bày của sinh viên + Giải đáp các thắc mắc của sinh viên	
12	Chương 4. Luật hành chính Việt Nam 4.5 Vi phạm hành chính và trách nhiệm hành chính 4.6 Giải quyết khiếu nại và khiếu kiện hành chính	Giáo trình [1], Chương 4; Luật tổ chức Chính phủ 2014; Luật tổ chức chính quyền địa phương	CLO1.4 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1	- Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp - Giảng viên: + Giảng lý thuyết về văn bản hành chính	- Mức độ tham gia - Mức độ tương tác - Chất lượng bài tập nhóm

	2014;			- Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi
<p>Bài tập nhóm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Phân biệt cán bộ, công chức, viên chức + Phân biệt văn bản hành chính và văn bản quy phạm pháp luật 	<p>Giáo trình [1] Chương 4;</p> <p>Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015;</p> <p>Luật cán bộ công chức 2010, sửa đổi bổ sung 2019; Luật viên chức 2010, sửa đổi, bổ sung 2019</p>	<p>CLO1.4</p> <p>CLO2.1</p> <p>CLO2.2</p> <p>CLO3.1</p>	<p>- Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Chuẩn bị bài theo nhóm + Các nhóm sinh viên đánh giá phần trình bày của nhóm khác và đặt câu hỏi <p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Yêu cầu đại diện nhóm sinh viên bốc thăm đề trình bày + Đánh giá nội dung trình bày của sinh viên + Giải đáp các thắc mắc của sinh viên 	
<p>Bài tập nhóm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Xác định các yếu tố cấu thành vi phạm pháp luật hành chính trong các tình huống cụ thể; + Phân biệt vi phạm hành chính với các loại vi phạm pháp luật khác; + Phân biệt trách nhiệm hành chính với các loại trách nhiệm pháp lý khác 	<p>Giáo trình [1] Chương 4;</p> <p>Luật xử lý vi phạm hành chính 2020</p>	<p>CLO1.4</p> <p>CLO2.1</p> <p>CLO2.2</p> <p>CLO3.1</p>	<p>- Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Chuẩn bị bài theo nhóm + Các nhóm sinh viên đánh giá phần trình bày của nhóm khác và đặt câu hỏi <p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Yêu cầu đại diện nhóm sinh viên bốc thăm đề trình bày + Đánh giá nội dung trình bày của sinh viên + Giải đáp các thắc mắc của sinh viên 	
<p>Bài tập nhóm:</p>	Giáo trình	CLO1.4	- Sinh viên:	

	Xác định thẩm quyền và thủ tục giải quyết các tình huống pháp lý về khiếu nại, khiếu kiện hành chính	[1] Chương 4; Luật khiếu nại 2010; Luật tổ tụng hành chính 2015	CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1	+ Chuẩn bị bài theo nhóm + Các nhóm sinh viên đánh giá phần trình bày của nhóm khác và đặt câu hỏi - Giảng viên: ÷ Yêu cầu đại diện nhóm sinh viên bốc thăm đề trình bày + Đánh giá nội dung trình bày của sinh viên + Giải đáp các thắc mắc của sinh viên	
13	<p>Chương 5: Luật dân sự</p> <p><i>Giảng lý thuyết</i></p> <p>5.1. Những vấn đề chung về Luật dân sự</p> <p>5.1.1. Đối tượng, phương pháp điều chỉnh của luật dân sự</p> <p>5.1.2. Quan hệ pháp luật dân sự</p> <p>5.2. Tài sản, quyền sở hữu và các quyền khác liên quan tới tài sản</p> <p><i>Thảo luận</i></p> <p>+ Đặc điểm của quan hệ pháp luật dân sự; + Xác định các loại tài sản; + Xác định các loại quyền liên quan tới tài sản</p>	<p>Giáo trình [1], Chương 5; Bộ luật dân sự 2015</p>	CLO1.4 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1	<p>- Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>- Giảng viên: + Giảng lý thuyết đối tượng, phương pháp điều chỉnh của luật dân sự; ÷ yêu cầu sinh viên trả lời các câu hỏi liên quan</p>	<p>- Mức độ tham gia</p> <p>- Mức độ tương tác</p> <p>- Chất lượng bài tập nhóm</p> <p>- Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi</p>
	Bài tập nhóm: Phân biệt quan hệ pháp luật dân sự với các	Giáo trình [1], Chương 5;	CLO1.4 CLO2.1 CLO2.2	<p>- Sinh viên: + Chuẩn bị bài theo nhóm + Các nhóm sinh viên đánh</p>	

	quan hệ pháp luật khác	Bộ luật dân sự 2015	CLO3.1	<p>giá phần trình bày của nhóm khác và đặt câu hỏi</p> <p>- Giảng viên:</p> <p>- Yêu cầu đại diện nhóm sinh viên bốc thăm để trình bày</p> <p>+ Đánh giá nội dung trình bày của sinh viên</p> <p>+ Giải đáp các thắc mắc của sinh viên</p>	
	Bài tập nhóm: Xác định các loại tài sản, các quyền về tài sản	Giáo trình [1], Chương 5; Bộ luật dân sự 2015	CLO1.4 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1	<p>- Sinh viên:</p> <p>+ Chuẩn bị bài theo nhóm</p> <p>+ Các nhóm sinh viên đánh giá phần trình bày của nhóm khác và đặt câu hỏi</p> <p>- Giảng viên:</p> <p>+ Yêu cầu đại diện nhóm sinh viên bốc thăm để trình bày</p> <p>- Đánh giá nội dung trình bày của sinh viên</p> <p>+ Giải đáp các thắc mắc của sinh viên</p>	
14	<p>Chương 5. Luật dân sự</p> <p>5.3. Hợp đồng và bảo đảm thực hiện hợp đồng</p> <p>5.4. Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng</p> <p>5.5. Thừa kế</p>	Giáo trình [1], Chương 5; Bộ luật dân sự 2015	CLO1.4 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1	<p>- Sinh viên:</p> <p>+ Chuẩn bị bài theo nhóm</p> <p>+ Các nhóm sinh viên đánh giá phần trình bày của nhóm khác và đặt câu hỏi</p> <p>- Giảng viên:</p> <p>+ Yêu cầu đại diện nhóm sinh viên bốc thăm để trình bày</p> <p>+ Đánh giá nội dung trình bày của sinh viên</p> <p>+ Giải đáp các thắc mắc của sinh viên</p>	<p>- Mức độ tham gia</p> <p>- Mức độ tương tác</p> <p>- Chất lượng bài tập nhóm</p> <p>- Chất lượng câu trả lời trên</p>
	Bài tập nhóm: Xác định điều kiện có	Giáo trình [1], Chương	CLO1.4 CLO2.1	<p>- Sinh viên:</p> <p>+ Chuẩn bị bài theo nhóm</p>	

hiệu lực của hợp đồng	5; Bộ luật dân sự 2015	CLO2.2 CLO3.1	+ Các nhóm sinh viên đánh giá phần trình bày của nhóm khác và đặt câu hỏi - <i>Giảng viên:</i> + Yêu cầu đại diện nhóm sinh viên bóc thăm để trình bày + Đánh giá nội dung trình bày của sinh viên + Giải đáp các thắc mắc của sinh viên	lớp và bài thi
Bài tập nhóm: Xác định các căn cứ bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; xác định chủ thể bồi thường thiệt hại và chủ thể được bồi thường thiệt hại từ tình huống cụ thể	Giáo trình [1], Chương 5; Bộ luật dân sự 2015	CLO1.4 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1	- <i>Sinh viên:</i> + Chuẩn bị bài theo nhóm + Các nhóm sinh viên đánh giá phần trình bày của nhóm khác và đặt câu hỏi - <i>Giảng viên:</i> + Yêu cầu đại diện nhóm sinh viên bóc thăm để trình bày + Đánh giá nội dung trình bày của sinh viên + Giải đáp các thắc mắc của sinh viên	
Bài tập nhóm: Xác định chủ thể của quan hệ pháp luật thừa kế, phân chia di sản thừa kế trong tình huống cụ thể	Giáo trình [1], Chương 5; Bộ luật dân sự 2015	CLO1.4 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1	- <i>Sinh viên:</i> + Chuẩn bị bài theo nhóm + Các nhóm sinh viên đánh giá phần trình bày của nhóm khác và đặt câu hỏi - <i>Giảng viên:</i> + Yêu cầu đại diện nhóm sinh viên bóc thăm để trình bày + Đánh giá nội dung trình bày của sinh viên + Giải đáp các thắc mắc của sinh viên	
Chương 6. Luật	Giáo trình	CLO1.4	- Sinh viên đọc bài trước khi	

<p>14 + 15</p>	<p>hình sự Việt Nam <i>Giảng lý thuyết:</i> 6.1. Đối tượng, phương pháp điều chỉnh của luật hình sự 6.2. Tội phạm 6.2.1. Khái niệm, đặc điểm tội phạm 6.2.2. Phân loại tội phạm 6.2.3. Các trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự; 6.2.4. Đồng phạm 6.3. Hình phạt 6.3.1. Khái niệm, Đặc điểm tội phạm 6.3.2. Phân loại tội phạm 6.3.3. Hệ thống hình phạt 6.3.4. Nguyên tắc áp dụng hình phạt 6.3.5 Trình tự, thủ tục áp dụng hình phạt</p>	<p>[1], Chương 6; Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017</p>	<p>CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1</p>	<p>tới lớp - Giảng viên: + Giảng lý thuyết đối tượng, phương pháp điều chỉnh của luật hình sự; + yêu cầu sinh viên trả lời các câu hỏi liên quan</p>	<p>- Mức độ tham gia - Mức độ tương tác - Chất lượng bài tập nhóm - Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi</p>
	<p>Bài tập nhóm: + Phân biệt tội phạm với các loại vi phạm pháp luật khác; + xác định các loại chủ thể của tội phạm</p>	<p>Giáo trình [1], Chương 6; Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017</p>	<p>CLO1.4 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1</p>	<p>- <i>Sinh viên:</i> + Chuẩn bị bài theo nhóm + Các nhóm sinh viên đánh giá phần trình bày của nhóm khác và đặt câu hỏi - <i>Giảng viên:</i> + Yêu cầu đại diện nhóm sinh viên bốc thăm để trình bày + Đánh giá nội dung trình bày của sinh viên</p>	

				+ Giải đáp các thắc mắc của sinh viên	
	Bài tập nhóm: + Xác định nguyên tắc áp dụng hình phạt và dự kiến mức hình phạt đối với chủ thể phạm tội trong tình huống cụ thể	Giáo trình [1], Chương 6; Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017	CLO1.4 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1	- <i>Sinh viên:</i> + Chuẩn bị bài theo nhóm + Các nhóm sinh viên đánh giá phần trình bày của nhóm khác và đặt câu hỏi - <i>Giảng viên:</i> + Yêu cầu đại diện nhóm sinh viên bốc thăm để trình bày + Đánh giá nội dung trình bày của sinh viên + Giải đáp các thắc mắc của sinh viên	
15	Tổng kết môn học		CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO1.4	Tổng kết môn học + Hệ thống nội dung môn học + Công bố điểm thành phần + trả lời các thắc mắc của sinh viên	
	Bài thi cuối kỳ		CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO1.4 CLO2.1 CLO2.2	Theo yêu cầu bài thi	Theo yêu cầu bài thi

9. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN (COURSE REQUIREMENTS AND EXPECTATION)

9.1. Quy định về điều kiện thi kết thúc học phần

Sinh viên được tham dự thi cuối kỳ/thi kết thúc học phần (50%) nếu có điểm chuyên cần (10%) đạt mức 5 điểm trở lên (thang 10).

9.2. Quy định về tham dự lớp học

- Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp

nghi học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý. Mỗi buổi vắng mặt sẽ bị trừ 1 điểm đánh giá quá trình. Sinh viên vắng quá 3 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại

- Sinh viên sẽ được cộng điểm cho mỗi lần phát biểu xây dựng bài, có thể bù đắp cho điểm quá trình, điểm kiểm tra và điểm bài tập nhóm.

- Sinh viên không nộp bài tập nhóm sẽ nhận điểm 0 (không) cho bài tập sau cùng. Nhóm sinh viên nộp bài trễ sẽ bị trừ 1 điểm cho mỗi ngày nộp muộn.

9.3. Quy định về hành vi lớp học

- Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 10 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

- Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học; không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

Hà Nội, ngày 26 tháng 7 năm 2021

TRƯỞNG BỘ MÔN

Huê

TS. NGUYỄN THỊ HUỆ

TRƯỞNG KHOA

Nam

PGS.TS. TRẦN VĂN NAM

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. PHẠM HỒNG CHƯƠNG



ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT

(Ban hành kèm theo quyết định số 345/QĐ/ĐHKTQD, ngày 26 tháng 7 năm 2021)

1. THÔNG TIN TỔNG QUÁT (GENERAL INFORMATION)

- Tên học phần (tiếng Việt):	Toán cho các nhà kinh tế
- Tên học phần (tiếng Anh):	Mathematics for Economics
- Mã số học phần:	TOCB1110
- Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục đại cương
- Số tín chỉ:	3TC
+ Số giờ lý thuyết:	30
+ Số giờ thảo luận/Thực hành:	15
+ Số giờ tự học:	90
- Các học phần tiên quyết:	Không

2. THÔNG TIN BỘ MÔN QUẢN LÝ VÀ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY

Bộ môn quản lý: Bộ môn Toán cơ bản

Địa chỉ: Phòng 1106 Nhà A1, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Giảng viên:

ThS. Nguyễn Thị An	Email: annt@neu.edu.vn
TS. Lê Thị Anh	Email: leahtoankt@neu.edu.vn
TbS. Vũ Quỳnh Anh	Email: anhvq@neu.edu.vn
TS. Phùng Minh Đức	Email: phungduc@neu.edu.vn
ThS. Bùi Quốc Hoàn	Email: buiquochoan@neu.edu.vn
ThS. Hà Thị Minh Huệ	Email: huehm@neu.edu.vn
Phạm Bảo Lâm	Email: lampb@neu.edu.vn
TS. Nguyễn Tuấn Long	Email: nilong@neu.edu.vn
TS. Đặng Huy Ngân	Email: ngandh@neu.edu.vn
ThS. Phạm Văn Nghĩa	Email: nghiapv@neu.edu.vn
ThS. Nguyễn Thị Quý	Email: quynguyen@neu.edu.vn
ThS. Nguyễn Mai Quyên	Email: nguyen-mai-quyen@neu.edu.vn

ThS. Phạm Anh Tuấn	Email: tuanpa@neu.edu.vn
ThS. Đoàn Trọng Tuyển	Email: doantrongtuyen@neu.edu.vn
TS. Tống Thành Trung	Email: trungtt@neu.edu.vn
ThS. Hoàng Văn Thắng	Email: hoangthang@neu.edu.vn
TS. Dương Việt Thông	Email: thongduongviet@neu.edu.vn
TS. Nguyễn Thị Cẩm Vân	Email: nevantkt@neu.edu.vn

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN (COURSE DESCRIPTIONS)

Học phần nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương của chương trình đào tạo bậc cử nhân khối ngành Kinh tế và Quản trị kinh doanh. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản của giải tích toán học về hàm số một biến số và hàm số nhiều biến số. Học phần cũng nhằm rèn luyện khả năng tư duy, kỹ năng tính toán và nâng cao khả năng ứng dụng các kiến thức toán học vào phân tích, nghiên cứu các vấn đề trong lĩnh vực kinh tế và kinh doanh. Học phần trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng và năng lực cần thiết để học tập và nghiên cứu những môn học liên quan trong chương trình đào tạo như Kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô... và tiếp tục học cao hơn.

Học phần gồm 6 chương: Chương 1, Chương 2, Chương 3 trình bày về hàm số, giới hạn, phép toán vi phân hàm số một biến số và các ứng dụng của phép toán vi phân; Chương 4, Chương 5 đề cập đến phép toán tích phân và ứng dụng; Chương 6 giới thiệu về hàm số nhiều biến số, cực trị của hàm số nhiều biến và các ứng dụng, đặc biệt là các ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh.

4. TÀI LIỆU THAM KHẢO (LEARNING RESOURCES: COURSE BOOKS, REFERENCE BOOKS, AND SOFTWARES)

Giáo trình

[1] Hoffmann, Bradley, Sobecki, Price (2013), Giải tích cho kinh doanh, kinh tế học, khoa học sự sống và xã hội, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

Tài liệu khác

[2] Lê Đình Thuý, Nguyễn Quỳnh Lan (2013), Giáo trình Toán cao cấp cho các nhà kinh tế, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

[3] Nguyễn Đình Trí, Tạ Văn Đĩnh, Nguyễn Hồ Quỳnh (2008), Toán cao cấp, Tập 2, Tập 3, NXB Giáo dục.

[4] Hoffmann, Bradley, Sobecki, Price (2013), Calculus for Business, Economics, and the Social and Life Sciences, 11th edition, McGraw-Hill Education.

[5] Michael Hoy, John Livernois, Chris McKena, Ray Rees, Thanasis Stengos (2001), Mathematics for Economics, The MIT Press Cambridge, Massachusetts, London, England.

[6] Marvin L. Bittinger, David J. Ellenbogen (2008), Calculus and its applications, 9th Edition, Pearson Education.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN (COURSE GOALS)

Bảng 5.1. Mục tiêu học phần

TT	Mô tả mục tiêu học phần	CDR (PLO) của CTĐT	Mức độ
[1]	[2]	[3]	[4]
G1	Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về phép toán vi phân, tích phân của hàm số một biến và các kiến thức cơ bản về giải tích nhiều biến một cách có hệ thống.	PLO 1.2	1, 2
G2	Học phần hướng dẫn cho người học các kỹ năng cần thiết để tính toán thành thạo: đạo hàm, vi phân, tích phân của hàm số một biến; các đạo hàm riêng hàm số nhiều biến; và giải các bài toán cực trị của hàm số một biến và của hàm số nhiều biến.	PLO 1.2 PLO 2.2	2, 3
G3	Học phần trang bị cho người học một số kiến thức cơ bản của kinh tế học và phương pháp áp dụng các công cụ cơ bản của giải tích toán học để nghiên cứu, phân tích, giải quyết các vấn đề trong thực tiễn cũng như trong kinh tế và kinh doanh.	PLO 1.2 PLO 2.2	2, 3
G4	Học phần góp phần phát triển khả năng tự học hỏi, làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm một phần đối với nhóm.	PLO 3.4 PLO 3.5	2

6. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN (COURSE LEARNING OUTCOMES)

Bảng 6.1. Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Mục tiêu HP	CLOs	Mô tả CLOs	Mức độ đạt được
[1]	[2]	[3]	[4]
G1	CLO1.1	Hiểu được các khái niệm cơ bản về hàm số một biến, giới hạn và tính liên tục, đạo hàm, cực trị.	2
	CLO1.2	Hiểu được các khái niệm cơ bản về tích phân bất định, tích phân xác định, các phương pháp tính tích phân và các khái niệm cơ bản về phương trình vi phân.	2
	CLO1.3	Hiểu được các khái niệm cơ bản về hàm số hai biến, hàm số ba biến, đạo hàm riêng và cực trị.	2
G2	CLO2.1	Giải được các bài toán cơ bản của giải tích một biến như: tìm giới hạn, tính đạo hàm (của hàm hiện và hàm ẩn), tính xấp xỉ, tính các tốc độ liên quan, xác định các khoảng tăng giảm và tìm cực trị của	2

Mục tiêu HP	CLOs	Mô tả CLOs	Mức độ đạt được
		hàm số một biến, xác định tính lõm và điểm uốn...	
	CLO2.2	Sử dụng các phương pháp tích phân để tính một số dạng tích phân cơ bản, giải phương trình vi phân phân ly biến số và tính một số tích phân suy rộng.	2
	CLO2.3	Sử dụng định nghĩa và các quy tắc tính đạo hàm để tính đạo hàm riêng của các hàm số hai biến và hàm số ba biến, giải các bài toán cực trị không điều kiện của hàm số hai biến, và cực trị có điều kiện của hàm số hai biến, hàm số ba biến.	2
G3	CLO3.1	Nhớ và hiểu được một số khái niệm cơ bản của kinh tế học như: hàm cung, hàm cầu, hàm chi phí, hàm doanh thu, hàm lợi nhuận, hàm sản xuất, phân tích cận biên, độ co giãn của cầu theo giá, đường cong Lorenz, thặng dư của người tiêu dùng và thặng dư của nhà sản xuất...	1, 2
	CLO3.2	Vận dụng các kiến thức về giới hạn, đạo hàm và cực trị của hàm một biến để thiết lập mô hình và giải các bài toán ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh như: bài toán cực đại hóa lợi nhuận, tối đa hóa doanh thu, tối thiểu hóa chi phí...	3
	CLO3.3	Vận dụng các kiến thức về tích phân để tính lợi nhuận vượt trội ròng, chỉ số Gini, giá trị hiện tại và giá trị tương lai của một dòng thu nhập, mức sẵn lòng chi tiêu của người tiêu dùng, thặng dư của nhà sản xuất, thặng dư của người tiêu dùng.	3
	CLO3.4	Vận dụng các kiến thức cơ bản của giải tích nhiều biến để nhận diện cấp hàng hoá bổ sung/thay thế, giải các bài toán tối ưu trong phân tích kinh tế và kinh doanh: bài toán tối đa hoá lợi ích, bài toán phân bổ nguồn lực tối ưu.	3
G4	CLO 4.1	Phát triển khả năng tự học hỏi, làm việc độc lập, làm việc theo nhóm.	2IT
	CLO 4.2	Phát triển năng lực tự chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm một phần đối với nhóm.	2II

7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN (COURSE ASSESSMENT)

Bảng 7.1. Đánh giá học phần

Hình thức đánh giá	Nội dung/ Bài đánh giá	Thời điểm	CLOs	Công cụ và Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
Chuyên cần	- Ý thức, thái độ tham gia học tập của người học trong việc chuẩn bị bài, tham gia thảo luận, xây	Tuần 1-15	4.1 4.2	Công cụ đánh giá: - Nhật ký giảng dạy của giảng viên - Câu hỏi trên lớp - Bài tập về nhà	10%

	dựng bài ở trên lớp - Ý thức của người học trong việc chấp hành các nội quy, quy chế, quy định của trường, của lớp học			Tiêu chí đánh giá: - Đi học đúng giờ - Nghiêm túc học tập trên lớp - Mức độ lương tác - Chất lượng câu trả lời, bài làm	
Đánh giá quá trình (Bài tập nhóm/bài tập cá nhân/ Kiểm tra giữa kỳ)	Chương 1 - 3	Tuần 7	1.1; 2.1 3.1; 3.2 4.1; 4.2	Công cụ đánh giá: Đề kiểm tra tự luận/trắc nghiệm/bài tập nhóm Tiêu chí đánh giá: Theo thang điểm chi tiết của Bài kiểm tra tự luận/trắc nghiệm/ Bài tập nhóm	40%
	Chương 4 - 6	Tuần 12	1.2; 1.3 2.2; 2.3 3.1; 3.3 3.4 4.1; 4.2	Công cụ đánh giá: Đề kiểm tra tự luận/trắc nghiệm/bài tập nhóm Tiêu chí đánh giá: Theo thang điểm chi tiết của Bài kiểm tra tự luận/trắc nghiệm/ Bài tập nhóm	
Đánh giá cuối kỳ	Chương 1 - 6	Lịch thi học phần	1.1; 1.2 1.3; 2.1 2.2; 3.1 3.2; 3.3 3.4 4.1; 4.2	Công cụ đánh giá: Đề thi theo hình thức tự luận/trắc nghiệm Tiêu chí đánh giá: Theo thang điểm chi tiết của Bài thi theo hình thức tự luận/trắc nghiệm	50%

8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (LESSON PLAN)

Bảng 8.1. Kế hoạch giảng dạy

Tuần	Nội dung giảng dạy	Tài liệu đọc	CLOs	Hoạt động dạy và học	Công cụ đánh giá
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
1	Giới thiệu môn học	Đề cương học phần		Dạy: - Giới thiệu học phần, đề cương chi tiết, tài liệu học tập, tài liệu tham khảo, quy định kiểm tra, đánh giá, hướng dẫn kế hoạch học tập	

	<p>Chương 1. Hàm số, đồ thị và giới hạn</p> <p>1.1. Hàm số 1.2. Đồ thị của hàm số 1.3. Các mô hình hàm số</p>	<p>[1] Chương 1 [2] Chương 7 [3] Tập 2 - Chương 4 [4] Chapter 1 [5] Chapters 5, 6 [6] Chapters 1, 2, 3</p>	<p>CLO 1.1 CLO 2.1 CLO 3.1</p>	<p><u>Day:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng và giải thích nội dung của chương, bài - Phát vấn/đưa ra tình huống - Giao bài tập - Trả lời các câu hỏi của người học <p><u>Học ở lớp:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghe giảng, nghiên cứu tài liệu học tập - Làm các ví dụ, bài tập, trả lời các câu hỏi/thảo luận các tình huống <p><u>Học ở nhà:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài tập - Đọc trước tài liệu 	<p>- Câu hỏi - Bài tập áp dụng</p>
2	<p>Chương 1 (tiếp)</p> <p>1.4. Giới hạn 1.5. Các giới hạn một phía và tính liên tục</p>	<p>[1] Chương 1 [2] Chương 7 [3] Tập 2 - Chương 4 [4] Chapter 1 [5] Chapters 5, 6 [6] Chapters 1, 2, 3</p>	<p>CLO 1.1 CLO 2.1 CLO 3.1</p>	<p><u>Day:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng và giải thích nội dung của từng bài - Phát vấn - Giao bài tập - Trả lời các câu hỏi của sinh viên <p><u>Học ở lớp:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghe giảng, nghiên cứu tài liệu học tập - Làm các ví dụ, bài tập, trả lời các câu hỏi/thảo luận các tình huống <p><u>Học ở nhà:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài tập - Đọc trước tài liệu 	<p>- Câu hỏi - Bài tập áp dụng</p>
3	<p>Chương 2. Phép toán vi phân: Các khái niệm cơ bản</p> <p>2.1. Đạo hàm</p>	<p>[1] Chương 2 [2] Chương 7 [3] Tập 2 - Chương 4 [4] Chapter 2 [5] Chapters 5, 6 [6] Chapters</p>	<p>CLO 1.1 CLO 2.1 CLO 3.1</p>	<p><u>Day:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng và giải thích nội dung của từng bài - Phát vấn - Giao bài tập - Trả lời các câu hỏi của sinh viên <p><u>Học ở lớp:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghe giảng, nghiên cứu tài 	<p>- Câu hỏi - Bài tập áp dụng</p>

	<p>2.2. Các kỹ thuật tính đạo hàm</p> <p>2.3. Quy tắc đạo hàm của tích và thương; Đạo hàm cấp cao</p> <p>2.4. Quy tắc đạo hàm của hàm hợp</p>	1, 2, 3		<p>liệu học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm các ví dụ, bài tập, trả lời các câu hỏi/thảo luận các tình huống <p>Học ở nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài tập - Đọc trước tài liệu 	
4	<p>Chương 2 (tiếp)</p> <p>2.5. Phân tích cận biên và phép tính xấp xỉ sử dụng số gia</p> <p>2.6. Đạo hàm của hàm ẩn và các tốc độ liên quan</p>	<p>[1] Chương 2</p> <p>[2] Chương 7</p> <p>[3] Tập 2 - Chương 4</p> <p>[4] Chapter 2</p> <p>[5] Chapters 5, 6</p> <p>[6] Chapters 1, 2, 3</p>	<p>CLO 1.1</p> <p>CLO 2.1</p> <p>CLO 3.1</p>	<p>Day:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng và giải thích nội dung của từng bài - Phát vấn - Giao bài tập thực hành và bài tập tình huống - Trả lời các câu hỏi của sinh viên <p>Học ở lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghe giảng, nghiên cứu tài liệu học tập - Làm các ví dụ, bài tập, trả lời các câu hỏi/thảo luận các tình huống <p>Học ở nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài tập - Đọc trước tài liệu 	<ul style="list-style-type: none"> - Câu hỏi - Bài tập áp dụng
5	<p>Chương 3. Một số ứng dụng khác của đạo hàm</p> <p>3.1. Hàm tăng và hàm giảm; Cực trị tương đối</p>	<p>[1] Chương 3</p> <p>[2] Chương 7</p> <p>[3] Tập 3 - Chương 4</p> <p>[4] Chapter 3</p> <p>[5] Chapters 5, 6</p> <p>[6] Chapters 1, 2, 3</p>	<p>CLO 1.1</p> <p>CLO 2.1</p> <p>CLO 3.1</p> <p>CLO 3.2</p>	<p>Day:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng và giải thích nội dung của từng bài - Phát vấn - Giao bài tập thực hành và bài tập tình huống - Trả lời các câu hỏi của sinh viên <p>Học ở lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghe giảng, nghiên cứu tài liệu học tập - Làm các ví dụ, bài tập, trả 	<ul style="list-style-type: none"> - Câu hỏi - Bài tập áp dụng

	<p>3.2. Tính lõm và điểm uốn</p> <p>3.3. Vẽ đồ thị của hàm số</p>			<p>lời các câu hỏi/thảo luận các tình huống tập, trả lời các câu hỏi</p> <p>Học ở nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài tập - Đọc trước tài liệu 	
6	<p>Chương 3 (tiếp)</p> <p>3.4. Tối ưu hoá; Độ co giãn của cầu</p> <p>3.5. Các bài toán tối ưu hoá ứng dụng khác</p>	<p>[1] Chương 3</p> <p>[2] Chương 7</p> <p>[3] Tập 3 - Chương 4</p> <p>[4] Chapter 3</p> <p>[5] Chapters 5, 6</p> <p>[6] Chapters 1, 2, 3</p>	<p>CLO 1.1</p> <p>CLO 2.1</p> <p>CLO 3.1</p> <p>CLO 3.2</p>	<p>Day:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng và giải thích nội dung của từng bài - Phát vấn - Giao bài tập thực hành và bài tập tình huống - Trả lời các câu hỏi của sinh viên <p>Học ở lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghe giảng, nghiên cứu tài liệu học tập - Làm các ví dụ, bài tập, trả lời các câu hỏi/thảo luận các tình huống <p>Học ở nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài tập - Đọc trước tài liệu 	<p>- Câu hỏi</p> <p>- Bài tập áp dụng</p>
7	<p>Chương 3 (tiếp)</p> <p>3.5. Các bài toán tối ưu hoá ứng dụng khác (tiếp)</p>	<p>[1] Chương 3</p> <p>[2] Chương 7</p> <p>[3] Tập 3 - Chương 4</p> <p>[4] Chapter 3</p> <p>[5] Chapters 5, 6</p> <p>[6] Chapters 1, 2, 3</p>	<p>CLO 1.1</p> <p>CLO 2.1</p> <p>CLO 3.1</p> <p>CLO 3.2</p>	<p>Day:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng và giải thích nội dung của từng bài - Phát vấn - Giao bài tập thực hành và bài tập tình huống - Trả lời các câu hỏi của sinh viên <p>Học ở lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghe giảng, nghiên cứu tài liệu học tập - Làm các ví dụ, bài tập, trả lời các câu hỏi/thảo luận các tình huống <p>Học ở nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài tập 	<p>- Câu hỏi</p> <p>- Bài tập áp dụng</p>

				- Đọc trước tài liệu	
	Kiểm tra bài 20%		CLO 1.1 CLO 2.1 CLO 3.1 CLO 3.2 CLO 4.1 CLO 4.2	<p><u>Day:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện kiểm tra, đánh giá sinh viên thông qua đề kiểm tra trắc nghiệm/tự luận/bài tập nhóm <p><u>Học ở lớp:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài kiểm tra/bài tập nhóm/ <p><u>Học ở nhà:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài tập - Đọc trước tài liệu 	- Đề kiểm tra tự luận/trắc nghiệm/ Bài tập nhóm
8	<p>Chương 4. Phép toán tích phân 4.1. Tích phân bất định và phương trình vi phân 4.2. Tích phân phân bằng phương pháp đổi biến</p>	<p>[1] Chương 4 [2] Chương 10, 11 [3] Tập 3 - Chương 6, 7, 11 [4] Chapter 5 [5] Chapter 16 [6] Chapters 4, 5</p>	CLO 1.2 CLO 2.2 CLO 3.1 CLO 3.3	<p><u>Day:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng và giải thích nội dung của từng bài - Phát vấn - Giao bài tập thực hành và bài tập tình huống - Trả lời các câu hỏi của sinh viên <p><u>Học ở lớp:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghe giảng, nghiên cứu tài liệu học tập - Làm các ví dụ, bài tập, trả lời các câu hỏi/thảo luận các tình huống <p><u>Học ở nhà:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài tập - Đọc trước tài liệu 	- Câu hỏi - Bài tập áp dụng

9	<p>Chương 4 (tiếp) 4.3. Tích phân xác định và định lý cơ bản của giải tích</p> <p>4.4. Ứng dụng của tích phân xác định: Phân phối thu nhập và giá trị trung bình</p>	<p>[1] Chương 4 [2] Chương 10, 11 [3] Tập 3 - Chương 6, 7, 11 [4] Chapter 5 [5] Chapter 16 [6] Chapters 4, 5</p>	<p>CLO 1.2 CLO 2.2 CLO 3.1 CLO 3.3</p>	<p><u>Day:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng và giải thích nội dung của từng bài - Phát vấn - Giao bài tập thực hành và bài tập tình huống - Trả lời các câu hỏi của sinh viên <p><u>Học ở lớp:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghe giảng, nghiên cứu tài liệu học tập - Làm các ví dụ, bài tập, trả lời các câu hỏi/thảo luận các tình huống <p><u>Học ở nhà:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài tập - Đọc trước tài liệu 	<ul style="list-style-type: none"> - Câu hỏi - Bài tập áp dụng
10	<p>Chương 4 (tiếp) 4.5. Các ứng dụng khác của tích phân trong kinh doanh và kinh tế học</p> <p>Chương 5. Một số chủ đề tích phân chọn lọc</p> <p>5.1. Phương pháp tích phân từng phần; Bảng tích phân</p>	<p>[1] Chương 4 [2] Chương 10, 11 [3] Tập 3 - Chương 6, 7, 11 [4] Chapter 5 [5] Chapter 16 [6] Chapters 4, 5</p> <p>[1] Chương 5 [2] Chương 10 [3] Tập 2 - Chương 6, 7 [4] Chapter 6 [5] Chapter 16 [6] Chapters 4, 5</p>	<p>CLO 1.2 CLO 2.2 CLO 3.1 CLO 3.3</p>	<p><u>Day:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng và giải thích nội dung của từng bài - Phát vấn - Giao bài tập thực hành và bài tập tình huống - Trả lời các câu hỏi của sinh viên <p><u>Học ở lớp:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghe giảng, nghiên cứu tài liệu học tập - Làm các ví dụ, bài tập, trả lời các câu hỏi/thảo luận các tình huống <p><u>Học ở nhà:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài tập - Đọc trước tài liệu 	<ul style="list-style-type: none"> - Câu hỏi - Bài tập áp dụng
11	<p>Chương 5</p>	<p>[1] Chương 5 [2] Chương</p>	<p>CLO 2.2 CLO 3.3</p>	<p><u>Day:</u></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Câu hỏi

	(tiếp) 5.2. Tính gần đúng tích phân xác định 5.3. Tích phân suy rộng	10 [3] Tập 2 - Chương 6, 7 [4] Chapter 6 [5] Chapter 16 [6] Chapters 4, 5		- Thuyết giảng và giải thích nội dung của từng bài - Phát vấn - Giao bài tập - Trả lời các câu hỏi của sinh viên Học ở lớp: - Nghe giảng, nghiên cứu tài liệu - Làm các ví dụ, bài tập, trả lời các câu hỏi Học ở nhà: - Chuẩn bị bài tập - Đọc trước tài liệu	- Bài tập áp dụng
	Kiểm tra bài 20%		CLO 1.2 CLO 1.3 CLO 2.2 CLO 3.1 CLO 3.3 CLO 4.1 CLO 4.2	Day: - Thực hiện kiểm tra, đánh giá sinh viên thông qua đề kiểm tra trắc nghiệm/tự luận/bài tập nhóm Học ở lớp: - Làm bài kiểm tra/bài tập nhóm Học ở nhà: - Chuẩn bị bài tập - Đọc trước tài liệu	- Đề kiểm tra tự luận/trắc nghiệm/Bài tập nhóm
12	Chương 6. Giải tích nhiều biến 6.1. Hàm số nhiều biến	[1] Chương 6 [2] Chương 9 [3] Tập 3 - Chương 9 [4] Chapter 7 [5] Chapters 12, 13, 14 [6] Chapter 6	CLO 1.3 CLO 2.3 CLO 3.4	Day: - Thuyết giảng và giải thích nội dung của từng bài - Phát vấn - Giao bài tập - Trả lời các câu hỏi của sinh viên Học ở lớp: - Nghe giảng, nghiên cứu tài liệu - Làm các ví dụ, bài tập, trả lời các câu hỏi Học ở nhà: - Chuẩn bị bài tập - Đọc trước tài liệu	- Câu hỏi - Bài tập áp dụng

13	<p>Chương 6 (tiếp) 6.2. Đạo hàm riêng 6.3. Tối ưu hoá hàm số hai biến</p>	<p>[1] Chương 6 [2] Chương 9 [3] Tập 3 - Chương 9 [4] Chapter 7 [5] Chapters 12, 13, 14 [6] Chapter 6</p>	<p>CLO 1.3 CLO 2.3 CLO 3.4</p>	<p><u>Day:</u> - Thuyết giảng và giải thích nội dung của từng bài - Phát vấn - Giao bài tập - Trả lời các câu hỏi của sinh viên <u>Học ở lớp:</u> - Nghe giảng, nghiên cứu tài liệu - Làm các ví dụ, bài tập, trả lời các câu hỏi <u>Học ở nhà:</u> - Chuẩn bị bài tập - Đọc trước tài liệu</p>	<p>- Câu hỏi - Bài tập áp dụng</p>
14	<p>Chương 6 (tiếp) 6.3. Tối ưu hoá hàm số hai biến (tiếp) 6.3. Cực trị có điều kiện ràng buộc: Phương pháp nhân tử Lagrange</p>	<p>[1] Chương 6 [2] Chương 9 [3] Tập 3 - Chương 9 [4] Chapter 7 [5] Chapters 12, 13, 14 [6] Chapter 6</p>	<p>CLO 1.3 CLO 2.3 CLO 3.4</p>	<p><u>Day:</u> - Thuyết giảng và giải thích nội dung của từng bài - Phát vấn - Giao bài tập - Trả lời các câu hỏi của sinh viên <u>Học ở lớp:</u> - Nghe giảng, nghiên cứu tài liệu - Làm các ví dụ, bài tập, trả lời các câu hỏi <u>Học ở nhà:</u> - Chuẩn bị bài tập, câu hỏi - Đọc trước tài liệu</p>	<p>- Câu hỏi - Bài tập áp dụng</p>
15	<p>Ôn tập</p>		<p>CLO 1.1 CLO 2.1 CLO 1.2 CLO 1.3 CLO 2.2 CLO 2.3 CLO 3.1 CLO 3.2 CLO 3.3 CLO 3.4</p>	<p><u>Day:</u> - Tổng kết các nội dung, kiến thức, kỹ năng của học phần - Công bố điểm 10% - Trả 02 bài kiểm tra tự luận/trắc nghiệm/bài tập nhóm - Trả lời câu hỏi và giải đáp các thắc mắc của sinh viên <u>Học ở lớp:</u> - Lắng nghe, đặt câu hỏi và</p>	<p>- Câu hỏi - Bài tập</p>

				thắc mắc (nếu có)	
				Học ở nhà:	
				- Ôn tập	

9. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN (COURSE REQUIREMENTS AND EXPECTATION)

9.1. Quy định về tham dự lớp học

- Sinh viên không được nghỉ học quá 20% thời lượng học phần. Sinh viên nghỉ học vượt quá 20% thời lượng học phần thì phải học lại.

- Điều kiện được dự thi kết thúc học phần là điểm đánh giá của giảng viên đối với sinh viên đạt từ 5 điểm trở lên.

9.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

- Sinh viên cần đi học đúng giờ quy định. Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác.

- Sinh viên không được sử dụng điện thoại di động, các thiết bị khác không phục vụ cho việc học tập và không được giảng viên cho phép khi đang học tập trên lớp.

- Nghiêm cấm mọi hành vi thiếu nghiêm túc, gian lận trong học tập, kiểm tra.

TRƯỜNG BỘ MÔN

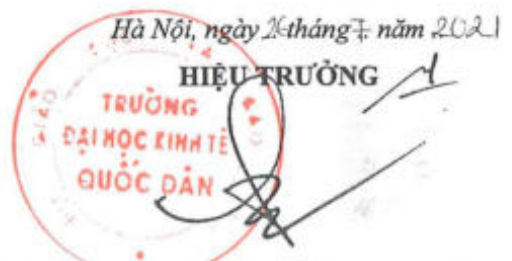
Vân

TS. NGUYỄN THỊ CẨM VÂN

TRƯỜNG KHOA

Thế

TS. NGUYỄN MẠNH THẾ



PGS.TS. PHẠM HỒNG CHƯƠNG

Handwritten text, possibly a signature or initials, located in the lower-left quadrant of the page.

	8.2. Chỉ số phát triển 8.2.1. Chỉ số đơn 8.2.1. Chỉ số tổng hợp 8.3. Chỉ số không gian 8.3.1. Chỉ số đơn 8.3.2. Chỉ số tổng hợp 8.4. Hệ thống chỉ số 8.4.1. Khái niệm, tác dụng của HTCS 8.4.2. Phương pháp xây dựng hệ thống chỉ số				
15	Bài kiểm tra 20% số 2		CLO1- CLO3	Thực hiện kiểm tra, đánh giá sinh viên thông qua đề kiểm tra trắc nghiệm/tự luận/bài tập.	Đề kiểm tra tự luận/trắc nghiệm.
15	Ôn tập, hệ thống kiến thức		CLO1- CLO4	Giảng viên hệ thống các kiến thức Nhóm sinh viên nộp báo cáo Giảng viên đánh giá	Phiếu đánh giá với các tiêu chí: (i) Nội dung; (ii) Hình thức; (iii) Thời gian; (iv) Đánh giá lẫn nhau
-	Bài thi cuối kỳ		CLO1- CLO3	Sinh viên làm bài thi theo lịch	Theo yêu cầu bài thi

9. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN (COURSE REQUIREMENTS AND EXPECTATION)

9.1. Quy định về điều kiện thi kết thúc học phần

- Sinh viên được tham dự thi cuối kỳ/thi kết thúc học phần (50%) nếu có điểm chuyên cần (10%) đạt mức 5 điểm trở lên (thang 10).

9.2. Quy định về tham dự lớp học

- Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý. Mỗi buổi vắng mặt sẽ bị trừ 1 điểm đánh giá quá trình. Sinh viên vắng quá 3 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại.
- Sinh viên sẽ được cộng điểm cho mỗi lần phát biểu xây dựng bài, có thể bù đắp cho điểm quá trình, điểm kiểm tra.

9.3. Quy định về hành vi lớp học

- Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.
- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 10 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.
- Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học; không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.
- Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

Hà Nội, ngày 26 tháng 7 năm 2021

TRƯỞNG BỘ MÔN

Huân

TS. Đỗ Văn Huân

TRƯỞNG KHOA

Bích

PGS.TS. Trần Thị Bích

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG
ĐẠI HỌC KINH TẾ
QUỐC DÂN

PGS.TS. Phạm Hồng Chương

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT

(Ban hành kèm theo quyết định số 345/QĐ/ĐHKTD, ngày 26 tháng 7 năm 2021)

1. THÔNG TIN TỔNG QUÁT (GENERAL INFORMATION)

- Tên học phần (tiếng Việt): Thống kê trong kinh tế và kinh doanh
- Tên học phần (tiếng Anh): Statistics in Economics and Business
- Mã số học phần: TKKD1129
- Thuộc khối kiến thức: Kiến thức ngành
- Số tín chỉ: 3TC (45 tiết)
 - + Số tiết lý thuyết: 30
 - + Số tiết thảo luận/Thực hành: 15
 - + Số tiết tự học: 90
- Các học phần tiên quyết

2. THÔNG TIN BỘ MÔN QUẢN LÝ VÀ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY

Bộ môn quản lý: Thống kê kinh doanh

Địa chỉ: Phòng 814 Nhà A1, Trường ĐH Kinh tế Quốc dân

Giảng viên (liệt kê GV tham gia giảng dạy):

TS. Đỗ Văn Huân	huandv@neu.edu.vn
TS. Cao Quốc Quang	quangcq@neu.edu.vn
TS. Phạm Thị Mai Anh	anhpm@neu.edu.vn
TS. Trần Thị Nga	ttnga@neu.edu.vn
ThS. Lê Hoàng Minh Nguyệt	minhnguyettk@neu.edu.vn
ThS. Nguyễn Huyền Trang	trangtk@neu.edu.vn
PGS.TS. Trần Thị Bích	bichtt@neu.edu.vn
TS. Chu Thị Bích Ngọc	ngoccb@neu.edu.vn
TS. Nguyễn Thị Xuân Mai	mainx@neu.edu.vn
TS. Nguyễn Minh Thu	nmthu@neu.edu.vn
ThS. Trần Hoài Nam	namth@neu.edu.vn
ThS. Nguyễn Đăng Khoa	khoand@neu.edu.vn

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN (COURSE DESCRIPTIONS)

Thống kê trong kinh tế và kinh doanh cung cấp các kiến thức cơ bản về thống kê: các phương pháp thu thập thông tin; các phương pháp xử lý, tổng hợp và phân tích dữ liệu.

Học phần cung cấp hệ thống các phương pháp phân tích thống kê mô tả, thống kê suy luận, các phương pháp nghiên cứu mối liên hệ của các hiện tượng qua các mô hình, phân tích quy luật phát triển của hiện tượng qua thời gian, các mô hình dự đoán làm cơ sở cho việc ra quyết định cả ở tầm vi mô và vĩ mô.

Học phần giới thiệu các ứng dụng phần mềm thống kê trong xử lý và phân tích thống kê giúp người học dễ dàng tiếp cận các phương pháp một cách thuận tiện.

4. TÀI LIỆU THAM KHẢO (LEARNING RESOURCES: COURSE BOOKS, REFERENCE BOOKS, AND SOFTWARES)

Giáo trình

- [1] Douglas A.Lind, William G. Marchal, Samuel A.Wathen (2020) “*Thống kê trong kinh tế và kinh doanh*” (Sách dịch), NXB Đại học Kinh tế Quốc dân và McGraw-Hill
- [2] Trần Thị Kim Thu (2020), *Giáo trình Lý thuyết thống kê*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân

Tài liệu khác

- [1] Hoàng Trọng (2008) *Thống kê ứng dụng trong kinh tế - xã hội*, NXB Thống kê
- [2] Viện khoa học Thống kê (2010), *Thống kê thực hành* (sách dịch), NXB Thống kê.
- [3] David R.Anderson, Dennis J.Sweeney (2011), Thomas A.Williams, *Statistics for business and economics*, 11th edition, South-Western, Cengage Learning.
- [4] Mark L. Berenson, David M. Levine, Timothy C. Krehbiel (2009), *Basic Business Statistics, Concepts and Applications*, Eleventh edition, Pearson International Edition.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN (COURSE GOALS)

Bảng 5.1. Mục tiêu học phần

TT	Mô tả mục tiêu học phần	CDR (PLO) của CTĐT**	Mức độ***
[1]	[2]	[3]	[4]
G1	Trang bị kiến thức cơ bản về các giai đoạn của quá trình từ thu thập, xử lý và phân tích thống kê	PLO1.X	3
G2	Vận dụng được các phương pháp phân tích thống kê trong các lĩnh vực thực tế	PLO1.X	3
G3	Hình thành kỹ năng sử dụng phần mềm thống kê	PLO2.X	3
G4	Trang bị cho người học nhận thức về bối cảnh xã hội, nhận thức đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội	PLO3.X	3

6. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN (COURSE LEARNING OUTCOMES)

Bảng 6.1. Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Mục tiêu	CLOs	Mô tả CLOs*	Mức độ đạt được**
[1]	[2]	[3]	[4]
	CLO1.1	Hiểu nội dung nguyên tắc, quy trình thu thập dữ liệu, tổng	3

Mục tiêu	CLOs	Mô tả CLOs*	Mức độ đạt được**
G1		hợp dữ liệu, phân tích dữ liệu	
	CLO1.2	Vận dụng các phương pháp thu thập, tổng hợp, phân tích dữ liệu thống kê	3
G2	CLO2	Phân tích, vận dụng các phương pháp thu thập, tổng hợp và phân tích trong các tình huống thực tế	3
G3	CLO3	Thành thạo kỹ năng tìm học trong xử lý, phân tích dữ liệu	3
G4	CLO4.1	Có nhận thức về bối cảnh xã hội	3
	CLO4.2	Có nhận thức đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội	3

7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN (COURSE ASSESSMENT)

Bảng 7.1. Đánh giá học phần

Hình thức đánh giá	Nội dung/ Bài đánh giá	Thời điểm	CLOs	Công cụ và tiêu chí đánh giá*	Tỷ lệ (%)
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
Chuyên cần	Thái độ học tập trên lớp Trả lời câu hỏi trên lớp Trả lời các câu hỏi thảo luận Bài tập về nhà	Tuần 1-15	CLO1- CLO4	Nhật ký giảng dạy của giảng viên với các tiêu chí đánh giá (i) Mức độ tham gia (ii) Mức độ tương tác; (iii) Chất lượng câu trả lời	10%
Đánh giá quá trình	Kiểm tra trên lớp	Tuần 7 Tuần 14	CLO1- CLO3	Công cụ đánh giá: Đề kiểm tra tự luận/trắc nghiệm/bài tập Tiêu chí đánh giá: Theo thang điểm chi tiết của Bài kiểm tra tự luận/trắc nghiệm/ Bài tập	40%
Đánh giá cuối kỳ	Đài thi cuối kỳ	Lịch thi học phần	CLO1- CLO3	Công cụ đánh giá: Đề thi theo hình thức tự luận/trắc nghiệm Tiêu chí đánh giá: Theo thang điểm chi tiết của Bài thi theo hình thức tự luận/trắc nghiệm	50%

8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (LESSON PLAN)

Bảng 8.1. Kế hoạch giảng dạy

Tuần	Nội dung giảng dạy	Tài liệu đọc	CLOs	Hoạt động dạy và học	Công cụ và tiêu chí đánh giá
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
1	Làm quen, giới thiệu học phần, logic của học phần và vai trò, vị trí của học phần trong CTĐT, phần mềm hỗ trợ học phần	Đề cương học phần	CLO1.1 CLO3 CLO4.1 CLO4.2	Giới thiệu học phần Đặt ra yêu cầu học tập Hướng dẫn cài đặt và sử dụng cơ bản phần mềm Hướng dẫn đọc tài liệu Hướng dẫn tìm tài liệu	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
2	<p>CHƯƠNG 1 - GIỚI THIỆU CHUNG VỀ THỐNG KÊ</p> <p>1.1. Đối tượng nghiên cứu của thống kê</p> <p>1.1.1. Sơ lược lịch sử phát triển và vai trò của TK trong đời sống xã hội</p> <p>1.1.2. Đối tượng nghiên cứu của thống kê</p> <p>1.2. Các khái niệm thường dùng trong thống kê</p> <p>1.2.1. Tổng thể thống kê và đơn vị tổng thể</p> <p>1.2.2. Tiêu thức thống kê</p> <p>1.2.3. Chỉ tiêu thống kê</p> <p>1.3. Thang đo trong thống kê</p> <p>1.3.1. Thang đo định danh</p> <p>1.3.2. Thang đo thứ bậc</p> <p>1.3.3. Thang đo khoảng</p> <p>1.3.4. Thang đo tỷ lệ</p> <p>1.4. Các giai đoạn của quá trình nghiên cứu thống kê</p>	[1], Chương 1 [2], Chương 1	CLO1.1 CLO2 CLO3 CLO4.1 CLO4.2	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi

3	CHƯƠNG 2 – THU THẬP DỮ LIỆU THỐNG KÊ 2.1. Khái niệm về thu thập dữ liệu thống kê 2.2. Các hình thức thu thập dữ liệu 2.2.1. Điều tra thống kê 2.2.2. Báo cáo thống kê định kỳ 2.2.3. Khai thác dữ liệu hồ sơ hành chính 2.3. Sai số trong thu thập dữ liệu thống kê	[2], Chương 2	CLO1.1 CLO2 CLO3 CLO4.1 CLO4.2	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi
4	CHƯƠNG 3 – TỔNG HỢP THỐNG KÊ 3.1. Phân tổ thống kê 3.1.1. Khái niệm chung về phân tổ thống kê 3.1.2. Các bước phân tổ thống kê 3.1.3. Dãy số phân phối 3.2. Bảng thống kê 3.3. Đồ thị thống kê	[1], Chương 2 [2], Chương 3	CLO1.1 CLO2 CLO3 CLO4.1 CLO4.2	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi
5+6	CHƯƠNG 4 – CÁC MỨC ĐỘ THỐNG KÊ MÔ TẢ 4.1. Số tuyệt đối và số tương đối trong thống kê 4.1.1. Số tuyệt đối trong thống kê 4.1.2. Số tương đối trong thống kê 4.1.3. Điều kiện vận dụng số tuyệt đối và số tương đối trong thống kê 4.2. Các mức độ trung tâm 4.2.1. Số trung bình 4.2.2. Mốt 4.2.3. Trung vị	[1], Chương 3 [2], Chương 4	CLO1.1 CLO2 CLO3 CLO4.1 CLO4.2	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi

	<p>4.3. Các chỉ tiêu đo độ biến thiên của tiêu thức</p> <p>4.3.1. Khoảng biến thiên</p> <p>4.3.2. Độ lệch tuyệt đối bình quân</p> <p>4.3.3. Phương sai</p> <p>4.3.4. Độ lệch tiêu chuẩn</p> <p>4.3.5. Hệ số biến thiên</p>				
7+8	<p>CHƯƠNG 5 - ĐIỀU TRA CHỌN MẪU</p> <p>5.1. Những vấn đề chung về điều tra chọn mẫu</p> <p>5.1.1. Khái niệm, ưu điểm, hạn chế và trường hợp vận dụng DTCM</p> <p>5.1.2. Tổng thể chung và tổng thể mẫu</p> <p>5.1.3. Chọn hoàn lại và không hoàn lại</p> <p>5.2. Cơ sở của ước lượng và kiểm định giả thuyết thống kê</p> <p>5.2.1. Biến ngẫu nhiên</p> <p>5.2.2. Quy luật phân phối của biến ngẫu nhiên</p> <p>5.2.3. Định lý giới hạn trung tâm</p> <p>5.3. Ước lượng kết quả điều tra</p> <p>5.3.1. Sai số trong điều tra chọn mẫu</p> <p>5.3.2. Ước lượng trung bình của tổng thể</p> <p>5.3.3. Ước lượng tỷ lệ tổng thể chung</p> <p>5.3.4. Xác định kích thước mẫu</p> <p>5.4. Kiểm định giả thuyết thống kê</p> <p>5.4.1. Những vấn đề chung về kiểm định giả thuyết thống kê</p> <p>5.4.2. Kiểm định trung bình một tổng thể</p>	<p>[2], Chương 5,6,7</p> <p>[1], Chương 7,9,10,11</p>	<p>CLO1.1</p> <p>CLO2</p> <p>CLO3</p> <p>CLO4.1</p> <p>CLO4.2</p>	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi</p>

	3.5. Một số phương pháp tổ chức chọn mẫu thường dùng trong thống kê				
9	Bài kiểm tra 20% số 1		CLO1- CLO3	Thực hiện kiểm tra, đánh giá sinh viên thông qua đề kiểm tra trắc nghiệm/tự luận/bài tập	Đề kiểm tra tự luận/trắc nghiệm/
9+10	CHƯƠNG 6 - PHÂN TÍCH HỒI QUY VÀ TƯƠNG QUAN 6.1. Nhiệm vụ của phân tích HQ và TQ 6.1.1. Liên hệ hàm số và liên hệ tương quan 6.1.2. Nhiệm vụ của phân tích hồi quy và tương quan 6.1.3. Ý nghĩa của phân tích hồi quy và tương quan 6.2. Hồi quy và tương quan đơn 6.2.1. Xây dựng phương trình hồi quy 6.2.2. Kiểm định các hệ số của phương trình hồi quy 6.3. Hồi quy và tương quan bội 6.3.1. Xây dựng phương trình hồi quy 6.3.2. Kiểm định các hệ số của phương trình hồi quy	[1], Chương 12,13 [2], Chương 11,12	CLO1.1 CLO2 CLO3 CLO4.1 CLO4.2	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi
11+12	CHƯƠNG 7 - PHÂN TÍCH DÃY SỐ THỜI GIAN 7.1. Khái niệm chung về dãy số thời gian 7.1.1. Khái niệm chung về dãy số thời gian (Khái niệm, kết cấu) 7.1.2. Tác dụng của dãy số thời gian 7.1.3. Các loại dãy số thời gian	[1], Chương 15 [2], Chương 13	CLO1.1 CLO2 CLO3 CLO4.1 CLO4.2	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi

	<p>7.1.4. Yêu cầu đối với việc xây dựng dãy số thời gian</p> <p>7.2. Các chỉ tiêu phân tích đặc điểm biến động hiện tượng qua thời gian</p> <p>7.2.1. Mức độ bình quân theo thời gian</p> <p>7.2.2. Lượng tăng (giảm) tuyệt đối</p> <p>7.2.3. Tốc độ phát triển</p> <p>7.2.4. Tốc độ tăng (giảm)</p> <p>7.2.5. Giá trị tuyệt đối của 1% tốc độ tăng (giảm)</p> <p>7.3. Một số phương pháp biểu diễn xu hướng biến động cơ bản của hiện tượng</p> <p>7.3.1. Dãy số bình quân trượt</p> <p>7.3.1. Hàm xu thế</p> <p>7.4. Một số phương pháp dự đoán ngắn hạn thường dùng trong thống kê</p> <p>7.4.1. Dự đoán dựa vào lượng tăng (giảm) tuyệt đối bình quân</p> <p>7.4.2. Dự đoán dựa vào tốc độ phát triển bình quân</p> <p>7.4.3. Dự đoán bằng phương pháp ngoại suy hàm xu thế</p>				
13+14	<p>CHƯƠNG 8 - PHƯƠNG PHÁP CHỈ SỐ</p> <p>8.1. Khái niệm chung về phương pháp chỉ số</p> <p>8.1.1. Khái niệm, đặc điểm của phương pháp chỉ số</p> <p>8.1.2. Tác dụng của phương pháp chỉ số</p>	<p>[1], Chương 14</p> <p>[2], Chương 14</p>	<p>CLO1.1</p> <p>CLO2</p> <p>CLO3</p> <p>CLO4.1</p> <p>CLO4.2</p>	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi</p>

	8.2. Chỉ số phát triển 8.2.1. Chỉ số đơn 8.2.1. Chỉ số tổng hợp 8.3. Chỉ số không gian 8.3.1. Chỉ số đơn 8.3.2. Chỉ số tổng hợp 8.4. Hệ thống chỉ số 8.4.1. Khái niệm, tác dụng của HTCS 8.4.2. Phương pháp xây dựng hệ thống chỉ số				
15	Bài kiểm tra 20% số 2		CLO1-CLO3	Thực hiện kiểm tra, đánh giá sinh viên thông qua đề kiểm tra trắc nghiệm/tự luận/bài tập.	Đề kiểm tra tự luận/trắc nghiệm.
15	Ôn tập, hệ thống kiến thức		CLO1-CLO4	Giảng viên hệ thống các kiến thức Nhóm sinh viên nộp báo cáo Giảng viên đánh giá	Phiếu đánh giá với các tiêu chí: (i) Nội dung; (ii) Hình thức; (iii) Thời gian; (iv) Đánh giá lẫn nhau
-	Bài thi cuối kỳ		CLO1-CLO3	Sinh viên làm bài thi theo lịch	Theo yêu cầu bài thi

9. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN (COURSE REQUIREMENTS AND EXPECTATION)

9.1. Quy định về điều kiện thi kết thúc học phần

- Sinh viên được tham dự thi cuối kỳ/thi kết thúc học phần (50%) nếu có điểm chuyên cần (10%) đạt mức 5 điểm trở lên (thang 10).

9.2. Quy định về tham dự lớp học

- Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý. Mỗi buổi vắng mặt sẽ bị trừ 1 điểm đánh giá quá trình. Sinh viên vắng quá 3 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại.
- Sinh viên sẽ được cộng điểm cho mỗi lần phát biểu xây dựng bài, có thể bù đắp cho điểm quá trình, điểm kiểm tra.

9.3. Quy định về hành vi lớp học

- Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.
- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 10 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.
- Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học; không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.
- Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

TRƯỜNG BỘ MÔN

Huân

TS. Đỗ Văn Huân

TRƯỜNG KHOA


Bích

PGS.TS. Trần Thị Bích

Hà Nội, ngày 26 tháng 7, năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

[Handwritten signature]



TRƯỜNG
ĐẠI HỌC QUỐC DÂN
HÀ NỘI

PGS.TS. Phạm Hồng Chương

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT

(Ban hành kèm theo quyết định số 136/QĐ/ĐHKTQĐ, ngày 16 tháng 7 năm 2021)

1. THÔNG TIN TỔNG QUÁT (GENERAL INFORMATION)

- Tên học phần (tiếng Việt):	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
- Tên học phần (tiếng Anh):	Probability and Mathematical Statistics
- Mã số học phần:	TOKT1145
- Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục đại cương
- Số tín chỉ:	3TC
+ Số giờ lý thuyết:	30
+ Số giờ thảo luận/thực hành:	15
+ Số giờ tự học:	90
- Các học phần tiên quyết:	Không

2. THÔNG TIN BỘ MÔN QUẢN LÝ VÀ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY

Bộ môn quản lý: Bộ môn Toán kinh tế

Địa chỉ: Phòng 1105 Nhà A1, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Giảng viên:

TS. Phạm Ngọc Hưng	Email: hungpn@neu.edu.vn
ThS. Bùi Dương Hải	Email: haibd@neu.edu.vn
ThS. Hoàng Thanh Tâm	Email: tamht@neu.edu.vn
ThS. Phạm Thị Hương Huyền	Email: huyenph@neu.edu.vn
ThS. Lê Đức Hoàng	Email: hoangld@neu.edu.vn
ThS. Nguyễn Hải Dương	Email: duong79tkt@neu.edu.vn
ThS. Vũ Thị Bích Ngọc	Email: ngocvu@neu.edu.vn
ThS. Hoàng Bích Phương	Email: phuonghb@neu.edu.vn
ThS. Lương Văn Long	Email: longlv@neu.edu.vn
ThS. Nguyễn Hồng Nhật	Email: nhathn@neu.edu.vn
ThS. Nguyễn Thị Thảo	Email: thaonguyen@neu.edu.vn
ThS. Mai Cẩm Tú	Email: tumc@neu.edu.vn
ThS. Nguyễn Thị Thùy Trang	Email: thuytrang@neu.edu.vn
ThS. Nguyễn Thị Thu Trang	Email: thutrang@neu.edu.vn

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN (COURSE DESCRIPTIONS)

Học phần cung cấp các kiến thức và kỹ năng trong phân tích dữ liệu và hỗ trợ ra quyết định, sử dụng các phương pháp xác suất và thống kê. Học phần gồm hai nội dung chính: (1) các kiến thức nền tảng về xác suất, phân phối xác suất, (2) các phương pháp thống kê. Nội dung thứ hai tập trung giới thiệu một số ứng dụng trong kinh tế - kinh doanh, bao gồm danh mục đầu tư, quản lý chất lượng. Học phần được giảng dạy theo định hướng ứng dụng, trong đó các tính toán phân tích đều

được minh họa bằng ví dụ cụ thể, thực hiện trên phần mềm. Cuối mỗi chương của học phần, có các bài tập tình huống thực tế trong các lĩnh vực kinh tế - quản lý - quản trị kinh doanh – ngân hàng tài chính.

Học phần gồm 9 chương:

Chương 1 trình bày các khái niệm cơ bản và thống kê mô tả;

Chương 2, 3, 4 đề cập đến biến cố và xác suất của biến cố, biến ngẫu nhiên, phân phối xác suất của biến ngẫu nhiên và tham số đặc trưng của biến ngẫu nhiên;

Chương 5, 6, 7, 8 trình bày phân phối xác suất của một số thống kê, thống kê suy diễn gồm ước lượng và kiểm định tham số, kiểm định phân phối xác suất của biến ngẫu nhiên và sự độc lập của các dấu hiệu định tính;

Chương 9 trình bày về phân tích phương sai (ANOVA) và các tương quan giữa các yếu tố định tính, định lượng.

4. TÀI LIỆU THAM KHẢO (LEARNING RESOURCES: COURSE BOOKS, REFERENCE BOOKS, AND SOFTWARES)

Giáo trình

[1] Phạm Ngọc Hưng, Bùi Dương Hải (2022), *Xác suất và Thống kê toán trong Kinh tế và Kinh doanh*, NXB ĐH KTQD

Tài liệu khác

[2] Anderson, Sweeney, Williams, Camm, Cochran (2017), *Statistics for Business and Economics*, 12th Edition, South-Western.

[3] Paul Newbold, William L. Carlson, Betty Thorne (2019), *Statistics for Business and Economics*, 9th Edition, Pearson.

[4] Linda H., John F. (2013). *Applied Statistics for Business and Management using Microsoft Excel*, Springer.

[5] Verma J. P. (2013). *Data Analysis in Management with SPSS Software*, Springer.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN (COURSE GOALS)

Bảng 5.1. Mục tiêu học phần

TT	Mô tả mục tiêu học phần	CĐR (PLO) của CTĐT	Mức độ
[1]	[2]	[3]	[4]
G1	Cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản của thống kê nhằm mô tả một bộ số liệu và phát hiện các đặc trưng, xu hướng chính của các biến số kinh tế, kinh doanh và mối liên hệ giữa chúng.	PLO 1.2.2	II, III
G2	Cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về xác suất giúp tính toán nhằm hỗ trợ ra quyết định trong sản xuất kinh doanh, đầu tư trong môi trường không chắc chắn.	PLO 1.2.2	II, III

G3	Cung cấp cho người học kiến thức về suy diễn thống kê nhằm đưa ra kết luận tổng quát từ một bộ số liệu trong kinh tế, quản lý, quản trị, kinh doanh.	PLO 1.2.2	II, III
G4	Trang bị cho người học kỹ năng sử dụng phần mềm để trực quan hóa dữ liệu; thực hiện được các suy diễn thống kê để đưa ra kết luận về bản chất của các biến và mối liên hệ tương quan giữa chúng, viết được báo cáo quản trị (management) nhằm hỗ trợ ra quyết định trong kinh tế, quản lý, quản trị, kinh doanh.	PJ.O2.2.1 PLO2.2.3 PLO2.3.4	III
G5	Góp phần phát triển khả năng tự học kiến thức và rèn luyện kỹ năng sử dụng phần mềm, phát triển khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm một phần đối với nhóm.	PLO 3.4	II

6. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN (COURSE LEARNING OUTCOMES)

Bảng 6.1. Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Mục tiêu HP	CLOs	Mô tả CLOs	Mức độ đạt được
[1]	[2]	[3]	[4]
G1	CLO 1.1	Phân biệt được các khái niệm cơ bản: thống kê mô tả và thống kê suy diễn, tổng thể và mẫu, tham số và thống kê, biến và quan sát, các loại biến, các thống kê.	II
	CLO 1.2	Phân loại được các biến, lựa chọn được bảng biểu, đồ thị phù hợp để mô tả và nhận diện đặc trưng chính của dữ liệu.	II
	CLO 1.3	Nhận biết được ý nghĩa của các thống kê cơ bản và các cách trình bày dữ liệu.	I
	CLO 1.4	Tính được các thống kê cơ bản: trung bình, trung vị, phương sai, độ lệch chuẩn, hệ số biến thiên, hệ số bất đối xứng, hệ số nhọn, hiệp phương sai, hệ số tương quan.	II
	CLO 1.5	Phân biệt được hình dáng đồ thị của số liệu trong tình huống thực tế để đưa ra nhận định về các biến số kinh tế, kinh doanh và mối liên hệ giữa chúng.	III
G2	CLO 2.1	Phân loại được biến cố, biến ngẫu nhiên, phân phối xác suất của biến ngẫu nhiên, tham số đặc trưng của biến ngẫu nhiên 1 – chiều và 2 – chiều.	II
	CLO 2.2	Biểu diễn được một biến cố phức tạp thành tổng hoặc/và tích của các biến cố khác, từ đó tính được xác suất của biến cố này.	II
	CLO 2.3	So sánh và đưa ra lựa chọn dựa vào xác suất, hỗ trợ cho việc ra quyết định trong quản lý và sản xuất, kinh doanh.	III
	CLO 2.4	Nhận biết được ý nghĩa và tính chất của các tham số đặc trưng của biến ngẫu nhiên.	II

Mục tiêu HP	CLOs	Mô tả CLOs	Mức độ đạt được
	CLO 2.5	Xác định được phân phối xác suất của biến ngẫu nhiên và tính được các tham số đặc trưng của biến ngẫu nhiên.	II
	CLO 2.6	Dựa vào các tham số đặc trưng của biến ngẫu nhiên để đưa ra quyết định lựa chọn trong đầu tư, ứng dụng trong quản lý và xem xét về mối liên hệ giữa các biến trong kinh tế, kinh doanh.	III
G3	CLO 3.1	Nhận biết được ý nghĩa của thống kê, ước lượng điểm, ước lượng không chệch, ước lượng hiệu quả, khoảng tin cậy, giả thuyết thống kê, các loại sai lầm, thống kê kiểm định, miền bác bỏ, P-value.	II
	CLO 3.2	Tính được xác suất và suy diễn về thống kê đặc trưng mẫu sử dụng phân phối của một số thống kê mẫu.	II
	CLO 3.3	Phân loại được các hàm ước lượng dựa vào tính chất của ước lượng điểm.	II
	CLO 3.4	Lựa chọn được công thức ước lượng bằng khoảng tin cậy phù hợp với yêu cầu, tính toán được độ dài khoảng tin cậy và tìm được khoảng tin cậy cụ thể của tham số.	II
	CLO 3.5	Trình bày được các bước để kiểm định giả thuyết thống kê bằng cách dùng miền bác bỏ hoặc dùng P-value.	II
	CLO 3.6	Dựa vào kết luận của ước lượng và kiểm định để hỗ trợ việc ra quyết định trong các tình huống kinh tế, kinh doanh.	III
	CLO 3.7	Tính được kích thước mẫu cần thiết cho thiết kế điều tra tùy theo yêu cầu thực tế.	III
G4	CLO 4.1	Sử dụng phần mềm để vẽ đồ thị và tính toán các thống kê mô tả của dữ liệu từ các tình huống thực tế.	III
	CLO 4.2	Sử dụng phần mềm để kiểm định so sánh hai tham số, thực hiện phân tích phương sai (ANOVA) để kiểm định sự bằng nhau của các trung bình.	III
	CLO 4.3	Dựa vào các kết luận thống kê để viết báo cáo nhằm hỗ trợ ra quyết định trong kinh tế, quản lý, quản trị, kinh doanh.	III
G5	CLO 5.1	Phát triển khả năng tự học hỏi, làm việc độc lập, làm việc theo nhóm.	II
	CLO 5.2	Phát triển năng lực tự chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm một phần đối với nhóm.	II

7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN (COURSE ASSESSMENT)

Bảng 7.1. Đánh giá học phần

Hình thức đánh giá	Nội dung/ Bài đánh giá	Thời điểm	CLOs	Công cụ và Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]

Chuyên cần	- Ý thức, thái độ tham gia học tập của người học trong việc chuẩn bị bài, tham gia thảo luận, xây dựng bài ở trên lớp - Ý thức của người học trong việc chấp hành các nội quy, quy chế, quy định của trường, của lớp học	Tuần 1-15	5.1; 5.2	Công cụ đánh giá: - Nhật ký giảng dạy của giảng viên - Câu hỏi trên lớp - Bài tập về nhà Tiêu chí đánh giá: - Đi học đúng giờ - Nghiêm túc học tập trên lớp - Mức độ tương tác - Chất lượng câu trả lời, bài làm	10%
Đánh giá quá trình (Bài tập nhóm/bài tập cá nhân/ Kiểm tra giữa kỳ)	Bài kiểm tra lần 1 (45 phút) - Nội dung: chương 1 đến chương 4	Tuần 8	1.1, 1.2, 1.3, 1.4, 1.5, 2.1, 2.2, 2.3, 2.4, 2.5, 2.6	Công cụ đánh giá: Đề kiểm tra tự luận/trắc nghiệm Tiêu chí đánh giá: Theo thang điểm chi tiết của bài kiểm tra tự luận/trắc nghiệm	40%
	Bài kiểm tra lần 2 (45 phút) - Nội dung: chương 5 đến chương 9	Tuần 14	3.1, 3.2, 3.3, 3.4, 3.5, 3.6, 3.7, 4.1, 4.2, 4.3	Công cụ đánh giá: Đề kiểm tra tự luận/trắc nghiệm/bài tập nhóm Tiêu chí đánh giá: Theo thang điểm chi tiết của bài kiểm tra tự luận/trắc nghiệm/bài tập nhóm	
Đánh giá cuối kỳ	Bài thi trắc nghiệm gồm 40 câu hỏi, thời gian 60 phút	Lịch thi học phần	1.1 – 1.5; 2.1 – 2.6; 3.1 – 3.7.	Công cụ đánh giá: Đề thi theo hình thức trắc nghiệm gồm 40 câu hỏi, thời gian 60 phút. Tiêu chí đánh giá: Theo thang điểm chi tiết của Bài thi theo hình thức trắc nghiệm	50%

8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (LESSON PLAN)

Bảng 8.1. Kế hoạch giảng dạy

Tuần	Nội dung giảng dạy	Tài liệu đọc	CLOs	Hoạt động dạy và học	Công cụ đánh giá
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
1	Giới thiệu học phần	Đề cương học phần		Day: - Giới thiệu học phần, đề cương chi tiết, tài liệu học tập, tài liệu tham khảo, quy định kiểm tra, đánh giá, hướng dẫn kế hoạch học tập	

	<p>Chương 1. Thống kê mô tả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm cơ bản - Bảng biểu và đồ thị 	<p>[1] Chương 1 [2] Chapter 1, 2, 3 [3] Chapter 1, 2</p>	<p>CLO 1.1 CLO 1.2</p>	<p><u>Day:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng và giải thích nội dung của chương - Phát vấn, giao bài tập - Trả lời các câu hỏi của người học <p><u>Học ở lớp:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghe giảng, nghiên cứu tài liệu học tập - Làm các ví dụ, bài tập, trả lời các câu hỏi/thảo luận các tình huống <p><u>Học ở nhà:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài tập - Đọc trước tài liệu 	<ul style="list-style-type: none"> - Bài tập về nhà - Trao đổi thảo luận
2	<p>Chương 1 (tiếp)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thống kê mô tả bằng số <p>Chương 2. Biến cố và xác suất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phép thử và biến cố - Xác suất 	<p>[1] Chương 1, 2 [2] Chapter 1, 2, 3, 4 [3] Chapter 1, 2, 3</p>	<p>CLO 1.3 CLO 1.4 CLO 1.5 CLO 4.1</p>	<p><u>Day:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng và giải thích nội dung của từng bài - Phát vấn, giao bài tập - Hướng dẫn thực hành với phần mềm - Trả lời các câu hỏi của sinh viên <p><u>Học ở lớp:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghe giảng, nghiên cứu tài liệu học tập - Làm các ví dụ, bài tập, trả lời các câu hỏi/thảo luận các tình huống <p><u>Học ở nhà:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài tập - Đọc trước tài liệu 	<ul style="list-style-type: none"> - Bài tập về nhà - Trao đổi thảo luận - Xung phong chữa bài
3	<p>Chương 2. (tiếp)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tính xác suất theo định nghĩa - Nguyên lý xác suất - Liên hệ giữa các biến cố 	<p>[1] Chương 2 [2] Chapter 4 [3] Chapter 3</p>	<p>CLO 2.1 CLO 2.2 CLO 2.3</p>	<p><u>Day:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng và giải thích nội dung của từng bài - Phát vấn, giao bài tập - Trả lời các câu hỏi của sinh viên <p><u>Học ở lớp:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghe giảng, nghiên cứu tài liệu học tập 	<ul style="list-style-type: none"> - Bài tập về nhà - Trao đổi thảo luận - Xung phong chữa bài

				<ul style="list-style-type: none"> - Làm các ví dụ, bài tập, trả lời các câu hỏi/thảo luận các tình huống <p>Học ở nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài tập - Đọc trước tài liệu 	
4	<p>Chương 2 (tiếp)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tính xác suất theo công thức <p>Chương 3. Biến ngẫu nhiên rời rạc và phân phối xác suất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các khái niệm - Bảng phân phối xác suất - Hàm phân phối xác suất 	<p>[1] Chương 2, 3</p> <p>[2] Chapter 4, 5</p> <p>[3] Chapter 3, 4</p>	<p>CLO 2.2</p> <p>CLO 2.3</p>	<p>Day:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng và giải thích nội dung của từng bài - Phát vấn, giao bài tập - Trả lời các câu hỏi của sinh viên <p>Học ở lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghe giảng, nghiên cứu tài liệu học tập - Làm các ví dụ, bài tập, trả lời các câu hỏi/thảo luận các tình huống <p>Học ở nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài tập - Đọc trước tài liệu 	<ul style="list-style-type: none"> - Bài tập về nhà - Trao đổi thảo luận - Xung phong chữa bài
5	<p>Chương 3. (tiếp)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các tham số đặc trưng - Phân phối Không – Một - Phân phối Nhị thức - Phân phối Poisson - Biến ngẫu nhiên hai chiều rời rạc 	<p>[1] Chương 3</p> <p>[2] Chapter 5</p> <p>[3] Chapter 4</p>	<p>CLO 2.1</p> <p>CLO 2.4</p> <p>CLO 2.5</p> <p>CLO 2.6</p>	<p>Day:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng và giải thích nội dung của từng bài - Phát vấn, giao bài tập - Trả lời các câu hỏi của sinh viên <p>Học ở lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghe giảng, nghiên cứu tài liệu học tập - Làm các ví dụ, bài tập, trả lời các câu hỏi/thảo luận các tình huống, trả lời các câu hỏi <p>Học ở nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài tập - Đọc trước tài liệu 	<ul style="list-style-type: none"> - Bài tập về nhà - Trao đổi thảo luận - Xung phong chữa bài

6	<p>Chương 3 (tiếp) - Biến ngẫu nhiên hai chiều rời rạc</p> <p>Chương 4. Biến ngẫu nhiên liên tục và phân phối xác suất - Biến ngẫu nhiên liên tục - Hàm phân phối xác suất - Hàm mật độ xác suất</p>	<p>[1] Chương 3, 4 [2] Chapter 5, 6 [3] Chapter 4, 5</p>	<p>CLO 2.1 CLO 2.4 CLO 2.5 CLO 2.6</p>	<p>Day: - Thuyết giảng và giải thích nội dung của từng bài - Phát vấn, giao bài tập - Trả lời các câu hỏi của sinh viên</p> <p>Học ở lớp: - Nghe giảng, nghiên cứu tài liệu học tập - Làm các ví dụ, bài tập, trả lời các câu hỏi/thảo luận các tình huống</p> <p>Học ở nhà: - Chuẩn bị bài tập - Đọc trước tài liệu</p>	<p>- Bài tập về nhà - Trao đổi thảo luận - Xung phong chữa bài</p>
7	<p>Chương 4. (tiếp) - Các tham số đặc trưng - Phân phối Đều - Phân phối Chuẩn - Phân phối khác</p>	<p>[1] Chương 4 [2] Chapter 6 [3] Chapter 5</p>	<p>CLO 2.1 CLO 2.4 CLO 2.5 CLO 2.6</p>	<p>Day: - Thuyết giảng và giải thích nội dung của từng bài - Phát vấn, giao bài tập - Trả lời các câu hỏi của sinh viên</p> <p>Học ở lớp: - Nghe giảng, nghiên cứu tài liệu học tập - Làm các ví dụ, bài tập, trả lời các câu hỏi/thảo luận các tình huống</p> <p>Học ở nhà: - Chuẩn bị bài tập - Đọc trước tài liệu</p>	<p>- Bài tập về nhà - Trao đổi thảo luận - Xung phong chữa bài</p>
8	<p>Kiểm tra bài 1 (45 phút)</p>		<p>CLO 1.1 - CLO 1.5 CLO 2.1 - CLO 2.6</p>	<p>Day: - Thực hiện kiểm tra, đánh giá sinh viên thông qua đề kiểm tra trắc nghiệm/tự luận</p> <p>Học ở lớp: - Làm bài kiểm tra</p> <p>Học ở nhà: - Ôn tập</p>	<p>- Đề kiểm tra tự luận/trắc nghiệm</p>
	<p>Chương 5. Mẫu</p>	<p>[1] Chương 5</p>	<p>CLO 3.1</p>	<p>Day:</p>	<p>- Bài tập</p>

	<p>ngẫu nhiên và Thống kê mẫu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các khái niệm - Trung bình mẫu - Phương sai mẫu 	<p>[2] Chapter 7 [3] Chapter 6</p>	<p>CLO 3.2</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng và giải thích nội dung của từng bài - Phát vấn, giao bài tập - Trả lời các câu hỏi của sinh viên <p>Học ở lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghe giảng, nghiên cứu tài liệu học tập - Làm các ví dụ, bài tập, trả lời các câu hỏi/thảo luận các tình huống <p>Học ở nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài tập - Đọc trước tài liệu 	<p>về nhà</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trao đổi thảo luận - Xung phong chữa bài
10	<p>Chương 5 (tiếp)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ mẫu - Phân phối xác suất của một số thống kê - Suy diễn mẫu <p>Chương 6. Ước lượng tham số</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài toán ước lượng - Ước lượng điểm 	<p>[1] Chương 5, 6 [2] Chapter 7, 8 [3] Chapter 6, 7</p>	<p>CLO 3.1 CLO 3.3 CLO 3.4</p>	<p>Day:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng và giải thích nội dung của từng bài - Phát vấn, giao bài tập - Trả lời các câu hỏi của sinh viên <p>Học ở lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghe giảng, nghiên cứu tài liệu học tập - Làm các ví dụ, bài tập, trả lời các câu hỏi/thảo luận các tình huống <p>Học ở nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài tập - Đọc trước tài liệu 	<p>- Bài tập về nhà</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trao đổi thảo luận - Xung phong chữa bài
11	<p>Chương 6 (tiếp)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ước lượng bằng khoảng tin cậy <p>Chương 7. Kiểm định tham số</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các khái niệm 	<p>[1] Chương 6, 7 [2] Chapter 8, 9 [3] Chapter 7, 8</p>	<p>CLO 3.1 CLO 3.4 CLO 3.7</p>	<p>Day:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng và giải thích nội dung của từng bài - Phát vấn, giao bài tập - Trả lời các câu hỏi của sinh viên <p>Học ở lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghe giảng, nghiên cứu tài liệu học tập - Làm các ví dụ, bài tập, trả lời các câu hỏi/thảo luận các tình huống 	<p>- Bài tập về nhà</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trao đổi thảo luận - Xung phong chữa bài

				<p>Học ở nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài tập - Đọc trước tài liệu 	
12	<p>Chương 7 (tiếp)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm định tham số một tổng thể - Kiểm định tham số hai tổng thể 	<p>[1] Chương 7</p> <p>[2] Chapter 9, 10, 11</p> <p>[3] Chapter 9, 10</p>	<p>CLO 3.5</p> <p>CLO 3.6</p> <p>CLO 4.2</p> <p>CLO 4.3</p>	<p>Day:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng và giải thích nội dung của từng bài - Phát vấn, giao bài tập - Hướng dẫn thực hành với phần mềm - Trả lời các câu hỏi của sinh viên <p>Học ở lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghe giảng, nghiên cứu tài liệu học tập - Làm các ví dụ, bài tập, trả lời các câu hỏi/thảo luận các tình huống <p>Học ở nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài tập - Đọc trước tài liệu 	<ul style="list-style-type: none"> - Bài tập về nhà - Trao đổi thảo luận - Xung phong chữa bài
13	<p>Chương 7 (tiếp)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm định tham số hai tổng thể <p>Chương 8. Kiểm định phi tham số</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm định về sự độc lập - Kiểm định Jarque-Bera về phân phối Chuẩn 	<p>[1] Chương 7, 8</p> <p>[2] Chapter 9, 10, 11, 12</p> <p>[3] Chapter 9, 10, 14</p>	<p>CLO 3.5</p> <p>CLO 3.6</p> <p>CLO 4.2</p> <p>CLO 4.3</p>	<p>Day:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng và giải thích nội dung của từng bài - Phát vấn, giao bài tập - Hướng dẫn thực hành với phần mềm - Trả lời các câu hỏi của sinh viên <p>Học ở lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghe giảng, nghiên cứu tài liệu học tập - Làm các ví dụ, bài tập, trả lời các câu hỏi/thảo luận các tình huống <p>Học ở nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài tập - Đọc trước tài liệu 	<ul style="list-style-type: none"> - Bài tập về nhà - Trao đổi thảo luận - Xung phong chữa bài
14	<p>Kiểm tra bài 2 (45 phút)</p>		<p>CLO 3.1 -</p> <p>CLO 3.7</p> <p>CLO 4.1 -</p> <p>CLO 4.3</p>	<p>Day:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện kiểm tra, đánh giá sinh viên thông qua đề kiểm tra trắc 	<ul style="list-style-type: none"> - Đề kiểm tra tự luận/trắc

				nghiệm/tự luận/bài tập nhóm <u>Học ở lớp:</u> - Làm bài kiểm tra/bài tập nhóm <u>Học ở nhà:</u> - Ôn tập	nghiệm/bài tập nhóm
	Chương 9. Phân tích phương sai (ANOVA) - ANOVA một nhân tố - ANOVA hai nhân tố	[1] Chương 9 [2] Chapter 13 [3] Chapter 15	CLO 1.3 CLO 2.7 CLO 3.4	<u>Day:</u> - Thuyết giảng và giải thích nội dung của từng bài - Phát vấn, giao bài tập - Hướng dẫn thực hành với phần mềm - Trả lời các câu hỏi của sinh viên <u>Học ở lớp:</u> - Nghe giảng, nghiên cứu tài liệu học tập - Làm các ví dụ, bài tập, trả lời các câu hỏi/thảo luận các tình huống <u>Học ở nhà:</u> - Chuẩn bị bài tập - Đọc trước tài liệu	- Bài tập về nhà - Trao đổi thảo luận - Xung phong chữa bài
15	Tổng kết - Công bố điểm, sinh viên được thi - Giải đáp thắc mắc - Hướng dẫn bài thi cuối kỳ			<u>Day:</u> - Tổng kết các nội dung, kiến thức, kỹ năng của học phần - Công bố điểm 10% - Trả và nhận xét 02 bài kiểm tra tự luận/trắc nghiệm/bài tập nhóm - Trả lời câu hỏi và giải đáp các thắc mắc của sinh viên <u>Học ở lớp:</u> - Lắng nghe, đặt câu hỏi và thắc mắc (nếu có) <u>Học ở nhà:</u> - Ôn tập	

	Bài thi cuối kỳ	Thi trắc nghiệm 60 phút	CLO 1.1 - CLO 1.5 CLO 2.1 – CLO 2.6 CLO 3.1 – CLO 3.7	Sinh viên làm bài thi theo lịch Tiêu chí đánh giá: Theo thang điểm chi tiết của bài thi trắc nghiệm	Theo yêu cầu bài thi
--	------------------------	----------------------------	--	--	-------------------------

9. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN (COURSE REQUIREMENTS AND EXPECTATION)

9.1. Quy định về điều kiện thi kết thúc học phần

- Học viên phải tham dự tối thiểu 80% số giờ giảng trên lớp.
- Điểm chuyên cần phải đạt từ 5 trở lên.

9.2. Quy định về tham dự lớp học của học viên

- Học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học.
- Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì cần chủ động tìm hiểu kiến thức thông qua tài liệu được giảng viên cung cấp và các tài liệu khác được yêu cầu đọc.

9.3. Quy định về hành vi học viên trong lớp học

- Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người giảng;
- Ghi chép đầy đủ, tham gia trả lời câu hỏi;
- Đọc trước tài liệu được yêu cầu;
- Làm các bài tập về nhà;
- Không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học;
- Không ăn trong giờ học; không sử dụng điện thoại di động trong lớp học;
- Laptop, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

Hà Nội, ngày 26 tháng 7 năm 2021

TRƯỞNG BỘ MÔN

Hưng

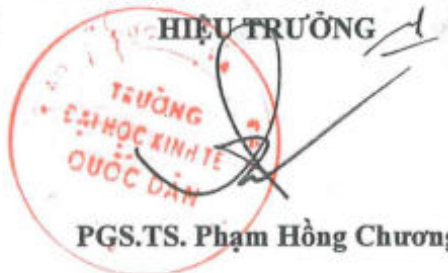
TS. Phạm Ngọc Hưng

TRƯỞNG KHOA/VIỆN

Thế

TS. Nguyễn Mạnh Thế

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Phạm Hồng Chương



ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT

(Ban hành kèm theo quyết định số QĐ/DHKTQD, ngày tháng năm 2021)

1. THÔNG TIN TỔNG QUÁT (GENERAL INFORMATION)

- Tên học phần (tiếng Việt): Nguyên lý kế toán
- Tên học phần (tiếng Anh): Accounting Principles
- Mã số học phần: KTKE1101
- Thuộc khối kiến thức: Bắt buộc của ngành
- Số tín chỉ: 3 (45 giờ tín chỉ, 50 phút/tiết giảng)
 - + Số giờ lý thuyết: 30
 - + Số giờ thảo luận/thực hành: 15
 - + Số giờ tự học: 90
- Các học phần tiên quyết

2. THÔNG TIN BỘ MÔN QUẢN LÝ VÀ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY

Bộ môn quản lý: Nguyên lý kế toán

Địa chỉ: Phòng 1101 Nhà A1, Trường ĐH Kinh tế Quốc dân

Giảng viên tham gia giảng dạy:

TT	Họ và tên	Số điện thoại	Email
1	PGS. TS. Phạm Đức Cường	097234.6699	cuongpd@neu.edu.vn
2	TS. Phạm Thị Minh Hồng	0982.821.063	hongptm@neu.edu.vn
3	TS. Phạm Thành Long	0338.555.888	longpt@neu.edu.vn
4	TS. Nguyễn Hà Linh	08185.88886	linhh@neu.edu.vn
5	TS. Nguyễn La Soa	0387.615.861	soanl@neu.edu.vn
6	TS. Đàm Thị Kim Oanh	0983.078.257	oandtk@neu.edu.vn
7	TS. Dương Thị Chi	0948.028.866	chidt@neu.edu.vn
8	TS. Lê Quỳnh Liên	0917879989	lienlq@neu.edu.vn
9	ThS. Trần Quang Chung	0912.633.616	chungtq@neu.edu.vn
10	ThS. Đoàn Thùy Dương	0962539724	duongdt@neu.edu.vn
11	ThS. Nguyễn Phương Thảo	0963051387	thaonp42@neu.edu.vn

12	ThS. Phạm Thanh Hương	0848288886	huongpham@neu.edu.vn
13	ThS. Đặng Thị Trà Giang	0977778938	giangdt@neu.edu.vn
14	ThS. Nguyễn Phương Linh	0947512388	linhnguyen@neu.edu.vn
15	ThS. Vũ Thị Minh Thu	0848288886	thuvtm@neu.edu.vn
16	ThS. Trần Quý Long	0942445599	longtq@neu.edu.vn

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN (COURSE DESCRIPTIONS)

Học phần nguyên lý kế toán này nhằm trang bị những kiến thức kế toán nền tảng giúp người học hiểu được những vấn đề căn bản của kế toán bao gồm khái niệm, bản chất, vai trò của kế toán, người sử dụng thông tin kế toán, các báo cáo kế toán như là sản phẩm của kế toán. Học phần giới thiệu về các nguyên tắc kế toán được thừa nhận chung làm nền tảng cho thực hành kế toán và lập báo cáo tài chính. Người học sau đó được giới thiệu các kiến thức, các phương pháp và trình tự kế toán cho từng đối tượng thuộc báo cáo tài chính như tài sản, công nợ, vốn chủ sở hữu, doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh. Học phần này là nền tảng cho việc học tập các học phần tiếp theo về tài chính, quản trị kinh doanh, quản lý và chuyên sâu kế toán.

4. TÀI LIỆU THAM KHẢO (LEARNING RESOURCES: COURSE BOOKS, REFERENCE BOOKS, AND SOFTWARES)

Giáo trình

1. Nguyễn Hữu Ánh & Phạm Đức Cường (2020). Giáo trình Nguyên lý kế toán, NXB ĐH Kinh tế Quốc dân.

Tài liệu khác

2. Libby P., Libby R., Phillips F., and Whitecotton S., (2009), Principles of Accounting, 1st edition, McGraw-Hill.
3. Neddles B., Powers M., and Crosson S., (2008), Principles of Accounting, 10th edition, Houghton Mifflin Company.
4. Weygandt J., Kimmel P., and Kieso D., (2015), Accounting Principles, 12th edition, Wiley

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN (COURSE OBJECTIVES)

Bảng 5.1. Mục tiêu học phần

HP này trang bị cho người học:

TT	Mô tả mục tiêu học phần	CDR (PLO) của CTĐT**	Mức độ***
[1]	[2]	[3]	[4]
CO1	Cung cấp cho người học kiến thức căn bản về kế toán, tổ chức công tác kế toán vào các đơn vị cơ sở;	1.3	3
CO2	Trang bị cho người học kiến thức kế toán căn bản vào phân tích, đánh giá các hoạt động của đơn vị.	1.4	3

CO3	Trang bị khả năng thực hành kỹ năng tư duy hệ thống, phân tích, đánh giá trong việc nhận diện, phân loại, đo lường, ghi nhận nghiệp vụ kế toán hay mô tả các hoạt động cơ bản trong các đơn vị.	2.2	3
CO4	Sử dụng kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm hiệu quả và khả năng thích nghi trong môi trường làm việc hội nhập.	3.2	3
CO5	Giới thiệu cho người học kiến thức ban đầu về nghề nghiệp kế toán, và đạo đức nghề nghiệp kế toán. Trang bị cho sinh viên nhận thức về sự tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc tổ chức hệ thống thông tin kế toán, phát triển năng lực học tập suốt đời.	5	3

6. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN (COURSE LEARNING OUTCOMES)

Bảng 6.1. Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Mục tiêu	CLOs	Mô tả CLOs*	Mức độ đạt được**
[1]	[2]	[3]	[4]
CO1	CLO1.1	Xác định được bản chất, vị trí và vai trò của kế toán trong một đơn vị	3
	CLO1.2	Xác định được các nguyên tắc kế toán được thừa nhận chung để thực hiện các chức năng của kế toán là nhận biết, đo lường và ghi nhận các đối tượng kế toán, và cung cấp thông tin tài chính.	3
	CLO1.3	Phân tích được chu trình kế toán và trình tự thực hiện các bước trong chu trình kế toán đối với doanh thu, chi phí, và xác định kết quả	3
	CLO1.4	Kết hợp được kiến thức chu trình kế toán và trình tự thực hiện các bước trong chu trình kế toán đối với tài sản, công nợ và vốn chủ sở hữu.	3
CO2	CLO2.1	Xác định cho người học kiến thức trình bày khoản mục trên các báo cáo tài chính căn bản.	3
	CLO2.2	Phân biệt cho người học kiến thức kế toán căn bản để phân tích, đánh giá tình hình tài chính và kết quả hoạt động của đơn vị.	3
CO3	CLO3.1	Trang bị khả năng thực hành kỹ năng tư duy hệ thống, phân tích, nghiệp vụ, nhận diện, phân loại, đo lường, ghi nhận nghiệp vụ kế toán trong các đơn vị.	3
	CLO3.2	Trang bị khả năng thực hành kỹ năng tư duy hệ thống, phân tích, đánh giá tình hình tài chính và kết quả hoạt động của các đơn vị ở mức căn bản	3
CO4	CLO4.1	Sử dụng kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm hiệu quả.	3
	CLO4.2	Sử dụng khả năng thích nghi trong môi trường làm việc hội nhập khu vực và quốc tế.	3
CO5	CLO5.1	Giới thiệu cho người học kiến thức ban đầu về nghề nghiệp kế toán, và đạo đức nghề nghiệp kế toán.	3
	CLO5.2	Trang bị cho sinh viên nhận thức về sự tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc tổ chức hệ thống thông tin kế toán, phát triển năng lực học	3

Mục tiêu	CLOs	Mô tả CLOs*	Mức độ đạt được**
		tập suốt đời.	

7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN (COURSE ASSESSMENT)

Bảng 7.1. Đánh giá học phần

Hình thức đánh giá	Nội dung/ Bài đánh giá	Thời điểm	CLOs	Công cụ và tiêu chí đánh giá*	Tỷ lệ (%)
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
Chuyên cần	Dự lớp Thái độ học tập trên lớp Trả lời câu hỏi trên lớp Trả lời các bài tập thực hành	Tuần 1-15	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO1.4 CLO 2.1 CLO2.2 CLO3.1 CLO3.2 CLO4.1 CLO4.2 CLO5.1 CLO5.2	Nhật ký giảng dạy của giảng viên với các tiêu chí đánh giá (i) Mức độ tham gia (ii) Mức độ tương tác; (iii) Chất lượng câu trả lời; (iv) Bài kiểm tra ngắn (Quiz)	10%
Đánh giá quá trình (Bài kiểm tra tự luận)	Bài kiểm tra giữa kỳ lần 1.	Tuần 5	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO1.4 CLO 2.1 CLO2.2 CLO5.1 CLO5.2	Bài kiểm tra với các tiêu chí (i) Nhận biết các đối tượng và ghi nhật ký; (ii) Ghi vào tài khoản kế toán; (iii) Xác định số dư trên tài khoản; (iv) Lập được báo cáo kết quả kinh doanh.	40%
	Bài kiểm tra giữa kỳ lần 2.	Tuần 12-15	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO1.4 CLO 2.1 CLO2.2 CLO3.1 CLO3.2 CLO4.1 CLO4.2 CLO5.1 CLO5.2	Bài kiểm tra với các tiêu chí (i) Ghi nhật ký và số cai các tài khoản; (ii) Xác định số dư trên tài khoản; (iii) Lập được bảng cân đối kế toán; (iv) Hiểu được ý nghĩa của các chỉ tiêu phản ánh tình hình tài chính và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.	
Đánh giá cuối kỳ	Bài thi cuối kỳ TNKQ	Lịch thi học phần	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO1.4 CLO 2.1 CLO2.2	Câu hỏi tự luận/ Câu hỏi đúng, sai, giải thích/ Câu hỏi trắc nghiệm/ Bài tập tình huống.	50%

			CLO3.1 CLO3.2 CLO4.1 CLO4.2 CLO5.1 CLO5.2		
--	--	--	--	--	--

8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (LESSON PLAN) Thực huấn 15 tuần

Bảng 8.1. Kế hoạch giảng dạy

Tuầ n	Nội dung giảng dạy*	Tài liệu đọc**	CLOs	Hoạt động dạy và học***	Công cụ và tiêu chí đánh giá****
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
1	Làm quen, giới thiệu học phần, logic của học phần và vai trò, vị trí của học phần trong CTĐT	Đề cương học phần	CLO1.1 CLO5.1 CLO5.2	Giới thiệu học phần Đặt ra yêu cầu học tập Hướng dẫn đọc tài liệu Hướng dẫn tìm tài liệu Nêu hình thức đánh giá (10%, 40% và 50%)	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
2	Chương 1. Tổng quan về kế toán 1.1. Khái niệm và chức năng của kế toán 1.2. Đối tượng sử dụng thông tin kế toán 1.3. Báo cáo tài chính và các yếu tố trên báo cáo tài chính	1, 2, 3, 4	CLO1.1 CLO1.2	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi
2	Chương 1. Tổng quan về kế toán 1.4 Chất lượng thông tin kế toán Giả định và nguyên tắc kế toán được thừa nhận chung 1.5 Nghề nghiệp kế toán và đạo đức nghề nghiệp Thực hành làm bài tập tự luận, trắc nghiệm, giải đáp câu hỏi chương 1	1, 2, 3, 4	CLO1.1 CLO1.2 CLO4.1 CLO4.2 CLO5.1 CLO5.2	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Sinh viên làm bài tập thực hành ; Giảng viên chữa bài và giải đáp thắc mắc	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thực hành , bài thi
3	Chương 2. Phân tích nghiệp vụ kinh tế và Ghi nhận trong hệ thống kế toán 2.1. Khái quát chung về các nghiệp vụ kinh tế và chu trình kế toán 2.2. Nghiệp vụ kinh tế và sự ảnh hưởng tới phương trình kế toán	1, 2, 3, 4	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO1.4	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi

4	<p>Chương 2. Phân tích nghiệp vụ kinh tế và Ghi nhận trong hệ thống kế toán</p> <p>2.3 Tài khoản kế toán và ghi kép vào tài khoản</p> <p>2.4 Các bút toán điều chỉnh cuối kỳ</p> <p>2.5 Bảng cân đối thử</p> <p>2.6 Tổng hợp ảnh hưởng của các nghiệp vụ kinh tế tới các Báo cáo tài chính</p>	1, 2, 3, 4	<p>CLO1.1</p> <p>CLO1.2</p> <p>CLO1.3</p> <p>CLO1.4</p> <p>CLO4.1</p> <p>CLO5.1</p> <p>CLO5.2</p>	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi</p>
5	<p>Chương 3. Kế toán các hoạt động thương mại và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</p> <p>3.1. Các hoạt động kinh doanh thương mại và hệ thống quản lý hàng tồn kho</p> <p>3.2. Kế toán nghiệp vụ mua hàng và bán hàng theo phương pháp Kế khai thường xuyên</p> <p>3.3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</p>	1, 2, 3, 4	<p>CLO 2.1</p> <p>CLO2.2</p> <p>CLO3.1</p> <p>CLO3.2</p> <p>CLO4.1</p>	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi</p>
6	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hành làm bài tập, hệ thống lý thuyết và giải đáp câu hỏi chương 1,2. - Bài kiểm tra giữa kỳ lần 1 	1, 2, 3, 4	<p>CLO1.1</p> <p>CLO1.2</p> <p>CLO1.3</p> <p>CLO1.4</p> <p>CLO 2.1</p> <p>CLO2.2</p> <p>CLO3.1</p> <p>CLO3.2</p> <p>CLO5.1</p> <p>CLO5.2</p>	<p>Sinh viên làm bài tập thực hành</p> <p>Giảng viên chữa bài và giải đáp thắc mắc</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng bài làm trên lớp và bài kiểm tra</p>
7	<p>Chương 4. Kế toán hàng tồn kho</p> <p>4.1. Khái niệm và phân loại hàng tồn kho</p> <p>4.2. Các phương pháp quản lý hàng tồn kho</p> <p>4.3. Tính giá hàng tồn kho</p>	1, 2, 3, 4	<p>CLO1.3</p> <p>CLO1.4</p> <p>CT.O3.1</p> <p>CLO3.2</p>	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi</p>

8	Chương 4. Kế toán hàng tồn kho 4.4 Trình tự kế toán biến động hàng tồn kho 4.5 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho 4.6 Trình bày thông tin hàng tồn kho trên báo cáo tài chính	1, 2, 3, 4	CLO1.3 CLO1.4 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1 CLO3.2 CLO4.1	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi
9	Chương 5. Kế toán tài sản bằng tiền và các khoản phải thu 5.1. Kế toán tài sản bằng tiền 5.2. Kế toán các khoản phải thu 5.3. Trình bày thông tin về tài sản bằng tiền và các khoản phải thu trên Báo cáo tài chính	1, 2, 3, 4	CLO1.3 CLO1.4 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1 CLO3.2 CLO4.1	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi
10	Chương 6. Kế toán tài sản cố định 6.1. Khái quát chung về tài sản cố định 6.2. Kế toán tài sản cố định hữu hình 6.3. Kế toán tài sản cố định vô hình 6.4 Trình bày thông tin tài sản cố định trên báo cáo tài chính	1, 2, 3, 4	CLO1.3 CLO1.4 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1 CLO3.2 CLO4.1	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi
11	Thực hành làm bài tập (tự luận, trắc nghiệm), hệ thống lý thuyết và giải đáp câu hỏi chương 3,4,5	1, 2, 3, 4	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO1.4 CLO 2.1 CLO2.2 CLO3.1 CLO3.2 CLO4.1 CLO4.2 CLO5.1 CLO5.2	Sinh viên làm bài tập thực hành Giảng viên chữa bài và giải đáp thắc mắc	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng bài làm trên lớp và bài kiểm tra

12	<p>Chương 7. Kế toán nợ phải trả 7.1. Khái quát chung về nợ phải trả 7.2 Kế toán nợ phải trả ngắn hạn 7.3 Kế toán nợ phải trả dài hạn 7.4. Trình bày thông tin nợ phải trả trên báo cáo tài chính</p>	1, 2, 3, 4	CLO1.1 CLO1.3 CLO1.4 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1 CLO3.2 CLO4.1	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi
13	<p>Chương 8. Kế toán vốn chủ sở hữu 8.1. Khái quát chung về vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp 8.2. Kế toán vốn đầu tư của chủ sở hữu 8.3. Kế toán lợi nhuận và phân phối lợi nhuận 8.4. Kế toán các quỹ của doanh nghiệp 8.5 Trình bày thông tin vốn chủ sở hữu trên báo cáo tài chính</p>	1, 2, 3, 4	CLO1.3 CLO1.4 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1 CLO3.2 CLO4.1	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi
14	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hành làm bài tập, hệ thống lý thuyết và giải đáp câu hỏi chương 7-8 - Bài kiểm tra giữa kỳ lần 2 	1, 2, 3, 4	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO1.4 CLO 2.1 CLO2.2 CLO3.1 CLO3.2 CLO4.1 CLO4.2 CLO5.1 CLO5.2	Sinh viên làm bài tập thực hành Giảng viên chữa bài và giải đáp thắc mắc	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng bài làm trên lớp và bài kiểm tra
15	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống kiến thức và giải đáp thắc mắc 		CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO1.4 CLO2.1	Giảng viên hệ thống kiến thức và giải đáp thắc mắc	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi

			CLO2.2 CLO3.1 CLO3.2 CLO4.1 CLO4.2 CLO5.1 CLO5.2		
-	Bài thi cuối kỳ		CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO1.4 CLO 2.1 CLO2.2 CLO3.1 CLO3.2 CLO4.1 CLO4.2 CLO5.1 CLO5.2	Sinh viên làm bài thi theo lịch	Câu hỏi tự luận/ Câu hỏi đúng, sai, giải thích/ Câu hỏi trắc nghiệm/ Bài tập tình huống.

9. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN (COURSE REQUIREMENTS AND EXPECTATION)

9.1. Quy định về điều kiện thi kết thúc học phần (căn cứ căn cứ Kế hoạch 1390/KH-ĐHKTQĐ và quy định đào tạo của trường)

- Sinh viên được tham dự thi cuối kỳ/thi kết thúc học phần (50%) nếu có điểm chuyên cần (10%) đạt mức 5 điểm trở lên (thang 10).

9.2. Quy định về tham dự lớp học

- Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý. Mỗi buổi vắng mặt sẽ bị trừ 1 điểm đánh giá quá trình. Sinh viên vắng quá 3 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại.
- Sinh viên sẽ được cộng điểm cho mỗi lần phát biểu xây dựng bài, có thể bù đắp cho điểm quá trình, điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Sinh viên không làm bài kiểm tra giữa kỳ sẽ nhận 0 (không) điểm.
- Sinh viên tham gia bài kiểm tra đúng giờ quy định. Đến sau thời gian phát đề sẽ không được tham gia làm bài kiểm tra giữa kỳ.

9.3. Quy định về hành vi lớp học

- Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.
- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 10 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.
- Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.
- Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.
- Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

Trưởng Bộ môn

Cường

PGS.TS. Phạm Đức Cường

Viện trưởng Viện KTKT

Ánh

PGS.TS. Nguyễn Hữu Ánh

Hiệu trưởng



PGS. TS. Phạm Hồng Chương

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-ĐHKQTĐ, ngày 19/2021 của Hiệu trưởng)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT

(Ban hành kèm theo quyết định số 134/QĐ/ĐHKQTĐ, ngày 16 tháng 7 năm 2021)

1. THÔNG TIN TỔNG QUÁT (GENERAL INFORMATION)

- | | |
|-------------------------------|--|
| - Tên học phần (tiếng Việt) | Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ |
| - Tên học phần (tiếng Anh) | Monetary and Financial Theories |
| - Mã số học phần | NHLT1107 |
| - Thuộc khối kiến thức | Kiến thức giáo dục đại cương |
| - Số tín chỉ | 3 tín chỉ (45 giờ tin chỉ; 50 phút/giờ) |
| + Số tiết lý thuyết | 30 |
| + Số tiết thảo luận/Thực hành | 15 |
| + Số tiết tự học | 90 |
| - Các học phần tiên quyết: | - Những NLCB của chủ nghĩa Mác - Lênin
- Kinh tế vi mô 1
- Kinh tế vĩ mô 1 |

2. THÔNG TIN BỘ MÔN QUẢN LÝ VÀ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY

Bộ môn quản lý: Bộ môn Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ

Địa chỉ: Phòng 914 Nhà A1, Trường ĐHKQTĐ Kinh tế Quốc dân

Giảng viên (liệt kê GV tham gia giảng dạy):

Họ và tên	Số điện thoại	Email
1. PGS. TS Cao Thị Ý Nhi	0983111828	nhiev@neu.edu.vn
2. TS. Đoàn Phương Thảo	0904165005	thaodp@neu.edu.vn
3. PGS. TS Hoàng Xuân Quế	0989666998	quexh@neu.edu.vn
4. TS. Đặng Anh Tuấn	0983664485	tuanda@neu.edu.vn
5. TS. Nguyễn Thị Hoài Phương	0983838858	phuongnh@neu.edu.vn
6. TS. Phạm Thành Đạt	0904499870	datpt@neu.edu.vn
7. TS. Dương Thúy Hà	0904775555	thuyha@neu.edu.vn
8. Ths. Đặng Ngọc Biên	0913512680	biendn@neu.edu.vn
9. Ths. Lê Văn Chí	0979171188	chily@neu.edu.vn
10. Ths. Phan Thu Trang	0985091288	trangpt@neu.edu.vn
11. Ths. Ngô Thanh Xuân	0934559557	xuannt@neu.edu.vn
12. Ths. Phạm Thị Thùy Dung	0964484216	dungpt@neu.edu.vn
13. Ths. Tạ Nhật Linh		

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN (COURSE DESCRIPTIONS)

Lý thuyết tài chính tiền tệ là học phần thuộc phần kiến thức đối với sinh viên ngành kinh tế. Môn học nghiên cứu những vấn đề cơ bản về tài chính - tiền tệ, hệ thống tài chính, ngân sách Nhà nước, tài chính doanh nghiệp, tín dụng, lãi suất, các hoạt động trên thị trường tài chính, hoạt động của ngân hàng thương mại, Ngân hàng Trung ương và lạm phát.

4. TÀI LIỆU THAM KHẢO (LEARNING RESOURCES: COURSE BOOKS, REFERENCE BOOKS, AND SOFTWARES)

Giáo trình

1. TS. Cao Thị Ý Nhi – TS. Đặng Anh Tuấn (2016), **Giáo trình Lý thuyết tài chính tiền tệ**, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.

Tài liệu khác

1. TS. Cao Thị Ý Nhi (2014), **Câu hỏi và bài tập Lý thuyết tài chính tiền tệ**, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.

2. Các báo, tạp chí chuyên ngành tài chính ngân hàng như: Tạp chí Ngân hàng, Tạp chí Kinh tế phát triển, Tạp chí thị trường tài chính, báo Ngân hàng.

3. Frederic S. Mishkin, **The Economics of Money, Banking and Financial Markets**, Pearson, 11th edition.

4. Phan Thị Thu Hà (2013), **Giáo trình Ngân hàng thương mại**, NXB ĐHKQTĐ, Hà Nội.

5. Quốc hội nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2010), **Luật Ngân hàng Trung ương năm 2010**, Hà Nội.

6. Quốc hội nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2010), **Luật Tổ chức tín dụng năm 2010**, Hà Nội.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN (COURSE GOALS)

Bảng 5.1. Mục tiêu học phần

TT	Mô tả mục tiêu học phần	CDR (PLO) của CTĐT**	Mức độ***
[1]	[2]	[3]	[4]
G1	Chuẩn kiến thức: Sinh viên nhận biết và hiểu được các kiến thức cơ bản về lý thuyết tài chính tiền tệ.	CDR 4 CDR 5	I, II
G2	Chuẩn kỹ năng: - Sinh viên có kỹ năng vận dụng được kiến thức để thực hiện phân tích, giải quyết các vấn đề phát sinh trong các tình huống cụ thể trong thực tiễn thuộc nội dung nghiên cứu của lý thuyết tài chính tiền tệ; đồng thời có kỹ năng thực hiện phân tích, đánh giá các quy định liên quan trong thực tiễn thuộc nội dung nghiên cứu của lý thuyết tài chính tiền tệ. - Có kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng làm việc nhóm năng động và đa dạng.	CDR 5 CDR 6	III, IV

6. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN (COURSE LEARNING OUTCOMES)

Bảng 6.1. Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Mục tiêu	CLOs	Mô tả CLOs*	Mức độ đạt được**
[1]	[2]	[3]	[4]
G1	CLO1.1	Sinh viên nhận biết được các khái niệm về tài chính, tiền tệ, hệ thống tài chính, ngân sách Nhà nước, lãi suất, tài chính doanh nghiệp, tín dụng, thị trường tài chính, ngân hàng thương mại, Ngân hàng Trung ương và chính sách tiền tệ, lạm phát.	I
	CLO1.2	Sinh viên hiểu được sự khác biệt cơ bản giữa các vấn đề thuộc phạm trù tài chính và tiền tệ, mối quan hệ giữa các bộ phận cấu thành của hệ thống tài chính và các nội dung cơ bản của hệ thống tài chính; nội dung của ngân sách Nhà nước; đo lường lãi suất trong các tình huống cụ thể, mô hình cung cầu vốn vay tác động đến sự thay đổi lãi suất; các nội dung cơ bản của tài chính doanh nghiệp; các hình thức tín dụng trong nền kinh tế; cấu trúc và các công cụ tài chính, hoạt động cơ bản của ngân hàng thương mại và Ngân hàng Trung ương; nguyên nhân, tác động và các biện pháp phòng chống lạm phát.	II
	CLO1.3	Sinh viên nhận biết được các nhân tố cơ bản tác động tới hoạt động của tài chính, tiền tệ.	II
G2	CLO2.1	Sinh viên có kỹ năng vận dụng được kiến thức để thực hiện phân tích, giải quyết các vấn đề phát sinh trong các tình huống cụ thể của nền kinh tế trong điều kiện thực tiễn đặc biệt trong điều kiện của Việt Nam với các nội dung nghiên cứu lý thuyết tài chính tiền tệ.	III IV
	CLO2.2	Có kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng làm việc nhóm năng động và đa dạng.	IV

7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN (COURSE ASSESSMENT)

Bảng 7.1. Đánh giá học phần

Hình thức đánh giá	Nội dung/ Bài đánh giá	Thời điểm	CLOs	Công cụ và tiêu chí đánh giá*	Tỷ lệ (%)
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
Chuyên cần	Điểm danh theo thời gian tham gia học trên lớp Trả lời câu hỏi trên lớp Trả lời các câu hỏi thảo luận	Tuần 1-15	CLO2.2	Nhật ký giảng dạy của giảng viên với các tiêu chí đánh giá (i) Số buổi học tham gia (ii) Mức độ tương tác ; (iii) Chất lượng câu trả lời	10%
Đánh giá quá trình	Bài kiểm tra giữa kỳ	Tuần 9	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO2.1	Bài kiểm tra tự luận hoặc trắc nghiệm với các tiêu chí : (i) Mức độ nhớ bài; (ii) Mức độ hiểu bài; (iii) Mức độ vận dụng kiến thức vào thực tế	40%
Đánh giá cuối kỳ	Bài thi cuối kỳ	Lịch thi học phần	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO2.1	Thi trắc nghiệm trên máy với các tiêu chí : (i) Mức độ nhớ bài; (ii) Mức độ hiểu bài; (iii) Mức độ vận dụng kiến thức vào thực tế <i>Kiểm để thi có thể thay đổi tùy thuộc tình hình thực tế của kỳ học nhưng sẽ được thông báo tới sinh viên trước 3 tuần trước khi kỳ học kết thúc.</i>	50%

8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (LESSON PLAN)

Bảng 8.1. Kế hoạch giảng dạy

Trần	Nội dung giảng dạy*	Tài liệu đọc**	CLOs	Hoạt động dạy và học***	Công cụ đánh giá****
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
1	Làm quen, giới thiệu học phần, logic của học phần và vai trò, vị trí của học phần trong CĐT	Đề cương học phần	CLO2.2	Hoạt động làm quen Thành lập tổ/nhóm sinh viên thảo luận Hướng dẫn đọc tài liệu Hướng dẫn tìm tài liệu Đặt ra yêu cầu học tập Giới thiệu học phần	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
2	Chương 1. Tổng quan về Tài chính và tiền tệ	Giáo trình, Chương 1 https://vietnambiz.vn/dung-nham-lan-giua-tien-dien-tu-va-tien-ao-112687.htm	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO2.1 CLO2.2	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Đọc bài báo và thảo luận trả lời các câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
3	Chương 2. Hệ thống tài chính	Giáo trình, chương 2 http://tapchitaichinh.vn/ngan-hang/nguy-co-khung-hoang-tai-chinh-moi-317657.html	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO2.1 CLO2.2	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Đọc bài báo và thảo luận trả lời các câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
4	Chương 3. Ngân sách Nhà nước - 3.1 Tổng quan Ngân sách Nhà nước - 3.2 Thu Ngân sách Nhà nước - 3.3 Chi Ngân sách Nhà nước	Giáo trình, chương 3	CLO1.1 CLO1.2	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời

5	Chương 3. Ngân sách Nhà nước - 3.4 Thâm hụt Ngân sách Nhà nước - 3.5 Tổ chức hệ thống Ngân sách Nhà nước - 3.6 Năm ngân sách và chu trình ngân sách	Giáo trình, chương 3 Video: https://www.youtube.com/watch?v=oOVOGdSMwyw	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO2.1 CLO2.2	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Xem video và thảo luận trả lời các câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
6	Chương 4. Tài chính doanh nghiệp	Giáo trình, chương 4 Video: https://www.investopedia.com/terms/c/corporatefinance.asp	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO2.1 CLO2.2	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Xem video và thảo luận trả lời các câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
7	Chương 5. Tín dụng và lãi suất - Phần 1: Tín dụng	Giáo trình, chương 5 Đọc thêm hộp 5.1, 5.2 – Giáo trình	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO2.1 CLO2.2	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Đọc phần đọc thêm trong giáo trình và thảo luận trả lời các câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
8	Chương 5. Tín dụng và lãi suất - Phần 2: Lãi suất	Giáo trình, chương 8	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO2.1	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Sinh viên làm các bài tập liên quan đến lãi suất do giảng viên đưa ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
9	Kiểm tra giữa kỳ Chương 6. Thị trường tài chính : - 6.1 Khái quát về thị trường tài chính	Giáo trình, chương 6	CLO1.1 CLO1.2	Sinh viên làm bài kiểm tra Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết	Kết quả bài kiểm tra Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
10	Chương 6. Thị trường tài chính : - Các phần còn lại	Giáo trình, chương 6 http://tapchitaichinh.vn/event/long-quan-thi-truong-tai-chinh-lien-te-viet-nam-2018-va-	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO2.1 CLO2.2	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Đọc tài liệu và chia nhóm thảo luận trả lời các câu hỏi giảng	Kết quả bài kiểm tra Mức độ tham gia Mức độ tương tác

		trien-vong-2019-253.html		viên đặt ra	Chất lượng câu trả lời
11	Chương 7. Ngân hàng thương mại	Giáo trình, chương 9 https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/hoat-dong-kinh-doanh-cua-cac-ngan-hang-thuong-mai-viet-nam-trong-boi-can-covid-19-82503.htm	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO2.1 CLO2.2	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Đọc tài liệu và chia nhóm thảo luận trả lời các câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
12	Chương 8. Ngân hàng Trung ương và Chính sách tiền tệ : - Phần 1 : Ngân hàng Trung ương và quá trình cung ứng tiền tệ	Giáo trình, chương 12 Giáo trình, chương 10	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO2.1	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
13	Chương 8. Ngân hàng Trung ương và Chính sách tiền tệ : - Phần 2 : Chính sách tiền tệ	Giáo trình, chương 13 http://tapchinganhang.gov.vn/nhin-lai-35-nam-doi-moi-chinh-sach-tien-te-va-hoat-dong-cua-he-thong-ngan-hang-viet-nam.htm	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO2.1 CLO2.2	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Đọc tài liệu và chia nhóm thảo luận trả lời các câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
14	Chương 9. Lạm phát	Giáo trình, chương 14	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO2.1	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
15	Đánh giá quá trình học tập Tổng kết và ôn tập	Giáo trình Tài liệu khác số 1	CLO2.2	Sinh viên ôn tập trước khi đến lớp Giảng viên tổng kết nội dung môn học và quá trình học của sinh viên Giảng viên giải đáp các thắc mắc của sinh viên và hướng	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu hỏi

				dẫn sinh viên sử dụng cuốn Câu hỏi và bài tập Lý thuyết tài chính tiền tệ (PGS. TS Cao Thị Ý Nhi, 2016) phục vụ cho bài kiểm tra cuối kỳ	
-	Bài thi cuối kỳ	Được sử dụng cuốn «Câu hỏi và bài tập Lý thuyết tài chính tiền tệ» (PGS. TS Cao Thị Ý Nhi) do Bộ môn cung cấp	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO2.1	Sinh viên làm bài thi theo lịch	Theo yêu cầu bài thi/kiểu đề thi

9. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN (COURSE REQUIREMENTS AND EXPECTATION)

9.1. Quy định về điều kiện thi kết thúc học phần

- Điểm bài kiểm tra định kỳ đạt từ 5 điểm trở lên (tính theo thang điểm 10/10).
- Tham gia đầy đủ các buổi thảo luận

9.2. Quy định về tham dự lớp học

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ các buổi học trên lớp. Số tiết vắng mặt vượt quá 25% tổng số tiết của học phần (vì bất kể lý do gì) thì sinh viên phải đăng ký học lại.
- Sinh viên phải đến lớp đúng giờ. Một buổi vắng mặt sẽ tính khi: (i) 3 buổi đi muộn; hoặc (ii) rời lớp trước khi buổi học kết thúc.
- Sinh viên không tham dự buổi làm bài kiểm tra sẽ nhận điểm 0 (không) bài kiểm tra đó.

9.3. Quy định về hành vi lớp học

- Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm
- Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.
- Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.”

Hà Nội, ngày 26 tháng 7 năm 2021

TRƯỞNG BỘ MÔN

Nhi

PGS.TS CAO THỊ Ý NHI

VIỆN TRƯỞNG

Quê

PGS.TS HOÀNG XUÂN QUÊ

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS PHẠM HỒNG CHƯƠNG

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT

(Ban hành theo Quyết định số 1345/QĐ-ĐHKTQĐ ngày 26 tháng 7 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân)

1. THÔNG TIN TỔNG QUÁT (GENERAL INFORMATION)

- Tên học phần (tiếng Việt)	Kinh tế Phát triển
- Tên học phần (tiếng Anh)	Development Economics
- Mã số học phần	PTKT1128
- Thuộc khối kiến thức	Cơ sở ngành – giáo dục chuyên nghiệp
- Số tín chỉ	3 (45 tiết)
+ Số tiết lý thuyết	30
+ Số tiết thực hành	15
+ Số giờ tự học	90 (1 giờ nghe giảng, lý thuyết – 3 giờ tự học)
- Các học phần tiên quyết	Kinh tế vĩ mô 1

2. THÔNG TIN BỘ MÔN QUẢN LÝ VÀ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY

Bộ môn quản lý: Kinh tế Phát triển

Địa chỉ: Phòng 809 Nhà A1, Trường ĐHQĐ Kinh tế Quốc dân

Giảng viên:

TT	Họ và tên	Email
1	TS Nguyễn Quỳnh Hoa	quynhhoa@neu.edu.vn
2	GS.TS Ngô Thắng Lợi	loint@neu.edu.vn
3	TS Phí Thị Hồng Linh	linhph@neu.edu.vn
4	TS Lê Huỳnh Mai	lehuyhnm@neu.edu.vn
5	TS Bùi Thị Thanh Huyền	huyenbt@neu.edu.vn
6	TS Ngô Quốc Dũng	dungng@neu.edu.vn
7	ThS Nguyễn Văn Đại	dainv@neu.edu.vn
8	ThS Phạm Minh Thảo	thaopm@neu.edu.vn

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN (COURSE DESCRIPTIONS)

Kinh tế phát triển (KTPT) là môn học thuộc hệ thống các môn kinh tế học, nghiên cứu nguyên lý phát triển kinh tế trong các điều kiện kém phát triển. Học phần KTPT được thiết kế dành cho khối kiến thức cơ sở ngành của sinh viên các ngành kinh tế. Với thời lượng 3 đơn vị tín chỉ (45 tiết) nội dung học phần chủ yếu tập trung giới thiệu các khía cạnh nguyên lý chung về phát triển kinh tế, cụ thể bao gồm: Tiêu chí phân loại và các bộ phận cấu thành hệ thống kinh tế thế giới, các đặc trưng kinh tế - xã hội của các nước đang phát triển; Nội hàm của phát triển kinh tế và phát triển bền vững nền kinh tế; Các tiêu chí đánh giá tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phúc lợi xã hội cho con người. Dựa trên các tiêu chí đánh giá phát triển kinh tế, học phần đặt vấn đề vận dụng phân tích đánh giá cụ thể quá trình tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và thực hiện tiến bộ xã hội trong quá trình phát triển kinh tế Việt Nam.

4. TÀI LIỆU THAM KHẢO (LEARNING RESOURCES: COURSE BOOKS, REFERENCE BOOKS, AND SOFTWARES)

Giáo trình

Ngô Thăng Lợi (Chủ biên) (2012), *Giáo trình Kinh tế phát triển*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.

Tài liệu khác

1. Perkins, DH., Radcliet, S. và Lindauer, DL. (2006), *Kinh tế học phát triển*, sách do trường Đại học Thương mại dịch; Nhà xuất bản thống kê, năm 2010.
2. Todaro, MD. (1998), *Kinh tế học cho thế giới thứ ba*, NXB Giáo dục.
3. Nafziger, EW. (1998), *Kinh tế học của các nước đang phát triển*, NXB Thống kê.
4. Báo cáo phát triển Việt nam (hàng năm) của các nhà tài trợ.
5. Ngân hàng Thế giới, *Các báo cáo phát triển thế giới (hàng năm)*.
6. Chương trình phát triển Liên hợp quốc (UNDP), *Các báo cáo phát triển con người (hàng năm)*
7. Báo cáo thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) của Việt Nam và thế giới hàng năm.
8. Các tài liệu liên quan đến Đường lối, Nghị quyết, các Chính sách của Việt Nam.
9. Các trang dữ liệu: <http://gso.gov.vn>; <http://data.worldbank.org>

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN (COURSE GOALS)

Bảng 5.1. Mục tiêu học phần

TT	Mô tả mục tiêu học phần	CDR (PLO) của CTĐT**	Mức độ***
[1]	[2]	[3]	[4]

G1	Giới thiệu cho người học các nội dung, tư tưởng cốt lõi liên quan đến phát triển kinh tế: phân loại các nước theo trình độ phát triển, bản chất, nội hàm của phát triển kinh tế	1.4.1	3
G2	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về nguyên lý phát triển kinh tế thông qua các nội dung về tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và tiến bộ xã hội. Từ đó phân tích được các điều kiện và khả năng vận dụng các mô hình lý thuyết và thực nghiệm cho các nước đang phát triển nói chung và Việt Nam nói riêng.	1.4.1	3
G3	Tạo cơ hội thực hành kỹ năng đọc, viết, thuyết trình các nội dung chuyên môn. Thực hành kỹ năng phân tích quá trình phát triển của Việt Nam, và đưa ra được xu hướng và giải pháp cho sự phát triển kinh tế trong tương lai	2.1.2, 2.2.1	2
G4	Trang bị cho người học ý thức tự học, tự nghiên cứu tích lũy kiến thức, có chính kiến và nhận thức đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội	3.1.1; 3.1.3; 3.1.4	3

6. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN (COURSE LEARNING OUTCOMES)

Bảng 6.1. Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Mục tiêu của học phần	(CLOa.b)	Mô tả Chuẩn đầu ra học phần (CLO)	Mức độ đạt được
[1]	[2]	[3]	[4]
G1	CLO1.1	Sinh viên hiểu được tư tưởng, nội dung nghiên cứu của Kinh tế Phát triển	3
	CLO1.2	Sinh viên có thể trình bày được các tiêu chí phân loại và áp dụng vào việc xếp loại các nước trong hệ thống kinh tế thế giới	3
	CLO 1.3	Trình bày được những đặc trưng cơ bản của các nước đang phát triển và đưa ra được các bằng chứng minh họa đối với từng quốc gia cụ thể	3
	CLO 1.4	Sinh viên có thể giải thích được bản chất, nội hàm của phát triển kinh tế.	2
G2	CLO 2.1	Liệt kê và tính toán được các tiêu chí đánh	3

		giá phát triển kinh tế theo 3 nội dung: tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và tiến bộ xã hội	
	CLO 2.2	Sinh viên có thể so sánh được nội dung các mô hình chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế và tiến bộ xã hội và nêu được ý nghĩa vận dụng của các mô hình	3
	CLO 2.3	Phân tích được đặc điểm và bối cảnh thực hiện của các mô hình phát triển lý thuyết và thực nghiệm, và đánh giá được các ưu nhược điểm của các mô hình này để từ đó vận dụng cho trường hợp các nước đang phát triển nói chung và Việt Nam nói riêng	3
	CLO 2.4	Sinh viên có thể phân tích và đánh giá được thực trạng quá trình phát triển kinh tế của Việt Nam	3
G3	CLO 3.1	Sinh viên lựa chọn và xử lý, phân tích được các dữ liệu (báo cáo và số liệu) của trong nước, quốc tế để làm minh chứng cho các nhận định về nội dung chuyên môn	2
	CLO 3.2	Thực hành kỹ năng đọc, viết, thuyết trình	2
G4	CLO 4.1	Rèn luyện ý thức tự học, tự nghiên cứu, biết lắng nghe để tích lũy kiến thức	4
	CLO 4.2	Có nhận thức đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội	2

7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN (COURSE ASSESSMENT)

Bảng 7.1. Đánh giá học phần

Hình thức đánh giá	Nội dung/ Bài đánh giá	Thời điểm	CLOs	Công cụ và tiêu chí	Tỷ lệ (%)
--------------------	---------------------------	-----------	------	---------------------	-----------

				đánh giá*	
Chuyên cần	Thái độ học tập trên lớp Trả lời câu hỏi trên lớp Trả lời các câu hỏi thảo luận Chuẩn bị bài trước khi đến lớp	Tuần 1-15	CLO1-CLO4	Nhật ký giảng dạy của giảng viên với các tiêu chí đánh giá (i) Đi học đầy đủ, đúng giờ (ii) Mức độ tương tác; (iii) mức độ chuẩn bị bài trước khi đến lớp	10%
Kiểm tra định kỳ lần 1 (bài kiểm tra trắc nghiệm kết hợp tự luận)	Chương 1 - 3	Tuần 7	CLO 1.1; CLO 1.2; CLO 1.3, CLO 1.4; CLO 2.1; CLO 2.2; CLO 2.3; CLO 2.4	Bài làm đảm bảo đúng yêu cầu đề ra của giảng viên	20%
Kiểm tra định kỳ lần 2 (bài kiểm tra trắc nghiệm kết hợp tự luận)	Chương 4- 5	Tuần 14	CLO 1.1; CLO 1.2; CLO 1.3, CLO 1.4; CLO 2.1; CLO 2.2; CLO 2.3; CLO 2.4	Bài làm đảm bảo đúng yêu cầu đề ra của giảng viên	20%
Đánh giá cuối kỳ (trắc nghiệm khách quan)	Chương 1 - 5	Lịch thi học phần	CLO1-CLO3	Trả lời được 40/40 câu và đúng đáp án	50%

8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (LESSON PLAN)

Bảng 8.1. Kế hoạch giảng dạy

Tuần	Nội dung giảng dạy*	Tài liệu đọc**	CLOs	Hoạt động dạy và học***	Công cụ và tiêu chí đánh giá****
1	Làm quen, giới thiệu học phần, logic của học phần và vai trò, vị trí của học phần trong CTD	Đề cương học phần	CLO1.1 CLO4.1 CLO4.2	Giới thiệu học phần Đặt ra qui định thi, kiểm tra, đánh giá Hướng dẫn kế hoạch học tập Hướng dẫn đọc tài liệu Hướng dẫn tìm tài liệu	Công cụ: Các câu hỏi ngắn Tiêu chí: Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời

2	<p>Chương 1. Mở đầu</p> <p>1.1. Sự phân chia các nước theo trình độ phát triển</p> <p>1.2. Những đặc trưng cơ bản của các nước đang phát triển</p> <p>1.3. Sự cần thiết lựa chọn con đường phát triển</p>	<p>Ngô Thăng Lợi (chủ biên) (2012), <i>Giáo trình Kinh tế phát triển</i>, NXB ĐHQKTQD, chương mở đầu (tr.8-21).</p>	<p>CLO1.2; CLO 1.3 CLO3.1; CLO3.2 CLO4.1 CLO4.2</p>	<p>+ Giảng viên :</p> <p>- Thuyết giảng và giải thích nội dung của chương</p> <p>+ Sinh viên</p> <p>- Đọc bài ở nhà (Chương 1 trong giáo trình và slides) và trả lời các câu hỏi trao đổi trên lớp</p> <p>- Truy cập trang http://data.worldbank.org</p>	<p>+ Công cụ:</p> <p>- Câu hỏi ngắn</p> <p>- Bài tập minh họa số liệu</p> <p>+ Tiêu chí:</p> <p>Mức độ tham gia, chuẩn bị bài ở nhà</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời trên lớp, và bài thi</p>
3	<p>Chương 1. Mở đầu</p> <p>1.1. Sự phân chia các nước theo trình độ phát triển</p> <p>1.2. Những đặc trưng cơ bản của các nước đang phát triển</p> <p>1.3. Sự cần thiết lựa chọn con đường phát triển</p>	<p>Ngô Thăng Lợi (chủ biên) (2012), <i>Giáo trình Kinh tế phát triển</i>, NXB ĐHQKTQD, chương mở đầu (tr.8-21).</p>	<p>CLO1.2 CLO1.3 CLO3.1; CLO3.2 CLO4.1 CLO4.2</p>	<p>+ Sinh viên</p> <p>- Đọc bài ở nhà (Chương 1 trong giáo trình và slides) và trả lời các câu hỏi trao đổi trên lớp</p> <p>- Trình bày bài tập minh họa số liệu</p> <p>+ Giảng viên</p> <p>- Giảng viên giảng và giải thích nội dung chương</p> <p>- Giao bài tập về nhà cho sinh viên</p> <p>- Trao đổi với sinh viên những nội dung của chương và tình huống thực tiễn qua bài tập của sinh viên</p>	<p>+ Công cụ:</p> <p>- Câu hỏi ngắn</p> <p>- Bài tập minh họa số liệu</p> <p>+ Tiêu chí:</p> <p>Mức độ tham gia, chuẩn bị bài ở nhà</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời trên lớp, bài tập về nhà và bài thi</p>
4	<p>Chương 2. Tổng quan về phát triển kinh tế</p> <p>2.1. Phát triển kinh tế</p> <p>2.2. Nhà nước và thị trường trong phát triển kinh tế</p>	<p>Ngô Thăng Lợi (chủ biên) (2012), <i>Giáo trình Kinh tế phát triển</i>, NXB ĐHQKTQD, chương 2</p>	<p>CLO2.1 CLO2.2 CLO2.3 CLO 2.4 CLO3.1; CLO3.2 CLO4.1 CLO4.2</p>	<p>+ Sinh viên đọc bài ở nhà (Chương 2 trong giáo trình và slides) và trả lời các câu hỏi trao đổi trên lớp</p> <p>- Đọc và phân tích các mô hình thực nghiệm lựa chọn con đường phát triển</p> <p>+ Giảng viên giảng và giải thích nội dung của chương. Giao nội dung chuẩn bị ở nhà cho sinh</p>	<p>+ Công cụ:</p> <p>- Câu hỏi ngắn</p> <p>- Câu hỏi lựa chọn</p> <p>+ Tiêu chí:</p> <p>- Mức độ tham gia</p> <p>- Mức độ tương tác</p> <p>- Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi</p>

		(tr. 27 đến 44).		viên	
5	<p>Chương 2. Tổng quan về phát triển kinh tế</p> <p>2.1. Phát triển kinh tế</p> <p>2.2. Nhà nước và thị trường trong phát triển kinh tế</p>	<p>Ngô Thăng Lợi (chủ biên) (2012), <i>Giáo trình Kinh tế phát triển</i>, NXB ĐH KTQD, chương 2 (tr. 27 đến 44).</p>	<p>CLO2.1 CLO2.2 CLO2.3 CLO 2.4 CLO3.1; CLO3.2 CLO4.1 CLO4.2</p>	<p>+ Sinh viên đọc bài ở nhà (Chương 2 trong giáo trình và slides) và trả lời các câu hỏi trao đổi trên lớp</p> <p>- trình bày bài tập về mô hình thực nghiệm</p> <p>+ Giảng viên giảng và giải thích nội dung của chương,</p> <p>- Trao đổi với sinh viên về các mô hình thực nghiệm</p> <p>- Giao nội dung chuẩn bị ở nhà cho sinh viên</p>	<p>+ Công cụ: - Câu hỏi ngắn - Bài trình bày của sinh viên + Tiêu chí: - Mức độ tham gia - Mức độ tương tác - Chất lượng câu trả lời trên lớp, bài tập về nhà và bài thi</p>
6	<p>Chương 3. Tăng trưởng kinh tế</p> <p>3.1. Bản chất và Thước đo tăng trưởng</p> <p>3.2. Các nhân tố ảnh hưởng tới tăng trưởng kinh tế</p>	<p>Ngô Thăng Lợi (chủ biên) (2012), <i>Giáo trình Kinh tế phát triển</i>, NXB ĐH KTQD, chương 3 (tr. 72 đến 120).</p>	<p>CLO2.1 CLO2.2 CLO2.3 CLO 2.4 CLO3.1; CLO3.2 CLO4.1 CLO4.2</p>	<p>+ Sinh viên : Đọc bài ở nhà (Chương 3 trong giáo trình và slides) và trả lời các câu hỏi trao đổi trên lớp</p> <p>- Truy cập các trang dữ liệu để tính toán</p> <p>+ Giảng viên</p> <p>- Giảng và giải thích nội dung của chương</p> <p>- Giao nội dung chuẩn bị ở nhà</p>	<p>+ Công cụ: - Câu hỏi ngắn - Bài tập tính toán + Tiêu chí: - Mức độ tham gia - Mức độ tương tác - Chất lượng câu trả lời trên lớp, bài tập tính toán và bài thi</p>
7	<p>Chương 3. Tăng trưởng kinh tế</p> <p>3.1. Thước đo và các nhân tố ảnh hưởng</p> <p>3.2. Các nhân tố ảnh hưởng tới tăng trưởng kinh tế</p> <p>Bài kiểm tra</p>	<p>Ngô Thăng Lợi (chủ biên) (2012), <i>Giáo trình Kinh tế phát triển</i>, NXB ĐH KTQD,</p>	<p>CLO2.1 CLO2.2 CLO2.3 CLO 2.4 CLO3.1; CLO3.2 CLO4.1 CLO4.2</p>	<p>+ Sinh viên : Đọc bài ở nhà (Chương 3 trong giáo trình và slides) và trả lời các câu hỏi trao đổi trên lớp</p> <p>- Làm bài tập tính toán</p> <p>+ Giảng viên</p> <p>- Giảng và giải thích nội dung của chương</p> <p>- Giao nội dung bài kiểm tra số 1</p>	<p>+ Công cụ: - Câu hỏi ngắn - Bài tập tính toán + Tiêu chí: - Mức độ tham gia - Mức độ tương tác - Chất lượng câu trả lời trên lớp, kiểm tra</p>

	số 1	chương 3 (tr. 72 đến 120).			định kì lần 1 và bài thi
8	Chương 3. Tăng trưởng kinh tế 3.1. Thước đo và các nhân tố ảnh hưởng 3.2. Các nhân tố ảnh hưởng tới tăng trưởng kinh tế	Ngô Thăng Lợi (chủ biên) (2012), <i>Giáo trình Kinh tế phát triển</i> , NXB ĐH KTQD, chương 3 (tr. 72 đến 120).	CLO2.1 CLO2.2 CLO2.3 CLO 2.4 CLO3.1 CLO3.2 CLO4.1 CLO4.2	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp, Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra Giảng viên giảng lý thuyết Trả bài và chữa bài kiểm tra số 1	+ Công cụ: - Câu hỏi tình huống ngắn + Tiêu chí: - Mức độ tham gia - Mức độ tương tác - Chất lượng câu trả lời trên lớp, và bài thi
9	Chương 4. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế 4.1. Các dạng cơ cấu kinh tế 4.2. Các vấn đề lý thuyết về cơ cấu ngành kinh tế 4.3. Các mô hình chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế	Ngô Thăng Lợi (chủ biên) (2012), <i>Giáo trình Kinh tế phát triển</i> , NXB ĐH KTQD, chương 4 (tr. 157 đến 178).	CLO2.1 CLO2.2 CLO2.3 CLO 2.4 CLO3.1; CLO3.2 CLO4.1 CLO4.2	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp (Chương 4 trong giáo trình và slides) Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	+ Công cụ: - Câu hỏi tình huống ngắn + Tiêu chí: - Mức độ tham gia - Mức độ tương tác - Chất lượng câu trả lời trên lớp, và bài thi
10	Chương 4. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế 4.1. Các dạng cơ cấu kinh tế 4.2. Các vấn đề lý thuyết về cơ cấu ngành kinh tế 4.3. Các mô hình chuyển dịch cơ cấu	Ngô Thăng Lợi (chủ biên) (2012), <i>Giáo trình Kinh tế phát triển</i> , NXB ĐH KTQD,	CLO2.1 CLO2.2 CLO2.3 CLO 2.4 CLO3.1; CLO3.2 CLO4.1 CLO4.2	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp; Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra Giảng viên giảng lý thuyết	+ Công cụ: - Câu hỏi tình huống ngắn + Tiêu chí: - Mức độ tham gia - Mức độ tương tác - Chất lượng câu trả lời trên lớp, và bài thi

	ngành kinh tế	chương 4 (tr. 157 đến 178).			
11	<p>Chương 5. Tiến bộ xã hội cho con người</p> <p>5.1. Mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và nâng cao mức sống dân cư</p> <p>5.2. Phát triển con người</p> <p>5.3. Nghèo khô</p> <p>5.4. Bất bình đẳng trong phân phối thu nhập</p> <p>5.5. Bình đẳng giới và phát triển kinh tế</p>	<p>Ngô Thắng Lợi (chủ biên) (2012), <i>Giáo trình Kinh tế phát triển</i>, NXB ĐH KTQĐ, chương 5 (tr.201 đến 272).</p>	<p>CLO2.1 CLO2.2 CLO2.3 CLO 2.4 CLO3.1; CLO3.2 CLO4.1 CLO4.2</p>	<p>+ Sinh viên : Đọc bài ở nhà (Chương 5 trong giáo trình và slides) và trả lời các câu hỏi trao đổi trên lớp</p> <p>- Truy cập các trang dữ liệu sử dụng được nguồn dữ liệu sử dụng trong phân tích</p> <p>+ Giảng viên</p> <p>- Giảng và giải thích nội dung của chương</p> <p>- Trao đổi với sinh viên về các mô hình thực nghiệm</p> <p>- Giao nội dung chuẩn bị ở nhà</p>	<p>+ Công cụ: - Câu hỏi tình huống ngắn + Tiêu chí: - Mức độ tham gia - Mức độ tương tác - Chất lượng câu trả lời trên lớp, và bài thi</p>
12	<p>Chương 5. Tiến bộ xã hội cho con người</p> <p>5.1. Mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và nâng cao mức sống dân cư</p> <p>5.2. Phát triển con người</p> <p>5.3. Nghèo khô</p> <p>5.4. Bất bình đẳng</p> <p>Bài kiểm tra số 2</p>	<p>Ngô Thắng Lợi (chủ biên) (2012), <i>Giáo trình Kinh tế phát triển</i>, NXB ĐH KTQĐ, chương 5 (tr.201 đến 272).</p>	<p>CLO2.1 CLO2.2 CLO2.3 CLO2.4 CLO4.1 CLO4.2 CLO4.3 CI.05.1 CI.05.2</p>	<p>+ Sinh viên : Đọc bài ở nhà (Chương 5 trong giáo trình và slides) và trả lời các câu hỏi trao đổi trên lớp</p> <p>- Truy cập các trang dữ liệu sử dụng được nguồn dữ liệu sử dụng trong phân tích</p> <p>+ Giảng viên</p> <p>- Giảng và giải thích nội dung của chương</p> <p>- Trao đổi với sinh viên về các mô hình thực nghiệm</p> <p>- Giao nội dung chuẩn bị ở nhà</p>	<p>+ Công cụ: - Câu hỏi tình huống ngắn + Tiêu chí: - Mức độ tham gia - Mức độ tương tác - Chất lượng câu trả lời trên lớp, và bài thi</p>
13	<p>Chương 5. Tiến bộ xã hội cho con người</p> <p>5.1. Mối quan hệ giữa tăng</p>	<p>Ngô Thắng Lợi (chủ biên) (2012),</p>	<p>CLO2.1 CLO2.2 CLO2.3 CLO 2.4 CLO3.1;</p>	<p>+ Sinh viên : Đọc bài ở nhà (Chương 5 trong giáo trình và slides) và trả lời các câu hỏi trao đổi trên lớp</p>	<p>+ Công cụ: - Câu hỏi tình huống ngắn + Tiêu chí: - Mức độ tham</p>

	<p>trường kinh tế và nâng cao mức sống dân cư</p> <p>5.2. Phát triển con người</p> <p>5.3. Nghèo khổ</p> <p>5.4. Bất bình đẳng trong phân phối thu nhập</p> <p>5.5. Bình đẳng giới và phát triển kinh tế</p>	<p><i>Giáo trình Kinh tế phát triển</i>, NXB ĐH KTQD, chương 5 (tr.201 đến 272).</p>	<p>CLO3.2</p> <p>CLO4.1</p> <p>CLO4.2</p>	<p>- Truy cập các trang dữ liệu sử dụng được nguồn dữ liệu sử dụng trong phân tích</p> <p>+ Giảng viên</p> <p>- Giảng và giải thích nội dung của chương</p> <p>- Trao đổi với sinh viên về các mô hình thực nghiệm</p> <p>- Giao nội dung chuẩn bị ở nhà</p>	<p>gia</p> <p>- Mức độ tương tác</p> <p>- Chất lượng câu trả lời trên lớp, và bài thi</p>
14	<p>Chương 5. Tiến bộ xã hội cho con người</p> <p>5.1. Mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và nâng cao mức sống dân cư</p> <p>5.2. Phát triển con người</p> <p>5.3. Nghèo khổ</p> <p>5.4. Bất bình đẳng trong phân phối thu nhập</p> <p>5.5. Bình đẳng giới và phát triển kinh tế</p> <p>Bài kiểm tra số 2</p>	<p>Ngô Thăng Lợi (chủ biên) (2012), <i>Giáo trình Kinh tế phát triển</i>, NXB ĐH KTQD, chương 5 (tr.201 đến 272).</p>	<p>CLO2.1</p> <p>CLO2.2</p> <p>CLO2.3</p> <p>CLO 2.4</p> <p>CLO3.1;</p> <p>CLO3.2</p> <p>CLO4.1</p> <p>CLO4.2</p>	<p>+ Sinh viên : Đọc bài ở nhà (Chương 5 trong giáo trình và slides) và trả lời các câu hỏi trao đổi trên lớp</p> <p>- Truy cập các trang dữ liệu sử dụng được nguồn dữ liệu sử dụng trong phân tích</p> <p>+ Giảng viên</p> <p>- Giảng và giải thích nội dung của chương</p> <p>- Trao đổi với sinh viên về các mô hình thực nghiệm</p> <p>- Giao nội dung chuẩn bị ở nhà</p> <p>- Chuẩn bị đề và Làm bài kiểm tra số 2</p>	<p>+ Công cụ:</p> <p>- Câu hỏi tình huống ngắn</p> <p>+ Tiêu chí:</p> <p>- Mức độ tham gia</p> <p>- Mức độ tương tác</p> <p>- Chất lượng câu trả lời trên lớp, bài kiểm tra số 2 và bài thi</p>
15	<p>Chữa bài kiểm tra số 2</p> <p>Tổng kết nội dung môn học và hướng dẫn ôn thi</p>			<p>Giảng viên trình bày các nội dung liên quan</p>	<p>Công cụ: Các câu hỏi ngắn</p> <p>Tiêu chí:</p> <p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương</p>

					tác Chất lượng câu trả lời
-	Bài thi cuối kỳ		CLO1- CLO3	Sinh viên làm bài thi theo lịch	Theo yêu cầu bài thi

9. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN (COURSE REQUIREMENTS AND EXPECTATION)

9.1. Quy định về tham dự lớp học

- Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học phải xin phép giảng viên trước buổi học qua email hoặc tin nhắn. Mỗi buổi vắng mặt không có lý do sẽ bị trừ 1 điểm đánh giá quá trình. Sinh viên có mặt đầy đủ các buổi điểm danh chỉ được 8 điểm. Nếu điểm chuyên cần dưới 5 thì sẽ phải học lại học phần theo quy định
- Sinh viên sẽ được cộng 1 điểm nếu chuẩn bị đầy đủ nội dung giảng viên giao về nhà sau mỗi buổi học trên lớp. Ngoài ra sinh viên sẽ được cộng điểm cho mỗi lần phát biểu xây dựng bài, có thể bù đắp cho điểm quá trình, điểm kiểm tra và điểm bài tập nhóm.
- Sinh viên sẽ được đánh giá điểm bài tập nhóm dựa trên điểm của nhóm và mức độ tham gia hoàn thành bài tập nhóm theo đánh giá của các thành viên trong nhóm. Nếu buổi trình bày sinh viên không có mặt thì bị trừ 50% số điểm của bài tập nhóm (trong trường hợp có tham gia chuẩn bị báo cáo).

9.2. Quy định về hành vi lớp học

- Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.
- Khi lên lớp sinh viên luôn phải mang đầy đủ tài liệu bắt buộc của môn học (giáo trình, slide bài giảng, vở ghi và chuẩn bị bài)
- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 10 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự giờ học.
- Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.
- Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.
- Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

Hà Nội, ngày 26 tháng 7 năm 2021

TRƯỞNG BỘ MÔN

TRƯỞNG KHOA

HIỆU TRƯỞNG

THC

NS

TS Nguyễn Quỳnh Hoa

PGS.TS Nguyễn Ngọc Sơn

PGS.TS. Phạm Hồng Chương





ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT

(Ban hành kèm theo quyết định số 1395/QĐ/ĐHKTD, ngày 26 tháng 7 năm 2021)

1. THÔNG TIN TỔNG QUÁT (GENERAL INFORMATION)

Tiếng Việt: KINH TẾ QUỐC TẾ

Tiếng Anh: International Economics

Mã học phần: TMKQ1123

Tổng số tín chỉ: 03

- Thuộc khối kiến thức: Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

- Số tín chỉ: 3 (45 giờ tín chỉ; 50 phút/giờ)

÷ Số giờ lý thuyết: 30

+ Số giờ thảo luận/thực hành: 15

+ Số giờ tự học: 90

- Các học phần tiên quyết: Kinh tế học vĩ mô I và Kinh tế học vi mô I

2. THÔNG TIN BỘ MÔN QUẢN LÝ VÀ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY

Bộ môn quản lý: Kinh tế quốc tế

Địa chỉ: Phòng 906 Nhà A1, Trường ĐH Kinh tế Quốc dân

Giảng viên (liệt kê GV tham gia giảng dạy):

TT	Họ tên giảng viên	Số điện thoại	Email
1.	Đỗ Thị Hương	0915325408	dthuong@neu.edu.vn
2.	Nguyễn Thị Thúy Hồng	0961261666	hongnt@neu.edu.vn
3.	Đỗ Đức Bình	0912014027	do Ducbinh@neu.edu.vn
4.	Ngô Thị Tuyết Mai	0904324282	ngoituyetmai@neu.edu.vn
5.	Nguyễn Thường Lạng	0983478486	langnt@neu.edu.vn
6.	Nguyễn Xuân Hưng	0903201642	hungnx@neu.edu.vn
7.	Tô Xuân Cường	0903258849	cuongxt@neu.edu.vn
8.	Nguyễn Bích Ngọc B	0936500505	bichngoectqt@neu.edu.vn
9.	Lê Tuấn Anh	0907269512	anh.le@neu.edu.vn
10.	Trần Hoàng Hà	0918726074	hatran@neu.edu.vn

3. MÔ TẢ HỌC (COURSE DESCRIPTIONS)

Học phần này, trước hết, nghiên cứu quá trình hình thành, phát triển và những đặc điểm mới của nền kinh tế thế giới, nội dung và tính chất của các quan hệ kinh tế quốc tế. Tiếp đến, học phần này nghiên cứu dòng vận động của các luồng hàng hóa, dịch vụ, tài chính tiền tệ và thanh toán giữa một quốc gia với các quốc gia và vùng lãnh thổ khác trong nền kinh tế thế giới. Đồng thời, học phần nghiên cứu chính sách điều tiết dòng vận động hàng hóa và tác động của chính sách đó đến phúc lợi của quốc gia. Cuối cùng, học phần nghiên cứu lý luận và thực tiễn hội nhập kinh tế quốc tế và quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

4. TÀI LIỆU THAM KHẢO (LEARNING RESOURCES: COURSE BOOKS, REFERENCE BOOKS, AND SOFTWARES)

Giáo trình

1. GS.TS. Đỗ Đức Bình và PGS.TS Ngô Thị Tuyết Mai (Đồng chủ biên) (2019), *Giáo trình Kinh tế quốc tế*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.

Tài liệu khác

2. Đỗ Đức Bình, Ngô Thị Tuyết Mai, Đỗ Thị Hương (Đồng chủ biên) (2014), *Thu hút FDI để phát triển kinh tế các tỉnh miền núi – trung du phía Bắc*, NXB Chính trị quốc gia.
3. Dominick Salvatore (2016), *International Economics*, 12th Edition, Wiley.
4. Ngô Thị Tuyết Mai (Chủ biên) (2010), *Phát triển bền vững hàng nông sản xuất khẩu của Việt Nam trong điều kiện hiện nay*, NXB Chính trị quốc gia.
5. Nguyễn Xuân Hưng (2018), *Một số vấn đề về Quản lý nhà nước đối với xuất khẩu lao động của Việt Nam*, Nhà xuất bản lao động – xã hội.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN (COURSE GOALS)

Bảng 5.1. Mục tiêu học phần

TT	Mô tả mục tiêu học phần (Gs)	CBR (PLO) của CTĐT**	Mức độ***
[1]	[2]	[3]	[4]
G1	Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về kinh tế quốc tế.	PLO 1.2.2	3
G2	Hướng dẫn và tạo cơ hội cho sinh viên thực hành kỹ năng làm việc nhóm; vận dụng các lý thuyết về thương mại quốc tế và đầu tư quốc tế vào phân tích các quan hệ kinh tế quốc tế, các công cụ của chính	PLO 2.1.1	3

	sách thương mại quốc tế.		
G3	Bước đầu trang bị cho sinh viên nhận thức về bối cảnh xã hội, nhận thức đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội.	PLO 3.2.1	2

6. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN (COURSE LEARNING OUTCOMES)

Bảng 6.1. Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Mục tiêu HP	CLOs	Mô tả CLOs*	Mức độ đạt được**
[1]	[2]	[3]	[4]
G1	CLO 1.1	Nhận biết được những xu hướng vận động khách quan, tính quy luật và tác động của các quan hệ kinh tế quốc tế.	3
	CLO 1.2	Hiểu rõ các lý thuyết thương mại và đầu tư quốc tế	3
	CLO 1.3	Hiểu được cơ sở hình thành, phát triển và tác động của các quan hệ kinh tế quốc tế.	3
G2	CLO 2.1	Có kỹ năng vận dụng được kiến thức để phân tích các quan hệ kinh tế quốc tế, các công cụ của chính sách thương mại quốc tế.	2 (IT)
	CLO 2.2	Có kỹ năng làm việc độc lập cũng như làm việc theo nhóm để giải quyết các yêu cầu trong học tập và công việc được giao.	2 (IT)
G3	CLO 3.1	Có khả năng tự học tập, tự tìm hiểu tài liệu để hoàn thành các bài học và bài tập được giao, có ý thức tổ chức kỷ luật lớp học, tuân thủ các nội quy lớp học, có tinh thần hợp tác và trách nhiệm cá nhân đối với các hoạt động được giảng viên giao.	3
	CLO 3.2	Nhận thức được bối cảnh xã hội, đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội.	3

7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN (COURSE ASSESSMENT)

Bảng 7.1. Đánh giá học phần

Hình thức đánh giá	Nội dung/ Bài đánh giá	Thời điểm	CLOs	Tiêu chí đánh giá*	Tỷ lệ (%)
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
Chuyên cần	Tham dự đầy đủ các buổi học (không nghỉ quá 20% tổng số giờ khóa học)	Tuần 1-15	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO2.1 CLO2.2	Nhật ký giảng dạy của giảng viên với các tiêu chí đánh giá (i) Mức độ tham gia (ii) Mức độ tương tác; (iii) Chất lượng câu trả lời.	10%
Đánh giá quá trình (bài kiểm tra trắc nghiệm kết hợp tự luận)	Có 01 bài kiểm tra giữa kỳ	Tuần 10	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3	Bài làm đảm bảo đúng yêu cầu đề ra của giảng viên	40%
Đánh giá quá trình (Bài tập nhóm)	Xác nhận chủ đề và viết báo cáo theo yêu cầu và hướng dẫn của giảng viên	Tuần 5	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3	Phiếu đánh giá với các tiêu chí (i) Chủ đề phù hợp với nội dung của học phần; (ii) Xác định được đối tượng và phạm vi nghiên cứu phù hợp; (iii) Nội dung phân tích thuyết phục và có thông tin, số liệu minh họa làm rõ được đối tượng nghiên cứu.	
	Trình bày nhóm: Báo cáo theo các chủ đề đã xác định liên quan đến nội dung của học phần	Tuần 12-13	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1 CLO3.2	Phiếu đánh giá với các tiêu chí: (i) Nội dung; (ii) Hình thức đẹp; (iii) Trình bày hấp dẫn; thuyết phục; (iv) Mức độ hợp tác trong trả lời câu hỏi; (v) Thời gian trình bày	
	Nộp báo cáo	Tuần 14	CLO1- CLO3	Phiếu đánh giá với các tiêu chí: (i) Nội dung; (ii) Hình	

				thức; (iii) Thời gian; (iv) Đánh giá lẫn nhau.	
Đánh giá cuối kỳ	Bài thi cuối kỳ	Lịch thi học phần	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3	Trắc nghiệm kết hợp với tự luận. Thời gian làm bài 90 phút.	50%

3. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (LESSON PLAN)

Bảng 8.1. Kế hoạch giảng dạy

Tuần	Nội dung giảng dạy*	Tài liệu đọc**	CLOs	Hoạt động dạy và học***	Công cụ đánh giá****
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
1	(1) Làm quen, giới thiệu học phần, logic của học phần và vai trò, vị trí của học phần trong CTĐT (2) Chương 1: 1.1. Bối cảnh của nền kinh tế thế giới	(Đề cương học phần), (1) Chương 1	CLO1.1 CLO3.2	Giới thiệu học phần Đặt ra yêu cầu học tập Hướng dẫn đọc tài liệu, tìm tài liệu, làm việc nhóm Chia nhóm làm việc Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi
2	Chương 1 1.2. Các quan hệ kinh tế quốc tế 1.4. Khả năng và điều kiện cần thiết phát triển lĩnh vực kinh tế đối ngoại của Việt Nam Chương 2 2.1. Thương mại quốc tế và lý thuyết	(1)Chương 1 và chương 2 (2) Chapter 1, 2	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi, bài tập giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi
3	Chương 2 2.1. Thương mại quốc tế và lý thuyết (tiếp) 2.2. Chính sách thương mại quốc tế	(1) Chương 2, 3 (3) Chapter 2, 3	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi, bài tập giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi

4	Chương 2 2.2. Chính sách thương mại quốc tế (tiếp) 2.3. Chính sách thương mại quốc tế của Việt Nam những năm đổi mới	(1) Chương 3 (4)	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi, bài tập giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi
5	Chương 3 3.1. Khái niệm, đặc trưng và phân loại đầu tư quốc tế 3.2. Đầu tư trực tiếp nước ngoài	(1) Chương 4	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi
6	Chương 3 3.3. Đầu tư gián tiếp nước ngoài 3.4. Đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam	(1) Chương 4 (2)	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi
7	Chương 3 3.5. Di chuyển lao động quốc tế	(1) Chương 4 (5)	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi
8	Chương 4 4.1. Cán cân thanh toán quốc tế 4.2. Thị trường ngoại hối	1) Chương 5 và 6	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi
9	Chương 4 4.3. Tỷ giá hối đoái 4.4. Hệ thống tiền tệ quốc tế	(1) Chương 6 và 7	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi
10	Chương 5 5.1. Khái niệm và các	(1) Chương 8	CLO.1.1 CLO.1.2	Sinh viên làm bài kiểm tra trong 1 tiết	Mức độ tham gia Mức độ tương tác

	hình thức hội nhập kinh tế quốc tế		CLO.1.3	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi
11	Chương 5 5.2.Tác động của hội nhập kinh tế quốc tế 5.3. Một số tổ chức kinh tế quốc tế và liên kết kinh tế khu vực tiêu biểu 5.4.Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam	(1) Chương 8	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	Trà, chữa bài kiểm tra và giải đáp thắc mắc Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi
12	Trình bày bài tập nhóm buổi 1		CLO1.1- CLO3.2	Nhóm sinh viên báo cáo Giảng viên và các thành viên trong lớp nhận xét	Phiếu đánh giá với các tiêu chí (i) Nội dung bài báo cáo theo yêu cầu; (ii) Sự thuyết phục của bài báo cáo
13	Trình bày bài tập nhóm buổi 2		CLO1.1- CLO3.2	Nhóm sinh viên báo cáo Giảng viên và các thành viên trong lớp nhận xét	Phiếu đánh giá với các tiêu chí (i) Nội dung bài báo cáo theo yêu cầu; (ii) Sự thuyết phục của bài báo cáo
14	Hoàn thiện bài tập nhóm		CLO1- CLO3	Nhóm sinh viên nộp báo cáo Giảng viên đánh giá	Phiếu đánh giá với các tiêu chí: (i) Nội dung; (ii) Hình thức; (iii) Thời gian; (iv) Đánh giá lẫn nhau
15	Hệ thống, tổng kết			Giảng viên hệ thống kiến thức, hướng dẫn ôn tập và giải đáp thắc mắc của sinh viên	
-	Bài thi cuối kỳ		CLO1.1 CLO1.1 CLO1.3	Sinh viên làm bài thi theo lịch của trường	Trắc nghiệm kết hợp với tự luận. Thời gian làm bài

					90 phút.
--	--	--	--	--	----------

9. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN (COURSE REQUIREMENTS AND EXPECTATION)

9.1. Quy định về điều kiện thi kết thúc học phần

- Sinh viên được tham dự thi cuối kỳ/thi kết thúc học phần (50%) nếu có điểm chuyên cần (10%) đạt mức 5 điểm trở lên (thang 10).

9.2. Quy định về tham dự lớp học

- Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý. Mỗi buổi vắng mặt sẽ bị trừ 1 điểm đánh giá quá trình. Sinh viên vắng quá 3 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại.
- Sinh viên sẽ được cộng điểm cho mỗi lần phát biểu xây dựng bài, có thể bù đắp cho điểm quá trình, điểm kiểm tra và điểm bài tập nhóm.
- Sinh viên không nộp bài tập nhóm sẽ nhận điểm 0 (không) cho bài tập sau cùng. Nhóm sinh viên nộp bài trễ sẽ bị trừ 1 điểm cho mỗi ngày nộp muộn.

9.3. Quy định về hành vi lớp học

- Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.
- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 10 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.
- Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.
- Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.
- Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

Hà Nội, ngày 26 tháng 7 năm 2021

TRƯỞNG BỘ MÔN

VIỆN TRƯỞNG

Hương

Lợi



TS. ĐỖ THỊ HƯƠNG

PGS.TS. TẠ VĂN LỢI

PGS.TS PHẠM HỒNG CHƯƠNG

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT

(Ban hành kèm theo quyết định số 1345/QĐ/ĐHKQTĐ, ngày 26 tháng 7 năm 2021)

1. THÔNG TIN TỔNG QUÁT:

- Tên học phần bằng tiếng Việt :	Kinh tế lao động
- Tên học phần bằng tiếng Anh :	Labor Economics
- Mã số học phần:	NLKT1115
- Thuộc khối kiến thức:	Bắt buộc cơ sở ngành
- Số tín chỉ	3TC (45 tiết)
+ Số tiết lý thuyết:	30
+ Số tiết thảo luận/thực hành:	15
+ Số tiết tự học:	90
- Các học phần tiên quyết:	Kinh tế vi mô 1, kinh tế vĩ mô 1.

2. THÔNG TIN BỘ MÔN QUẢN LÝ VÀ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY:

Bộ môn quản lý: Bộ môn Kinh tế Nguồn nhân lực

Địa chỉ: Phòng 603 Nhà A1, Trường ĐH Kinh tế Quốc dân

Giảng viên (liệt kê GV tham gia giảng dạy):

PGS.TS. Vũ Hoàng Ngân	Email: nganvh@neu.edu.vn
ThS. Mai Quốc Bảo	Email: baomq@neu.edu.vn
TS. Hoàng thị Huệ	Email: hoanghue@neu.edu.vn
TS. Trần Huy Phương	Email: phuongth@neu.edu.vn
Th.s. Nguyễn Phương Mai	Email: mainp@neu.edu.vn
Th.S. Phạm Hương Quỳnh	Email: quynhph@neu.edu.vn
ThS. Nguyễn Thị Hải Hạnh	Email: hanhnth@neu.edu.vn

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN:

Học phần giới thiệu những kiến thức cơ bản của kinh tế học lao động với sự nhấn mạnh ở cả lý thuyết và thực tế. Đối với khía cạnh lý thuyết, các lý thuyết liên quan đến cung – cầu & cân bằng trên thị trường lao động, lý thuyết về đầu tư vào vốn nhân lực, di chuyển lao động, sự phân biệt đối xử trên thị trường lao động, công đoàn và thất nghiệp sẽ được giới thiệu để giúp người học hiểu và nắm bắt được các quy luật hoạt động trên thị trường lao động. Đối với khía cạnh thực tiễn, học phần cũng sử dụng rộng rãi các số liệu thống kê và các báo cáo, phân tích từ các thị trường lao động trong nước và thế giới để giúp người học có cái nhìn thực tiễn về cách thức hoạt động của thị trường lao động.

4. TÀI LIỆU THAM KHẢO (LEARNING RESOURCES: COURSE BOOKS, REFERENCE BOOKS, AND SOFTWARES)

Giáo trình

Trần Xuân Cầu, (2021), *Thị trường lao động*, Giáo trình, Nhà Xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân.

Tài liệu khác:

- [1]. George, J. B. (2016), *Labor Economics*, 6th Edition, McGraw-Hill Education.
- [2]. Ehrenberg R.G. và Smith, R.S. (2011), *Modern Labor Economics: theory and public policy*, 11th Edition, Pearson-Prentice Hall.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CĐR (PLO) của CTĐT	Mức độ năng lực
[1]	[2]	[3]	[4]
G1	Giới thiệu tới người học các kiến thức cơ bản và các công cụ của kinh tế lao động. Người học từ đó có thể vận dụng kiến thức cơ bản về luật pháp Việt Nam và kinh tế học vào phân tích và giải quyết các vấn đề phát sinh trên thị trường lao động.	1.1	3
G2	Cung cấp cho người học các khái niệm, lý thuyết và thực tiễn cốt lõi của các vấn đề và nội dung liên quan đến thị trường lao động ở góc độ tổ chức, ở cấp ngành, địa phương và ở cấp độ quốc gia. Từ đó người học có thể phân tích được các ảnh hưởng của bối cảnh kinh tế, xã hội, dân số và lao động, đánh giá các quyết định của Chính phủ, các doanh nghiệp và các tác nhân kinh tế khác trong nước và quốc tế có liên quan đến giải quyết những vấn đề nảy sinh trên thị trường lao động.	1.2 1.3 1.4	3
G3	Tạo cơ hội cho người học tiến hành nghiên cứu độc lập và theo nhóm, thực hành phân tích, tổng hợp, khái quát các vấn đề kinh tế - xã hội, chính sách liên quan đến nguồn nhân lực cả ở góc độ vi mô và cấp độ vĩ mô tổng thể của nền kinh tế để giải quyết các vấn đề về thị trường lao động.	2.1 2.2	3
G4	Tạo cơ hội để người học tự học tập, tự nghiên cứu, làm việc nhóm, phát hiện và giải quyết vấn đề, tích lũy kinh nghiệm để tiếp tục học cao hơn nhằm nâng cao trình độ chuyên môn	3.2	4

6. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

Mục tiêu	CLOs	Mô tả CLOs	Mức độ đạt
[1]	[2]	[3]	[4]
G1	CLO.1.1	Người học hiểu được các khái niệm, nguyên tắc và các học thuyết chính về kinh tế lao động.	2
	CLO.1.2	Người học phân biệt sự khác biệt cơ bản và mối quan hệ giữa các khái niệm, nguyên lý và học thuyết kinh tế lao động	2
	CLO.1.3	Người học vận dụng các nguyên lý, học thuyết đã học để hiểu và nhận biết các hiện tượng trên thị trường lao động.	3
G2	CLO 2.1	Người học hiểu rõ các khái niệm và nguyên tắc cơ bản liên quan đến vốn con người và các hình thức đào tạo và phát triển nguồn nhân lực.	2
	CLO 2.2	Tỷ giải được khái niệm, các tiêu chí đo lường năng suất lao động và mối quan hệ giữa năng suất lao động và các hình thức trả lương trong doanh nghiệp.	3
	CLO 2.3	Đánh giá và phân tích được các vấn đề an sinh xã hội.	3
G3	CLO 3.1	Phân tích được các tình huống thực tiễn trên thị trường lao động bằng cách vận dụng nguyên lý, học thuyết đã học.	3
	CLO 3.2	Đánh giá, dự báo được các quyết định của các nhân vật chính trên thị trường lao động bằng cách vận dụng nguyên lý, học thuyết đã học.	3
G4	CLO 4.1	Tạo lập và tham gia các hoạt động nhóm tốt, tự đánh giá và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của nhóm, làm việc hiệu quả cùng sinh viên khác để hoàn thành nhiệm vụ nhóm	4
	CLO 4.2	Tự định hướng và thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau như môi trường nhà nước, tư nhân hay nước ngoài.	4

7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN (COURSE ASSESSMENT)

Bảng 7.1. Đánh giá học phần

Hình thức đánh giá	Nội dung/ Bài đánh giá	Thời điểm	CLOs	Công cụ và tiêu chí đánh giá*	Tỷ lệ (%)
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
Chuyên cần	Thái độ học tập trên lớp Trả lời câu hỏi trên lớp Trả lời các câu hỏi thảo luận	Tuần 1-13	CLO1- CLO3	Nhật ký giảng dạy của giảng viên với các tiêu chí đánh giá (i) Mức độ tham gia (ii) Mức độ tương tác; (iii) Chất lượng câu trả lời	10%
Đánh giá quá trình	Bài kiểm tra giữa kỳ.	Tuần 5	CLO1- CLO3	Đáp án phân thị trắc nghiệm. Mức độ hợp lý của các lập luận.	20%
	Trình bày nhóm: Báo cáo phân tích một vấn đề liên quan đến Kinh tế lao động (cung cầu lao động, vốn con người, thất nghiệp, công đoàn, di cư lao động, phân biệt đối xử)	Tuần 12-13	CLO1-CLO4	Phiếu đánh giá với các tiêu chí : (i) Nội dung; (ii) Hình thức đẹp; (iii) Trình bày hấp dẫn, thuyết phục; (iv) Mức độ hợp tác trong trả lời câu hỏi; (v) Thời gian trình bày	20%
Đánh giá cuối kỳ	Bài thi cuối kỳ	Lịch thi học phần	CLO1-CLO4	Theo yêu cầu bài thi	50%

8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (LESSON PLAN)

Bảng 8.1. Kế hoạch giảng dạy

Thứ t	Nội dung giảng dạy	Tài liệu đọc	CLOs	Hoạt động dạy và học	Công cụ và tiêu chí đánh giá
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
1	<p>Giới thiệu môn học và phổ biến các quy tắc, lịch trình giảng dạy</p> <p>Chương 1: Nhập môn kinh tế lao động</p> <p>1.1. Thị trường lao động</p> <p>1.2. Các nhân vật chính</p> <p>1.3. Tại sao cần học thuyết</p>	<p>Đề cương học phần [1], Chương 1</p>	<p>CLO 1.1</p> <p>CLO 1.2</p> <p>CLO 1.3</p>	<p>Giới thiệu học phần</p> <p>Đặt ra yêu cầu học tập</p> <p>Hướng dẫn đọc tài liệu</p> <p>Hướng dẫn tìm tài liệu</p> <p>Hướng dẫn làm việc nhóm</p> <p>Chia nhóm làm việc</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời</p>
2	<p>Chương 2: cung lao động</p> <p>2.1. Lực lượng lao động</p> <p>2.2. Mô hình sở thích của người lao động</p> <p>2.3. Đường giới hạn ngân sách</p> <p>2.4. Quyết định làm việc của người lao động</p>	<p>[1], Chương 2</p>	<p>CLO1.1</p> <p>CLO1.2</p> <p>CLO2.1</p>	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và bài tập trên lớp</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời trên lớp.</p>
3	<p>Chương 2: cung lao động</p> <p>2.5. Đường cung lao động cá nhân</p> <p>2.6. Các nhóm yếu tố tác động đến cung lao động</p> <p>2.7. Chính sách của nhà nước trong điều</p>	<p>[1], Chương 2</p>	<p>CLO 1.1</p> <p>CLO 1.2</p> <p>CLO 1.3</p> <p>CLO 2.1</p> <p>CLO 3.1</p>	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và bài tập trên lớp</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời trên lớp.</p>

	tiết cung lao động				
4	Chương 3: Cầu lao động 3.1. Hàm sản xuất của doanh nghiệp 3.2. Quyết định thuê lao động ngắn hạn 3.3. Quyết định thuê lao động trong dài hạn 3.4. Yếu tố ảnh hưởng đến cầu lao động	[1], Chương 3	CLO 1.1 CLO 1.2 CLO 1.3 CLO 2.1 CLO 3.1	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và bài tập trên lớp	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp.
5	Chương 3: Cầu lao động 3.5. Chính sách điều tiết cầu lao động 3.6. Độ co giãn thay thế 3.7. Luật Marshall về cầu phái sinh	[1], Chương 3	CLO 1.1 CLO 1.2 CLO 1.3 CLO 2.1 CLO 3.1	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và bài tập trên lớp	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp.
6	Chương 4: Cân bằng trên thị trường lao động 4.1. Cân bằng trên một thị trường lao động 4.2. Cân bằng giữa các thị trường lao động 4.3. Những nhân tố cơ bản tác động đến cân bằng thị trường lao động	[1], Chương 4	CLO 1.1 CLO 1.2 CLO 1.3 CLO 2.1 CLO 3.1	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và bài tập trên lớp	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi

7	<p>Chương 4: Cân bằng trên thị trường lao động</p> <p>4.4. Đánh giá chính sách</p> <p>4.5. Di cư và cân bằng trên thị trường lao động</p> <p>4.6. Mô hình Cobweb</p>			<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và bài tập trên lớp</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi</p>
8	<p>Chương 5: Vốn nhân lực</p> <p>5.1. Khái niệm và vai trò của giáo dục trên thị trường lao động</p> <p>5.2. Khái niệm vốn nhân lực</p> <p>5.3. Mô hình đi học</p>	[1], Chương 5	<p>CLO 1.1</p> <p>CLO 1.2</p> <p>CLO 1.3</p> <p>CLO 2.1</p> <p>CLO 3.1</p>	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và bài tập trên lớp</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi</p>
9	<p>Chương 5: Vốn nhân lực</p> <p>5.3. Giáo dục và thu nhập</p> <p>5.4. Đào tạo trong công việc</p> <p>5.5. Giáo dục như một tín hiệu</p>	[1], Chương 5	<p>CLO 1.1</p> <p>CLO 1.2</p> <p>CLO 1.3</p> <p>CLO 2.1</p> <p>CLO 3.1</p>	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và bài tập trên lớp</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời trên lớp.</p>
10	Thực hành	[2]	<p>CLO 2.1</p> <p>CLO 2.2</p> <p>CLO 3.1</p> <p>CLO 3.2</p> <p>CLO 4.1</p> <p>CLO 4.2</p>	<p>- Đánh giá bài tập cá nhân</p> <p>- Thảo luận nhóm tình huống thực tế doanh nghiệp</p> <p>Tranh luận</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời trên lớp.</p>

11	<p>Chương 6: Di cư lao động 6.1. Khái niệm và phân loại 6.2. Di chuyển lao động 6.3. Di chuyển nghề nghiệp 6.4. Chính sách điều tiết của Nhà nước</p>	[1], Chương 6	CLO 1.1 CLO 1.2 CLO 1.3 CLO 2.1 CLO 3.1	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và bài tập trên lớp	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp.
12	<p>Chương 7: Phân biệt đối xử 7.1 Khái niệm 7.2 Các hình thức phân biệt đối xử 7.3. Những ảnh hưởng của phân biệt đối xử đến cân bằng thị trường lao động 7.4 Đo lường sự phân biệt đối xử</p>	[1], Chương 7	CLO 1.1 CLO 1.2 CLO 1.3 CLO 2.1 CLO 3.1	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và bài tập trên lớp	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp.
13	<p>Chương 8: Tổ chức công đoàn 8.1 Khái niệm và bản chất tổ chức công đoàn 8.2 Các nhân tố ảnh hưởng đến sự gia nhập tổ chức công đoàn 8.3 Tác động của công đoàn đến cân bằng thị trường lao động 8.4 Đình công</p>	[1], Chương 8	CLO 1.1 CLO 1.2 CLO 1.3 CLO 2.1 CLO 3.1	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và bài tập trên lớp	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp.

14	Chương 9: Thất nghiệp 9.1. Khái niệm thất nghiệp 9.2. Phân loại thất nghiệp 9.3. Chính sách của Nhà nước 9.4. Thất nghiệp tại các quốc gia trên thế giới	[1], Chương 9	CLO2.1 CLO 2.2 CLO 3.1 CLO 3.2 CLO 4.1 CLO 4.2	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và bài tập trên lớp	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp.
15	Thuyết trình Ôn tập/hệ thống.		CLO 1.1 CLO 1.2 CLO 1.3 CLO 2.1 CLO 3.1	Các nhóm thuyết trình, thảo luận Hệ thống Kiến thức	Phiếu đánh giá với các tiêu chí : (i) Nội dung; (ii) Hình thức đẹp; (iii) Trình bày hấp dẫn, thuyết phục; (iv) Mức độ hợp tác trong trả lời câu hỏi; (v) Thời gian trình bày
-	Bài thi cuối kỳ		CLO1- CLO4	Sinh viên làm bài thi theo lịch	Theo yêu cầu bài thi

9. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN (COURSE REQUIREMENTS AND EXPECTATION)

9.1. Quy định về điều kiện thi kết thúc học phần

- Sinh viên được tham dự thi cuối kỳ/thi kết thúc học phần (50%) nếu có điểm chuyên cần (10%) đạt mức 5 điểm trở lên (thang 10).

9.2. Quy định về tham dự lớp học

- Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý. Mỗi buổi vắng mặt sẽ bị trừ 1 điểm đánh giá quá trình. Sinh viên vắng quá 3 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại.
- Sinh viên sẽ được cộng điểm cho mỗi lần phát biểu xây dựng bài, có thể bù đắp cho điểm quá trình, điểm kiểm tra và điểm bài tập nhóm.
- Sinh viên không nộp bài tập nhóm sẽ nhận điểm 0 (không) cho bài tập sau cùng. Nhóm sinh viên nộp bài trễ sẽ bị trừ 1 điểm cho mỗi ngày nộp muộn.

9.3. Quy định về hành vi lớp học

- Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.
- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 10 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.
- Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học; không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.
- Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

PHỤ TRÁCH BỘ MÔN

Ngân

PGS.TS. VŨ HOÀNG NGÂN

TRƯỞNG KHOA

Ngân

PGS.TS. VŨ HOÀNG NGÂN

Hà Nội, ngày 26 tháng 7 năm 2021
TRƯỞNG KHOA
ĐẠI HỌC SIKH
QUỐC DÂN
PHẠM HỒNG CHƯƠNG

PGS.TS. PHẠM HỒNG CHƯƠNG

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT

(Ban hành kèm theo quyết định số 1345/QĐ/ĐHKTQD, ngày 16 tháng 3 năm 2021)

1. THÔNG TIN TỔNG QUÁT (GENERAL INFORMATION)

- Tên học phần (tiếng Việt):	KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG
- Tên học phần (tiếng Anh)	ENVIRONMENTAL ECONOMICS AND MANAGEMENT
- Mã số học phần	MTKT1104
- Thuộc khối kiến thức	Kiến thức cơ sở ngành
- Số tín chỉ	3 tín chỉ (45 giờ tín chỉ; 50 phút/giờ)
+ Số tiết lý thuyết	30
+ Số tiết thảo luận/thực hành	15
+ Số tiết tự học	90
- Các học phần tiên quyết:	Kinh tế học vi mô 1

2. THÔNG TIN BỘ MÔN QUẢN LÝ VÀ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY

Họ và tên: TS. Nguyễn Công Thành

Văn phòng: Phòng 1401, nhà A1, Trường Đại học Kinh tế quốc dân

Điện thoại: 0944008982

Email: thanhnc@neu.edu.vn

Các giảng viên tham gia:

1. Ths. Nguyễn Quang Hồng – Bộ môn Kinh tế - Quản lý Tài nguyên và Môi trường
2. PGS.TS Lê Hà Thanh – Bộ môn Kinh tế - Quản lý Tài nguyên và Môi trường
3. TS. Ngô Thanh Mai – Bộ môn Kinh tế - Quản lý Tài nguyên và Môi trường
4. TS. Nguyễn Diệu Hằng – Bộ môn Kinh tế - Quản lý Tài nguyên và Môi trường
5. PGS.TS Lê Thu Hoa – Bộ môn Kinh tế - Quản lý Tài nguyên và Môi trường
6. PGS.TS. Vũ Hoài Thu – Bộ môn Kinh tế - Quản lý Biến đổi khí hậu
7. PGS.TS. Đinh Đức Trường – Bộ môn Kinh tế - Quản lý Biến đổi khí hậu

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN (COURSE DESCRIPTIONS)

Kinh tế và quản lý môi trường (KT&QL MT) nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn của mối quan hệ tương tác, phụ thuộc lẫn nhau giữa nền kinh tế và môi trường; giải thích nguyên nhân kinh tế của những thất bại đối với các vấn đề tài nguyên - môi trường và các giải pháp khắc phục; các mô hình khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên tái tạo và không tái tạo đạt hiệu quả kinh tế - xã hội và sinh thái; đánh giá giá trị kinh tế của tài nguyên và môi trường phục vụ việc ra quyết định quản lý;

phân tích các chủ thể và công cụ quản lý tài nguyên - môi trường nhằm giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa môi trường và các hoạt động kinh tế của con người.

Môn học tiếp cận các xu hướng mới trong giải quyết các vấn đề môi trường quốc gia và toàn cầu như: phát triển bền vững, tăng trưởng xanh và xây dựng nền kinh tế xanh, sản xuất và tiêu dùng bền vững, giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu.

4. TÀI LIỆU THAM KHẢO (LEARNING RESOURCES: COURSE BOOKS, REFERENCE BOOKS, AND SOFTWARES)

Giáo trình

Nguyễn Thế Chinh (Chủ biên) (2003), *Kinh tế và Quản lý Môi trường*, Nhà xuất bản Thống kê.

Tài liệu khác:

1. Barry Field và Nancy Oleviler (Tài liệu dịch) (2005), *Kinh tế môi trường*, Chương trình Kinh tế và Môi trường Đông Nam Á (EEPSEA). Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

2. Boardman, Greenberg, D., Vining, A., Weimer (1996), *Phân tích chi phí - lợi ích: Lý thuyết và thực hành*, xuất bản lần 2. Prentice Hall. New York.

3. Kerry T., Pearce D. & Ian Bateman (2005), *Giới thiệu cơ bản về Kinh tế môi trường*. Dịch bởi nhóm cán bộ giảng dạy lớp Kinh tế Tài nguyên và Môi trường. Tài trợ bởi chương trình Kinh tế và Môi trường Đông Nam Á (EEPSEA).

4. Tietenberg, T. (2003), *Environmental and Natural Resource Economics*, HarperCollins, New York.

5. Whittington, D (2002), *Improving the Performance of Contingent Valuation Studies in Developing Countries*, Environmental and Resource Economics.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN (COURSE GOALS)

Bảng 5.1. Mục tiêu học phần

TT	Mô tả mục tiêu học phần	CDR (PLO) của CTĐT**	Mức độ***
[1]	[2]	[3]	[4]
G1	Hiểu và phân tích các quan điểm và cách tiếp cận của kinh tế học trong nghiên cứu và giải quyết mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và bảo vệ tài nguyên - môi trường nhằm đảm bảo sự phát triển kinh tế liên tục, ổn định và bền vững		3
G2	Có kỹ năng thực hiện nghiên cứu, vận dụng các công cụ phân tích kinh tế để giải thích sự thất bại của thị trường đối với các vấn đề ô nhiễm, suy thoái tài nguyên - môi trường và các giải pháp khắc phục.		3

T1	Mô tả mục tiêu học phần	CĐR (PLO) của CTĐT**	Mức độ***
[1]	[2]	[3]	[4]
G3	Bước đầu trang bị cho người học nhận thức về bối cảnh xã hội, nhận thức đạo đức nghề nghiệp, đạo đức môi trường, trách nhiệm xã hội		3

6. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN (COURSE LEARNING OUTCOMES)

Bảng 6.1. Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Mục tiêu	CLOs	Mô tả CLOs*	Mức độ đạt được**
[1]	[2]	[3]	[4]
G1	CLO1.1	Hiểu và giải thích được bản chất kinh tế của ô nhiễm, đo lường các thiệt hại kinh tế do ô nhiễm và lượng giá giá trị kinh tế của tài nguyên, môi trường; các công cụ kinh tế và quản lý để giải quyết các vấn đề môi trường.	2
	CLO1.2	Hiểu và giải thích được cách tiếp cận, các xu hướng mới trong giải quyết các vấn đề môi trường trong quá trình phát triển kinh tế xã hội như làng trường xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế phát thải thấp, kinh tế biến đổi khí hậu...	2
G2	CLO2.1	Vận dụng các kiến thức, công cụ của kinh tế - quản lý môi trường, kinh tế - quản lý tài nguyên trong việc đề xuất và triển khai các giải pháp quản lý ngành lĩnh vực được đào tạo theo mục tiêu phát triển bền vững	3
	CLO2.2	Có khả năng thực hành và triển khai các kiến thức của chuyên ngành đào tạo vào đánh giá, phân tích, ra quyết định gắn với mục tiêu phát triển bền vững, bảo vệ môi trường, bảo vệ vốn tự nhiên.	3
G3	CLO3.1	Có khả năng tự học, tự tìm hiểu tài liệu để hoàn thành các bài học và giải quyết được các vấn đề thực tiễn.	3
	CLO3.2	Có ý thức tổ chức kỷ luật, tuân thủ các nội quy lớp học, có tinh thần hợp tác và trách nhiệm cá nhân đối với các hoạt động được giao.	3

7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN (COURSE ASSESSMENT)

Bảng 7.1. Đánh giá học phần

Hình thức đánh giá	Nội dung/ Bài đánh giá	Thời điểm	CLOs	Công cụ và tiêu chí đánh giá*	Tỷ lệ (%)
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
Chuyên cần	Tham dự đầy đủ các buổi học (không nghỉ quá 20% tổng số giờ khóa học) Trả lời câu hỏi trên lớp Trả lời các câu hỏi thảo	Tuần 1-14	CLO1.1 CLO1.2 CLO2.1 CLO2.2	Nhật ký giảng dạy của giảng viên với các tiêu chí đánh giá (i) Mức độ tham gia (ii) Mức độ tương tác ; (iii) Chất lượng câu trả lời	10%

Hình thức đánh giá	Nội dung/ Bài đánh giá	Thời điểm	CLOs	Công cụ và tiêu chí đánh giá*	Tỷ lệ (%)
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
	luận		CLO3.1 CLO3.2		
Đánh giá quá trình	Bài kiểm tra cá nhân (20%)	Tuần 6	CLO1.1 CLO1.2	Bài làm đảm bảo đúng yêu cầu đề ra của giảng viên. Thời lượng 1 tiết.	40%
	Bài tập nhóm (20%)	Tuần 10	CLO2.1 CLO2.2	Trình bày được vấn đề và cách thức giải quyết vấn đề của nhóm theo những vấn đề mà giảng viên gợi ý.	
Đánh giá cuối kỳ	Bài thi cuối kỳ	Lịch thi học phần	CLO1.1 CLO1.2 CLO2.1 CLO2.2	Tự luận. Thời gian làm bài 90 phút.	50%

8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (LESSON PLAN)

Bảng 8.1. Kế hoạch giảng dạy

Tuần	Nội dung giảng dạy*	Tài liệu đọc**	CLOs	Hoạt động dạy và học***	Công cụ đánh giá****
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
1	Làm quen, giới thiệu học phần, logic của học phần và vai trò, vị trí của học phần trong CTĐT	Đề cương học phần; Giáo trình	CLO1.1 CLO1.2	Hướng dẫn đọc tài liệu Hướng dẫn tìm tài liệu Đặt ra yêu cầu học tập Giới thiệu học phần Thảo luận mở về những vấn đề liên quan đến môn học.	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
2-3	Chương 1: Mối quan hệ giữa Kinh tế và Môi trường 1.1. Các khái niệm cơ bản về môi trường 1.2. Mối quan hệ giữa kinh tế và môi trường 1.3. Phát triển bền vững 1.4 Cơ sở kinh tế trong nghiên cứu môi trường	Giáo trình	CLO1.1	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời

Tuần	Nội dung giảng dạy*	Tài liệu đọc**	CLOs	Hoạt động dạy và học***	Công cụ đánh giá****
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
4-5	<p>Chương 2: Kinh tế học chất lượng môi trường</p> <p>2.1. Chất lượng môi trường và thị trường chất lượng môi trường</p> <p>2.2. Ngoại ứng và thất bại thị trường đối với chất lượng môi trường</p> <p>2.3. Hàng hóa công cộng và thất bại thị trường đối với hàng hóa môi trường</p> <p>2.4. Ô nhiễm tối ưu</p> <p>2.5. Các giải pháp của chính phủ để giải quyết ngoại ứng</p> <p>2.6. Các giải pháp dựa vào thỏa thuận để giải quyết ngoại ứng</p>	Giáo trình	CLO1.1 CLO1.2	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời</p>
6-7	<p>Chương 3: Kinh tế tài nguyên thiên nhiên</p> <p>3.1. Khái niệm và phân loại tài nguyên thiên nhiên</p> <p>3.2. Kinh tế tài nguyên thiên nhiên không tái tạo</p> <p>3.3. Kinh tế tài nguyên thiên nhiên có thể tái tạo</p> <p>Bài kiểm tra lần 1</p>	Giáo trình	CLO1.1 CLO1.2	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời</p> <p>Hoàn thành bài kiểm tra lần 1</p>
8-9	<p>Chương 4: Đánh giá kinh tế giá trị của tài nguyên và môi trường</p> <p>4.1. Lượng giá tài nguyên và môi trường</p> <p>4.2. Phân tích kinh tế tài nguyên và môi trường</p>	Giáo trình	CLO1.1 CLO1.2 CLO 2.1	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời</p>

Tuần	Nội dung giảng dạy*	Tài liệu đọc**	CLOs	Hoạt động dạy và học***	Công cụ đánh giá****
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
	4.3. Phân tích Chi phí - Lợi ích				
10	Thuyết trình bài tập nhóm, thảo luận nhóm		CLO2.1 CLO2.2	Sinh viên thuyết trình theo nhóm, mỗi nhóm 4 – 5 sinh viên cùng thảo luận một vấn đề đi từ cơ sở lí thuyết đến thực trạng và giải pháp Thảo luận các tình huống đặt ra của các bạn và thầy cô.	
11-12	Chương 5: Quản lý tài nguyên và môi trường 5.1. Những vấn đề chung về quản lý tài nguyên và môi trường 5.2. Quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường 5.3. Quản lý môi trường trong doanh nghiệp 5.4. Quản lý tài nguyên và môi trường dựa vào cộng đồng 5.5. Quản lý các vấn đề môi trường toàn cầu	Giáo trình	CLO1.1 CLO1.2 CLO2.1 CLO2.2	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
13-14	Chương 6: Kinh tế học các vấn đề môi trường toàn cầu 6.1. Kinh tế học biến đổi khí hậu 6.2 Kinh tế tuần hoàn 6.3 Kinh tế chất thải 6.4 Kinh tế xanh và năng lượng xanh	Giáo trình	CLO1.1 CLO1.2	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra.	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời

9. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN (COURSE REQUIREMENTS AND EXPECTATION)

9.1. Quy định về điều kiện thi kết thúc học phần

- Sinh viên được tham dự thi cuối kỳ/thi kết thúc học phần (50%) nếu có điểm chuyên cần (10%) đạt mức 5 điểm trở lên (thang 10).

9.2. Quy định về tham dự lớp học

- Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Số tiết vắng mặt vượt quá 20% tổng số tiết của học phần (vì bất kể lý do gì) thì sinh viên được đánh giá là không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại.
- Sinh viên phải đến lớp đúng giờ. Một buổi vắng mặt sẽ tính khi: (i) 3 buổi đi muộn; hoặc (ii) rời lớp trước khi buổi học kết thúc.
- Sinh viên không tham dự và/hoặc không nộp bài kiểm tra sẽ nhận điểm 0 (không) cho bài kiểm tra đó.
- Sinh viên không tham gia làm bài tập nhóm sẽ nhận điểm 0 (không) cho bài tập nhóm đó. Mức độ tham gia của sinh viên trong nhóm được đánh giá thông qua việc giảng viên chỉ định sinh viên trình bày hoặc trả lời câu hỏi.

9.3. Quy định về hành vi lớp học

- Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.
- Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.
- Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

Trưởng Bộ môn

Thành

TS. Nguyễn Công Thành

Trưởng khoa

Trường

PGS.TS. Đinh Đức Trường

Hiệu trưởng



PGS.TS. Phạm Hồng Chương

1000

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT

(Ban hành kèm theo quyết định số 145/QĐ/ĐHKTD, ngày 26 tháng 5 năm 2021)

1. THÔNG TIN TỔNG QUÁT (GENERAL INFORMATION)

- Tên học phần (tiếng Việt):	Kinh tế đầu tư
- Tên học phần (tiếng Anh)	Investment Economics
- Mã số học phần	DTKT1154
- Thuộc khối kiến thức	Kiến thức cơ sở ngành/Kiến thức ngành
- Số tín chỉ	3 tín chỉ (45 giờ tín chỉ; 50 phút/giờ)
+ Số giờ lý thuyết	30
+ Số giờ thảo luận/Thực hành	15
+ Số giờ tự học	90
- Các học phần tiên quyết	Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vi mô 1

2. THÔNG TIN BỘ MÔN QUẢN LÝ VÀ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY

Bộ môn quản lý: Kinh tế Đầu tư

Địa chỉ: Phòng 1104 Nhà A1, Trường ĐH Kinh tế Quốc dân

Giảng viên tham gia giảng dạy:

TT	Họ và tên	Email
1	PGS.TS. Phạm Văn Hùng	hungpv@neu.edu.vn
2	TS. Nguyễn Thị Ái Liên	lienna@neu.edu.vn
3	PGS.TS. Từ Quang Phương	phuongtq@neu.edu.vn
4	TS. Nguyễn Hồng Minh	minhnh@neu.edu.vn
5	TS. Nguyễn Thị Thu Hà	hadautu@neu.edu.vn
6	TS. Phan Thị Thu Hiền	hienpt@neu.edu.vn
7	TS. Trần Thị Mai Hoa	hoatm@neu.edu.vn
8	TS. Hoàng Thị Thu Hà	hoangthuha@neu.edu.vn
9	TS. Nguyễn Thị Thương	thuongnt@neu.edu.vn
10	Ths. Nguyễn Duy Tuấn	tuand@neu.edu.vn
11	Ths. Đinh Anh Tuấn	tuandinh@neu.edu.vn

12	Ths. Đinh Thùy Dung	dtdung@neu.edu.vn
13	Ths. Phạm Thu Vân	vanpthu@neu.edu.vn
14	Ths. Phạm Trần Minh Trang	trangpm@neu.edu.vn
15	Ths. Đào Minh Hoàng	hoangmd@neu.edu.vn
16	Ths. Lương Hương Giang	luonghuonggiang@neu.edu.vn
17	TS. Trần Thị Mai Hương	maihuong@neu.edu.vn
18	TS. Đào Văn Thanh	thanhdv@neu.edu.vn

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN (COURSE DESCRIPTIONS)

Học phần Kinh tế đầu tư trang bị cho người học kiến thức cơ bản về kinh tế và quản lý hoạt động đầu tư phát triển. Học phần làm rõ bản chất của hoạt động đầu tư và đầu tư phát triển, đặc điểm của hoạt động đầu tư phát triển và vai trò của hoạt động đầu tư phát triển đối với nền kinh tế. Đề huy động vốn cho hoạt động đầu tư, học phần cung cấp kiến thức về bản chất của nguồn vốn đầu tư, các nguồn huy động vốn cho đầu tư phát triển. Nhằm đạt mục tiêu hoạt động đầu tư, học phần trang bị kiến thức về quản lý nhà nước và kế hoạch hóa hoạt động đầu tư; đánh giá kết quả và hiệu quả của hoạt động đầu tư phát triển. Bên cạnh đó, hoạt động đầu tư phát triển doanh nghiệp trong doanh nghiệp cũng được làm rõ như nguồn vốn và nội dung đầu tư phát triển doanh nghiệp. Học phần này cũng trang bị cho sinh viên kiến thức tổng quan về quan hệ quốc tế trong đầu tư.

4. TÀI LIỆU THAM KHẢO (LEARNING RESOURCES: COURSE BOOKS, REFERENCE BOOKS, AND SOFTWARES)

Giáo trình

1. Từ Quang Phương, Phạm Văn Hùng (2012), *Kinh tế đầu tư*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.

Tài liệu khác

- Luật Doanh nghiệp
- Luật Đầu tư
- Luật Đầu tư công
- Luật Xây dựng
- Nguyễn Bạch Nguyệt (2013), *Lập dự án đầu tư*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN (COURSE GOALS)

Bảng 5.1. Mục tiêu học phần

TT	Mô tả mục tiêu học phần	CDR (PLO) của CTĐT**	Mức độ***
----	----------------------------	----------------------	-----------

[1]	[2]	[3]	[4]
G1	Nhận biết và hiểu được các kiến thức cơ bản về kinh tế đầu tư: đầu tư, hoạt động đầu tư phát triển, nguồn vốn đầu tư, quản lý hoạt động đầu tư, đầu tư phát triển trong doanh nghiệp, kết quả và hiệu quả đầu tư phát triển và đầu tư quốc tế.		3
G2	Có kỹ năng thực hiện nghiên cứu, kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá các vấn đề liên quan đến hoạt động đầu tư phát triển ở các cấp quản lý khác nhau.		3
G3	- Có ý thức tổ chức kỷ luật; năng động, nhiệt huyết và có tinh thần hợp tác và trách nhiệm với công việc. - Có khả năng tự học tập, tự nghiên cứu, làm việc nhóm, phát hiện và giải quyết vấn đề, tích lũy kinh nghiệm để tiếp tục học cao hơn nhằm nâng cao trình độ chuyên môn.		3

6. CITUẬN ĐẦU RA HỌC PHẦN (COURSE LEARNING OUTCOMES)

Bảng 6.1. Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Mức tiêu HP	CLOs	Mô tả CLOs*	Mức độ đạt được**
[1]	[2]	[3]	[4]
G1	CLO1.1	Nhận biết và hiểu được bản chất của hoạt động đầu tư, hoạt động đầu tư phát triển, vai trò của đầu tư phát triển đối với nền kinh tế.	3
	CLO1.2	Nhận biết, hiểu và phân tích được bản chất của nguồn vốn đầu tư, các loại nguồn vốn trên góc độ nền kinh tế và trên góc doanh nghiệp. Nắm được các điều kiện huy động có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư.	3
	CLO1.3	Hiểu khái niệm, mục tiêu, nguyên tắc, nội dung, phương pháp, công cụ quản lý hoạt động đầu tư và kế hoạch hoá đầu tư và vận dụng vào hoạt động quản lý đầu tư.	3

Mục tiêu HP	CLOs	Mô tả CLOs*	Mức độ đạt được**
	CLO1.4	Hiểu và phân tích được khái niệm, ý nghĩa và các tiêu chí phân loại đầu tư phát triển trong doanh nghiệp, các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định đầu tư trong doanh nghiệp, các nguồn vốn đầu tư và nội dung đầu tư phát triển trong doanh nghiệp.	3
	CLO1.5	Phân tích đánh giá kết quả và hiệu quả của hoạt động đầu tư phát triển trên góc độ dự án, doanh nghiệp, ngành, địa phương và nền kinh tế.	3
	CLO1.6	Hiểu về bản chất, nhân tố ảnh hưởng và vai trò của đầu tư quốc tế	3
G2	CLO2.1	Có khả năng phân tích được các tình huống thực tiễn về hoạt động đầu tư phát triển ở cấp quản lý khác nhau bằng cách vận dụng các kiến thức đã học.	3
G3	CLO3.1	Hình thành kỹ năng tự học tập, tự nghiên cứu, phát hiện vấn đề, phân tích và giải quyết vấn đề	3
	CLO3.2	Tạo lập và tham gia các hoạt động nhóm tốt, tự đánh giá và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của nhóm, làm việc hiệu quả cùng sinh viên khác để hoàn thành nhiệm vụ nhóm	3

7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN (COURSE ASSESSMENT)

Bảng 7.1. Đánh giá học phần

Hình thức đánh giá	Nội dung/ Bài đánh giá	Thời điểm	CLOs	Tiêu chí đánh giá*	Tỷ lệ (%)
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
Chuyên cần	Tham dự đầy đủ và tích cực các buổi học (không nghỉ quá 20% tổng số giờ khóa học)	Tuần 1-13	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO1.4 CLO1.5 CLO1.6 CLO2.1	Nhật ký giảng dạy của giảng viên với các tiêu chí đánh giá (i) Mức độ tham gia (ii) Mức độ tương tác; (iii) Chất lượng câu trả	10%

			CLO3.1 CLO3.2	lời	
Đánh giá quá trình	Có hai bài đánh giá quá trình - Bài kiểm tra 1 Hình thức: Tự luận - Bài tập nhóm Hình thức: Các nhóm viết báo cáo và thuyết trình Mỗi bài sẽ được tính là 20%/bài.	Tuần 7	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3	Bài làm đảm bảo đúng yêu cầu đề ra của giảng viên	40%
		Tuần 12	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO1.4 CLO1.5 CLO1.6 CLO2.1 CLO3.1 CLO3.2	Bài làm đảm bảo đúng yêu cầu đề ra của giảng viên	
Đánh giá cuối kỳ	Bài thi cuối kỳ	Lịch thi học phần	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO1.4 CLO1.5 CLO1.6 CLO2.1 CLO3.1	Theo yêu cầu bài thi	50%

8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (LESSON PLAN)

Bảng 8.1. Kế hoạch giảng dạy

Tuần	Nội dung giảng dạy*	Tài liệu đọc**	CLOs	Hoạt động dạy và học***	Công cụ đánh giá****
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]

1	<p>Chương 1: Tổng quan về đầu tư và đầu tư phát triển</p> <p>1.1. Khái niệm và phân loại hoạt động đầu tư</p> <p>1.2. Bản chất của đầu tư phát triển</p>	1 2 3 4 5	CLO1.1	<p>Giới thiệu học phần, tài liệu tham khảo, mục tiêu học phần, phương pháp đánh giá, lịch trình giảng dạy, thành lập nhóm.</p> <p>Đặt ra yêu cầu học tập</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời</p>
2	<p>Chương 1: Tổng quan về đầu tư và đầu tư phát triển</p> <p>1.3. Bản chất của đầu tư phát triển</p> <p>1.4. Tác động của đầu tư phát triển đến tăng trưởng và phát triển kinh tế</p>	1 2 3 4	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời</p>
3	<p>Chương 1: Tổng quan về đầu tư và đầu tư phát triển</p> <p>1.4. Tác động của đầu tư phát triển đến tăng trưởng và phát triển kinh tế</p> <p>Chương 2: Nguồn vốn cho đầu tư</p> <p>2.1. Khái niệm và bản chất của nguồn vốn đầu tư</p>	1 2 3 4 5	CLO1.1 CLO1.2 CLO2.1 CLO3.1	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời</p>

4	Chương 2: Nguồn vốn cho đầu tư 2.1. Khái niệm và bản chất của nguồn vốn đầu tư 2.2. Các nguồn huy động vốn đầu tư	1		Sinh viên đọc bài trước	Mức độ tham gia
		2		khí tới lớp	
		3	CLO1.2	Giảng viên giảng lý thuyết	Mức độ tương tác
		4	CLO2.1		
		5	CLO3.1	Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Chất lượng câu trả lời
5	Chương 2: Nguồn vốn cho đầu tư 2.2. Các nguồn huy động vốn đầu tư 2.3. Điều kiện huy động có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư	1		Sinh viên đọc bài trước	Mức độ tham gia
		2		khí tới lớp	
		3	CLO1.2	Giảng viên giảng lý thuyết	Mức độ tương tác
		4	CLO2.1		
		5	CLO3.1	Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Chất lượng câu trả lời
6	Chương 3: Quản lý và kế hoạch hóa hoạt động đầu tư 3.1. Khái niệm, mục tiêu và nguyên tắc quản lý đầu tư 3.2. Phương pháp và công cụ quản lý hoạt động đầu tư	1		Sinh viên đọc bài trước	Mức độ tham gia
		2		khí tới lớp	
		3	CLO1.3	Giảng viên giảng lý thuyết	Mức độ tương tác
		4	CLO2.1		
		5	CLO3.1	Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Chất lượng câu trả lời
		6			
7	Chương 3: Quản lý và kế hoạch hóa hoạt động đầu tư 3.3. Nội dung quản lý hoạt động đầu tư 3.4. Kế hoạch hoá hoạt động đầu tư phát triển	1		Sinh viên làm bài kiểm tra trong 1 tiết	Mức độ tham gia
		2			
		3	CLO1.3	Giảng viên giảng lý thuyết	Mức độ tương tác
		4	CLO2.1		
		5	CLO3.1	Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Chất lượng câu trả lời
		6			
8	Chương 4: Đầu tư phát triển trong doanh nghiệp 4.1. Khái niệm, ý nghĩa và phân loại đầu tư phát triển trong	1		Trả bài kiểm tra và giải đáp thắc mắc	Mức độ tham gia
		2	CLO1.4		
		3	CLO2.1	Sinh viên đọc bài trước	Mức độ tương tác
		4	CLO3.1	khí tới lớp	

	doanh nghiệp 4.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định đầu tư trong doanh nghiệp	5 6		Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Chất lượng câu trả lời
9	Chương 4: Đầu tư phát triển trong doanh nghiệp 4.3. Nguồn vốn đầu tư của doanh nghiệp 4.4. Nội dung cơ bản của đầu tư phát triển trong doanh nghiệp	1 2 3 4 5	CLO1.4 CLO2.1 CLO3.1	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
10	Chương 5: Kết quả và hiệu quả của đầu tư phát triển 5.1. Kết quả của hoạt động đầu tư phát triển 5.2. Hiệu quả của hoạt động đầu tư phát triển	1 2 3 4 5	CLO1.5 CLO2.1 CLO3.1	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
11	Chương 5: Kết quả và hiệu quả của đầu tư phát triển 5.2. Hiệu quả của hoạt động đầu tư phát triển	1 2 3 4	CLO1.5 CLO2.1 CLO3.1	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
12	Chương 6: Đầu tư quốc tế 6.1. Tổng quan về đầu tư quốc tế 6.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến đầu tư quốc tế	1 2 3 4 5 6	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO1.4 CLO1.5 CLO1.6 CLO2.1	Thuyết trình bài tập nhóm. Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời

			CLO3.1 CLO3.2	Thảo luận các tình huống	
13	Chương 6: Đầu tư quốc tế 6.3. Vai trò của đầu tư quốc tế 6.4. Đầu tư quốc tế tại Việt Nam	1 2 3 4 5 6	CLO1.6 CLO2.1 CLO3.1	Thuyết trình bài tập nhóm và giải đáp thắc mắc Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời

9. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN (COURSE REQUIREMENTS AND EXPECTATION)

9.1. Quy định về điều kiện thi kết thúc học phần

- Sinh viên được tham dự thi cuối kỳ/thi kết thúc học phần (50%) nếu có điểm chuyên cần (10%) đạt mức 5 điểm trở lên (thang 10).
- Sinh viên đạt tất cả các điểm kiểm tra học phần (40%), mỗi bài kiểm tra đạt mức 5 điểm trở lên (thang 10).

9.2. Quy định về tham dự lớp học

- Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý. Mỗi buổi vắng mặt sẽ bị trừ 1 điểm đánh giá quá trình. Sinh viên vắng quá 3 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại.
- Sinh viên sẽ được cộng điểm cho mỗi lần phát biểu xây dựng bài, có thể bù đắp cho điểm quá trình, điểm kiểm tra và điểm bài tập nhóm.
- Sinh viên không tham dự kiểm tra, không nộp bài tập nhóm sẽ nhận điểm 0 (không). Nhóm sinh viên nộp bài trễ sẽ bị trừ 1 điểm cho mỗi ngày nộp muộn.

9.3. Quy định về hành vi lớp học

- Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.
- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định.

- Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học; không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.
- Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

Hà Nội, ngày 26 tháng 7 năm 2021.

TRƯỜNG BỘ MÔN

TRƯỜNG KHOA

Liên

Hùng



HIỆU TRƯỞNG

TS NGUYỄN THỊ ÁI LIÊN PGS.TS PHẠM VĂN HÙNG PGS.TS PHẠM HỒNG CHƯƠNG

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT

(Ban hành kèm theo quyết định số 134/QĐ/ĐHKTD, ngày 26 tháng 7 năm 2021)

1. THÔNG TIN TỔNG QUÁT (GENERAL INFORMATION)

- Tên học phần (tiếng Việt): Kinh tế đô thị
- Tên học phần (tiếng Anh): Urban economics
- Mã số học phần: MTDT 1127
- Thuộc khối kiến thức: Bắt buộc của ngành
- Số tín chỉ: 3TC (45 tiết)
 - + Số tiết lý thuyết: 25
 - + Số tiết thảo luận/thực hành: 20
 - + Số tiết tự học: 80
- Các học phần tiên quyết: Kinh tế học vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1

2. THÔNG TIN BỘ MÔN QUẢN LÝ VÀ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY

Bộ môn quản lý: Kinh tế và Quản lý Đô thị

Địa chỉ: Phòng 1403 Nhà A1, Trường ĐH Kinh tế Quốc dân

Giảng viên (liệt kê GV tham gia giảng dạy):

TT	Họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Kim Hoàng	0946631024	hoangnk@neu.edu.vn
2	TS. Nguyễn Thị Thanh Huyền	0912078833	huyennt@neu.edu.vn
3	TS. Bùi Thị Hoàng Lan	0936125066	lanbh@neu.edu.vn
4	TS Dương Đức Tâm	0967836789	tamdd@neu.edu.vn

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN (COURSE DESCRIPTIONS)

Học phần này sẽ nghiên cứu chức năng của nền kinh tế đô thị, phân tích các vấn đề như sử dụng đất, giao thông đô thị, phân phối thu nhập hay tội phạm trong đô thị dưới góc nhìn kinh tế. Ngoài ra môn học cũng sử dụng các công cụ kinh tế để phân tích tại sao các đô thị tồn tại và phát triển? tại sao thành phố này lại phát triển hơn thành phố kia? các hoạt động khác nhau được bố trí, sắp đặt như thế nào trong đô thị? Môn học sẽ nghiên cứu hành vi ra quyết định về lựa chọn vị trí của hộ gia đình và doanh nghiệp hướng tới mục tiêu tối ưu hóa lợi ích

4. TÀI LIỆU THAM KHẢO (LEARNING RESOURCES: COURSE BOOKS, REFERENCE BOOKS, AND SOFTWARES)

Giáo trình

Nguyễn Đình Hương và Nguyễn Hữu Đoàn (2002), Giáo trình Kinh tế đô thị, Nhà xuất bản Giáo dục

Tài liệu khác

1. Arthur O'Sullivan (1992), *Urban Economics*, McGraw-Hill Irwin
2. John F. McDonald (1997), *Fundamentals of Urban economics*, Nhà xuất bản Prentice Hall

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN (COURSE GOALS)

Bảng 5.1. Mục tiêu học phần

TT	Mô tả mục tiêu học phần	CDR (PLO) của CTĐT**	Mức độ***
[1]	[2]	[3]	[4]
G1	Cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về kinh tế đô thị, chức năng và nguyên lý các hoạt động diễn ra trong đô thị. Cho người học hiểu được lý do tồn tại và vai trò của thành phố trong nền kinh tế thị trường	1.1	3
G2	Giới thiệu với người học công cụ và mô hình kinh tế hữu dụng trong phân tích hành vi để áp dụng cho các doanh nghiệp và hộ gia đình trong điều kiện xác định lựa chọn vị trí nhằm tối đa hóa lợi nhuận và lợi ích.	1.2	4
G3	Cung cấp cho người học kỹ năng phân tích tích hợp các vấn đề về chính sách quản lý đô thị và vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết những tình huống cụ thể tại đô thị như vấn đề sử dụng đất, giao thông, giáo dục, thương mại, việc làm và tội phạm trong đô thị	1.3	4
G4	Học phần rèn luyện cho sinh viên kỹ năng độc lập tìm kiếm, đọc và tổng hợp thông tin khoa học từ nhiều nguồn tài liệu (một kỹ năng quan trọng khi thực hiện các nghiên cứu khoa học), từ đó hiểu được các nguyên lý, nguyên tắc, đồng thời có thể trình bày lại các nội dung kiến thức đó thông qua các bài thuyết trình. Ngoài ra, các kỹ năng làm việc theo nhóm cũng được nhấn mạnh thông qua việc các nội dung đánh giá được thực hiện thông qua kết quả làm việc theo nhóm.	2.1 2.2	3
G5	Bước đầu trang bị cho người học nhận thức về bối cảnh xã hội, nhận thức đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội	3.1	3

6. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN (COURSE LEARNING OUTCOMES)

Bảng 6.1. Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Mục tiêu	CLOs	Mô tả CLOs*	Mức độ đạt được**
[1]	[2]	[3]	[4]
G1	CLO1.1	Hiểu, giải thích được các kiến thức kinh tế học vi mô và vĩ mô trong bối cảnh đô thị	3
	CLO1.2	Hiểu, giải thích cấu trúc của các khu vực đô thị, hình thái đô thị	3
G2	CLO2.1	Hiểu rõ lý thuyết vị trí để áp dụng cho các hộ gia đình và doanh nghiệp lựa chọn vị trí một cách tối ưu	4
G3	CLO3.1	Áp dụng lý thuyết kinh tế quy mô, kinh tế kết hợp và các ngoại ứng trong phân tích các vấn đề cụ thể ở đô thị	4
	CLO3.2	Có khả năng phân tích, đánh giá các giải pháp quản lý đô thị trên khía cạnh kinh tế về một đô thị cụ thể trong thực tiễn.	4
G4	CLO4.1	Thực hành khả năng làm việc nhóm	3
	CLO4.2	Thể hiện kỹ năng thu thập thông tin và phân tích các hoạt động xảy ra trong đô thị cụ thể	3
G5	CLO5.1	Có nhận thức về bối cảnh xã hội	3
	CLO5.2	Có nhận thức đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội	3

7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN (COURSE ASSESSMENT)

Bảng 7.1. Đánh giá học phần

Hình thức đánh giá	Nội dung/ Bài đánh giá	Thời điểm	CLOs	Công cụ và tiêu chí đánh giá*	Tỷ lệ (%)
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
Chuyên cần	Tham dự đầy đủ các buổi học Thái độ học tập trên lớp Trả lời câu hỏi trên lớp Trả lời các câu hỏi thảo luận Ý thức trong việc chuẩn bị bài trên lớp và bài tập về nhà	Tuần 1-13	CLO1.1 CLO1.2 CLO2.1 CLO3.1 CLO3.2 CLO4.1 CLO4.2 CLO5.1 CLO5.2	Nhật ký giảng dạy của giảng viên với các tiêu chí đánh giá (i) Mức độ tham gia (ii) Mức độ tương tác (iii) Chất lượng câu trả lời (iv) Ý thức làm bài tập trên lớp và BTVN	10%
Đánh giá quá trình (Bài tập nhóm và bài tập cá nhân)	Bài kiểm tra cá nhân: tự luận/bài tập lớn	Tuần 8	CLO1.1 CLO1.2 CLO2.1 CLO3.1 CLO3.2	Đánh giá với các tiêu chí (i) Nội dung; (ii) Cách trình bày	40%

	Bài tập nhóm	Tuần 12	CLO1.1 CLO1.2 CLO2.1 CLO3.1 CLO3.2 CLO4.1 CLO4.2 CLO 5.1 CLO5.2	Đánh giá với các tiêu chí : (i) Nội dung; (ii) Hình thức slide, bản báo cáo; (iii) Mức độ hấp dẫn và thuyết phục của bài trình bày; (iv) Chất lượng các câu trả lời; (v) Thời gian trình bày (vi) Mức độ hoàn thiện bài tập nhóm sau khi được nhận xét, góp ý	
Đánh giá cuối kỳ	Bài thi cuối kỳ	Lịch thi học phần	CLO1.1 CLO1.2 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1 CLO3.2	Theo yêu cầu bài thi	50%

8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (LESSON PLAN)

Bảng 8.1. Kế hoạch giảng dạy

Tuần n	Nội dung giảng dạy	Tài liệu đọc	CLOs	Hoạt động dạy và học	Công cụ và tiêu chí đánh giá
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
1	Làm quen, giới thiệu học phần, logic của học phần và vai trò, vị trí của học phần trong CTĐT	Đề cương học phần	CLO1.1 CLO4.1 CLO4.2	Giới thiệu học phần Đặt ra yêu cầu học tập Hướng dẫn đọc tài liệu Hướng dẫn tìm tài liệu Hướng dẫn làm việc nhóm Chia nhóm làm việc	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
2	Chương 1. Tổng quan về Đô thị 1.1. Một số khái niệm 1.2. Phân loại đô thị	[1]*, Chương 1	CLO1.1 CLO1.2 CLO2.1 CLO5.1 CLO5.2	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi
3	Chương 1. Tổng quan về Đô thị 1.3. Sự hình thành và phát triển đô thị	[1], Chương 1	CLO1.1 CLO1.2 CLO2.1 CLO5.1 CLO5.2	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi
4	Chương 2. Tăng trưởng kinh tế đô thị 2.1. Nền kinh tế đô thị và cơ cấu kinh tế đô thị 2.2. Tăng trưởng kinh tế đô thị	[1], Chương 2	CLO3.2 CLO5.1	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi
5	Chương 2. Tăng trưởng kinh tế đô thị 2.2. Tăng trưởng kinh tế đô thị (tiếp)	[1], Chương 2	CLO3.1 CLO3.2 CLO5.1	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi

	2.3. Lợi ích và chi phí của tăng trưởng kinh tế đô thị				
6	Chương 3 : Đất đô thị 3.1. Tổng quan chung về đất đô thị 3.2. Thị trường đất đô thị	[1], Chương 3	CLO2.1 CLO 3.1 CLO5.1 CLO5.2	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi
7	Chương 3 : Đất đô thị 3.3. Sử dụng đất trong đô thị một trung tâm 3.4. Phân vùng và kiểm soát sử dụng đất đô thị 3.5. Sử dụng đất đô thị đa trung tâm	[1], Chương 3	CLO2.1 CLO 3.1 CLO5.1 CLO5.2	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi
8	Chương 4 : Cơ sở hạ tầng Đô thị 4.1. Những vấn đề chung về cơ sở hạ tầng 4.2. Giao thông đô thị	[1], Chương 4	CLO 3.1 CLO3.2 CLO5.1 CLO5.2	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi
9	Chương 4 : Cơ sở hạ tầng Đô thị 4.3 Giáo dục đô thị 4.4. Thương mại và dịch vụ đô thị	[1], Chương 4	CLO 3.1 CLO3.2 CLO5.1 CLO5.2	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi
10	Chương 5 : Dân số, lao động và chính sách giảm nghèo Đô thị 5.1. Dân số đô thị 5.2. Lao động và việc làm ở đô thị 5.3 Nghèo và chính sách giảm nghèo đô thị	[1], Chương 5	CLO3.2 CLO5.1 CLO5.2	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi
11	Chương 6 : Tội phạm đô thị 6.1. Tổng quan về tội phạm 6.2. Mô hình tội phạm đô thị tối ưu	[1], Chương 6	CLO3.2 CLO5.1 CLO5.2	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời

9. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN (COURSE REQUIREMENTS AND EXPECTATION)

9.1. Quy định về điều kiện thi kết thúc học phần

- Sinh viên được tham dự thi cuối kỳ/thi kết thúc học phần (50%) nếu có điểm chuyên cần (10%) đạt mức 5 điểm trở lên (thang 10).

9.2. Quy định về tham dự lớp học

- Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý. Mỗi buổi vắng mặt sẽ bị trừ 1 điểm đánh giá quá trình. Sinh viên vắng quá 3 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại.
- Sinh viên sẽ được cộng điểm cho mỗi lần phát biểu xây dựng bài, có thể bù đắp cho điểm quá trình, điểm kiểm tra và điểm bài tập nhóm.
- Sinh viên không nộp bài tập nhóm sẽ nhận điểm 0 (không) cho bài tập sau cùng. Nhóm sinh viên nộp bài trễ sẽ bị trừ 1 điểm cho mỗi ngày nộp muộn.

9.3. Quy định về hành vi lớp học

- Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.
- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 10 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.
- Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học; không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.
- Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

TRƯỞNG BỘ MÔN

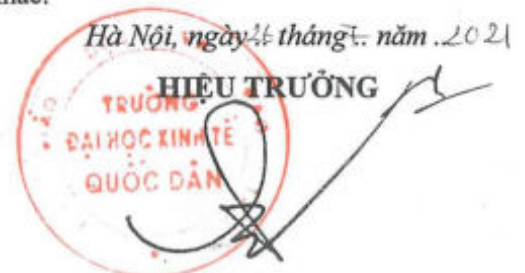
Hoàng

TS NGUYỄN KIM HOÀNG

TRƯỞNG KHOA

Trương

PGS.TS ĐÌNH ĐỨC TRƯỜNG



PGS.TS PHẠM HỒNG CHƯƠNG

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT

(Ban hành kèm theo quyết định số 134/QĐ/DHKTQD, ngày 26 tháng 7 năm 2021)

1. THÔNG TIN TỔNG QUÁT (GENERAL INFORMATION)

- Tên học phần (tiếng Việt):	Quản lý đô thị
- Tên học phần (tiếng Anh)	Urban Management
- Mã số học phần	MTDT 1120
- Thuộc khối kiến thức	Kiến thức ngành
- Số tín chỉ	3TC
+ Số tiết lý thuyết	27
+ Số tiết thảo luận/Thực hành	18
+ Số tiết tự học	90
- Các học phần tiên quyết	Không

2. THÔNG TIN BỘ MÔN QUẢN LÝ VÀ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY

Bộ môn quản lý: Kinh tế và Quản lý Đô thị

Địa chỉ: Phòng 1401 Nhà A1, Trường ĐHKQTQD Kinh tế Quốc dân

Giảng viên tham gia giảng dạy:

TT	Họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Kim Hoàng	0946631024	hoangnk@neu.edu.vn
2	TS. Nguyễn Thị Thanh Huyền	0912078833	huyentt@neu.edu.vn
3	TS. Bùi Thị Hoàng Lan	0936125066	lanbh@neu.edu.vn
4	TS Dương Đức Tâm	0967836789	tamdd@neu.edu.vn

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN (COURSE DESCRIPTIONS)

Môn học này sẽ nghiên cứu việc ứng dụng những kiến thức cơ bản của kinh tế học và kinh tế đô thị vào quản lý đô thị; Ứng dụng cho phân tích các vấn đề như sử dụng đất, giao thông đô thị, phân phối thu nhập hay tội phạm... trong đô thị dưới góc nhìn quản lý; Nghiên cứu những vấn đề có liên quan quy luật hình thành và phát triển đô thị trên góc độ quản lý; Nghiên cứu xây dựng các mối quan hệ quản lý trong việc phân bổ và sử dụng các nguồn lực của đô thị và của nền kinh tế cho phát triển đô thị. Xây dựng các giải pháp, chính sách cho phát triển đô thị.

4. TÀI LIỆU THAM KHẢO (LEARNING RESOURCES: COURSE BOOKS, REFERENCE BOOKS, AND SOFTWARES)

GIÁO TRÌNH:

1. Nguyễn Đình Hương, Nguyễn Hữu Đoàn (2003), Quản lý đô thị, NXB Giáo dục

TÀI LIỆU KHÁC:

1. Becky L. Starnes (2013), "Challenges in city management", CRC Press.
2. Nguyễn Tố Lăng (2020) Quản lý đô thị ở các nước đang phát triển, NXB Xây dựng

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN (COURSE GOALS)

Bảng 5.1. Mục tiêu học phần

TT	Mô tả mục tiêu học phần	CDR (PLO) của CTĐT**	Mức độ***
[1]	[2]	[3]	[4]
G1	Cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về quản lý đô thị, chức năng, phương pháp luận về cách tiếp cận quản lý đối với các hoạt động diễn ra trong đô thị.	1.1	3
G2	Giới thiệu với người học công cụ và mô hình quản lý hữu dụng trong phân tích hành vi của các đối tượng và môi trường quản lý đô thị.	1.2	4
G3	Cung cấp cho người học kỹ năng phân tích tích hợp, ứng dụng và đánh giá, các hoạt động quản lý chuyên ngành trong đô thị, ứng dụng các lý thuyết này trong một số tình huống cụ thể, các hoạt động diễn ra trong đô thị, các vấn đề về chính sách quản lý đô thị và vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết những tình huống cụ thể tại đô thị như quản lý sử dụng đất, nhà ở, giao thông, giáo dục và tội phạm trong đô thị	1.3	4
G4	Học phần rèn luyện cho sinh viên kỹ năng độc lập tìm kiếm, đọc và tổng hợp thông tin khoa học từ nhiều nguồn tài liệu (một kỹ năng quan trọng khi thực hiện các nghiên cứu khoa học), từ đó hiểu được các nguyên lý, nguyên tắc, đồng thời có thể trình bày lại các nội dung kiến thức đó thông qua các bài thuyết trình. Học phần cũng cung cấp các nghị định, thông tư, các giải pháp hiện tại tại bộ máy chính quyền đô thị Việt Nam đã, đang thực hiện để từ đó người học có thể hiểu được những vướng mắc mà các đô thị đang đối mặt. Ngoài ra, các kỹ năng làm việc theo nhóm cũng được nhấn mạnh thông qua việc các nội dung đánh giá được thực hiện thông qua kết quả làm việc theo nhóm.	2.1 2.2	3
G5	Bước đầu trang bị cho người học nhận thức về bối cảnh xã hội đô thị, nhận thức đạo đức nghề nghiệp quản lý đô thị, trách nhiệm xã hội. Chuẩn bị bài được giao khi đến lớp, tham gia tích cực các hoạt động thuyết trình và phân biện. Thông qua đó sẽ có khả năng tự học tập, tự nghiên cứu, tích lũy kinh nghiệm để tiếp tục học cao hơn nhằm nâng cao trình độ chuyên môn. Có khả năng đưa ra các kết luận về các vấn đề trong lĩnh vực chuyên sâu của mình; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể.	3.1	3

6. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN (COURSE LEARNING OUTCOMES)

Bảng 6.1. Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Mục tiêu	CLOs	Mô tả CLOs*	Mức độ đạt được**
[1]	[2]	[3]	[4]
G1	CLO1.1	Hiểu, giải thích được các nguyên tắc, các lĩnh vực quản lý đô thị. Hiểu được lý thuyết cơ bản, nội dung, quy trình quản lý các lĩnh vực của đô thị.	3
	CLO1.2	Hiểu, giải thích được lý thuyết cơ bản, nội dung, quy trình quản lý các lĩnh vực của đô thị.	3
G2	CLO2.1	Hiểu rõ được lý do tồn tại và vai trò của quản lý đô thị trong quá trình đô thị hóa và công nghiệp hóa 4.0	4
G3	CLO3.1	Vận dụng, phân tích các lý thuyết, nội dung, quy trình của các lĩnh vực quản lý đô thị được trang bị, từ đó vận dụng vào việc giải thích, phân tích các hoạt động quản lý đô thị hiệu quả trên từng lĩnh vực của thành phố phát sinh trong thực tế, ứng dụng các lý thuyết này trong một số tình huống cụ thể phát sinh trong thực tiễn (ví dụ: quản lý giao thông đô thị, quản lý cơ sở hạ tầng đô thị, quản lý kinh tế, việc làm đô thị... tại sao thành phố A lại quản lý hiệu quả hơn thành phố B... và đưa ra các giải pháp dựa trên quản lý đô thị.	4
	CLO3.2	Có khả năng phân tích, đánh giá các giải pháp các hoạt động quản lý đô thị hiệu quả trên từng lĩnh vực của thành phố phát sinh trong thực tế, ứng dụng các lý thuyết này trong một số tình huống cụ thể phát sinh trong thực tiễn (ví dụ: quản lý giao thông đô thị, quản lý cơ sở hạ tầng đô thị, quản lý kinh tế, việc làm đô thị... tại sao thành phố A lại quản lý hiệu quả hơn thành phố B... và đưa ra các giải pháp dựa trên quản lý đô thị.	4
G4	CLO4.1	Thực hành khả năng làm việc nhóm	3
	CLO4.2	Thể hiện kỹ năng thu thập thông tin và phân tích các hoạt động xảy ra trong đô thị cụ thể	3
G5	CLO5.1	Có nhận thức về bối cảnh xã hội	3
	CLO5.2	Có nhận thức đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội	3

7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN (COURSE ASSESSMENT)

Bảng 7.1. Đánh giá học phần

Hình thức đánh giá	Nội dung/ Bài đánh giá	Thời điểm	CLOs	Công cụ và tiêu chí đánh giá*	Tỷ lệ (%)
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
Chuyên cần	Tham dự đầy đủ các buổi học Thái độ học tập trên lớp Trả lời câu hỏi trên lớp Trả lời các câu hỏi thảo	Tuần 1-13	CLO1.1 CLO1.2 CLO2.1 CLO3.1 CLO3.2	Nhật ký giảng dạy của giảng viên với các tiêu chí đánh giá (i) Mức độ tham gia (ii) Mức độ tương tác (iii) Chất lượng câu trả lời	10%

	luận Ý thức trong việc chuẩn bị bài trên lớp và bài tập về nhà		CLO4.1 CLO4.2 CLO5.1 CLO5.2	(iv) Ý thức làm bài tập trên lớp và BTVN	
Đánh giá quá trình (<i>Bài tập nhóm và bài tập cá nhân</i>)	Bài kiểm tra cá nhân: tự luận/bài tập lớn	Tuần 8	CLO1.1 CLO1.2 CLO2.1 CLO3.1 CLO3.2	Đánh giá với các tiêu chí (i) Nội dung; (ii) Cách trình bày	40%
	Bài tập nhóm	Tuần 12	CLO1.1 CLO1.2 CLO2.1 CLO3.1 CLO3.2 CLO4.1 CLO4.2 CLO 5.1 CLO5.2	Đánh giá với các tiêu chí : (i) Nội dung; (ii) Hình thức slide, bản báo cáo; (iii) Mức độ hấp dẫn và thuyết phục của bài trình bày; (iv) Chất lượng các câu trả lời; (v) Thời gian trình bày (vi) Mức độ hoàn thiện bài tập nhóm sau khi được nhận xét, góp ý	
Đánh giá cuối kỳ	Bài thi cuối kỳ	Lịch thi học phần	CLO1.1 CLO1.2 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1 CLO3.2	Theo yêu cầu bài thi	50%

8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (LESSON PLAN)

Bảng 8.1. Kế hoạch giảng dạy

Tuần	Nội dung giảng dạy	Tài liệu đọc	CLOs	Hoạt động dạy và học	Công cụ và tiêu chí đánh giá
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
1	Làm quen, giới thiệu học phần, logic của học phần và vai trò, vị trí của học phần trong CTĐT	Đề cương học phần	CLO1.1 CLO4.1 CLO4.2	Giới thiệu học phần Đặt ra yêu cầu học tập Hướng dẫn đọc tài liệu Hướng dẫn tìm tài liệu Hướng dẫn làm việc nhóm Chia nhóm làm việc	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
2	Chương 1. Tổng quan về Đô thị 1.1. Một số khái niệm 1.2. Phân loại đô thị 1.3. Sự hình thành và phát triển đô thị 1.4. Lịch sử phát triển đô thị thế giới	[1]*, Chương 1	CLO1.1 CLO1.2 CLO2.1 CLO5.1 CLO5.2	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp. Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi
3	Chương 1. Tổng quan về Đô thị 1.5. Những đặc điểm cơ bản của đô thị ở Việt nam 1.6 Những vấn đề trong Quản lý ở đô thị 1.7. Đô thị hóa một xu thế tất yếu và ảnh hưởng của nó đến Quản lý đô thị	[1], Chương 1	CLO1.1 CLO1.2 CLO2.1 CLO5.1 CLO5.2	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi
4	Chương 2. Quản lý Quy hoạch đô thị 2.1. Khái quát về Quản lý Quy hoạch đô thị	[1], Chương 2	CLO3.2 CLO5.1	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi

	2.2. Quản lý lập và xét duyệt quy hoạch đô thị				
5	Chương 2. Quản lý Quy hoạch đô thị 2.3. Quản lý thực hiện QHĐT 2.4. Quản lý thanh tra, giám sát QHĐT	[1], Chương 2	CLO3.1 CLO3.2 CLO5.1	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi
6	Chương 3 : Quản lý và chính sách kinh tế đô thị 3.1. Tổng quan về quản lý kinh tế đô thị 3.1.1. Khái niệm, Phân loại và đặc trưng 3.1.2. Nguyên tắc 3.1.3. Công cụ và phương pháp 3.1.4. Mô hình 3.1.5. Quy trình 3.1.6. Nội dung quản lý kinh tế đô thị	[1], Chương 3	CLO2.1 CLO 3.1 CLO5.1 CLO5.2	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi
7	Chương 3 : Đất đai và nhà ở đô thị 3.2. Chính sách kinh tế kinh tế đô thị. 3.2. 1. Khái niệm 3.2. 2. Đặc trưng 3.2. 3. Các chính sách kinh tế chủ yếu	[1], Chương 3	CLO2.1 CLO 3.1 CLO5.1 CLO5.2	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi
8	Chương 4 : Quản lý dịch vụ công cộng đô thị	[1], Chương 4	CLO2.1 CLO 3.1	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp	Mức độ tham gia Mức độ tương tác

	<p>4.1. Khái niệm và phân loại dịch vụ công cộng đô thị</p> <p>4.2. Bản chất dịch vụ công cộng đô thị</p> <p>4.3. Cơ sở pháp lý và thực tiễn quản lý dịch vụ công cộng đô thị</p>		<p>CLO3.2</p> <p>CLO5.1</p> <p>CLO5.2</p>	<p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi</p>
9	<p>Chương 4 : Quản lý dịch vụ công cộng đô thị</p> <p>4.4. Nội dung quản lý dịch vụ công cộng đô thị</p> <p>4.5. Quy trình quản lý dịch vụ công cộng đô thị</p>	[1], Chương 4	<p>CLO 3.1</p> <p>CLO3.2</p> <p>CLO5.1</p> <p>CLO5.2</p>	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi</p>
10	<p>Chương 5 : Quản lý bất động sản và nhà ở đô thị</p> <p>5.1. Quản lý đất đai đô thị</p> <p>5.2. Quản lý bất động sản đô thị</p> <p>5.3. Quản lý Nhà ở đô thị</p>	[1], Chương 5	<p>CLO3.2</p> <p>CLO5.1</p> <p>CLO5.2</p>	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi</p>
11	<p>Chương 6 : Quản lý cơ sở hạ tầng đô thị</p> <p>6.1. Tổng quan về CSHTĐT</p> <p>6.2. Quản lý một số CSHTĐT</p>	[1], Chương 6	<p>CLO3.2</p> <p>CLO5.1</p> <p>CLO5.2</p>	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi</p>
12	<p>Trình bày bài tập nhóm (các tình huống về thực tiễn trong đô thị như tăng trưởng kinh tế đô thị, đô thị hóa, nhà ở, đất đai, tội phạm, cơ sở hạ tầng đô thị...)</p>		<p>CI.04.1</p> <p>CLO4.2</p>	<p>Nhóm sinh viên thuyết trình và trả lời câu hỏi</p> <p>Giảng viên và các thành viên trong lớp đặt câu hỏi, nhận xét</p>	<p>Đánh giá với các tiêu chí :</p> <p>(i) Nội dung;</p> <p>(ii) Hình thức slide;</p> <p>(iii) Trình bày hấp dẫn, thuyết phục;</p> <p>(iv) Chất lượng câu trả lời;</p>

					(v) Thời gian trình bày; (vi) Mức độ hoàn thiện bài tập nhóm sau khi được nhận xét, góp ý
13	Ôn tập, tổng kết học phần			Giảng viên tổng hợp kiến thức học phần Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra Giảng viên giải đáp các thắc mắc của sinh viên	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp
14	Bài thi cuối kỳ		CLO1.1 CLO1.2 CLO2.1 CLO3.1 CLO3.2 CLO3.3	Sinh viên làm bài thi theo lịch	Theo yêu cầu bài thi

[1]*: Nguyễn Đình Hương, Nguyễn Hữu Đoàn (2003), Quản lý đô thị, NXB Giáo dục

	6.3. Hoạt động phòng, chống tội phạm			hỏi giảng viên đặt ra	trên lớp và bài thi
12	Trình bày bài tập nhóm (các tình huống về thực tiễn trong đô thị như tăng trưởng kinh tế đô thị, đô thị hóa, nhà ở, đất đai, tội phạm, cơ sở hạ tầng đô thị...)		CLO4.1 CLO4.2	Nhóm sinh viên thuyết trình và trả lời câu hỏi Giảng viên và các thành viên trong lớp đặt câu hỏi, nhận xét	Đánh giá với các tiêu chí : (i) Nội dung; (ii) Hình thức slide; (iii) Trình bày hấp dẫn, thuyết phục; (iv) Chất lượng câu trả lời; (v) Thời gian trình bày; (vi) Mức độ hoàn thiện bài tập nhóm sau khi được nhận xét, góp ý
13	Ôn tập, tổng kết học phần			Giảng viên tổng hợp kiến thức học phần Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra Giảng viên giải đáp các thắc mắc của sinh viên	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp
14	Bài thi cuối kỳ		CLO1.1 CLO1.2 CLO2.1 CLO3.1 CLO3.2 CLO3.3	Sinh viên làm bài thi theo lịch	Theo yêu cầu bài thi

[1]*: Nguyễn Đình Hương và Nguyễn Hữu Đoàn (2002), Giáo trình Kinh tế đô thị, Nhà xuất bản Giáo dục

9. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN (COURSE REQUIREMENTS AND EXPECTATION)

9.1. Quy định về điều kiện thi kết thúc học phần

- Sinh viên được tham dự thi cuối kỳ/thi kết thúc học phần (50%) nếu có điểm chuyên cần (10%) đạt mức 5 điểm trở lên (thang 10).

9.2. Quy định về tham dự lớp học

- Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý. Mỗi buổi vắng mặt sẽ bị trừ 1 điểm đánh giá quá trình. Sinh viên vắng quá 3 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại.
- Sinh viên sẽ được cộng điểm cho mỗi lần phát biểu xây dựng bài, có thể bù đắp cho điểm quá trình, điểm kiểm tra và điểm bài tập nhóm.
- Sinh viên không nộp bài tập nhóm sẽ nhận điểm 0 (không) cho bài tập sau cùng. Nhóm sinh viên nộp bài trễ sẽ bị trừ 1 điểm cho mỗi ngày nộp muộn.

9.3. Quy định về hành vi lớp học

- Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.
- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 10 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.
- Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học; không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.
- Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2021

TRƯỞNG BỘ MÔN

Hoàng

TS NGUYỄN KIM HOÀNG

TRƯỞNG KHOA

Nhiệm

PGS.TS ĐÌNH ĐỨC TRƯỜNG

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS PHẠM HỒNG CHƯƠNG

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT

(Ban hành kèm theo quyết định số 1345/QĐ/ĐHKTQD, ngày 26 tháng 7... năm 2021)

1. THÔNG TIN TỔNG QUÁT (GENERAL INFORMATION)

- Tên học phần (tiếng Việt):	Quản lý dự án đô thị
- Tên học phần (tiếng Anh)	Urban project management
- Mã số học phần	MTDT1124
- Thuộc khối kiến thức	Kiến thức ngành
- Số tín chỉ	3 tín chỉ
+ Số giờ lý thuyết	30
+ Số giờ thảo luận/thực hành	15
+ Số giờ tự học	90
- Các học phần tiên quyết	Không

2. THÔNG TIN BỘ MÔN QUẢN LÝ VÀ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY

Bộ môn quản lý: Kinh tế và Quản lý Đô thị

Địa chỉ: Phòng 1401 Nhà A1, Trường ĐH Kinh tế Quốc dân

Giảng viên tham gia giảng dạy:

TT	Họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Kim Hoàng	0946631024	hoangnk@neu.edu.vn
2	TS. Nguyễn Thị Thanh Huyền	0912078833	huyennt@neu.edu.vn
3	TS. Bùi Thị Hoàng Lan	0936125066	lanbh@neu.edu.vn
4	TS Dương Đức Tâm	0967836789	tamdd@neu.edu.vn

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN (COURSE DESCRIPTIONS)

Học phần này sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức bổ trợ cơ bản về phương pháp lập và phân tích, quản lý dự án trên địa bàn đô thị. Những vấn đề lý luận chung về dự án đô thị; Trình tự và nội dung nghiên cứu của quá trình soạn thảo dự án đô thị; Nội dung cần phân tích trong quá trình soạn thảo dự án khả thi; Một số vấn đề về quản lý dự án như: các mô hình tổ chức quản lý dự án hiệu quả, điều phối và quản lý thời gian, chi phí, chất lượng, nhân sự... của dự án đô thị; Đánh giá và theo dõi dự án trong quá trình thực hiện.

4. TÀI LIỆU THAM KHẢO (LEARNING RESOURCES: COURSE BOOKS, REFERENCE

BOOKS, AND SOFTWARES)

Giáo trình

1. Nguyễn Kim Hoàng (2019), *Quản lý dự án đô thị*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân.

Tài liệu khác

2. Blaylock, Jim, and Rudd McGary. (2002). *Project Management A to Z*. Columbus, Ohio: PM Best Practices, Inc.
3. Cable, Dwayne P., and John R. Adams. (1997). *Principles of Project Management*. Upper Darby, Pa.: Project Management Institute.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN (COURSE GOALS)

Bảng 5.1. Mục tiêu học phần

TT	Mô tả mục tiêu học phần	CDR (PLO) của CTĐT**	Mức độ***
[1]	[2]	[3]	[4]
G1	Sinh viên nhận biết và hiểu được các kiến thức cơ bản về cách lập và phân tích, quản lý dự án trên địa bàn đô thị. Mục tiêu của học phần bảo đảm tính khoa học, liên thông và hiện đại hoá kiến thức liên ngành.	PLO1.1.2 PLO1.2.2 PLO1.2.3	4
G2	Sinh viên có kỹ năng vận dụng được kiến thức để thực hiện các chức năng phát triển kỹ năng lập luận, phân tích các vấn đề cơ bản trong dự án đô thị. Làm việc độc lập và tự chịu trách nhiệm.	PLO2.1.1	4
G3	- Có ý thức tổ chức kỷ luật; năng động, nhiệt huyết và có tinh thần hợp tác và trách nhiệm với công việc. - Có khả năng tự học tập, tích lũy kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn.	PLO3.1.1	4

6. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN (COURSE LEARNING OUTCOMES)

Bảng 6.1. Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Mức tiêu IIP	CLOs	Mô tả CLOs*	Mức độ đạt được**
[1]	[2]	[3]	[4]
G1	CLO1.1	Cung cấp cho người học các khái niệm, các nguyên lý cơ bản về quản lý dự án đô thị	4
	CLO1.2	Giúp cho người học hiểu về nguyên tắc lập và quản lý dự án đô thị, phân tích cơ bản về dự án đô thị	4
	CLO1.3	Vận dụng các lý thuyết, mô hình tổ chức quản lý dự án đô thị vào việc phân tích, đánh giá và giải thích các vấn đề trong dự án đô thị.	4
G2	CLO2.1	Có kỹ năng tìm kiếm tài liệu, phân tích, tổng hợp, khái quát các vấn đề trong dự án đô thị, rủi ro dự án đô thị, quản lý dự án đô thị để chuẩn bị cho các bài thuyết trình nhóm.	4
	CLO2.2	Có khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc theo nhóm để giải quyết các nội dung được phân công.	4
G3	CLO3.1	Có khả năng tự học tập, tích lũy kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn.	4
	CLO3.2	Có khả năng đưa ra các kết luận, giải pháp về các vấn đề nảy sinh trong dự án đô thị; có năng lực lập kế hoạch, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể thông qua các bài tập nhóm.	4

7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN (COURSE ASSESSMENT)

Bảng 7.1. Đánh giá học phần

Hình thức đánh giá	Nội dung/ Bài đánh giá	Thời điểm	CLOs	Tiêu chí đánh giá*	Tỷ lệ (%)
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
Chuyên cần	Tham dự đầy đủ các buổi học (không nghỉ quá 20% tổng số giờ khóa học)	Tuần 1-13	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO2.1 CLO2.2	Nhật ký giảng dạy của giảng viên với các tiêu chí đánh giá (i) Mức độ tham gia (ii) Mức độ tương tác; (iii) Chất lượng	10%

				câu trả lời	
Đánh giá quá trình	Có hai bài kiểm tra giữa kỳ - Bài 1 sau chương 4 - Bài 2 sau chương 7	Tuần 8	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3	Bài làm đảm bảo đúng yêu cầu đề ra của giảng viên	40%
		Tuần 13	CLO2.1 CLO2.2	Bài tập nhóm, thuyết trình	
Đánh giá cuối kỳ	Bài thi cuối kỳ	Lịch thi học phần	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO2.1 CLO2.2	Hình thức thi tự luận	50%

8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (LESSON PLAN)

Bảng 8.1. Kế hoạch giảng dạy

Tuần	Nội dung giảng dạy*	Tài liệu đọc**	CLOs	Hoạt động dạy và học***	Công cụ đánh giá****
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
1	Chương 1 1.1. Đồ thị, dự án đô thị và đặc điểm của dự án đô thị 1.2. Quản lý dự án đô thị	1 2 3	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	Giới thiệu học phần Đặt ra yêu cầu học tập Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
2	Chương 2 2.1. Xác định dự án đô thị 2.2. Nghiên cứu chi tiết	1 3	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời

3	<p>Chương 2</p> <p>2.3. Thẩm định và phê duyệt dự án đô thị</p> <p>2.4. Triển khai thực hiện dự án đô thị</p>	<p>1</p> <p>3</p>	<p>CLO.1.1</p> <p>CLO.1.2</p> <p>CLO.1.3</p>	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời</p>
4	<p>Chương 3</p> <p>3.1. Phân tích kỹ thuật</p> <p>3.2. Phân tích tài chính</p>	<p>1</p> <p>2</p> <p>3</p>	<p>CLO.1.1</p> <p>CLO.1.2</p> <p>CLO.1.3</p>	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời</p>
5	<p>Chương 3</p> <p>3.3. Phân tích kinh tế xã hội</p> <p>3.4. Một số phương pháp phân tích khác</p>	<p>1</p> <p>2</p> <p>3</p>	<p>CLO.1.1</p> <p>CLO.1.2</p> <p>CLO.1.3</p>	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời</p>
6	<p>Chương 4</p> <p>4.1. Nguyên tắc quản lý đấu thầu và chỉ định thầu</p> <p>4.2. Hình thức lựa chọn nhà thầu</p>	<p>1</p> <p>2</p>	<p>CLO.1.1</p> <p>CLO.1.2</p> <p>CLO.1.3</p>	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời</p>
7	<p>Chương 4</p> <p>4.3. Phương thức đấu thầu</p> <p>4.4. Quản lý Nhà nước về đấu thầu</p>	<p>1</p> <p>2</p>	<p>CLO.1.1</p> <p>CLO.1.2</p> <p>CLO.1.3</p>	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời</p>
8	<p>Kiểm tra lần 1</p> <p>Chương 5</p> <p>5.1. Kiểm soát dự án đô thị</p>	<p>1</p> <p>2</p>	<p>CLO.1.1</p> <p>CLO.1.2</p> <p>CLO.1.3</p>	<p>Sinh viên làm bài kiểm tra trong 1 tiết</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời</p>

	5.2. Đánh giá dự án đô thị			và câu hỏi giảng viên đặt ra	
9	<p>Chương 6</p> <p>6.1. Các mô hình tổ chức quản lý dự án</p> <p>6.2. Xây dựng đội ngũ quản lý dự án</p> <p>6.3. Các vấn đề của nhóm</p> <p>6.4. Các giai đoạn phát triển của nhóm nhân sự dự án đô thị</p>	<p>1</p> <p>2</p> <p>3</p>	<p>CLO.1.1</p> <p>CLO.1.2</p> <p>CLO.1.3</p>	<p>Trả bài kiểm tra và giải đáp thắc mắc</p> <p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời</p>
10	<p>Chương 7</p> <p>7.1. Nguồn gốc và phân loại rủi ro đối với dự án đô thị</p> <p>7.2. Tiến trình quản lý rủi ro</p> <p>7.3. Đánh giá rủi ro và phân tích biến động của giá</p>	<p>1</p> <p>2</p>	<p>CLO.1.1</p> <p>CLO.1.2</p> <p>CLO.1.3</p>	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời</p>
11	<p>Chương 8</p> <p>8.1. Quản lý thời gian dự án và tiến độ dự án đô thị</p> <p>8.2. Dự toán ngân sách và quản lý chi phí dự án đô thị</p>	<p>1</p> <p>3</p>	<p>CLO.1.1</p> <p>CLO.1.2</p> <p>CLO.1.3</p>	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời</p>
12	<p>Chương 8</p> <p>8.3. Quản lý chất lượng dự án đô thị</p> <p>8.4. Quản lý truyền</p>	<p>1</p> <p>3</p>	<p>CLO.1.1</p> <p>CLO.1.2</p> <p>CLO.1.3</p>	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời</p>

	thông dự án đô thị			và câu hỏi giảng viên đặt ra	
13	Kiểm tra lần 2			Sinh viên viết báo cáo, thuyết trình theo nhóm	Mức độ tham gia
	Chương 8		CLO.1.1		Mức độ tương tác
	8.5. Quản lý trang thiết bị dự án đô thị	1 3	CLO.1.2 CLO.1.3	Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống	Chất lượng câu trả lời
14	Bài thi cuối kỳ			Sinh viên làm bài thi theo lịch	Theo yêu cầu bài thi/kiểu đề thi

- **1.** Nguyễn Kim Hoàng (2019), *Quản lý dự án đô thị*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân.
 2. Blaylock, Jim, and Rudd McGary. (2002). *Project Management A to Z*. Columbus, Ohio: PM Best Practices, Inc.
 3. Cable, Dwayne P., and John R. Adams. (1997). *Principles of Project Management*. Upper Darby, Pa.: Project Management Institute.

9. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN (COURSE REQUIREMENTS AND EXPECTATION)

9.1. Quy định về điều kiện thi kết thúc học phần

Sinh viên được tham dự thi cuối kỳ/thi kết thúc học phần là điểm chuyên cần (10%) đạt mức 5 điểm trở lên (thang 10).

9.2. Quy định về tham dự lớp học

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ các buổi học trên lớp. Số tiết vắng mặt vượt quá 20% tổng số tiết của học phần (vì bất kể lý do gì) thì sinh viên phải đăng ký học lại.
- Sinh viên phải đến lớp đúng giờ. Một buổi vắng mặt sẽ tính khi: (i) 3 buổi đi muộn; hoặc (ii) rời lớp trước khi buổi học kết thúc.
- Sinh viên không tham dự buổi làm bài kiểm tra sẽ nhận điểm 0 (không) bài kiểm tra đó.

9.3. Quy định về hành vi lớp học

- Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm
- Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.
- Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

TRƯỞNG BỘ MÔN

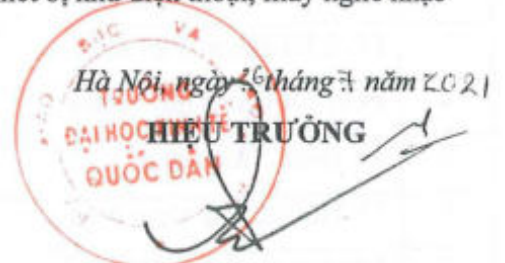
TRƯỞNG KHOA

Hương

Đức

TS NGUYỄN KIM HOÀNG

PGS.TS ĐÌNH ĐỨC TRƯỜNG



PGS.TS PHẠM HỒNG CHƯƠNG

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT

(Ban hành kèm theo quyết định số 1315/QĐ/ĐHKTD, ngày 20 tháng 07 năm 2021)

1. THÔNG TIN TỔNG QUÁT (GENERAL INFORMATION)

- Tên học phần (tiếng Việt): Kinh tế vi mô 2
- Tên học phần (tiếng Anh): Microeconomics 2
- Mã số học phần: KHMI1102
- Thuộc khối kiến thức: Ngành
- Loại học phần: Bắt buộc
- Số tín chỉ: 3 tín chỉ (45 giờ tín chỉ; 50 phút/giờ)
 - + Số tiết lý thuyết: 30
 - + Số tiết thảo luận/thực hành: 15
 - + Số tiết tự học: 90
- Các học phần tiên quyết: Kinh tế vi mô 1
- Học kỳ thực hiện: 3
- Phương thức thực hiện: (Online, offline hay blended)
- Ngôn ngữ giảng dạy và học tập: Tiếng Việt

2. THÔNG TIN BỘ MÔN QUẢN LÝ VÀ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY

Bộ môn quản lý: Kinh tế vi mô

Địa chỉ: Phòng 808 Nhà A1, Trường ĐHKinh tế Quốc dân

Giảng viên (liệt kê GV tham gia giảng dạy):

TT	Họ và tên	Số điện thoại	Email
1	PGS.TS Vũ Kim Dũng	0912045463	Dungvk@neu.edu.vn
2	PGS.TS Hồ Đình Bảo	0943947241	Baohd@neu.edu.vn
3	PGS.TS Phạm Văn Minh	0904240700	Minhvp@neu.edu.vn
4	PGS.TS Cao Thúy Xiêm	0904538601	Xiemet@neu.edu.vn
5	TS Đinh Thiện Đức	0913214246	Ducdt@neu.edu.vn
6	TS Hoàng Thị Thúy Nga	0968158777	Ngaht@neu.edu.vn
7	TS Ngô Tuấn Anh	0926992989	Ngotuananh@neu.edu.vn
8	TS Đồng Thị Hà	0912440609	Hadtkt@neu.edu.vn
9	TS Đoàn Việt Dũng	0947171333	Dungdv@neu.edu.vn

TT	Họ và tên	Số điện thoại	Email
10	TS Nguyễn Hoài Sơn	0904025016	Hoaisonkt@gmail.com
11	TS Vũ Ngọc Xuân	0916866653	Xuanvn@neu.edu.vn
12	ThS Nguyễn Phạm Anh	0983762605	Anhnp@neu.edu.vn

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN (COURSE DESCRIPTIONS)

Học phần này cung cấp kiến thức chuyên sâu về kinh tế học vi mô, mở rộng và phân tích sâu hơn các nội dung đã nghiên cứu ở kinh tế học vi mô I. Cụ thể, sử dụng công cụ toán học và một số công cụ định lượng để phân tích các vấn đề về hành vi người tiêu dùng, hành vi người sản xuất, hành vi của hãng trong các cấu trúc thị trường, hành vi của người bán, người mua trong thị trường yếu tố sản xuất. Một chủ đề hoàn toàn mới được đưa vào nghiên cứu trong học phần này là lựa chọn trong điều kiện rủi ro. Đồng thời, vai trò của chính phủ trong nền kinh tế hỗn hợp cũng được xem xét sâu hơn: tự lý do phải can thiệp đến quan điểm và phương pháp can thiệp để khắc phục thất bại của thị trường. Học phần này cung cấp các kiến thức cơ sở ngành cho nhiều chuyên ngành trong lĩnh vực kinh tế và quản trị kinh doanh.

Ngoài ra, môn học cũng đề cập đến những nội dung khác như sự tác động của các biến phi kinh tế khác, rủi ro và không chắc chắn... nhằm giúp cho người học có thể nắm bắt được các kiến thức trong kinh tế vi mô một cách đầy đủ và có hệ thống hơn. Các công cụ toán học và mô hình được sử dụng trong suốt môn học nhằm trình bày các vấn đề kinh tế vi mô như: sở thích, lợi ích, công nghệ, sản xuất, chi phí, lợi nhuận... một cách logic và hướng người học tới các phân tích định lượng về kinh tế.

4. TÀI LIỆU THAM KHẢO (LEARNING RESOURCES: COURSE BOOKS, REFERENCE BOOKS, AND SOFTWARES)

Giáo trình

1. PGS.TS Vũ Kim Dũng – PGS.TS Nguyễn Văn Công (2012), *Giáo trình Kinh tế học tập 1*, Nhà xuất bản Đại học KTQD.
2. Bộ môn kinh tế vi mô (2010), *Giáo trình kinh tế vi mô II*, Nhà xuất bản Đại học KTQD

Tài liệu khác

3. Bộ môn kinh tế vi mô (2009), *Hướng dẫn thực hành kinh tế vi mô II*, Nhà xuất bản Thống kê.
4. PGS.TS Vũ Kim Dũng – TS Đinh Thiện Đức (2010), *Bài tập Kinh tế vi mô*, Nhà xuất bản LĐ-XH.
5. Bộ môn Kinh tế vi mô (2010), *Bài tập Kinh tế học quản lý*, Nhà xuất bản LĐ-XH.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN (COURSE GOALS)

Bảng 5.1. Mục tiêu học phần

TT	Mô tả mục tiêu học phần	CDR (PLO) của CTĐT**	Mức độ***
[1]	[2]	[3]	[4]
G1	Sinh viên nhận biết và hiểu được các kiến thức chuyên sâu và hiện đại về kinh tế vi mô 2 cho phân tích kinh tế và hoạch định chính sách.	PLO1.1 PLO1.2 PI.O1.2	2
G2	Sinh viên có kỹ năng vận dụng được kiến thức để thực hiện các chức năng pháp triển kỹ năng lập luận, phân tích, phát hiện và giải quyết các vấn đề chuyên sâu về các vấn đề kinh tế vi mô, đặc biệt là phân tích định lượng các mối quan hệ kinh tế đơn giản. Làm việc độc lập và tự chịu trách nhiệm.	PLO2.1 PLO2.2	3
G3	- Có ý thức tổ chức kỷ luật, năng động, nhiệt huyết và có tinh thần hợp tác và trách nhiệm với công việc. - Có khả năng tự học tập, tích lũy kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn.	PLO3.1	3

6. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN (COURSE LEARNING OUTCOMES)

Bảng 6.1. Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Mục tiêu	CLOs	Mô tả CLOs*	Mức độ đạt được**
[1]	[2]	[3]	[4]
G1	CLO1.1	Cung cấp hệ thống các lý thuyết và mô hình kinh tế được sử dụng rộng rãi trong Kinh tế vi mô. Nghiên cứu, phân tích, tổng hợp, khái quát các vấn đề kinh tế vi mô chuyên sâu.	2
	CLO1.2	Ứng dụng các lý thuyết/mô hình này vào việc phân tích, đánh giá các chính sách của Chính phủ và vận dụng vào dự	2

Mục tiêu	CLOs	Mô tả CLOs*	Mức độ đạt được**
[1]	[2]	[3]	[4]
		đoán và dự báo cho thời kỳ tương lai.	
G2	CLO2.1	Phát triển các kỹ năng thực hiện nghiên cứu, phân tích, tổng hợp, khái quát các vấn đề kinh tế vi mô chuyên sâu. Sử dụng thành thạo các mô hình kinh tế vi mô.	3
	CLO2.2	Khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc theo nhóm để giải quyết các nội dung.	3

7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN (COURSE ASSESSMENT)

Bảng 7.1. Đánh giá học phần

Hình thức đánh giá	Nội dung/ Bài đánh giá	Thời điểm	CLOs	Tiêu chí đánh giá*	Tỷ lệ (%)
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
Chuyên cần	Tham dự đầy đủ các buổi học (không nghỉ quá 20% tổng số giờ khóa học)	Tuần 1-15	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO2.1 CLO2.2	Nhật ký giảng dạy của giảng viên với các tiêu chí đánh giá (i) Mức độ tham gia (ii) Mức độ tương tác; (iii) Chất lượng câu trả lời	10%
Đánh giá quá trình (bài kiểm tra tự luận)	Có 01 bài kiểm tra giữa kỳ sau khi học hết chương 6. Thời gian làm bài 90 phút	Tuần 11	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3	Bài làm đảm bảo đúng yêu cầu đề ra của giảng viên	30%
Đánh giá cuối kỳ	Bài thi cuối kỳ	Lịch thi học phần	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO2.1 CLO2.2	Tự luận trong 90 phút	60%

8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (LESSON PLAN)

Bảng 8.1. Kế hoạch giảng dạy

Tuần	Nội dung giảng dạy*	Tài liệu đọc**	CLOs	Hoạt động dạy và học***	Công cụ đánh giá****
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
1	Chương 1. Các mô hình kinh tế 1.1. Mô hình kinh tế 1.2. Tối ưu hóa và một số mô hình kinh tế ví mô cơ bản	1 2	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	Giới thiệu học phần Đặt ra yêu cầu học tập Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
2	Chương 2. Lý thuyết cầu 2.1. Các lý thuyết kinh tế về hành vi người tiêu dùng	1 2	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
3	Chương 2. Lý thuyết cầu 2.2. Có giãn của cầu và ý nghĩa của các loại hệ số co giãn	1 2	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
4	Chương 3. Lựa chọn trong điều kiện rủi ro 3.1. Mô tả rủi ro 3.2. Các tiêu thức ra quyết định trong rủi ro	1 2	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
5	Chương 3. Lựa chọn trong điều kiện rủi ro 3.3. Các phương pháp làm giảm rủi ro 3.4. Cầu về tài sản có rủi ro	1 2	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
6	Chương 3. Lựa chọn trong điều kiện rủi ro				

Tuần	Nội dung giảng dạy*	Tài liệu đọc**	CLOs	Hoạt động dạy và học***	Công cụ đánh giá****
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
	3.4. Câu về tài sản có rủi ro				
7	Chương 4. Lý thuyết về doanh nghiệp 4.1. Lý thuyết về hàm sản xuất 4.2. Kết hợp đầu vào tối ưu	1 2	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
8	Chương 4. Lý thuyết về doanh nghiệp 4.3. Các chi phí trong dài hạn 4.4. Tính kinh tế của quy mô	1 2	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
9	Chương 5. Cạnh tranh và độc quyền 5.1. Cạnh tranh hoàn hảo và quyết định trong dài hạn	1 2	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
10	Chương 5. Cạnh tranh và độc quyền 5.2. Độc quyền và phân biệt giá	1 2	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
11	Chương 6. Cạnh tranh không hoàn hảo 6.1. Cạnh tranh độc quyền 6.2. Độc quyền tập đoàn	1 2	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
12	Chương 6. Cạnh tranh không hoàn hảo 6.3. Các mô hình độc quyền tập đoàn	1 2	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời

Tuần	Nội dung giảng dạy*	Tài liệu đọc**	CLOs	Hoạt động dạy và học***	Công cụ đánh giá****
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
13	Kiểm tra Chương 7. Thị trường lao động 7.1. 7.1. Cầu về lao động	1 2	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
14	Chương 7. Thị trường lao động 7.2. Thị trường lao động và tiền lương	1 2	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
15	Ôn tập và hệ thống		CLO.1.1 CLO.1.2	Giảng viên hệ thống lại môn học và trả lời các thắc mắc của sinh viên	Mức độ tham gia Mức độ tương tác

9. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN (COURSE REQUIREMENTS AND EXPECTATION)

9.1. Quy định về tham dự lớp học

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ các buổi học trên lớp. Số tiết vắng mặt vượt quá 20% tổng số tiết của học phần (vì bất kể lý do gì) thì sinh viên phải đăng ký học lại.
- Sinh viên phải đến lớp đúng giờ. Một buổi vắng mặt sẽ tính khi: (i) 3 buổi đi muộn; hoặc (ii) rời lớp trước khi buổi học kết thúc.
- Sinh viên không tham dự buổi làm bài kiểm tra sẽ nhận điểm 0 (không) bài kiểm tra đó.

9.2. Quy định về hành vi lớp học

- Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm
- Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.
- Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

TRƯỜNG BỘ MÔN

Đức

TS ĐÌNH THIÊN ĐỨC

TRƯỜNG KHOA

Bảo

PGS.TS HỒ ĐÌNH BẢO

Hà Nội, ngày 21 tháng 7 năm 2021



PGS.TS PHẠM HỒNG CHƯƠNG



ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT

(Ban hành kèm theo quyết định số QĐ/ĐHKIQĐ, ngày tháng năm 2021)

1. THÔNG TIN TỔNG QUÁT (GENERAL INFORMATION)

- Tên học phần (tiếng Việt)	Kinh tế học biến đổi khí hậu
- Tên học phần (tiếng Anh)	Economics of Climate Change
- Mã số học phần	MTKH1193
- Thuộc khối kiến thức	Kiến thức ngành
- Số tín chỉ	3 TC (45 tiết)
+ Số giờ lý thuyết	25
+ Số giờ thảo luận/thực hành	20
+ Số giờ tự học	90
- Các học phần tiên quyết:	Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1

2. THÔNG TIN BỘ MÔN QUẢN LÝ VÀ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY

Bộ môn quản lý: Kinh tế và Quản lý Biến đổi khí hậu

Địa chỉ: Phòng 1408B, Nhà A1, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Giảng viên tham gia giảng dạy:

PGS.TS. Vũ Thị Hoài Thu	Tel: 0904586677	Email: thuvh@neu.edu.vn
PGS.TS. Đinh Đức Trường	Tel: 0916879768	Email: truongdd@neu.edu.vn
GS.TS. Trần Thọ Đạt	Tel: 0903441047	Email: tranthodat@neu.edu.vn
Ths. Nguyễn Thùy Linh	Tel: 0969823993	Email: thuylinh@neu.edu.vn

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN (COURSE DESCRIPTIONS)

Học phần *Kinh tế học Biến đổi khí hậu* cung cấp các kiến thức về nguyên nhân, hậu quả và các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu trên quan điểm kinh tế và cách tiếp cận toàn cầu. Học phần tập trung vào các nội dung chính như: giải thích lính toàn cầu của biến đổi khí hậu, phân tích các khía cạnh kinh tế của biến đổi khí hậu, trình bày kinh tế học giảm nhẹ biến đổi khí hậu và kinh tế học thích ứng với biến đổi khí hậu, phân tích các chính sách ứng phó với biến đổi khí hậu, giới thiệu các công cụ phân tích kinh tế đối với biến đổi khí hậu và thảo luận về các hành động quốc tế về biến đổi khí hậu. Các nội dung trên được trình bày trên cả phương diện lý luận và thực tiễn, bao gồm thực tiễn ở cấp quốc gia, khu vực và toàn cầu.

4. TÀI LIỆU HỌC TẬP (LEARNING RESOURCES: COURSE BOOKS, REFERENCE BOOKS, AND SOFTWARES)

Giáo trình: Trần Thọ Đạt và Vũ Thị Hoài Thu (2021), Giáo trình "Kinh tế học biến đổi khí hậu", Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.

Tài liệu học tập khác

- 1) Đinh Đức Trường - Chủ biên, (2021), Giáo trình “Môi trường và Con người”, Nhà xuất bản Tài chính, Hà Nội.
- 2) Anthony D. Owen and Nick Hanley (2004), *The Economics of Climate Change*, Routledge.
- 3) Dieter Helm and Cameron Hepburn (2011), *The Economics and Politics of Climate Change*, Oxford University Press.
- 4) FitzRoy and Papyrakis (2010), *An Introduction to Climate Change Economics and Policy*, Earthscan.
- 5) Jonathan M. Harris, et al (2015), *The Economics of Global Climate Change*, Global Development And Environment Institute, Tufts University. A GDAE Teaching Module.
- 6) Stern, N (2006), *Stern Review: Economics of Climate Change*, Cambridge, UK, Cambridge University Press.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN (COURSE GOALS)

Bảng 5.1. Mục tiêu học phần

TT	Mô tả mục tiêu học phần	CDR (PLO) của CTĐT**	Mức độ***
[1]	[2]	[3]	[4]
G1	Cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về khoa học biến đổi khí hậu	1.1	2
G2	Giới thiệu với người học cách tiếp cận kinh tế và toàn cầu để giải quyết biến đổi khí hậu	1.2	2
G3	Cung cấp cho người học các kiến thức cụ thể về kinh tế học giảm nhẹ biến đổi khí hậu, kinh tế học thích ứng với biến đổi khí hậu và các chính sách ứng phó với biến đổi khí hậu	1.2	3
G4	Trang bị cho người học các công cụ phân tích kinh tế đối với biến đổi khí hậu; từ đó người học có khả năng vận dụng để phân tích, đánh giá các vấn đề kinh tế và chính sách biến đổi khí hậu trên thực tiễn ở cấp quốc gia/dịa phương/ngành	1.3	3
G5	Tạo cơ hội thực hành khả năng làm việc nhóm; rèn luyện cho sinh viên kỹ năng độc lập trong việc tìm kiếm, đọc và tổng hợp thông tin khoa học từ nhiều nguồn tài liệu khác nhau, từ đó hiểu và có thể trình bày lại các kiến thức đó thông qua các bài tập thuyết trình nhóm.	2.1 2.2	3
G6	Bước đầu trang bị cho người học nhận thức về bối cảnh xã hội, nhận thức đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội	3.1	3

6. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN (COURSE LEARNING OUTCOMES)

Bảng 6.1. Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Mục tiêu	CLOs	Mô tả CLOs*	Mức độ đạt được**
[1]	[2]	[3]	[4]
G1	CLO1.1	Sinh viên hiểu được các vấn đề cơ bản về khoa học biến đổi khí hậu	2
G2	CLO2.1	Sinh viên hiểu được cách tiếp cận kinh tế và toàn cầu để giải quyết biến đổi khí hậu	2
	CLO2.2	Sinh viên hiểu và phân biệt được sự khác nhau giữa cách tiếp cận kinh tế với các cách tiếp cận khác (công nghệ, kỹ thuật) để giải quyết vấn đề biến đổi khí hậu	2
	CLO2.3	Sinh viên hiểu được vai trò của kinh tế học biến đổi khí hậu đối với việc hoạch định các chính sách phát triển kinh tế-xã hội nói chung và các chính sách ứng phó với biến đổi khí hậu nói riêng	2
G3	CLO3.1	Sinh viên hiểu được các nội dung cụ thể về kinh tế học giảm nhẹ biến đổi khí hậu và kinh tế học thích ứng với biến đổi khí hậu	3
	CLO3.2	Sinh viên hiểu được các nội dung cụ thể về chính sách giảm nhẹ biến đổi khí hậu và chính sách thích ứng với biến đổi khí hậu	3
G4	CLO4.1	Sinh viên hiểu được các công cụ phân tích kinh tế đối với biến đổi khí hậu	3
	CLO4.2	Sinh viên có khả năng vận dụng các công cụ phân tích kinh tế để phân tích, đánh giá các vấn đề kinh tế và chính sách biến đổi khí hậu trên thực tiễn ở cấp toàn cầu/quốc gia/địa phương/ngành.	3
G5	CLO5.1	Thực hành khả năng làm việc nhóm	3 ITU
	CLO5.2	Thể hiện kỹ năng thu thập, tổng hợp thông tin và phân tích các vấn đề thực tiễn về kinh tế và chính sách biến đổi khí hậu cấp quốc gia/ngành/địa phương	3 ITU
G6	CLO6.1	Có nhận thức về bối cảnh xã hội	3
	CLO6.2	Có nhận thức đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội	3

7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN (COURSE ASSESSMENT)

Bảng 7.1. Đánh giá học phần

Hình thức đánh giá	Nội dung/ Bài đánh giá	Thời điểm	CLOs	Công cụ và tiêu chí đánh giá*	Tỷ lệ (%)
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
Chuyên cần	Tham dự đầy đủ các buổi học trên lớp Thái độ học tập trên lớp Trả lời các câu hỏi trên lớp Trả lời các câu hỏi thảo luận Ý thức chuẩn bị bài trên lớp và bài tập về nhà	Tuần 1-15	CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2 CLO2.3 CLO3.1 CLO3.2 CLO4.1 CLO4.2	Nhật ký giảng dạy của giảng viên với các tiêu chí đánh giá : (i) Mức độ tham gia (ii) Mức độ tương tác (iii) Chất lượng câu trả lời	10%
Đánh giá quá trình	Bài kiểm tra cá nhân	Tuần 8	CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2 CLO2.3 CLO3.1 CLO3.2	Các tiêu chí đánh giá : (i) Nội dung (ii) Hình thức	40%
	Bài tập nhóm	Tuần 14-15	CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2 CLO2.3 CLO3.1 CLO3.2 CLO4.1 CLO4.2 CLO5.1 CLO5.2 CLO6.1 CLO6.2	Phiếu đánh giá với các tiêu chí : (i) Nội dung tốt (ii) Hình thức đẹp (iii) Trình bày hấp dẫn, thuyết phục (iv) Mức độ hợp tác trong trả lời câu hỏi (v) Thời gian trình bày (vi) Mức độ hoàn thiện bài tập nhóm sau khi được nhận xét, góp ý	
Đánh giá cuối kỳ	Bài thi cuối kỳ	Lịch thi học phần	CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2 CLO2.3 CLO3.1 CLO3.2 CLO4.1 CLO4.2	Đánh giá theo yêu cầu bài thi do Bộ môn phụ trách học phần quy định	50%

8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (LESSON PLAN)

Bảng 8.1. Kế hoạch giảng dạy

Tuần	Nội dung giảng dạy*	Tài liệu đọc**	CLOs	Hoạt động dạy và học***	Công cụ đánh giá****
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
1	Làm quen, giới thiệu học phần, logic của học phần và vai trò, vị trí của học phần trong CTĐT, cụ thể cần làm rõ: Đối tượng nghiên cứu môn học Phương pháp nghiên cứu môn học	Đề cương học phần	CLO6.1 CLO6.2	Giới thiệu học phần Hướng dẫn tìm, đọc và tổng hợp thông tin, tài liệu Đặt ra yêu cầu học tập	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
2	Chương 1: Tổng quan về biến đổi khí hậu 1.1. Sự ám lên toàn cầu 1.2. Khái niệm, biểu hiện, nguyên nhân của BĐKH 1.3. Thực trạng BĐKH toàn cầu	[1]*, Chương 1	CLO1.1 CLO6.1 CLO6.2	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống, câu hỏi do giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
3	Chương 1: Tổng quan về biến đổi khí hậu 1.4. Tác động của BĐKH 1.5. Ứng phó với BĐKH 1.6. Các hiệp ước quốc tế về BĐKH	[1]*, Chương 1	CLO1.1 CLO6.1 CLO6.2	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi do giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
4	Chương 2: Các khía cạnh kinh tế của biến đổi khí hậu 2.1. Thất bại thị trường liên quan đến BĐKH 2.2. Khía cạnh đạo đức trong phân tích kinh tế đối với BĐKH	[1]*, Chương 2	CLO2.1 CLO2.2 CLO2.3 CLO6.1 CLO6.2	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi do giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
5	Chương 2: Các khía cạnh kinh tế của biến đổi khí hậu 2.3. Rủi ro và không chắc chắn đối với BĐKH 2.4. Tác động dài hạn của BĐKH: Đánh giá theo thời gian và chiết khấu 2.5. Khả năng của thay đổi lớn, không cận biên	[1]*, Chương 2	CLO2.1 CLO2.2 CLO2.3 CLO6.1 CLO6.2	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi do giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
6	Chương 3: Kinh tế học giảm nhẹ biến đổi khí hậu 3.1. Xác định mức phát thải khí nhà kính toàn cầu tối ưu về kinh tế 3.3. Công cụ mệnh lệnh-kiểm soát đối với giảm phát thải khí nhà kính toàn cầu	[1]*, Chương 4	CLO3.1 CLO3.2 CLO6.1 CLO6.2	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi do giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
7	Chương 3: Kinh tế học giảm nhẹ biến đổi khí hậu 3.4. Công cụ kinh tế đối với giảm phát thải khí nhà kính toàn cầu	[1]*, Chương 4	CLO3.1 CLO3.2 CLO6.1	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời

Tuần	Nội dung giảng dạy*	Tài liệu đọc**	CLOs	Hoạt động dạy và học***	Công cụ đánh giá****
	3.5. So sánh các công cụ giám phát thải khí nhà kính toàn cầu		CLO6.2	Thảo luận các tình huống và câu hỏi do giảng viên đặt ra	
8	Thảo luận, chữa bài tập Chương 3 Làm bài kiểm tra cá nhân			Sinh viên làm bài tập Giảng viên hướng dẫn	Nội dung và hình thức của bài kiểm tra cá nhân
9	Chương 4: Kinh tế học thích ứng với biến đổi khí hậu 4.1. Các khía cạnh kinh tế của thích ứng với biến đổi khí hậu 4.2. Các công cụ phân tích kinh tế đối với thích ứng với biến đổi khí hậu	[1]*, Chương 5	CLO3.1 CLO3.2 CLO6.1	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi do giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
10	Chương 4: Kinh tế học thích ứng với biến đổi khí hậu 4.3. Thách thức trong phân tích kinh tế đối với thích ứng với biến đổi khí hậu 4.4. Giải quyết vấn đề không chắc chắn trong phân tích kinh tế về thích ứng với BĐKH Chữa bài tập Chương 4	[1]*, Chương 5	CLO3.1 CLO3.2 CLO6.1 CLO6.2	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi do giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
11	Chương 5: Chính sách ứng phó với biến đổi khí hậu 5.1. Chính sách giảm nhẹ biến đổi khí hậu 5.2. Chính sách thích ứng với biến đổi khí hậu	[1]*, Chương 9, 10	CLO3.1 CLO3.2 CLO6.1 CLO6.2	Giảng viên giảng lý thuyết mang tính định hướng, hướng dẫn Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu, liên hệ thực tiễn	Mức độ tự nghiên cứu Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
12	Chương 6: Các công cụ phân tích kinh tế đối với biến đổi khí hậu 6.1. Mô hình hóa các tác động của BĐKH 6.2. Lượng giá kinh tế các tác động của BĐKH 6.3. Phân tích kinh tế đối với biến đổi khí hậu	[1]*, Chương 6, 7, 8	CI.04.1 CLO4.2 CLO6.1 CLO6.2	Giảng viên giảng lý thuyết mang tính định hướng, hướng dẫn Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu và liên hệ thực tiễn, làm các bài tập thực tiễn	Mức độ tự nghiên cứu Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
13	Chương 7: Hành động quốc tế về biến đổi khí hậu 7.1. Tiến trình thương thảo quốc tế về BĐKH 7.2. Giải pháp toàn cầu đối với BĐKH	[1]*, Chương 11, 12	CLO6.1 CLO6.2	Giảng viên giảng lý thuyết mang tính định hướng, hướng dẫn Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu và liên hệ thực tiễn	Mức độ tự nghiên cứu Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
14	Thuyết trình bài tập nhóm	Sinh viên chủ động tìm kiếm tài liệu tham khảo từ các nguồn khác nhau với sự hướng dẫn của giảng viên	CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2 CLO2.3	Nhóm sinh viên báo cáo và trả lời câu hỏi Giảng viên và các thành viên trong lớp đặt câu hỏi, nhận xét	Phiếu đánh giá với các tiêu chí : (i) Nội dung tốt; (ii) Hình thức đẹp; (iii) Trình bày hấp dẫn, thuyết phục; (iv) Mức độ hợp tác trong trả lời câu hỏi;

Tuần	Nội dung giảng dạy*	Tài liệu đọc**	CLOs	Hoạt động dạy và học***	Công cụ đánh giá****
			CLO3.1 CLO3.2 CLO4.1 CLO4.2 CLO5.1 CLO5.2 CLO6.1 CLO6.2		(v) Thời gian trình bày ; (vi) Mức độ hoàn thiện bài tập nhóm sau khi được nhận xét, góp ý
15	Thuyết trình bài tập nhóm	Sinh viên chủ động tìm kiếm tài liệu tham khảo từ các nguồn khác nhau với sự hướng dẫn của giảng viên	CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2 CLO2.3 CLO3.1 CLO3.2 CLO4.1 CLO4.2 CLO5.1 CLO5.2 CLO6.1 CLO6.2	Nhóm sinh viên báo cáo và trả lời câu hỏi Giảng viên và các thành viên trong lớp đặt câu hỏi, nhận xét	Phiếu đánh giá với các tiêu chí : (i) Nội dung tốt; (ii) Hình thức đẹp; (iii) Trình bày hấp dẫn, thuyết phục; (iv) Mức độ hợp tác trong trả lời câu hỏi; (v) Thời gian trình bày ; (vi) Mức độ hoàn thiện bài tập nhóm sau khi được nhận xét, góp ý
	Bài thi cuối kỳ	Các nội dung được giảng dạy và Giáo trình	CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2 CLO2.3 CLO3.1 CLO3.2 CLO4.1 CLO4.2	Sinh viên làm bài thi theo lịch thi của nhà trường	Đánh giá theo yêu cầu bài thi do Bộ môn phụ trách học phần quy định

[1]* Trần Thọ Đạt và Vũ Thị Hoài Thu (2021), Giáo trình “Kinh tế học biến đổi khí hậu”, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.

9. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN (COURSE REQUIREMENTS AND EXPECTATION)

9.1. Quy định về điều kiện thi kết thúc học phần

- Sinh viên được tham dự thi cuối kỳ/thi kết thúc học phần (50%) nếu có điểm chuyên cần (10%) đạt mức 5 điểm trở lên (thang 10).

9.2. Quy định về tham dự lớp học

- Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học với lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý. Mỗi buổi vắng mặt sẽ bị trừ 1 điểm đánh giá quá trình. Sinh viên vắng quá 3 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại.
- Sinh viên sẽ được cộng điểm trong quá trình nếu tích cực phát biểu xây dựng bài, có thể bù đắp cho điểm quá trình, điểm kiểm tra và điểm bài tập nhóm.
- Sinh viên không làm bài tập nhóm sẽ nhận điểm 0 (không) cho bài tập sau cùng. Nhóm sinh viên nộp bài trễ sẽ bị trừ 1 điểm cho mỗi ngày nộp muộn.

9.3. Quy định về hành vi lớp học

- Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.
- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 10 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.
- Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học; không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.
- Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

P.TRƯỞNG BỘ MÔN

Thu

PGS.TS. VŨ THỊ HOÀI THU

TRƯỞNG KHOA

Trưởng

PGS.TS. ĐÌNH ĐỨC TRƯỜNG

Hà Nội, ngày 21 tháng 7 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. PHẠM HỒNG CHƯƠNG

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT

(Ban hành kèm theo quyết định số 13/QĐ/ĐHKTQĐ, ngày 16 tháng 7 năm 2021)

1. THÔNG TIN TỔNG QUÁT (GENERAL INFORMATION)

- Tên học phần (tiếng Việt):	Kinh tế tài nguyên đất
- Tên học phần (tiếng Anh)	Land resource economics
- Mã số học phần	TNDC1139
- Thuộc khối kiến thức	Lựa chọn của ngành
- Số tín chỉ	3
+ Số giờ lý thuyết	30
+ Số giờ thảo luận/thực hành	15
+ Số giờ tự học	90 (1 giờ giảng dạy = 3 giờ tự học)
- Các học phần tiên quyết	

2. THÔNG TIN BỘ MÔN QUẢN LÝ VÀ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY

Bộ môn quản lý: Kinh tế và quản lý địa chính

Địa chỉ: Phòng 701 Nhà A1, Trường ĐH Kinh tế Quốc dân

Giảng viên tham gia giảng dạy:

TT	Họ và tên	Số điện thoại	Email
1	PGS.TS Ngô Thị Phương Thảo	0988567596	thaonp@neu.edu.vn
2	TS. Nguyễn Thanh Lân	0979961838	nguyenthanhlan@neu.edu.vn

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN (COURSE DESCRIPTIONS)

Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về kinh tế trong sử dụng và quản lý nguồn tài nguyên đất đai. Bản chất và vai trò của nguồn tài nguyên đất đai. Các đặc điểm của nguồn tài nguyên đất đai và những vấn đề kinh tế đặt ra. Những quan hệ kinh tế trong quản lý và sử dụng tài nguyên đất đai theo hướng thị trường và đảm bảo phát triển bền vững. Những nội dung cơ bản của môn học bao gồm những kiến thức về độ phì nhiêu, bản chất và những quan hệ của địa tô trong sử dụng đất. Lợi thế tuyệt đối và lợi thế so sánh cũng như chi phí cơ hội trong sử dụng tài nguyên đất; Môi trường tài nguyên đất đai. Đánh giá sử dụng đất trên cơ sở kết hợp với đảm bảo môi trường và phát triển bền vững. Những kiến thức mà môn học cung cấp là cơ sở phân tích đánh giá các yếu tố kinh tế của nguồn tài nguyên đất đai, trên cơ sở đó nhằm hoạch định các chính sách trong quản lý nguồn tài nguyên đất đai phù hợp với phát triển kinh tế xã hội, và đảm bảo phát triển bền vững.

4. TÀI LIỆU THAM KHẢO (LEARNING RESOURCES: COURSE BOOKS,

REFERENCE BOOKS, AND SOFTWARES)

Giáo trình

1. Ngô Đức Cát (2000), *Giáo trình Kinh tế tài nguyên đất*, Ngô Đức Cát, NXB Nông nghiệp, Hà Nội.

Tài liệu khác

2. Harvey, J., & Jowsey, E. (1996). *Urban land economics*. Basingstoke: Macmillan.

3. Haila, A. (2015). *Urban land rent: Singapore as a property state*. John Wiley & Sons.

4. Lê Huy Bá (2009), *Môi trường tài nguyên đất Việt Nam*, NXB Giáo dục.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN (COURSE GOALS)

Bảng 5.1. Mục tiêu học phần

TT	Mô tả mục tiêu học phần	CHR (PLO) của CTĐT	Mức độ
[1]	[2]	[3]	[4]
G1	Cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về về kinh tế trong quản lý và sử dụng tài nguyên đất đai; Cho người học thấy được các công cụ kinh tế trong phân tích nguồn lực đất đai hướng tới việc ra quyết định quản lý và sử dụng đất có hiệu quả	PL1.3 PL1.4	3
G2	Tạo cơ hội thực hành các kỹ năng phân tích mối quan hệ về kinh tế trong quản lý và sử dụng tài nguyên đất đai; Có kỹ năng thu thập thông tin và đánh giá hiện trạng môi trường đất, xác định chỉ tiêu về hiệu quả sử dụng đất đai;	PL 2.1	3
G3	Trang bị khả năng tự học tập, tích lũy kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn về kinh tế đất; Trang bị cho người học nhận thức về bối cảnh xã hội, nhận thức đạo đức nghề nghiệp;	PL 3.2	3

6. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN (COURSE LEARNING OUTCOMES)

Bảng 6.1. Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Mục tiêu HP	CLOs	Mô tả CLOs	Mức độ đạt được
[1]	[2]	[3]	[4]
G1	CLO1.1	Hiểu được bản chất khoa học kinh tế của tài nguyên đất;	3
	CLO1.2	Hiểu được các công cụ kinh tế trong phân tích và ra quyết định quản lý và sử dụng đất	3
	CLO1.3	Phân tích được bản chất mối quan hệ kinh tế trong quản lý và sử dụng đất	4
G2	CLO2.1	Thực hành các kỹ năng phân tích mối quan hệ về kinh tế trong các quyết định quản lý và sử dụng đất cụ thể	3
	CLO2.2	Thể hiện và thực hành kỹ năng thu thập thông tin và đánh giá hiện trạng môi trường tài nguyên đất; xác định các chỉ tiêu về hiệu quả sử dụng đất đai;	3
G3	CLO3.1	Có nhận thức bối cảnh xã hội và đạo đức nghề nghiệp	3
	CLO3.2	Có đủ năng lực để thực hiện việc tự học tập, tích lũy kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn về kinh tế đất.	3

7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN (COURSE ASSESSMENT)

Bảng 7.1. Đánh giá học phần

Hình thức đánh giá	Nội dung/ Bài đánh giá	Thời điểm	CLOs	Công cụ và tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
Chuyên cần	Thái độ học tập trên lớp Trả lời câu hỏi trên lớp Trả lời các câu hỏi thảo luận	Tuần 1-15	CLO1- CLO3	Nhật ký giảng dạy của giảng viên với các tiêu chí đánh giá (i) Mức độ tham gia (ii) Mức độ tương tác; (iii) Chất lượng câu trả lời	10%
Đánh giá quá trình	Bài kiểm tra tự luận và kết hợp câu hỏi trắc	Tuần 7	CLO1- CLO2	Bài làm đảm bảo đúng yêu cầu đề ra của giảng viên.	40%

Hình thức đánh giá	Nội dung/ Bài đánh giá	Thời điểm	CLOs	Công cụ và tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)
(Bài kiểm tra tự luận và Bài tập nhóm)	<p>Trình bày nhóm: <i>“Báo cáo phân tích kinh tế về quyết định quản lý và sử dụng đất cụ thể”</i></p> <p>Nộp báo cáo kết quả <i>“Báo cáo phân tích kinh tế về quyết định quản lý và sử dụng đất cụ thể”</i></p>	<p>Tuần 11-13</p> <p>Tuần 14</p>	<p>CLO1- CLO3</p> <p>CLO1- CLO3</p>	<p>Phiếu đánh giá với các tiêu chí: (i) Nội dung phân tích; (ii) Hình thức đẹp; (iii) Trình bày hấp dẫn, thuyết phục; (iv) Mức độ hợp tác trong trả lời câu hỏi; (v) Thời gian trình bày của nhóm</p> <p>Phiếu đánh giá với các tiêu chí: (i) Nội dung; (ii) Hình thức; (iii) Thời gian; (iv) Đánh giá lẫn nhau giữa các thành viên trong nhóm</p>	
Đánh giá cuối kỳ	Bài thi cuối kỳ	Lịch thi học phần	CLO1- CLO2	Theo yêu cầu bài thi	50%

8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (LESSON PLAN)

Bảng 8.1. Kế hoạch giảng dạy

Tuần	Nội dung giảng dạy	Tài liệu đọc	CLOs	Hoạt động dạy và học	Công cụ đánh giá
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
1	<p>Chương 1</p> <p>1.1. Tài nguyên đất</p> <p>1.2. Vai trò của đất đai trong các học thuyết kinh tế</p> <p>1.3. Ý nghĩa kinh tế rút ra</p>	1 2 3	CLO.1.1 CLO.1.2	<p>Giới thiệu học phần ;</p> <p>Đặt ra yêu cầu học tập;</p> <p>Hướng dẫn đọc tài liệu;</p> <p>Hướng dẫn tìm tài liệu;</p> <p>Hướng dẫn làm việc nhóm;</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời</p>
2	<p>Chương 1 (tiếp)</p> <p>1.4. Các đặc điểm đất đai</p> <p>1.5. Quỹ đất đai và phân loại đất đai tại Việt Nam</p>	1 2 3	CLO.1.1 CLO.1.2	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống, thảo luận và trả lời câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời</p>
3	<p>Chương 2</p> <p>2.1. Khái niệm và ý nghĩa độ phì</p> <p>2.2. Các loại độ phì và mối quan hệ giữa các loại độ phì</p> <p>2.3. Khai thác độ phì trong sử dụng đất</p>	1 2 3	CLG.1.1 CLO.1.2	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời</p>

Tuần	Nội dung giảng dạy	Tài liệu đọc	CLOs	Hoạt động dạy và học	Công cụ đánh giá
4	<p>Chương 3</p> <p>3.1. Lý thuyết tổ kinh tế</p> <p>3.2. Lược sử lý thuyết địa tô trong khoa học kinh tế học</p> <p>3.3. Bản chất và ý nghĩa của địa tô</p>	<p>1</p> <p>2</p> <p>3</p>	<p>CLO.1.1</p> <p>CLO.1.2</p>	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Xem videos</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời</p>
5	<p>Chương 3 (tiếp)</p> <p>3.4. Địa tô chênh lệch</p> <p>3.5. Địa tô tuyệt đối</p> <p>3.6. Mối quan hệ giữa các loại địa tô</p>	<p>1</p> <p>2</p> <p>3</p>	<p>CLO.1.1</p> <p>CLO.1.2</p>	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời</p>
6	<p>Chương 3 (tiếp)</p> <p>3.7. Hình thái biểu hiện địa tô</p> <p>3.8. Vận dụng lý thuyết địa tô trong quan hệ kinh tế về quản lý và sử dụng đất</p>	<p>1</p> <p>2</p> <p>3</p>	<p>CLO.1.1</p> <p>CLO.1.2</p>	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời</p>
7	Kiểm tra trên lớp bài tự luận cá nhân	<p>1</p> <p>2</p> <p>3</p>	<p>CLO.1-</p> <p>CLO.2</p>	<p>Sinh viên làm bài kiểm tra trong 2 tiết;</p> <p>Giảng viên đánh giá và góp ý bài tự luận cá nhân</p>	<p>Bài làm đảm bảo đúng yêu cầu đề ra của giảng viên</p>

Tuần	Nội dung giảng dạy	Tài liệu đọc	CLOs	Hoạt động dạy và học	Công cụ đánh giá
8	Chương 4				
	4.1. Lợi thế so sánh trong sử dụng đất	1	CLO.1.1	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp	Mức độ tham gia
	4.2. Lợi thế tuyệt đối trong sử dụng đất	2	CLO.1.2	Giảng viên giảng lý thuyết	Mức độ tương tác
	4.3. Vận dụng lý thuyết lợi thế trong quản lý và sử dụng đất	3		Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Chất lượng câu trả lời
9	Chương 4 (tiếp)				
	4.4. Khái niệm và phân loại hiệu quả sử dụng đất	1	CLO.1.1	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp	Mức độ tham gia
	4.5. Nội dung các chỉ tiêu hiệu quả sử dụng đất đai	2	CLO.1.2	Giảng viên giảng lý thuyết	Mức độ tương tác
		3		Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Chất lượng câu trả lời
10	Chương 5				
	5.1. Môi trường và yếu tố hình thành môi trường đất	1	CLO.1.1	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp	Mức độ tham gia
	5.2. Các yếu tố tác động thay đổi môi trường đất	2	CLO.1.2	Giảng viên giảng lý thuyết	Mức độ tương tác
	5.3. Ô nhiễm môi trường đất và các chế độ sử dụng đất	3		Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Chất lượng câu trả lời
		4			
11	<i>Các nhóm trình bày bài tập nhóm: "Báo cáo phân tích kinh tế về quyết định quản lý và sử dụng đất cụ thể".</i>		CLO1-CLO3	Nhóm sinh viên báo cáo và trả lời câu hỏi; Giảng viên và các thành viên trong lớp đặt câu hỏi, nhận xét	Phiếu đánh giá với các tiêu chí: (i) Nội dung; (ii) Hình thức đẹp; (iii) Trình bày hấp dẫn, thuyết phục; (iv) Mức độ hợp tác trong trả lời câu hỏi; (v) Thời gian trình bày

Tuần	Nội dung giảng dạy	Tài liệu đọc	CLOs	Hoạt động dạy và học	Công cụ đánh giá
12	<i>Các nhóm trình bày bài tập nhóm: “Báo cáo phân tích kinh tế về quyết định quản lý và sử dụng đất cụ thể”. (tiếp)</i>		CLO1- CLO3	Nhóm sinh viên báo cáo và trả lời câu hỏi; Giảng viên và các thành viên trong lớp đặt câu hỏi, nhận xét	Phiếu đánh giá với các tiêu chí : (i) Nội dung; (ii) Hình thức đẹp; (iii) Trình bày hấp dẫn, thuyết phục; (iv) Mức độ hợp tác trong trả lời câu hỏi; (v) Thời gian trình bày.
13	<i>Các nhóm trình bày bài tập nhóm: “Báo cáo phân tích kinh tế về quyết định quản lý và sử dụng đất cụ thể”. (tiếp)</i>		CLO1- CLO3	Nhóm sinh viên báo cáo và trả lời câu hỏi; Giảng viên và các thành viên trong lớp đặt câu hỏi, nhận xét	Phiếu đánh giá với các tiêu chí : (i) Nội dung; (ii) Hình thức đẹp; (iii) Trình bày hấp dẫn, thuyết phục; (iv) Mức độ hợp tác trong trả lời câu hỏi; (v) Thời gian trình bày.
14	<i>Hoàn thiện bài tập nhóm: “Báo cáo phân tích kinh tế về quyết định quản lý và sử dụng đất cụ thể”</i>		CLO1- CLO3	Nhóm sinh viên nộp báo cáo Giảng viên đánh giá	Phiếu đánh giá với các tiêu chí: (i) Nội dung; (ii) Hình thức; (iii) Thời gian; (iv) Đánh giá lẫn nhau
15	Tổng kết, hệ thống nội dung của học phần và giải đáp thắc mắc		CLO1- CLO3	Sinh viên trao đổi và hỏi Giảng viên trả lời và trao đổi, tổng kết nội dung	
-	Bài thi cuối kỳ		CLO1- CLO2	Sinh viên làm bài thi theo lịch	Theo yêu cầu bài thi

9. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN (COURSE REQUIREMENTS AND EXPECTATION)

9.1. Quy định về tham dự lớp học

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ các buổi học trên lớp. Số tiết vắng mặt vượt quá 20% tổng số tiết của học phần (vì bất kể lý do gì) thì sinh viên phải đăng ký học lại.
- Sinh viên phải đến lớp đúng giờ. Một buổi vắng mặt sẽ tính khi: (i) 3 buổi đi muộn; hoặc (ii) rời lớp trước khi buổi học kết thúc.
- Sinh viên không tham dự buổi làm bài kiểm tra sẽ nhận điểm 0 (không) bài kiểm tra đó.

9.2. Quy định về hành vi lớp học

- Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm
- Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.
- Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su trong giờ học.
- Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tra cứu tài liệu và tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

TRƯỞNG BỘ MÔN

Hương

TS. Phạm Lan Hương

TRƯỞNG KHOA

Thảo

PGS.TS. Ngô Thị Phương Thảo

HIỆU TRƯỞNG
[Signature]
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN
PGS.TS. Phạm Hồng Chương



ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT

(Ban hành kèm theo quyết định số 34/QĐ/ĐHKTD ngày 26 tháng 7 năm 2021)

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC

LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY

1. THÔNG TIN TỔNG QUÁT (GENERAL INFORMATION)

- Tên học phần (tiếng Việt): **KINH TẾ LƯỢNG 1**
- Tên học phần (tiếng Anh): **Econometrics 1**
- Mã số học phần: **TOKT1101**
- Thuộc khối kiến thức: **Giáo dục đại cương**
- Số tín chỉ: **3 tín chỉ (45 giờ tín chỉ; 50 phút/giờ)**
 - + Số tiết lý thuyết: **30**
 - + Số tiết bài tập, thảo luận: **15**
 - + Số tiết tự học: **90**
- Các học phần tiên quyết: **Lý thuyết xác suất và Thống kê toán (hoặc tương đương)**

2. THÔNG TIN BỘ MÔN QUẢN LÝ VÀ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY

Bộ môn quản lý: **Toán Kinh tế**

Địa chỉ: Phòng 1105, Nhà A1, Trường ĐH Kinh tế Quốc dân

Giảng viên	SĐT	Email
TS. Phạm Ngọc Hưng		
Th.S. Bùi Dương Hải		
Th.S. Hoàng Thanh Tâm		
Th.S. Phạm Hương Huyền		
Th.S. Lê Đức Hoàng		
Th.S. Nguyễn Hải Dương		
Th.S. Vũ Thị Bích Ngọc		
Th.S. Hoàng Bích Phương		
Th.S. Lương Văn Long		
Th.S. Nguyễn Hồng Nhật		
Th.S. Nguyễn Thị Thảo		
Th.S. Mai Cẩm Tú		
Th.S. Nguyễn Thị Thùy Trang		
Th.S. Nguyễn Thị Thu Trang		

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần trình bày các kiến thức, kỹ năng của Kinh tế lượng cơ bản, ứng dụng trong phân tích kinh tế, tài chính, kinh doanh. Kinh tế lượng kết hợp các kiến thức về lý thuyết kinh tế, mô hình toán kinh tế, thống kê. Học phần hướng dẫn người học các nội dung về phương pháp luận, các bước thực hiện việc xây dựng, đánh giá, phân tích kết quả của mô hình hồi quy, hỗ trợ việc ra quyết định và đánh giá chính sách. Kinh tế lượng 1 tập trung vào phương pháp phân tích với số liệu chéo, biến định lượng, định tính và giới thiệu một phần về hồi quy số liệu chuỗi thời gian. Các nội dung cụ thể gồm lựa chọn biến, số liệu, xây dựng mô hình, ước lượng các hệ số, kiểm định các hệ số, đánh giá lựa chọn mô hình, phân tích kết quả, dự báo. Các nền tảng toán học và thống kê được cung cấp một cách cơ bản nhằm đảm bảo tính khoa học của nội dung học phần.

Học phần được giảng dạy với sự hỗ trợ của phần mềm chuyên dụng: Eviews, R, thực hành với các số liệu thực tế trong kinh tế, tài chính, kinh doanh, hướng đến tính ứng dụng để người học có thể thực hiện được một dự án nghiên cứu định lượng nhỏ.

4. TÀI LIỆU THAM KHẢO

Giáo trình

[1] Nguyễn Quang Đông, Nguyễn Thị Minh (2018) Giáo trình Kinh tế lượng, NXB ĐHQGHN.

Tài liệu khác

[2] Wooldridge (2016), *Introductory Econometrics: A Modern Approach*, 6th Edition, McGraw-Hill

[3] Gujarati, (2016), *Basic Econometrics*, 6th Edition, McGraw-Hill

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

TT	Mục tiêu cụ thể	Chuẩn đầu ra C.trình (PLO)	Mức độ Đạt được
[1]	[2]	[3]	[4]
G1	Có kiến thức về mô hình hồi quy, phương pháp ước lượng, ứng dụng suy diễn thống kê để giải quyết vấn đề kinh tế, tài chính, kinh doanh, đọc hiểu các nghiên cứu sử dụng kinh tế lượng	1.2.2	II, III
G3	Xây dựng mô hình, sử dụng phần mềm trong phân tích mô hình, đánh giá, lựa chọn mô hình kinh tế lượng phù hợp với vấn đề nghiên cứu	2.2.1 2.2.2 2.2.3 2.3.4	II, III
G4	Phân tích kết quả mô hình để hỗ trợ việc quyết định, phân tích chính sách. Sử dụng phần mềm, tính toán dự báo và đánh giá chất lượng dự báo.	2.2.1 2.2.2 2.3.4	II, III
G5	Có khả năng làm việc cá nhân hoặc theo nhóm trong việc lựa chọn chủ đề và giải quyết một vấn đề trong	3.4	III

	Kinh tế bằng phương pháp kinh tế lượng		
--	--	--	--

6. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN (CLO)

Mục tiêu	CLO	Mô tả CLO	Mức độ
[1]	[2]	[3]	[4]
G1	CLO 1.1	Ghi nhớ mục tiêu, ý nghĩa, phương pháp luận của kinh tế lượng	I
	CLO 1.2	Phân loại dữ liệu, phân loại biến, nhận biết vai trò các biến	II
	CLO 1.3	Phân biệt mô hình hồi quy tổng thể với mô hình hồi quy mẫu, các thành phần của từng loại mô hình	II
	CLO 1.4	Giải thích được phương pháp OLS, ý nghĩa các giả thiết OLS	II
	CLO 1.5	Giải thích được ý nghĩa ước lượng hệ số, hệ số xác định	II
	CLO 1.6	Xác định được công thức ước lượng khoảng và kiểm định giả thuyết về các hệ số	II
	CLO 1.7	Giải thích được các hiện tượng của mô hình, nguyên nhân, hậu quả	II
	CLO 1.8	Giải thích được các kiểm định đánh giá mô hình	II
G2	CLO 2.1	Liên hệ vấn đề nghiên cứu trong kinh tế, tài chính, kinh doanh với phương pháp kinh tế lượng	II
	CLO 2.2	Xác định các biến phù hợp: biến định lượng, biến giả	III
	CLO 2.3	Xác định được dạng phương trình hồi quy phù hợp	III
	CLO 2.4	Sử dụng phần mềm chuyên dụng ước lượng các hệ số với số liệu cụ thể	III
	CLO 2.5	Kiểm định về các hệ số và sự phù hợp của mô hình	III
	CLO 2.6	Thực hiện các kiểm định đánh giá về mô hình	III
	CLO 2.7	Khắc phục các hiện tượng, lựa chọn mô hình tốt nhất	III
G3	CLO 3.1	Giải thích ý nghĩa kết quả ước lượng, so sánh với lý thuyết kinh tế	III
	CLO 3.2	Phân tích ý nghĩa kinh tế và đánh giá chính sách, hỗ trợ việc ra quyết định	III
	CLO 3.3	Tính toán dự báo, đánh giá sai số dự báo	III
	CLO 3.4	Tổng hợp kết quả nghiên cứu, kết quả từ các tài liệu nghiên cứu khác trong kinh tế, tài chính, kinh doanh	III
G4	CLO 4.1	Chủ động trong học tập, nghiên cứu	III
	CLO 4.2	Chủ động lựa chọn vấn đề, dữ liệu, mô hình, sử dụng phần mềm tính toán và phân tích mô hình	III
	CLO 4.3	Viết báo cáo kết quả	III

7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Hình thức đánh giá	Thời điểm	CLO	Công cụ và tiêu chí đánh giá	(%)
[1]		[2]		[3]
Chuyên cần - Tham gia giờ học trên lớp - Xung phong chữa bài tập, ví dụ - Trả lời câu hỏi	Tuần 1-15	4.1	Công cụ đánh giá: - Nhật ký giảng dạy của giảng viên - Câu hỏi trên lớp - Bài tập về nhà Tiêu chí đánh giá: - Đi học đúng giờ - Nghiêm túc học tập trên lớp - Mức độ tương tác - Chất lượng câu trả lời, bài làm	10%
Bài kiểm tra lần 1 (45 phút) Thực hành trên máy tính, nội dung từ Chương 1 đến Chương 3.	Tuần 8	2.4, 2.5, 3.1	Công cụ đánh giá: Đề kiểm tra tự luận/trắc nghiệm Tiêu chí đánh giá: Theo thang điểm chi tiết của Bài kiểm tra tự luận/trắc nghiệm	40%
Bài tập cá nhân / nhóm - Đọc một kết quả nghiên cứu - Lựa chọn đề tài, dữ liệu, biến - Ước lượng mô hình, phân tích kết quả	Tuần 14	2.1, 2.2, 2.3, 2.6, 2.7 3.1, 3.2 4.1, 4.2, 4.3	Công cụ đánh giá: Đề bài tập cá nhân/nhóm Tiêu chí đánh giá: Theo thang điểm chi tiết bài tập cá nhân/nhóm	
Đánh giá cuối kỳ - Trắc nghiệm trên máy tính - 40 câu hỏi, 60 phút		1.1, 1.2, 1.3, 1.4, 1.5, 1.6, 1.7, 1.8 3.1, 3.3	Công cụ đánh giá: Đề thi theo hình thức trắc nghiệm Tiêu chí đánh giá: Theo thang điểm chi tiết của Bài thi theo hình thức trắc nghiệm	50%

8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (khóa học 15 buổi)

Buổi	Chủ đề	Tài liệu đọc	CLO	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
1	Bài 1. Mở đầu - Khái niệm về kinh tế lượng		CLO1.1 CLO1.2	Dạy: - Giới thiệu học phần	- Thảo luận trên

	<ul style="list-style-type: none"> - Các bước thực hiện của Kinh tế lượng - Số liệu dùng trong kinh tế lượng - Đặt vấn đề nghiên cứu 	1 2	CLO2.1	<ul style="list-style-type: none"> - Đặt ra yêu cầu học tập - Thuyết giảng và đặt câu hỏi cho sinh viên. - Cho và giải thích ví dụ minh họa 	<ul style="list-style-type: none"> lớp - Các đề xuất
2	<p>Chương 1. Mô hình hồi quy hai biến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mô hình hồi quy tổng thể - Mô hình hồi quy mẫu - Phương pháp bình phương nhỏ nhất và các giả thiết 	1 2	CLO1.3 CLO1.4	<p><u>Day:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng và giải thích nội dung của từng bài - Đặt câu hỏi, giao bài tập - Trả lời các câu hỏi của sinh viên <p><u>Học ở lớp:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghe giảng, nghiên cứu tài liệu học tập - Làm các ví dụ, bài tập, trả lời các câu hỏi/thảo luận các tình huống <p><u>Học ở nhà:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài tập - Đọc trước tài liệu 	<ul style="list-style-type: none"> - Thảo luận trên lớp - Thực hành trên lớp
3	<p>Chương 1. (tiếp)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ý nghĩa các ước lượng hệ số - Hệ số xác định - Một số vấn đề mở rộng - Thực hành với phần mềm chuyên dụng 	1 2	CLO1.5 CLO2.4	<p><u>Day:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng và giải thích nội dung của từng bài - Đặt câu hỏi, giao bài tập - Trả lời các câu hỏi của sinh viên <p><u>Học ở lớp:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghe giảng, nghiên cứu tài liệu học tập - Làm các ví dụ, bài tập, trả lời các câu hỏi/thảo luận các tình huống <p><u>Học ở nhà:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài tập - Đọc trước tài liệu 	<ul style="list-style-type: none"> - Bài tập về nhà - Thảo luận trên lớp - Thực hành
4	<p>Chương 2. Mô hình hồi quy bội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mô hình hồi quy ba biến - Mô hình hồi quy bội - Ước lượng OLS và các giả 	1	CLO1.3 CLO1.4 CLO 1.5 CLO 2.4	<p><u>Day:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng và giải thích nội dung của từng bài - Đặt câu hỏi, giao bài tập - Trả lời các câu hỏi của sinh 	<ul style="list-style-type: none"> - Bài tập về nhà - Thảo luận trên lớp

	thiết - Hệ số xác định bội, hệ số xác định điều chỉnh - Ước lượng biến phụ thuộc - Thực hành với phần mềm chuyên dụng	2		viên <u>Học ở lớp:</u> - Nghe giảng, nghiên cứu tài liệu học tập - Làm các ví dụ, bài tập, trả lời các câu hỏi/thảo luận các tình huống <u>Học ở nhà:</u> - Chuẩn bị bài tập - Đọc trước tài liệu	- Thực hành
5	Chương 2. (tiếp) - Các dạng phương trình hồi quy: tuyến tính, nửa logarit, logarit, đa thức - Dự báo biến phụ thuộc và sai số dự báo - Ý nghĩa ứng dụng trong các vấn đề kinh tế - Liên hệ vấn đề nghiên cứu	1 2	CLO 2.1 CLO 2.3	<u>Day:</u> - Thuyết giảng và giải thích nội dung của từng bài - Đặt câu hỏi, giao bài tập - Trả lời các câu hỏi của sinh viên <u>Học ở lớp:</u> - Nghe giảng, nghiên cứu tài liệu học tập - Làm các ví dụ, bài tập, trả lời các câu hỏi/thảo luận các tình huống <u>Học ở nhà:</u> - Chuẩn bị bài tập - Đọc trước tài liệu	- Bài tập về nhà - Thảo luận trên lớp - Thực hành
6	Chương 3. Suy diễn với mô hình hồi quy - Phân phối xác suất của các ước lượng hệ số - Ước lượng khoảng các hệ số - Kiểm định các hệ số - Kiểm định sự phù hợp - Thực hành với phần mềm chuyên dụng	1 2	CLO 1.6 CLO 2.4	<u>Day:</u> - Thuyết giảng và giải thích nội dung của từng bài - Đặt câu hỏi, giao bài tập - Trả lời các câu hỏi của sinh viên <u>Học ở lớp:</u> - Nghe giảng, nghiên cứu tài liệu học tập - Làm các ví dụ, bài tập, trả lời các câu hỏi/thảo luận các tình huống <u>Học ở nhà:</u> - Chuẩn bị bài tập - Đọc trước tài liệu	- Bài tập về nhà - Thảo luận trên lớp - Thực hành

7	<p>Chương 3. (tiếp)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm định ràng buộc - Các kiểm định với các bài toán kinh tế: hiệu quả không đổi theo quy mô, tổng tác động bằng 0 - Trình bày kết quả ước lượng - Thực hành với phần mềm chuyên dụng - Đọc các bài nghiên cứu 	1 2	CLO 1.6 CLO 2.4 CLO 3.1 CLO 3.4	<p><u>Day:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng và giải thích nội dung của từng bài - Đặt câu hỏi, giao bài tập - Trả lời các câu hỏi của sinh viên <p><u>Học ở lớp:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghe giảng, nghiên cứu tài liệu học tập - Làm các ví dụ, bài tập, trả lời các câu hỏi/thảo luận các tình huống <p><u>Học ở nhà:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài tập - Đọc trước tài liệu 	<ul style="list-style-type: none"> - Bài tập về nhà - Thảo luận trên lớp - Thực hành
	Kiểm tra			<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện kiểm tra, đánh giá sinh viên thông qua đề kiểm tra trắc nghiệm/tự luận - Sinh viên làm bài theo hình thức trắc nghiệm/tự luận 	<ul style="list-style-type: none"> - Đề kiểm tra tự luận/trắc nghiệm
8	<p>Chương 4. Hồi quy với biến định tính</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biến định tính - Biến giả, quy tắc đặt biến giả 	1 2	CLO 1.2 CLO 2.2	<p><u>Day:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng và giải thích nội dung của từng bài - Đặt câu hỏi, giao bài tập - Trả lời các câu hỏi của sinh viên <p><u>Học ở lớp:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghe giảng, nghiên cứu tài liệu học tập - Làm các ví dụ, bài tập, trả lời các câu hỏi/thảo luận các tình huống <p><u>Học ở nhà:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài tập - Đọc trước tài liệu 	<ul style="list-style-type: none"> - Bài tập về nhà - Thảo luận trên lớp - Thực hành
9	<p>Chương 4. (tiếp)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mô hình có biến độc lập là biến giả - Mô hình có tương tác biến 	1	CLO 2.2 CLO 2.3 CLO 2.4 CLO 3.1	<p><u>Day:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng và giải thích nội dung của từng bài - Đặt câu hỏi, giao bài tập 	<ul style="list-style-type: none"> - Bài tập về nhà - Thảo luận trên

	<p>định tính và định lượng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vấn đề nghiên cứu: biến giá trong các bài nghiên cứu - Thực hành với phần mềm chuyên dụng - Biến giá với đề tài nghiên cứu 	2		<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời các câu hỏi của sinh viên <p>Học ở lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghe giảng, nghiên cứu tài liệu học tập - Làm các ví dụ, bài tập, trả lời các câu hỏi/thảo luận các tình huống <p>Học ở nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài tập - Đọc trước tài liệu 	<p>lớp</p> <p>Thực hành</p>
10	<p>Chương 5. Kiểm định và lựa chọn mô hình</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vấn đề đánh giá mô hình, ước lượng hệ số: tính không chệch, hiệu quả, vững - Giá thiết trung bình sai số khác 0 - Kiểm định trung bình sai số khác: kiểm định Ramsey - Thực hành với phần mềm chuyên dụng 	1 2	<p>CLO 1.4 CLO 1.7 CLO 1.8 CLO 2.6</p>	<p>Day:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng và giải thích nội dung của từng bài - Đặt câu hỏi, giao bài tập - Trả lời các câu hỏi của sinh viên <p>Học ở lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghe giảng, nghiên cứu tài liệu học tập - Làm các ví dụ, bài tập, trả lời các câu hỏi/thảo luận các tình huống <p>Học ở nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài tập - Đọc trước tài liệu 	<ul style="list-style-type: none"> - Bài tập về nhà - Thảo luận trên lớp - Thực hành
11	<p>Chương 5. (tiếp)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương sai sai số thay đổi, nguyên nhân, hiệu quả - Kiểm định và khắc phục phương sai sai số thay đổi - Đánh giá hiện tượng đa cộng tuyến - Tính phân phối Chuẩn của sai số - Thực hành 	1 2	<p>CLO 1.4 CLO 1.7 CLO 1.8 CLO 2.6</p>	<p>Day:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng và giải thích nội dung của từng bài - Đặt câu hỏi, giao bài tập - Trả lời các câu hỏi của sinh viên <p>Học ở lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghe giảng, nghiên cứu tài liệu học tập - Làm các ví dụ, bài tập, trả lời các câu hỏi/thảo luận các tình huống <p>Học ở nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài tập 	<ul style="list-style-type: none"> - Bài tập về nhà - Thảo luận trên lớp - Thực hành

				- Đọc trước tài liệu	
12	Chương 5. (tiếp) - Lựa chọn giữa các mô hình - Kết quả ước lượng với các kiểm định đánh giá - Đọc kết quả nghiên cứu - Thực hành với phần mềm chuyên dụng	1 2	CLO 2.6 CLO 2.7	<u>Day:</u> - Thuyết giảng và giải thích nội dung của từng bài - Đặt câu hỏi, giao bài tập - Trả lời các câu hỏi của sinh viên <u>Học ở lớp:</u> - Nghe giảng, nghiên cứu tài liệu học tập - Làm các ví dụ, bài tập, trả lời các câu hỏi/thảo luận các tình huống <u>Học ở nhà:</u> - Chuẩn bị bài tập - Đọc trước tài liệu	- Bài tập về nhà - Thảo luận trên lớp - Thực hành
13	Chương 6. Hồi quy với số liệu chuỗi thời gian - Mô hình với số liệu chuỗi thời gian - Hồi quy theo biến xu thế - Hồi quy theo biến giả mùa vụ - Dự báo chuỗi thời gian giản đơn	1 2	CLO 1.2 CLO 2.3 CLO 3.3	<u>Day:</u> - Thuyết giảng và giải thích nội dung của từng bài - Đặt câu hỏi, giao bài tập - Trả lời các câu hỏi của sinh viên <u>Học ở lớp:</u> - Nghe giảng, nghiên cứu tài liệu học tập - Làm các ví dụ, bài tập, trả lời các câu hỏi/thảo luận các tình huống <u>Học ở nhà:</u> - Chuẩn bị bài tập - Đọc trước tài liệu	- Bài tập về nhà - Thảo luận trên lớp - Thực hành
14	Chương 6. (tiếp) - Hiện tượng tự tương quan: nguyên nhân, hậu quả, phát hiện, khắc phục - Tính dừng của chuỗi thời gian	1 2	CLO 1.2 CLO 2.3 CLO 3.3	<u>Day:</u> - Thuyết giảng và giải thích nội dung của từng bài - Đặt câu hỏi, giao bài tập - Trả lời các câu hỏi của sinh viên <u>Học ở lớp:</u> - Nghe giảng, nghiên cứu	- Bài tập về nhà - Thảo luận trên lớp - Thực hành

				tài liệu học tập - Làm các ví dụ, bài tập, trả lời các câu hỏi/thảo luận các tình huống Học ở nhà: - Chuẩn bị bài tập - Đọc trước tài liệu	
	Nộp bài tập lớn			- Thực hiện kiểm tra, đánh giá sinh viên thông qua bài tập lớn	- Yêu cầu bài tập lớn
15	Tổng kết			- Thông báo điểm các bài kiểm tra, bài tập lớn - Hệ thống kiến thức - Hướng dẫn ôn tập và thi cuối kì	- Bài tập về nhà - Thảo luận trên lớp - Thực hành

9. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN (COURSE REQUIREMENTS AND EXPECTATION)

9.1. Quy định về tham dự lớp học

- Sinh viên không được nghỉ học quá 20% thời lượng học phần. Sinh viên nghỉ học vượt quá 20% thời lượng học phần thì phải học lại.

- Điều kiện được dự thi kết thúc học phần là điểm chuyên cần của sinh viên phải đạt từ 5 điểm trở lên.

9.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

- Sinh viên cần đi học đúng giờ quy định. Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác.

- Sinh viên không được sử dụng điện thoại di động, các thiết bị khác không phục vụ cho việc học tập và không được giảng viên cho phép khi đang học tập trên lớp.

- Nghiêm cấm mọi hành vi thiếu nghiêm túc, gian lận trong học tập, kiểm tra.

Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2021

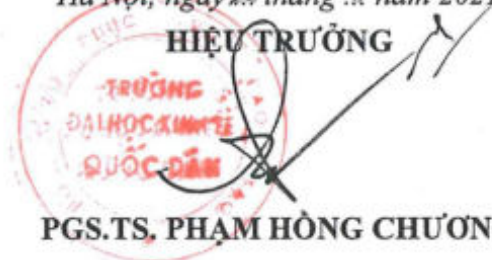
TRƯỞNG BỘ MÔN

TRƯỞNG KHOA

HIỆU TRƯỞNG

Hùng

Thế



PGS.TS. PHẠM HỒNG CHƯƠNG

TS. PHẠM NGỌC HÙNG

TS. NGUYỄN MẠNH THẾ

				- Đọc trước tài liệu	
12	<p>Chương 5. (tiếp)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn giữa các mô hình - Kết quả ước lượng với các kiểm định đánh giá - Đọc kết quả nghiên cứu - Thực hành với phần mềm chuyên dụng 	1 2	CLO 2.6 CLO 2.7	<p><u>Day:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng và giải thích nội dung của từng bài - Đặt câu hỏi, giao bài tập - Trả lời các câu hỏi của sinh viên <p><u>Học ở lớp:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghe giảng, nghiên cứu tài liệu học tập - Làm các ví dụ, bài tập, trả lời các câu hỏi/thảo luận các tình huống <p><u>Học ở nhà:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài tập - Đọc trước tài liệu 	<ul style="list-style-type: none"> - Bài tập về nhà - Thảo luận trên lớp - Thực hành
13	<p>Chương 6. Hồi quy với số liệu chuỗi thời gian</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mô hình với số liệu chuỗi thời gian - Hồi quy theo biến xu thế - Hồi quy theo biến giả mùa vụ - Dự báo chuỗi thời gian giản đơn 	1 2	CLO 1.2 CLO 2.3 CLO 3.3	<p><u>Day:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng và giải thích nội dung của từng bài - Đặt câu hỏi, giao bài tập - Trả lời các câu hỏi của sinh viên <p><u>Học ở lớp:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghe giảng, nghiên cứu tài liệu học tập - Làm các ví dụ, bài tập, trả lời các câu hỏi/thảo luận các tình huống <p><u>Học ở nhà:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài tập - Đọc trước tài liệu 	<ul style="list-style-type: none"> - Bài tập về nhà - Thảo luận trên lớp - Thực hành
14	<p>Chương 6. (tiếp)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiện tượng tự tương quan: nguyên nhân, hậu quả, phát hiện, khắc phục - Tính dừng của chuỗi thời gian 	1 2	CLO 1.2 CLO 2.3 CLO 3.3	<p><u>Day:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng và giải thích nội dung của từng bài - Đặt câu hỏi, giao bài tập - Trả lời các câu hỏi của sinh viên <p><u>Học ở lớp:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghe giảng, nghiên cứu 	<ul style="list-style-type: none"> - Bài tập về nhà - Thảo luận trên lớp - Thực hành

				tài liệu học tập - Làm các ví dụ, bài tập, trả lời các câu hỏi/thảo luận các tình huống Học ở nhà: - Chuẩn bị bài tập - Đọc trước tài liệu	
	Nộp bài tập lớn			- Thực hiện kiểm tra, đánh giá sinh viên thông qua bài tập lớn	- Yêu cầu bài tập lớn
15	Tổng kết			- Thông báo điểm các bài kiểm tra, bài tập lớn - Hệ thống kiến thức - Hướng dẫn ôn tập và thi cuối kì	- Bài tập về nhà - Thảo luận trên lớp - Thực hành

9. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN (COURSE REQUIREMENTS AND EXPECTATION)

9.1. Quy định về tham dự lớp học

- Sinh viên không được nghỉ học quá 20% thời lượng học phần. Sinh viên nghỉ học vượt quá 20% thời lượng học phần thì phải học lại.

- Điều kiện được dự thi kết thúc học phần là điểm chuyên cần của sinh viên phải đạt từ 5 điểm trở lên.

9.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

- Sinh viên cần đi học đúng giờ quy định. Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác.

- Sinh viên không được sử dụng điện thoại di động, các thiết bị khác không phục vụ cho việc học tập và không được giảng viên cho phép khi đang học tập trên lớp.

- Nghiêm cấm mọi hành vi thiếu nghiêm túc, gian lận trong học tập, kiểm tra.

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2021

TRƯỞNG BỘ MÔN

TRƯỞNG KHOA

HIỆU TRƯỞNG

TS. PHẠM NGỌC HÙNG

TS. NGUYỄN MẠNH THẾ

PGS.TS. PHẠM HỒNG CHƯƠNG

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT

(Ban hành kèm theo quyết định số 147/QĐ/ĐHKTQD, ngày 26 tháng 7 năm 2021)

1. THÔNG TIN TỔNG QUÁT (GENERAL INFORMATION)

- Tên học phần (Tiếng Việt)	Xã hội học
- Tên học phần (Tiếng Anh):	Sociology
- Mã học phần	NLXH1106
- Thuộc khối kiến thức	Tự chọn
- Số tín chỉ	3 (45 tiết)
+ Số giờ học lý thuyết	20
+ Số giờ thực hành	15
+ Số giờ hệ thống và ôn tập kiến thức	01
+ Số giờ tự học	60
- Các học phần tiên quyết	Không

2. THÔNG TIN BỘ MÔN QUẢN LÝ VÀ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY

Bộ môn quản lý: Tâm lý, Xã hội học và Dân số

Địa chỉ: Phòng 607 Nhà A1, Đại học Kinh tế Quốc dân

Giảng viên: (Các giảng viên tham gia giảng dạy)

Họ và tên	Email
1. ThS. Đặng Hồng Sơn	sondh@neu.edu.vn
2. ThS Nguyễn Quỳnh Hoa	hoanq@neu.edu.vn
3. ThS Phạm Thị Thanh Nhân	thanpt@neu.edu.vn
4. TS Nguyễn Thị Huyền	Huyendaotao@neu.edu.vn

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN:

Xã hội học chuyên nghiên cứu về quy luật, tính quy luật, thuộc tính và đặc điểm của sự xuất hiện, vận động và phát triển mối quan hệ giữa con người và xã hội cũng như vai trò của con người trong xã hội. Học phần giúp sinh viên có tư duy tổng quan và những hiểu biết có hệ thống về tương tác xã hội, tổ chức xã hội, thể chế xã hội và sự thay đổi xã hội. Các vấn đề chính trong xã hội học bao gồm sự tác động qua lại giữa cá nhân và xã hội, xã hội hoá, nguyên nhân và hậu quả của bất bình đẳng xã hội và việc xây dựng xã hội của đời sống con người. Kiến thức xã hội học giúp khám phá và giải thích các mô hình xã hội và phân tích sự thay đổi của các mô hình đó trong các bối cảnh và thời gian khác nhau.

Với phương pháp lấy người học làm trung tâm, học phần sử dụng phương pháp giảng dạy thuyết trình kết hợp với làm việc nhóm, bài tập lớn, phân tích case study để sinh viên chủ động tìm hiểu kiến thức trong quá trình học đại học cũng như sau khi ra trường

4. TÀI LIỆU HỌC TẬP VÀ TÀI LIỆU THAM KHẢO

4.1. Tài liệu học tập (TL)

Lương Văn Úc, Đặng Hồng Sơn (2019). Giáo trình Xã hội học, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, 2019

4.2. Tài liệu tham khảo (TK)

1. Phạm Tất Dong, Lê Ngọc Hùng (1997), Xã hội học, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà nội
2. Thanh Lê, Tuệ Nhân (2000), Xã hội học chuyên biệt, Nhà xuất bản Khoa học xã hội
3. Anthony Giddens (2009) 6th Edition Sociology, 2009, , Polity Press

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:

Bảng 5.1: Mục tiêu của học phần

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu học phần	CDR của CTĐT	Mức độ
G1	Cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về xã hội và xã hội học, lịch sử hình thành và phát triển của các ý tưởng và quan điểm của xã hội học. Đối tượng nghiên cứu và các phạm trù cơ bản của xã hội học.	1.4.1	3
G2	Cung cấp cho người học các phương pháp nghiên cứu của xã hội học, Kỹ thuật thu thập và xử lý thông tin xã hội. Hình thành kỹ năng nghiên cứu khoa học, biết được các phương pháp thu thập và xử lý dữ liệu xã hội trong đời sống xã hội.	1.4.1	3
G3	Hướng dẫn người học hiểu được cơ cấu xã hội và các phân hệ của cơ cấu liên quan đến việc xây dựng xã hội như: giai cấp, dân tộc, dân số, giới tính, lãnh thổ, nghề nghiệp. Cho người học thấy được biểu hiện và ý nghĩa nghiên cứu của bất bình đẳng và phân tầng xã hội.	1.4.1	3
G4	Cung cấp cho người học các kiến thức về Tổ chức xã hội, Thiết chế xã hội. Hướng dẫn người học hiểu được khái niệm Văn hoá và biểu hiện của văn hoá trong đời sống xã hội hàng ngày. Thiết lập các kỹ năng mềm như làm việc nhóm, và quản lý nhóm trong xã hội.	1.4.1 2.2.1	3
G5	Cung cấp cho người học những kiến thức về xã hội hoá và môi trường xã hội hoá, đời sống xã hội. Đảm bảo cho người học có thể đối phó hiệu quả với những sự	2.1 3.1	3

	thay đổi trong các môi trường văn hoá xã hội thay đổi và trong quá trình tương tác giữa các cá nhân. Hình thành kỹ năng thích ứng với đời sống xã hội .		
--	---	--	--

6. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

Mục tiêu	Mã CDR học phần -CLOs	Mô tả CDR học phần -CLOs*	Mức độ đạt được**
[1]	[2]	[3]	[4]
G1	CLO1.1	Hiểu và giải thích được những kiến thức cơ bản về xã hội, tổng quan chung về xã hội; lịch sử hình thành của các ý tưởng và quan điểm của xã hội học. Các lý thuyết cơ bản của Xã hội học	3
	CLO1.2	Hiểu và giải thích được đối tượng nghiên cứu và sự khác biệt giữa đối tượng nghiên cứu của xã hội học với các môn khoa học xã hội khác.	3
G2	CLO2.1	Nắm được phương pháp luận và 6 phương pháp trong nghiên cứu xã hội học	3
	CLO2.2	Hiểu và giải thích được các kỹ thuật thu thập và xử lý thông tin xã hội.	
	CLO2.3	Hình thành kỹ năng nghiên cứu, biết được các phương pháp thu thập và xử lý dữ liệu xã hội và có thể sử dụng trong quá trình nghiên cứu khoa học	
G3	CLO3.1	Hiểu và giải thích được cơ cấu xã hội và các phân hệ của cơ cấu liên quan đến việc xây dựng xã hội như: giai cấp, dân tộc, dân số, giới tính, lãnh thổ, nghề nghiệp	3
	CLO3.2	Hiểu và giải thích được biểu hiện và ý nghĩa nghiên cứu của bất bình đẳng và phân tầng xã hội. Có thể liên hệ được các khái niệm và ý nghĩa này trong xã hội Việt Nam	3
	CLO3.3	Phân biệt được các phân hệ cơ cấu xã hội và ứng dụng của các phân hệ trong biểu hiện xã hội Việt Nam.	
G4	CLO4.1	Hiểu và giải thích được bản chất của liên kết nhóm và sự chi phối của nó đối với đời sống cá nhân. Hiểu được bản chất của tổ chức xã hội, các dạng cơ bản của tổ chức xã hội và sự chi phối của nó đối với hoạt động xã hội của cá nhân	3
	CLO4.2	Có khả năng sử dụng các kỹ năng mềm như làm việc nhóm, và quản lý nhóm trong xã hội.	3
	CLO4.3	Hiểu và giải thích được khái niệm, bản chất, chức năng của thiết chế xã hội và vai trò của nó trong đời sống xã	

Mục tiêu	Mã CDR học phần -CLOs	Mô tả CDR học phần -CLOs*	Mức độ đạt được**
		hội	3
	CLO4.4	Hiểu và giải thích được khái niệm thành phần và chức năng Văn hoá và biểu hiện của văn hoá trong đời sống xã hội hàng ngày.	
G5	CLO5.1	Hiểu và giải thích được quá trình xã hội hoá là quá trình xây dựng con người trở thành thành viên của xã hội.	3
	CLO5.2	Hiểu và giải thích được bản chất vị trí, vị thế, vai trò xã hội của các cá nhân trong các tình huống xã hội. Nắm được phương pháp để xây dựng vị thế bản thân.	3
	CLO5.3	Có khả năng hiểu được các yếu tố của đời sống xã hội từ đó hình thành nên kỹ năng thích ứng với sự biến đổi xã hội và tính hiện đại.	

7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN (COURSE ASSESSMENT)

Bảng 7.1. Đánh giá học phần

Hình thức đánh giá	Nội dung/ Bài đánh giá	Thời điểm	CLOs	Công cụ và tiêu chí đánh giá*	Tỷ lệ (%)
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
Chuyên cần	Thái độ học tập trên lớp Trả lời câu hỏi trên lớp Trả lời các câu hỏi thảo luận	Tuần 1-13	CLO 1-5	Nhật ký giảng dạy của giảng viên với các tiêu chí đánh giá (i) Mức độ tham gia (ii) Mức độ tương tác; (iii) Chất lượng câu trả lời	10%
Đánh giá quá trình (Bài kiểm tra cá nhân và Bài tập nhóm)	Người học làm bài kiểm tra giữa kỳ tại lớp	Tuần 6	CLO 1 CLO 2 CLO 3	Điểm đánh giá theo các tiêu chí: (i) Nêu được nội dung cơ bản của các vấn đề được nêu ra trong câu hỏi; (ii) Có ý kiến bình luận và phân tích vấn đề theo quan điểm riêng của cá nhân; (iii) Có ví dụ minh họa cụ thể	40%
	Trình bày nhóm: Thuyết trình theo chủ đề được	Tuần 12-13	CLO 1-	Phiếu đánh giá với các tiêu chí : (i) Nội dung; (ii)	

Hình thức đánh giá	Nội dung/ Bài đánh giá	Thời điểm	CLO s	Công cụ và tiêu chí đánh giá*	Tỷ lệ (%)
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
	giáo về một vấn đề xã hội cụ thể		CLO 5	Hình thức đẹp; (iii) Trình bày hấp dẫn, thuyết phục; (iv) Mức độ hợp tác trong trả lời câu hỏi; (v) Thời gian trình bày	
Đánh giá cuối kỳ	Bài thi cuối kỳ	Lịch thi học phần	CLO 1- CLO 5	Theo yêu cầu bài thi	50%

8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (LESSON PLAN)

Bảng 8.1. Kế hoạch giảng dạy

Tuần	Nội dung giảng dạy*	Tài liệu đọc**	CLOs	Hoạt động dạy và học***	Công cụ và tiêu chí đánh giá****
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
1	Làm quen, giới thiệu học phần, logic của học phần và vai trò, vị trí của học phần trong CTĐT	Đề cương học phần	CLO1.1	Giới thiệu học phần Đặt ra yêu cầu học tập Hướng dẫn đọc tài liệu Hướng dẫn tìm tài liệu Hướng dẫn làm việc nhóm Chia nhóm làm việc	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
2	Chương 1. Tổng quan về Xã hội học 1.1. Khái quát chung về Xã hội học 1.2. Đối tượng nghiên cứu của Xã hội học 1.3. Hành động và Tương tác xã hội	Lương Văn Úc, Đặng Hồng Sơn "Giáo trình Xã hội học" NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2019, Chương 1	CLO1.1 CLO1.2	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp
3	Chương 2. Các phương pháp nghiên cứu Xã hội học 2.1. Các phương pháp nghiên cứu Xã hội học 2.2. Kỹ thuật thu thập và xử lý thông tin xã hội	Lương Văn Úc, Đặng Hồng Sơn "Giáo trình Xã hội học" NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2019, Chương 2	CLO2.1 CLO2.2	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Làm 6 dạng bài tập	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp

4	2.2. Kỹ thuật thu thập và xử lý thông tin xã hội	Lương Văn Úc, Đặng Hồng Sơn “Giáo trình Xã hội học” NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2019, Chương 2	CLO2.1 CLO2.2	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Làm 6 dạng bài tập	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp
5	Chương 3. Cơ cấu xã hội 3.1. Khái niệm cơ cấu xã hội 3.2. Các phân hệ cơ cấu xã hội cơ bản 3.3. Bất bình đẳng và phân tầng xã hội	Lương Văn Úc, Đặng Hồng Sơn “Giáo trình Xã hội học” NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2019, Chương 3	CLO3.1 CLO3.2	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi
6	Sinh viên làm bài kiểm tra giữa kỳ tại lớp		CLO1- CLO3	Sinh viên làm bài kiểm tra theo câu hỏi	Điểm đánh giá theo các tiêu chí: (i) Nêu được nội dung cơ bản của các vấn đề được nêu ra trong câu hỏi; (ii) Có ý kiến bình luận và phân tích vấn đề theo quan điểm riêng của cá nhân; (iii) Có ví dụ minh họa cụ thể
7	Chương 4. Tổ chức xã hội 4.1. Nhóm xã hội 4.2. Tổ chức xã hội	Lương Văn Úc, Đặng Hồng Sơn “Giáo trình Xã hội học” NXB Đại học	CLO4.1	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp

		Kinh tế Quốc dân, 2019, Chương 4		Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	
8	Chương 5. Thiết chế xã hội 5.1. Thiết chế xã hội 5.2. Dự luận xã hội	Lương Văn Úc, Đặng Hồng Sơn “Giáo trình Xã hội học” NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2019, Chương 5	CLO4.2	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi
9	Chương 6. Văn hoá 6.1. Khái niệm văn hoá 6.2. Thành phần văn hoá	Lương Văn Úc, Đặng Hồng Sơn “Giáo trình Xã hội học” NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2019, Chương 6	CLO4.3	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi
10-11	Chương 7. Xã hội hoá 7.1. Khái niệm Xã hội hoá 7.2. Môi trường xã hội hoá 7.3. Phân đoạn xã hội hoá 7.4. Rối loạn nhân cách 7.5. Vị trí, vị thế và vai trò xã hội	Lương Văn Úc, Đặng Hồng Sơn “Giáo trình Xã hội học” NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2019, Chương 7	CLO5.1 CLO5.2	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi

12-13	Chương 8. Đời sống xã hội 8.1. Khái niệm đời sống xã hội 8.2. Các yếu tố của đời sống xã hội	Lương Văn Úc, Đặng Hồng Sơn “Giáo trình Xã hội học” NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2019, Chương 8	CLO1.1 CLO4.1	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi
14-15	Thuyết trình theo chủ đề được giao		CLO1- CLO5	Nhóm sinh viên thuyết trình và trả lời câu hỏi Giảng viên và các thành viên trong lớp đặt câu hỏi, nhận xét	Phiếu đánh giá với các tiêu chí : (i) Nội dung; (ii) Hình thức đẹp; (iii) Trình bày hấp dẫn, thuyết phục; (iv) Mức độ hợp tác trong trả lời câu hỏi; (v) Thời gian trình bày

9. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN (COURSE REQUIREMENTS AND EXPECTATION)

9.1. Quy định về điều kiện thi kết thúc học phần

- Sinh viên được tham dự thi cuối kỳ/thi kết thúc học phần (50%) nếu có điểm chuyên cần (10%) đạt mức 5 điểm trở lên (thang 10).

9.2. Quy định về tham dự lớp học

- Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý. Mỗi buổi vắng mặt sẽ bị trừ 1 điểm đánh giá quá trình. Sinh viên vắng quá 3 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại.
- Sinh viên sẽ được cộng điểm cho mỗi lần phát biểu xây dựng bài, có thể bù đắp cho điểm quá trình, điểm kiểm tra và điểm bài tập nhóm.
- Sinh viên không nộp bài tập nhóm sẽ nhận điểm 0 (không) cho bài tập sau cùng. Nhóm sinh viên nộp bài trễ sẽ bị trừ 1 điểm cho mỗi ngày nộp muộn.

9.3. Quy định về hành vi lớp học

- Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.
- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 10 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.
- Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.
- Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.
- Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

TRƯỜNG BỘ MÔN

An

TS Ngô Quỳnh An

TRƯỜNG KHOA

Ngân

PGS.TS. Vũ Hoàng Ngân

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Phạm Hồng Chương

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT

(Ban hành kèm theo quyết định số 345/QĐ/ĐHKTQD, ngày 26 tháng 11 năm 2021)

1. THÔNG TIN TỔNG QUÁT (GENERAL INFORMATION)

- | | |
|------------------------------|--|
| - Tên học phần (tiếng Việt): | Đề án môn học- Kinh tế và Quản lý Đô thị |
| - Tên học phần (tiếng Anh) | Essay on Urban Economics and Management |
| - Mã số học phần | MTDT1104 |
| - Thuộc khối kiến thức | Kiến thức ngành (HP bắt buộc) |
| - Số tín chỉ | 2 tín chỉ |
| + Số giờ lý thuyết | |
| + Số giờ thảo luận/thực hành | |
| + Số giờ tự học | |
| - Các học phần tiên quyết | Không |

2. THÔNG TIN BỘ MÔN QUẢN LÝ VÀ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY

Bộ môn quản lý: Kinh tế và Quản lý Đô thị

Địa chỉ: Phòng 1401 Nhà A1, Trường ĐH Kinh tế Quốc dân

Giảng viên tham gia giảng dạy:

TT	Họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Kim Hoàng	0946631024	hoangnk@neu.edu.vn
2	TS. Nguyễn Thị Thanh Huyền	0912078833	huyennt@neu.edu.vn
3	TS. Bùi Thị Hoàng Lan	0936125066	lanbh@neu.edu.vn
4	TS Dương Đức Tâm	0967836789	tamdd@neu.edu.vn

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN (COURSE DESCRIPTIONS)

Đề án môn học- Kinh tế và quản lý đô thị là một học phần bắt buộc của của chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế và quản lý đô thị và là một công trình NCKH của sinh viên dựa trên cơ sở thu thập các nguồn dữ liệu thứ cấp để làm rõ, sâu hơn một vấn đề về Kinh tế và quản lý đô thị. Viết đề án môn học là bước khởi đầu, cơ bản trong quá trình NCKH của sinh viên.

4. TÀI LIỆU THAM KHẢO (LEARNING RESOURCES: COURSE BOOKS, REFERENCE BOOKS, AND SOFTWARES)

Giáo trình

1. Nguyễn Đình Hương và Nguyễn Hữu Đoàn (2002), *Giáo trình Kinh tế đô thị*, Nhà xuất bản Giáo dục
2. Nguyễn Đình Hương, Nguyễn Hữu Đoàn (2003), *Quản lý đô thị*, NXB Giáo dục

Tài liệu khác

3. Nguyễn Kim Hoàng (2019), *Bài giảng Quản lý dự án đô thị*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân.
4. Nguyễn Hữu Đoàn (2019), *Bài giảng Đô thị hóa và phát triển*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN (COURSE GOALS)

Bảng 5.1. Mục tiêu học phần

TT	Mô tả mục tiêu học phần	CĐR (PLO) của CTĐT**	Mức độ***
[1]	[2]	[3]	[4]
G1	Sinh viên nhận biết và hiểu được các kiến thức cơ bản về cách lập và viết báo cáo. Mục tiêu của học phần bảo đảm tính khoa học, liên thông và hiện đại hoá kiến thức liên ngành.	PLO1.1.2 PLO1.2.2 PLO1.2.3	4
G2	Sinh viên có kỹ năng vận dụng được kiến thức chuyên ngành để thực hiện các chức năng phát triển kỹ năng lập luận, phân tích các vấn đề cơ bản về kinh tế và quản lý đô thị. Làm việc độc lập và tự chịu trách nhiệm.	PLO2.1.1	4
G3	- Có ý thức tổ chức kỷ luật; năng động, nhiệt huyết và có tinh thần hợp tác và trách nhiệm với công việc. - Có khả năng tự học tập, tích lũy kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn.	PLO3.1.1	4

6. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN (COURSE LEARNING OUTCOMES)

Bảng 6.1. Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Mục tiêu HP	CLOs	Mô tả CLOs*	Mức độ đạt được**
[1]	[2]	[3]	[4]
G1	CLO1.1	Cung cấp cho người học các nội dung cơ bản về kinh tế và quản lý đô thị	4
	CLO1.2	Giúp cho người học hiểu về nguyên tắc lập và viết báo cáo, phân tích cơ bản về kinh tế và quản lý đô thị	4
	CLO1.3	Vận dụng các lý thuyết chuyên ngành vào việc phân tích, đánh giá và giải thích các vấn đề trong kinh tế và quản lý đô thị.	4
G2	CLO2.1	Có kỹ năng tìm kiếm tài liệu, phân tích, tổng hợp, khái quát các vấn đề trong kinh tế và quản lý đô thị.	4
	CLO2.2	Có khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc theo nhóm để giải quyết các nội dung được phân công.	4
G3	CLO3.1	Có khả năng tự học tập, tích lũy kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn.	4
	CLO3.2	Có khả năng đưa ra các kết luận, giải pháp về các vấn đề nảy sinh trong kinh tế và quản lý đô thị.	4

7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN (COURSE ASSESSMENT)

Bảng 7.1. Đánh giá học phần

Hình thức đánh giá	Nội dung/ Bài đánh giá	Thời điểm	CLOs	Công cụ và tiêu chí đánh giá*	Tỷ lệ (%)
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
Đánh giá quá trình	Đánh giá quá trình chuẩn bị	Tuần 2	CLO1- CLO4	Phiếu đánh giá với các tiêu chí: (i) Nội dung; (ii) Hình thức; (iii) Thời gian nộp bài	40%
	Đánh giá quá trình thực hiện	Tuần 3-13	CLO1- CLO4	Phiếu đánh giá với các tiêu chí: (i) Nội dung; (ii) Hình thức; (iii) Thời gian nộp bài	
Đánh giá cuối kỳ	Báo cáo cuối kỳ		CLO1- CLO4	Theo yêu cầu của môn học	60%

8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (LESSON PLAN)

Bảng 8.1. Kế hoạch giảng dạy

Tuần	Nội dung giảng	Tài liệu	CLOs	Hoạt động dạy và học***	Công cụ
------	----------------	----------	------	-------------------------	---------

	dạy*	đọc**			đánh giá****
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
1	Đề án môn học- Kinh tế và quản lý đô thị	1 2 3 4	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	Giới thiệu học phần Đặt ra yêu cầu học tập Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống	Mức độ tham gia Mức độ tương tác
2	Đề án môn học- Kinh tế và quản lý đô thị	1 2 3 4	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	Sinh viên chuẩn bị đề cương đề án Giảng viên trả lại đề cương đã chỉnh sửa, góp ý và giải đáp thắc mắc	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng đề cương
3-12	Đề án môn học- Kinh tế và quản lý đô thị	1 2 3 4	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	Sinh viên viết đề án Giảng viên góp ý và giải đáp thắc mắc	Mức độ tham gia Mức độ tương tác
13	Đề án môn học- Kinh tế và quản lý đô thị	1 2	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	Sinh viên hoàn thiện và nộp Đề án môn học- Kinh tế và quản lý đô thị	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng đề án

** 1. Nguyễn Đình Hương và Nguyễn Hữu Đoàn (2002), *Giáo trình Kinh tế đô thị*, Nhà xuất bản Giáo dục

2. Nguyễn Đình Hương, Nguyễn Hữu Đoàn (2003), *Quản lý đô thị*, NXB Giáo dục

3. Nguyễn Kim Hoàng (2019), *Bài giảng Quản lý dự án đô thị*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân.

4. Nguyễn Hữu Đoàn (2019), *Bài giảng Đô thị hóa và phát triển*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân

9. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN (COURSE REQUIREMENTS AND EXPECTATION)

9.1. Quy định về điều kiện nộp đề án môn học

Sinh viên được nộp “Đề án môn học” khi đã liên lạc với giảng viên hướng dẫn và viết đề cương đề án theo hướng dẫn của giảng viên.

9.2. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên thuộc một trong các trường hợp sau phải nhận điểm 0 (không):

- Không liên lạc với giảng viên hướng dẫn ;
- Không viết đề cương theo hướng dẫn của giảng viên;

- Nộp “Đề án môn học” chậm so với thời gian quy định của đơn vị đào tạo.

9.3. Quy định về hành vi lớp học

- Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm
- Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.
- Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

Hà Nội, ngày 26 tháng 7 năm 2021

TRƯỞNG BỘ MÔN

TRƯỞNG KHOA

HIỆU TRƯỞNG

Hoàng

Trương



TS NGUYỄN KIM HOÀNG

PGS.TS ĐINH ĐỨC TRƯỜNG

PGS.TS PHẠM HỒNG CHƯƠNG



ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT

(Ban hành kèm theo quyết định số 1345/QĐ/ĐHKTD, ngày 26 tháng 7 năm 2021)

1. THÔNG TIN TỔNG QUÁT (GENERAL INFORMATION)

Tiếng Việt: **HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ**

Tiếng Anh: International Economic Integration

Mã học phần: TMKQ1107

Tổng số tín chỉ: 03

- Thuộc khối kiến thức: Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (Khối kiến thức cơ sở ngành/ Các học phần bắt buộc)

- Số tín chỉ: 3 (45 giờ tín chỉ; 50 phút/giờ)

+ Số giờ lý thuyết: 30

+ Số giờ thảo luận/Thực hành: 15

+ Số giờ tự học: 90

- Các học phần tiên quyết: Kinh tế học vi mô 1 và Kinh tế học vi mô 1

2. THÔNG TIN BỘ MÔN QUẢN LÝ VÀ GIÁNG VIÊN GIẢNG DẠY

Bộ môn quản lý: Kinh tế quốc tế

Địa chỉ: Phòng 906 Nhà A1, Trường ĐH Kinh tế Quốc dân

Giảng viên (liệt kê GV tham gia giảng dạy):

TT	Họ tên giảng viên	Số điện thoại	Email
1.	Đỗ Thị Hương	0915325408	dthuong@neu.edu.vn
2.	Nguyễn Thị Thúy Hồng	0961261666	hongnt@neu.edu.vn
3.	Đỗ Đức Bình	0912014027	doducbinh@neu.edu.vn
4.	Ngô Thị Tuyết Mai	0904324282	ngothituyetmai@neu.edu.vn
5.	Lê Tuấn Anh	0907269512	anh.le@neu.edu.vn

3. MÔ TẢ HỌC (COURSE DESCRIPTIONS)

Học phần Hội nhập kinh tế quốc tế trang bị cho sinh viên kiến thức về (1) Lý thuyết về

hội nhập kinh tế quốc tế, bao gồm khái niệm, đặc trưng, bản chất, tính tất yếu khách quan, các cấp độ và xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế; (2) Tác động tích cực và tiêu cực của hội nhập kinh tế quốc tế; những cơ hội và thách thức của hội nhập kinh tế quốc tế đối với sự phát triển kinh tế xã hội của một quốc gia trong bối cảnh toàn cầu hóa; (3) Những vấn đề cơ bản về tổ chức Thương mại thế giới, bao gồm mục tiêu, chức năng, nguyên tắc hoạt động, cơ cấu tổ chức và vai trò của nó đối với sự phát triển kinh tế của các nước thành viên; (4) Nội dung và tình hình hội nhập khu vực của EU và ASEAN và sự hợp tác, tham gia của Việt Nam; (5) Các hiệp định thương mại tự do và phân tích ảnh hưởng của các hiệp định đó đối với Việt Nam và (6) Những quan điểm của Đảng về hội nhập kinh tế quốc tế, quá trình hội nhập và xu hướng nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

4. TÀI LIỆU THAM KHẢO (LEARNING RESOURCES: COURSE BOOKS, REFERENCE BOOKS, AND SOFTWARES)

Giáo trình

1. PGS.PTS. Ngô Thị Tuyết Mai và PGS.TS. Nguyễn Như Bình (Đồng chủ biên) (2019), Giáo trình Hội nhập Kinh tế quốc tế, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

Tài liệu khác

2. Miroslav N. Jovanovic, (2015). The Economics of International Integration, Edward Elgar Publishing Limited.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN (COURSE GOALS)

Bảng 5.1. Mục tiêu học phần

TT	Mô tả mục tiêu học phần (Gs)	CDR (PLO) của CTĐT**	Mức độ***
[1]	[2]	[3]	[4]
G1	Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về hội nhập kinh tế quốc tế. Cụ thể, học phần này giúp sinh viên nắm được xu hướng, tác động của hội nhập kinh tế quốc tế, hiểu được mục tiêu, chức năng, nguyên tắc hoạt động của Tổ chức thương mại thế giới (WTO), Liên minh Châu Âu, Cộng đồng Kinh tế ASEAN và các hiệp định thương mại Việt Nam tham gia.	PLO 1.2.2	3

G2	Hướng dẫn sinh viên thực hành kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm; vận dụng các kiến thức đã học trong nhận biết, phân tích tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đối với quốc gia, ngành/ lĩnh vực và doanh nghiệp.	PLO 2.1.2 PLO2.2	3
G3	Giúp cho sinh viên nhận thức về kỷ luật trong học tập, bồi cảnh xã hội, đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội.	PLO 3.1	3

6. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN (COURSE LEARNING OUTCOMES)

Bảng 6.1. Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Mục tiêu LP	CLOs	Mô tả CLOs*	Mức độ đạt được**
[1]	[2]	[3]	[4]
G1	CLO 1.1	Hiểu được khái niệm, xu hướng vận động và ảnh hưởng của hội nhập kinh tế quốc tế	3
	CLO 1.2	Hiểu được mục tiêu, chức năng, nguyên tắc hoạt động của Tổ chức thương mại thế giới (WTO), Liên minh Châu Âu, Cộng đồng Kinh tế ASEAN và nội dung cơ bản của các hiệp định thương mại Việt Nam tham gia	3
	CLO 1.3	Nhận biết, phân tích được ảnh hưởng của hội nhập WTO, ASEAN, các hiệp định thương mại Việt Nam tham gia và nắm được cơ sở điều chỉnh chính sách của Việt Nam trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế	3
G2	CLO 2.1	Có kỹ năng vận dụng được kiến thức để nhận biết, phân tích ảnh hưởng của hội nhập kinh tế quốc tế đối với quốc gia, ngành/ lĩnh vực và doanh nghiệp.	3 (ITU)
	CLO 2.2	Có kỹ năng làm việc độc lập cũng như làm việc theo nhóm để giải quyết các yêu cầu trong học tập và công việc được giao.	3 (ITU)
G3	CLO 3.1	Nhận thức được bồi cảnh xã hội, đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội.	3
	CLO 3.2	Có khả năng tự học tập, tự tìm hiểu tài liệu để hoàn thành các	3

Mục tiêu HP	CLOs	Mô tả CLOs*	Mức độ đạt được**
		bài học và bài tập được giao, có ý thức tổ chức kỷ luật lớp học, tuân thủ các nội quy lớp học, có tinh thần hợp tác và trách nhiệm cá nhân đối với các hoạt động được giảng viên giao.	

7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN (COURSE ASSESSMENT)

Bảng 7.1. Đánh giá học phần

Hình thức đánh giá	Nội dung/ Bài đánh giá	Thời điểm	CLOs	Tiêu chí đánh giá*	Tỷ lệ (%)
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
Chuyên cần	Tham dự đầy đủ các buổi học (không nghỉ quá 20% tổng số giờ khóa học)	Tuần 1-15	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO2.1 CLO2.2	Nhật ký giảng dạy của giảng viên với các tiêu chí đánh giá (i) Mức độ tham gia; (ii) Mức độ tương tác; (iii) Chất lượng câu trả lời	10%
Đánh giá quá trình (bài kiểm tra trắc nghiệm kết hợp tự luận)	Có 01 bài kiểm tra giữa kỳ	Tuần 10	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3	Bài làm đảm bảo đúng yêu cầu đề ra của giảng viên	40%
Đánh giá quá trình (Bài tập nhóm)	Xác nhận chủ đề và viết báo cáo theo yêu cầu và hướng dẫn của giảng viên	Tuần 5	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3	Phiếu đánh giá với các tiêu chí (i) Chủ đề phù hợp với nội dung của học phần; (ii) Xác định được đối tượng và phạm vi nghiên cứu phù hợp; (iii) Nội dung phân tích thuyết phục và có thông tin, số liệu minh họa làm rõ được đối tượng nghiên cứu.	

	Trình bày nhóm: Báo cáo theo các chủ đề đã xác định liên quan đến nội dung của học phần	Tuần 12-13	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1 CLO3.2	Phiếu đánh giá với các tiêu chí: (i) Nội dung; (ii) Hình thức đẹp; (iii) Trình bày hấp dẫn, thuyết phục; (iv) Mức độ hợp tác trong trả lời câu hỏi; (v) Thời gian trình bày	
	Nộp báo cáo	Tuần 14	CLO1- CLO3	Phiếu đánh giá với các tiêu chí: (i) Nội dung; (ii) Hình thức; (iii) Thời gian; (iv) Đánh giá lẫn nhau	
Đánh giá cuối kỳ	Bài thi cuối kỳ	Lịch thi học phần	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3	Trắc nghiệm kết hợp với tự luận. Thời gian làm bài 90 phút.	50%

8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (LESSON PLAN)

Bảng 8.1. Kế hoạch giảng dạy

Tuần	Nội dung giảng dạy*	Tài liệu đọc**	CLOs	Hoạt động dạy và học***	Công cụ đánh giá****
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
1	(1) Làm quen, giới thiệu học phần, logic của học phần và vai trò, vị trí của học phần trong CTĐT (2) Chương 1: 1.1. Lịch sử hội nhập kinh tế quốc tế 1.2. Khái niệm và các hình thức hội nhập kinh tế quốc tế	(Đề cương học phần), (1) Chương 1	CLO1.1 CLO3.2	Giới thiệu học phần Đặt ra yêu cầu học tập Hướng dẫn đọc tài liệu, tìm tài liệu, làm việc nhóm Chia nhóm làm việc Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi

2	Chương 1 1.3. Các xu hướng, lợi ích và bất lợi của hội nhập kinh tế quốc tế 1.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến hội nhập kinh tế quốc tế của một quốc gia	(1) Chương 1 (2) Chapter 1 và chapter 8	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi, bài tập giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi
3	Chương 2 2.1. Lý thuyết liên minh hải quan 2.2. Lý thuyết khu vực thương mại tự do	(1) Chương 2 (2) Chapter 3	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi, bài tập giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi
4	Chương 2 2.3. Lý thuyết về thị trường chung Chương 3 3.1. GATT và sự ra đời của tổ chức Thương mại thế giới	(1) Chương 2 và 3 (2) Chapter 4	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi, bài tập giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi
5	Chương 3 3.2. Mục tiêu, nhiệm vụ và chức năng của WTO 3.3. Các nguyên tắc của WTO	(1) Chương 3 (2) Chapter 2	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi
6	Chương 3 3.4. Cơ cấu tổ chức và quá trình ra quyết định của WTO 3.5. Các hiệp định của WTO 3.6. Cơ chế giải quyết tranh chấp của WTO	(1) Chương 3	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi

7	<p>Chương 4 4.1. Lịch sử hình thành Liên minh Châu Âu 4.2. Nội dung hợp tác, cơ cấu tổ chức và nguyên tắc hoạt động của Liên minh Châu Âu</p>	<p>(1) Chương 4 (2) Chapter 4</p>	<p>CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3</p>	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi</p>
8	<p>Chương 4 4.3. Đồng tiền chung Châu Âu 4.4. Liên minh Châu Âu và các nước đang phát triển</p>	<p>(1) Chương 4 (2) Chapter 6</p>	<p>CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3</p>	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi</p>
9	<p>Chương 5 5.1. Tổng quan về hội nhập kinh tế quốc tế của ASEAN 5.2. Khu vực thương mại tự do ASEAN</p>	<p>(1) Chương 5</p>	<p>CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3</p>	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi</p>
10	<p>Chương 5 5.3. Cộng đồng Kinh tế ASEAN 5.4. Hội nhập kinh tế quốc tế của ASEAN với các nước ngoài khu vực</p>	<p>(1) Chương 5</p>	<p>CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3</p>	<p>Sinh viên làm bài kiểm tra trong 1 tiết Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi</p>
11	<p>Chương 6 6.1. Những động lực và trở lực của hội nhập khu vực Đông Á 6.2. Mô hình Cộng đồng Kinh tế Đông Á</p>	<p>(1) Chương 6</p>	<p>CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3</p>	<p>Trà, chữa bài kiểm tra và giải đáp thắc mắc Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi</p>
12	<p>Chương 7 7.1. Hiệp định</p>	<p>(1) Chương 7</p>	<p>CLO.1.1 CLO.1.2</p>	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p>	<p>Mức độ tham gia Mức độ tương tác</p>

	<p>Thương mại tự do trong khuôn khổ ASEAN Việt Nam tham gia</p> <p>7.2. Hiệp định thương mại song phương Việt Nam – Hoa Kỳ</p> <p>7.3. Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện Việt Nam – Nhật Bản</p> <p>7.4. Các hiệp định Thương mại tự do thế hệ mới: CPTPP, EVFTA, RCEP</p>		CLO.1.3	<p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi</p>
13	Trình bày bài tập nhóm buổi 1		CLO2.1 CLO2.2	<p>Nhóm sinh viên báo cáo</p> <p>Giảng viên và các thành viên trong lớp nhận xét</p>	<p>Phiếu đánh giá với các tiêu chí (i) Nội dung bài báo cáo theo yêu cầu ; (ii) Sự thuyết phục của bài báo cáo</p>
14	Trình bày bài tập nhóm buổi 1		CLO2.1 CLO2.2	<p>Nhóm sinh viên báo cáo</p> <p>Giảng viên và các thành viên trong lớp nhận xét</p>	<p>Phiếu đánh giá với các tiêu chí (i) Nội dung bài báo cáo theo yêu cầu ; (ii) Sự thuyết phục của bài báo cáo</p>
15	<p>(1) Hoàn thiện bài tập nhóm</p> <p>(2) Hệ thống, tổng kết</p>		CLO1- CLO3	<p>(1) Nhóm sinh viên nộp báo cáo</p> <p>(2) Giảng viên đánh giá Giảng viên hệ thống kiến thức, hướng dẫn ôn tập và giải đáp thắc mắc của sinh viên</p>	<p>Phiếu đánh giá với các tiêu chí: (i) Nội dung; (ii) Hình thức; (iii) Thời gian; (iv) Đánh giá lẫn nhau</p>
-	Bài thi cuối kỳ		CLO1.1 CLO1.1 CLO1.3	<p>Sinh viên làm bài thi theo lịch của trường</p>	<p>Trắc nghiệm kết hợp với tự luận. Thời gian làm bài 90 phút.</p>

9. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN (COURSE REQUIREMENTS AND EXPECTATION)

9.1. Quy định về điều kiện thi kết thúc học phần

- Sinh viên được tham dự thi cuối kỳ/thi kết thúc học phần (50%) nếu có điểm chuyên cần (10%) đạt mức 5 điểm trở lên (thang 10).

9.2. Quy định về tham dự lớp học

- Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý. Mỗi buổi vắng mặt sẽ bị trừ 1 điểm đánh giá quá trình. Sinh viên vắng quá 3 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại.
- Sinh viên sẽ được cộng điểm cho mỗi lần phát biểu xây dựng bài, có thể bù đắp cho điểm quá trình, điểm kiểm tra và điểm bài tập nhóm.
- Sinh viên không nộp bài tập nhóm sẽ nhận điểm 0 (không) cho bài tập sau cùng. Nhóm sinh viên nộp bài trễ sẽ bị trừ 1 điểm cho mỗi ngày nộp muộn.

9.3. Quy định về hành vi lớp học

- Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.
- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 10 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.
- Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.
- Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.
- Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

Hà Nội, ngày 28 tháng 7 năm 2021

TRƯỞNG BỘ MÔN

Hương

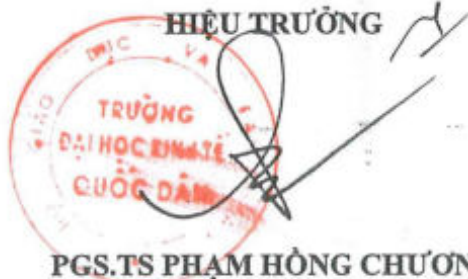
TS. ĐỖ THỊ HƯƠNG

VIỆN TRƯỞNG

Lợi

PGS.TS. TẠ VĂN LỢI

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS PHẠM HỒNG CHƯƠNG



ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT

(Ban hành theo Quyết định số 1345/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 26 tháng 7 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân)

1. THÔNG TIN TỔNG QUÁT (GENERAL INFORMATION)

- Tên học phần (tiếng Việt)	Phương pháp nghiên cứu Kinh tế xã hội
- Tên học phần (tiếng Anh)	Socio-Economic Research Methods
- Mã số học phần	PTCC 1128
- Thuộc khối kiến thức	
- Số tín chỉ	3TC
+ Số giờ lý thuyết	30
+ Số giờ thảo luận/thực hành	15
+ Số giờ tự học	90
- Các học phần tiên quyết	

2. THÔNG TIN BỘ MÔN QUẢN LÝ VÀ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY

Bộ môn quản lý: Kinh tế công cộng

Địa chỉ: Phòng 809 Nhà A1, Trường ĐJL Kinh tế Quốc dân

Giảng viên (liệt kê GV tham gia giảng dạy):

TT	Họ và tên	Email
1	PGS.TS Vũ Thị Tuyết Mai	maivu@neu.edu.vn
2	PGS.TS Nguyễn Thanh Hà	hant@neu.edu.vn
3	PGS.TS Lê Quang Cảnh	canh@neu.edu.vn
4	Ths.Nguyễn Hoàng Liễu	nhlieu@neu.edu.vn
5	Ts.Mai Anh Bảo	baoma@neu.edu.vn

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN (COURSE DESCRIPTIONS)

Học phần "Phương pháp nghiên cứu kinh tế-xã hội" được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về phương pháp nghiên cứu trong kinh tế-xã hội áp dụng cho chương trình đào tạo bậc đại học. Với thời lượng 3 đơn vị tín chỉ (45 giờ), học phần được thiết

kế thành 6 chương và được sắp xếp theo quy trình trình nghiên cứu được sử dụng phổ biến trong nghiên cứu kinh tế-xã hội: từ xác định vấn đề, tổng quan và thiết kế nghiên cứu; thu thập và phân tích dữ liệu và trình bày báo cáo nghiên cứu. Học phần được thiết kế theo cách tiếp cận phát triển kỹ năng giúp cho người học có thể thực hiện các nghiên cứu khoa học trong kinh tế-xã hội, thông qua việc kết hợp giảng dạy giữa lý thuyết và thực hành nghiên cứu.

4. TÀI LIỆU THAM KHẢO (LEARNING RESOURCES: COURSE BOOKS, REFERENCE BOOKS, AND SOFTWARES)

Giáo trình

Saunders, M., P. Lewis, và A. Thornhill (2009). *Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh-sách dịch*. Nhà xuất bản Tài Chính.

Saunders, M., P. Lewis, và A. Thornhill , 8th Edition (2019). *Research Methods for Business Students*, Pearson Education, United Kingdom.

Tài liệu khác

1. Greenlaw, S. (2005). *Doing economics: A Guide to Understanding and Carrying Out Economic Research*, South-western College Publishing
2. Babbie, E. (2010). *The Basics of Social Research*, Wadsworth Publishing
3. Kothari, C. R. (2004). *Research methodology: Methods and techniques*, New Age International Ltd. Publisher,
4. Hair, J., M. Celis, A. Money, P. Samouel, và M. Page (2011). *Essentials of Business research methods*, Second edition, M.E. Sharpe Inc Publisher
5. Adam, J., H. Khan, R. Raeside, và A. White (2008). *Research methods for Graduate Business and social science student*, SAGE Publisher
6. Panneerselvam, R. (2006), *Research Methodology*, Asokc K. Ghosh, Prentice-Hall of India Private Limited.
7. Krishnaswamy, K., A. Sivakumar, và M. Mathirajan (2009), *Management Research Methodology*, Dorling Kindersley Pvt. Ltd.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN (COURSE GOALS)

Bảng 5.1. Mục tiêu học phần

TT	Mô tả mục tiêu học phần	CDR (PLO) của CTĐT**	Mức độ***
GI	Sinh viên hiểu rõ các bộ phận cấu thành của một nghiên cứu kinh tế xã hội, quy trình xây dựng và	1.5.3	3

	nội dung cơ bản trong từng bước của quy trình nghiên cứu; xác định và lựa chọn được phương pháp nghiên cứu phù hợp với chủ đề kinh tế-xã hội cần nghiên cứu.		
G2	Sinh viên hiểu và biết cách vận dụng các phương pháp thu thập và phân tích dữ liệu định tính và định lượng căn bản trong khoa học kinh tế-xã hội; biết sử dụng một số phần mềm hỗ trợ trong phân tích dữ liệu nghiên cứu; hiểu và biết cách trình bày một báo cáo nghiên cứu khoa học.	2.1.2; 2.2.1; 2.3.2	3
G3	Sinh viên có năng lực thiết kế nghiên cứu và triển khai các nghiên cứu thuộc lĩnh vực kinh tế xã hội một cách độc lập và theo nhóm; có thái độ nghiêm túc, trung thực trong nghiên cứu khoa học; có đạo đức nghiên cứu và ý thức kỉ luật.	3.1.1; 3.1.4; 3.2.1; 3.2.3	3

6. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN (COURSE LEARNING OUTCOMES)

Bảng 6.1. Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Mục tiêu	CLOs	Mô tả CLOs*	Mức độ đạt được**
[1]	[2]	[3]	[4]
G1	CLO1.1	Sinh viên hiểu rõ các bộ phận cấu thành của một nghiên cứu kinh tế xã hội, quy trình xây dựng và nội dung cơ bản trong từng bước của quy trình nghiên cứu.	3
	CLO1.2	Sinh viên hiểu và biết cách vận dụng các phương pháp thu thập và phân tích dữ liệu định tính và định lượng căn bản trong khoa học kinh tế-xã hội.	3
G2	CLO2.1	Sinh viên trình bày được phương pháp thu thập dữ liệu phù hợp với mục tiêu và đối tượng nghiên cứu; hiểu và biết cách trình bày một báo cáo nghiên cứu khoa học.	3
	CLO2.2	Sinh viên có kĩ năng nhận dạng vấn đề nghiên cứu, thu thập dữ liệu và phân tích dữ liệu nghiên cứu	3
	CLO2.3	Sinh viên xử lý dữ liệu định tính và định lượng căn bản trong khoa học kinh tế-xã hội, sử dụng được một số phần mềm hỗ trợ như SPSS, NVivo trong phân tích dữ liệu nghiên cứu.	3
G3	CLO3.1	Sinh viên có nhận thức đạo đức trong nghiên cứu, có thái độ nghiêm túc, trung thực trong nghiên cứu khoa học.	3

Mục tiêu	CLOs	Mô tả CLOs*	Mức độ đạt được**
	CLO3.2	Sinh viên có thể tự thiết kế các phương pháp tiếp cận phù hợp đến các đối tượng nghiên cứu và độc lập triển khai các nghiên cứu thuộc lĩnh vực kinh tế xã hội, trong quá trình học tập và cả sau khi tốt nghiệp	3
	CLO3.3	Sinh viên có kỹ năng làm việc nhóm, có thể đưa ra và bảo vệ được quan điểm của mình, chịu trách nhiệm cá nhân trước nhóm về nội dung và phương pháp nghiên cứu.	

7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN (COURSE ASSESSMENT)

Bảng 7.1. Đánh giá học phần

	Nội dung/ Bài đánh giá	Thời điểm	CLOs	Công cụ và tiêu chí đánh giá*	Tỷ lệ (%)
Chuyên cần	Thái độ học tập trên lớp Trả lời câu hỏi trên lớp Trả lời các câu hỏi thảo luận Chuẩn bị bài trước khi đến lớp	Tuần 1-13	CLO1-CLO3	Nhật ký giảng dạy của giảng viên với các tiêu chí đánh giá (i) Đi học đầy đủ, đúng giờ (ii) Mức độ tương tác; (iii) mức độ chuẩn bị bài trước khi đến lớp	10%
Bài tập nhóm	- Thiết kế nghiên cứu theo nội dung được học. - Viết báo cáo phân tích đánh giá và trình bày nội dung trước	Tuần 3-13, trình bày báo cáo vào tuần 13	CLO 1.1, CLO 2.1; CLO 2.2; CLO 3.2; CLO 3.3	- Bàn báo cáo được thực hiện đúng chủ đề - Nội dung báo cáo có đủ hàm lượng phân tích, đánh giá (nhận định kèm số liệu minh	20%

	lớp			chúng). Lập luận lựa chọn nội dung trong thiết kế nghiên cứu. - Phần trình bày trên lớp rõ ràng, mạch lạc, có sự tương tác với người nghe - Các thành viên có sự tham gia, hợp tác tốt trong nhóm	
Bài kiểm tra cá nhân (bài kiểm tra tự luận)	Chương 1 - 5	Tuần 10	CLO 1.1, CLO1.2; CLO 2.1; CLO 2.2; CLO 3.1; CLO 3.2	Bài làm đảm bảo đúng yêu cầu đề ra của giảng viên	20%
Đánh giá cuối kỳ	Bài thi cuối kỳ	Lịch thi học phần	CLO1-CLO3	Theo yêu cầu bài thi	50%

8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (LESSON PLAN)

Bảng 8.1. Kế hoạch giảng dạy

Tuần	Nội dung giảng dạy*	Tài liệu đọc**	CLOs	Hoạt động dạy và học***	Công cụ và tiêu chí đánh giá****
1	Làm quen, giới thiệu học phần, logic của học phần và vai trò, vị trí của học phần trong CTĐT	Đề cương học phần	CLO1.1	Giới thiệu học phần Đặt ra qui định thi, kiểm tra, đánh giá Hướng dẫn kế hoạch học tập Hướng dẫn đọc tài liệu Hướng dẫn tìm tài	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời

				liệu Hướng dẫn làm việc nhóm Chia nhóm làm việc	
2	<p>Chương 1. Mở đầu</p> <p>1.1 Giới thiệu về nghiên cứu trong kinh tế-xã hội</p> <p>1.2 Quy trình nghiên cứu</p> <p>1.3 Các cấu phần trong phương pháp nghiên cứu</p> <p>1.4 Đạo đức trong nghiên cứu</p>	<p>Saunders, M., P. Lewis, và A. Thornhill (2009). <i>Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh-</i> (sách dịch). Nhà xuất bản Tài Chính, Chương 1</p>	<p>CLO1.1 CLO1.2 CLO3.1</p>	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp, chuẩn bị số liệu</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p> <p>Giao nội dung thảo luận cho các nhóm</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi</p>
3	<p>Chương 1. Mở đầu</p> <p>1.1 Giới thiệu về nghiên cứu trong kinh tế-xã hội</p> <p>1.2 Quy trình nghiên cứu</p> <p>1.3 Các cấu phần trong phương pháp nghiên cứu</p> <p>1.4 Đạo đức trong nghiên cứu</p>	<p>Saunders, M., P. Lewis, và A. Thornhill (2009). <i>Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh-</i> (sách dịch). Nhà xuất bản Tài Chính, Chương 1</p>	<p>CLO1.1 CLO1.2 CLO3.1</p>	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp, chuẩn bị số liệu</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p> <p>Giao nội dung thảo luận cho các nhóm</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi</p>
4	Chương 2. Xác định	Saunders,	CLO1.1;	Sinh viên đọc bài	Mức độ tham

	<p>vấn đề nghiên cứu và tổng quan nghiên cứu</p> <p>2.1Xác định đề tài nghiên cứu</p> <p>2.2Tổng quan nghiên cứu</p>	<p>M., P. Lewis, và A. Thornhill (2009). <i>Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh</i> (sách dịch). Nhà xuất bản Tài Chính, Chương 2,3.</p>	<p>CLO1.2; CLO2.2; CLO2.3; CLO3.2 CLO3.3</p>	<p>trước khi tới lớp, đọc và phân tích các mô hình thực nghiệm, chuẩn bị bài tập nhóm</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi</p>
5	<p>Chương 2. Xác định vấn đề nghiên cứu và tổng quan nghiên cứu</p> <p>2.1Xác định đề tài nghiên cứu</p> <p>2.2Tổng quan nghiên cứu</p>	<p>Saunders, M., P. Lewis, và A. Thornhill (2009). <i>Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh</i> (sách dịch). Nhà xuất bản Tài Chính, Chương 1</p>	<p>CLO1.2; CLO2.2; CLO2.3; CLO3.2; CLO3.3</p>	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp, đọc và phân tích các mô hình thực nghiệm, chuẩn bị bài tập nhóm</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi</p>
6	<p>Chương 3. Thiết kế nghiên cứu</p> <p>3.1Khái quát về thiết kế nghiên cứu</p> <p>3.2Mục tiêu và câu hỏi nghiên cứu</p> <p>3.3Đối tượng và phạm vi nghiên cứu</p>	<p>Saunders, M., P. Lewis, và A. Thornhill (2009). <i>Phương pháp</i></p>	<p>CLO1.2 CLO2.1; CLO 2.2 CLO3.2 CLO3.3</p>	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp, chuẩn bị bài tập nhóm</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi</p>

	<p>3.4 Lý thuyết và khung lý thuyết</p> <p>3.5 Dữ liệu và đo lường</p> <p>3.6 Phương pháp nghiên cứu dự kiến</p> <p>3.7 Các yếu tố ảnh hưởng đến tính khả thi của một nghiên cứu</p>	<p><i>nghiên cứu trong kinh doanh sách dịch.</i></p> <p>Nhà xuất bản Tài Chính.</p> <p>Chương 4</p>			
7	<p>Chương 3. Thiết kế nghiên cứu</p> <p>3.1 Khái quát về thiết kế nghiên cứu</p> <p>3.2 Mục tiêu và câu hỏi nghiên cứu</p> <p>3.3 Đối tượng và phạm vi nghiên cứu</p> <p>3.4 Lý thuyết và khung lý thuyết</p> <p>3.5 Dữ liệu và đo lường</p> <p>3.6 Phương pháp nghiên cứu dự kiến</p> <p>3.7 Các yếu tố ảnh hưởng đến tính khả thi của một nghiên cứu</p>	<p>Saunders, M., P. Lewis, và A. Thornhill (2009). <i>Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh sách dịch.</i> Nhà xuất bản Tài Chính, Chương 4</p>	<p>CLO1.2; CLO2.1; CLO2.2; CLO3.2; CLO3.3</p>	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp, chuẩn bị bài tập nhóm</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi</p>
8	<p>Chương 4. Nghiên cứu định lượng</p> <p>4.1 Giới thiệu nghiên cứu định lượng</p> <p>4.2 Thu thập dữ liệu định lượng sơ cấp</p> <p>4.3 Thu thập dữ liệu định lượng thứ cấp</p>	<p>Saunders, M., P. Lewis, và A. Thornhill (2009). <i>Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh sách dịch.</i> Nhà xuất bản Tài Chính, Chương 4</p>	<p>CLO1.2 CLO2.1 CLO2.2 CLO2.3 CLO3.3</p>	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi</p>

	4.4 Phân tích dữ liệu định lượng 4.5 Thực hành phân tích dữ liệu định lượng	<i>cứu trong kinh doanh-sách dịch.</i> Nhà xuất bản Tài Chính. Chương 8, 9, 10, 11			
9	Chương 4. Nghiên cứu định lượng 4.1 Giới thiệu nghiên cứu định lượng 4.2 Thu thập dữ liệu định lượng sơ cấp 4.3 Thu thập dữ liệu định lượng thứ cấp 4.4 Phân tích dữ liệu định lượng 4.5 Thực hành phân tích dữ liệu định lượng	Saunders, M., P. Lewis, và A. Thornhill (2009). <i>Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh-sách dịch.</i> Nhà xuất bản Tài Chính. Chương 8, 9, 10, 11	CLO1.2 CLO2.1 CLO2.2 CLO2.3 CLO3.3	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi
10	Chương 5. Nghiên cứu định tính 5.1 Giới thiệu chung về nghiên cứu định tính 5.2 Phương pháp thu thập dữ liệu định tính 5.3 Phân tích dữ liệu định tính 5.4 Thực hành phân tích định tính	Saunders, M., P. Lewis, và A. Thornhill (2009). <i>Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh-sách dịch.</i> Nhà xuất bản Tài Chính,	CLO1.2 CLO2.1 CLO2.2 CLO2.3 CLO3.3	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi

		Chương 12 và 13			
11	<p>Chương 5. Nghiên cứu định tính</p> <p>5.1 Giới thiệu chung về nghiên cứu định tính</p> <p>5.2 Phương pháp thu thập dữ liệu định tính</p> <p>5.3 Phân tích dữ liệu định tính</p> <p>5.4 Thực hành phân tích định tính</p>	<p>Saunders, M., P. Lewis, và A. Thornhill (2009). <i>Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh-sách dịch</i>. Nhà xuất bản Tài Chính, Chương 12 và 13</p>	<p>CI.O1.2</p> <p>CLO2.1</p> <p>CLO2.2</p> <p>CLO2.3</p> <p>CLO3.3</p>	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi</p>
12	<p>Chương 6</p> <p>Báo cáo và trình bày nghiên cứu trong Kinh tế-Xã hội</p> <p>6.1 Báo cáo nghiên cứu</p> <p>6.2 Cấu trúc thông dụng của báo cáo nghiên cứu</p> <p>6.3 Những quan tâm trong quá trình hình thành báo cáo nghiên cứu</p> <p>6.4 Trình bày báo cáo nghiên cứu</p>	<p>Saunders, M., P. Lewis, và A. Thornhill (2009). <i>Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh-sách dịch</i>. Nhà xuất bản Tài Chính, Chương 14</p>	<p>CLO2.1</p> <p>CLO3.2</p> <p>CLO3.3</p>	<p>Nhóm sinh viên báo cáo và trả lời câu hỏi</p> <p>Giảng viên và các thành viên trong lớp đặt câu hỏi, nhận xét</p> <p>Nhóm trình bày hoàn thiện bài theo góp ý và nộp bài viết</p>	<p>Phiếu đánh giá với các tiêu chí : (i) Nội dung; (ii) Hình thức đẹp; (iii) Trình bày hấp dẫn, thuyết phục; (iv) Mức độ hợp-tác trong trả lời câu hỏi; (v) Thời gian trình bày</p>
13	<p>Chương 6</p> <p>Báo cáo và trình bày nghiên cứu trong Kinh tế-Xã hội</p> <p>6.1 Báo cáo nghiên cứu</p> <p>6.2 Cấu trúc thông dụng của báo cáo nghiên cứu</p>	<p>Saunders, M., P. Lewis, và A. Thornhill (2009). <i>Phương</i></p>	<p>CLO2.1</p> <p>CLO3.2</p> <p>CLO3.3</p>	<p>Nhóm sinh viên báo cáo và trả lời câu hỏi</p> <p>Giảng viên và các thành viên trong lớp đặt câu hỏi, nhận xét</p>	<p>Phiếu đánh giá với các tiêu chí : (i) Nội dung; (ii) Hình thức đẹp; (iii) Trình bày hấp dẫn, thuyết</p>

	6.3 Những quan tâm trong quá trình hình thành báo cáo nghiên cứu 6.4 Trình bày báo cáo nghiên cứu	<i>pháp nghiên cứu trong kinh doanh-sách dịch.</i> Nhà xuất bản Tài Chính, Chương 14		Nhóm trình bày hoàn thiện bài theo góp ý và nộp bài viết	phục; (iv) Mức độ hợp tác trong trả lời câu hỏi; (v) Thời gian trình bày
-	Bài thi cuối kỳ		CLO1- CLO3	Sinh viên làm bài thi theo lịch	Theo yêu cầu bài thi

9. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN (COURSE REQUIREMENTS AND EXPECTATION)

9.1 Quy định về điều kiện thi kết thúc học phần

- Sinh viên được tham dự thi cuối kỳ/thi kết thúc học phần (50%) nếu có điểm chuyên cần (10%) đạt mức 5 điểm trở lên (thang 10).

9.2. Quy định về tham dự lớp học

- Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học phải xin phép giảng viên trước buổi học qua email hoặc tin nhắn. Mỗi buổi vắng mặt không có lý do sẽ bị trừ 1 điểm đánh giá quá trình. Sinh viên có mặt đầy đủ các buổi điểm danh chỉ được 8 điểm. Nếu điểm chuyên cần dưới 5 thì sẽ phải học lại học phần theo quy định
- Sinh viên sẽ được cộng 1 điểm nếu chuẩn bị đầy đủ nội dung giảng viên giao về nhà sau mỗi buổi học trên lớp. Ngoài ra sinh viên sẽ được cộng điểm cho mỗi lần phát biểu xây dựng bài, có thể bù đắp cho điểm quá trình, điểm kiểm tra và điểm bài tập nhóm.
- Sinh viên sẽ được đánh giá điểm bài tập nhóm dựa trên điểm của nhóm và mức độ tham gia hoàn thành bài tập nhóm theo đánh giá của các thành viên trong nhóm. Nếu buổi trình bày sinh viên không có mặt thì bị trừ 50% số điểm của bài tập nhóm (trong trường hợp có tham gia chuẩn bị báo cáo).

9.3 Quy định về hành vi lớp học

- Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

- Khi lên lớp sinh viên luôn phải mang đầy đủ tài liệu bắt buộc của môn học (giáo trình, slide bài giảng, vở ghi và chuẩn bị bài)

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 10 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

- Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

- Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

Hà Nội, ngày 26 tháng 7 năm 2021

TRƯỜNG BỘ MÔN

TRƯỜNG KHOA

Cường

Sơn



PGS.TS VŨ CƯƠNG

PGS.TS NGUYỄN NGỌC SƠN

PGS.TS PHẠM HỒNG CHƯƠNG

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT

(Ban hành kèm theo quyết định số QĐ/ĐHKTQD, ngày tháng năm 20)

1. THÔNG TIN TỔNG QUÁT (GENERAL INFORMATION)

- Tên học phần (tiếng Việt):	Kinh tế vĩ mô 2
- Tên học phần (tiếng Anh)	Intermediate Macroeconomics
- Mã số học phần	KHMA1102
- Thuộc khối kiến thức	Ngành
- Số tín chỉ	3 tín chỉ (45 giờ tín chỉ; 50 phút/giờ)
+ Số tiết lý thuyết	26
+ Số tiết thảo luận/Thực hành	19
+ Số tiết tự học	90
- Các học phần tiên quyết:	Không

2. THÔNG TIN BỘ MÔN QUẢN LÝ VÀ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY

Bộ môn quản lý: Kinh tế Vĩ mô

Địa chỉ: Phòng 805 Nhà A1, Trường ĐH Kinh tế Quốc dân

Giảng viên (liệt kê GV tham gia giảng dạy):

1. Nguyễn Văn Công
2. Nguyễn Hoàng Oanh
3. Nguyễn Việt Hùng
4. Hà Quỳnh Hoa
5. Đinh Mai Hương
6. Phạm Thế Anh
7. Nguyễn Việt Hưng

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN (COURSE DESCRIPTIONS)

Giới thiệu cho sinh viên các trường phái và các cách tiếp cận khác nhau nhằm giải thích sự vận hành của nền kinh tế, cơ hội và thách thức đối với các chính sách kinh tế vĩ mô nhằm ổn định nền kinh tế trong ngắn hạn và thúc đẩy tăng trưởng trong dài hạn. Bên cạnh đó học phần còn phát triển những cơ sở vi mô làm nền tảng cho các phân tích kinh tế vĩ mô. Ngoài ra, học phần còn dựa vào các phân tích định lượng ở mức độ nhất định nhằm hỗ trợ các phân tích kinh tế và chính sách.

Các nội dung chính được đề cập trong học phần này bao gồm:

- Những nguyên nhân gây ra các biến động kinh tế vĩ mô trong ngắn hạn.
- Tác động và các nhân tố quyết định hiệu quả của các chính sách bình ổn kinh tế vĩ mô.

- Nguồn gốc của tăng trưởng và vai trò của các chính sách kinh tế vĩ mô trong dài hạn.
- Các mô hình kinh tế vĩ mô làm cơ sở cho các phân tích kinh tế vĩ mô.
- Ứng dụng lý thuyết để giải thích các vấn đề và chính sách kinh tế vĩ mô của Việt Nam và thế giới.

4. TÀI LIỆU THAM KHẢO (LEARNING RESOURCES: COURSE BOOKS, REFERENCE BOOKS, AND SOFTWARES)

Giáo trình

[1] Giáo trình Kinh tế học (tập II), Nxb Đại học Kinh tế quốc dân, 2012;

Tài liệu khác

[2] Mankiw, N. Gregory (2016), *Macroeconomics*, 9th edition, Worth Publishers,

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN (COURSE GOALS)

Bảng 5.1. Mục tiêu học phần

Hoàn chỉnh khung lý thuyết về Kinh tế học vĩ mô và mở rộng bằng cách nối kết và giới thiệu các nội dung mang tính cập nhật và ứng dụng thực tế. Kết thúc học phần này, sinh viên có thể hiểu và phân tích được các nguyên nhân gây ra những biến động kinh tế trong ngắn hạn và nguồn gốc của tăng trưởng kinh tế trong dài hạn. Đồng thời, sinh viên cũng có thể ứng dụng các lý thuyết học được để phân tích được tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô trong thực tiễn.

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT	Mức độ năng lực
[1]	[2]	[3]	[4]
G1	Hiểu và phân tích được các nguyên nhân gây ra những biến động kinh tế trong ngắn hạn cũng như nguồn gốc của tăng trưởng kinh tế trong dài hạn. Ứng dụng các lý thuyết học được để phân tích được tác động của các chính sách/cứ sỏc kinh tế vĩ mô trong thực tiễn.	1.1.2 1.2.2 1.2.3	IV
G2	Học phần hướng tới phát triển kỹ năng lập luận, phân tích, phát hiện và giải quyết các vấn đề chuyên sâu về các vấn đề kinh tế vĩ mô. Rèn luyện kỹ năng tìm kiếm tài liệu nghiên cứu, làm việc độc lập cũng như làm việc theo nhóm, và phát triển kỹ năng thuyết trình nhằm chuyển tải kiến thức thông qua viết, thảo luận, làm chủ tình huống.	2.1.1 2.2.1	IV
G3	Sinh viên phải tôn trọng nội quy lớp học, đi học đầy đủ đúng giờ; chuẩn bị bài khi đến lớp, tham gia tích cực trong giờ học; có khả năng tự học và tự nghiên cứu bài học.	3.1.1	IV

6. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN (COURSE LEARNING OUTCOMES)

Bảng 6.1. Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Mục tiêu học phần	Mã CDR học phần	Mô tả CDR học phần	Liên kết với CDR của CTĐT	Mức độ năng lực
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]
	LO.1	Chuẩn kiến thức		
G1	LO.1.1	Cung cấp hệ thống các lý thuyết và mô hình kinh tế được sử dụng rộng rãi trong kinh tế vĩ mô.	1.1.2	III
	LO.1.2	Ứng dụng các lý thuyết/mô hình này vào việc phân tích, đánh giá tác động của các chính sách kinh tế hoặc cú sốc đối với các biến số kinh tế vĩ mô của Việt Nam và các nước trên thế giới, trong ngắn hạn cũng như dài hạn.	1.2.2 1.2.3	IV
	LO.2	Chuẩn kỹ năng		
G2	LO.2.1	Có khả năng sử dụng thành thạo các mô hình kinh tế vĩ mô để tổng hợp phân tích các vấn đề kinh tế và chính sách.	2.1.1	IV
	LO.2.2	Có khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc theo nhóm để phối hợp giải quyết hiệu quả công việc, kỹ năng giao tiếp, thuyết trình và kỹ năng tư duy để giải quyết tốt các vấn đề trong thực tiễn.	2.2.1	IV
	LO.3	Năng lực tự chủ & trách nhiệm		
G3	LO.3.1	Có khả năng tự học tập, tích lũy kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn.	3.1.1	IV
	LO.3.2	Có ý thức tổ chức kỷ luật; năng động, nhiệt huyết và có tinh thần hợp tác và trách nhiệm với công việc.	3.2.1	IV

7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN (COURSE ASSESSMENT)

Bảng 7.1. Đánh giá học phần

Hình thức đánh giá	Nội dung/ Bài đánh giá	Thời điểm	CLOs	Công cụ và tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
Chuyên cần	Tham dự các giờ giảng Thái độ học tập trên lớp	Tuần 1-15	CLO3.1 CLO3.2	Nhật ký giảng dạy của giảng viên với các tiêu	10%

	Trả lời câu hỏi trên lớp Trả lời các câu hỏi thảo luận			Chỉ đánh giá (i) Mức độ tham gia (ii) Mức độ tương tác ; (iii) Chất lượng câu trả lời	
Đánh giá quá trình (Các bài kiểm tra)	Bài kiểm tra 1 (15%)	Tuần 8	CLO1.1 CLO1.2 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1 CLO3.2	Các tiêu chí : (i) Nội dung; (ii) Hình thức; (iii) Thời gian nộp; (iv) Mức độ hợp tác	30%
	Bài kiểm tra 2 (15%)	Tuần 14	CLO1.1 CLO1.2 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1 CLO3.2	Tiêu chí : (i) Nội dung; (ii) Hình thức; (iii) Thời gian nộp; (iv) Mức độ hợp tác	
Đánh giá cuối kỳ	Bài thi cuối kỳ (Thi tự luận).	Lịch thi học phần	CLO1.1 CLO1.2 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1 CLO3.2	Theo yêu cầu bài thi - Ghi nhớ các khái niệm cơ bản - Có khả năng suy luận, phân tích, đánh giá - Có khả năng ứng dụng trong thực tiễn	60%

8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (LESSON PLAN)

Bảng 8.1. Kế hoạch giảng dạy

Tuần	Nội dung giảng dạy*	Tài liệu đọc	CLOs	Hoạt động dạy và học	Công cụ đánh giá
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
1-3	Chương 1: Mô hình IS-LM và chính sách tài khóa và tiền tệ trong nền kinh tế đóng 1. Xây dựng mô hình IS-LM 2. Sử dụng mô hình IS-LM giải thích những biến động trong ngắn	Đề cương học phần; [1]: C21; [2]: C11 & 12	CLO1.1 CLO1.2 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1 CLO3.2	- Giới thiệu HP, đề cương chi tiết; - Giảng dạy và thảo luận; - Thảo luận/chữa bài tập chương	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời

	hạn 3. Mô hình IS-LM và đường tổng cầu				
4-5	Chương 2: Mô hình Mundell-Fleming & các chính sách kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở 1. Xây dựng mô hình Mundell-Fleming 2. Nền kinh tế nhỏ mở dưới chế độ tỷ giá thả nổi 3. Nền kinh tế nhỏ mở dưới chế độ tỷ giá cố định	[1]: C28; [2]: C13	CLO1.1 CLO1.2 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1 CLO3.2	- Giảng dạy và thảo luận; - Thảo luận/chữa bài tập chương	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
6-7	Chương 3: Các lý thuyết về tổng cung và sự đánh đổi trong ngắn hạn giữa lạm phát và thất nghiệp 1. Ba lý thuyết về đường tổng cung 2. Lạm phát, thất nghiệp và đường Phillips	[1]: C18 & 22; [2]: C14	CLO1.1 CLO1.2 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1 CLO3.2	- Giảng dạy và thảo luận; - Thảo luận/chữa bài tập chương	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
8	Bài kiểm tra 1		CLO1.1 CLO1.2 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1 CLO3.2	- Ôn tập - Sinh viên làm bài kiểm tra trắc nghiệm hoặc tự luận	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
9-11	Chương 4: Các mô hình tăng trưởng kinh tế 1. Mô hình tăng trưởng Solow 2. Lý thuyết tăng trưởng	[1]: C15; [2]: C8 & 9	CLO1.1 CLO1.2 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1	- Giảng dạy và thảo luận; - Thảo luận/chữa bài tập	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời

	nội sinh		CLO3.2	chương	lượng câu trả lời
12	<p>Chương 5: Các lý thuyết về tiêu dùng</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. J. M. Keynes và hàm tiêu dùng 2. Irving Fisher và sự lựa chọn liên thời kỳ 3. Franco Modigliani và giả thuyết vòng đời 4. Milton Friedman và giả thuyết thu nhập thường xuyên 	[1]: C24; [2]: C16	CLO1.1 CLO1.2 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1 CLO3.2	<ul style="list-style-type: none"> - Thảo luận và chữa bài tập chương trước - Giảng dạy và thảo luận; 	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
13	<p>Chương 6: Các lý thuyết về đầu tư</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Mô hình tân cổ điển về đầu tư cố định của doanh nghiệp 2. Đầu tư nhà ở của dân cư 3. Đầu tư hàng tồn kho 	[1]: C18; [2]: C17	CLO1.1 CLO1.2 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1 CLO3.2	<ul style="list-style-type: none"> - Thảo luận và chữa bài tập chương trước - Giảng dạy và thảo luận; 	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
14	Bài kiểm tra 2		CLO1.1 CLO1.2 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1 CLO3.2	<ul style="list-style-type: none"> - Thảo luận và chữa bài tập chương trước - Ôn tập - Sinh viên làm bài kiểm tra trắc nghiệm hoặc tự luận 	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
15	<p>Chương 7: Nợ chính phủ và thâm hụt ngân sách</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đo lường quy mô nợ chính phủ 2. Quan điểm truyền thống về nợ chính phủ 3. Quan điểm của Ricardo về nợ chính phủ 4. Các khía cạnh khác liên quan đến nợ chính 	[2]: C19	CLO1.1 CLO1.2 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1 CLO3.2	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng dạy và thảo luận; - Hướng dẫn làm bài tập chương 	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời

	phủ				
-	Bài thi cuối kỳ		CLO1.1 CLO1.2 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1 CLO3.2	Sinh viên làm bài thi theo lịch	Theo yêu cầu bài thi/kiểu đề thi

9. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN (COURSE REQUIREMENTS AND EXPECTATION)

9.1. Quy định về điều kiện thi kết thúc học phần

- Sinh viên được tham dự thi cuối kỳ/thi kết thúc học phần là điểm chuyên cần (10%) đạt mức 5 điểm trở lên (thang 10).

9.2. Quy định về tham dự lớp học

- Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý. Mỗi buổi vắng mặt không có lý do chính đáng sẽ bị trừ 1 điểm đánh giá quá trình. Sinh viên vắng quá 3 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại.
- Sinh viên sẽ được cộng điểm cho mỗi lần phát biểu xây dựng bài, có thể bù đắp cho điểm rèn luyện, điểm kiểm tra.
- Sinh viên không hoàn thành bài tập cuối mỗi chương sẽ nhận điểm 0 (không) cho bài tập của chương đó và được bị trừ 1 điểm vào điểm rèn luyện.

9.3. Quy định về hành vi lớp học

- Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.
- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 10 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.
- Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.
- Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc, ngủ trong giờ học.
- Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

TRƯỞNG BỘ MÔN

Anh

PGS.TS PHẠM THÊ ANH

TRƯỞNG KHOA/VIỆN

Bảo

PGS.TS HỒ ĐÌNH BẢO

Hà Nội, ngày 26 tháng 7 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG
ĐẠI HỌC KINH TẾ
QUỐC DÂN

PGS.TS PHẠM HỒNG CHƯƠNG

100
100
100
100
100

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT

(Ban hành kèm theo quyết định số QĐ/ĐHKTD, ngày tháng năm 2021)

1. THÔNG TIN TỔNG QUÁT (GENERAL INFORMATION)

- Tên học phần (tiếng Việt): Định giá Bất động sản
- Tên học phần (tiếng Anh) Real estate Valuation
- Mã số học phần TNBD1127
- Thuộc khối kiến thức Bắt buộc/ Lựa chọn ngoài ngành
- Số tín chỉ 3 (40 giờ, tương đương 45 tiết)
 - + Số giờ lý thuyết 30
 - + Số giờ thảo luận/ thực hành 15
 - + Số giờ tự học 90
- Các học phần tiên quyết

2. THÔNG TIN BỘ MÔN QUẢN LÝ VÀ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY

Bộ môn quản lý: Kinh doanh Bất động sản

Địa chỉ: Phòng 703-Nhà A1, Trường ĐHKinh tế Quốc dân

Giảng viên (liệt kê GV tham gia giảng dạy):

TT	Họ và tên	Số điện thoại	Email
1	GS.TS. Hoàng Văn Cường	0913 362 279	cuonghv@neu.edu.vn
2	TS. Nguyễn Thị Hải Yến	0983 969 569	yennh@neu.edu.vn
3	ThS. Trần Thị Minh Thư	0822 295 989	thutm@neu.edu.vn
4	ThS. Nguyễn Đức Kiên	0983 925 891	ndkient@neu.edu.vn

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN (COURSE DESCRIPTIONS)

Học phần Định giá bất động sản cung cấp những kiến thức và kỹ năng cơ bản cần thiết để thực hiện định giá bất động sản phục vụ cho các hoạt động của nền kinh tế. Bên cạnh những kiến thức cơ bản về định giá bất động sản, sự cần thiết phải định giá bất động sản; bản chất và các nhân tố ảnh hưởng đến giá trị, giá cả bất động sản; các căn cứ và nguyên tắc định giá bất động sản; quy trình thực hiện định giá bất động sản; vai trò và tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của người định giá. Học phần cũng cung cấp các phương pháp và kỹ năng thực hiện các phương pháp định giá bất động sản cơ bản; nội dung và kỹ thuật soạn thảo báo cáo định giá bất động sản. Trên cơ sở đó, học phần cung cấp các kỹ năng để sinh viên có thể vận dụng thực hiện định giá bất động sản trong các hoạt động thực tế của nền kinh tế như các hoạt động định giá trên thị trường bất động sản, hoạt động định giá thế chấp của các tổ chức tín dụng, hoạt động định giá khi phát sinh quan hệ về đất đai và bất động sản giữa cá nhân, tổ chức với cơ quan quản lý nhà nước.

4. TÀI LIỆU TIAM KHẢO (LEARNING RESOURCES: COURSE BOOKS, REFERENCE BOOKS, AND SOFTWARES)

Giáo trình

1. Bộ môn Kinh doanh bất động sản, Giáo trình Định giá Bất động sản

Tài liệu khác

2. - A.F Millington, 1989, "Introduction to Proverty Valuation". Third Edition, The Estate Gazette Limited 151 Wardour Street. London W1V4 BN.
3. - Willians L. Ventolo, Jr. Martha, R. Williams, 2001 "Fundamentals of Real Esate Appraisal", 8 Edition, Dearborn Real Estate Education.
4. - Appraisal Institute, 2001, "The Appraisal of Real Estate". Twelft Edition. . 875 North Michigan Avenue. Chicago, Illinois 60611-1980.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN (COURSE GOALS)

Bảng 5.1. Mục tiêu học phần

TT	Mô tả mục tiêu học phần	CDR (PLO) của CTĐT**	Mức độ***
[1]	[2]	[3]	[4]
G1	Hiểu và vận dụng được các cơ sở định giá bất động sản, các căn cứ và nguyên tắc trong định giá bất động sản, tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của người định giá	PLO 2.1.1	4
G2	Hiểu được các phương pháp định giá bất động sản; lập được các báo cáo và chứng thư định giá bất động sản	PLO 2.1.2	4
G3	Có khả năng tổ chức thực hiện một nhiệm vụ định giá bất động sản cụ thể	PLO 2.1.2, 2.1.3, 2.3.1	4
G4	Có thể vận dụng được các phương pháp định giá bất động sản để thực hiện định giá bất động sản trong các hoạt động thực tế của nền kinh tế (các hoạt động định giá trên thị trường bất động sản, hoạt động định giá thế chấp của các tổ chức tín dụng, các hoạt động định giá khi phát sinh quan hệ về đất đai và bất động sản giữa cá nhân, tổ chức với cơ quan quản lý nhà nước.	PLO 2.1.2, 2.1.3, 2.3.1	4
G5	Phát triển các kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, ra quyết định, xây dựng kế hoạch và quản lý tiến độ trong các nhiệm vụ định giá.	PLO 2.3.1, 2.1.3.	4
G6	Có ý thức nâng cao vai trò của hoạt động định giá bất động sản, trách nhiệm xã hội của định giá viên trong các nhiệm vụ định giá bất động sản.	PLO 2.2.1, 2.3.1.	4

6. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN (COURSE LEARNING OUTCOMES)

Bảng 6.1. Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Mục tiêu	CLOs	Mô tả CLOs*	Mức độ đạt được**
[1]	[2]	[3]	[4]
G1	CLO 1.1	Nắm được khái niệm về bất động sản và các đặc điểm của bất động sản ảnh hưởng đến giá trị bất động sản.	3
	CLO 1.2	Nắm được khái niệm, nguyên lý về định giá bất động sản, các căn cứ và nguyên tắc trong định giá bất động sản.	3

Mục tiêu	CLOs	Mô tả CLOs*	Mức độ đạt được**
	CLO 1.3	Nắm được tiêu chuẩn định giá bất động sản	3
G2	CLO 2.1	Hiểu và vận dụng được các phương pháp định giá phổ biến: lập luận, cơ sở, các trường hợp áp dụng, ưu và nhược điểm chung của từng phương pháp.	4
	CLO 2.2	Nắm và áp dụng được kết cấu của báo cáo định giá và chứng thư định giá.	4
	CLO 2.3	Khả năng phân tích, phân loại và lựa chọn phương pháp định giá phù hợp cho một số tình huống định giá cơ bản.	4
G3	CLO 3.1	Nắm được quy trình định giá bất động sản.	4
	CLO 3.2	Có kỹ năng trong việc phân tích các bước định giá bất động sản cụ thể từ việc xác định về bất động và mô tả bất động sản mục tiêu đến việc hoàn thành xây dựng báo cáo định giá bất động sản	4
	CLO 3.3	Có kỹ năng vận dụng quy trình định giá, tổ chức nhóm và phân công thực hiện một nhiệm vụ định giá	4
G4	CLO4.1	Có năng lực phân tích tình huống, áp dụng các phương pháp trong khi thực hiện các nhiệm vụ định giá bất động sản trong thực tế (các hoạt động định giá trên thị trường bất động sản, hoạt động định giá thế chấp của các tổ chức tín dụng, các hoạt động định giá khi phát sinh quan hệ về đất đai và bất động sản giữa cá nhân, tổ chức với cơ quan quản lý nhà nước)	4
	CLO4.2	Thành thạo các kỹ thuật phân tích, tính toán cơ bản, áp dụng phù hợp và linh hoạt cho từng phương pháp định giá cụ thể. Có năng lực đánh giá thông tin và sắp xếp dữ liệu trong quá trình phân tích, tính toán.	4
G5	CLO5.1	Giao tiếp hiệu quả trong nhóm, khả năng tư duy phân biện và tổng hợp ý kiến để đưa ra quyết định chung của nhóm	4
	CLO5.2	Khả năng quản lý thời gian, tiến độ và giải quyết linh hoạt các vấn đề phát sinh	4
	CLO5.3	Giao tiếp hiệu quả bằng văn bản và bằng lời nói, có khả năng thuyết minh kết quả định giá và phân biện kết quả.	4
G6	CLO6.1	Có thái độ tích cực trong nghiên cứu, công việc.	4
	CLO6.2	Có nhận thức đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội	4

7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN (COURSE ASSESSMENT)

Bảng 7.1. Đánh giá học phần

Hình thức đánh giá	Nội dung/ Bài đánh giá	Thời điểm	CLOs	Công cụ và tiêu chí đánh giá*	Tỷ lệ (%)
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
Chuyên cần	Thái độ học tập trên lớp Trả lời câu hỏi trên lớp Trả lời các câu hỏi thảo luận	Tuần 1-15	CLO1- CLO6	Nhật ký giảng dạy của giảng viên với các tiêu chí đánh giá (i) Mức độ tham gia (ii) Mức độ tương tác; (iii) Chất lượng câu trả lời	10%

Đánh giá quá trình (Bài tập nhóm)	Vận dụng các phương pháp định giá bất động sản Lập 01 Báo cáo định giá bất động sản theo các chủ đề lựa chọn (các hoạt động định giá trên thị trường bất động sản, hoạt động định giá thế chấp của các tổ chức tín dụng, các hoạt động định giá khi phát sinh quan hệ về đất đai và bất động sản giữa cá nhân, tổ chức với cơ quan quản lý nhà nước)	Tuần 14-15	CLO 2.3 CLO 3.3 CLO 4.2 CLO 5.1, 5.2, 5.3	Phiếu đánh giá với các tiêu chí : (i) Nội dung; (ii) Hình thức đẹp; (iii) Trình bày hấp dẫn, thuyết phục; (iv) Mức độ hợp tác trong trả lời câu hỏi; (v) Thời gian trình bày	
	Nộp báo cáo kết quả định giá	Tuần 15	CLO1- CLO6	Phiếu đánh giá với các tiêu chí; (i) Nội dung; (ii) Hình thức; (iii) Thời gian; (iv) Đánh giá lẫn nhau	
Đánh giá cuối kỳ	Bài thi cuối kỳ	Lịch thi	CLO1- CLO4	Theo yêu cầu bài thi	50%

8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (LESSON PLAN)

Bảng 8.1. Kế hoạch giảng dạy

Thứ	Nội dung giảng dạy*	Tài liệu đọc**	CLOs	Hoạt động dạy và học***	Công cụ và tiêu chí đánh giá****
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
1-2	<p>Giới thiệu về môn học</p> <p>Chương 1: Tổng quan về định giá bất động sản</p> <ul style="list-style-type: none"> • Khái niệm, đặc điểm và phân loại bất động sản • Giá trị và các yếu tố ảnh hưởng đến giá trị bất động sản • Khái niệm và sự cần thiết định giá bất động sản • Vai trò và tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của người định giá • Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu môn học 	<p>Đề cương môn học, Tài liệu 1: Chương 1, Slide bài giảng</p>	<p>CLO 1.1-1.3; CLO 5.3; CLO 6.1</p>	<p>Giới thiệu học phần</p> <p>Đặt ra yêu cầu học tập</p> <p>Hướng dẫn đọc tài liệu</p> <p>Hướng dẫn tìm tài liệu</p> <p>Hướng dẫn làm việc nhóm</p> <p>Chia nhóm làm việc</p> <p>Nghiên cứu slides và bài giảng của giảng viên;</p> <p>Thảo luận nhóm</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời</p> <p>Hỏi đáp và thảo luận</p>
3	<p>Chương 2: Căn cứ - nguyên tắc và quy trình định giá bất động sản</p> <ul style="list-style-type: none"> • Căn cứ định giá bất động sản • Nguyên tắc định giá bất động sản • Khái niệm và ý nghĩa của quy trình định giá • Các bước định giá bất động sản 	<p>Tài liệu 1: Chương 2, 3 Slide bài giảng</p>	<p>CLO 2.1-2.3 CLO 5.3; CLO 6.1</p>	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi</p>
5-6	<p>Chương 3: Phương pháp so sánh trong định giá bất động sản</p> <ul style="list-style-type: none"> • Bản chất, ý nghĩa và yêu cầu của phương pháp so sánh • Nguyên tắc và quy trình thực hiện phương pháp so sánh 	<p>Tài liệu 1: Chương 4 Slide bài giảng</p>	<p>CLO 3.1-3.3; CLO 4.1-4.2; CLO 5.1-5.3</p>	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi</p>

	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung điều chỉnh trong phương pháp so sánh Hạn chế của phương pháp so sánh 				
7	<p>Chương 4: Phương pháp chi phí trong định giá bất động sản</p> <ul style="list-style-type: none"> Bản chất và ý nghĩa của phương pháp chi phí Nguyên tắc và quy trình thực hiện phương pháp chi phí Xác định chi phí xây dựng công trình Xác định giảm giá tích lũy Hạn chế của phương pháp chi phí 	<p>Tài liệu 1: Chương 5</p> <p>Slide bài giảng</p>	<p>CLO 3.1-3.3;</p> <p>CLO 4.1-4.2;</p> <p>CLO 5.1-5.3</p>	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi</p>
8-9	<p>Chương 5: Phương pháp thu nhập (phương pháp vốn hoá) trong định giá bất động sản</p> <ul style="list-style-type: none"> Bản chất và ý nghĩa của phương pháp Nguyên tắc và quy trình thực hiện phương pháp Các phương pháp tính thu nhập và tỷ lệ vốn hóa Các phương pháp vốn hóa thu nhập Hạn chế của phương pháp 	<p>Tài liệu 1: Chương 6,</p> <p>Slide bài giảng</p>	<p>CLO 3.1-3.3;</p> <p>CLO 4.1-4.2;</p> <p>CLO 5.1-5.3</p>	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi</p>
10-12	<p>Chương 6: Phương pháp thặng dư trong định giá bất động sản</p> <ul style="list-style-type: none"> Bản chất và ý nghĩa của phương pháp Nguyên tắc và quy trình thực hiện phương pháp Xác định các chỉ tiêu tính toán trong phương pháp thặng dư Ứng dụng và hạn chế của phương pháp 	<p>Tài liệu 1: Chương 7,</p> <p>Slide bài giảng</p>	<p>CLO 3.1-3.3;</p> <p>CLO 4.1-4.2;</p> <p>CLO 5.1-5.3</p>	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi</p>

	pháp				
13-15	Vận dụng các phương pháp định giá bất động sản Lập 01 Báo cáo định giá bất động sản theo các chủ đề lựa chọn (các hoạt động định giá trên thị trường bất động sản, hoạt động định giá thế chấp của các tổ chức tín dụng, các hoạt động định giá khi phát sinh quan hệ về đất đai và bất động sản giữa cá nhân, tổ chức với cơ quan quản lý nhà nước)		CLO1- CLO6	Nhóm sinh viên báo cáo và trả lời câu hỏi Giảng viên và các thành viên trong lớp đặt câu hỏi, nhận xét	Phiếu đánh giá với các tiêu chí: (i) Nội dung; (ii) Hình thức đẹp; (iii) Trình bày hấp dẫn, thuyết phục; (iv) Mức độ hợp tác trong trả lời câu hỏi; (v) Thời gian trình bày
15	Hoàn thiện bài tập nhóm. Nộp báo cáo kết quả định giá		CLO1- CLO6	Nhóm sinh viên nộp báo cáo Giảng viên đánh giá	Phiếu đánh giá với các tiêu chí: (i) Nội dung; (ii) Hình thức; (iii) Thời gian; (iv) Đánh giá lẫn nhau
-	Bài thi cuối kỳ		CLO1- CLO4	Sinh viên làm bài thi theo lịch	Theo yêu cầu bài thi

9. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN (COURSE REQUIREMENTS AND EXPECTATION)

9.1. Quy định về điều kiện thi kết thúc học phần

- Sinh viên được tham dự thi cuối kỳ/thi kết thúc học phần (50%) nếu có điểm chuyên cần (10%) đạt mức 5 điểm trở lên (thang 10).

9.2. Quy định về tham dự lớp học

- Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý. Mỗi buổi vắng mặt sẽ bị trừ 1 điểm đánh giá quá trình. Sinh viên vắng quá 3 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại.
- Sinh viên sẽ được cộng điểm cho mỗi lần phát biểu xây dựng bài, có thể bù đắp cho điểm quá trình, điểm kiểm tra và điểm bài tập nhóm.
- Sinh viên không nộp bài tập nhóm sẽ nhận điểm 0 (không) cho bài tập sau cùng. Nhóm sinh viên nộp bài trễ sẽ bị trừ 1 điểm cho mỗi ngày nộp muộn.

9.3. Quy định về hành vi lớp học

- Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.
- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 10 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.
- Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.
- Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.
- Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

Hà Nội, ngày 26 tháng 7 năm 2021

TRƯỞNG BỘ MÔN

Yến

TRƯỞNG KHOA

Thảo

HIỆU TRƯỞNG



TS. Nguyễn Thị Hải Yến PGS.TS. Ngô Thị Phương Thảo PGS.TS. Phạm Hồng Chương

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT

(Ban hành kèm theo quyết định số 135/QĐ/ĐHKTD, ngày 2 tháng 7 năm 2021)

1. THÔNG TIN TỔNG QUÁT (GENERAL INFORMATION)

- Tên học phần (tiếng việt):	Quản lý nhà nước về đất đai
- Tên học phần (tiếng anh):	Land administration
- Mã học phần:	TNDC1142
- Thuộc khối kiến thức:	Cơ sở ngành
- Số tín chỉ:	3
+ Số giờ lý thuyết	30
+ Số giờ thảo luận/thực hành	15
+ Số giờ tự học	90 (1 giờ giảng dạy = 3 giờ tự học)
- Các học phần tiên quyết	Không

2. THÔNG TIN BỘ MÔN QUẢN LÝ VÀ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY

Bộ môn quản lý: Kinh tế và quản lý Địa chính

Địa chỉ: Phòng 703 Nhà A1, Trường ĐH Kinh tế Quốc dân

Giảng viên tham gia giảng dạy:

TT	Họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Phạm Lan Hương	0904100151	huongpl@neu.edu.vn
2	ThS. Trần Thu Thủy	0904682369	thuytt@neu.edu.vn

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN (COURSE DESCRIPTIONS)

Học phần giới thiệu các quan hệ kinh tế, xã hội phát sinh trong quá trình quản lý Nhà nước về đất đai. Học phần sẽ cung cấp những kiến thức về các nội dung cơ bản, nguyên tắc, phương pháp, các công cụ sử dụng trong quản lý Nhà nước về đất đai. Người học sẽ được trang bị các nội dung cơ bản như cơ sở quản lý nhà nước về đất đai, cơ cấu tổ chức bộ máy, phân công, phân cấp và chức năng hoạt động giữa các bộ phận trong bộ máy quản lý đất đai. Học phần sẽ cung cấp những vấn đề chung liên quan đến chính sách và pháp luật đất đai như quản lý qui hoạch và kế hoạch sử dụng đất đai; Những vấn đề liên quan đến giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất và thu hồi đất; Các chính sách tài chính trong quá trình phát triển đất đai... Học phần cũng đề cập đến

chế độ sử dụng các loại đất đai khác nhau, qui định trách nhiệm và quyền lợi của người sử dụng đất đai. Kết thúc học phần, sinh viên có thể hiểu cơ sở quản lý nhà nước về đất đai, nắm được nội dung quản lý nhà nước về đất đai, sử dụng những kiến thức này để suy nghĩ về một số câu hỏi chính sách liên quan đến thực trạng quản lý và sử dụng đất.

4. TÀI LIỆU THAM KHẢO (LEARNING RESOURCES: COURSE BOOKS, REFERENCE BOOKS, AND SOFTWARES)

Giáo trình

1. Bài giảng Quản lý Nhà nước về đất đai, chủ biên: TS. Phạm Lan Hương /NXB Đại học Kinh tế Quốc dân .

Tài liệu khác

2. GT Quy hoạch và quản lý đất đai Học viện tài chính, NXB Tài chính 2014

3. Các văn bản pháp Luật đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật đất đai qua các thời kỳ.

4. Land Administration for Sustainable Development, Tác giả Ian. P Williamson, NXB ESRI Press Academic, 2010

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN (COURSE GOALS)

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CĐR (PLO) của CĐT	Mức độ
[1]	[2]	[3]	[4]
G1	Hiểu được nguyên tắc tổ chức, hoạt động và trình bày được hệ thống bộ máy Quản lý nhà nước về đất đai nói chung nắm được những vấn đề cơ bản về quản lý đất đai	PLO1.4.2	3
G2	Có kỹ năng vận dụng các kiến thức về pháp luật để giải thích được một số tình huống trong quản lý và sử dụng đất đai.	PI.O2.2.3	3
G3	Tự học hỏi phục vụ cho công việc, cố tình thân trách nhiệm, hợp tác, tự chủ, và chịu trách nhiệm về kết quả công việc nhằm tạo năng lực làm việc suốt đời.	PLO3.1.1	4

6. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN (COURSE LEARNING OUTCOMES)

Bảng 6.1. Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Mục tiêu HP	CLOs	MÔ TẢ CLOs	Mức độ đạt được
[1]		[2]	[4]
G1	CLO.1.1	Sinh viên trình bày và phân tích được được những khái niệm, vai trò, chức năng cơ bản quản lý đất đai.	2
	CLO.1.2	Sinh viên giải thích và phân biệt được các nội dung quản lý nhà nước về đất đai	3
G2	CLO.2.1	Sinh viên vận dụng được kiến thức để giải thích được những nội dung quản lý nhà nước về đất đai và vai trò của các nội dung đó	3
	CLO.2.2	Sinh viên vận dụng được kiến thức để hình dung được chức năng, nhiệm vụ của các nội dung quản lý Nhà nước về đất đai	3
G3	CLO.3.1	Sinh viên trách nhiệm nghề nghiệp; tôn trọng và chấp hành pháp luật;	3
	CLO.3.3	Sinh viên có khả năng tự học tập, tự nghiên cứu, tích lũy kinh nghiệm để tiếp tục học cao hơn.	3

7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN (COURSE ASSESSMENT)

Bảng 7.1. Đánh giá học phần

Hình thức đánh giá	Nội dung/ Bài đánh giá	Thời điểm	CLOs	Tiêu chí đánh giá*	Tỷ lệ (%)
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
Chuyên cần	Tham dự đầy đủ các buổi học (không nghỉ quá 20% tổng số giờ khóa học)	Tuần 1-15	CLO1.1 CLO1.2 CLO2.1 CLO2.2	Nhập ký giảng dạy của giảng viên với các tiêu chí đánh giá (i) Mức độ tham gia (ii) Mức độ tương tác; (iii) Chất lượng câu trả lời	10%
Đánh giá quá trình (bài kiểm tra tự luận và bài thuyết trình)	Có hai bài kiểm tra giữa kỳ - Bài kiểm tra tự luận sau chương 3 - Thuyết trình và nộp báo cáo thuyết trình nhóm sau chương 4	Tuần 8	CLO1.1 CLO1.2	Bài làm đảm bảo đúng yêu cầu đề ra của giảng viên	40%
		Tuần 11-15	CLO2.1 CLO2.2	Bài thuyết trình đạt được đúng	

trình nhóm)	Mỗi bài được tính là 20%/bài.			yêu cầu của giảng viên	
Đánh giá cuối kỳ	Bài thi cuối kỳ	Lịch thi học phần	CLO1.1 CLO1.2 CLO2.1 CLO2.2	Thi viết luận trên giấy. Thời gian làm bài 90 phút.	50%

8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (LESSON PLAN)

Bảng 8.1. Kế hoạch giảng dạy

Tuần học	Nội dung giảng dạy	Tài liệu đọc	CLOs	Hoạt động dạy và học	Công cụ đánh giá
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
1	Chương 1/ Bài 1 - Giới thiệu môn học và phổ biến các quy tắc, lịch trình giảng dạy Tổng quan quản lý Nhà nước về đất đai + Đất đai + Đặc tính của đất đai ÷ Khái niệm cơ bản	1 2 3 4	CLO.1.1 CLO.1.2	Giới thiệu học phần Đặt ra yêu cầu học tập Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
2	Chương 1/ Bài 2 Quản lý Nhà nước về đất đai 2.1 Khái niệm và vai trò của quản lý nhà nước về đất đai 2.2 Mục đích và yêu cầu của quản lý Nhà nước về đất đai 2.4 Nội dung quản lý Nhà nước về đất đai	1 2 3 4	CLO.1.1 CLO.1.2	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời

Tuần học	Nội dung giảng dạy	Tài liệu đọc	CLOs	Hoạt động dạy và học	Công cụ đánh giá
3	Chương 1/ Bài 3 3. Chức năng, nguyên tắc, phương pháp quản lý nhà nước về đất đai 4. Đối tượng, nhiệm vụ nghiên cứu môn học	1 2 3 4	CLO.1.1 CLO.1.2	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
4	Chương 2: Cơ sở QLNN về đất đai/Bài 1 2.1. Chế độ sở hữu đất đai 2.2. Chế độ sử dụng đất đai	1 2 3 4	CLO.1.1 CLO.1.2	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
5	Chương 2: Cơ sở QLNN về đất đai/Bài 2 2.3. Mối quan hệ giữa chế độ sở hữu và chế độ sử dụng đất 2.4. Chế độ sở hữu và sử dụng đất đai tại Việt Nam hiện nay	1 2 3 4	CLO 2.1 CLO.2.2	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
6	Chương 3: Tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về đất đai / Bài 1 3.1. Khái niệm, vai trò, chức năng của Bộ máy Quản lý nhà nước về đất đai 3.2. Hệ thống quản lý nhà nước về đất đai	1 2 3 4	CLO 2.1 CLO.2.2	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời

Tuần học	Nội dung giảng dạy	Tài liệu đọc	CLOs	Hoạt động dạy và học	Công cụ đánh giá
7	Chương 3: Tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về đất đai / Bài 2 3.3. Tổ chức bộ máy quản lý Nhà nước về đất đai tại Việt Nam 3.4. Công tác cán bộ trong bộ máy Quản lý Nhà nước về đất đai ở Việt Nam	1 2 3 4	CLO 2.1 CLO.2.2	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
8	Kiểm tra trên lớp và đánh giá bài cá nhân		CLO 2.1 CLO.2.2	- Đánh giá bài tập cá nhân - Kiểm tra trên lớp	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
9	Chương 4: Hệ thống chính sách và pháp luật về đất đai/ Bài 1 4.1. Hệ thống chính sách đối với đất đai 4.2. Hệ thống pháp luật đối với đất đai	1 2 3 4	CLO 2.1 CLO.2.2	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
10	Chương 4: Hệ thống chính sách và pháp luật về đất đai/ Bài 2 4.3. Hệ thống pháp luật và chính sách đất đai ở Việt Nam hiện nay	1 2 3 4	CLO 2.1 CLO.2.2	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
11-15	Thuyết trình		CLO 2.1 CLO.2.2	- Đánh giá bài tập nhóm - Các nhóm thuyết trình, thảo luận	Mức độ tham gia Mức độ tương tác

Tuần học	Nội dung giảng dạy	Tài liệu đọc	CLOs	Hoạt động dạy và học	Công cụ đánh giá
				- Trả bài kiểm tra và giải đáp thắc mắc	Chất lượng câu trả lời
16	- Bài thi cuối kỳ		CLO1- CLO2	Sinh viên làm bài thi theo lịch	Theo yêu cầu bài thi

9. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN (COURSE REQUIREMENTS AND EXPECTATION)

9.1. Quy định về tham dự lớp học

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ các buổi học trên lớp. Số tiết vắng mặt vượt quá 20% tổng số tiết của học phần (vì bất kể lý do gì) thì sinh viên phải đăng ký học lại.
- Sinh viên phải đến lớp đúng giờ. Một buổi vắng mặt sẽ tính khi: (i) 3 buổi đi muộn; hoặc (ii) rời lớp trước khi buổi học kết thúc.
- Sinh viên không tham dự buổi làm bài kiểm tra sẽ nhận điểm 0 (không) bài kiểm tra đó.
- Về trao đổi giữa giảng viên và sinh viên: Khuyến khích sinh viên tham gia thảo luận, phản hồi trực tiếp với giảng viên về nội dung học phần, phương pháp dạy và học, tài liệu giảng dạy và đọc. Giảng viên cũng khuyến khích sinh viên phản hồi về hình thức, phương pháp và nội dung kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên. Sinh viên có thể giao trao đổi với giảng viên trên lớp, trong giờ hành chính hoặc qua email. Những thông tin phản hồi của sinh viên có giá trị góp phần nâng cao chất lượng dạy và học của học phần.

9.2. Quy định về hành vi lớp học

- Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.
- Sinh viên cần chủ động tham gia bài giảng trên lớp thông qua trao đổi với giảng viên (trả lời và đặt câu hỏi), thảo luận với sinh viên khác trên lớp, thảo luận nhóm và thuyết trình.
- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 10 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.
- Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.
- Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.
- Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

TRƯỜNG BỘ MÔN

Hương

TS Phạm Lan Hương

TRƯỜNG KHOA

Thảo

PGS.TS Ngô Thị Phương Thảo

HIỆU TRƯỞNG ✓

PGS.TS Phạm Hồng Chương

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT

(Ban hành kèm theo quyết định số QĐ/DHKTQĐ, ngày tháng năm 2021)

1. THÔNG TIN TỔNG QUÁT (GENERAL INFORMATION)

- Tên học phần (tiếng Việt):	Marketing căn bản
- Tên học phần (tiếng Anh)	Principles of Marketing
- Mã số học phần	MKMA1104
- Thuộc khối kiến thức	Bắt buộc của ngành
- Số tín chỉ	3TC
+ Số giờ lý thuyết	27
+ Số giờ thảo luận/thực hành	18
+ Số giờ tự học	81
- Các học phần tiên quyết	Kinh tế học vi mô 1

2. THÔNG TIN BỘ MÔN QUẢN LÝ VÀ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY

Bộ môn quản lý: Marketing

Địa chỉ: Phòng 1305 Nhà A1, Trường ĐH Kinh tế Quốc dân

Giảng viên:

GS.TS. Trần Minh Đạo	SĐT: 0904 192 294	Email: daotm@neu.edu.vn
PGS.TS. Trương Đình Chiến	SĐT: 0913 588 377	Email: chiectd@neu.edu.vn
PGS.TS. Vũ Huy Thông	SĐT: 0904 111 578	Email: thongvh@neu.edu.vn
PGS.TS. Phạm Thị Huyền	SĐT: 0948 668 802	Email: huyenpt@neu.edu.vn
TS. Nguyễn Thu Lan	SĐT: 0932 258 666	Email: lannt@neu.edu.vn
TS. Lê Thùy Hương	SĐT: 0914 922 775	Email: lethuyhuongmkt@neu.edu.vn
TS. Vũ Hoàng Linh	SĐT: 0787 238 362	Email: linhvh@neu.edu.vn
ThS. Dương Thị Hoa	SĐT: 0988 902 742	Email: hoadt@neu.edu.vn
ThS. Nguyễn Hữu Đăng Khoa	SĐT: 0902 448 985	Email: khoahhd@neu.edu.vn

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN (COURSE DESCRIPTIONS)

Học phần giới thiệu cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về marketing, vai trò của marketing trong tổ chức, những nội dung cơ bản của marketing như nghiên cứu marketing, môi trường marketing và hành vi người tiêu dùng. Từ đó, người học sẽ được giới thiệu các kiến thức và kỹ năng đặc thù của marketing để tiếp cận với khách hàng – thị trường, phân đoạn thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu, định vị. Sau cùng học phần sẽ tập trung giới thiệu 4 công cụ marketing điển hình trong lĩnh vực kinh doanh sản phẩm vật chất để triển khai chiến lược, kế hoạch marketing, đó là: Sản phẩm, Giá cả, Kênh phân phối và Truyền thông marketing. Học phần được xem là nền tảng cho việc tích lũy các học phần chuyên sâu của marketing.

4. TÀI LIỆU THAM KHẢO (LEARNING RESOURCES: COURSE BOOKS, REFERENCE BOOKS, AND SOFTWARES)

Giáo trình

Trần Minh Đạo (2012). Giáo trình Marketing căn bản, NXB ĐHQG Kinh tế Quốc dân, 2012

Tài liệu khác

- [1]. Philip Kotler and Gary Armstrong (2014), Principles of marketing, 15th edition, Pearson Education
- [2]. Philip Kotler (2010), Marketing 3.0, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh
- [3]. Philip Kotler (2008), Những phương thức sáng tạo, chiến thắng và khống chế thị trường, NXB Trẻ
- [4]. Philip Kotler (2021) Marketing 5.0, John Wiley & Sons Inc
- [5]. Philip Kotler (2017), Phiêu lưu trong thế giới Marketing, Nguyễn Dương Hiếu, Phan Thị Thùy Vi dịch, Nhà xuất bản Trẻ

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN (COURSE GOALS)

Bảng 5.1. Mục tiêu học phần

TT	Mô tả mục tiêu học phần	PLOs	Mức độ
[1]	[2]	[3]	[4]
G1	Cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về marketing, những triết lý cơ bản của marketing; vai trò và vị trí của marketing; mối quan hệ giữa chức năng marketing với các bộ phận chức năng khác	1.3	3
G2	Giới thiệu với người học được quy trình thực hiện marketing hướng tới việc ra quyết định marketing một cách có hiệu quả.	1.4	3
G3	Cho người học thấy được, thông tin được sử dụng làm cơ sở ra quyết định marketing chính là các yếu tố thuộc về môi trường marketing, bao gồm các yếu tố vi mô và các yếu tố vĩ mô; cách thức thu thập và phân tích các thông tin đó phục vụ cho việc ra quyết định marketing	1.4	3
G4	Giới thiệu với người học các quyết định chiến lược trong marketing qua công thức STP Cung cấp cho người học những hiểu biết cơ bản về các quyết định marketing chiến thuật và cơ sở để ra các quyết định đó qua công thức 4Ps	1.5	3
G5	Tạo cơ hội thực hành khả năng làm việc nhóm; thực hành kỹ năng phân tích các hoạt động marketing tại một doanh nghiệp cụ thể	2.1 2.2	4TU
G6	Bước đầu trang bị cho người học nhận thức về bối cảnh xã hội, nhận thức đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội	3.1 3.2	3I

6. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN (COURSE LEARNING OUTCOMES)

Bảng 6.1. Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Mục tiêu	CLOs	Mô tả CLOs	Mức độ đạt được
[1]	[2]	[3]	[4]
G1	CLO1.1	Hiểu được bản chất, tư tưởng và những triết lý cơ bản của marketing	3
	CLO1.2	Nắm được vai trò và vị trí của marketing; mối quan hệ giữa chức năng marketing với các bộ phận chức năng khác	3
G2	CLO2.1	Nắm được quy trình thực hiện marketing hướng tới việc ra quyết định marketing một cách có hiệu quả.	3
G3	CLO3.1	Hiểu được vai trò của thông tin trong việc ra quyết định marketing và cách thức để thu thập thông tin	3
	CLO3.2	Hiểu được căn cứ nền tảng để ra các quyết định marketing chính là các yếu tố thuộc về môi trường marketing, với các yếu tố quan trọng là khách hàng, đối thủ cạnh tranh, ngành kinh doanh và các yếu tố vĩ mô	3
G4	CLO4.1	Hiểu được bản chất và cách thức đưa ra các quyết định chiến lược trong marketing qua công thức STP	3
	CLO4.2	Hiểu được bản chất và vai trò của các công cụ marketing căn bản với công thức 4Ps; phân tích được hoạt động marketing tại tổ chức/doanh nghiệp	3
G5	CLO5.1	Thực hành khả năng làm việc nhóm	4TU
	CLO5.2	Thể hiện kỹ năng thu thập thông tin và phân tích khái quát các hoạt động marketing tại một doanh nghiệp cụ thể	4TU
G6	CLO6.1	Hiểu được yêu cầu phải nhận được được bởi cảnh xã hội; có đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội	3I

7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN (COURSE ASSESSMENT)

Bảng 7.1. Đánh giá học phần

Hình thức đánh giá	Nội dung/ Bài đánh giá	Thời điểm	CLOs	Công cụ và tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
Chuyên cần	Thái độ học tập trên lớp Trả lời câu hỏi trên lớp Trả lời các câu hỏi thảo luận	Tuần 1-15	CLO1- CLO6	Nhật ký giảng dạy của giảng viên với các tiêu chí đánh giá (i) Mức độ tham gia (ii) Mức độ tương tác; (iii) Chất lượng câu trả lời	10%
Đánh giá quá trình	Các bài kiểm tra trong quá trình học theo yêu cầu của giảng viên	Tuần 1-15	CLO1- CLO6	Nhật ký giảng dạy của giảng viên với các tiêu chí theo yêu cầu kiểm tra	...
	Trình bày nhóm: Báo cáo phân tích các hoạt động marketing tại một đơn vị cụ thể	Tuần 14-15	CLO1- CLO6	Phiếu đánh giá với các tiêu chí: (i) Nội dung; (ii) Hình thức đẹp; (iii) Trình bày hấp dẫn, thuyết phục; (iv) Mức độ hợp tác trong trả lời câu hỏi; (v) Thời gian trình bày	40%
	Nộp báo cáo kết quả phân tích hoạt động marketing của một đơn vị cụ thể	Tuần 16	CLO1- CLO6	Phiếu đánh giá với các tiêu chí: (i) Nội dung; (ii) Hình thức; (iii) Thời gian; (iv) Đánh giá lẫn nhau	
Đánh giá cuối kỳ	Bài thi cuối kỳ	Lịch thi học phần	CLO1- CLO4	Phiếu đánh giá, dựa trên đề thi	50%

8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (LESSON PLAN)

Bảng 8.1. Kế hoạch giảng dạy

Tuần	Nội dung giảng dạy	Tài liệu đọc	CLOs	Hoạt động dạy và học	Công cụ và tiêu chí đánh giá
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
1	Làm quen, giới thiệu học phần, logic của học phần và vai trò, vị trí của học phần trong CTĐT	Đề cương học phần	CLO1.1 CLO6.1	Giới thiệu học phần Đặt ra yêu cầu học tập Hướng dẫn đọc tài liệu Hướng dẫn tìm tài liệu Hướng dẫn làm việc nhóm Chia nhóm làm việc	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
2	Chương 1. Tổng quan về marketing 1.1. Bản chất của marketing 1.2. Vai trò và vị trí của marketing trong doanh nghiệp 1.3. Quản trị marketing 1.4. Những thách thức mới của marketing	Trần Minh Đạo, “Giáo trình Marketing căn bản”, NXB ĐH Kinh tế Quốc dân, 2012, Chương 1	CLO1.1 CLO1.2 CLO2.1 CLO6.1	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi
3	Chương 2. Hệ thống thông tin và nghiên cứu marketing 2.1. Hệ thống thông tin marketing 2.2. Nghiên cứu marketing	Trần Minh Đạo, “Giáo trình Marketing căn bản”, NXB ĐH Kinh tế Quốc dân, 2012, Chương 2	CLO3.1 CLO5.2 CLO6.1	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi
4	Chương 3. Môi trường marketing 3.1. Khái quát về môi trường marketing 3.2. Môi trường marketing vĩ mô 3.3. Môi trường marketing vi mô	Trần Minh Đạo, “Giáo trình Marketing căn bản”, NXB ĐH Kinh tế Quốc dân, 2012, Chương 3	CLO3.2 CLO6.1	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi

5-6	<p>Chương 4. Hành vi khách hàng</p> <p>4.1. Khái quát về khách hàng</p> <p>4.2. Hành vi của khách hàng người tiêu dùng</p> <p>4.3. Hành vi của của khách hàng tổ chức</p>	<p>Trần Minh Đạo, "Giáo trình Marketing căn bản", NXB ĐH Kinh tế Quốc dân, 2012, Chương 4</p>	<p>CLO3.2 CLO6.1</p>	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi</p>
7	<p>Chương 5. Phân đoạn thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị</p> <p>5.1. Khái quát về tiến trình STP</p> <p>5.2. Phân đoạn thị trường</p> <p>5.3. Lựa chọn thị trường mục tiêu</p> <p>5.4. Định vị thị trường</p>	<p>Trần Minh Đạo, "Giáo trình Marketing căn bản", NXB ĐH Kinh tế Quốc dân, 2012, Chương 5</p>	<p>CLO4.1</p>	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi</p>
8	<p>Tổng kết giữa kỳ, kiểm tra, thực hiện bài tập theo yêu cầu của giảng viên</p>		<p>CLO5.1 CLO5.2</p>	<p>Giảng viên đưa ra yêu cầu/thông báo kiểm tra/ thu và phân tích bài tập...</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài làm</p>
9	<p>Chương 6. Xác lập và triển khai chiến lược marketing</p> <p>6.1. Hệ thống chiến lược marketing</p> <p>6.2. Xây dựng chiến lược và kế hoạch marketing</p> <p>6.3. Tổ chức thực hiện marketing</p>	<p>Trần Minh Đạo, "Giáo trình Marketing căn bản", NXB ĐH Kinh tế Quốc dân, 2012, Chương 6</p>	<p>CLO2.1 CLO4.1 CLO6.1</p>	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi</p>
10	<p>Chương 7. Các quyết định về sản phẩm</p> <p>7.1. Sản phẩm theo quan điểm marketing</p> <p>7.2. Các quyết định liên quan tới từng đơn vị sản phẩm</p> <p>7.3. Quyết định về chủng loại và danh mục sản phẩm</p> <p>7.4. Quyết định về thương hiệu</p> <p>7.5. Chu kỳ sống và sản phẩm và marketing sản phẩm mới</p>	<p>Trần Minh Đạo, "Giáo trình Marketing căn bản", NXB ĐH Kinh tế Quốc dân, 2012, Chương 7</p>	<p>CLO4.2 CLO5.2 CLO6.1</p>	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi</p>

11	Chương 8. Các quyết định về giá 8.1. Các vấn đề chung về giá 8.2. Các yếu tố cơ bản ảnh hưởng tới quyết định về giá 8.3. Tiến trình định giá 8.4. Các chiến lược giá	Trần Minh Đạo, “Giáo trình Marketing căn bản”, NXB ĐH Kinh tế Quốc dân, 2012, Chương 8	CLO4.2 CLO5.2 CLO6.1	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi
12	Chương 9. Các quyết định về kênh phân phối 9.1. Bản chất và tầm quan trọng của kênh phân phối 9.2. Cấu trúc, hành vi và các mối quan hệ trong kênh 9.3. Quản trị kênh phân phối 9.4. Phân phối sản phẩm vật chất	Trần Minh Đạo, “Giáo trình Marketing căn bản”, NXB ĐH Kinh tế Quốc dân, 2012, Chương 9	CLO4.2 CLO5.2 CLO6.1	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi
13	Chương 10. Các quyết định về truyền thông marketing 10.1. Khái quát về truyền thông marketing 10.2. Xây dựng chương trình truyền thông 10.3. Các quyết định cho từng hình thức truyền thông	Trần Minh Đạo, “Giáo trình Marketing căn bản”, NXB ĐH Kinh tế Quốc dân, 2012, Chương 10	CLO4.2 CLO5.2 CLO6.1	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi
14-15	Trình bày bài tập nhóm. Báo cáo phân tích các hoạt động marketing tại một đơn vị cụ thể		CLO1- CLO6	Nhóm sinh viên báo cáo và trả lời câu hỏi Giảng viên và các thành viên trong lớp đặt câu hỏi, nhận xét	Phiếu đánh giá với các tiêu chí: (i) Nội dung; (ii) Hình thức đẹp; (iii) Trình bày hấp dẫn, thuyết phục; (iv) Mức độ hợp tác trong trả lời câu hỏi; (v) Thời gian trình bày
16	Hoàn thiện bài tập nhóm số 2. Bản báo cáo phân tích các hoạt động marketing tại một đơn vị cụ thể		CLO1- CLO6	Nhóm sinh viên nộp báo cáo Giảng viên đánh giá	Phiếu đánh giá với các tiêu chí: (i) Nội dung; (ii) Hình thức; (iii) Thời gian; (iv) Đánh giá lẫn nhau
-	Bài thi cuối kỳ		CLO1- CLO4	Sinh viên làm bài thi theo lịch	Phiếu đánh giá, dựa trên đề thi

9. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN (COURSE REQUIREMENTS AND EXPECTATION)

9.1. Quy định về điều kiện thi kết thúc học phần

- Sinh viên được tham dự thi cuối kỳ/thi kết thúc học phần (50%) nếu có điểm chuyên cần (10%) đạt mức 5 điểm trở lên (thang 10).

9.2. Quy định về tham dự lớp học

- Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý. Mỗi buổi vắng mặt sẽ bị trừ 1 điểm đánh giá quá trình. Sinh viên vắng quá 3 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại.
- Sinh viên sẽ được cộng điểm cho mỗi lần phát biểu xây dựng bài; được cộng thêm vào điểm chuyên cần và bài tập nhóm.
- Nhóm sinh viên không nộp bài tập nhóm sẽ nhận điểm 0 (không). Nhóm sinh viên nộp bài trễ sẽ bị trừ 1 điểm cho mỗi ngày nộp muộn.

9.3. Quy định về hành vi lớp học

- Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.
- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 10 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học. Không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.
- Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

Trưởng Bộ môn

Huyền

PGS.TS. Phạm Thị Huyền

Trưởng khoa Marketing

Thông

PGS.TS. Vũ Huy Thông

Xác nhận của Trường

Hiệu trưởng

TRƯỜNG
ĐẠI HỌC KINH TẾ
QUỐC DÂN

PGS.TS. Phạm Hồng Chương



ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT

(Ban hành kèm theo quyết định số 1315/QĐ/ĐHKQTĐ, ngày 26 tháng 7 năm 2021)

1. THÔNG TIN TỔNG QUÁT (GENERAL INFORMATION)

- Tên học phần (tiếng Việt):	ĐÔ THỊ HÓA VÀ PHÁT TRIỂN
- Tên học phần (tiếng Anh)	URBANIZATION AND DEVELOPMENT
- Mã số học phần	MTDT1121
- Thuộc khối kiến thức	Kiến thức ngành
- Số tín chỉ	3TC
+ Số tiết lý thuyết	27
+ Số tiết thảo luận/Thực hành	18
+ Số tiết tự học	90
- Các học phần tiên quyết	Không

2. THÔNG TIN BỘ MÔN QUẢN LÝ VÀ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY

Bộ môn quản lý: Kinh tế và Quản lý Đô thị

Địa chỉ: Phòng 1401 Nhà A1, Trường ĐHKQTĐ Kinh tế Quốc dân

Giảng viên tham gia giảng dạy:

TT	Họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Kim Hoàng	0946631024	hoangnk@neu.edu.vn
2	TS. Nguyễn Thị Thanh Huyền	0912078833	huyennt@neu.edu.vn
3	TS. Bùi Thị Hoàng Lan	0936125066	lanbh@neu.edu.vn
4	TS Dương Đức Tâm	0967836789	tamdd@neu.edu.vn

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN (COURSE DESCRIPTIONS)

Môn học này sẽ trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về đô thị hóa, về phát triển đô thị và mối quan hệ giữa chúng. Học phần cũng giúp người học ứng dụng những kiến thức cơ bản của kinh tế học, kinh tế đô thị, quản lý đô thị để giải quyết những vấn đề cụ thể. Phân tích về sự phát triển của hệ thống đô thị Việt Nam với năm chuyển đổi chính bao gồm hành chính, không gian, kinh tế, dân số và phúc lợi có vai trò dẫn dắt quá trình đô thị hóa. Quá trình đô thị hóa đảm bảo tăng trưởng và phát triển kinh tế đô thị nói chung theo hướng đô thị xanh bền vững và thông minh. Khai thác những nhân tố tích cực và hạn chế những điểm tiêu cực của quá trình đô thị hoá, tích hợp công nghệ đô thị thông minh phục vụ tốt nhất cư dân đô thị. Thông qua học phần cũng giúp sinh viên hình thành phương pháp nghiên cứu chuyên sâu về quản trị đô thị ứng dụng trong thực tế và thực hành tốt đề án môn học, chuyên đề thực tập tốt nghiệp.

4. TÀI LIỆU THAM KHẢO (LEARNING RESOURCES: COURSE BOOKS, REFERENCE BOOKS, AND SOFTWARES)

GIÁO TRÌNH:

Nguyễn Hữu Đoàn (2019), “ Bài giảng đô thị hóa và phát triển”, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân

TÀI LIỆU KHÁC:

World Bank (2009), “ Urbanisation and growth- Commission on growth and development”

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN (COURSE GOALS)

Bảng 5.1. Mục tiêu học phần

TT	Mô tả mục tiêu học phần	CDR (PLO) của CTĐT**	Mức độ***
[1]	[2]	[3]	[4]
G1	Cung cấp cho người học kiến thức cơ bản, phương pháp luận về cách tiếp cho sinh viên những vấn đề chung về đô thị, đô thị hóa, phát triển đô thị ; Phân tích sự khác nhau giữa đô thị và nông thôn, vai trò của đô thị và phát triển đô thị, tính quy luật của đô thị hóa.	1.1	3
G2	Giúp cho người học hiểu được các phương pháp, công cụ, nội dung đô thị hoá phân tích đô thị hóa như một quá trình chuyển đổi về động lực kinh tế, về mở rộng không gian, về kết nối hệ thống đô thị và vai trò động lực trong phát triển bền vững đô thị.	1.2	4
G3	Cung cấp cho người học kỹ năng phân tích, đánh giá để phân tích, ứng dụng cho các đánh giá đô thị hóa và phát triển đô thị thông qua một số tình huống cụ thể .	1.3	4
G4	Giúp người học rèn luyện cho sinh viên kỹ năng tìm kiếm, đọc và tổng hợp thông tin khoa học từ nhiều nguồn tài liệu (một kỹ năng quan trọng khi thực hiện các nghiên cứu khoa học và thực hiện trong thực tế đối với quy hoạch Vùng và đô thị), từ đó hiểu được các nguyên lý, nguyên tắc, đồng thời có thể trình bày lại các nội dung kiến thức đó thông qua các bài thuyết trình. Ngoài ra, các kỹ năng làm việc theo nhóm cũng được nhấn mạnh thông qua việc các nội dung đánh giá được thực hiện thông qua kết quả làm việc theo nhóm.	2.1 2.2	3
G5	Bước đầu trang bị cho người học nhận thức về bối cảnh xã hội, nhận thức đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội. Chuẩn bị bài được giao khi đến lớp, tham gia tích cực các hoạt động thuyết trình và phân biện. Thông qua đó sẽ có khả năng tự học tập, tự nghiên cứu, tích lũy kinh nghiệm để tiếp tục học cao hơn nhằm nâng cao trình độ chuyên môn. Có khả năng đưa ra các kết luận về các vấn đề trong lĩnh vực chuyên sâu	3.1	3

của mình; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể.		
--	--	--

6. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN (COURSE LEARNING OUTCOMES)

Bảng 6.1. Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Mục tiêu	CLOs	Mô tả CLOs*	Mức độ đạt được**
[1]	[2]	[3]	[4]
G1	CLO1.1	Hiểu, giải thích được các nguyên tắc, nguyên lý các nguyên tắc, khái niệm, đặc điểm, quá trình đô thị hóa, vai trò của đô thị hóa và phát triển đô thị.	3
	CLO1.2	Hiểu được lý thuyết cơ bản về sự khác biệt giữa đô thị và nông thôn từ đó phân biệt sự khác nhau giữa quản lý đô thị với quản lý nông thôn, chính sách phát triển đô thị và chính sách phát triển nông thôn.	3
G2	CLO2.1	Hiểu rõ bản chất, lý do tồn tại và vai trò của được các nhân tố cơ bản tác động tới quá trình đô thị hóa, những quy luật của quá trình đô thị hóa, trong quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa 4.0.	4
G3	CLO3.1	Áp dụng lý thuyết kinh tế, phương pháp, công cụ để phân tích, đánh giá của đô thị hóa và phát triển được trang bị vào việc giải thích, phân tích, thực hiện đánh giá mức độ đô thị hóa, xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá và vận dụng cụ thể vào một đô thị.	4
	CLO3.2	Có khả năng phân tích, đánh giá để phân tích được những vấn đề bất cập trong chính sách phát triển đô thị hiện nay, tham mưu xây dựng chính sách đô thị hóa và phát triển đô thị theo quan điểm phát triển bền vững cho các cấp lãnh đạo, thông qua một số tình huống cụ thể.	4
G4	CLO4.1	Thực hành khả năng làm việc nhóm,	3
	CLO4.2	Thể hiện kỹ năng thu thập thông tin và phân tích các hoạt động xảy ra trong đô thị cụ thể, kỹ năng tìm kiếm tài liệu, phân tích, tổng hợp, khái quát các vấn đề về các phương pháp quy hoạch đô thị, các mô hình quy hoạch đô thị chuyên ngành cho Vùng và đô thị để chuẩn bị cho các bài thuyết trình nhóm cũng như hoạt động chuyên môn sau này.	3
G5	CLO5.1	Có nhận thức về bối cảnh xã hội	3
	CLO5.2	Có nhận thức đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội	3

7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN (COURSE ASSESSMENT)

Bảng 7.1. Đánh giá học phần

Hình thức đánh giá	Nội dung/ Bài đánh giá	Thời điểm	CLOs	Công cụ và tiêu chí đánh giá*	Tỷ lệ (%)
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
Chuyên cần	Tham dự đầy đủ các buổi học Thái độ học tập trên lớp	Tuần 1-13	CLO1.1 CLO1.2	Nhật ký giảng dạy của giảng viên với các tiêu chí đánh giá (i) Mức độ tham gia	10%

	<p>Trả lời câu hỏi trên lớp</p> <p>Trả lời các câu hỏi thảo luận</p> <p>Ý thức trong việc chuẩn bị bài trên lớp và bài tập về nhà</p>		<p>CLO2.1</p> <p>CLO3.1</p> <p>CLO3.2</p> <p>CLO4.1</p> <p>CLO4.2</p> <p>CLO5.1</p> <p>CLO5.2</p>	<p>(ii) Mức độ tương tác</p> <p>(iii) Chất lượng câu trả lời</p> <p>(iv) Ý thức làm bài tập trên lớp và BTVN</p>	
<p>Đánh giá quá trình</p> <p>(Bài tập nhóm và bài tập cá nhân)</p>	<p>Bài kiểm tra cá nhân: tự luận/bài tập lớn</p>	<p>Tuần 8</p>	<p>CLO1.1</p> <p>CLO1.2</p> <p>CLO2.1</p> <p>CLO3.1</p> <p>CLO3.2</p>	<p>Đánh giá với các tiêu chí</p> <p>(i) Nội dung;</p> <p>(ii) Cách trình bày</p>	<p>40%</p>
	<p>Bài tập nhóm</p>	<p>Tuần 12</p>	<p>CLO1.1</p> <p>CLO1.2</p> <p>CLO2.1</p> <p>CLO3.1</p> <p>CLO3.2</p> <p>CLO4.1</p> <p>CLO4.2</p> <p>CLO 5.1</p> <p>CLO5.2</p>	<p>Đánh giá với các tiêu chí :</p> <p>(i) Nội dung;</p> <p>(ii) Hình thức slide, bản báo cáo;</p> <p>(iii) Mức độ hấp dẫn và thuyết phục của bài trình bày;</p> <p>(iv) Chất lượng các câu trả lời;</p> <p>(v) Thời gian trình bày</p> <p>(vi) Mức độ hoàn thiện bài tập nhóm sau khi được nhận xét, góp ý</p>	
<p>Đánh giá cuối kỳ</p>	<p>Bài thi cuối kỳ</p>	<p>Lịch thi học phần</p>	<p>CLO1.1</p> <p>CLO1.2</p> <p>CLO2.1</p> <p>CI.O2.2</p> <p>CLO3.1</p> <p>CLO3.2</p>	<p>Theo yêu cầu bài thi</p>	<p>50%</p>

8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (LESSON PLAN)

Bảng 8.1. Kế hoạch giảng dạy

Tuần n	Nội dung giảng dạy	Tài liệu đọc	CLOs	Hoạt động dạy và học	Công cụ và tiêu chí đánh giá
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
1	Làm quen, giới thiệu học phần, logic của học phần và vai trò, vị trí của học phần trong CTĐT	Đề cương học phần	CLO1.1 CLO4.1 CLO4.2	Giới thiệu học phần Đặt ra yêu cầu học tập Hướng dẫn đọc tài liệu Hướng dẫn tìm tài liệu Hướng dẫn làm việc nhóm Chia nhóm làm việc	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
2	Chương 1. Những vấn đề lý luận chung về đô thị và đô thị hóa 1.1. Đô thị và các hình thái đô thị 1.2. Đô thị hóa 1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến đô thị hóa	[1]*, Chương 1	CLO1.1 CLO1.2 CLO5.1 CLO5.2	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi
3	Chương 2. Phát triển bền vững đô thị 1.1. Phát triển bền vững đô thị (Khái niệm, Đặc điểm, Các yếu tố thành phần, Đo lường, Nội dung phát triển bền vững đô thị, Phân quyền quản trị đô thị, Tài chính đô thị)	[1], Chương 2	CLO1.1 CLO1.2 CLO5.1 CLO5.2	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi
4	Chương 2. Phát triển bền vững đô thị 1.2. Đô thị thông minh (Khái niệm và điều kiện phát triển đô thị)	[1], Chương 2	CLO1.1 CLO1.2	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời

	thông minh, Kết nối nền tảng số trong đô thị thông minh, Cơ sở hạ tầng đô thị hướng tới đô thị thông minh, Môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu đô thị thông minh, Tiếp cận dịch vụ đô thị thông minh)		CLO5.1 CLO5.2	Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	trên lớp và bài thi
5	Chương 3. Động lực đô thị hóa hướng tới phát triển bền vững đô thị 1. Chuyển đổi kinh tế đô thị 2. Mở rộng không gian đô thị 3. Dịch vụ đô thị	[1], Chương 3	CLO3.1 CLO3.2 CLO5.1	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi
6	Chương 3. Động lực đô thị hóa hướng tới phát triển bền vững đô thị 4. Năng suất đô thị 5. Kết nối nền tảng số trong đô thị 6. Cơ sở hạ tầng đô thị	[1], Chương 3	CLO2.1 CLO 3.1 CLO3.2 CLO5.1 CLO5.2	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi
7	Chương 3. Động lực đô thị hóa hướng tới phát triển bền vững đô thị 7. Dịch vụ công cộng đô thị	[1], Chương 3	CLO2.1 CLO 3.1 CLO3.2 CLO5.1 CLO5.2	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi

	<p>8. Bền vững môi trường và thích ứng biến đổi khí hậu đô thị.</p> <p>9. Phân cấp quản lý đô thị và tự chủ tài chính đô thị</p>				
8	<p>Chương 4: Đô thị hóa và phát triển đô thị bền vững ở một số quốc gia</p> <p>3.1. Đô thị hoá và phát triển đô thị ở Trung quốc</p> <p>3.2. Đô thị hoá và phát triển đô thị ở Malaysia</p> <p>3.3. Đô thị hoá và phát triển đô thị ở Nam Phi</p>	[1], Chương 4	<p>CLO2.1</p> <p>CLO 3.1</p> <p>CLO3.2</p> <p>CLO5.1</p> <p>CLO5.2</p>	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi</p>
9	<p>Chương 5: Chỉ số phát triển đô thị</p> <p>1. Khái niệm và đặc điểm chỉ số phát triển đô thị</p> <p>2. Mục đích và yêu cầu</p> <p>3. Khung đánh giá</p> <p>4. Nội dung chỉ số phát triển đô thị</p> <p>5. Quy trình lập hệ thống chỉ số đánh giá</p> <p>6. Thiết lập khung đánh giá phù hợp với đô thị Việt Nam</p>	[1], Chương 5	<p>CLO2.1</p> <p>CLO 3.1</p> <p>CLO3.2</p> <p>CLO5.1</p> <p>CLO5.2</p>	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi</p>

	7. Tính toán thử nghiệm với đô thị Hà nội				
10	<p>Chương 5: Chỉ số phát triển đô thị</p> <p>8. Khái niệm và đặc điểm chỉ số phát triển đô thị</p> <p>9. Mục đích và yêu cầu</p> <p>10. Khung đánh giá</p> <p>11. Nội dung chỉ số phát triển đô thị</p> <p>12. Quy trình lập hệ thống chỉ số đánh giá</p> <p>13. Thiết lập khung đánh giá phù hợp với đô thị Việt Nam</p> <p>Tính toán thử nghiệm với đô thị Hà nội</p>	[1], Chương 5	CLO2.1 CLO3.2 CLO5.1 CLO5.2	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi
11	<p>Chương 6 :Chính sách đô thị hóa và phát triển bền vững đô thị</p> <p>1.1. Quan điểm và nguyên tắc phát triển đô thị bền vững</p> <p>1.2. Dự báo nhu cầu phát triển đô thị</p> <p>1.3. Các chính sách đô thị theo hướng phát triển bền vững</p>	[1], Chương 6	CLO2.1 CLO3.2 CLO5.1 CLO5.2	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi
12	<p>Trình bày bài tập nhóm (các tình huống về thực tiễn trong đô thị như tăng trưởng kinh tế đô thị, đô thị hóa, nhà ở, đất đai, tội phạm, cơ sở hạ tầng đô thị...)</p>		CLO4.1 CLO4.2	Nhóm sinh viên thuyết trình và trả lời câu hỏi Giảng viên và các thành viên trong lớp đặt câu hỏi, nhận xét	Đánh giá với các tiêu chí : (i) Nội dung; (ii) Hình thức slide; (iii) Trình bày hấp dẫn, thuyết phục; (iv) Chất lượng câu trả lời;

					(v) Thời gian trình bày; (vi) Mức độ hoàn thiện bài tập nhóm sau khi được nhận xét, góp ý
13	Ôn tập, tổng kết học phần			Giảng viên tổng hợp kiến thức học phần Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra Giảng viên giải đáp các thắc mắc của sinh viên	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp
14	Bài thi cuối kỳ		CLO1.1 CLO1.2 CLO2.1 CLO3.1 CLO3.2 CLO3.3	Sinh viên làm bài thi theo lịch	Theo yêu cầu bài thi

[1]*: Nguyễn Hữu Đoàn (2019), “ Bài giảng đô thị hóa và phát triển”, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân

9. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN (COURSE REQUIREMENTS AND EXPECTATION)

9.1. Quy định về điều kiện thi kết thúc học phần

- Sinh viên được tham dự thi cuối kỳ/thi kết thúc học phần (50%) nếu có điểm chuyên cần (10%) đạt mức 5 điểm trở lên (thang 10).

9.2. Quy định về tham dự lớp học

- Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý. Mỗi buổi vắng mặt sẽ bị trừ 1 điểm đánh giá quá trình. Sinh viên vắng quá 3 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại.
- Sinh viên sẽ được cộng điểm cho mỗi lần phát biểu xây dựng bài, có thể bù đắp cho điểm quá trình, điểm kiểm tra và điểm bài tập nhóm.
- Sinh viên không nộp bài tập nhóm sẽ nhận điểm 0 (không) cho bài tập sau cùng. Nhóm sinh viên nộp bài trễ sẽ bị trừ 1 điểm cho mỗi ngày nộp muộn.

9.3. Quy định về hành vi lớp học

- Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.
- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 10 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.
- Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học; không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.
- Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

TRƯỜNG BỘ MÔN

Hương

TS NGUYỄN KIM HOÀNG

TRƯỜNG KHOA

Trương

PGS.TS ĐINH ĐỨC TRƯỜNG

Hà Nội, ngày 26 tháng 7 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS PHẠM HỒNG CHƯƠNG

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT

(Ban hành kèm theo quyết định số 1345/QĐ/ĐHKTQD, ngày 26 tháng 7 năm 2021)

1. THÔNG TIN TỔNG QUÁT (GENERAL INFORMATION)

- Tên học phần (tiếng Việt):	Quản trị nhân lực
- Tên học phần (tiếng Anh)	Human Resource Management
- Mã số học phần	NLQT 1103
- Thuộc khối kiến thức	Bắt buộc của ngành
- Số tín chỉ	3 (45 giờ tín chỉ, 50 phút/giờ tín chỉ)
+ Số giờ lý thuyết	27
+ Số giờ thảo luận/thực hành	13
+ Số giờ tự học	81
- Các học phần tiên quyết	Quản lý học

2. THÔNG TIN BỘ MÔN QUẢN LÝ VÀ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY

Bộ môn quản lý: Quản trị nhân lực

Địa chỉ: Phòng 606 Nhà A1, Trường ĐH Kinh tế Quốc dân

Giảng viên (liệt kê GV tham gia giảng dạy):

PGS.TS. Phạm Thị Bích Ngọc Sdt: 0985623394 Email: ngocpb@neu.edu.vn

TS. Vũ Thị Uyên Sdt: 0913542271 Email: uyenvt@neu.edu.vn

PGS.TS. Phạm Thúy Hương Sdt: 0912012252 Email:

thuyhuong_neu@yahoo.com.vn

PGS. TS. Vũ Thị Mai Sdt: 0978858616 Email: maivt@neu.edu.vn

TS. Nguyễn Văn Thùy Anh Sdt: 0988082099 Email: thuyanhv@yahoo.com

TS. Nguyễn Đức Kiên Sdt: 0906281112 Email: kiennd@neu.edu.vn

ThS. Nguyễn Ngọc Hiến Sdt: 0904897389 Email: hiennn@neu.edu.vn

ThS. Nguyễn Hồ Nam Sdt: 0975708979 Email: namnguyenho@neu.edu.vn

ThS. Nguyễn Đức Nhân Sdt: 0934552220 Email: nhannd@neu.edu.vn

ThS. Nguyễn Huy Trung Sdt: 0973679889 Email: trungnh@neu.edu.vn

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN (COURSE DESCRIPTIONS)

Quản trị Nhân lực là một trong những hoạt động quan trọng của tổ chức, góp phần nâng cao tính cạnh tranh, tính hiệu quả và sự bền vững của tổ chức. Học phần này giới thiệu về vai trò, tầm quan trọng của Quản trị Nhân lực trong tổ chức, các hoạt động chủ yếu của quản trị nhân lực như: phân tích công việc, tuyển dụng nhân lực, đánh giá thực hiện công việc, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, thù lao lao động và tạo động lực cho người lao động trong doanh nghiệp.

4. TÀI LIỆU THAM KHẢO (LEARNING RESOURCES: COURSE BOOKS, REFERENCE BOOKS, AND SOFTWARES)

Giáo trình

Nguyễn Ngọc Quân, Nguyễn Văn Điềm (2012), *Giáo trình Quản trị nhân lực*. Hà Nội: NXB Đại học Kinh tế Quốc dân

Tài liệu khác

- [1]. Trần Kim Dung (2011), *Quản trị nguồn nhân lực*. NXB Đại học quốc gia, TP. Hồ Chí Minh.
- [2]. Dessler, G., (2015). *Human Resource Management* (15th edition). Boston: Pearson.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN (COURSE GOALS)

Bảng 5.1. Mục tiêu học phần

TT	Mô tả mục tiêu học phần	CDR (PLO) của CTĐT**	Mức độ***
[1]	[2]	[3]	[4]
G1	Cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về quản trị nhân lực, vai trò và môi trường của quản trị nhân lực; mối quan hệ giữa bộ phận chuyên trách về quản trị nhân lực với các bộ phận chức năng khác trong một tổ chức	1.4.1	3
G2	Cung cấp cơ hội cho người học áp dụng kiến thức về các hoạt động chủ yếu của quản trị nhân lực	1.4.3	3
G3	Tạo cơ hội thực hành kỹ năng phân tích và giải quyết các vấn đề liên quan tới các hoạt động chủ yếu của quản trị nhân lực	2.2.1	4
G4	Tạo cơ hội thể hiện kỹ năng giao tiếp hiệu quả trong lĩnh vực quản trị nhân lực	2.1.1	4
G5	Cung cấp cơ hội thực hành khả năng làm việc nhóm	2.1.3	4
G6	Cung cấp cơ hội thực hành kỹ năng làm việc độc lập, khả năng tự học, tinh thần trách nhiệm trong công việc	3.1, 3.2	4

6. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN (COURSE LEARNING OUTCOMES)

Bảng 6.1. Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Mục tiêu	CLOs	Mô tả CLOs*	Mức độ đạt được**
[1]	[2]	[3]	[4]
G1	CLO1.1	Giải thích thực chất, vai trò và môi trường của quản trị nhân lực	3
	CLO1.2	Xác định mối quan hệ giữa bộ phận chuyên trách về quản trị nhân lực với các bộ phận chức năng khác	3

Mục tiêu	CLOs	Mô tả CLOs*	Mức độ đạt được**
G2	CLO2.1	Giải thích các khái niệm liên quan đến từng hoạt động quản trị nhân lực	3
	CLO2.2	Tranh luận tầm quan trọng của từng hoạt động quản trị nhân lực	3
	CLO2.3	Phân tích nội dung của từng hoạt động quản trị nhân lực	3
G3	CLO3.1	Nhận diện được các vấn đề liên quan tới các hoạt động chủ yếu của quản trị nhân lực	4
	CLO3.2	Biết lập kế hoạch và triển khai công việc để giải quyết các vấn đề liên quan tới các hoạt động chủ yếu của quản trị nhân lực	4
G4	CLO4.1	Chứng tỏ khả năng trình bày và thuyết trình một cách thuyết phục các vấn đề trong lĩnh vực quản trị nhân lực	4 ITU
	CLO4.2	Áp dụng thành thạo giao tiếp đa phương tiện trong lĩnh vực quản trị nhân lực	4 ITU
G5	CLO5.1	Thực hành khả năng tham gia đóng góp vào các hoạt động của nhóm	4 ITU
	CLO5.2	Thể hiện kỹ năng tổ chức và điều hành nhóm	4 ITU
G6	CLO6.1	Thể hiện kỹ năng làm việc độc lập, khả năng tự học	4 ITU
	CLO6.2	Thể hiện thái độ và hành vi chuyên nghiệp, tinh thần trách nhiệm trong công việc	4 ITU

7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN (COURSE ASSESSMENT)

Bảng 7.1. Đánh giá học phần

Hình thức đánh giá	Nội dung/ Bài đánh giá	Thời điểm	CLOs	Công cụ và tiêu chí đánh giá*	Tỷ lệ (%)
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
Chuyên cần	Thái độ học tập trên lớp Trả lời câu hỏi trên lớp Trả lời các câu hỏi thảo luận	Tuần 1-15	CLO1 - CLO6	Nhật ký giảng dạy của giảng viên với các tiêu chí đánh giá (i) Mức độ tham gia (ii) Mức độ tương tác; (iii) Chất lượng câu trả lời	10%
Đánh giá quá trình	Bài tập thực hành nhóm 1: Mỗi nhóm viết bản mô tả công việc, bản yêu cầu của công việc, bản tiêu chuẩn thực hiện và quảng cáo tuyển mộ cho một công việc cụ thể trong tổ chức thực tế	Tuần 2-6	CLO1 - CLO6	Phiếu đánh giá với các tiêu chí: (i) Nội dung; (ii) Hình thức; (iii) Thời gian	20%
	Bài tập tình huống nhóm 2:	Tuần 7-	CLO1	Phiếu đánh giá với các tiêu	20%

	Mỗi nhóm phân tích và trình bày về tình huống được giao	14	- CLO6	chí : (i) Nội dung; (ii) Hình thức đẹp; (iii) Trình bày hấp dẫn, thuyết phục; (iv) Mức độ hợp tác trong trả lời câu hỏi; (v) Thời gian trình bày	
Đánh giá cuối kỳ	Bài thi cuối kỳ	Lịch thi học phần	CLO1 - CLO3	Theo yêu cầu bài thi	50%

8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (LESSON PLAN)

Bảng 8.1. Kế hoạch giảng dạy

Tuần	Nội dung giảng dạy*	Tài liệu đọc**	CLOs	Hoạt động dạy và học***	Công cụ và tiêu chí đánh giá****
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
1	Làm quen, giới thiệu học phần, logic của học phần và vai trò, vị trí của học phần trong CTĐT Chương 1. Tổng quan về Quản trị Nhân lực 1.1. Khái niệm, mục tiêu, các hoạt động và vai trò của quản trị nhân lực trong tổ chức	Đề cương học phần Nguyễn Ngọc Quân, Nguyễn Văn Diễm (2012), <i>Giáo trình Quản trị nhân lực</i> . Hà Nội: NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Chương 1	CLO1.1 CLO6.1 CLO6.2	Giới thiệu học phần Đặt ra yêu cầu học tập Hướng dẫn đọc tài liệu Hướng dẫn tìm tài liệu Hướng dẫn làm việc nhóm Chia nhóm làm việc	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
2	Chương 1. Tổng quan về Quản trị Nhân lực 1.2. Triết lý quản trị nhân lực 1.3. Sự phân chia trách nhiệm về quản trị nhân lực trong tổ chức 1.4. Ảnh hưởng của môi trường kinh doanh đến hoạt động quản trị nhân lực	Nguyễn Ngọc Quân, Nguyễn Văn Diễm (2012), <i>Giáo trình Quản trị nhân lực</i> . Hà Nội: NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Chương 1 và 2	CLO1.1 CLO1.2 CLO6.1 CLO6.2	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp
3	Chương 2. Phân tích công việc 2.1. Khái niệm và nội dung của phân tích công việc 2.2. Ứng dụng của phân tích công việc 2.3. Tiến trình phân tích công việc	Nguyễn Ngọc Quân, Nguyễn Văn Diễm (2012), <i>Giáo trình Quản trị nhân lực</i> . Hà Nội: NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Chương 3	CLO2.1 CLO2.2 CLO2.3 CLO3.1 CLO3.2 CLO6.1 CLO6.2	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp

Tuần	Nội dung giảng dạy*	Tài liệu đọc**	CLOs	Hoạt động dạy và học***	Công cụ và tiêu chí đánh giá****
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
4	Chương 3. Tuyển mộ và tuyển chọn nhân lực 3.1. Tuyển mộ nhân lực	Nguyễn Ngọc Quân, Nguyễn Văn Diễm (2012), <i>Giáo trình Quản trị nhân lực</i> . Hà Nội: NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Chương 5	CLO2.1 CLO2.2 CLO2.3 CLO3.1 CLO3.2 CLO6.1 CLO6.2	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp
5	Chương 3. Tuyển mộ và tuyển chọn nhân lực 3.2. Tuyển chọn nhân lực	Nguyễn Ngọc Quân, Nguyễn Văn Diễm (2012), <i>Giáo trình Quản trị nhân lực</i> . Hà Nội: NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Chương 5	CLO2.1 CLO2.2 CLO2.3 CLO3.1 CLO3.2 CLO6.1 CLO6.2	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp
	Nộp bài tập nhóm 1		CLO1.1- CLO3.2	Các nhóm sinh viên nộp bài tập nhóm 1	Phiếu đánh giá với các tiêu chí : (i) Nội dung; (ii) Hình thức trình bày , (iii) Kỹ năng trình bày
6	Chương 4. Đánh giá thực hiện công việc 4.1. Khái niệm và tầm quan trọng của đánh giá thực hiện công việc 4.2. Hệ thống đánh giá thực hiện công việc	Nguyễn Ngọc Quân, Nguyễn Văn Diễm (2012), <i>Giáo trình Quản trị nhân lực</i> . Hà Nội: NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Chương 8	CLO2.1 CLO2.2 CLO2.3 CLO3.1 CLO3.2 CLO6.1 CLO6.2	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận trên lớp	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp

Tuần	Nội dung giảng dạy*	Tài liệu đọc**	CLOs	Hoạt động dạy và học***	Công cụ và tiêu chí đánh giá****
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
7	<p>Chương 4. Đánh giá thực hiện công việc</p> <p>4.3. Các phương pháp đánh giá thực hiện công việc</p> <p>4.4. Tổ chức công tác đánh giá thực hiện công việc</p>	<p>Nguyễn Ngọc Quân, Nguyễn Văn Điềm (2012), <i>Giáo trình Quản trị nhân lực</i>. Hà Nội: NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Chương 8</p>	<p>CLO2.1</p> <p>CLO2.2</p> <p>CLO2.3</p> <p>CLO3.1</p> <p>CLO3.2</p> <p>CI.04.1</p> <p>CLO4.2</p> <p>CLO5.1</p> <p>CLO5.2</p> <p>CLO6.1</p> <p>CLO6.2</p>	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận trên lớp</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời trên lớp</p>
8	<p>Chương 5. Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực (ĐT-PT NNL)</p> <p>5.1. Khái niệm, mục tiêu và tầm quan trọng của ĐT-PT NNL</p> <p>5.2. Các phương pháp ĐT-PT NNL</p> <p>5.3. Trình tự xây dựng một chương trình ĐT-PT NNL</p>	<p>Nguyễn Ngọc Quân, Nguyễn Văn Điềm (2012), <i>Giáo trình Quản trị nhân lực</i>. Hà Nội: NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Chương 9</p>	<p>CLO2.1</p> <p>CLO2.2</p> <p>CLO2.3</p> <p>CLO3.1</p> <p>CLO3.2</p> <p>CLO4.1</p> <p>CLO4.2</p> <p>CLO5.1</p> <p>CLO5.2</p> <p>CLO6.1</p> <p>CLO6.2</p>	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận trên lớp</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời trên lớp</p>

Tuần	Nội dung giảng dạy*	Tài liệu đọc**	CLOs	Hoạt động dạy và học***	Công cụ và tiêu chí đánh giá****
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
9	Chương 6. Thù lao lao động 6.1. Khái niệm và mục tiêu của hệ thống thù lao 6.2. Các yếu tố cơ bản ảnh hưởng tới quyết định về giá	Nguyễn Ngọc Quân, Nguyễn Văn Diễm (2012), <i>Giáo trình Quản trị nhân lực</i> . Hà Nội: NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Chương 10	CLO2.1 CLO2.2 CLO2.3 CLO3.1 CLO3.2 CLO6.1 CLO6.2	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận trên lớp	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp
10	Chương 6. Thù lao lao động 6.3. Hệ thống trả công lao động trong tổ chức 6.4. Các hình thức trả công lao động	Nguyễn Ngọc Quân, Nguyễn Văn Diễm (2012), <i>Giáo trình Quản trị nhân lực</i> . Hà Nội: NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Chương 11,12	CLO2.1 CLO2.2 CLO2.3 CLO3.1 CLO3.2 CLO4.1 CLO4.2 CLO5.1 CLO5.2 CLO6.1 CLO6.2	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận trên lớp	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp
11	Chương 6. Thù lao lao động 6.5. Các khuyến khích 6.6. Phúc lợi cho người lao động	Nguyễn Ngọc Quân, Nguyễn Văn Diễm (2012), <i>Giáo trình Quản trị nhân lực</i> . Hà Nội: NXB Đại học Kinh tế Quốc	CLO2.1 CLO2.2 CLO2.3 CLO3.1 CLO3.2 CLO6.1	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận trên lớp	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp

Tuần	Nội dung giảng dạy*	Tài liệu đọc**	CLOs	Hoạt động dạy và học***	Công cụ và tiêu chí đánh giá****
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
		dân, Chương 13, 14	CLO6.2		
12	<p>Chương 7. Tạo động lực cho người lao động</p> <p>7.1. Động lực và các yếu tố ảnh hưởng đến tạo động lực</p> <p>7.2. Các học thuyết tạo động lực</p> <p>7.3. Các biện pháp tạo động lực</p>	<p>Nguyễn Ngọc Quân, Nguyễn Văn Diễm (2012), <i>Giáo trình Quản trị nhân lực</i>. Hà Nội: NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Chương 7</p>	<p>CLO2.1</p> <p>CLO2.2</p> <p>CLO2.3</p> <p>CLO3.1</p> <p>CLO3.2</p> <p>CLO4.1</p> <p>CLO4.2</p> <p>CLO5.1</p> <p>CLO5.2</p> <p>CLO6.1</p> <p>CLO6.2</p>	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận trên lớp</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời trên lớp</p>
13,14	Trình bày bài tập nhóm 2		CLO2.1- CLO6.2	Các nhóm sinh viên trình bày bài tập nhóm 2	Phiếu đánh giá với các tiêu chí : (i) Nội dung; (ii) Hình thức trình bày , (iii) Kỹ năng trình bày
15	Tổng kết học phần		CLO1- CLO6	<p>Giảng viên công bố các điểm rèn luyện và điểm đánh giá quá trình</p> <p>Giảng viên hệ thống hoá các nội dung đã học</p> <p>Giảng viên giải đáp thắc mắc</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời trên lớp</p>
-	Bài thi cuối kỳ		CLO1- CLO3	Sinh viên làm bài thi theo lịch	Theo yêu cầu bài thi

9. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN (COURSE REQUIREMENTS AND EXPECTATION)

9.1. Quy định về điều kiện thi kết thúc học phần

- Sinh viên được tham dự thi cuối kỳ/thi kết thúc học phần (50%) nếu có điểm chuyên cần (10%) đạt mức 5 điểm trở lên (thang 10).

9.2. Quy định về tham dự lớp học

- Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý. Mỗi buổi vắng mặt sẽ bị trừ 1 điểm đánh giá quá trình. Sinh viên vắng quá 3 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại.
- Sinh viên sẽ được cộng điểm cho mỗi lần phát biểu xây dựng bài, có thể bù đắp cho điểm quá trình, điểm kiểm tra và điểm bài tập nhóm.
- Sinh viên không nộp bài tập nhóm sẽ nhận điểm 0 (không) cho bài tập sau cùng. Nhóm sinh viên nộp bài trễ sẽ bị trừ 1 điểm cho mỗi ngày nộp muộn.

9.3. Quy định về hành vi lớp học

- Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.
- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 10 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.
- Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.
- Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.
- Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

TRƯỜNG BỘ MÔN

ngọc

PGS.TS. Phạm Thị Bích Ngọc

TRƯỜNG KHOA

ngân

PGS.TS. Vũ Hoàng Ngân

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Phạm Hồng Chương

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT

(Ban hành kèm theo quyết định số 1315/QĐ/ĐHKTQD, ngày 26 tháng 7 năm 2021)

1. THÔNG TIN TỔNG QUÁT (GENERAL INFORMATION)

- Tên học phần (tiếng Việt):	Tài chính Đô thị
- Tên học phần (tiếng Anh)	Municipal Finance
- Mã số học phần	MTDT1126
- Thuộc khối kiến thức	Kiến thức chuyên sâu
- Số tín chỉ	3TC
+ Số tiết lý thuyết	27
+ Số tiết thảo luận/thực hành	18
+ Số tiết tự học	90
- Các học phần tiên quyết	Nguyên lý kế toán

2. THÔNG TIN BỘ MÔN QUẢN LÝ VÀ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY

Bộ môn quản lý: Kinh tế và Quản lý Đô thị

Địa chỉ: Phòng 1401 Nhà A1, Trường ĐH Kinh tế Quốc dân

Giảng viên tham gia giảng dạy:

TT	Họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Kim Hoàng	0946631024	hoangnk@neu.edu.vn
2	TS. Nguyễn Thị Thanh Huyền	0912078833	huyennt@neu.edu.vn
3	TS. Bùi Thị Hoàng Lan	0936125066	lanbh@neu.edu.vn
4	TS Dương Đức Tâm	0967836789	tamdd@neu.edu.vn

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN (COURSE DESCRIPTIONS)

Học phần Tài chính đô thị sẽ cung cấp các kiến thức về nguyên tắc, nguyên lý cũng như các nghiệp vụ cụ thể về các hoạt động lập dự toán, thu và chi của chính quyền đô thị. Trên cơ sở đó nhằm tìm ra giải pháp quản lý tài chính của chính quyền một cách hiệu quả nhất. Học phần tập trung vào các nội dung chính như: giải thích về xu hướng và thách thức tài chính đô thị hiện nay ở các quốc gia, giải thích các nguyên tắc tài chính đô thị; phân tích ưu và nhược điểm của các nguồn thu và các khoản chi của chính quyền Đô thị; phân tích các nghiệp vụ kế toán phát sinh; giải thích chu trình lập dự toán, lập bảng cân đối kế toán cũng như giải thích tại sao cần phải thực hiện kiểm toán các hoạt động tài chính của chính quyền đô thị. Các nội dung trên được trình bày trên cả phương diện lý luận và thực tiễn, bao gồm thực tiễn ở cấp địa phương, quốc gia, khu vực và toàn cầu

4. TÀI LIỆU THAM KHẢO (LEARNING RESOURCES: COURSE BOOKS, REFERENCE BOOKS, AND SOFTWARES)

Giáo trình/bài giảng

1. Đinh Tuấn Hải (2010), Tài Chính Đô Thị, Bài Giảng, Nhà xuất bản Đại học Kiến trúc, Hà Nội.

Tài liệu khác

1. Arthur O'Sullivan (2011), *Urban Economics*, McGraw-Hill Irwin
2. John F. McDonald (1997), *Fundamentals of Urban economics*, Nhà xuất bản Prentice Hall
3. McDonald và McMillend (2011). *Urban Economics and Real Estate: Theory and Policy*, NXB John Wiley & Sons, INC

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN (COURSE GOALS)

Bảng 5.1. Mục tiêu học phần

TT	Mô tả mục tiêu học phần	CDR (PLO) của CTĐT**	Mức độ***
[1]	[2]	[3]	[4]
G1	Cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về tài chính đô thị, các nguyên tắc, nguyên lý quản trị tài chính đô thị. Hiểu được bản chất và tầm quan trọng của việc lập các báo cáo tài chính kế toán trong khu vực công, đặc biệt các khu vực đô thị. Giải thích và minh họa các mối quan hệ tài chính giữa hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân thành phố.	1.1	3
G2	Giúp cho người học hiểu được chức năng kế toán đô thị, phân biệt được chức năng của doanh thu và chi phí trong việc lập các báo cáo tài chính cũng như sử dụng các loại quỹ của thành phố. Phân tích được nội dung của các tài khoản kế toán để áp dụng các tình huống thực tiễn. Phân tích ưu và nhược điểm của các loại thuế sử dụng trong quản lý tài chính đô thị.	1.2	4
G3	Cung cấp cho người học kỹ năng phân tích tích đánh giá để lập kế hoạch, dự toán ngân sách, cân đối thu chi, lập bảng cân đối kế toán trong đơn vị một cách khoa học thông qua một số tình huống cụ thể	1.3	4
G4	Học phần rèn luyện cho sinh viên kỹ năng độc lập tìm kiếm, đọc và tổng hợp thông tin khoa học từ nhiều nguồn tài liệu (một kỹ năng quan trọng khi thực hiện các nghiên cứu khoa học), từ đó hiểu được các nguyên lý, nguyên tắc, đồng thời có thể trình bày lại các nội dung kiến thức đó thông qua các bài thuyết trình. Ngoài ra, các kỹ năng làm việc theo nhóm cũng được nhấn mạnh thông qua việc các nội dung đánh giá được thực hiện thông qua kết quả làm việc theo nhóm.	2.1 2.2	3
G5	Bước đầu trang bị cho người học nhận thức về bối cảnh xã hội, nhận thức đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội	3.1	3

6. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN (COURSE LEARNING OUTCOMES)

Bảng 6.1. Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Mục tiêu	CLOs	Mô tả CLOs*	Mức độ đạt được**
[1]	[2]	[3]	[4]
G1	CLO1.1	Hiểu, giải thích được các nguyên tắc, nguyên lý tài chính và quản lý tài chính đô thị.	3
	CLO1.2	Hiểu, giải thích được mối quan hệ tài chính giữa hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân thành phố.	3
G2	CLO2.1	Hiểu rõ bản chất của các khoản doanh thu, chi phí để phân tích các nghiệp vụ kế toán phát sinh. Áp dụng nguyên lý kế toán để thực hiện ghi sổ sách.	4
G3	CLO3.1	Áp dụng lý thuyết kinh tế, quy tắc tài chính để phân tích, đánh giá các vấn đề thu và chi trong đô thị	4
	CLO3.2	Có khả năng phân tích, đánh giá để lập kế hoạch, dự toán ngân sách, cân đối thu chi, lập bảng cân đối kế toán trong đơn vị một cách khoa học thông qua một số tình huống cụ thể.	4
G4	CLO4.1	Thực hành khả năng làm việc nhóm	3
	CLO4.2	Thể hiện kỹ năng thu thập thông tin và phân tích các hoạt động xảy ra trong đô thị cụ thể	3
G5	CLO5.1	Có nhận thức về bối cảnh xã hội	3
	CLO5.2	Có nhận thức đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội	3

7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN (COURSE ASSESSMENT)

Bảng 7.1. Đánh giá học phần

Hình thức đánh giá	Nội dung/ Bài đánh giá	Thời điểm	CLOs	Công cụ và tiêu chí đánh giá*	Tỷ lệ (%)
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
Chuyên cần	Tham dự đầy đủ các buổi học Thái độ học tập trên lớp Trả lời câu hỏi trên lớp Trả lời các câu hỏi thảo luận Ý thức trong việc chuẩn bị bài trên lớp và bài tập về nhà	Tuần 1-13	CLO1.1 CLO1.2 CLO2.1 CLO3.1 CLO3.2 CLO4.1 CLO4.2 CLO5.1 CLO5.2	Nhật ký giảng dạy của giảng viên với các tiêu chí đánh giá (i) Mức độ tham gia (ii) Mức độ tương tác (iii) Chất lượng câu trả lời (iv) Ý thức làm bài tập trên lớp và BTVN	10%
Đánh giá quá trình (Bài tập nhóm và)	Bài kiểm tra cá nhân: tự luận/bài tập lớn	Tuần 8	CLO1.1 CLO1.2 CLO2.1 CLO3.1	Đánh giá với các tiêu chí (i) Nội dung; (ii) Cách trình bày	40%

bài tập cá nhân)			CLO3.2		
	Bài tập nhóm	Tuần 12	CLO1.1 CLO1.2 CLO2.1 CLO3.1 CLO3.2 CLO4.1 CLO4.2 CLO 5.1 CLO5.2	Đánh giá với các tiêu chí : (i) Nội dung; (ii) Hình thức slide, bản báo cáo; (iii) Mức độ hấp dẫn và thuyết phục của bài trình bày; (iv) Chất lượng các câu trả lời; (v) Thời gian trình bày (vi) Mức độ hoàn thiện bài tập nhóm sau khi được nhận xét, góp ý	
Đánh giá cuối kỳ	Bài thi cuối kỳ	Lịch thi học phần	CLO1.1 CLO1.2 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1 CLO3.2	Theo yêu cầu bài thi	50%

8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (LESSON PLAN)

Bảng 8.1. Kế hoạch giảng dạy

Tuần n	Nội dung giảng dạy	Tài liệu đọc	CLOs	Hoạt động dạy và học	Công cụ và tiêu chí đánh giá
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
1	Làm quen, giới thiệu học phần, logic của học phần và vai trò, vị trí của học phần trong CTĐT	Đề cương học phần	CLO1.1 CLO4.1 CLO4.2	Giới thiệu học phần Đặt ra yêu cầu học tập Hướng dẫn đọc tài liệu Hướng dẫn tìm tài liệu Hướng dẫn làm việc nhóm Chia nhóm làm việc	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
2	Chương 1. Tổng quan về tài chính Đô thị 1.1. Tài chính Đô thị 1.2. Quản lý tài chính đô thị	[1]*, Chương 1	CLO1.1 CLO1.2 CLO5.1 CLO5.2	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi
3	Chương 2. Các vấn đề, thách thức và xu hướng tài chính đô thị 2.1. Quá trình đô thị hóa nhanh 2.2. Siêu đô thị phát triển 2.3. Toàn cầu hóa 2.4. Năng lực yếu kém ở cấp địa phương 2.5. Chi phí do sự mở rộng của đô thị 2.6. Mất cân đối thu chi ngân sách	[1], Chương 2	CLO1.1 CLO1.2 CLO5.1 CLO5.2	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi
4	Chương 2. Các vấn đề, thách thức và xu hướng tài chính đô thị 2.7. Phân cấp quản lý tài chính đô thị 2.8. Hợp tác công – tư 2.9. Quản lý tài chính cần được tăng cường	[1], Chương 2	CLO1.1 CLO1.2 CLO5.1 CLO5.2	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi

5	<p>Chương 3. Các nguyên tắc tài chính đô thị</p> <p>3.1. Vai trò và chức năng của chính quyền đô thị trong nền kinh tế</p> <p>3.2. Mô hình lợi ích tài chính đô thị</p> <p>3.3. Nguyên tắc tài chính đô thị</p>	[1], Chương 3	<p>CLO3.1</p> <p>CLO3.2</p> <p>CLO5.1</p>	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi</p>
6	<p>Chương 4 : Các khoản thu và quản lý các khoản thu của đô thị</p> <p>4.1. Khái niệm nguồn thu</p> <p>4.2. Phân loại các nguồn thu</p> <p>4.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến cấu trúc các nguồn thu</p>	[1], Chương 4	<p>CLO2.1</p> <p>CLO 3.1</p> <p>CLO3.2</p> <p>CLO5.1</p> <p>CLO5.2</p>	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi</p>
7	<p>Chương 4 : Các khoản thu và quản lý các khoản thu của đô thị</p> <p>4.4. Thuế và phí sử dụng dịch vụ</p> <p>4.5. Các chính sách quản lý các nguồn thu của đô thị</p>	[1], Chương 4	<p>CLO2.1</p> <p>CLO 3.1</p> <p>CLO3.2</p> <p>CLO5.1</p> <p>CLO5.2</p>	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi</p>
8	<p>Chương 5 : Chi tiêu và quản lý chi tiêu của đô thị</p> <p>5.1. Tổng quan chung về chi tiêu và quản lý chi tiêu</p> <p>5.2. Nguyên tắc quản lý chi tiêu trong đô thị</p> <p>5.3. Chu trình quản lý chi tiêu</p>	[1], Chương 5	<p>CLO2.1</p> <p>CLO 3.1</p> <p>CLO3.2</p> <p>CLO5.1</p> <p>CLO5.2</p>	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi</p>
9	<p>Chương 6 : Lập dự toán ngân sách, báo cáo kế toán và kiểm toán tài chính Đô thị</p> <p>6.1. Những vấn đề chung về lập dự toán ngân sách</p> <p>6.2. Quy trình lập dự toán</p>	[1], Chương 6	<p>CLO2.1</p> <p>CLO 3.1</p> <p>CLO3.2</p> <p>CLO5.1</p> <p>CLO5.2</p>	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi</p>

10	<p>Chương 6 : Lập dự toán ngân sách, báo cáo kế toán và kiểm toán tài chính Đô thị</p> <p>6.3. Các khái niệm cơ bản về kế toán 6.4. Phân biệt kế toán tài chính đô thị và kế toán tài chính doanh nghiệp 6.5. Các chuẩn mực kế toán 6.6. Nguyên tắc lập bảng cân đối kế toán tài chính đô thị</p>	[1], Chương 6	<p>CLO2.1 CLO3.2 CLO5.1 CLO5.2</p>	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi</p>
11	<p>Chương 6 : Lập dự toán ngân sách, báo cáo kế toán và kiểm toán tài chính Đô thị</p> <p>6.7. Khái niệm 6.8. Vai trò của kiểm toán tài chính đô thị 6.9. Vận dụng lý thuyết để thực hành bài tập tính toán</p>	[1], Chương 6	<p>CLO2.1 CLO3.2 CLO5.1 CLO5.2</p>	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi</p>
12	<p>Trình bày bài tập nhóm (các tình huống về thực tiễn trong đô thị như tăng trưởng kinh tế đô thị, đô thị hóa, nhà ở, đất đai, tội phạm, cơ sở hạ tầng đô thị...)</p>		<p>CLO4.1 CLO4.2</p>	<p>Nhóm sinh viên thuyết trình và trả lời câu hỏi Giảng viên và các thành viên trong lớp đặt câu hỏi, nhận xét</p>	<p>Đánh giá với các tiêu chí :</p> <ul style="list-style-type: none"> (i) Nội dung; (ii) Hình thức slide; (iii) Trình bày hấp dẫn, thuyết phục; (iv) Chất lượng câu trả lời; (v) Thời gian trình bày; (vi) Mức độ hoàn thiện bài tập nhóm sau khi được nhận xét, góp ý
13	Ôn tập, tổng kết học phần			<p>Giảng viên tổng hợp kiến thức học phần Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp</p>

				Giảng viên giải đáp các thắc mắc của sinh viên	
14	Bài thi cuối kỳ		CLO1.1 CLO1.2 CLO2.1 CLO3.1 CLO3.2 CLO3.3	Sinh viên làm bài thi theo lịch	Theo yêu cầu bài thi

[1]*: Đinh Tuấn Hải (2010), *Tài Chính Đô Thị*, Bài Giảng, Nhà xuất bản Đại học Kiến trúc, Hà Nội.

Arthur O'Sullivan (2011), *Urban Economics*, McGraw-Hill Irwin

John F. McDonald (1997), *Fundamentals of Urban economics*, Nhà xuất bản Prentice Hall

McDonald và McMillend (2011). *Urban Economics and Real Estate: Theory and Policy*, NXB John Wiley & Sons, INC

9. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN (COURSE REQUIREMENTS AND EXPECTATION)

9.1. Quy định về điều kiện thi kết thúc học phần

- Sinh viên được tham dự thi cuối kỳ/thi kết thúc học phần (50%) nếu có điểm chuyên cần (10%) đạt mức 5 điểm trở lên (thang 10).

9.2. Quy định về tham dự lớp học

- Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý. Mỗi buổi vắng mặt sẽ bị trừ 1 điểm đánh giá quá trình. Sinh viên vắng quá 3 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại.
- Sinh viên sẽ được cộng điểm cho mỗi lần phát biểu xây dựng bài, có thể bù đắp cho điểm quá trình, điểm kiểm tra và điểm bài tập nhóm.
- Sinh viên không nộp bài tập nhóm sẽ nhận điểm 0 (không) cho bài tập sau cùng. Nhóm sinh viên nộp bài trễ sẽ bị trừ 1 điểm cho mỗi ngày nộp muộn.

9.3. Quy định về hành vi lớp học

- Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.
- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 10 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.
- Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học; không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.
- Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

Hà Nội, ngày 21 tháng 7 năm 2021

TRƯỞNG BỘ MÔN

TRƯỞNG KHOA

HIỆU TRƯỞNG

Hương

Trương



TS NGUYỄN KIM HOÀNG

PGS.TS ĐÌNH ĐỨC TRƯỜNG

PGS.TS PHẠM HỒNG CHƯƠNG

1900
1901
1902
1903
1904
1905
1906
1907
1908
1909
1910
1911
1912
1913
1914
1915
1916
1917
1918
1919
1920
1921
1922
1923
1924
1925
1926
1927
1928
1929
1930
1931
1932
1933
1934
1935
1936
1937
1938
1939
1940
1941
1942
1943
1944
1945
1946
1947
1948
1949
1950
1951
1952
1953
1954
1955
1956
1957
1958
1959
1960
1961
1962
1963
1964
1965
1966
1967
1968
1969
1970
1971
1972
1973
1974
1975
1976
1977
1978
1979
1980
1981
1982
1983
1984
1985
1986
1987
1988
1989
1990
1991
1992
1993
1994
1995
1996
1997
1998
1999
2000
2001
2002
2003
2004
2005
2006
2007
2008
2009
2010
2011
2012
2013
2014
2015
2016
2017
2018
2019
2020
2021
2022
2023
2024
2025

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT

(Ban hành kèm theo quyết định số 136/QĐ/ĐHKTQD, ngày 16 tháng 5 năm 2021)

I. THÔNG TIN TỔNG QUÁT (GENERAL INFORMATION)

- Tên học phần (tiếng Việt):	Quy hoạch Vùng và Đô thị
- Tên học phần (tiếng Anh)	URBAN AND REGIONAL PLANNING
- Mã số học phần	MTDT1114
- Thuộc khối kiến thức	Kiến thức chuyên sâu
- Số tín chỉ	3TC (45 tiết)
+ Số tiết lý thuyết	27
+ Số tiết thảo luận/Thực hành	18
+ Số tiết tự học	90
- Các học phần tiên quyết	Không

2. THÔNG TIN BỘ MÔN QUẢN LÝ VÀ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY

Bộ môn quản lý: Kinh tế và Quản lý Đô thị

Địa chỉ: Phòng 1401 Nhà A1, Trường ĐH Kinh tế Quốc dân

Giảng viên tham gia giảng dạy:

TT	Họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Kim Hoàng	0946631024	hoangnk@neu.edu.vn
2	TS. Nguyễn Thị Thanh Huyền	0912078833	huyemt@neu.edu.vn
3	TS. Bùi Thị Hoàng Lan	0936125066	lanbh@neu.edu.vn
4	TS Dương Đức Tâm	0967836789	tamdd@neu.edu.vn

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN (COURSE DESCRIPTIONS)

Môn học Quy hoạch vùng và đô thị trang bị cho học viên những lý luận nhận thức tổng quan về đô thị và quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế- xã hội; quy hoạch sử dụng đất đô thị; quy hoạch xây dựng đô thị; quy hoạch môi trường đô thị, quy hoạch vùng. Môn học Quy hoạch vùng và đô thị được thiết kế và xây dựng theo hướng kết nối các vấn đề và nâng cao theo từng chủ đề của môn học vận dụng những kiến thức lý thuyết để phân tích và xử lý hoặc liên hệ với thực tiễn tại các đô thị của Việt Nam cũng như trên thế giới

4. TÀI LIỆU THAM KHẢO (LEARNING RESOURCES: COURSE BOOKS, REFERENCE BOOKS, AND SOFTWARES)

GIÁO TRÌNH:

Phạm Hùng Cường (2021), Quy hoạch đô thị, NXB Xây dựng

TÀI LIỆU KHÁC:

1. GS. TS. Nguyễn Thế Bá (1998), “Quy hoạch xây dựng phát triển đô thị”, Nhà xuất bản Xây dựng
2. Peter Hall and Mark Tewdwr Jone (2019), “Urban and regional planning”, Routledge Taylor and Francis Group Press

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN (COURSE GOALS)

Bảng 5.1. Mục tiêu học phần

TT	Mô tả mục tiêu học phần	CĐR (PLO) của CTĐT**	Mức độ***
[1]	[2]	[3]	[4]
G1	Cung cấp cho người học kiến thức cơ bản, phương pháp luận về cách tiếp cận quy hoạch đối với các lĩnh vực hoạt động diễn ra trong đô thị cùng các công cụ và mô hình quy hoạch Vùng và đô thị hợp lý và khả thi thực hiện.	1.1	3
G2	Giúp cho người học hiểu được Hiểu được các phương pháp, công cụ, nội dung quy hoạch vùng và đô thị.	1.2	4
G3	Cung cấp cho người học kỹ năng phân tích, đánh giá để phân tích, ứng dụng cho các quy hoạch chuyên ngành của Vùng và đô thị, thông qua một số tình huống cụ thể	1.3	4
G4	Giúp người học rèn luyện cho sinh viên kỹ năng tìm kiếm, đọc và tổng hợp thông tin khoa học từ nhiều nguồn tài liệu (một kỹ năng quan trọng khi thực hiện các nghiên cứu khoa học và thực hiện trong thực tế đối với quy hoạch Vùng và đô thị), từ đó hiểu được các nguyên lý, nguyên tắc, đồng thời có thể trình bày lại các nội dung kiến thức đó thông qua các bài thuyết trình. Ngoài ra, các kỹ năng làm việc theo nhóm cũng được nhấn mạnh thông qua việc các nội dung đánh giá được thực hiện thông qua kết quả làm việc theo nhóm.	2.1 2.2	3
G5	Bước đầu trang bị cho người học nhận thức về bối cảnh xã hội, nhận thức đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội. Chuẩn bị bài được giao khi đến lớp, tham gia tích cực các hoạt động thuyết trình và phản biện. Thông qua đó sẽ có khả năng tự học tập, tự nghiên cứu, tích lũy kinh nghiệm để tiếp tục học cao hơn nhằm nâng cao trình độ chuyên môn. Có khả năng đưa ra các kết luận về các vấn đề trong lĩnh vực chuyên sâu của mình; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể.	3.1	3

6. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN (COURSE LEARNING OUTCOMES)

Bảng 6.1. Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Mục tiêu	CLOs	Mô tả CLOs*	Mức độ đạt được**
[1]	[2]	[3]	[4]
G1	CLO1.1	Hiểu, giải thích được các nguyên tắc, nguyên lý các nguyên tắc, các qui luật đô thị hóa, sự hình thành và phát triển của đô thị và quy hoạch vùng và đô thị.	3
	CLO1.2	Hiểu được lý thuyết cơ bản về quy hoạch Vùng và đô thị.	3
G2	CLO2.1	Hiểu rõ bản chất, lý do tồn tại và vai trò của quy hoạch Vùng và đô thị trong quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa 4.0.	4
G3	CLO3.1	Áp dụng lý thuyết kinh tế, phương pháp, công cụ để phân tích, đánh giá của quy hoạch Vùng và đô thị được trang bị vào việc giải thích, phân tích thực thi quy hoạch lãnh thổ và quy hoạch chuyên ngành trên thực tế của Vùng và đô thị.	4
	CLO3.2	Có khả năng phân tích, đánh giá đề ứng dụng các quy trình nội dung quy hoạch Vùng và đô thị này trong một số tình huống quy hoạch cụ thể phát sinh trong thực tiễn (ví dụ: Quy hoạch giao thông đô thị, Quy hoạch kinh tế- xã hội, Quy hoạch cơ sở hạ tầng, quy hoạch tài chính, quy hoạch xây dựng, quy hoạch có sự tham gia của cộng đồng thông qua một số tình huống cụ thể.	4
G4	CLO4.1	Thực hành khả năng làm việc nhóm,	3
	CLO4.2	Thể hiện kỹ năng thu thập thông tin và phân tích các hoạt động xảy ra trong đô thị cụ thể, kỹ năng tìm kiếm tài liệu, phân tích, tổng hợp, khái quát các vấn đề về các phương pháp quy hoạch đô thị, các mô hình quy hoạch đô thị chuyên ngành cho Vùng và đô thị để chuẩn bị cho các bài thuyết trình nhóm cũng như hoạt động chuyên môn sau này.	3
G5	CLO5.1	Có nhận thức về bối cảnh xã hội	3
	CLO5.2	Có nhận thức đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội	3

7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN (COURSE ASSESSMENT)

Bảng 7.1. Đánh giá học phần

Hình thức đánh giá	Nội dung/ Bài đánh giá	Thời điểm	CLOs	Công cụ và tiêu chí đánh giá*	Tỷ lệ (%)
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
Chuyên cần	Tham dự đầy đủ các buổi học Thái độ học tập trên lớp Trả lời câu hỏi trên lớp Trả lời các câu hỏi thảo luận	Tuần 1-13	CLO1.1 CLO1.2 CLO2.1 CLO3.1 CLO3.2 CLO4.1	Nhật ký giảng dạy của giảng viên với các tiêu chí đánh giá (i) Mức độ tham gia (ii) Mức độ tương tác (iii) Chất lượng câu trả lời (iv) Ý thức làm bài tập trên	10%

	Ý thức trong việc chuẩn bị bài trên lớp và bài tập về nhà		CLO4.2 CLO5.1 CLO5.2	lớp và BTVN	
Đánh giá quá trình (<i>Bài tập nhóm và bài tập cá nhân</i>)	Bài kiểm tra cá nhân: tự luận/bài tập lớn	Tuần 8	CLO1.1 CLO1.2 CLO2.1 CLO3.1 CLO3.2	Đánh giá với các tiêu chí (i) Nội dung; (ii) Cách trình bày	40%
	Bài tập nhóm	Tuần 12	CLO1.1 CLO1.2 CLO2.1 CLO3.1 CLO3.2 CLO4.1 CLO4.2 CLO 5.1 CLO5.2	Đánh giá với các tiêu chí : (i) Nội dung; (ii) Hình thức slide, bản báo cáo; (iii) Mức độ hấp dẫn và thuyết phục của bài trình bày; (iv) Chất lượng các câu trả lời; (v) Thời gian trình bày (vi) Mức độ hoàn thiện bài tập nhóm sau khi được nhận xét, góp ý	
Đánh giá cuối kỳ	Bài thi cuối kỳ	Lịch thi học phần	CLO1.1 CLO1.2 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1 CLO3.2	Theo yêu cầu bài thi	50%

8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (LESSON PLAN)

Bảng 8.1. Kế hoạch giảng dạy

Tuần	Nội dung giảng dạy	Tài liệu đọc	CLOs	Hoạt động dạy và học	Công cụ và tiêu chí đánh giá
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
1	Làm quen, giới thiệu học phần, logic của học phần và vai trò, vị trí của học phần trong CTĐT	Đề cương học phần	CLO1.1 CLO4.1 CLO4.2	Giới thiệu học phần Đặt ra yêu cầu học tập Hướng dẫn đọc tài liệu Hướng dẫn tìm tài liệu Hướng dẫn làm việc nhóm Chia nhóm làm việc	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
2	Chương 1. Đối tượng, phương pháp nghiên cứu môn học Quy hoạch Vùng và đô thị 1.1. Tổng quan về đô thị, đô thị hóa 1.2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu môn học 1.3. Nhiệm vụ môn học, những môn học có liên quan và những công cụ sử dụng trong quy hoạch đô thị	[1]*, Chương 1	CLO1.1 CLO1.2 CLO5.1 CLO5.2	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi
3	Chương 2. Cơ sở lý thuyết Quy hoạch Vùng và đô thị 2.1. Khái niệm Quy hoạch vùng và đô thị 2.2. Mục tiêu của Quy hoạch vùng và đô thị	[1], Chương 2	CLO1.1 CLO1.2 CLO5.1 CLO5.2	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi

	<p>2.3. Chức năng và nhiệm vụ của Quy hoạch vùng và đô thị</p> <p>2.4. Yêu cầu cơ bản và tổ chức lập đồ án Quy hoạch vùng</p>				
4	<p>Chương 2. Cơ sở lý thuyết Quy hoạch Vùng và đô thị</p> <p>2.5. Sự hình thành và phát triển của quy hoạch đô thị ở một số nước trên thế giới</p> <p>2.6. Lý luận quy hoạch vùng và đô thị cơ bản</p> <p>2.7. Mô hình quy hoạch vùng và đô thị chủ yếu</p>	[1], Chương 2	<p>CLO1.1</p> <p>CLO1.2</p> <p>CLO5.1</p> <p>CLO5.2</p>	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi</p>
5	<p>Chương 2. Cơ sở lý thuyết Quy hoạch Vùng và đô thị</p> <p>2.7. Mô hình quy hoạch vùng và đô thị chủ yếu</p> <p>2.8. Phương pháp quy hoạch vùng và đô thị cơ bản</p> <p>2.9. Công cụ chủ yếu sử dụng trong quy hoạch vùng và đô thị</p> <p>2.10. Quy trình thực hiện quy hoạch vùng và đô thị</p>	[1], Chương 2	<p>CLO3.1</p> <p>CLO3.2</p> <p>CLO5.1</p>	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi</p>
6	<p>Chương 3 : Quy hoạch kinh tế xã hội đô thị</p>	[1], Chương 3	<p>CLO2.1</p> <p>CLO 3.1</p> <p>CLO3.2</p> <p>CLO5.1</p> <p>CLO5.2</p>	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi</p>

	<p>3.1. Phân tích các nhân tố tác động tới quá trình phát triển kinh tế - xã hội đô thị.</p> <p>3.1.1. Phân tích các nhân tố bên ngoài ngoài đô thị</p> <p>3.1.2. Phân tích các nhân tố bên trong đô thị</p>				
7	<p>Chương 3 : Quy hoạch kinh tế xã hội đô thị</p> <p>3.2. Xây dựng phương hướng, mục tiêu ưu tiên trong phát triển kinh tế - xã hội đô thị</p> <p>3.3. Quản lý và thực hiện quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế- xã hội</p>	[1], Chương 3	<p>CLO2.1</p> <p>CLO 3.1</p> <p>CLO3.2</p> <p>CLO5.1</p> <p>CLO5.2</p>	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi</p>
8	<p>Chương 4 : Quy hoạch sử dụng đất đô thị</p> <p>4.1. Đất và quy hoạch sử dụng đất</p> <p>4.2. Phương pháp nghiên cứu lập quy hoạch sử dụng đất đô thị</p> <p>4.3. Nội dung chủ yếu của quy hoạch sử dụng đất đô thị</p>	[1], Chương 4	<p>CLO2.1</p> <p>CLO 3.1</p> <p>CLO3.2</p> <p>CLO5.1</p> <p>CLO5.2</p>	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi</p>
9	<p>Chương 5 : Quy hoạch xây dựng đô thị</p> <p>5.1. Mục tiêu và nhiệm vụ của quy hoạch xây dựng đô thị</p> <p>5.2. Định hướng phát triển không gian đô thị</p>	[1], Chương 5	<p>CLO2.1</p> <p>CLO 3.1</p> <p>CLO3.2</p> <p>CLO5.1</p> <p>CLO5.2</p>	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi</p>

10	<p>Chương 5 : Quy hoạch xây dựng đô thị</p> <p>5.3. Quy hoạch xây dựng các khu vực chức năng trong đô thị</p> <p>5.3.1. Quy hoạch xây dựng khu trung tâm đô thị và hệ thống dịch vụ công cộng đô thị</p> <p>5.3.2. Quy hoạch xây dựng khu công nghiệp</p> <p>5.3.3. Quy hoạch xây dựng khu kho tàng</p> <p>5.3.4. Quy hoạch xây dựng khu dân dụng đô thị</p> <p>5.3.5. Quy hoạch xây dựng khu cây xanh đô thị</p> <p>5.3.6. Quy hoạch xây dựng khu đất đặc biệt</p> <p>5.3.7. Quy hoạch xây dựng hệ thống giao thông</p>	[1], Chương 5	CLO2.1 CLO3.2 CLO5.1 CLO5.2	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi
11	<p>Chương 6 : Quy hoạch môi trường đô thị</p> <p>6.1. Những vấn đề cơ bản về môi trường và quy hoạch môi trường đô thị</p> <p>6.2. Các phương pháp chủ yếu được sử dụng trong quy hoạch môi trường đô thị</p>	[1], Chương 6	CLO2.1 CLO3.2 CLO5.1 CLO5.2	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi

12	Trình bày bài tập nhóm (các tình huống về thực tiễn trong đô thị như tăng trưởng kinh tế đô thị, đô thị hóa, nhà ở, đất đai, tội phạm, cơ sở hạ tầng đô thị...)		CLO4.1 CLO4.2	Nhóm sinh viên thuyết trình và trả lời câu hỏi Giảng viên và các thành viên trong lớp đặt câu hỏi, nhận xét	Đánh giá với các tiêu chí: (i) Nội dung; (ii) Hình thức slide; (iii) Trình bày hấp dẫn, thuyết phục; (iv) Chất lượng câu trả lời; (v) Thời gian trình bày; (vi) Mức độ hoàn thiện bài tập nhóm sau khi được nhận xét, góp ý
13	Ôn tập, tổng kết học phần			Giảng viên tổng hợp kiến thức học phần Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra Giảng viên giải đáp các thắc mắc của sinh viên	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp
14	Bài thi cuối kỳ		CLO1.1 CLO1.2 CLO2.1 CLO3.1 CLO3.2 CLO3.3	Sinh viên làm bài thi theo lịch	Theo yêu cầu bài thi

[1]*: Phạm Hùng Cường (2021), Quy hoạch đô thị, NXB Xây dựng

9. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN (COURSE REQUIREMENTS AND EXPECTATION)

9.1. Quy định về điều kiện thi kết thúc học phần

- Sinh viên được tham dự thi cuối kỳ/thi kết thúc học phần (50%) nếu có điểm chuyên cần (10%) đạt mức 5 điểm trở lên (thang 10).

9.2. Quy định về tham dự lớp học

- Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý. Mỗi buổi vắng mặt sẽ bị trừ 1 điểm đánh giá quá trình. Sinh viên vắng quá 3 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại.
- Sinh viên sẽ được cộng điểm cho mỗi lần phát biểu xây dựng bài, có thể bù đắp cho điểm quá trình, điểm kiểm tra và điểm bài tập nhóm.
- Sinh viên không nộp bài tập nhóm sẽ nhận điểm 0 (không) cho bài tập sau cùng. Nhóm sinh viên nộp bài trễ sẽ bị trừ 1 điểm cho mỗi ngày nộp muộn.

9.3. Quy định về hành vi lớp học

- Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.
- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 10 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.
- Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học; không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.
- Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

TRƯỞNG BỘ MÔN

Hoàng

TS NGUYỄN KIM HOÀNG

TRƯỞNG KHOA

Trương

PGS.TS ĐINH ĐỨC TRƯỜNG

Hà Nội, ngày 8 tháng 7 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS PHẠM HỒNG CHƯƠNG

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT

(Ban hành kèm theo quyết định số 155/QĐ/ĐHKTQD, ngày 16 tháng 7 năm 2021)

1. THÔNG TIN TỔNG QUÁT

- Tên học phần (tiếng Việt)	Hệ thống thông tin địa lý
- Tên học phần (tiếng Anh)	Geographic Information System (GIS)
- Mã số học phần:	MTDT1106
- Thuộc khối kiến thức:	Kiến thức chuyên sâu
- Tổng số tín chỉ:	3TC
+ Số tiết lý thuyết:	20
+ Số tiết thảo luận/thực hành:	25
+ Số tiết tự học:	90
- Các học phần tiên quyết:	không

2. THÔNG TIN BỘ MÔN QUẢN LÝ VÀ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY

Bộ môn quản lý: Kinh tế và Quản lý Đô thị

Địa chỉ: Phòng 1401 Nhà A1, Trường ĐH Kinh tế Quốc dân

Giảng viên tham gia giảng dạy:

Tt	Họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS Nguyễn Công Thành	0944008982	thanhnc@neu.edu.vn
2	ThS. Lê Huy Huân	0988992638	huanlh@neu.edu.vn
3	PGS.TS. Hà Quý Quỳnh	0913506377	quynhbhq@neu.edu.vn
4	TS. Nguyễn Kim Hoàng	0946631024	hoangnk@neu.edu.vn
5	TS. Nguyễn Thị Thanh Huyền	0912078833	huyennt@neu.edu.vn
6	TS. Bùi Thị Hoàng Lan	0936125066	lanbh@neu.edu.vn
7	TS Dương Đức Tâm	0967836789	tamdd@neu.edu.vn

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Thế giới phẳng ngày nay giống như một bàn cờ, nơi những khác biệt ban đầu của các bên tham gia ngày càng thu hẹp, thì việc xác định đúng thời gian và địa điểm hành động sẽ đóng vai trò quyết định. Trong lĩnh vực kinh tế và quản lý, yếu tố (biến) không gian và thời gian ngày càng có vai trò quan trọng. Ngày nay, chúng ta không chỉ quan tâm đến việc sản xuất cái gì, cho ai, như thế nào mà còn quan tâm đến việc sản xuất ở đâu và khi nào nữa. Trong

khi đó, dữ liệu kinh tế - xã hội ngày càng dồi dào, dễ thu thập và rất nhiều trong số đó chứa đựng yếu tố không gian. Để có thể xử lý được khối lượng dữ liệu không gian khổng lồ này thì cần phải có một công cụ mạnh dựa trên nền tảng công nghệ thông tin, đó chính là Hệ thống thông tin địa lý (GIS).

GIS được coi là công cụ trợ giúp cho việc ra quyết định trong nhiều hoạt động KT-XH nhờ khả năng phân tích và xử lý đa dạng. GIS cho phép các nhà hoạch định chính sách phân tích đánh giá hiện trạng, dự báo tương lai, đề xuất các định hướng phát triển kinh tế - xã hội và vấn đề môi trường bền vững. Môn học này giúp cho sinh viên hiểu được tầm quan trọng và có một cái nhìn tổng quan về khả năng ứng dụng của GIS trong các lĩnh vực. Nội dung của môn học bao gồm giới thiệu những nguyên lý cơ bản của GIS, các phương pháp thu thập, cập nhật, lưu trữ, tích hợp, xử lý, tra cứu, phân tích, hiển thị mọi dạng dữ liệu địa lý, và các ứng dụng của GIS trong kinh tế và quản lý. Đồng thời, trang bị cho sinh viên các kỹ năng cơ bản trong sử dụng phần mềm GIS thông dụng để phục vụ cho các đề tài nghiên cứu.

4. TÀI LIỆU THAM KHẢO

Giáo trình

Henk J. Scholten, (1990), *Geographical Information Systems for urban and regional planning*, NXB Kluwer Academic Publishers.

Tài liệu khác

1. Harvey, F (2008), '*A primer of GIS: fundamental geographic and cartographic concepts*', The Guilford Press.
2. Bảo Huy (2009), *GIS & viễn thám trong quản lý tài nguyên rừng và môi trường*, NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.
3. Võ Quang Minh (2016), *Ứng dụng công nghệ thông tin địa lý và viễn thám trong nông nghiệp, tài nguyên và môi trường*, NXB Đại học Cần Thơ.
4. Nguyễn Bá Quảng và Phạm Khánh Toàn (2017), *Những kiến thức cơ bản về GIS và ứng dụng GIS trong quy hoạch xây dựng đô thị*, NXB Xây dựng.
5. Lê Thị Minh Phương (2018), *Hệ thống thông tin địa lý trong quản lý đô thị*, NXB Xây dựng.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Sau khi hoàn thành môn học này, sinh viên sẽ nắm được những kiến thức và kỹ năng thao tác cơ bản về GIS; có khả năng liên hệ, giải quyết một số vấn đề kinh tế và quản lý có yếu tố không gian. Các mục tiêu cụ thể của học phần bao gồm:

- Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về bản đồ số, các thành phần cơ bản và các nguyên lý của hệ thống thông tin địa lý (GIS). Hiểu được phương pháp và cách thức xây dựng, tổ chức, quản lý cơ sở dữ liệu trong GIS. Đồng thời, biết cách thực hiện các phương pháp phân tích, xử lý dữ liệu bản đồ số và thông tin địa lý trên máy tính. Biết

cách thao tác và sử dụng được một cách cơ bản một phần GIS (cụ thể là phần mềm ArcGIS).

- Có khả năng vận dụng các kiến thức cơ bản để thiết kế cơ sở dữ liệu; giải quyết các vấn đề tổ chức, quản lý dữ liệu; phân tích xử lý dữ liệu; biên tập và hiển thị cơ sở dữ liệu qua bản đồ số. Ứng dụng GIS (qua phần mềm ArcGIS) để giải quyết các vấn đề kinh tế - quản lý có yếu tố không gian. Bên cạnh đó, kỹ năng làm việc nhóm cũng được nhấn mạnh thông qua việc đánh giá các kết quả làm việc theo nhóm; đồng thời rèn luyện kỹ năng phân tích các vấn đề kinh tế - quản lý dựa trên bằng chứng.

Bảng 5.1. Mục tiêu học phần

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CDR của CTDĐT (PLOs)	Mức độ (MIT)
G1	Kiến thức: Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về bản đồ số, các thành phần cơ bản và các nguyên lý của hệ thống thông tin địa lý (GIS). Hiểu được phương pháp và cách thức xây dựng, tổ chức, quản lý cơ sở dữ liệu trong GIS. Đồng thời, biết cách thực hiện các phương pháp phân tích, xử lý dữ liệu bản đồ số và thông tin địa lý trên máy tính. Biết cách thao tác và sử dụng được một cách cơ bản một phần GIS (cụ thể là phần mềm ArcGIS).	1.2.1 1.2.3 1.2.4	II II III
G2	Kỹ năng: Người học có khả năng vận dụng các kiến thức cơ bản để thiết kế cơ sở dữ liệu; giải quyết các vấn đề tổ chức, quản lý dữ liệu; phân tích xử lý dữ liệu; biên tập và hiển thị cơ sở dữ liệu qua bản đồ số. Ứng dụng GIS (qua phần mềm ArcGIS) để giải quyết các vấn đề kinh tế - quản lý có yếu tố không gian. Bên cạnh đó, kỹ năng làm việc nhóm cũng được nhấn mạnh thông qua việc đánh giá các kết quả làm việc theo nhóm; đồng thời rèn luyện kỹ năng phân tích các vấn đề kinh tế - quản lý dựa trên bằng chứng.	2.1.1 2.1.2 2.2.1 2.2.2	III III III III
G3	Mức độ tự chủ tự chịu trách nhiệm: Chuẩn bị bài được giao khi đến lớp, tham gia tích cực các hoạt động thuyết trình và phân biện. Thông qua đó sẽ có khả năng tự học tập, tự nghiên cứu, tích lũy kinh nghiệm để tiếp tục học cao hơn nhằm nâng cao trình độ chuyên môn. Có khả năng áp dụng các kiến thức, công cụ đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn. Người học phải có tinh thần, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp, khả năng làm việc khoa học.	3.1.1 3.2.1 3.2.2	III III III

6. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

Bảng 6.1. Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Mục tiêu	CLOs	Mô tả CLOs	Mức độ đạt được
G1	CLO1.1	Sinh viên biết và nắm được các vấn đề chung/tổng quan về hệ thống thông tin địa lý và các ứng dụng; biết được cách thức/phương pháp để tạo cơ sở dữ liệu, thu thập từ các nguồn, chuyển đổi, liên kết quản lý, chỉnh sửa. Đồng thời, biết cách thực hiện các phép tra cứu, phương pháp phân tích, xử lý dữ liệu và hiển thị kết quả phân tích dữ liệu thông qua phương tiện bản đồ. Biết cách thao tác và sử dụng được một cách cơ bản các kiến thức nêu trên thông qua một phần mềm GIS (cụ thể là phần mềm ArcGIS).	II
	CLO1.2	Có khả năng vận dụng các phương pháp thu thập, xử lý, phép phân tích dữ liệu đã được trang bị vào việc xây dựng, thu thập dữ liệu không gian, thuộc tính của các đối tượng phục vụ công tác quản lý; biết cách tổ chức quản lý, cập nhật dữ liệu đó; ứng dụng các phương pháp phân tích trong GIS để giải quyết một bài toán kinh tế - quản lý cụ thể.	III
G2	CLO2.1	Có kỹ năng thu thập dữ liệu không gian, dữ liệu thuộc tính; dữ liệu vector; dữ liệu raster; dữ liệu viễn thám từ nhiều nguồn khác nhau; qua đó biết cách biên tập, xử lý dữ theo mục đích, yêu cầu của bài toán hay tình huống đặt ra. Sau đó, biết thao tác với một phần mềm GIS cụ thể (ArcGIS) để giải quyết yêu cầu cụ thể đó.	III
	CLO2.2	Có khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc theo nhóm để viết báo cáo hoặc thuyết trình giải quyết các nội dung được phân công.	III
G3	CLO3.1	Có khả năng tự học tập, tích lũy kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn. Đồng thời, có khả năng đưa ra các kết luận về các vấn đề nảy sinh trong hoạt động kinh tế- quản lý (đô thị); có năng lực lập kế hoạch, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể thông qua các bài tập nhóm.	III

7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Bảng 7.1. Đánh giá học phần

Hình thức đánh giá	Nội dung/ Bài đánh giá	Thời điểm	CLOs	Công cụ và tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)
Chuyên cần	Thái độ học tập trên lớp Trả lời câu hỏi trên lớp Tham gia các bài tập thực hành	Tất các các tuần	CLO1.1	Dựa vào nhật ký giảng dạy của giảng viên ; và dựa vào các tiêu chí đánh giá : (i) Mức độ tham gia (ii) Mức độ tương tác ; (iii) Chất lượng câu trả lời; Kết quả thực hành	10%

Đánh giá quá trình	- Bài kiểm tra giữa kỳ - Hình thức : thông qua các bài thực hành mô-đun (cá nhân)	Tuần 7	CLO1.1 CLO1.2 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1	Các tiêu chí: (i) Nội dung; (ii) Hình thức; (iii) Thời gian nộp; (iv) Mức độ hợp tác	20%
	- Bài tập nhóm - Hình thức: Bài tập nhóm, ứng dụng GIS trong giải quyết một bài toán chuyên ngành.	Tuần 13	CLO1.1 CLO1.2 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1	Các tiêu chí: (i) Nội dung; (ii) Hình thức; (iii) Khả năng thuyết trình; (iv) Khả năng trả lời các phân biện; (iv) Mức độ hợp tác	20%
Đánh giá cuối kỳ	Bài thi cuối kỳ - Hình thức: Tự luận - Thời điểm: Theo lịch thi học kỳ - Tính chất: Bắt buộc	Lịch thi học phần	CLO1.1 CLO1.2 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1	Cấu trúc - Phần thi trắc nghiệm chọn phương án - Lựa chọn đúng/sai, giải thích vấn đề - Viết luận ứng dụng <i>Kiểu đề thi có thể thay đổi tùy thuộc tình hình thực tế của kỳ học nhưng sẽ được thông báo tới sinh viên trước 3 tuần trước khi kỳ học kết thúc.</i>	50%

8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Bảng 8.1. Kế hoạch giảng dạy

Tuần	Nội dung giảng dạy	Tài liệu đọc	CLOs	Hoạt động dạy và học	Công cụ đánh giá
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
1	<p>Mở đầu: Giới thiệu môn học</p> <p>Chương 1: Tổng quan về GIS</p> <p>Bài 1. Nguyên lý về GIS và phần mềm ArcGIS</p> <p>Định nghĩa hệ thống thông tin địa lý; Lịch sử phát triển của GIS; Thành phần, chức năng của hệ thống thông tin địa lý; Các ứng dụng của hệ thống thông tin địa lý; Làm quen phần mềm ArcGIS</p>	<p>Đề cương học phần</p> <p>Giáo trình</p> <p>Thực hành theo tài liệu hướng dẫn của GV</p>	CLO1.1	<p>Giới thiệu học phần</p> <p>Đặt ra yêu cầu học tập</p> <p>Hướng dẫn đọc tài liệu</p> <p>Hướng dẫn tìm dữ liệu</p> <p>Chia nhóm học tập</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời</p> <p>Kết quả thực hành</p>
2	<p>Chương 2: Thu thập và lưu trữ dữ liệu địa lý</p> <p>Bài 2. Thiết kế, hoàn thiện và quản lý cơ sở dữ liệu GIS</p> <p>- Lý thuyết bao gồm các nội dung: Cơ sở dữ liệu địa lý; Khai báo và chuyển đổi hệ tọa độ trong ArcGIS; Tạo mới cấu trúc và các lớp dữ liệu.</p> <p>- Hướng dẫn thực hành: Khai báo và chuyển đổi hệ tọa độ theo hệ quy chiếu sẵn có trong ArcGIS; Tạo mới, biên tập và cập nhật dữ liệu;</p>	<p>Giáo trình</p> <p>Tài liệu đọc 1, 4, 5</p> <p>Thực hành theo tài liệu hướng dẫn của GV</p>	<p>CLO1.1</p> <p>CLO1.2</p> <p>CI.O2.1</p> <p>CLO2.2</p> <p>CLO3.1</p>	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi</p> <p>Kết quả thực hành</p>

	Kiểm tra lỗi topology và hoàn thiện cơ sở dữ liệu.				
3	<p>Chương 2: Thu thập và lưu trữ dữ liệu địa lý</p> <p>Bài 3. Thu thập, chuyển đổi, liên kết dữ liệu</p> <p>- Lý thuyết bao gồm các nội dung: Thu thập dữ liệu địa lý (sơ cấp, thứ cấp); Các định dạng dữ liệu từ các phần mềm GIS khác; Thao tác với bảng thuộc tính.</p> <p>- Hướng dẫn thực hành: Thu thập và nhập dữ liệu từ GPS, Google; Chuyển đổi dữ liệu từ CAD, Mapinfo sang ArcGIS; Liên kết bảng dữ liệu thuộc tính (joins và relates).</p>	<p>Giáo trình</p> <p>Tài liệu đọc 1, 4, 5</p> <p>Thực hành theo tài liệu hướng dẫn của GV</p>	<p>CLO1.1</p> <p>CLO1.2</p> <p>CLO2.1</p> <p>CLO2.2</p> <p>CLO3.1</p>	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi</p> <p>Kết quả thực hành</p>
4	<p>Chương 2: Thu thập và lưu trữ dữ liệu địa lý</p> <p>Bài 4. Số hóa bản đồ và ảnh viễn thám</p> <p>- Lý thuyết bao gồm các nội dung: Số hóa bản đồ; Giới thiệu ảnh viễn thám, phân tích xử lý ảnh viễn thám trong ArcGIS.</p> <p>- Hướng dẫn thực hành: Nắn chỉnh bản đồ; Số hóa bản đồ và chỉnh sửa dữ liệu; Hiện thị, cắt ghép ảnh, phân tích ảnh viễn thám.</p>	<p>Giáo trình</p> <p>Tài liệu đọc 1, 4, 5</p> <p>Thực hành theo tài liệu hướng dẫn của GV</p>	<p>CLO1.1</p> <p>CLO1.2</p> <p>CLO2.1</p> <p>CLO2.2</p> <p>CLO3.1</p>	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi</p> <p>Kết quả thực hành</p>
5	Chương 2: Thu thập và lưu trữ dữ liệu địa	Giáo trình	CLO1.1	Sinh viên đọc bài trước khi tới	Mức độ tham gia

	<p>lý</p> <p>Bài 5. Các phương pháp hiển thị dữ liệu</p> <p>- Lý thuyết bao gồm các nội dung: Các chế độ hiển thị dữ liệu với ArcGIS; Các phương pháp hiển thị dữ liệu (định tính, định lượng; độ cao bề mặt (3D), theo chuỗi thời gian (4D))</p> <p>- Hướng dẫn thực hành: Các chế độ hiển thị dữ liệu với ArcGIS; Các phương pháp hiển thị dữ liệu.</p>	<p>Tài liệu đọc 1, 4, 5</p> <p>Thực hành theo tài liệu hướng dẫn của GV</p>	<p>CLO1.2</p> <p>CLO2.1</p> <p>CLO2.2</p> <p>CLO3.1</p>	<p>lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi</p> <p>Kết quả thực hành</p>
6	<p>Chương 3: Xử lý và phân tích dữ liệu địa lý</p> <p>Bài 6. Truy vấn, phân loại và đo lường</p> <p>- Lý thuyết bao gồm các nội dung: Truy vấn không gian và truy vấn thuộc tính; Truy xuất dữ liệu, phân loại và tính toán; Các phép chồng xếp dữ liệu.</p> <p>- Hướng dẫn thực hành: Tra cứu, truy vấn dữ liệu địa lý; Phân nhóm; gộp dữ liệu địa lý; Chồng xếp dữ liệu.</p>	<p>Giáo trình</p> <p>Tài liệu đọc 1, 4, 5</p> <p>Thực hành theo tài liệu hướng dẫn của GV</p>	<p>CLO1.1</p> <p>CLO1.2</p> <p>CLO2.1</p> <p>CLO2.2</p> <p>CLO3.1</p>	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi</p> <p>Kết quả thực hành</p>
7	<p>Chương 3: Xử lý và phân tích dữ liệu địa lý</p> <p>Bài 7. Xử lý dữ liệu không gian (geoprocessing) với ArcGIS</p> <p>- Giới thiệu lý thuyết bao gồm các nội dung: Giới thiệu các công cụ xử lý dữ liệu không gian.</p>	<p>Giáo trình</p> <p>Tài liệu đọc 1, 4, 5</p> <p>Thực hành theo tài liệu hướng dẫn của GV</p>	<p>CLO1.1</p> <p>CLO1.2</p> <p>CLO2.1</p> <p>CLO2.2</p> <p>CLO3.1</p>	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p> <p>Sinh viên làm bài kiểm tra</p>	<p>Mức độ tham gia; tương tác; Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi ;</p> <p>Kết quả thực hành</p> <p>Hình thức đánh giá với các tiêu chí: (i) Nội dung; (ii) Hình thức;</p>

	<p>- Hướng dẫn thực hành: sử dụng các công cụ xử lý dữ liệu không gian (Clip, Intersect, Union, Merge, Dissolve, Buffer)</p> <p>Bài kiểm tra giữa kỳ</p>				(iii) Thời gian nộp; (iv) Mức độ hợp tác
8	<p>Chương 3: Xử lý và phân tích dữ liệu địa lý</p> <p>Bài 8. Phân tích raster và phân tích mạng lưới</p> <p>- Giới thiệu lý thuyết bao gồm các nội dung: Một số chức năng phân tích quan trọng trong Spatial Analyst; Phân tích mạng lưới</p> <p>- Hướng dẫn thực hành: Nội suy tạo mô hình DEM từ dữ liệu độ cao; Tạo đường bình độ; Tạo bản đồ độ dốc; hướng dốc; Hiển thị địa hình dạng 3D; Tạo dữ liệu mạng lưới; Tìm đường đi tốt nhất; Tìm vị trí gần nhất</p>	<p>Giáo trình</p> <p>Tài liệu đọc 1, 4, 5</p> <p>Thực hành theo tài liệu hướng dẫn của GV</p>	<p>CI.O1.1</p> <p>CLO1.2</p> <p>CLO2.1</p> <p>CLO2.2</p> <p>CLO3.1</p>	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi</p> <p>Kết quả thực hành</p>
9	<p>Chương 3: Xử lý và phân tích dữ liệu địa lý</p> <p>Bài 9. Thống kê không gian và xây dựng mô hình trong ArcGIS</p> <p>- Giới thiệu lý thuyết bao gồm các nội dung: Chức năng và các công cụ thống kê không gian; Xây dựng mô hình trong ArcGIS.</p> <p>- Hướng dẫn thực hành: Thống kê nhiệt độ trung bình bề mặt theo các loại hình sử dụng đất; Sử dụng công cụ Model Builder xác định vị trí thích hợp xây dựng công trình.</p>	<p>Giáo trình</p> <p>Tài liệu đọc 1, 4, 5</p> <p>Thực hành theo tài liệu hướng dẫn của GV</p>	<p>CI.O1.1</p> <p>CLO1.2</p> <p>CLO2.1</p> <p>CLO2.2</p> <p>CLO3.1</p>	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi</p> <p>Kết quả thực hành</p>
10	Chương 4: Giáo tiếp bản đồ và thông tin	Giáo trình	CLO1.1	Sinh viên đọc bài trước khi tới	Mức độ tham gia

	<p>địa lý</p> <p>Bài 10. Giao tiếp bản đồ và thông tin địa lý</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu lý thuyết bao gồm các nội dung: GIS và bản đồ; Các thành phần của bản đồ; Xuất bản bản đồ. - Hướng dẫn thực hành: Thiết kế, biên tập và trình bày bản đồ; Xuất bản bản đồ giấy. 	<p>Tài liệu đọc 1, 4, 5</p> <p>Thực hành theo tài liệu hướng dẫn của GV</p>	<p>CLO1.2</p> <p>CLO2.1</p> <p>CLO2.2</p> <p>CLO3.1</p>	<p>lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi</p> <p>Kết quả thực hành</p>
11	<p>Chương 5. Ứng dụng GIS trong Kinh tế - Quản lý (Tài nguyên; Môi trường; Đô thị; Bất động sản; Marketing; Logistic,....)</p> <p>Bài 11: Ứng dụng GIS trong kinh tế và quản lý đô thị (và các lĩnh vực khác, tùy đối tượng SV, ngành đào tạo)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu về các ứng dụng GIS trong kinh tế - quản lý đô thị; (và các lĩnh vực khác, tùy đối tượng SV, ngành đào tạo) - Hướng dẫn thực hành: xây dựng cơ sở dữ liệu đô thị; cách thức điều tra dữ liệu phục vụ cho lập báo cáo hiện trạng đô thị; Theo dõi biến động và quy hoạch sử dụng đất đô thị; cơ sở hạ tầng đô thị; giao thông đô thị; các dịch vụ đô thị; xã hội ở đô thị. 	<p>Giáo trình</p> <p>Tài liệu đọc 1, 4, 5</p> <p>Thực hành theo tài liệu hướng dẫn của GV</p>	<p>CLO1.1</p> <p>CLO1.2</p> <p>CLO2.1</p> <p>CLO2.2</p> <p>CLO3.1</p>	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi</p> <p>Kết quả thực hành</p>
12	<p>Chương 5. Ứng dụng GIS trong Kinh tế - Quản lý (Tài nguyên; Môi trường; Đô thị; Bất động sản; Marketing; Logistic,....)</p>	<p>Giáo trình</p> <p>Tài liệu đọc 1, 4, 5</p> <p>Thực hành theo tài</p>	<p>CLO1.1</p> <p>CLO1.2</p> <p>CLO2.1</p>	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời</p>

	<p>Bài 12: Ứng dụng GIS trong kinh tế và quản lý đô thị (và các lĩnh vực khác, tùy đối tượng SV, ngành đào tạo)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu về các ứng dụng GIS trong kinh tế - quản lý đô thị; (và các lĩnh vực khác, tùy đối tượng SV, ngành đào tạo) - Hướng dẫn thực hành: Ví dụ, Tính chi phí đền bù khi mở rộng một con đường; Đánh giá biến động sử dụng đất đô thị; Xác định vị trí những thích hợp cho các công trình xây dựng; Xác định phạm vi các vùng/khu vực ảnh hưởng. 	liệu hướng dẫn của GV	CLO2.2 CLO3.1	Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	trên lớp và bài thi Kết quả thực hành
13	SV thuyết trình kết quả bài tập nhóm; GV giải đáp; đánh giá kết quả học tập Tổng kết			Trao đổi, thảo luận Giảng viên đánh giá kết quả khóa học Tổng kết	Phiếu đánh giá với các tiêu chí: (i) Nội dung; (ii) Hình thức; (iii) Thời gian; (iv) Đánh giá lẫn nhau; đánh giá của GV
-	Bài thi cuối kỳ			Sinh viên làm bài thi theo lịch	Theo yêu cầu bài thi/kiểu đề thi

9. QUY ĐỊNH HỌC PHẦN

9.1. Quy định về điều kiện thi kết thúc học phần

Sinh viên được tham dự thi cuối kỳ/thi kết thúc học phần (50%) nếu có điểm chuyên cần (10%) đạt mức 5 điểm trở lên (thang 10). Đây là quy định của Trường cho tất cả các học phần

Điểm cuối cùng của học phần được đánh giá như sau:

- Điểm chuyên cần 10%: Được đánh giá dựa trên mức độ chuyên cần và thái độ học tập của sinh viên trong lớp học tại các buổi lên lớp và thảo luận.
- Điểm kiểm tra/thảo luận/bài tập nhóm bao gồm 2 bài, mỗi bài 20%: Được đánh giá dựa trên kết quả các bài thực hành mô-đun, bài tập nhóm..
- Thi cuối kỳ 50%: Được đánh giá dựa trên cơ sở bài thi cuối kỳ.

9.2. Quy định về tham dự lớp học

- Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.
- Sinh viên vắng quá 3 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại.
- Sinh viên không nộp bài tập nhóm sẽ nhận điểm 0 (không) cho bài tập sau cùng. Nhóm sinh viên nộp bài trễ sẽ bị trừ 1 điểm cho mỗi ngày nộp muộn.

9.3. Quy định về hành vi lớp học

- Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.
- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 10 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.
- Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.
- Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

Hà Nội, ngày 16 tháng 7 năm 2021

TRƯỞNG BỘ MÔN

TRƯỞNG KHOA

HIỆU TRƯỞNG



Hương

Trương

TS NGUYỄN KIM HOÀNG

PGS.TS ĐINH ĐỨC TRƯỜNG

PGS.TS PHẠM HỒNG CHƯƠNG

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT

(Ban hành kèm theo quyết định số 1345/QĐ/ĐHKTQD, ngày 26 tháng 7 năm 2021)

1. THÔNG TIN TỔNG QUÁT (GENERAL INFORMATION)

- Tên học phần (tiếng Việt):	Kinh tế và quản lý nhà ở đô thị
- Tên học phần (tiếng Anh)	Urban housing economics and management
- Mã số học phần	MTDT1123
- Thuộc khối kiến thức	Kiến thức chuyên sâu
- Số tín chỉ	3 tín chỉ
+ Số giờ lý thuyết	30
+ Số giờ thảo luận/thực hành	15
+ Số giờ tự học	90
- Các học phần tiên quyết	Không

2. THÔNG TIN BỘ MÔN QUẢN LÝ VÀ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY

Bộ môn quản lý: Kinh tế và Quản lý Đô thị

Địa chỉ: Phòng 1401 Nhà A1, Trường ĐH Kinh tế Quốc dân

Giảng viên tham gia giảng dạy:

TT	Họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Kim Hoàng	0946631024	hoangnk@neu.edu.vn
2	TS. Nguyễn Thị Thanh Huyền	0912078833	huyennt@neu.edu.vn
3	TS. Bùi Thị Hoàng Lan	0936125066	lanbh@neu.edu.vn
4	TS Dương Đức Tâm	0967836789	tamdd@neu.edu.vn

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN (COURSE DESCRIPTIONS)

Học phần này nghiên cứu những kiến thức cơ bản về kinh tế và quản lý trong lĩnh vực nhà ở đô thị. Sinh viên sẽ được tiếp cận với tình hình thực hiện các chính sách về nhà ở đô thị trên thế giới cũng như tại Việt Nam. Ngoài ra, các vấn đề lý luận chung về phát triển nhà ở đô thị, thị trường nhà ở đô thị, tài chính nhà ở đô thị, các công cụ quản lý trong lĩnh vực nhà ở đô thị được phân tích và đánh giá để từ đó đưa ra các giải pháp, chính sách về nhà ở đô thị phù hợp với thực tiễn.

4. TÀI LIỆU THAM KHẢO (LEARNING RESOURCES: COURSE BOOKS, REFERENCE BOOKS, AND SOFTWARES)

Giáo trình

1. United Nations (1989), *Housing and economic adjustment*, Nhà xuất bản Taylor & Francis

Tài liệu khác

2. Arthur O'Sullivan (2011), *Urban economics*, Nhà xuất bản McGraw-Hill/Irwin
3. Nguyễn Đình Hương và Nguyễn Hữu Đoàn (2002), *Giáo trình Kinh tế đô thị*, NXB Giáo dục
4. Nguyễn Đình Hương và Nguyễn Hữu Đoàn (2003), *Giáo trình Quản lý Đô thị*, NXB Thống kê.
5. Peter Malpass, Alan Murie (1990), *Housing policy and practice*, Nhà xuất bản Macmillan.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN (COURSE GOALS)

Bảng 5.1. Mục tiêu học phần

TT	Mô tả mục tiêu học phần	· CBR (PLO) của CTĐT**	Mức độ***
[1]	[2]	[3]	[4]
G1	Sinh viên nhận biết và hiểu được các kiến thức cơ bản về các hoạt động phát triển nhà ở đô thị cùng các công cụ quản lý phát triển nhà ở đô thị trong phân tích hành vi của các doanh nghiệp, hộ gia đình và chính quyền trong lĩnh vực nhà ở đô thị.	PLO1.1.2 PLO1.2.2 PLO1.2.3	4
G2	Sinh viên có kỹ năng vận dụng được kiến thức để thực hiện các chức năng phát triển kỹ năng lập luận, phân tích các vấn đề cơ bản trong kinh tế và quản lý nhà ở đô thị. Làm việc độc lập và tự chịu trách nhiệm.	PLO2.1.1	4
G3	- Có ý thức tổ chức kỷ luật; năng động, nhiệt huyết và có tinh thần hợp tác và trách nhiệm với công việc. - Có khả năng tự học tập, tích lũy kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn.	PLO3.1.1	4

6. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN (COURSE LEARNING OUTCOMES)

Bảng 6.1. Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Mục tiêu HP	CLOs	Mô tả CLOs*	Mức độ đạt được**
[1]	[2]	[3]	[4]
G1	CLO1.1	Cung cấp cho người học các khái niệm, các nguyên lý cơ bản về kinh tế và quản lý nhà ở đô thị	4
	CLO1.2	Giúp cho người học hiểu về nguyên tắc lập và quản lý dự án đô thị, phân tích cơ bản về dự án đô thị	4
	CLO1.3	Vận dụng các lý thuyết, mô hình phát triển nhà ở đô thị vào việc phân tích, đánh giá và giải thích các vấn đề trong nhà ở đô thị.	4
G2	CLO2.1	Có kỹ năng tìm kiếm tài liệu, phân tích, tổng hợp, khái quát các vấn đề trong nhà ở đô thị, phát triển nhà ở đô thị, quản lý nhà ở đô thị để chuẩn bị cho các bài thuyết trình nhóm.	4
	CLO2.2	Có khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc theo nhóm để giải quyết các nội dung được phân công.	4
G3	CLO3.1	Có khả năng tự học tập, tích lũy kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn.	4
	CLO3.2	Có khả năng đưa ra các kết luận, giải pháp về các vấn đề nảy sinh trong kinh tế và quản lý nhà ở đô thị; có năng lực lập kế hoạch, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể thông qua các bài tập nhóm.	4

7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN (COURSE ASSESSMENT)

Bảng 7.1. Đánh giá học phần

Hình thức đánh giá	Nội dung/ Bài đánh giá	Thời điểm	CLOs	Tiêu chí đánh giá*	Tỷ lệ (%)
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
Chuyên cần	Tham dự đầy đủ các buổi học (không nghỉ quá 20% tổng số giờ khóa học)	Tuần 1-13	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO2.1 CLO2.2	Nhật ký giảng dạy của giảng viên với các tiêu chí đánh giá (i) Mức độ tham gia (ii) Mức độ tương tác; (iii) Chất lượng câu trả lời	10%

Đánh giá quá trình	Có hai bài kiểm tra giữa kỳ - Bài 1 cuối chương 3	Tuần 7	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3	Bài làm đảm bảo đúng yêu cầu đề ra của giảng viên	40%
	- Bài 2 cuối chương 5	Tuần 13	CLO2.1 CLO2.2	Bài tập nhóm, thuyết trình	
Đánh giá cuối kỳ	Bài thi cuối kỳ	Lịch thi học phần	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO2.1 CLO2.2	Hình thức thi tự luận	50%

8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (LESSON PLAN)

Bảng 8.1. Kế hoạch giảng dạy

Tuần	Nội dung giảng dạy*	Tài liệu đọc**	CLOs	Hoạt động dạy và học***	Công cụ đánh giá****
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
1	Chương 1 1.1. Những vấn đề chung về đô thị 1.2. Di cư và nhà ở đô thị 1.3. Nhà ở đô thị	1 2 3	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	Giới thiệu học phần Đặt ra yêu cầu học tập Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
2	Chương 2 2.1. Thị trường nhà ở trong nền kinh tế đô thị 2.2. Cầu về nhà ở đô thị	1 3	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời

3	<p>Chương 2</p> <p>2.3. Cung về nhà ở đô thị</p> <p>2.4. Mô hình lọc trên thị trường nhà ở đô thị</p>	1 3	<p>CLO.1.1</p> <p>CLO.1.2</p> <p>CLO.1.3</p>	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời</p>
4	<p>Chương 2</p> <p>2.5. Chi phí nhà ở tại các đô thị</p> <p>2.6. Chính sách nhà ở đô thị</p>	1 4 5	<p>CLO.1.1</p> <p>CLO.1.2</p> <p>CLO.1.3</p>	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời</p>
5	<p>Chương 3</p> <p>3.1. Đất đô thị và vai trò của đất đai trong phát triển nhà ở</p> <p>3.2. Thị trường đất đô thị và vấn đề phát triển nhà ở</p>	1 3 5	<p>CLO.1.1</p> <p>CLO.1.2</p> <p>CLO.1.3</p>	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời</p>
6	<p>Chương 3</p> <p>3.3. Quyền sở hữu an toàn về đất đai</p> <p>3.4. Chiến lược tăng hiệu quả sử dụng đất</p>	1 2	<p>CLO.1.1</p> <p>CLO.1.2</p> <p>CLO.1.3</p>	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời</p>
7	<p>Kiểm tra lần 1</p> <p>Chương 3</p> <p>3.5. Các giải pháp giúp người dân đô thị tiếp cận đất đai</p>	1 2 4	<p>CLO.1.1</p> <p>CLO.1.2</p> <p>CLO.1.3</p>	<p>Sinh viên làm bài kiểm tra trong 1 tiết</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời</p>
8	<p>Chương 4</p> <p>4.1. Điều kiện nhà ở</p>	1 2	<p>CLO.1.1</p> <p>CLO.1.2</p>	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p>

	và nhu cầu tài chính nhà ở 4.2. Phát triển nhà ở đô thị		CLO.1.3	Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Chất lượng câu trả lời
9	Chương 4 4.3. Phương pháp giám chi phí nhà ở đô thị 4.4. Khả năng chi trả nhà ở	1 2 5	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	Trả bài kiểm tra và giải đáp thắc mắc Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
10	Chương 4 4.5. Hệ thống tài chính nhà ở 4.6. Chiến lược tài chính nhà ở đô thị	1 3	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
11	Chương 5 5.1. Các nguyên nhân dẫn đến sự can thiệp của chính quyền trên thị trường nhà ở 5.2. Các bên liên quan trong phát triển nhà ở đô thị	1 5	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
12	Chương 5 5.3. Hệ thống quản lý nhà nước về nhà ở 5.4. Nội dung quản lý nhà nước về nhà ở đô thị	1 4 5	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
13	Kiểm tra lần 2		CLO.1.1	Sinh viên viết báo cáo,	Mức độ tham gia

	Chương 8 5.5. Các công cụ kinh tế và hành chính trong quản lý phát triển nhà ở đô thị	1 3	CLO.1.2 CLO.1.3	thuyết trình theo nhóm Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống	Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
14	Bài thi cuối kỳ			Sinh viên làm bài thi theo lịch	Theo yêu cầu bài thi/kiểu đề thi

- **1. United Nations (1989), *Housing and economic adjustment*, Nhà xuất bản Taylor & Francis
2. Arthur O'Sullivan (2011), *Urban economics*, Nhà xuất bản McGraw-Hill/Irwin
 3. Nguyễn Đình Hương và Nguyễn Hữu Đoàn (2002), *Giáo trình Kinh tế đô thị*, NXB Giáo dục
 4. Nguyễn Đình Hương và Nguyễn Hữu Đoàn (2003), *Giáo trình Quản lý Đô thị*, NXB Thống kê.
 5. Peter Malpass, Alan Murie (1990), *Housing policy and practice*, Nhà xuất bản Macmillan.

9. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN (COURSE REQUIREMENTS AND EXPECTATION)

9.1. Quy định về điều kiện thi kết thúc học phần

Sinh viên được tham dự thi cuối kỳ/thi kết thúc học phần là điểm chuyên cần (10%) đạt mức 5 điểm trở lên (thang 10).

9.2. Quy định về tham dự lớp học

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ các buổi học trên lớp. Số tiết vắng mặt vượt quá 20% tổng số tiết của học phần (vì bất kể lý do gì) thì sinh viên phải đăng ký học lại.
- Sinh viên phải đến lớp đúng giờ. Một buổi vắng mặt sẽ tính khi: (i) 3 buổi đi muộn; hoặc (ii) rời lớp trước khi buổi học kết thúc.
- Sinh viên không tham dự buổi làm bài kiểm tra sẽ nhận điểm 0 (không) bài kiểm tra đó.

9.3. Quy định về hành vi lớp học

- Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm
- Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.
- Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

TRƯỞNG BỘ MÔN

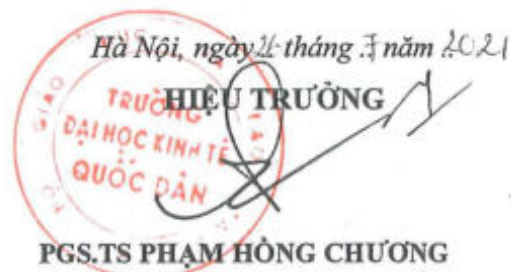
Hương

TS NGUYỄN KIM HOÀNG

TRƯỞNG KHOA

Trương

PGS.TS ĐÌNH ĐỨC TRƯỜNG



PGS.TS PHẠM HỒNG CHƯƠNG

1000

1000

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT

(Ban hành kèm theo quyết định số 145/QĐ/ĐHKQTĐ, ngày 26 tháng 7 năm 2021)

1. THÔNG TIN TỔNG QUÁT (GENERAL INFORMATION)

- Tên học phần (tiếng Việt):	Đô thị và Biến đổi khí hậu
- Tên học phần (tiếng Anh)	Cities and Climate Change
- Mã số học phần	MTDT1122
- Thuộc khối kiến thức	Kiến thức chuyên sâu
- Số tín chỉ	3TC
+ Số tiết lý thuyết	25
+ Số tiết thảo luận/thực hành	20
+ Số tiết tự học	90
- Các học phần liên quyết	

2. THÔNG TIN BỘ MÔN QUẢN LÝ VÀ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY

Bộ môn quản lý: Kinh tế và Quản lý Đô thị

Địa chỉ: Phòng 1401 Nhà A1, Trường ĐHKQTĐ Quốc dân

Giảng viên tham gia giảng dạy:

TT	Họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Kim Hoàng	0946631024	hoangnk@ncu.edu.vn
2	TS. Nguyễn Thị Thanh Huyền	0912078833	huyennnt@ncu.edu.vn
3	TS. Bùi Thị Hoàng Lan	0936125066	lanbh@ncu.edu.vn
4	TS Dương Đức Tâm	0967836789	tamdd@ncu.edu.vn

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN (COURSE DESCRIPTIONS)

Biến đổi khí hậu là một hiện tượng toàn cầu ảnh hưởng phần lớn đến đời sống con người và đặc biệt là đời sống người dân đô thị. Nhiệt độ toàn cầu tăng khiến mực nước biển dâng cao, làm tăng số lượng các hiện tượng thời tiết cực đoan như lũ lụt, hạn hán, bão, và làm gia tăng sự lây lan của các bệnh nhiệt đới. Tất cả những điều này đều có những tác động tiêu cực đến các dịch vụ cơ bản, cơ sở hạ tầng, nhà ở, sinh kế và sức khỏe của con người. Đồng thời, các thành phố cũng là nhân tố chính góp phần gây ra biến đổi khí hậu, vì các hoạt động trong đô thị chủ yếu từ nguồn phát thải khí nhà kính. Các ước tính cho thấy rằng các thành phố đóng góp tới 75% lượng khí thải CO₂ toàn cầu, trong đó giao thông đô thị và các tòa nhà là những thành phần đóng góp lớn nhất. Chỉ với cách tiếp cận và hành động phối hợp ở cấp độ toàn cầu, khu vực, quốc gia và địa phương, mới có thể đạt được thành công. Do đó, điều cần thiết là biến các thành phố trở thành một phần không thể thiếu của giải pháp chống biến đổi khí hậu. Học phần *Đô thị và Biến đổi khí hậu* tập trung vào các nội dung chính như: giải thích tính toàn cầu của biến đổi khí hậu, phân tích các khía cạnh kinh tế của biến đổi khí hậu, trình bày kinh tế học giảm nhẹ biến đổi khí hậu và kinh tế học thích ứng với biến đổi khí hậu, phân

tích các khía cạnh khác nhau của chính sách đô thị và quy hoạch đô thị gắn với biến đổi khí hậu. Phân tích mối quan hệ tác động qua lại giữa Đô thị và Biến đổi khí hậu. Học phần cũng sẽ giải thích, phân tích biến đổi khí hậu tác động đến các mục tiêu chính sách và quy hoạch đô thị gắn với các yếu tố sinh thái, kinh tế... Thảo luận công tác quy hoạch đô thị ứng phó biến đổi khí hậu của các nhà hoạch định và thực thi chính sách đô thị.

4. TÀI LIỆU THAM KHẢO (LEARNING RESOURCES: COURSE BOOKS, REFERENCE BOOKS, AND SOFTWARES)

Giáo trình/bài giảng

1. Trần Đức Hạ, Phạm Thị Hương Lan, Trần Thị Việt Nga(2013), *Ứng phó với Biến đổi Khí hậu trong hoạt động công nghiệp, Đô thị và Xây dựng Công trình*, Nhà xuất bản Xây dựng..

Tài liệu khác

1. Đinh Đức Trường (2021), *Đánh giá tác động kinh tế của Biến đổi khí hậu: từ lý luận đến thực tiễn tại Việt Nam (Sách chuyên khảo)*, Nhà xuất bản Lao động.
2. The World Bank. (2010). *Cities and Climate Change: An urgent agenda..* Washington D.C.: International Bank for Reconstruction and Development, The World Bank
3. Trần Thọ Đạt, Vũ Thị Hoài Thu(2017), *Kinh tế và Chính sách Biến đổi khí hậu*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân.
4. UN- Habitat (2010); *Planning for Climate Change: A strategic, Values – based approach for urban Planners*; United Nations Human Settlement Programme (UN-Habitat)
5. UN-Habitat (2011); *cities and climate change: Global report on human settlements 2011*; Nairobi: United Nations Human Settlement Programme (UN-Habitat); <https://unhabitat.org/global-report-on-human-settlements-2011-cities-and-climate-change>

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN (COURSE GOALS)

Bảng 5.1. Mục tiêu học phần

TT	Mô tả mục tiêu học phần	CĐR (PLO) của CTĐT**	Mức độ***
[1]	[2]	[3]	[4]
G1	Cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về cách ứng phó với biến đổi khí hậu trên hai khía cạnh đó là giảm nhẹ và thích ứng biến đổi khí hậu của các nhà chính quyền đô thị	1.1	4
G2	Giúp cho người học hiểu và giải thích được vì sao các thành phố lại là nguyên nhân chính gây phát thải khí nhà kính và vì sao giảm nhẹ và thích ứng lại có thể làm giảm bớt rủi ro và tổn thương trong khu vực Đô thị.	1.2	4
G3	Cung cấp cho người học kỹ năng phân tích tích, đánh giá đề lập quy hoạch đô thị về giảm nhẹ và thích ứng BĐKH	1.3	4
G4	Học phần rèn luyện cho sinh viên kỹ năng đọc lập tìm kiếm, đọc và tổng hợp thông tin khoa học từ nhiều nguồn tài liệu (một kỹ năng quan trọng khi thực hiện các nghiên cứu khoa học), từ đó hiểu được các nguyên lý, nguyên tắc, đồng thời có	2.1 2.2	3

	thể trình bày lại các nội dung kiến thức đó thông qua các bài thuyết trình. Ngoài ra, các kỹ năng làm việc theo nhóm cũng được nhấn mạnh thông qua việc các nội dung đánh giá được thực hiện thông qua kết quả làm việc theo nhóm.		
G5	Bước đầu trang bị cho người học nhận thức về bối cảnh xã hội, nhận thức đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội	3.1	3

6. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN (COURSE LEARNING OUTCOMES)

Bảng 6.1. Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Mục tiêu	CLOs	Mô tả CLOs*	Mức độ đạt được**
[1]	[2]	[3]	[4]
G1	CLO1.1	Hiểu được cách tiếp cận đối với biến đổi khí hậu, kinh tế học giảm nhẹ và thích ứng với biến đổi khí hậu của các nhà chính quyền đô thị.	3
	CLO2.1	Hiểu được sự phát triển đô thị góp phần phát thải khí nhà kính; áp dụng lý thuyết đã học để phân tích trường hợp một đô thị cụ thể	4
G2	CLO2.2	Hiểu rõ bản chất của rủi ro, tổn thương và ứng phó của đô thị. Phân tích được cơ chế giảm nhẹ và thích ứng sẽ hạn chế được rủi ro và tổn thương ở đô thị	4
	CLO3.1	Áp dụng các khái niệm và thuật ngữ biến đổi khí hậu để ra quyết định, xây dựng chính sách và quy hoạch thành phố	4
G3	CLO3.2	Có khả năng phân tích, đánh giá trong qui hoạch đô thị ứng phó với biến đổi khí hậu như quy hoạch giao thông, sử dụng năng lượng... để giảm phát thải khí nhà kính cũng như thiết kế đô thị để thích ứng biến đổi khí hậu.	4
	CLO4.1	Thực hành khả năng làm việc nhóm	3
G4	CLO4.2	Thể hiện kỹ năng thu thập thông tin và phân tích các hoạt động xảy ra trong đô thị cụ thể	3
	CLO5.1	Có nhận thức về bối cảnh xã hội	3
G5	CLO5.2	Có nhận thức đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội	3

7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN (COURSE ASSESSMENT)

Bảng 7.1. Đánh giá học phần

Hình thức đánh giá	Nội dung/ Bài đánh giá	Thời điểm	CLOs	Công cụ và tiêu chí đánh giá*	Tỷ lệ (%)
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
Chuyên cần	Tham dự đầy đủ các buổi học Thái độ học tập trên lớp Trả lời câu hỏi trên lớp Trả lời các câu hỏi thảo luận Ý thức trong việc chuẩn bị bài trên lớp và bài tập về nhà	Tuần 1-13	CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1 CLO3.2 CLO4.1 CLO4.2 CLO5.1 CLO5.2	Nhật ký giảng dạy của giảng viên với các tiêu chí đánh giá (i) Mức độ tham gia (ii) Mức độ tương tác (iii) Chất lượng câu trả lời (iv) Ý thức làm bài tập trên lớp và BTVN	10%
Đánh giá quá trình (Bài tập)	Bài kiểm tra cá nhân: tự luận/bài tập lớn	Tuần 8	CLO1.1 CLO2.1	Đánh giá với các tiêu chí (i) Nội dung; (ii) Cách trình bày	40%

nhóm và bài tập cá nhân)			CLO3.1 CLO3.2		
	Bài tập nhóm	Tuần 12	CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1 CLO3.2 CLO4.1 CLO4.2 CLO 5.1 CLO5.2	Đánh giá với các tiêu chí : (i) Nội dung; (ii) Hình thức slide, bản báo cáo; (iii) Mức độ hấp dẫn và thuyết phục của bài trình bày; (iv) Chất lượng các câu trả lời; (v) Thời gian trình bày (vi) Mức độ hoàn thiện bài tập nhóm sau khi được nhận xét, góp ý	
Đánh giá cuối kỳ	Bài thi cuối kỳ	Lịch thi học phần	CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2 CLO2.2 CLO3.1 CLO3.2	Theo yêu cầu bài thi	50%

8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (LESSON PLAN)

Bảng 8.1. Kế hoạch giảng dạy

Tầ n	Nội dung giảng dạy	Tài liệu đọc	CLOs	Hoạt động dạy và học	Công cụ và tiêu chí đánh giá
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
1	Làm quen, giới thiệu học phần, logic của học phần và vai trò, vị trí của học phần trong CTĐT	Đề cương học phần	CLO1.1 CLO4.1 CLO4.2	Giới thiệu học phần Đặt ra yêu cầu học tập Hướng dẫn đọc tài liệu Hướng dẫn tìm tài liệu Hướng dẫn làm việc nhóm Chia nhóm làm việc	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
2	Chương 1. Tổng quan về Đô thị và Biến đổi khí hậu Tài chính Đô thị 1.1. Đô thị hóa 1.2. Đô thị	[1]*, Chương 1	CLO1.1 CLO5.1 CLO5.2	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi
3	Chương 1. Tổng quan về Đô thị và Biến đổi khí hậu Tài chính Đô thị 1.3. Khí hậu và biến đổi khí hậu Đô thị 1.4. Công ước khung về biến đổi khí hậu	[1], Chương 1	CLO1.1 CLO1.2 CLO5.1 CLO5.2	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi
4	Chương 2. Mối quan hệ giữa đô thị và BĐKH 2.1. BĐKH tác động đến nhà ở 2.2. BĐKH tác động đến phát triển kinh tế 2.3. BĐKH tác động đến hệ sinh thái 2.4. BĐKH tác động đến cơ sở hạ tầng và năng lượng 2.5. BĐKH tác động đến an ninh nước và lương thực 2.6. BĐKH tác động đến sức khỏe	[1], Chương 2	CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2 CLO5.1 CLO5.2	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi

	2.7. BĐKH tác động đến khoáng sản				
5	<p>Chương 2. Mối quan hệ giữa đô thị và BĐKH</p> <p>2.8. Khí phát thải hiệu ứng nhà kính ảnh hưởng đến BĐKH.</p> <p>2.9. Giao thông đô thị ảnh hưởng đến BĐKH</p> <p>2.10. Các tác nhân khác ảnh hưởng đến BĐKH</p>	[1], Chương 2	CLO3.1 CLO3.2 CLO5.1	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi</p>
6	<p>Chương 2 : Mối quan hệ giữa đô thị và BĐKH</p> <p>2.11. Hành động của chính quyền đô thị đối với giảm nhẹ khí hậu</p> <p>2.12. Hành động của chính quyền đô thị đối với thích ứng biến đổi khí</p>	[1], Chương 2	CLO 3.1 CLO3.2 CLO5.1 CLO5.2	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi</p>
7	<p>Chương 3: Giảm nhẹ biến đổi khí hậu trong Đô thị</p> <p>3.1. Khái niệm</p> <p>3.2. Cách tiếp cận chính sách đô thị</p> <p>3.3. Thiết kế và phát triển đô thị</p> <p>3.4. Cơ sở hạ tầng đô thị</p> <p>3.5. Hấp thụ Các bon</p>	[1], Chương 3	CLO1.1 CLO2.1 CLO 3.1 CLO3.2 CLO5.1 CLO5.2	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi</p>
8	<p>Chương 3: Giảm nhẹ biến đổi khí hậu trong Đô thị</p>	[1], Chương 3	CLO2.1 CLO2.2 CLO 3.1	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời</p>

	<p>3.6. Các phương thức quản trị giảm nhẹ biến đổi khí hậu</p> <p>3.7. Các cách tiếp cận quản trị đô thị</p> <p>3.8. Phương thức hợp tác công tư</p>		<p>CLO3.2</p> <p>CLO5.1</p> <p>CLO5.2</p>	<p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>trên lớp và bài thi</p>
9	<p>Chương 4 : Thích ứng biến đổi khí hậu trong Đô thị</p> <p>4.1. Một số khái niệm</p> <p>4.2. Ứng phó của hộ gia đình và cộng đồng đối với ảnh hưởng của BĐKH</p>	[1], Chương 4	<p>CLO2.1</p> <p>CLO 3.1</p> <p>CLO3.2</p> <p>CLO5.1</p> <p>CLO5.2</p>	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi</p>
10	<p>Chương 4 : Thích ứng biến đổi khí hậu trong Đô thị</p> <p>4.3. Ứng phó của các cấp chính quyền với BĐKH</p> <p>4.4. Hướng tới chiến lược thích ứng biến đổi khí hậu dựa vào đô thị hiệu quả</p> <p>4.5. Tài chính thích ứng</p>	[1], Chương 4	<p>CLO2.1</p> <p>CLO2.2</p> <p>CLO3.2</p> <p>CLO5.1</p> <p>CLO5.2</p>	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi</p>
11	<p>Chương 5 : Quy hoạch đô thị ứng phó với biến đổi khí hậu</p> <p>5.1. Các phương pháp quy hoạch ứng phó biến đổi khí hậu.</p> <p>5.2. Quy trình lập quy hoạch ứng phó biến đổi khí hậu.</p>	[1], Chương 5	<p>CLO3.1</p> <p>CLO3.2</p> <p>CLO5.1</p> <p>CLO5.2</p>	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi</p>
12	<p>Trình bày bài tập nhóm (các tình huống về thực tiễn trong đô thị, như tăng trưởng kinh tế đô thị, đô thị hóa, nhà ở, đất đai, tội phạm, cơ sở hạ tầng đô thị...)</p>		<p>CLO4.1</p> <p>CLO4.2</p>	<p>Nhóm sinh viên thuyết trình và trả lời câu hỏi</p> <p>Giảng viên và các thành viên trong lớp đặt câu hỏi, nhận xét</p>	<p>Đánh giá với các tiêu chí :</p> <p>(i) Nội dung;</p> <p>(ii) Hình thức slide;</p> <p>(iii) Trình bày hấp dẫn, thuyết phục;</p> <p>(iv) Chất lượng câu trả</p>

					lời; (v) Thời gian trình bày; (vi) Mức độ hoàn thiện bài tập nhóm sau khi được nhận xét, góp ý
13	Ôn tập, tổng kết học phần			Giảng viên tổng hợp kiến thức học phần Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra Giảng viên giải đáp các thắc mắc của sinh viên	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp
14	Bài thi cuối kỳ		CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1 CLO3.2 CLO3.3	Sinh viên làm bài thi theo lịch	Theo yêu cầu bài thi

[1]*: Trần Đức Hạ, Phạm Thị Hương Lan, Trần Thị Việt Nga(2013), *Ứng phó với Biến đổi Khí hậu trong hoạt động công nghiệp, Đô thị và Xây dựng Công trình*, Nhà xuất bản Xây dựng..

9. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN (COURSE REQUIREMENTS AND EXPECTATION)

9.1. Quy định về điều kiện thi kết thúc học phần

- Sinh viên được tham dự thi cuối kỳ/thi kết thúc học phần (50%) nếu có điểm chuyên cần (10%) đạt mức 5 điểm trở lên (thang 10).

9.2. Quy định về tham dự lớp học

- Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý. Mỗi buổi vắng mặt sẽ bị trừ 1 điểm đánh giá quá trình. Sinh viên vắng quá 3 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại.
- Sinh viên sẽ được cộng điểm cho mỗi lần phát biểu xây dựng bài, có thể bù đắp cho điểm quá trình, điểm kiểm tra và điểm bài tập nhóm.
- Sinh viên không nộp bài tập nhóm sẽ nhận điểm 0 (không) cho bài tập sau cùng. Nhóm sinh viên nộp bài trễ sẽ bị trừ 1 điểm cho mỗi ngày nộp muộn.

9.3. Quy định về hành vi lớp học

- Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.
- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 10 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.
- Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học; không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.
- Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

Hà Nội, ngày 21 tháng 7 năm 2021

TRƯỞNG BỘ MÔN

TRƯỞNG KHOA

Hương

Trương



TS NGUYỄN KIM HOÀNG

PGS.TS ĐINH ĐỨC TRƯỜNG

PGS.TS PHẠM HỒNG CHƯƠNG

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT

(Ban hành kèm theo quyết định số 145/QĐ/ĐHKTQD, ngày 26 tháng 5 năm 2021)

1. THÔNG TIN TỔNG QUÁT (GENERAL INFORMATION)

- Tên học phần (tiếng Việt):	Quản lý Hành chính Nhà nước ở Đô thị
- Tên học phần (tiếng Anh)	Managing urban administrative affairs
- Mã số học phần	MTDT 1125
- Thuộc khối kiến thức	Kiến thức chuyên sâu
- Số tín chỉ	3TC
+ Số tiết lý thuyết	33
+ Số tiết thảo luận/Thực hành	12
+ Số tiết tự học	90
- Các học phần tiên quyết	Không

2. THÔNG TIN BỘ MÔN QUẢN LÝ VÀ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY

Bộ môn quản lý: Kinh tế và Quản lý Đô thị

Địa chỉ: Phòng 1401 Nhà A1, Trường ĐH Kinh tế Quốc dân

Giảng viên tham gia giảng dạy:

TT	Họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Kim Hoàng	0946631024	hoangnk@neu.edu.vn
2	TS. Nguyễn Thị Thanh Huyền	0912078833	huyennt@neu.edu.vn
3	TS. Bùi Thị Hoàng Lan	0936125066	lanbh@neu.edu.vn
4	TS Dương Đức Tâm	0967836789	tamdd@neu.edu.vn

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN (COURSE DESCRIPTIONS)

Đô thị có những đặc trưng riêng của nó, việc áp dụng chung các nguyên tắc quản lý hành chính nhà nước cho cả đô thị và nông thôn đã tỏ ra nhiều bất cập. Tuy nhiên, ở Việt Nam hiện nay chưa có luật hành chính riêng cho đô thị hay nông thôn. Môn học “Quản lý hành chính nhà nước ở đô thị” nhằm trang bị cho người học nhận thức chung về công tác quản lý hành chính nhà nước của Việt Nam, một số kỹ thuật trong quản lý và nhấn mạnh việc vận dụng các nội dung đó vào địa bàn đô thị. Cùng với việc trang bị nhận thức về lý thuyết, môn học đưa ra các bài tập tình huống giúp người học nâng cao khả năng thực hành, nhanh chóng tiếp cận thực tế, đáp ứng yêu cầu xã hội.

4. TÀI LIỆU THAM KHẢO (LEARNING RESOURCES: COURSE BOOKS, REFERENCE BOOKS, AND SOFTWARES)

Giáo trình

Học viện Hành chính quốc gia (1996) *Giáo trình về Quản lý hành chính Nhà nước* NXB Hà Nội.

Mcine Pieter Van Dijk (2006), *Managing Cities in Developing Countries*, NXB Edward Elgar Publishing

Tài liệu khác

1. Nguyễn Đình Hương và Nguyễn Hữu Đoàn (2003), *Giáo trình Quản lý Đô thị*, NXB Thống kê.
2. Nguyễn Đình Hương và Nguyễn Hữu Đoàn (2002), *Giáo trình Kinh tế đô thị*, NXB Giáo dục
3. Đại học Quốc gia Hà Nội (2015) *Giáo trình Lý luận Nhà nước và Pháp luật*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội
4. Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội (2017) *Quản lý Đô thị ở các nước đang phát triển* NXB Xây dựng
5. Học viện Hành chính Quốc gia (2017) *Giáo trình Quản lý Nhà nước về Đô thị* (bản thảo)
6. Sách chuyên khảo (2013) *Văn bản và công tác văn bản trong cơ quan Nhà nước* NXB Chính trị Quốc gia
7. Học viện Hành chính Quốc gia (1996) *Giáo trình về Quản lý Hành chính Nhà nước*

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN (COURSE GOALS)

Bảng 5.1. Mục tiêu học phần

TT	Mô tả mục tiêu học phần	CBR (PLO) của CTĐT**	Mức độ***
[1]	[2]	[3]	[4]
G1	Trang bị cho sinh viên kiến thức căn bản về Quản lý Hành chính Nhà nước ở Đô thị, bộ máy tổ chức, và các chức năng hoạt động của bộ máy hành chính. Đọc hiểu và soạn thảo được các loại văn bản. Hiểu rõ thế nào là thủ tục hành chính và kỹ năng tuyển dụng Công chức.	1.1	3
G2	Giúp người học hiểu được bộ máy Quản lý Hành chính Nhà nước ở đô thị, cách thức ban hành các loại văn bản, các thủ tục hành chính nói chung và tuyển chọn công, viên chức.	1.2	4
G3	Cung cấp cho người học kỹ năng phân tích tích hợp các vấn đề về chính sách quản lý đô thị và vận dụng các kiến thức đã học.	1.3	4
G4	Học phần rèn luyện cho sinh viên kỹ năng độc lập tìm kiếm, đọc và tổng hợp thông tin khoa học từ nhiều nguồn tài liệu (một kỹ năng quan trọng khi thực hiện các nghiên cứu khoa học), từ đó hiểu được các nguyên lý, nguyên tắc, đồng thời có thể trình bày lại các nội dung kiến thức đó thông qua các bài thuyết trình. Ngoài ra, các kỹ năng làm việc theo nhóm cũng được nhấn mạnh thông qua việc các nội dung đánh giá được	2.1 2.2	3

	thực hiện thông qua kết quả làm việc theo nhóm.		
G5	Bước đầu trang bị cho người học nhận thức về bối cảnh xã hội, nhận thức đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội. Chuẩn bị bài được giao khi đến lớp, tham gia tích cực các hoạt động thuyết trình và phân biện. Thông qua đó sẽ có khả năng tự học tập, tự nghiên cứu, tích lũy kinh nghiệm để tiếp tục học cao hơn nhằm nâng cao trình độ chuyên môn. Có khả năng đưa ra các kết luận về các vấn đề trong lĩnh vực chuyên sâu của mình; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể.	3.1	3

6. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN (COURSE LEARNING OUTCOMES)

Bảng 6.1. Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Mức tiêu	CLOs	Mô tả CLOs*	Mức độ đạt được**
[1]	[2]	[3]	[4]
G1	CLO1.1	Hiểu, giải thích được các lý thuyết căn bản về Quản lý Hành chính Nhà nước ở Đô thị. Bộ máy tổ chức, và các chức năng của bộ máy hành chính.	3
	CLO1.2	Nắm rõ những vấn đề cơ bản về Quản lý Hành chính Nhà nước ở Đô thị. Hiểu rõ bộ máy quản lý hành chính Nhà nước từ cấp trung ương đến cấp địa phương. Hiểu rõ qui trình đề ra các quyết định hành chính. Các thủ tục hành chính, quản lý văn bản và cách thức, yêu cầu tuyển chọn cán bộ Công chức Nhà nước.	3
G2	CLO2.1	Hiểu rõ bản chất và vai trò của quản lý hành chính nhà nước ở đô thị.	4
G3	CLO3.1	Áp dụng lý thuyết đã được trang bị để đánh giá các qui trình, thủ tục ban hành các quyết định hành chính. Các tiêu chí để tuyển chọn và đánh giá đối với công chức.	4
	CLO3.2	Có khả năng phân tích, đánh giá các vấn đề liên quan đến quản lý hành chính nhà nước nói chung.	4
G4	CLO4.1	Thực hành khả năng làm việc nhóm.	3
	CLO4.2	Thể hiện kỹ năng thu thập thông tin và phân tích các hoạt động xảy ra trong đô thị cụ thể, kỹ năng tìm kiếm tài liệu, phân tích tổng hợp, khái quát các vấn đề liên quan đến quản lý hành chính nhà nước ở đô thị để chuẩn bị các bài thuyết trình nhóm cũng như các hoạt động chuyên môn sau này.	3
G5	CLO5.1	Có nhận thức về bối cảnh xã hội.	3
	CLO5.2	Có nhận thức đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội.	3

7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN (COURSE ASSESSMENT)

Bảng 7.1. Đánh giá học phần

Hình thức đánh giá	Nội dung/ Bài đánh giá	Thời điểm	CLOs	Công cụ và tiêu chí đánh giá*	Tỷ lệ (%)
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
Chuyên cần	Tham dự đầy đủ các buổi học Thái độ học tập trên lớp Trả lời câu hỏi trên lớp Trả lời các câu hỏi thảo luận	Tuần 1-13	CLO1.1 CLO1.2 CLO2.1 CLO3.1 CLO3.2	Nhật ký giảng dạy của giảng viên với các tiêu chí đánh giá (i) Mức độ tham gia (ii) Mức độ tương tác (iii) Chất lượng câu trả lời (iv) Ý thức làm bài tập trên	10%

	Ý thức trong việc chuẩn bị bài trên lớp và bài tập về nhà		CLO4.1 CLO4.2 CLO5.1 CLO5.2	lớp và BTVN	
Đánh giá quá trình (<i>Bài tập nhóm và bài tập cá nhân</i>)	Bài kiểm tra cá nhân: tự luận/bài tập lớn	Tuần 8	CLO1.1 CLO1.2 CLO2.1 CLO3.1 CLO3.2	Đánh giá với các tiêu chí (i) Nội dung; (ii) Cách trình bày	40%
	Bài tập nhóm	Tuần 12	CLO1.1 CLO1.2 CLO2.1 CLO3.1 CLO3.2 CLO4.1 CLO4.2 CLO 5.1 CLO5.2	Đánh giá với các tiêu chí : (i) Nội dung; (ii) Hình thức slide, hàn báo cáo; (iii) Mức độ hấp dẫn và thuyết phục của bài trình bày; (iv) Chất lượng các câu trả lời; (v) Thời gian trình bày (vi) Mức độ hoàn thiện bài tập nhóm sau khi được nhận xét, góp ý	
Đánh giá cuối kỳ	Bài thi cuối kỳ	Lịch thi học phần	CLO1.1 CLO1.2 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1 CLO3.2	Theo yêu cầu bài thi	50%

8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (LESSON PLAN)

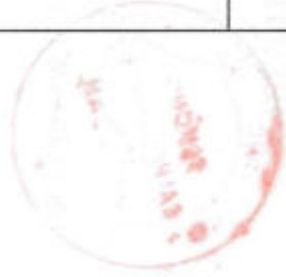
Bảng 8.1. Kế hoạch giảng dạy

Tuần	Nội dung giảng dạy	Tài liệu đọc	CLOs	Hoạt động dạy và học	Công cụ và tiêu chí đánh giá
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
1	Làm quen, giới thiệu học phần, logic của học phần và vai trò, vị trí của học phần trong CTĐT	Đề cương học phần	CLO1.1 CLO4.1 CLO4.2	Giới thiệu học phần Đặt ra yêu cầu học tập Hướng dẫn đọc tài liệu Hướng dẫn tìm tài liệu Hướng dẫn làm việc nhóm Chia nhóm làm việc	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
2	Chương 1. Những vấn đề cơ bản về Đô thị và Quản lý Hành chính Nhà nước ở Đô thị 1.1. Khái niệm đô thị, những đặc trưng của đô thị 1.2. Phân loại đô thị và ý nghĩa của phân loại đô thị trong QLHCNN ở ĐT	Chương 1	CLO1.1 CLO1.2 CLO2.1 CLO5.1 CLO5.2	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi
3	Chương 1. Tổng quan về Đô thị 1.3. Quản lý đô thị và QLHCNN ở ĐT	Chương 1	CLO1.1 CLO1.2 CLO2.1 CLO5.1 CLO5.2	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi
4	Chương 2. Bộ máy QLHCNN ở ĐT 2.1. Hệ thống chính trị và bộ máy QLHCNN đối với đô thị 2.2. Nội dung hoạt động chủ yếu của chính quyền đô thị	Chương 2	CLO3.2 CLO5.1	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi

5	<p>Chương 2. Bộ máy QLHCNN & ĐT</p> <p>2.2. Nội dung hoạt động chủ yếu của chính quyền đô thị (tiếp)</p> <p>2.3. Phân cấp, phân quyền và công cụ QLHCNN & ĐT</p>	Chương 2	<p>CLO3.1</p> <p>CLO3.2</p> <p>CLO5.1</p>	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi</p>
6	<p>Chương 3 ; Quyết định hành chính</p> <p>3.1. Khái niệm và các loại quyết định hành chính</p> <p>3.2. Tính hợp pháp và hợp lý của quyết định hành chính</p>	Chương 3	<p>CLO2.1</p> <p>CLO 3.1</p> <p>CLO5.1</p> <p>CLO5.2</p>	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi</p>
7	<p>Chương 3 : Quyết định hành chính</p> <p>3.2. Tính hợp pháp và hợp lý của quyết định hành chính</p> <p>3.3 Quy trình ban hành, tổ chức thực hiện và bãi bỏ quyết định hành chính</p>	Chương 3	<p>CLO2.1</p> <p>CLO 3.1</p> <p>CLO5.1</p> <p>CLO5.2</p>	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi</p>
8	<p>Chương 3 : Quyết định hành chính</p> <p>3.3 Quy trình ban hành, tổ chức thực hiện và bãi bỏ quyết định hành chính (tiếp)</p>	Chương 3	<p>CLO2.1</p> <p>CLO 3.1</p> <p>CI.03.2</p> <p>CI.05.1</p> <p>CI.05.2</p>	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi</p>
9	<p>Chương 4 : Văn bản QLHC và quản lý văn bản</p> <p>4.1. Khái niệm, phân loại văn bản và vai trò của văn bản trong hoạt động của các cơ quan</p> <p>4.2. Các chức năng cơ bản và vai trò của văn bản trong hoạt động của các cơ quan</p> <p>4.3. Một số kỹ thuật xây dựng văn bản</p> <p>4.4. Quản lý văn bản</p>	Chương 4	<p>CLO 3.1</p> <p>CLO3.2</p> <p>CLO5.1</p> <p>CLO5.2</p>	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi</p>
10	<p>Chương 5 : Thủ tục hành chính</p> <p>5.1. Khái niệm, đặc điểm và nguyên tắc thực hiện thủ tục hành chính</p>	Chương 5	<p>CLO3.2</p> <p>CLO5.1</p>	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời</p>

	<p>5.2. Phân loại các thủ tục hành chính</p> <p>5.3 Nghĩa vụ thực hiện các thủ tục hành chính</p> <p>5.4. Cải cách thủ tục hành chính</p>		CLO5.2	Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	trên lớp và bài thi
11	<p>Chương 6 : Tuyển chọn công chức nhà nước</p> <p>6.1. Tiêu chí tuyển chọn và đánh giá đối với công chức nhà nước</p> <p>6.2. Quy hoạch và kế hoạch đội ngũ cán bộ, công chức</p> <p>6.3. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả QLHCNN về đô thị</p>	Chương 6	CLO3.2 CLO5.1 CLO5.2	<p>Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp</p> <p>Giảng viên giảng lý thuyết</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời trên lớp và bài thi</p>
12	<p>Trình bày bài tập nhóm (các tình huống về thực tiễn qui trình xây dựng văn bản, ban hành một quyết định hành chính)</p>		CLO4.1 CLO4.2	<p>Nhóm sinh viên thuyết trình và trả lời câu hỏi</p> <p>Giảng viên và các thành viên trong lớp đặt câu hỏi, nhận xét</p>	<p>Đánh giá với các tiêu chí :</p> <p>(i) Nội dung;</p> <p>(ii) Hình thức slide;</p> <p>(iii) Trình bày hấp dẫn, thuyết phục;</p> <p>(iv) Chất lượng câu trả lời;</p> <p>(v) Thời gian trình bày;</p> <p>(vi) Mức độ hoàn thiện bài tập nhóm sau khi được nhận xét, góp ý</p>
13	Ôn tập, tổng kết học phần			<p>Giảng viên tổng hợp kiến thức học phần</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra</p> <p>Giảng viên giải đáp các thắc mắc của sinh viên</p>	<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời trên lớp</p>

14	Bài thi cuối kỳ		CLO1.1 CLO1.2 CLO2.1 CLO3.1 CLO3.2 CLO3.3	Sinh viên làm bài thi theo lịch	Theo yêu cầu bài thi
----	-----------------	--	--	---------------------------------	----------------------



9. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN (COURSE REQUIREMENTS AND EXPECTATION)

9.1. Quy định về điều kiện thi kết thúc học phần

- Sinh viên được tham dự thi cuối kỳ/thi kết thúc học phần (50%) nếu có điểm chuyên cần (10%) đạt mức 5 điểm trở lên (thang 10).

9.2. Quy định về tham dự lớp học

- Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý. Mỗi buổi vắng mặt sẽ bị trừ 1 điểm đánh giá quá trình. Sinh viên vắng quá 3 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại.
- Sinh viên sẽ được cộng điểm cho mỗi lần phát biểu xây dựng bài, có thể bù đắp cho điểm quá trình, điểm kiểm tra và điểm bài tập nhóm.
- Sinh viên không nộp bài tập nhóm sẽ nhận điểm 0 (không) cho bài tập sau cùng. Nhóm sinh viên nộp bài trễ sẽ bị trừ 1 điểm cho mỗi ngày nộp muộn.

9.3. Quy định về hành vi lớp học

- Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.
- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 10 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.
- Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học; không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.
- Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

Hà Nội, ngày 22 tháng 7 năm 2024

TRƯỞNG BỘ MÔN

TRƯỞNG KHOA

HIỆU TRƯỞNG

Hoàng

Trường



TS NGUYỄN KIM HOÀNG

PGS.TS ĐÌNH ĐỨC TRƯỜNG

PGS.TS PHẠM HỒNG CHƯƠNG

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **ĐẠI HỌC** LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: **CHÍNH QUY**

1. TÊN HỌC PHẦN:

- Tên học phần tiếng Việt: **Phân tích chi phí – lợi ích**
- Tên học phần tiếng Anh: **Cost – Benefit Analysis**
- Mã học phần: **MTKT1135**
- Thuộc khối kiến thức: Kiến thức ngành
- Số tín chỉ: 03 (45 giờ tín chỉ; 50 phút/giờ)
 - Số giờ lý thuyết: 30
 - Số giờ thảo luận: thực hành: 15
 - Số giờ tự học: 90
- Học phần tiên quyết: Kinh tế vi mô

2. THÔNG TIN BỘ MÔN QUẢN LÝ VÀ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY:

Bộ môn quản lý: Kinh tế - Quản lý Tài nguyên và Môi trường

Địa chỉ: Phòng 1401, Nhà A1, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Các giảng viên tham gia giảng dạy

1. TS. Nguyễn Diệu Hằng
2. PGS.TS Lê Hà Thanh
3. TS. Nguyễn Công Thành
4. TS. Ngô Thanh Mai

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN:

Xã hội, bao gồm các cá nhân, các doanh nghiệp và nhà nước luôn gặp vấn đề nguồn lực khan hiếm, đặc biệt là vốn, tài nguyên thiên nhiên và các yếu tố khác. Vì vậy, khi sử dụng nguồn lực để đầu tư, họ phải cân nhắc giữa dự án này với dự án khác. Bên cạnh công cụ phân tích tài chính nhằm giúp đánh giá hiệu quả tài chính của hoạt động đầu tư, hiệu quả dưới góc độ xã hội cũng cần được quan tâm. Phân tích chi phí – lợi ích chính là một công cụ để hỗ trợ ra quyết định lựa chọn đầu tư vào dự án nào dưới quan điểm xã hội.

Với công cụ phân tích chi phí – lợi ích, tất cả các lợi ích và chi phí tiềm năng đối với xã hội của một dự án sẽ được đưa vào xem xét. Các lợi ích và chi phí này không chỉ là lợi ích và chi phí đối với cá nhân nhà đầu tư mà còn đối với các thành viên khác trong xã hội như chính phủ, người dân. Nếu như việc lượng hóa các dòng lợi ích và chi phí đối với cá nhân nhà đầu tư có thể thực hiện được thông qua phân tích tài chính thì việc xác định, đánh giá các lợi ích và chi phí đối với toàn bộ xã hội đòi hỏi kỹ năng riêng biệt. Đặc biệt là khi những lợi ích, chi phí này phát sinh từ những tác động lên các vấn đề xã hội như: giảm thất nghiệp, cung cấp dịch vụ công như điện, nước, giáo dục, y tế, cơ sở hạ tầng. Hoặc những lợi ích, chi phí này hình thành từ tác động của dự án lên tài nguyên – môi trường như: suy giảm tài nguyên, suy giảm đa dạng sinh học, ô nhiễm môi trường, hoặc bảo tồn tài nguyên, cải thiện chất lượng môi trường, cải thiện cảnh quan v.v.

Môn học Phân tích chi phí – lợi ích được giảng dạy nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức, kỹ năng về công cụ hỗ trợ cho việc ra quyết định dựa trên nhận biết và đánh giá các tác động của chính sách/dự án đầu tư. Nội dung chính của học phần gồm giới thiệu chi tiết về các bước thực hiện phân tích chi phí-lợi ích, cơ sở lý thuyết, cách thức xác định và đánh giá các lợi ích và chi phí dưới góc độ xã hội, tính toán các tiêu chí đánh giá, đồng thời thực hiện phân tích rủi ro. Từ đó học viên sẽ biết cách đánh giá hiệu quả một dự án đầu tư dưới góc độ xã hội, góp phần tích cực trong ra quyết định chính sách, lựa chọn phương án đầu tư và sử dụng nguồn lực xã hội.

4. TÀI LIỆU THAM KHẢO

Giáo trình:

[1] Lê Hà Thanh & Nguyễn Diệu Hằng. Giáo trình Phân tích chi phí – lợi ích (*dự kiến xuất bản năm 2022*).

Tài liệu tham khảo

[2] ADB (2017), *Guidelines for the Economic Analysis of Projects*, Asian Development Bank, the Philippines.

[3] Boardman, A. E.; Greenberg D. H. ; Vining A. R.; Weimer D. L. (2014), *Cost – Benefit Analysis Concepts and Practice*. Pearson.

[4] Campbell, Harry F., Brown, Richard P. C. (2003), *Benefit-Cost Analysis: Financial and Economic Appraisal using Spreadsheets*. Cambridge University Press.

[5] European Union (2015). *Guide to Cost-Benefit Analysis of Investment Projects*. Directorate-General for Regional and Urban policy, Belgium.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT	Mức độ năng lực
----------	----------------	--------------	-----------------

[1]	[2]	[3]	[4]
G1	<i>Chuẩn kiến thức:</i> sinh viên hiểu được vai trò của hiệu quả kinh tế trong ra quyết định chính sách, có khả năng vận dụng công cụ phân tích chi phí – lợi ích trong đánh giá dự án, chương trình, chính sách cụ thể, đề xuất giải pháp sử dụng nguồn lực trong nhiều lĩnh vực khác nhau, đặc biệt là quản lý tài nguyên và môi trường.	PLO1.3.1	3/6
G2	<i>Chuẩn kỹ năng:</i> Sinh viên có khả năng làm chủ các kỹ thuật phân tích định tính và định lượng, sử dụng các mô hình toán học căn bản để phân tích, diễn giải dữ liệu về môi trường kinh tế - xã hội trong phân tích chi phí – lợi ích, có kỹ năng giao tiếp bằng văn bản; viết báo cáo và thuyết trình chuyên môn về kết quả phân tích. Sinh viên có kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng làm việc nhóm năng động và đa dạng.	PLO2.1.1 PLO2.1.4	3/5
G3	<i>Chuẩn năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm:</i> Sinh viên có khả năng tự nghiên cứu, học hỏi từ thực tiễn, tích lũy kinh nghiệm để thực hiện nhiệm vụ, đặc biệt trong việc lồng ghép các vấn đề tài nguyên - môi trường vào việc ra quyết định kinh tế	PLO3.1.1	3/5

6. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

Mã CDR	Mô tả CDR học phần	Liên kết với CDR của CTĐT	Mức độ năng lực (Bloom)
[1]	[2]	[3]	[4]
CLO.1	Chuẩn kiến thức		
G1	CLO.1.1	Hiểu được sự cần thiết của phân tích chi phí – lợi ích đối với các dự án, các chương trình, chính sách, vai trò của phương pháp trong việc ra quyết định.	PLO1.3.1 3/6
	CLO.1.2	Nắm vững cơ sở lý thuyết của phương pháp phân tích chi phí – lợi ích, cơ sở lý	PLO1.3.1 3/6

		thuyết và thực tiễn của các bước thực hiện trong phân tích chi phí – lợi ích		
	CLO.1.3	Bước đầu thực hiện được một phân tích chi phí – lợi ích đối với dự án đầu tư, chính sách ở quy mô phù hợp	PLO1.3.1	3/6
	CLO.2	Chuẩn kỹ năng		
G2	CLO.2.1	Áp dụng được các kỹ thuật phân tích định tính và định lượng, các công cụ lượng giá, công cụ bảng tính ứng dụng trong phân tích chi phí – lợi ích	PLO2.1.1	3/5
	CLO.2.2	Viết được báo cáo và thuyết trình được kết quả phân tích chi phí – lợi ích theo cách dễ người ra quyết định nắm được thông tin, góp phần giúp họ ra quyết định.	PLO2.1.4	3/5
	CLO.2.3	Biết cách tìm hiểu thông tin từ nhiều nguồn, phối hợp được với các chuyên gia trong các lĩnh vực liên quan, làm việc hiệu quả theo nhóm.	PLO2.1.4	3/5
	CLO.3	Chuẩn năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm		
G3	CLO.3.1	Học hỏi được từ thực tiễn, tích lũy kinh nghiệm trong thực hiện phương pháp phân tích chi phí – lợi ích	PLO3.1.1	3/5
	CLO.3.2.	Phối hợp được với các chuyên gia, các nhà quản lý trong các lĩnh vực khác, có khả năng làm việc nhóm	PLO3.1.1	3/5

7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Hình thức đánh giá	Nội dung/ Bài đánh giá	Thời điểm	CCLOs	Tiêu chí đánh giá*	Tỷ lệ (%)
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
Chuyên cần	Tham dự đầy đủ các buổi học (không nghỉ quá 20% tổng số giờ khóa học)	Tuần 1-15	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO2.1 CLO2.2	Nhật ký giảng dạy của giảng viên với các tiêu chí đánh giá (i) Mức độ tham gia (ii)	10%

				Mức độ tương tác; (iii) Chất lượng câu trả lời	
Đánh giá quá trình	Bài kiểm tra trắc nghiệm kết hợp tự luận	Tuần 7	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO2.1	Bài làm đảm bảo đúng yêu cầu đề ra của giảng viên	20%
	Bài tập nhóm: Thực hành một phân tích chi phí – lợi ích từ những dữ liệu cho trước	Tuần 14	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.2	Phiếu đánh giá với các tiêu chí: (i) Nội dung tính toán chính xác, giả định thuyết phục; (ii) Hình thức đẹp; (iii) Làm việc nhóm hiệu quả.	20%
Đánh giá cuối kỳ	Bài thi cuối kỳ	Lịch thi học phần	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO2.1 CLO2.2	Trắc nghiệm khách quan trên máy. Thời gian làm bài 60 phút/40 câu	50%

8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Tuần	Nội dung giảng dạy*	Tài liệu đọc**	CLOs	Hoạt động dạy và học***	Công cụ đánh giá****
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
i	Bài mở đầu: giới thiệu học phần, logic của học phần và vai trò, vị trí của học phần trong C1ĐT	1 2 3	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	Giới thiệu học phần Đặt ra yêu cầu học tập Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời

2	Chương 1	1		Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp	Mức độ tham gia
	1.1. Khái niệm CBA	3	CLO.1.1	Giảng viên giảng lý thuyết	Mức độ tương tác
	1.2. Vai trò của CBA	4	CLO.1.2		Chất lượng câu trả lời
			CLO.1.3	Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	
3	Chương 2	1		Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp	Mức độ tham gia
	2.1. Khái niệm hiện quả	3	CLO.1.1	Giảng viên giảng lý thuyết	Mức độ tương tác
	2.2. Lựa chọn công cộng		CLO.1.2 CLO.1.3	Sinh viên thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra.	Chất lượng câu trả lời
4	Chương 2	1		Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp	Mức độ tham gia
	2.3. Biến thiên đền bù và biến thiên tương đương	3	CLO.1.1	Giảng viên giảng lý thuyết	Mức độ tương tác
			CLO.1.2 CLO.1.3	Sinh viên thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra, làm bài tập.	Chất lượng câu trả lời
5	Chương 3	1		Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp	Mức độ tham gia
	3.1. Xác định các phương án	3	CLO.1.1	Giảng viên giảng lý thuyết	Mức độ tương tác
	3.2. Xác định chi phí và lợi ích	4	CLO.1.2		Chất lượng câu trả lời
		5	CLO.1.3 CLO.2.3	Sinh viên thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	
6	Chương 4	1		Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp	Mức độ tham gia
	4.1. Đánh giá chi phí – lợi ích khi thị trường hiệu quả	2			Mức độ tương tác
		3	CLO.1.1	Giảng viên giảng lý thuyết	
		5	CLO.1.2	Sinh viên thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra, làm bài tập.	Chất lượng câu trả lời
	- Đánh giá lợi ích		CLO.1.3		

7	Chương 4	1		Giảng viên giảng lý thuyết.	Mức độ tham gia
	4.1. Đánh giá chi phí – lợi ích khi thị trường hiệu quả (tiếp)	2			Mức độ tương tác
		3	CLO.1.1	Sinh viên thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra, làm bài tập.	Chất lượng câu trả lời
	- Đánh giá chi phí	5	CLO.1.2		
	Kiểm tra lần 1		CLO.1.3	Sinh viên làm bài kiểm tra trong 1 tiết	
8	Chương 4	1		Trả bài kiểm tra và giải đáp thắc mắc	Mức độ tham gia
	4.2. Đánh giá chi phí – lợi ích khi thị trường bị bóp méo	2			Mức độ tương tác
		3		Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp	Chất lượng câu trả lời
	4.2.1. Thuế và trợ cấp	4	CLO.1.1	Giảng viên giảng lý thuyết	
	4.2.2. Hàng hóa có khả năng ngoại thương và không có khả năng ngoại thương	5	CLO.1.2	Sinh viên thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra, làm bài tập.	
9	Chương 4	1		Trả bài kiểm tra và giải đáp thắc mắc	Mức độ tham gia
	4.2. Đánh giá chi phí – lợi ích khi thị trường bị bóp méo	2			Mức độ tương tác
		3		Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp	Chất lượng câu trả lời
	4.2.3. Tiền lương	4	CLO.1.1	Giảng viên giảng lý thuyết	
	4.2.4. Tỷ giá hối đoái	5	CLO.1.2	Sinh viên thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra, làm bài tập.	
9	Chương 5	1		Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp	Mức độ tham gia
	5.1. Phương pháp dựa vào thị trường	3	CLO.1.1	Giảng viên giảng lý thuyết	Mức độ tương tác
	5.2. Phương pháp dựa vào thị trường thay thế		CLO.1.3	Sinh viên thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Chất lượng câu trả lời
10	Chương 5	1	CLO.1.1	Sinh viên đọc bài trước	Mức độ

	5.3. Phương pháp dựa vào thị trường giả định 5.4. Phương pháp chuyển giao giá trị	3	CLO.1.2 CLO.1.3	khí tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Sinh viên thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
11	Chương 6 6.1. Khái niệm chiết khấu 6.2. Lựa chọn tỷ lệ chiết khấu	1 5	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Sinh viên thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra, làm bài tập.	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
12	Chương 6 6.3. Các tiêu chí đánh giá	1 2 3 4 5	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Sinh viên thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra, làm bài tập.	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
13	Chương 7 7.1 Phân tích độ nhạy	1 4 5	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Sinh viên thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra, làm bài tập.	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
14	Bài thực hành theo nhóm	1	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3 CLO.2.1 CLO.2.2 CLO.2.3	Sinh viên làm bài thực hành theo nhóm và báo cáo kết quả	Phiếu đánh giá với các tiêu chí : (i) Nội dung tính toán chính xác, giả định thuyết phục; (ii) Hình

					thức đẹp; (iii) Làm việc nhóm hiệu quả.
15	Chương 7 7.2. Phân tích rủi ro bằng xác suất Kết quả bài thực hành	1 4 5	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	Giảng viên giảng lý thuyết Sinh viên thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra Giảng viên trả bài thực hành nhóm và giải đáp thắc mắc.	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời

9. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN

9.1. Quy định về điều kiện thi kết thúc học phần

- Sinh viên được tham dự thi cuối kỳ/thi kết thúc học phần (50%) nếu có điểm chuyên cần (10%) đạt mức 5 điểm trở lên (thang 10).

9.2. Quy định về tham dự lớp học

- Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý. Mỗi buổi vắng mặt sẽ bị trừ 1 điểm đánh giá quá trình. Sinh viên vắng quá 3 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại.
- Sinh viên sẽ được cộng điểm cho mỗi lần phát biểu xây dựng bài, có thể bù đắp cho điểm quá trình, điểm kiểm tra và điểm bài tập nhóm.
- Sinh viên không nộp bài tập nhóm sẽ nhận điểm 0 (không) cho bài tập sau cùng. Nhóm sinh viên nộp bài trễ sẽ bị trừ 1 điểm cho mỗi ngày nộp muộn.

9.3. Quy định về hành vi lớp học

- Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.
- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 10 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.
- Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học; không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.
- Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

Hà Nội, ngày .. tháng .. năm 2021

TRƯỜNG BỘ MÔN

TRƯỜNG KHOA

HIỆU TRƯỞNG

Thành

Trường



TS. Nguyễn Công Thành

PGS. TS. Đinh Đức Trường

PGS. TS. Phạm Hồng Chương

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY

1. TÊN HỌC PHẦN

Tiếng Việt: **Quản lý môi trường đô thị và khu công nghiệp**

Tiếng Anh: **Environmental Management for Cities and Industrial Estates**

Mã học phần: **MTKT1157**

Số tín chỉ: **03**

- Tên học phần tiếng Việt: **Quản lý môi trường đô thị và khu công nghiệp**

- Tên học phần tiếng Anh: **Environmental Management for Cities and Industrial Estates**

- Mã học phần: **MTKT1157**

- Thuộc khối kiến thức: Kiến thức chuyên sâu

- Số tín chỉ: **03** (45 giờ tín chỉ; 50 phút/giờ)

- Số giờ lý thuyết: 30
- Số giờ thảo luận: thực hành: 15
- Số giờ tự học: 90

- Học phần tiên quyết: **Quản lý Tài nguyên và Môi trường**

2. THÔNG TIN BỘ MÔN QUẢN LÝ VÀ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY:

Bộ môn quản lý: **Kinh tế - Quản lý Tài nguyên và Môi trường**

Địa chỉ: **Phòng 1401, Nhà A1, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân**

Các giảng viên tham gia giảng dạy

1. **TS. Nguyễn Diệu Hằng**
2. **TS. Nguyễn Công Thành**
3. **TS. Ngô Thanh Mai**

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Đô thị hóa và công nghiệp hóa góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế. Tuy nhiên, quá trình đô thị hóa và bản thân các đô thị cũng như hoạt động sản xuất công nghiệp ở các khu công nghiệp cũng làm nảy sinh vấn đề môi trường, gây tác động

tiêu cực đến tự nhiên và con người. Trong bối cảnh đó, quản lý môi trường đô thị và khu công nghiệp trở thành một nhiệm vụ quan trọng và cấp bách không chỉ của nhà nước mà còn của toàn xã hội.

Môn học Quản lý môi trường đô thị và khu công nghiệp là học phần thuộc khối kiến thức chuyên sâu cho sinh viên ngành Quản lý tài nguyên và môi trường. Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản về đô thị và khu công nghiệp, các vấn đề môi trường đặc thù phát sinh. Cơ sở khoa học và giải pháp quản lý môi trường đô thị và khu công nghiệp cũng được giới thiệu, giúp người học có kiến thức, công cụ để có thể áp dụng trong thực tế một cách phù hợp.

4. TÀI LIỆU THAM KHẢO

Giáo trình:

[1] Lê Thanh Hải (2017), *Giáo trình Quản lý môi trường đô thị*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

[2]. Lê Thanh Hải (2016), *Giáo trình Quản lý môi trường công nghiệp*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

Tài liệu tham khảo

[3] ADB (2012), *Green Cities*, Asian Development Bank, the Philippines.

[4] UNEP (2001), *Environmental Management for Industrial Estates: Information and Training Resources*, United Nations Publication

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT	Mức độ năng lực
[1]	[2]	[3]	[4]
G1	Chuẩn kiến thức: sinh viên hiểu được các vấn đề, các khía cạnh trong quản lý môi trường đô thị và quản lý môi trường khu công nghiệp, các công cụ để quản lý môi trường đô thị và khu công nghiệp.	PLO1.3.2	3/6
G2	Chuẩn kỹ năng: Sinh viên có khả năng phát hiện vấn đề, xác định nguyên nhân, ứng dụng kiến thức được học để giải quyết vấn đề môi trường trong tình huống cụ thể trong bối cảnh đô thị và khu công nghiệp. Sinh viên có kỹ năng viết báo cáo,	PLO2.1.2 PLO2.1.3 PLO2.1.4	3/5

	thuyết trình chuyên môn liên quan đến nhiệm vụ được giao, kỹ năng làm việc độc lập và theo nhóm		
G3	Chuẩn năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm: Sinh viên có khả năng tự nghiên cứu, học hỏi từ thực tiễn, tích lũy kinh nghiệm để thực hiện nhiệm vụ.	PLO3.1.1	3/5

6. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

Mã CDR	Mô tả CDR học phần	Liên kết với CDR của CTĐT	Mức độ năng lực (Bloom)	
[1]	[2]	[3]	[4]	
CLO.1	Chuẩn kiến thức			
G1	CLO.1.1	Nắm vững khái niệm, đặc điểm đô thị và khu công nghiệp	PLO 1.3.2	3/6
	CLO.1.2	Nắm vững vấn đề môi trường truyền thống và đương đại và nguyên nhân của chúng ở đô thị và khu công nghiệp	PLO 1.3.2	3/6
	CLO.1.3	Nắm vững các công cụ quản lý và đề xuất được công cụ, kế hoạch thực hiện quản lý môi trường đô thị và khu công nghiệp	PLO 1.3.2	3/6
CLO.2	Chuẩn kỹ năng			
G2	CLO.2.1	Phân tích được hiện trạng, phát hiện vấn đề trong quản lý môi trường đô thị và khu công nghiệp	PLO 2.1.2	3/5
	CLO.2.2	Ứng dụng kiến thức được học để đề xuất kế hoạch giải quyết các vấn đề trong quản lý môi trường đô thị và khu công nghiệp.	PLO 2.1.3	3/5
	CLO.2.3	Giao tiếp được bằng văn bản và thuyết trình về nhiệm vụ được giao.	PLO 2.1.4	3/5
CLO.3	Chuẩn năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm			
G3	CLO.3.1	Học hỏi được từ thực tiễn, tích lũy kinh nghiệm để phát triển nghề nghiệp	PLO 3.1.1	3/5

	CLO.3.2.	Phối hợp được với các chuyên gia, các nhà quản lý trong các lĩnh vực khác, có khả năng làm việc nhóm	PLO 3.1.1	3/5
--	----------	--	--------------	-----

7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Hình thức đánh giá	Nội dung/ Bài đánh giá	Thời điểm	CCLOs	Tiêu chí đánh giá*	Tỷ lệ (%)
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
Chuyên cần	Tham dự đầy đủ các buổi học (không nghỉ quá 20% tổng số giờ khóa học)	Tuần 1-15	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO2.1 CLO2.2	Nhật ký giảng dạy của giảng viên với các tiêu chí đánh giá (i) Mức độ tham gia (ii) Mức độ tương tác; (iii) Chất lượng câu trả lời	10%
Đánh giá quá trình	Bài kiểm tra tự luận	Tuần 7	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3	Bài làm đảm bảo đúng yêu cầu đề ra của giảng viên	20%
	Bài tập nhóm: Phân tích một vấn đề môi trường cụ thể ở một địa bàn/ngành cụ thể	Tuần 8,9,10, 13,14	CLO1.3 CLO2.1 CLO2.2 CLO2.3 CLO3.2	Phiếu đánh giá với các tiêu chí: (i) Nội dung; (ii) Hình thức đẹp; (iii) Trình bày hấp dẫn, thuyết phục; (iv) Mức độ hợp tác trong trả lời câu hỏi; (v) Thời gian trình bày	20%
Đánh giá cuối kỳ	Bài thi cuối kỳ	Lịch thi học phần	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO2.1	Bài làm đáp ứng được yêu cầu của đề thi	50%

			CLO2.2		
--	--	--	--------	--	--

8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Tuần	Nội dung giảng dạy*	Tài liệu đọc**	CLOs	Hoạt động dạy và học***	Công cụ đánh giá****
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
1	Bài mở đầu: giới thiệu học phần, logic của học phần và vai trò, vị trí của học phần trong CTĐT	1 2	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	Giới thiệu học phần Đặt ra yêu cầu học tập Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
2	Phần 1 1.1. Tổng quan về đô thị và khu công nghiệp 1.2. Các vấn đề môi trường của đô thị	1 2	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
3	Phần 1 1.3. Các vấn đề môi trường của khu công nghiệp	2	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Sinh viên thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra.	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời

4	Phần 2 2.1. Quản lý chất thải rắn 2.2. Quản lý nước thải đô thị	1 3	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Sinh viên thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra, làm bài tập.	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
5	Phần 2 2.3. Quản lý ô nhiễm không khí đô thị 2.4. Quản lý khí nhà kính đô thị	1 3	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3 CLO.2.3	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Sinh viên thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
6	Phần 2 2.5. Quản lý chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy ở đô thị 2.6. Quản lý sự cố môi trường đô thị	1 3	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	Giảng viên giảng lý thuyết. Sinh viên thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra.	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
7	Kiểm tra lần 1 Phần 3: 3.1. Các chủ thể quản lý môi trường khu công nghiệp	2 4	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	Sinh viên làm bài kiểm tra trong 1 tiết Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Sinh viên thảo luận các tình huống và câu	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời

				hỏi giảng viên đặt ra.	
8	Trình bày bài tập nhóm: Lựa chọn một trong 6 vấn đề môi trường đô thị đã học ở một đô thị ở Việt Nam để phân tích và đề xuất giải pháp giải quyết	1 3	CLO1.3 CLO2.1 CLO2.2 CLO2.3 CLO3.2	Nhóm sinh viên báo cáo và trả lời câu hỏi Giảng viên và các thành viên trong lớp đặt câu hỏi, nhận xét	Phiếu đánh giá với các tiêu chí: (i) Nội dung; (ii) Hình thức đẹp; (iii) Trình bày hấp dẫn, thuyết phục; (iv) Mức độ hợp tác trong trả lời câu hỏi; (v) Thời gian trình bày
9	Trình bày bài tập nhóm: Lựa chọn một trong 6 vấn đề môi trường đô thị đã học ở một đô thị ở Việt Nam để phân tích và đề xuất giải pháp giải quyết	2 4	CLO1.3 CLO2.1 CLO2.2 CLO2.3 CLO3.2	Nhóm sinh viên báo cáo và trả lời câu hỏi Giảng viên và các thành viên trong lớp đặt câu hỏi, nhận xét	Phiếu đánh giá với các tiêu chí: (i) Nội dung; (ii) Hình thức đẹp; (iii) Trình bày hấp dẫn, thuyết phục; (iv) Mức độ hợp tác trong trả lời câu hỏi; (v) Thời gian trình bày
10	Trình bày bài tập nhóm: Lựa chọn một trong 6 vấn đề môi trường đô thị đã học ở một đô thị ở Việt Nam để phân tích và đề xuất giải pháp giải quyết	2 4	CLO1.3 CLO2.1 CLO2.2 CLO2.3 CLO3.2	Nhóm sinh viên báo cáo và trả lời câu hỏi Giảng viên và các thành viên trong lớp đặt câu hỏi, nhận xét	Phiếu đánh giá với các tiêu chí: (i) Nội dung; (ii) Hình thức đẹp; (iii) Trình bày hấp dẫn, thuyết phục; (iv) Mức độ hợp tác trong trả lời câu hỏi; (v) Thời gian trình bày
11	Phần 3 3.2. Thiết kế vì môi trường	2 4	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu

	3.3. Hiệu quả năng lượng và sản xuất sạch hơn			Sinh viên thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	trả lời
12	Phần 3 3.3. Phát triển khu công nghiệp sinh thái	2 4	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Sinh viên thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
13	Trình bày bài tập nhóm: Lựa chọn một trong 3 công cụ quản lý môi trường khu công nghiệp cho một khu công nghiệp để phân tích và đề xuất giải pháp giải quyết	2 4	CLO1.3 CLO2.1 CLO2.2 CLO2.3 CLO3.2	Nhóm sinh viên báo cáo và trả lời câu hỏi Giảng viên và các thành viên trong lớp đặt câu hỏi, nhận xét	Phiếu đánh giá với các tiêu chí : (i) Nội dung; (ii) Hình thức đẹp; (iii) Trình bày hấp dẫn, thuyết phục; (iv) Mức độ hợp tác trong trả lời câu hỏi; (v) Thời gian trình bày
14	Trình bày bài tập nhóm: Lựa chọn một trong 3 công cụ quản lý môi trường khu công nghiệp cho một khu công nghiệp để phân tích và đề xuất giải pháp giải quyết	2 4	CLO1.3 CLO2.1 CLO2.2 CLO2.3 CLO3.2	Nhóm sinh viên báo cáo và trả lời câu hỏi Giảng viên và các thành viên trong lớp đặt câu hỏi, nhận xét	Phiếu đánh giá với các tiêu chí : (i) Nội dung; (ii) Hình thức đẹp; (iii) Trình bày hấp dẫn, thuyết phục; (iv) Mức độ hợp tác trong trả lời câu hỏi; (v) Thời gian trình bày
15	Phần 3 3.4. Chính sách quản lý môi	2 4	CLO.1.1 CLO.1.2	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp	Mức độ tham gia Mức độ tương

	trường đô thị khu công nghiệp		CLO.1.3	Giảng viên giảng lý thuyết Sinh viên thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra.	tác Chất lượng câu trả lời
--	-------------------------------	--	---------	---	-------------------------------

9. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN

9.1. Quy định về điều kiện thi kết thúc học phần

- Sinh viên được tham dự thi cuối kỳ/thi kết thúc học phần (50%) nếu có điểm chuyên cần (10%) đạt mức 5 điểm trở lên (thang 10).

9.2. Quy định về tham dự lớp học

- Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý. Mỗi buổi vắng mặt sẽ bị trừ 1 điểm đánh giá quá trình. Sinh viên vắng quá 3 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại.
- Sinh viên sẽ được cộng điểm cho mỗi lần phát biểu xây dựng bài, có thể bù đắp cho điểm quá trình, điểm kiểm tra và điểm bài tập nhóm.
- Sinh viên không nộp bài tập nhóm sẽ nhận điểm 0 (không) cho bài tập sau cùng. Nhóm sinh viên nộp bài trễ sẽ bị trừ 1 điểm cho mỗi ngày nộp muộn.

9.3. Quy định về hành vi lớp học

- Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.
- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 10 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.
- Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học; không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.
- Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

Hà Nội, ngày .. tháng ... năm 2021

TRƯỞNG BỘ MÔN

TRƯỞNG KHOA

HIỆU TRƯỞNG

Thấn

Trương



TS. Nguyễn Công Thành

PGS. TS. Đinh Đức Trường

PGS. TS. Phạm Hồng Chương



ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT

(Ban hành kèm theo quyết định số QĐ/ĐHKTD, ngày tháng năm 2021)

1. THÔNG TIN TỔNG QUÁT (GENERAL INFORMATION)

- Tên học phần (tiếng Việt):	Đánh giá tác động môi trường
- Tên học phần (tiếng Anh)	Environmental Impact Assessment
- Mã số học phần	MTKT1151
- Thuộc khối kiến thức	Ngành
- Số tín chỉ	3TC
+ Số tiết lý thuyết	27
+ Số tiết thảo luận/thực hành	18
+ Số tiết tự học	90
- Các học phần tiên quyết	Cơ sở khoa học môi trường

2. THÔNG TIN BỘ MÔN QUẢN LÝ VÀ GIÁNG VIÊN GIÁNG DẠY

Bộ môn quản lý: Kinh tế - Quản lý Tài nguyên và Môi trường

Địa chỉ: Phòng 1401 Nhà A1, Trường ĐH Kinh tế Quốc dân

Giảng viên (liệt kê GV tham gia giảng dạy):

PGS.TS. Lê Hà Thanh SĐT: 0904 852 604 Email: thanhhh@neu.edu.vn

PGS.TS Lê Thu Hoa SĐT: 0913 043 585 Email: hoalt@neu.edu.vn

....

...

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN (COURSE DESCRIPTIONS)

Đánh giá tác động môi trường là môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc cho sinh viên ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường và thuộc khối kiến thức lựa chọn cho các ngành/chuyên ngành có liên quan. Đánh giá tác động môi trường (bao gồm Đánh giá tác động môi trường - ĐTM và đánh giá môi trường chiến lược – ĐMC) đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững. Môn học trang bị cho học viên công cụ và phương pháp để phân tích, đánh giá tác động của các chiến lược, các dự án/hoạt động phát triển đến môi trường, theo dõi, tiên lượng diễn biến của môi trường khi tiến hành các chính sách phát triển và dự án, đồng thời đề ra các giải pháp để ngăn ngừa/giảm thiểu các tác động môi trường. Đây là quá trình đánh giá mang tính hệ thống, có tính chiến lược về các tác động đến tài nguyên và môi trường của các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội. Đánh giá tác động môi trường là bộ môn khoa học liên ngành mang tính thực tiễn cao, đóng góp thiết thực vào sự nghiệp bảo vệ môi trường của mỗi quốc gia nói riêng và toàn thế giới nói chung.

4. TÀI LIỆU THAM KHẢO (LEARNING RESOURCES: COURSE BOOKS, REFERENCE BOOKS, AND SOFTWARES)

Giáo trình:

Hoàng Xuân Cơ, Phạm Ngọc Hồ (2008), *Giáo trình Đánh giá Tác động Môi trường*. Nhà xuất bản Đại học quốc gia Hà Nội.

Tài liệu khác

Phạm Ngọc Đăng (2010) (Chủ biên), *Đánh giá Môi trường Chiến lược: Phương pháp luận và thực nghiệm ở Việt Nam*. Nhà xuất bản Xây dựng, Hà Nội.

Nguyễn Khắc Kinh (2008), *Đánh giá Môi trường Chiến lược ở Việt Nam*, Chương trình SEMLA.

Trần Văn Ý và tập thể tác giả (2006), *Đánh giá tác động môi trường các dự án phát triển*, NXB Thống Kê.

John Glasson, Riki Thérivel and Andrew Chadwick (2005), *Introduction to Environmental Impacts Assessment*, Third edition, Routledge.

Lê Thục Cán và tập thể tác giả (1994), *Đánh giá tác động môi trường: Phương pháp luận và kinh nghiệm thực tiễn*, NXB Khoa học kỹ thuật, Hà Nội.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN (COURSE GOALS)

Bảng 5.1. Mục tiêu học phần

TT	Mô tả mục tiêu học phần	PLO	Mức độ
[1]	[2]	[3]	[4]

G1	Trang bị cho học viên công cụ và phương pháp để phân tích, đánh giá tác động của các chiến lược, các dự án/hoạt động phát triển đến môi trường, theo dõi, tiên lượng diễn biến của môi trường khi tiến hành các chính sách phát triển và dự án, đồng thời đề ra các giải pháp để ngăn ngừa/giảm thiểu các tác động môi trường.	1.2.1 1.3.1 1.3.2	3
G2	Sinh viên có kỹ năng, vận dụng được kiến thức để tìm kiếm thông tin, làm việc trong môi trường độc lập và bước đầu vận dụng những kiến thức đó để xây dựng báo cáo ĐTM và ĐMC	2.1.2 2.1.3 2.1.4	4
G3	Có khả năng tự học tập, nghiên cứu bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn; Có ý thức tổ chức kỷ luật; năng động, nhiệt huyết và có tinh thần hợp tác và trách nhiệm với công việc. Tạo điều kiện cho sinh viên thực hành kỹ năng làm việc nhóm trong thực hiện bài tập nhóm, viết báo cáo và trình bày kết quả nghiên cứu.	3.1.1 3.2.1	3

6. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN (COURSE LEARNING OUTCOMES)

Bảng 6.1. Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Mục tiêu HP	CLOs	Mô tả CLOs	Mức độ đạt được
[1]	[2]	[3]	[4]
G1	CLO1.1	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nhận diện, phân tích, đánh giá những tác động vật lý của các chính sách, chương trình, dự án, hoạt động phát triển đến môi trường và cách thức giảm thiểu và xử lý các tác động tiêu cực phát sinh	3
	CLO1.2	Giúp cho người học hiểu về bản chất và phương pháp luận về ĐTM, ĐMC và lồng ghép kết quả ĐTM, ĐMC trong quá trình ra quyết định	3
G2	CLO2.1	Nắm vững được quy trình thực hiện ĐTM, ĐMC từ đánh giá tác động, thu thập dữ liệu, phân tích và xử lý dữ liệu, trình bày và báo cáo kết quả đánh giá	4
	CLO2.2	Vận dụng các kiến thức về lý thuyết, nguyên lý, mô hình cơ bản vào việc phân tích, đánh giá và lập báo cáo ĐTM, ĐMC dạng đơn giản.	3
G3	CLO3.1	Có khả năng tự học tập, tự tìm hiểu tài liệu để hoàn thành các bài học và bài tập được giao.	3
	CLO3.2	Thực hành kỹ năng làm việc nhóm trong thực hiện bài tập nhóm, thu thập và phân tích dữ liệu, viết báo cáo và trình bày kết quả nghiên cứu.	3

7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN (COURSE ASSESSMENT)

Bảng 7.1. Đánh giá học phần

Hình thức đánh giá	Nội dung/ Bài đánh giá	Thời điểm	CLOs	Công cụ và Tiêu chí đánh giá*	Tỷ lệ (%)
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
Chuyên cần	Thái độ học tập trên lớp Trả lời câu hỏi trên lớp Trả lời các câu hỏi thảo luận	Tuần 1-15	CLO1.1 CLO1.2 CLO2.1 CLO2.2	Nhật ký giảng dạy của giảng viên với các tiêu chí đánh giá (i) Mức độ tham gia (ii) Mức độ tương tác; (iii) Chất lượng câu trả lời	10%
Đánh giá quá trình (Bài tập nhóm)	Giao bài tập nhóm	Tuần 6	CLO2.1	Hình thành các nhóm; Xác định rõ mục tiêu, yêu cầu của bài tập, sản phẩm nộp; Hình dung được công cụ thu thập thông tin.	40%
	Thực hành và trình bày nhóm: Báo cáo kết quả nghiên cứu	Tuần 11-15	CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1 CLO3.2	Phiếu đánh giá với các tiêu chí : (i) Nội dung; (ii) Hình thức (iii) Trình bày; (iv) Khả năng làm chủ kiến thức; (v) Thời gian trình bày	
Đánh giá cuối kỳ	Bài thi cuối kỳ	Lịch thi học phần	CLO1.1 CLO1.2 CLO2.1 CLO2.2	Theo yêu cầu của bài thi tự luận. Thời gian làm bài 90 phút	50%

8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (LESSON PLAN)

Bảng 8.1. Kế hoạch giảng dạy

Tuần	Nội dung giảng dạy*	Tài liệu đọc**	CLOs	Hoạt động dạy và học***	Công cụ và tiêu chí đánh giá****
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
1	Làm quen, giới thiệu học phần, logic của học phần và vai trò, vị trí của học phần trong CTĐT	<p>Đề cương học phần</p> <p>Giáo trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Đánh giá Tác động Môi trường</i>, NXB Đại học quốc gia Hà Nội, 2008, Chương 1. - <i>Đánh giá Môi trường Chiến lược: Phương pháp luận và thử nghiệm ở Việt Nam</i>, NXB Xây dựng, 2010, Chương 1. 	CLO1.1 CLO1.2	<p>Giới thiệu học phần.</p> <p>Đặt ra yêu cầu học tập</p> <p>Hướng dẫn đọc tài liệu</p> <p>Hướng dẫn tìm tài liệu</p> <p>Thảo luận các tình huống và câu hỏi do giảng viên đặt ra</p>	<p>Mức độ tham gia.</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời</p>

2	Chương 1: Những khái niệm cơ bản về ĐTM 1.1. Môi trường và phát triển 1.2. ĐTM và kế hoạch phát triển 1.3. ĐTM và chu trình dự án 1.4. Kết cấu nội dung của báo cáo ĐTM 1.5. Những rào cản trong việc áp dụng ĐTM ở các nước đang phát triển và Việt Nam	Giáo trình <i>Đánh giá Tác động Môi trường</i> , NXB Đại học quốc gia Hà Nội, 2008, Chương 1.	CLO1.1 CLO1.2	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi do giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
3	Chương 2: Các quy định và trình tự thực hiện ĐTM 2.1. Các qui định chung về ĐTM 2.2. Các bước tiến hành ĐTM 2.3. Vai trò và trách nhiệm của các đối tượng liên quan trong ĐTM 2.4. Yêu cầu về tài chính đối với ĐTM 2.5. Yêu cầu về nguồn lực đối với ĐTM	Giáo trình <i>Đánh giá Tác động Môi trường</i> , NXB Đại học quốc gia Hà Nội, 2008, Chương 2	CLO1.1 CLO1.2 CLO2.1	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi do giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
4-5	Chương 3: Các phương pháp/kỹ thuật sử dụng trong ĐTM 3.1. Tổng quan về các phương pháp/kỹ thuật sử dụng trong ĐTM 3.2. Phương pháp liệt kê 3.3. Phương pháp danh mục các điều kiện môi trường 3.4. Phương pháp ma trận môi trường 3.5. Phương pháp mô hình 3.6. Phương pháp sơ đồ mạng lưới 3.7. Phương pháp chấp bản đồ 3.8. Phương pháp phân tích chi phí lợi ích	Giáo trình <i>Đánh giá Tác động Môi trường</i> , NXB Đại học quốc gia Hà Nội, 2008, Chương 3,4	CLO1.1 CLO1.2 CLO2.1	Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống và câu hỏi do giảng viên đặt ra	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng câu trả lời
6-7	Chương 4: Thực hành đánh giá tác động	Giáo trình:	CLO2.1	Giảng viên giảng lý	Mức độ tham gia

	<p>môi trường/đánh giá môi trường chiến lược</p> <p>4.1. Giới thiệu một số công trình ĐTM, ĐMC</p> <p>4.2. Các yêu cầu về thực hiện ĐTM, ĐMC</p>	<p>- <i>Đánh giá Tác động Môi trường</i>, NXB Đại học quốc gia Hà Nội, 2008</p> <p>- <i>Đánh giá Môi trường Chiến lược: Phương pháp luận và thử nghiệm ở Việt Nam</i>, NXB Xây dựng, 2010</p>	<p>CLO2.2</p> <p>CLO3.1</p> <p>CLO3.2</p>	<p>thuyết</p> <p>Phân nhóm sinh viên</p> <p>Hướng dẫn làm việc nhóm</p> <p>Giao bài tập</p> <p>Hướng dẫn thực hiện bài tập</p>	<p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời</p>
8	<p>Chương 5: Tổng quan về đánh giá môi trường chiến lược</p> <p>5.1. Khái niệm, nội dung và mục tiêu ĐMC</p> <p>5.2. Lợi ích và chi phí của ĐMC</p> <p>5.3. Vai trò của ĐMC trong quá trình đánh giá tính bền vững</p> <p>5.4. Các nguyên tắc áp dụng ĐMC</p> <p>5.5. Những nguyên tắc chính để quản lý ĐMC</p> <p>5.7. Luật pháp, quy định và hướng dẫn thực hiện ĐMC ở Việt Nam</p>	<p>Giáo trình <i>Đánh giá Môi trường Chiến lược: Phương pháp luận và thử nghiệm ở Việt Nam</i>, NXB Xây dựng, 2010, Chương 1, 2, 3</p>			<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời</p>
9	<p>Chương 6: Các cách tiếp cận và quy trình thực hiện ĐMC</p> <p>6.1. Tiếp cận phân tích các xu hướng biến môi trường</p> <p>6.2. Quy trình thực hiện ĐMC</p> <p>6.3. Huy động các bên liên quan vào quá trình ĐMC</p>	<p>Giáo trình <i>Đánh giá Môi trường Chiến lược: Phương pháp luận và thử nghiệm ở Việt Nam</i>, NXB Xây dựng, 2010, Chương 4</p>			<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời</p>

10-11	<p>Chương 7: Các phương pháp/công cụ thực hiện đánh giá môi trường chiến lược</p> <p>7.1. Tổng quan các phương pháp thực hiện ĐMC</p> <p>7.2. Các phương pháp thông dụng và phổ biến</p> <p>7.3. Các phương pháp ít thông dụng hơn</p> <p>7.4. Nguyên tắc lựa chọn các phương pháp ĐMC</p>	<p>Giáo trình <i>Đánh giá Môi trường Chiến lược: Phương pháp luận và thử nghiệm ở Việt Nam</i>, NXB Xây dựng, 2010, Chương 5</p>			<p>Mức độ tham gia</p> <p>Mức độ tương tác</p> <p>Chất lượng câu trả lời</p>
12-15	<p>Thực hành và trình bày bài tập nhóm</p>		<p>CLO2.1</p> <p>CLO2.2</p> <p>CLO3.1</p> <p>CLO3.2</p>	<p>Nhóm sinh viên thực hành lập báo cáo ĐTM</p> <p>Nhóm sinh viên báo cáo và trả lời câu hỏi</p> <p>Giảng viên và các thành viên trong lớp đặt câu hỏi, nhận xét</p> <p>Nhóm sinh viên nộp báo cáo</p> <p>Giảng viên đánh giá</p>	<p>Phiếu đánh giá với các tiêu chí : (i) Nội dung; (ii) Hình thức (iii) Trình bày; (iv) Khả năng làm chủ kiến thức; (v) Thời gian trình bày</p>
-	<p>Bài thi cuối kỳ</p>		<p>CLO1.1</p> <p>CLO2.1</p>	<p>Sinh viên làm bài thi theo lịch</p>	<p>Theo yêu cầu bài thi</p>

9. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN (COURSE REQUIREMENTS AND EXPECTATION)

9.1. Quy định về điều kiện thi kết thúc học phần

- Sinh viên được tham dự thi cuối kỳ/thi kết thúc học phần (50%) nếu có điểm chuyên cần (10%) đạt mức 5 điểm trở lên (thang 10).

9.2. Quy định về tham dự lớp học

- Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Số tiết vắng mặt vượt quá 20% tổng số tiết của học phần (vì bất kể lý do gì) thì sinh viên được đánh giá là không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại.
- Sinh viên phải đến lớp đúng giờ. Một buổi vắng mặt sẽ tính khi: (i) 3 buổi đi muộn; hoặc (ii) rời lớp trước khi buổi học kết thúc.
- Sinh viên không tham dự bài tập nhóm sẽ nhận điểm 0 (không) cho bài kiểm tra giữa kỳ.

9.3. Quy định về hành vi lớp học

- Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.
- Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.
- Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

Trưởng Bộ môn

Thành

TS. Nguyễn Công Thành

Trưởng khoa

Đức Trường

PGS.TS. Đinh Đức Trường

Xác nhận của Trường

Hiện trường



PGS.TS. Phạm Hồng Chương

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT

(Ban hành kèm theo quyết định số QĐ/ĐHKTQĐ, ngày tháng năm 2021)

1. THÔNG TIN TỔNG QUÁT (GENERAL INFORMATION)

- Tên học phần (tiếng Việt): Khóa luận tốt nghiệp

- Tên học phần (tiếng Anh): Graduation Thesis

- Mã số học phần: MTDY1128

- Thuộc khối kiến thức

- Số tín chỉ: 10 tín chỉ

+ Số giờ lý thuyết

+ Số giờ thảo luận/thực hành

+ Số giờ tự học

- Các học phần tiên quyết: Tích lũy được ít nhất 75% số tín chỉ của CTĐT

2. THÔNG TIN BỘ MÔN QUẢN LÝ VÀ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY

Bộ môn quản lý: Kinh tế và Quản lý Đô thị

Địa chỉ: Phòng 1401 Nhà A1, Trường ĐH Kinh tế Quốc dân

Giảng viên tham gia giảng dạy:

TT	Họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Kim Hoàng	0946631024	hoangnk@neu.edu.vn
2	TS. Nguyễn Thị Thanh Huyền	0912078833	huyennt@neu.edu.vn
3	TS. Bùi Thị Hoàng Lan	0936125066	lanbh@neu.edu.vn
4	TS Dương Đức Tâm	0967836789	tamdd@neu.edu.vn

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN (COURSE DESCRIPTIONS)

Khóa luận tốt nghiệp là một học phần đặc biệt, bắt buộc của chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế và quản lý đô thị. Thông qua thực tập, giúp sinh viên có điều kiện tiếp cận thực tế, vận dụng những kiến thức đã được trang bị trong nhà trường vào thực tiễn, trên cơ sở đó, củng cố kiến thức đã được học; đi sâu tìm hiểu lĩnh vực Kinh tế và quản lý đô thị ở các cấp độ khác nhau; từ đó phân tích, đánh giá các hoạt động thực tế, đề xuất phương hướng và các giải pháp giải quyết các tồn tại của thực tế.

Sinh viên phải thực hiện đúng thời gian thực tập, tham gia đầy đủ các hoạt động của đợt thực tập. Kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ thực tập, viết báo cáo tổng hợp/ Khóa luận tốt nghiệp với việc hoàn thành những nhiệm vụ do cơ quan thực tập yêu cầu.

4. TÀI LIỆU THAM KHẢO (LEARNING RESOURCES: COURSE BOOKS, REFERENCE BOOKS, AND SOFTWARES)

Giáo trình

1. Nguyễn Đình Hương và Nguyễn Hữu Đoàn (2002), *Giáo trình Kinh tế đô thị*, Nhà xuất bản Giáo dục
2. Nguyễn Đình Hương, Nguyễn Hữu Đoàn (2003), *Quản lý đô thị*, NXB Giáo dục

Tài liệu khác

3. Nguyễn Kim Hoàng (2019), *Bài giảng Quản lý dự án đô thị*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân.
4. Nguyễn Hữu Đoàn (2019), *Bài giảng đô thị hóa và phát triển*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN (COURSE GOALS)

Bảng 5.1. Mục tiêu học phần

TT	Mô tả mục tiêu học phần	CDR (PLO) của CTĐT**	Mức độ***
[1]	[2]	[3]	[4]
G1	Sinh viên nhận biết và hiểu được các kiến thức cơ bản về cách lập và viết báo cáo. Mục tiêu của học phần bảo đảm tính khoa học, liên thông và hiện đại hoá kiến thức liên ngành.	PLO1.1.2 PLO1.2.2 PLO1.2.3	4
G2	Sinh viên có kỹ năng vận dụng được kiến thức chuyên ngành để thực hiện các chức năng phát triển kỹ năng lập luận, phân tích các vấn đề cơ bản về kinh tế và quản lý đô thị. Làm việc độc lập và tự chịu trách nhiệm.	PLO2.1.1	4
G3	- Có ý thức tổ chức kỷ luật; năng động, nhiệt huyết và có tinh thần hợp tác và trách nhiệm với công việc. - Có khả năng tự học tập, tích lũy kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn.	PLO3.1.1	4

6. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN (COURSE LEARNING OUTCOMES)

Bảng 6.1. Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Mục tiêu HP	CLOs	Mô tả CLOs*	Mức độ đạt được**
[1]	[2]	[3]	[4]
G1	CLO1.1	Cung cấp cho người học các nội dung cơ bản về kinh tế và quản lý đô thị	4
	CLO1.2	Giúp cho người học hiểu về nguyên tắc lập và viết báo cáo, phân tích cơ bản về kinh tế và quản lý đô thị	4
	CLO1.3	Vận dụng các lý thuyết chuyên ngành vào việc phân tích, đánh giá và giải thích các vấn đề trong kinh tế và quản lý đô thị.	4
G2	CLO2.1	Có kỹ năng tìm kiếm tài liệu, phân tích, tổng hợp, khái quát các vấn đề trong kinh tế và quản lý đô thị.	4
	CLO2.2	Có khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc theo nhóm để giải quyết các nội dung được phân công.	4
G3	CLO3.1	Có khả năng tự học tập, tích lũy kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn.	4
	CLO3.2	Có khả năng đưa ra các kết luận, giải pháp về các vấn đề nảy sinh trong kinh tế và quản lý đô thị.	4

7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN (COURSE ASSESSMENT)

Bảng 7.1. Đánh giá học phần

Hình thức đánh giá	Nội dung/ Bài đánh giá	Thời điểm	CLOs	Công cụ và tiêu chí đánh giá*	Tỷ lệ (%)
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
Đánh giá quá trình	Báo cáo thực tập tổng hợp	Tuần 6	CLO1- CLO4	Phiếu đánh giá với các tiêu chí: (i) Nội dung; (ii) Hình thức; (iii) Thời gian nộp bài. GVHD chấm	50%
	Báo cáo Thực tập chuyên đề	Tuần 15	CLO1- CLO4		
Đánh giá cuối kỳ	Báo cáo Thực tập chuyên đề	Tuần 15	CLO1- CLO4	Phiếu đánh giá với các tiêu chí: (i) Nội dung; (ii) Hình thức; (iii) Thời gian nộp bài. Hội đồng chấm (điểm trung bình của 3 giảng viên)	50%

8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (LESSON PLAN)

Bảng 8.1. Kế hoạch giảng dạy

Tuần	Nội dung giảng dạy*	Tài liệu đọc**	CLOs	Hoạt động dạy và học***	Công cụ đánh giá****
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
1	Khóa luận tốt nghiệp	1 2 3 4	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	Giới thiệu học phần Đặt ra yêu cầu học tập Giảng viên giảng lý thuyết Thảo luận các tình huống	Mức độ tham gia Mức độ tương tác
2-4	Khóa luận tốt nghiệp	1 2 3 4	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	Sinh viên thu thập số liệu, tài liệu, viết báo cáo thực tập tổng hợp, lựa chọn và đăng ký đề tài. Giảng viên góp ý và giải đáp thắc mắc.	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng đề cương
5	Khóa luận tốt nghiệp	1 2 3 4	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	Sinh viên viết đề cương chi tiết chuyên đề. Giảng viên duyệt tên đề tài, đề cương sơ bộ và đề cương chi tiết đề tài, góp ý và giải đáp thắc mắc.	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng báo cáo tổng hợp
6-12	Khóa luận tốt nghiệp	1 2 3 4	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	Sinh viên viết bản thảo chuyên đề. Giảng viên trả lại bản thảo chuyên đề đã chỉnh sửa, góp ý và giải đáp thắc mắc.	
13	Khóa luận tốt nghiệp	1 2 3 4	CLO.1.1 CLO.1.2 CLO.1.3	Sinh viên hoàn thiện và nộp chuyên đề tốt nghiệp. Giảng viên kiểm tra và phê duyệt tính liêm chính trong học thuật	Mức độ tham gia Mức độ tương tác Chất lượng chuyên đề

** 1. Nguyễn Đình Hương và Nguyễn Hữu Đoàn (2002), *Giáo trình Kinh tế đô thị*, Nhà xuất bản Giáo dục

2. Nguyễn Đình Hương, Nguyễn Hữu Đoàn (2003), *Quản lý đô thị*, NXB Giáo dục



3. Nguyễn Kim Hoàng (2019), *Bài giảng Quản lý dự án đô thị*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân.
4. Nguyễn Hữu Đoàn (2019), *Bài giảng đô thị hóa và phát triển*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân

9. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN (COURSE REQUIREMENTS AND EXPECTATION)

9.1. Quy định về điều kiện viết chuyên đề tốt nghiệp

“Báo cáo thực tập tổng hợp” phải đạt từ 5 điểm trở lên, sinh viên mới được viết “Chuyên đề thực tập tốt nghiệp”

9.2. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên thuộc một trong các trường hợp sau phải nhận điểm 0, phải đăng ký thực tập lại và nộp học phí theo quy định của Trường:

- Không đến cơ sở thực tập hoặc không gặp giảng viên hướng dẫn và thực hiện Nhật ký thực tập;
- Không viết đề cương sơ bộ, đề cương chi tiết, bản thảo “Chuyên đề thực tập tốt nghiệp” theo hướng dẫn của giảng viên;
- “Chuyên đề thực tập tốt nghiệp” có tỷ lệ sao chép vượt quy định của Trường.
- Nộp “Báo cáo thực tập tổng hợp” và “Chuyên đề thực tập tốt nghiệp” chậm so với thời gian quy định của đơn vị đào tạo.

Nếu có lý do chính đáng, sinh viên được kéo dài tối đa 8 tuần kể từ khi kết thúc đợt thực tập theo kế hoạch, sau khi có sự đồng ý của giảng viên hướng dẫn và Trường đơn vị đào tạo và cần báo cáo Trường (qua phòng Quản lý đào tạo).

9.3. Quy định về hành vi lớp học

- Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm
- Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.
- Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

TRƯỞNG BỘ MÔN

Hoàng

TS NGUYỄN KIM HOÀNG

TRƯỞNG KHOA

Trương

PGS.TS ĐÌNH ĐỨC TRƯỜNG

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS PHẠM HỒNG CHƯƠNG